CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 356/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về Dự án Luật Giá (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội khóa XV; Chính phủ đã triển khai xây dựng Dự án Luật giá (sửa đổi) và xin trình Quốc hội như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Đánh giá thực tiễn thi hành

a) Kết quả đạt được

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 thay thế Pháp lệnh Giá năm 2002 đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự kinh tế; Qua đó, tạo khung pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý, điều hành giá được thực hiện nhất quán theo cơ chế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Sau 9 năm thực hiện, Luật giá đã đi vào cuộc sống, đạt được nhiều kết quả tích cực như:

- *Một là,* Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc triển khai thực hiện cơ chế giá thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước. Công tác quản lý, điều tiết giá được thực thi hiệu quả gắn với việc đẩy mạnh triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo đã giúp kiểm soát lạm phát theo mục tiêu (liên tiếp trong 8 năm từ 2014 – 2021, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp dưới 4%), góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn vừa qua; đặc biệt trong những giai đoạn giá cả thị trường có biến động lớn do chịu ảnh hưởng từ diễn biến dịch bệnh hoặc bất ổn địa – chính trị thế giới, song công tác quản lý giá vẫn được triển khai quyết liệt, hiệu quả, đảm bảo giữ vững mục tiêu kiểm soát lạm phát.

- *Hai là,* các biện pháp điều tiết giá (bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá và niêm yết giá) đã phát huy tác dụng trong thực tiễn, là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường, cũng như xử lý những vấn đề phát

sinh trong thực tiễn, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- *Ba là,* danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá (định giá, bình ổn giá, kê khai giá) thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

- *Bốn là,* phát triển nghề thẩm định giá nhằm đảm bảo phục vụ nhu cầu của xã hội; hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả.

b) Bên cạnh đó, cũng đã phát sinh những tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá cũng như tại các Luật chuyên ngành có quy định liên quan đến lĩnh vực giá như:

- *Thứ nhất, đối với biện pháp định giá,* việc phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm định giá còn chưa rõ, thiếu đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực. Một số trường hợp quy định giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện định giá cụ thể là không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay, rất khó xác định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tham mưu; Hệ thống phương pháp định giá còn phân tán, chưa quy định rõ việc áp dụng phương pháp định giá chung và phương pháp định giá chuyên ngành; các hình thức định giá cần phải kiện toàn để đáp ứng những phát sinh trong thực tiễn.

Mặt khác, thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, chồng chéo *(hiện qua rà soát có hơn 20 Luật, Nghị định có các quy định chồng chéo với Luật giá như Luật giao thông đường bộ, Luật nhà ở, Luật thủy lợi, Luật hàng không dân dụng…)* như ***(i)*** quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài danh mục tại Luật giá;***(ii)*** một số hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo phù hợp với 03 nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá; ***(iii)*** thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền định giá khi có quy định bổ sung hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ngoài danh mục; ***(iv)*** chưa có sự thống nhất về quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá giữa pháp luật chuyên ngành với Luật giá; ***(v)*** chồng chéo trong ban hành phương pháp định giá.

- *Thứ hai, đối với biện pháp bình ổn giá:* các quy định về danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, phạm vi thực hiện và biện pháp bình ổn giá chưa thật sự linh hoạt, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; nhất là trong bối cảnh cần phải triển khai bình ổn giá trong các bối cảnh khẩn cấp (ví dụ như giá mặt hàng thịt lợn trong giai đoạn 2019 - 2020, các mặt hàng phục vụ phòng, chống dịch trong giai đoạn dịch bệnh Covid - 19).

- *Thứ ba, đối với các biện pháp điều tiết giá khác* cũng phát sinh những tồn tại, hạn chế nhất định như *công tác hiệp thương giá* phát sinh vướng mắc,

bất cập về phạm vi áp dụng và giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương. *Biện pháp kê khai giá* cần tiếp tục củng cố khâu tổ chức thực hiện linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cả đối tượng kê khai và tiếp nhận kê khai. Chưa có các quy định cụ thể về công tác *kiểm tra chấp hành pháp luật về giá.*

- *Thứ tư, về dịch vụ thẩm định giá,* trong thời gian vừa qua đã có hiện tượng phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá, cụ thể: năm 2015 cả nước mới có 184 doanh nghiệp thẩm định giá nhưng đến đầu năm 2022 đã có gần 300 doanh nghiệp thẩm định giá được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và đang hoạt động. Cùng với sự phát triển nóng về số lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ thẩm định giá có dấu hiệu suy giảm, một số doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá đã có những vi phạm về đạo đức nghề nghiệp .

Ngoài ra, việc quy định thêm những điều kiện đối với hoạt động thẩm định giá tại các Luật chuyên ngành cũng làm phát sinh thêm những khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết (như việc quy định về chứng chỉ định giá đất tại Luật đất đai, chứng chỉ về tư vấn xác định giá công nghệ tại Luật chuyển giao công nghệ...). Bên cạnh đó, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện cũng chưa rõ ràng trong phạm vi áp dụng, thẩm quyền thực hiện dẫn đến lúng túng trong khâu tổ chức thực hiện.

- *Thứ năm, công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường* chưa có quy định cụ thể điều chỉnh hoạt động này nên chưa phát huy động được hết hiệu quả.

(Kết quả đánh giá cụ thể chi tiết tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá)

2. Cơ sở chính trị và sự cần thiết ban hành Luật

a) Cơ sở chính trị cho việc xây dựng Luật

- Tại văn kiện Đại hội Đảng XIII đã xác định mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội:

+ Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hoá, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ các nguồn lực. Trong đó, thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản.

+ Tại nội dung thứ 2 của định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 đã đặt ra yêu cầu hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu đầu tư, sản xuất kinh doanh.

+ Một trong các đột phá chiến lược cũng đã đặt ra cần hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tai Nghị quyết 18 – NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII cũng đặt ra một số nhiệm vụ như:

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị;

+ Khẩn trương rà soát, cương quyết sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác giữa các bộ, ngành và các tổ chức trực thuộc các bộ, ngành.

+ Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm;

+ Tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, đô thị thông minh; tổng kết, đánh giá để có giải pháp sử dụng hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin.

b) Trên cơ sở việc đánh giá chi tiết, Quốc hội đã thống nhất sự cần thiết ban hành Luật giá (sửa đổi) và bổ sung Dự án Luật vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2022 với các lý do:

- Hoàn thiện thể chế pháp luật về giá nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

- Khắc phục những tồn tại hạn chế sau 9 năm thi hành Luật, nhất là sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật giá với các luật chuyên ngành; hạn chế sự phân tán, thiếu tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về giá.

- Đáp ứng các yêu cầu về tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích, yêu cầu xây dựng Dự án Luật

- Thể chế hóa đầy đủ, đúng chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước, theo đó Luật giá phải quy định đúng đắn, hợp lý về vai trò quản lý nhà nước; xác định rõ ranh giới, mức độ, phạm vi, biện pháp điều tiết của Nhà nước đối với thị trường trên cơ sở tôn trọng quy luật thị trường, khắc phục những tác động tiêu cực của thị trường, nhưng mặt khác vẫn phải bảo đảm quyền tự định đoạt, tự do kinh doanh của doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới để làm tăng tính cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tránh can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, nhất là đối tượng yếu thế nhưng không bao cấp.

- Khắc phục những vướng mắc về thể chế, những lỗ hổng chính sách; những bất hợp lý của hệ thống pháp luật đang cản trở quá trình phát triển; tạo sự minh bạch trong quản lý nhà nước về giá, công khai thông tin doanh nghiệp; xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, cụ thể, khả thi của Luật này với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế; đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Dự án Luật

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hướng đến thực hiện các mục tiêu hài hòa lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, người dân và nhà nước, góp phần kiểm soát lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b) Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành có quy định về giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc; đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Công tác tổ chức xây dựng Luật được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

1. Tổ chức tổng kết, đánh giá thi hành Luật giá 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để xác định các luận cứ thực tiễn, đánh giá những tồn tại, hạn chế, vướng mắc nhằm định hướng cho việc xây dựng Luật sửa đổi.

2. Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Dự án Luật giá (sửa đổi) gồm Trưởng ban là Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thành viên là đại diện các Bộ, ngành, địa phương và các chuyên gia. Đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tổ chức một số cuộc hội thảo, tọa đàm, các buổi làm việc về dự thảo Luật với cơ quan, tổ chức có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp thẩm định giá, chuyên gia. Trên cơ sở đó xây dựng hồ sơ Dự án Luật đầy đủ các báo cáo đánh giá tác động chính sách, tác động của thủ tục hành chính, báo cáo lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới, rà soát các quy định pháp luật có liên quan đến Dự án Luật.

3. Tổ chức xây dựng dự thảo Luật giá (sửa đổi) và các hồ sơ liên quan, gửi lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng, các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức.

4. Ngày 16/8/2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định Dự án Luật giá và có báo cáo thẩm định số 136/BCTĐ-BTP ngày 17/8/2022. Theo đó, báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đã khẳng định dự thảo Luật không có quy định trái với Hiến pháp; về cơ bản đã bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Ngày 24/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì cuộc họp Chính phủ chuyên đề pháp luật và cho ý kiến đối với Dự án Luật giá (sửa đổi). Trên cơ sở

đó, Chính phủ đã có Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 30/08/2022 để chỉ đạo việc rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện Dự án Luật.

6. Ngày 19/9/2022, Chủ tịch Quốc hội đã chủ trì cuộc họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và cho ý kiến đối với Dự án Luật giá (sửa đổi). Trên cơ sở đó, Chính phủ đã giải trình, tiếp thu đầy đủ và hoàn thiện tờ trình Quốc hội.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

Dự thảo Luật giá (sửa đổi) gồm 8 chương, 72 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 7 điều (từ Điều 1 đến Điều 7).

Chương II. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, gồm 4 điều (từ Điều 8 đến Điều 11).

Chương III. Nội dung quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước gồm 7 điều (từ Điều 12 đến Điều 18).

Chương IV. Hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước, gồm 18 điều (từ Điều 19 đến Điều 36).

Chương V. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, gồm 6 điều (từ Điều 37 đến Điều 42).

Chương VI. Thẩm định giá, gồm 24 điều (từ Điều 43 đến Điều 66).

Chương VII. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá gồm 3 điều (từ Điều 67 đến Điều 69).

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 3 điều (từ Điều 70 đến Điều 72).

Theo đó, bố cục Luật sửa đổi về cơ bản vẫn được kế thừa từ Luật hiện hành nhưng có chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với nội dung chính sách. Theo đó, so với Luật hiện hành, tại Dự thảo Luật đã bổ sung mới 3 chương về (i) *Chương 3 về nội dung quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước* nhằm thể hiện rõ mục tiêu tăng cường phân công, phân cấp, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai công tác quản lý nhà nước về giá; (ii) *Chương 5 về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường* và (iii) *Chương 7 về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá* nhằm củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai nhiệm vụ này trong thực tiễn.

Nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi) đã bám sát mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 09 nhóm chính sách đề nghị xây dựng Dự án Luật đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021, cụ thể:

1. Về những vấn đề chung

a) Những quy định chung

- *Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng,* dự thảo Luật cơ bản kế

thừa phạm vi tại Luật hiện hành, nhưng được sửa đổi, bổ sung để bao quát các nội dung cần điều chỉnh nhằm tăng sự minh bạch. Theo đó, tại Điều 1 quy định "*Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước; hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; hoạt động thẩm định giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và thẩm định giá"*.

- *Về nguyên tắc áp dụng Luật giá và các Luật có liên quan*, trên cơ sở nội dung chính sách, tại dự thảo Luật đã quy định về việc áp dụng Luật giá và các Luật có liên quan để đảm bảo nguyên tắc về việc xử lý các chồng chéo khi có các quy định khác nhau giữa các Luật khác ban hành trước và sau khi Luật giá có hiệu lực thi hành nhằm tăng cường tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật về giá. Trong đó, đã xác định rõ Luật giá sẽ điều chỉnh toàn diện các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về giá, trong đó quy định thống nhất Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; chỉ loại trừ đối với một số trường hợp là mặt hàng đặc thù, chuyên ngành đã quy định rõ về nguyên tắc, phương pháp quy trình định giá thì thực hiện tại các Luật chuyên ngành. Quy định cụ thể tại Điều 3 dự thảo Luật cũng được rà soát, đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với các nguyên tắc áp dụng pháp luật theo Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- *Về giải thích từ ngữ*: Bên cạnh việc tiếp tục kế thừa một số thuật ngữ; dự thảo Luật đã sửa đổi, chuẩn hóa 7 thuật ngữ hiện hành (hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, mặt bằng giá thị trường, bình ổn giá, định giá, kê khai giá, niêm yết giá, hiệp thương giá, thẩm định giá); bổ sung thêm 02 thuật ngữ (phương án giá, thông đồng về giá, thẩm định giá); lược bỏ một số quy định giải thích các từ ngữ về *"mức giá bán lẻ điện bình quân"; "khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân"; "cơ cấu biểu giá bán lẻ điện"* là những nội dung được điều chỉnh tại Luật điện lực.

- *Về công khai thông tin về giá,* tại Điều 6 dự thảo Luật đã bổ sung quy định rõ hơn về nội dung, phạm vi, trách nhiệm trong công khai thông tin về giá của cơ quan nhà nước gắn với từng đối tượng công khai, nhất là việc công khai một số nội dung thuộc hoạt động thẩm định giá là một trong những quy định hướng đến việc tăng cường công khai, minh bạch trong việc thực hiện thẩm định giá. Về các hành vi bị cấm, tại Điều 7 dự thảo Luật cơ bản được kế thừa và có chỉnh lý, hoàn thiện lại theo hương làm rõ một số hành vi bị cấm cho phù hợp với thực tiễn và theo ý kiến của các Bộ, ngành nhằm tạo thuận lợi cho công tác kiểm soát, kiểm tra xử lý.

- Bên cạnh đó, nội dung quy định thanh tra chuyên ngành về giá tại Luật hiện hành được lược bỏ khỏi dự thảo và sẽ được thực hiện thống nhất theo Luật thanh tra nhằm tăng cường tính đồng bộ trong công tác tổ chức thực hiện, tránh sự trùng lặp trong quy định pháp luật.

b) Đối với quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành, có chỉnh lý lại một số nội dung nhằm đảm bảo phù hợp hơn với các mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế hiện nay.

c) Việc phân công, phân cấp triển khai quản lý nhà nước về giá chưa rõ ràng trong thời gian qua là một trong các tồn tại, hạn chế đã được phân tích tại Báo cáo tổng kết, thi hành Luật. Do vậy, một trong các mục tiêu của việc xây dựng dự án Luật được Chính phủ đặt ra là việc quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong triển khai, tổ chức thực hiện tại Luật để tạo sự minh bạch, rõ ràng.

Trên cơ sở cụ thể hóa nội dung chính sách về việc tăng cường phân công, phân cấp, đồng thời cụ thể hóa quy định tại Điều 8 Luật hiện hành (thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá), tại dự thảo Luật đã bổ sung thêm 01 chương quy định chi tiết, cụ thể các nội dung quản lý nhà nước về giá, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Trong đó:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá, có trách nhiệm ban hành các cơ chế, chính sách chung, phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. Theo đó, Chính phủ sẽ không trực tiếp thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ; Thủ tướng Chính phủ chỉ định giá đối với mặt hàng chiến lược, đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô và đời sống người dân; và giao thẩm quyền định giá cụ thể cho các Bộ (Điều 13 dự thảo Luật). Đây cũng là nguyên tắc xuyên suốt về tăng cường phân công, phân cấp trong triển khai nhiệm vụ đã được Chính phủ đặt ra yêu cầu trong công tác xây dựng Luật.

- Bộ Tài chính là cơ quan giúp Chính phủ trong việc thực hiện thống nhất quản lý giá và thẩm định giá. Tại Điều 14 dự thảo Luật đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính với vai trò đầu mối trong việc triển khai các nhiệm vụ như xây dựng, điều chỉnh các Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước quản lý; xây dựng và hướng dẫn về phương pháp định giá; quản lý thống nhất hoạt động dịch vụ thẩm định giá...

Đồng thời, tại Điều 15 dự thảo cũng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực, phạm vi chuyên môn, chuyên ngành quản lý. Các quy định này cũng đã giúp phân định rõ được nhiệm giữa Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, tạo thuận lợi cũng như minh bạch trong công tác tổ chức thực hiện; hạn chế được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các Bộ, ngành.

- Tại Điều 16, 17 dự thảo cũng đã quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gắn với phạm vi quản lý trên địa bàn. Trong đó, Hội đồng nhân dân ~~đóng vai trò là cơ quan giám sát việc thực thi pháp luật về giá, thẩm định giá cũng như~~ có trách nhiệm cho ý kiến về việc

Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp Ủy ban nhân dân xin ý kiến. Chủ yếu các nhiệm vụ triển khai tại địa phương sẽ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện bao gồm đầy đủ các nội dung quản lý nhà nước về giá, đảm bảo thống nhất xuyên suốt từ trung ương đến địa phương.

- Tại dự thảo Luật quy định các cơ quan quản lý nhà nước về giá giao cho đơn vị chuyên môn làm đầu mối triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Việc quy định rõ nội dung này không làm tăng thêm cơ cấu, bộ máy, tổ chức hành chính vì hiện nay tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ đều có đơn vị chuyên môn về lĩnh vực thực hiện nhiệm vụ về công tác quản lý giá hàng hóa, dịch vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì giao đơn vị tài chính cùng cấp (Sở Tài chính) thực hiện.

Các quy định này là nhằm tăng cường tính minh bạch, rõ ràng, bảo đảm tính thống nhất trong công tác thực hiện. Việc cụ thể hóa để làm rõ hơn vai trò chủ trì, vai trò phối hợp trong thực hiện để xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tránh sự đùn đẩy. Thực tế hiện nay có một số Luật cũng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực có quy định tương tự như Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật đấu giá tài sản…

2. Chính sách về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đã đề xuất nội dung: Củng cố nguyên tắc xác định Danh mục hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn yêu cầu quản lý và các nguyên tắc thị trường; giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết danh mục; đẩy mạnh phân công, phân cấp nhiệm vụ định giá cho các Bộ, ngành, địa phương, qua đó phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ gắn với chuyên môn, chuyên ngành. Tại dự thảo Luật đã cụ thể hóa chính sách như sau:

a) Về tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, bên cạnh 3 tiêu chí tại Luật 2012 tiếp tục được kế thừa thì tại Luật sửa đổi đã bổ sung thêm tiêu chí *"Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội, đời sống người dân, sản xuất kinh doanh;"* nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn hiện nay, một số mặt hàng đã được bổ sung tại các Luật chuyên ngành và sẽ được cập nhập tại Luật giá.

Qua rà soát cho thấy những mặt hàng đã được bổ sung tại các Luật chuyên ngành thời gian qua có tính chất độc quyền hoặc thị trường cạnh tranh hạn chế nhất định nên việc bổ sung vào Danh mục để có sự điều tiết nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc các mục tiêu an sinh, phát triển kinh tế xã hội là phù hợp. Việc bổ sung tiêu chí trên về cơ bản đảm bảo không quá rộng để tránh các trường hợp không thật sự cần thiết.

b) Về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, tại nội dung chính sách đã đề xuất giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết Danh

mục trên cơ sở các nguyên tắc được quy định tại Luật nhằm tăng cường sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai.

Vấn đề này cũng còn có nhiều ý kiến khác nhau ngay trong khâu xây dựng chính sách; khi tiến hành soạn thảo Luật, trên cơ sở đánh giá kỹ hơn cho thấy để có thể khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thời gian vừa qua thì giải pháp tối ưu là vẫn tiếp tục kế thừa để *quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật gắn với đó là quy định rõ hình thức, thẩm quyền trách nhiệm định giá* của các cấp cơ quan quản lý (tương tự như danh mục tại Luật phí, lệ phí). Quy định này mặc dù thay đổi so với phương án chính sách đề xuất áp dụng nhưng cũng đã được đánh giá tác động chi tiết tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

Trên cơ sở đó, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phương án như sau:

- Luật quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo thẩm quyền, hình thức định giá cụ thể.

- Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong quá trình xây dựng Luật, nhiều ý kiến đặt ra vấn đề nên giao Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nhằm tạo sự linh hoạt, chỉ đạo trong điều hành. Tuy nhiên qua rà soát thực tế cho thấy việc quy định giao Chính phủ sẽ khó đảm bảo tính pháp lý trong thực tiễn và nguyên tắc áp dụng pháp luật (ưu tiên văn bản Luật có giá trị pháp lý cao hơn). Do vậy, việc tiếp tục giao Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh danh mục là phù hợp với phương án tiếp tục quy định cụ thể Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật.

Bên cạnh đó, để để hạn chế việc phát sinh bổ sung hàng hóa, dịch vụ không cần thiết, tại Luật cũng đã bổ sung nguyên tắc việc điều chỉnh Danh mục phải trên cơ sở đánh giá sự cần thiết, tính phù hợp với 04 tiêu chí xác định và quy trình trình Chính phủ cụ thể, chặt chẽ. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã tiến hành rà soát, cập nhập Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá hiện đang được quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành gồm 52 nhóm hàng hóa, dịch vụ:

- Có 17 nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện được quy định tại Luật giá hiện hành;

- Có 35 nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện được quy định tại Luật chuyên ngành (trong đó có 17 hàng hóa, dịch vụ cụ thể được chuyển từ phí sang thực hiện định giá theo quy định tại Luật phí, lệ phí 2015; 18 hàng hóa, dịch vụ được quy định tại các Luật chuyên ngành).

Qua rà soát, đề xuất đưa ra khỏi Danh mục 14 hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với 4 tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã đề ra tại Luật và thực hiện theo cơ chế giá thị trường gồm:

(1) Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay, dịch vụ soi chiếu an ninh: hiện được quy định tại Luật hàng không dân dụng sửa đổi; qua rà soát cho thấy dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay (như dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ khí tượng) không còn phát sinh trong thực tiễn; dịch vụ soi chiếu an ninh thực tế đã nằm trong trong dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý và không cần thiết quy định riêng.

(2) Một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Hiện được quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP, là phần gia tăng của dịch vụ công của nhà nước, thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định tại Luật phí, lệ phí, không cần thiết quy định định giá nhà nước.

(3) Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do các tổ chức cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán cung cấp (trừ dịch vụ do nhà nước cung cấp): Thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật Phí, lệ phí; Qua rà soát cho thấy nhóm dịch vụ này đã có sự cạnh tranh từ nhiều tổ chức cung ứng dịch vụ nên không cần thiết phải định giá nhà nước.

(4) Thuốc lá điếu sản xuất trong nước: Được quy định tại Luật giá 2012; qua rà soát cho thấy việc quyết định giá tối thiểu của thuốc lá điếu sản xuất trong nước là nhằm hạn chế tiêu dùng; tuy nhiên, thuốc lá điếu cũng là sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, nên việc sử dụng công cụ giá là không còn phù hợp.

(5) Thù lao dịch vụ đấu giá: Được quy định tại Luật đấu giá; qua rà soát cho thấy dịch vụ đấu giá tài sản có tính tương đồng với một số dịch vụ như kiểm toán, thẩm định giá và có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng định giá nhà nước là không còn phù hợp.

(6) Dịch vụ quy hoạch: Được quy định tại Luật quy hoạch; qua rà soát cho thấy bản chất của vấn đề là việc phải quy định các yếu tố chi phí của việc lập, xây dựng quy hoạch để tính toán, xây dựng dự toán (có tính chất tương tự đối với một số hoạt động khác có sử dụng ngân sách nhà nước) không thuộc phạm vi điều chỉnh của biện pháp định giá nhà nước.

(7) Thù lao môi giới, dịch vụ đưa người lao động đi nước ngoài làm việc: Hiện được quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài; qua rà soát cho thấy dịch vụ có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng cơ chế định giá nhà nước là không phù hợp.

(8) Thù lao công chứng: Được quy định tại Luật công chứng; qua rà soát cho thấy dịch vụ có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng cơ chế định giá nhà nước là không phù hợp.

(9) Cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng: Được quy định tại Luật giá 2012; qua rà soát cho thấy việc xác định giá của dịch vụ này sẽ thực hiện theo phương thức thẩm định giá của nhà nước là phù hợp với bản chất của việc cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản công.

(10) Nước ngầm: Được quy định tại Luật giá 2012; qua rà soát cho thấy hiện mặt hàng được quy định thu tiền sử dụng tại Luật tài nguyên nước, tương đồng với các quy định về thu thuế tài nguyên, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

(11) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ: Thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí; qua rà soát cho thấy dịch vụ này không đáp ứng các tiêu chí đề ra đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá nhà nước, đến nay không cần thiết thực hiện theo cơ chế định giá nhà nước.

(12) Nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình đầu tư, xây dựng: Được quy định tại Luật nhà ở; qua rà soát cho thấy việc quản lý nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình đầu tư, xây dựng cần có sự thống nhất với việc quản lý giá nhà ở xã hội cho doanh nghiệp đầu tư, xây dựng hiện thực hiện theo việc quy định các chi phí, lợi nhuận định mức, phương pháp tính giá là phù hợp, việc quy định khung giá là không phù hợp. Mặt khác mặt hàng này cũng không phù hợp với các tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đề ra tại Luật.

(13) Mặt nước: Hiện quy định tại Luật giá và Nghị định 46/2014/NĐ-CP; qua rà soát cho thấy việc xác định giá thực tế là việc tính tiền cho thuê mặt nước (tương tự với việc tính tiền cho thuê đất), được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính đối với việc sử dụng từng loại tài sản. Vi vậy, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

(14) Dịch vụ sử dụng khu vực biển: Hiện quy định tại Luật thủy sản và Nghị định 11/2021/NĐ-CP; tương tự như đối với mặt nước, việc xác định giá dịch vụ này thực tế là việc tính tiền cho thuê khu vực biển, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

Trên cơ sở đó, tại Điều 70 dự thảo Luật đã quy định về việc sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại các Luật chuyên ngành có quy định về các hàng hóa, dịch vụ này nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, Chính phủ đề nghị bổ sung 02 mặt hàng gồm:

(1) Sách giáo khoa: Là mặt hàng có thị trường cạnh tranh hạn chế, ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân. Mặt hàng này được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá; tại Nghị quyết kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV đã thống nhất, yêu cầu bổ sung sách giáo khoa vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi sửa đổi Luật

giá. Việc định giá mặt hàng này sẽ giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo định giá tối đa, các nhà xuất bản quyết định giá cụ thể.

(2) Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh: Mặt hàng này do Bộ Quốc phòng đề nghị bổ sung vào Danh mục vì thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật thương mại và Nghị định 94/2017/NĐ-CP, phù hợp với các tiêu chí tại Luật. Theo đánh giá của Bộ Quốc phòng thì việc bổ sung là rất cần thiết để triển khai nhiệm vụ trong thực tiễn.

Riêng đối với dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc do Nhà nước đầu tư, trên cơ sở chủ trương của Quốc hội, Chính phủ sẽ khẩn trương nghiên cứu, đánh giá kĩ để có Đề án riêng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thực hiện. Do đó, trước mắt chưa đưa vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Phụ lục kèm theo dự thảo Luật này; trường hợp *cơ chế giá* dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc do nhà nước đầu tư được Quốc hội thông qua sẽ được cập nhật vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

Như vậy, tổng thể qua rà soát đối với 52 nhóm hàng hóa, dịch vụ, đã đưa ra khỏi danh mục 14 nhóm hàng hóa, dịch vụ và bổ sung thêm 02 hàng hóa, dịch vụ vào danh mục; Danh mục cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật sẽ gồm 40 nhóm hàng hóa, dịch vụ.

c) Về thẩm quyền và trách nhiệm định giá đã bám sát định hướng chính sách về việc tăng cường phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá nói chung cũng như định giá nhà nước nói riêng. Theo đó, tại dự thảo Luật đã bỏ cấp định giá Chính phủ và quy định rõ về nguyên tắc xác định thẩm quyền định giá của Thủ tướng Chính phủ, cấp Bộ và cấp Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

"a) Thủ tướng Chính phủ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ chiến lược, đặc biệt quan trọng, có tác động lớn đến kinh tế vĩ mô, đời sống người dân;

b) Bộ Tài chính định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hàng hóa dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quản lý và ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo quy định pháp luật;

d) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn theo phạm vi quản lý."

Như vậy, Chính phủ sẽ chỉ định hướng các mục tiêu quản lý, điều hành giá chung, ban hành hoặc chỉ đạo các Bộ ban hành các văn bản dưới Luật nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện; việc quy định như trên cũng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ định giá đối với một số mặt hàng chiến lược, đặc biệt quan trọng mà khi điều chỉnh giá cần xem xét toàn diện đến nhiều yếu tố kinh tế vĩ

mô, đời sống người dân (tại danh mục kèm theo Luật quy định thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu, biểu giá bán lẻ điện bình quân, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân).

Trên cơ sở đó, thẩm quyền, trách nhiệm định giá các hàng hóa, dịch vụ cụ thể sẽ cơ bản được giao cho cấp Bộ theo lĩnh vực quản lý hàng hóa, dịch vụ và cấp Ủy ban nhân dân tỉnh theo phạm vi địa bàn quản lý; việc phân công, phân cấp như vậy là phù hợp với công tác tổ chức thực hiện trong thực tiễn, phân định rõ ràng giữa nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương để thuận lợi triển khai, tránh sự đùn đẩy trách nhiệm.

3. Chính sách về phương pháp định giá đã đề xuất nội dung: Phân định rõ về thẩm quyền ban hành, hướng dẫn chi tiết phương pháp định giá chung và phương pháp định giá cho các hàng hóa, dịch vụ chuyên ngành đặc thù; thể chế hóa tại Luật các hình thức định giá mới theo cơ chế thị trường để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện. Tại dự thảo luật đã cụ thể hóa chính sách như sau:

a) Về phương pháp định giá, đã bám sát nội dung chính sách là phải hướng đến việc thống nhất về trách nhiệm ban hành phương pháp định giá, chung và áp dụng phương pháp định giá chuyên ngành; tại dự thảo Luật đã quy định hai nhóm phương pháp ứng với từng trường hợp cụ thể tại Điều 24 như sau:

- Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá bảo đảm bao quát cơ bản việc định giá các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá cần phải quy định chi tiết hơn (về các yếu tố hình thành giá, phương thức tính giá...) thì Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn;

- Trường hợp Luật khác có quy định về phương pháp định giá chuyên ngành thì Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp riêng. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện trên thực tiễn hiện nay sẽ có các trường hợp đặc thù sẽ áp dụng phương pháp định giá riêng theo luật chuyên ngành như giá đất; giá dịch vụ khám chữa bệnh; giá dịch vụ giáo dục; tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan. Nội dung này cũng được thể hiện tại điều 3 về áp dụng Luật giá và các Luật khác có liên quan nhằm tăng tính đồng bộ của Dự án Luật.

- Ngoài ra, đối với việc ban hành Quyết định giá, tại dự thảo Luật cũng đã Luật hóa một số quy định nguyên tắc về việc ban hành quyết định giá tại Nghị định và có chỉnh lý, hoàn thiện cho phù hợp để đảm bảo tính tuân thủ trong việc thực hiện định giá. Trên cơ sở đó, phân định trách nhiệm trong tổ chức triển khai từng nội dung về xây dựng, thẩm định phương án giá và trình ban hành Quyết định giá để hướng đến sự đồng bộ, thống nhất trong thực tiễn triển khai của các cấp.

b) Tại Điều 33 dự thảo Luật đã quy định về giá tham chiếu là một chỉ số trung bình của giá hàng hóa, dịch vụ tương ứng với một khung thời gian và do một cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc một tổ chức công bố định kỳ làm cơ sở để xác định giá hàng hóa, dịch vụ. Theo đó, mức giá cụ thể của hàng hóa, dịch vụ được xác định và điều chỉnh linh hoạt theo giá tham chiếu với một biên độ tăng, giảm nhất định phụ thuộc vào cung - cầu thị trường tại thời điểm xác định giá.

Như vậy, giá tham chiếu có vai trò định hướng cho việc xác định giá cụ thể của hàng hóa, dịch vụ theo nguyên tắc thị trường; thông qua áp dụng giá tham chiếu sẽ giảm thiểu tối đa những xung đột về giá, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của một số hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù với sản xuất và thị trường tiêu thụ. Hiện nay đang có một số mặt hàng áp dụng theo giá tham chiếu như:

- *Mặt hàng xăng dầu:* Hiện hành, giá bán lẻ trong nước đang thực hiện điều hành thông qua giá cơ sở, được tính theo giá tham chiếu Platts Singapore cộng với các khoản chi phí và có giá trị là mức tối đa để điều hành giá bán lẻ trong nước; giá bán buôn giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước với doanh nghiệp bán lẻ được các doanh nghiệp xác định trên cơ sở tham chiếu giá Platts Singapore cùng với một khoản premium (chi phí đặc thù) được điều chỉnh linh hoạt theo cung - cầu thị trường.

- *Mặt hàng LPG:* Được thực hiện theo cơ chế thị trường; Doanh nghiệp kinh doanh tự quyết định giá kê khai giá với cơ quan nhà nước và bán theo giá kê khai. Hiện không có văn bản điều chỉnh về việc phương pháp định giá bán trong nước nhưng để thực hiện theo nguyên tắc thị trường thì các doanh nghiệp thống nhất xác định, điều chỉnh giá theo giá CP – contract price (giá tham chiếu do công ty Saudi Aramco công bố). Giá tham chiếu CP được xác định theo xu thế giao dịch chung của thị trường và được công bố vào ngày cuối của tháng trước và áp dụng từ ngày đầu của tháng sau.

- *Mặt hàng than, nhất là than bán cho sản xuất điện:* Theo quy định hiện hành thì mặt hàng than không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thuộc diện kê khai giá (doanh nghiệp được quyền tự định giá nhưng trước khi bán phải kê khai). Đối với than sản xuất trong nước thì cơ bản các bên nắm được chi phí giá thành sản xuất và việc thỏa thuận giá thông qua việc kê khai cũng cơ bản thuận lợi; nhưng trong những năm gần đây khi phải sử dụng thêm nguồn than nhập khẩu để pha trộn với than trong nước nhằm bù đắp thiếu hụt thì việc xác định giá giữa các đơn vị phát sinh một số vướng mắc trong xác định giá đầu vào, nhất là khi giá than thế giới biến động tăng liên tục kèm với việc tăng chi phí vận chuyển. Các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu than và pha trộn để bán trong nước hiện đang thực hiện theo đấu thầu hoặc đàm phán theo chỉ số giá tham chiếu tùy thuộc vào từng trường hợp và thị trường nhập (chỉ số giá của Úc do Hiệp hội than Úc công bố; chỉ số của Indonesia do Bộ Công

Thương công bố; thị trường Châu Âu do Anh công bố…). Tuy nhiên, giá bán than pha trộn trong nước thì các bên chưa thống nhất được nguyên tắc áp dụng chỉ số tham chiếu để xác định giá vì chưa có cơ sở pháp lý nên có khó khăn trong việc ký kết hợp đồng mua- bán. Vì vậy, tương tự đối với xăng dầu thì việc có quy định về giá tham chiếu đối với mặt hàng than để tạo thuận lợi cho các bên đàm phán xác định giá là cần thiết.

Tương tự đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, việc quy định Danh mục hàng hóa áp dụng theo giá tham chiếu cần phải có sự linh hoạt trong điều hành. Vi vậy, tại Điều 33 dự thảo Luật giá đã quy định về giá tham chiếu giao Chính phủ quy định chi tiết mặt hàng áp dụng (dự kiến sẽ gồm xăng dầu, than pha trộn, LPG – gas và các mặt hàng khác theo đề xuất của các Bộ như giá một số dịch vụ viễn thông…), phương thức công bố giá tham chiếu, cơ quan tổ chức công bố giá tham chiếu để linh hoạt trong thực tế triển khai và thực tế là công cụ được nhiều nước trên thế giới áp dụng, đảm bảo các nguyên tắc thị trường mà vẫn có sự định hướng nhất định để tăng cường tính tuân thủ.

4. Chính sách về bình ổn giá đã đề xuất nội dung: danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá sẽ được giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết trên cơ sở các nguyên tắc chặt chẽ được quy định tại Luật. Đồng thời, tăng cường phân công, phân cấp, rõ trách nhiệm trong việc triển khai bình ổn giá trên phạm vi cả nước và trên địa bàn. Trên cơ sở đó, tai dự thảo Luật đã cụ thể hóa như sau:

a) Về danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: tại Luật chỉ quy định nguyên tắc xác định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 19) để bảo đảm tính linh hoạt trong thực hiện. Cơ bản Danh mục các hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá sẽ được rà soát trên cơ sở kế thừa danh mục các hàng hóa, dịch vụ hiện nay, đồng thời có điều chỉnh phù hợp.

Bình ổn giá được xác định là một cơ chế nhằm ứng phó với những biến động bất thường của giá cả trong những bối cảnh kinh tế xã hội nhất định. Theo đó, bám sát nội dung chính sách đã xây dựng, tại dự thảo Luật đã quy định chi tiết hơn các nguyên tắc bình ổn giá tại Điều 20 và cụ thể hóa dấu hiệu để nhận diện các trường hợp áp dụng bình ổn giá *"Giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường; hoặc khi cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai."*.

Đồng thời, tại dự thảo Luật quy định cơ chế để xử lý tình huống hàng hóa, dịch vụ cần bình ổn chưa có trong danh mục áp dụng trong các trường hợp công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai. Theo đó, trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương và biện pháp bình ổn giá hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục trong thời hạn nhất định (Khoản 3 Điều

19). Quy định này nhằm tạo sự linh hoạt cho việc triển khai bình ổn giá trong các tình trọng cấp bách, cần triển khai gấp, kịp thời.

b) Các biện pháp bình ổn giá cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành, tuy nhiên có điều chỉnh theo nội dung chính sách bao gồm:

- Điều chỉnh biện pháp đăng ký giá gộp vào nội hàm biện pháp kê khai giá; theo đó biện pháp kê khai giá sẽ là biện pháp được thực hiện thường xuyên nhằm tạo kênh thông tin nắm bắt kịp thời các diễn biến về giá để đề xuất chủ trương bình ổn giá trong trường hợp cần thiết.

- Điều chỉnh đưa biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá là một bước trong khâu tổ chức thực hiện bình ổn giá. Theo đó, khi hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu biến động (tăng quá cao hoặc giảm quá thấp), cơ quan quản lý phải thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá để xác định rõ nguyên nhân gây biến động về giá, làm cơ sở cho việc lựa chọn các biện pháp bình ổn giá phù hợp với thực tế.

- Điều chỉnh, đưa biện pháp lập quỹ bình ổn giá trong nhóm biện pháp bình ổn giá có thời hạn để quy định một điều riêng: Theo Luật hiện hành, biện pháp lập Quỹ bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc Danh mục Bình ổn giá là một trong các biện pháp có thời hạn. Như vậy, khi hàng hóa, dịch vụ có biến động thì có thể lập Quỹ sẽ không phù hợp với tính chất của hoạt động bình ổn giá, không đảm bảo tính kịp thời. Vì vậy, biện pháp lập Quỹ được tách thành cơ chế riêng tại Điều 22 để đảm bảo pháp lý cho việc triển khai thực hiện lập quỹ trong trường hợp cần thiết đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Trên cơ sở đó, mặt hàng nào cần thiết phải lập Quỹ bình ổn giá để có công cụ điều hành giá có tính thường xuyên, liên tục sẽ giao Chính phủ quyết định.

- Bên cạnh đó, mặc dù tại dự thảo Luật giá sửa đổi không quy định điều chỉnh trực tiếp đối với Quỹ bình ổn giá xăng dầu, tuy nhiên do những quy định về lập quỹ bình ổn giá tại Luật cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tính pháp lý của quỹ bình ổn giá xăng dầu; Chính phủ báo cáo cụ thể Quốc hội về vấn đề này:

Quỹ bình ổn giá xăng dầu là quỹ đặc thù, được thành lập trước khi có các quy định về quỹ bình ổn giá tại Luật giá (được quy định tại Nghị định 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, sau đó là Nghị định 83/2014/NĐ-CP, nay là Nghị định 95/2021/NĐ-CP). Khác với các Quỹ tài chính khác, Quỹ bình ổn giá xăng dầu được hình thành và quản lý nhằm mục đích duy nhất là góp phần bình ổn giá xăng dầu; không phát sinh tổ chức bộ máy và không quản lý tập trung. Tổng mức trích lập hàng năm phụ thuộc vào sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước; tổng mức sử dụng phụ thuộc vào diễn biến thị trường, mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô từng thời kỳ và từng thời điểm điều hành giá. Thực tế việc quy định tại Luật giá chỉ có sự ảnh hưởng nhất định, theo hướng tăng cường cơ sở pháp lý của quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Đến nay cũng có rất nhiều ý kiến khác nhau về Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Tại Báo cáo số 463-ĐGS ngày 22/10/2019 của Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quỹ tài chính ngoài Ngân sách Nhà nước, tuy chưa kiến nghị bỏ Quỹ nhưng cũng có đoạn nêu về Quỹ bình ổn giá xăng dầu đã không còn phù hợp. Việc thu trước của người tiêu dùng 300 đồng/lít để tạo Quỹ là nguyên nhân gây ra lạm phát thực tế và định kỳ điều chỉnh giá là nguyên nhân gây ra lạm phát kỳ vọng. Về dư luận xã hội thông qua phản ánh từ báo chí, các chuyên gia thì cũng có nêu các cơ quan quản lý cần xem xét, nghiên cứu xóa bỏ Quỹ bình ổn giá xăng dầu để tăng tính chủ động, linh hoạt trong điều chỉnh giá, để giá xăng dầu trong nước vận hành theo giá thế giới. Trên cơ sở đó, tại dự thảo gửi lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng, có đề nghị rà soát đánh giá để xem xét sự cần thiết của Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Trong suốt thời gian qua, Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng nhất quán cho mục tiêu bình ổn giá xăng dầu theo đúng quy định của pháp luật. Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đã phát huy tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc tạo nên một "bước đệm" nhằm góp phần bình ổn giá (giữ ổn định hoặc giảm mức tăng) trong trường hợp cần thiết, linh hoạt trong việc bình ổn giá nhằm ổn định giá xăng dầu trong một thời kỳ hoặc không cho giá xăng dầu trong nước tăng sốc, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng và ổn định an sinh xã hội.

Trên cơ sở đánh giá kỹ cho thấy trong thời gian vừa qua diễn biến giá mặt hàng này phức tạp, khó dự báo nên công cụ Quỹ bình ổn giá vẫn cần thiết. Vì vậy, Chính phủ đã thống nhất đề xuất trước mắt chưa bỏ công cụ Quỹ bình ổn giá xăng dầu đồng thời củng cố các cơ chế trong triển khai, tổ chức thực hiện nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc sử dụng quỹ.

Trên cơ sở đó, tại Luật sẽ còn 4 biện pháp bình ổn giá có thời hạn tiếp tục được kế thừa (có chỉnh lý), cụ thể như sau:

"a) Điều hòa, kiểm soát cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông;

b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Quy định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ; việc quy định giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo các nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Mục 2 Chương này;

d) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên."

Về cơ bản, các biện pháp nêu trên đã đảm bảo đầy đủ để triển khai bình ổn giá trong thực tiễn khi việc hàng hóa, dịch vụ có biến động giá chủ yếu do

các nguyên nhân như chi phí đẩy, mất cân đối cung cầu, ảnh hưởng từ chính sách tài chính tiền tệ chung.

c) Về thẩm quyền, trách nhiệm và tổ chức thực hiện bình ổn giá, tại Điều 21 dự thảo Luật đã quy định rõ trong từng trường hợp cụ thể sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, khi có dấu hiệu nhận diện biến động tăng quá cao hoặc giảm quá thấp gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường thì các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm đánh giá chi tiết và có văn bản gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ quyết định chủ trương bình ổn giá. Trên cơ sở đó sẽ triển khai bình ổn giá theo các bước: *Bước 1,* kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp; *bước 2,* lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định; *bước 3,* tổ chức triển khai thực hiện.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai thì có thể áp dụng bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ ngoài danh mục trong thời hạn nhất định (khoản 3 Điều 19). Theo đó, trong trường hợp phạm vi áp dụng trên quy mô vùng hoặc cả nước, Chính phủ quyết định ngay chủ trương, biện pháp, thời hạn, phạm vi bình ổn giá trên cơ sở đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trong trường hợp phạm vi áp dụng được giới hạn ở quy mô tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ngay chủ trương, biện pháp bình ổn giá theo đề nghị của Sở Tài chính, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các quy định này đã tạo sự rành mạch trong trách nhiệm của các cấp khi tổ chức thực hiện bình ổn giá, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả biện pháp bình ổn giá như mục đích, nội dung chính sách đã đề ra.

5. Chính sách về hiệp thương giá đã đề xuất nội dung: Điều chỉnh các quy định hiện hành về phạm vi áp dụng hiệp thương giá chỉ thực hiện giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp với vai trò trọng tài của Nhà nước. Trên cơ sở đó, quy định rõ hơn tính pháp lý của kết quả hiệp thương và trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, tại Luật đã cụ thể hóa như sau:

a) Về phạm vi hiệp thương, tại dự thảo đã quy định hiệp thương giá là phương thức thỏa thuận giữa các doanh nghiệp về giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm trung gian hỗ trợ các bên thỏa thuận. Việc hiệp thương chỉ thực hiện giữa các đối tượng là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ đáp ứng điều kiện hiệp thương giá; các là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ và khi 2 bên đều phải có văn bản đề nghị hiệp thương. Như vậy, các trường hợp thực hiện hiệp thương giữa một bên là Nhà nước với một bên là doanh nghiệp sẽ được loại bỏ và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu thầu, đầu giá.

b) Việc tổ chức hiệp thương cũng được điều chỉnh, quy định rõ ràng hơn như sau:

- Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua, bên bán hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tiếp nhận rà soát đánh giá để làm rõ tiêu chí của hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá quy định tại Điều 27 Luật này. Trường hợp chưa rõ, cơ quan tiếp nhận yêu cầu các bên có văn bản bổ sung các thông tin về hàng hóa dịch vụ.

- Cơ quan hiệp thương giá xác định làm rõ người đại diện của bên mua và bên bán; tổ chức hội nghị hiệp thương giá để bên mua và bên bán thương lượng với nhau về mức giá trên cơ sở hợp tác, hài hòa lợi ích giữa các bên.

- Tại hội nghị hiệp thương giá, cơ quan hiệp thương giá có vai trò trung gian, tạo điều kiện để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không được can thiệp vào mức giá thương lượng giữa bên mua và bên bán.

- Khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì hội nghị hiệp thương giá kết thúc; cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận kết quả hiệp thương. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị hiệp thương giá; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Bên mua và bên bán chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương.

- Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá và tiếp tục đề nghị cơ quan hiệp thương giá quyết định giá hiệp thương thì cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận nội dung hội nghị hiệp thương giá. Bên bán có trách nhiệm lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan hiệp thương giá xem xét, quyết định giá hiệp thương. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện tương tự như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định. Quyết định giá hiệp thương chỉ được áp dụng một lần cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương, theo đúng vụ việc mua, bán, khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác.Việc quy định như trên thể hiện rõ tính chất của biện pháp hiệp thương giá hướng đến đề cao việc thỏa thuận giữa các bên trong đó có vai trò trung gian của cơ quan tổ chức nhằm hướng đến mục tiêu hài hòa lợi ích, đảm bảo giao dịch được diễn ra minh bạch, phù hợp với quy luật kinh tế thị trường. Mặt khác, cũng quy định rõ phạm vi áp dụng giá hiệp thương nhằm tránh các trường hợp lợi dụng mức giá hiệp thương để sử dụng cho các mục đích khác, không đúng với yêu cầu hiệp thương và vụ việc mua bán.

6. Chính sách thứ về kê khai giá được xây dựng trên cơ sở bỏ biện pháp đăng ký giá, đồng thời tăng cường biện pháp kê khai giá để có cơ chế kiểm soát hoạt động này; gắn với đó là danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai sẽ giao Chính quy định cụ thể, đồng thời đẩy mạnh phân công, phân cấp trong tiếp nhận kê khai giá. Căn cứ nội dung chính sách, tại dự thảo Luật đã quy định rõ như sau:

a) Kê khai giá là biện pháp tiếp nhận thông tin về giá của một số hàng hóa, dịch vụ để phục vụ cho công tác quản lý, điều tiết giá; thông tin giá kê khai sẽ được cập nhập trên cơ sở dữ liệu về giá. Bên cạnh đó, nhằm khắc phục những bất cập hiện hành, tại dự thảo Luật cũng đã quy định việc kê khai được tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện ***sau khi*** quyết định giá nhằm tạo thuận lợi cho thực tiễn triển khai tại đơn vị thay cho quy định hiện hành là việc kê khai phải được thực hiện trước khi tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quyết định giá. Đây là một trong những thay đổi căn bản trong biện pháp kê khai giá nhằm tạo thuận lợi cho các đơn vị thực hiện kê khai.

b) Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá, tại dự thảo Luật quy định nguyên tắc để xác định các trường hợp kê khai gồm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp quyết định theo giá tham chiếu; một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân. Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được tự quyết định giá và thực hiện kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Để tăng cường hoạt động này tại dự thảo luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục và cơ quan tiếp nhận kê khai.

c) Bên cạnh đó, với vai trò là một hình thức công khai về giá nhằm tăng cường tính minh bạch trong mua, bán trên thị trường, các quy định về niêm yết giá cũng được Luật hóa từ Nghị định nhằm tăng tính pháp lý cho việc tổ chức thực hiện. Theo đó, tại dự thảo Luật cơ bản kế thừa các quy định hiện hành song cũng quy định chi tiết hơn đối với một số nội dung phải thực hiện niêm yết cũng như quyền, trách nhiệm của các bên mua, bán trên thị trường.

7. Chính sách về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kiểm tra thi hành pháp luật về giá được đề xuất trên cơ sở cụ thể hóa toàn diện quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá về nguyên tắc và nội dung, trách nhiệm triển khai; Đồng thời, quy định cụ thể hơn về xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá; công tác kiểm tra thi hành pháp luật về giá. Tại dự thảo Luật đã cụ thể hóa như sau:

a) Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo được quy định tại Chương V: Đã quy định điều chỉnh rõ các vấn đề đã triển khai có hiệu quả trong thực tiễn gồm mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; các nhiệm vụ phải triển khai về xây dựng báo cáo, kịch bản điều hành giá. Theo đó, kết quả đầu ra của hoạt động là báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (trong đó có nội dung kịch bản điều hành giá) nhằm phục vụ

công tác quản lý, điều hành giá, bình ổn giá của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

Việc xây dựng kịch bản điều hành giá được quy định là hoạt động trung tâm của nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo "Kịch bản điều hành giá là dự báo về diễn biến lạm phát và các giải pháp, biện pháp điều hành giá trong một giai đoạn nhất định". Kịch bản điều hành giá sẽ là cơ sở cho việc đề xuất phương hướng quản lý, điều hành giá trong năm cũng như đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát cho năm tiếp theo nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, tại Điều 40 cũng đã quy định chi tiết quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện; Trong đó nhấn mạnh trách nhiệm về phối hợp, cung cấp thông tin về giá cả giữa các Bộ, ngành, địa phương.

Đồng thời cũng đã tăng cường pháp lý cho việc triển khai cơ sở dữ liệu về giá làm nguồn thông tin quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và nhu cầu của xã hội.

b) Các nội dung về cơ sở dữ liệu về giá cũng được Luật hóa và quy định chi tiết: Cơ sở dữ liệu giá sẽ gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đặt tại Bộ Tài chính và gắn với đó thì các Bộ, ngành có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu về giá cho cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (thay vì phải xây dựng cơ sở dữ liệu về giá riêng như quy định hiện hành); việc xây dựng các cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương sẽ được tiếp tục triển khai thực hiện, được đặt tại Sở Tài chính và phải được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

c) Về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, tại Chương VII dự thảo Luật đã quy định về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá để củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai hoạt động này, tăng cường công tác quản lý, điều hành giá trong thời gian tới.

8. Đối với các chính sách về thẩm định giá đã đề xuất các nội dung: Củng cố, tăng cường tiêu chuẩn, điều kiện của thẩm định viên về giá, gắn với đó là nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của thẩm định viên trong hoạt động thẩm định giá. Xử lý các chồng chéo, vướng mắc trong quản lý thẩm định viên về giá; đồng thời thực hiện chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên về giá theo năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá để hướng đến tính chuyên nghiệp, chuyên sâu. Tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Bổ sung, hoàn thiện các quy định về giám sát, quản trị doanh nghiệp, nhất là đối với mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Tại dự thảo Luật đã cụ thể hóa như sau:

a) Về quy định chung về thẩm định giá: dự thảo Luật cơ bản kế thừa quy định hiện hành, có sửa đổi, bổ sung, kết cấu lại cho phù hợp với tính chất của hoạt động thẩm định giá. Theo đó, tại khoản 14 Điều 4 (giải thích từ ngữ) đã quy

định *thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam*. Đồng thời, để khắc phục một số vướng mắc hiện nay, tại Điều 43 dự thảo Luật đã quy định rõ phạm vi hoạt động thẩm định giá bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện.

b) Về dịch vụ thẩm định giá: tại dự thảo Luật bổ sung hoàn thiện quy định tiêu chuẩn đối với thẩm định viên về giá theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực tài sản thẩm định giá; củng cố các điều kiện hành nghề đối với thẩm định viên về giá; tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, quản lý hoạt động trong quá trình cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhằm kiện toàn và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Cụ thể như sau:

- Đối với Thẻ thẩm định viên về giá: Dự thảo Luật cơ bản kế thừa các quy định hiện hành, đồng thời củng cố theo hướng chuyên môn hóa hoạt động của thẩm định viên theo lĩnh vực tài sản. Theo đó, Thẻ thẩm định viên về giá được chuyên môn hóa theo 02 lĩnh vực gồm: thẩm định giá tài sản (bất động sản, động sản và các hàng hóa, dịch vụ thông thường) và thẩm định giá doanh nghiệp (doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình...); điều này góp phần nâng cao chất lượng thẩm định viên theo lĩnh vực chuyên môn sâu, cũng như tiết kiệm nguồn lực xã hội trong học tập, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá. Đồng thời, tại dự thảo Luật quy định việc tổ chức thi sẽ hướng tới việc xã hội hóa trong việc tổ chức thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá, theo đó Bộ Tài chính chỉ ban hành quy định về việc tổ chức thi và thực hiện giám sát hoạt động này.

- Đối với Thẩm định viên về giá: Theo quy định của Luật hiện hành, thẩm định viên về giá không được hành nghề với tư cách cá nhân; người có thẻ thẩm định viên về giá khi có nhu cầu hành nghề thẩm định giá phải gắn với hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, Luật hiện hành quy định việc đăng ký hành nghề là tại doanh nghiệp thẩm định giá để xác định được doanh nghiệp thẩm định viên đang làm việc. Với tính chất của ngành nghề thì việc quản lý đăng ký hành nghề của thẩm định viên tại doanh nghiệp gắn với quản lý hoạt động của doanh nghiệp là một hoạt động xuyên suốt từ khâu thành lập đến quá trình hoạt động và là một trong các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá tương tự như một số lĩnh vực về kiểm toán, luật sư... Do đó, trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, Luật sửa đổi đã quy định rõ hơn việc đăng ký hành nghề với Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được công nhận là thẩm định viên về giá.

Trên cơ sở đó cũng khắc phục được hạn chế tại Luật hiện hành là không quy định cách thức xác nhận một người được coi là thẩm định viên về giá nên

chưa bảo đảm tính chặt chẽ, có thể gây nhầm lẫn khi coi người có Thẻ thẩm định viên về giá đồng thời là thẩm định viên về giá. Tại dự thảo Luật quy định thẩm định viên về giá phải là những người có Thẻ thẩm định viên và đang hành nghề thẩm định giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá. Điều kiện để đăng ký hành nghề phải là người có Thẻ thẩm định viên và có kinh nghiệm 36 tháng làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá để nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá.

Đồng thời để khắc phục những quy định trùng chéo, mâu thuẫn tại các luật chuyên ngành làm ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Tại dự thảo Luật quy định rõ thẩm định viên về giá được tham gia các hoạt động tư vấn xác định giá tất cả các tài sản, hàng hóa, dịch vụ mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ, điều kiện chuyên môn khác.

Bên cạnh đó, nhằm quản lý chặt chẽ hơn đối với các thẩm định viên về giá, đã quy định về những điều cấm đối với thẩm định viên về giá, quy định một số trường hợp xử lý đối với thẩm định viên về giá khi vi phạm pháp luật về thẩm định giá như tước thẻ, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá, qua đó tăng cường tính răn đe đối với thẩm định viên, góp phần yêu cầu các thẩm định viên không ngừng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

- Đối với điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung các điều kiện nhằm siết chặt việc hoạt động của các doanh nghiệp thẩm định giá như nâng điều kiện số lượng thẩm định viên tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 3 lên có ít nhất 5 thẻ thẩm định viên về giá. Các doanh nghiệp có trách nhiệm mua bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp hoặc trích lập dự phòng; đồng thời đối với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì bổ sung quy định tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn, cổ đông là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Trong quá trình xin ý kiến rộng rãi vào dự thảo Luật giá sửa đổi, một số ý kiến đề xuất loại hình doanh nghiệp thẩm định chỉ nên hoạt động theo mô hình đối nhân gồm: doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Với mô hình loại hình công ty đối nhân sẽ siết chặt trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, cũng sẽ bị hạn chế hơn rất nhiều so với loại hình công ty đối vốn, theo đó, việc quản lý điều kiện hành nghề của các thẩm định viên, nhất là thẩm định viên là người đại diện theo pháp luật cũng sẽ chặt chẽ hơn.

Tuy nhiên, tại dự thảo Luật sửa đổi đã bổ sung, củng cố các quy định nhằm thắt chặt điều kiện thành lập và quản lý hoạt động đối với doanh nghiệp thẩm định giá để dù loại hình doanh nghiệp nào cũng chịu sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ. Đồng thời 100% các doanh nghiệp thẩm định giá đang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên,

chưa có doanh nghiệp thẩm định giá nào hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh. Nếu chuyển đổi hết sang doanh nghiệp đối nhân sẽ gây xáo trộn đến hoạt động cung cấp dịch vụ và mất nhiều chi phí cho các doanh nghiệp. Do đó, mô hình doanh nghiệp thẩm định giá được giữ nguyên như Luật hiện hành, nhưng với yêu cầu phải có giải pháp để siết chặt hơn đối với các loại hình công ty đối vốn nên tại dự thảo Luật giá sửa đổi đã bổ sung các quy định điều kiện về tỷ lệ vốn góp của thành viên, cổ đông là thẩm định viên phải chiếm trên 50% vốn điều lệ nhằm đảm bảo tính kiểm soát của các cổ đông là thẩm định viên.

- Về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung điều kiện các thẩm định viên về giá hành nghề tại chi nhánh phải có ít nhất 03 Thẻ thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp và các chi nhánh khác.

- Về người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều về người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá trên cơ sở luật hóa quy định tại nghị định để nâng cao tính pháp lý của quy định này, đồng thời tiếp tục khẳng định giá trị pháp lý của các quy định này trong thực tiễn quản lý hoạt động thẩm định giá.

- Về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá nhằm quản lý chặt chẽ hơn hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có biến động về thẩm định viên về giá ảnh hưởng đến điều kiện hoạt động.

- Về đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá nhằm tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động phát hiện và ngăn ngừa rủi ro.

- Về giải quyết tranh chấp giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá về kết quả thẩm định giá. Theo quy định thì mối quan hệ giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng được thực hiện thông qua hợp đồng thẩm định giá (là hợp đồng dân sự). Vì vậy, khi phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua cơ chế (i) thương lượng, hòa giải trên cơ sở những cam kết đã ghi trong hợp đồng thẩm định giá; (ii) giải quyết bằng trọng tài thương mại; (iii) khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Để tạo điều kiện cho các bên và làm rõ cơ chế giải quyết tranh chấp, tại dự thảo Luật quy định một điều (Điều 61) để dẫn chiếu các quy định hiện hành để thực hiện khi có phát sinh.

- Dự thảo Luật bỏ quy định về hoạt động của Tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam bởi việc thực hiện cung cấp dịch vụ thẩm định giá phải tuân thủ hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam quy định tại Luật giá; như vậy,

việc thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp thẩm định giá tại Việt Nam của các tổ chức nước ngoài vẫn phải tuân thủ theo các quy định chung về điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Luật giá. Việc quy định riêng về hoạt động của Tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam là không cần thiết.

9. Chính sách về thẩm định giá của nhà nước được xây dựng trên cơ sở bổ sung các quy định để rõ hơn về phạm vi áp dụng thực hiện thẩm định giá nhà nước; Đồng thời củng cố cơ chế triển khai thẩm định giá của Nhà nước theo phương thức Hội đồng nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức thực hiện. Tại dự thảo Luật đã cụ thể hóa như sau:

a) Về phạm vi thẩm định giá của Nhà nước, tại dự thảo Luật quy định các trường hợp phải thẩm định giá của Nhà nước gồm: (1). Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước; (2). Các trường hợp mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước mà người có thẩm quyền phê duyệt giá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước trong các phương thức được quy định làm căn cứ xác định giá; (3). Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.

Trên cơ sở đó, quy định thống nhất phương thức thực hiện được quy định thông qua Hội đồng thẩm định giá nhằm khắc phục hạn chế, vướng mắc hiện nay, đồng thời tăng cường tính pháp lý cho việc triển khai cũng như kết quả thẩm định giá nhà nước.

b) Về kết quả thẩm định giá Hội đồng, tại dự thảo Luật quy định được sử dụng là một trong những cơ sở để cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quyết định về giá tài sản để phục vụ việc quản lý, sử dụng tài sản; bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê theo quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng loại tài sản, số lượng tài sản tại văn bản giao nhiệm vụ thẩm định giá.

V. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT GIÁ SỬA ĐỔI SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về tổ chức thực hiện

Dự kiến khi Luật ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật.

2. Về kinh phí

a) Kinh phí triển khai quy định trong Luật giá (sửa đổi)

Dự kiến để tổ chức thi hành Luật, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật giá (sửa đổi): dự kiến

Chính phủ ban hành 03 nghị định, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành 02 thông tư về lĩnh vực quản lý, điều hành giá và 08 Thông tư trong lĩnh vực quản lý thẩm định giá. Nguồn kinh phí được dự toán và phân bổ trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm của cơ quan soạn thảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành

- Bộ Tài chính dự kiến tổ chức các Hội nghị, hội thảo để phổ biến, tuyên truyền về các nội dung tại Luật giá (sửa đổi). Kinh phí được dự toán và bố trí trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, kinh phí thực hiện hoạt động này còn được huy động từ các nguồn hợp pháp các chương trình, dự án khác được tài trợ để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện.

- Về nguồn lực phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá ở cấp địa phương: hiện nay các quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá ở địa phương đã được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; thực tiễn tại các địa phương đã triển khai (hoặc bắt đầu triển khai) xây dựng các cơ sở dữ liệu này để phục vụ công tác quản lý giá trên địa bàn. Do vậy, việc Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu sẽ không làm phát sinh thêm các chi phí, nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành Luật.

- Về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Phần lớn các điều kiện quy định tại dự thảo Luật giá sửa đổi về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được giữ như thời điểm hiện tại. Riêng việc điều chỉnh các quy định về số lượng thẻ thẩm định viên tối thiểu tại doanh nghiệp (từ 3 lên 5 thẩm định viên) và chi nhánh doanh nghiệp (từ 2 lên 3 thẩm định viên) có thể phát sinh chi phí trong việc tuyển dụng, đào tạo cho các doanh nghiệp chưa đáp ứng được ngay điều kiện này. Theo số liệu đăng ký hành nghề từ đầu năm 2022, có 279 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, trong đó có 158 doanh nghiệp có số lượng thẩm định viên dưới 5 (115 doanh nghiệp có 3 thẩm định viên, 43 doanh nghiệp có 4 thẩm định viên); các doanh nghiệp này về nguyên tắc cần phải có thời gian và chi phí để bồi dưỡng, đào tạo hoặc tuyển dụng thêm để đáp ứng điều kiện về số lượng thẩm định viên. Tuy nhiên, với số lượng thẩm định viên đăng ký hành nghề đầu năm 2022 mới chỉ là 1.462 thẩm định viên, trong khi đó tổng số người đã được cấp thẻ thẩm định viên đến thời điểm hiện nay là 2.352 người thì việc tuyển dụng bổ sung thêm thẩm định viên tại các doanh nghiệp đang có số lượng thẩm định viên dưới 5 không phải là vấn đề phức tạp và kinh phí phát sinh thực tế không lớn, mặt khác Luật sửa đổi khi chính thức được ban hành cũng sẽ có thời gian chuyển tiếp để các doanh nghiệp hoàn thiện các điều kiện nên sẽ không tạo áp lực với kinh phí thường xuyên của đơn vị.

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật giá (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội./.

Chính phủ trân trọng gửi kèm Tờ trình Quốc hội: (1) Tờ trình tóm tắt về Dự án Luật giá (sửa đổi); (2) Dự thảo Luật giá (sửa đổi); (3) Báo cáo về việc tiếp thu, giải trình chi tiết ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Dự án Luật giá (sửa đổi); (4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về Dự án Luật giá (sửa đổi); (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (6) Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan; (7) Bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan; (8) Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá; (9) Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi); (10) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (11) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự án Luật; (12) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật; (13) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính; (14) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế;(15) Báo cáo rà soát Luật giá với các cam kết, thỏa thuận quốc tế; (16) Bản thuyết minh danh mục định giá, bảng so sánh Luật giá (sửa đổi) và Luật giá số 11/2012/QH13.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Các Vụ: KTTH, NN, CN, KGVX;
- Lưu: VT, PL (03).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(Đã ký)

Hồ Đức Phớc

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 357/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

TỜ TRÌNH TÓM TẮT
Về Dự án Luật Giá (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội khóa XV; Chính phủ đã triển khai xây dựng Dự án Luật giá (sửa đổi) và xin trình Quốc hội như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN THI HÀNH LUẬT GIÁ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI)

1. Đánh giá thực tiễn thi hành

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 thay thế Pháp lệnh giá năm 2002 đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự kinh tế; Qua đó, tạo khung pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý, điều hành giá được thực hiện nhất quán theo cơ chế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Sau 9 năm thực hiện, Luật giá đã đi vào cuộc sống, đạt được nhiều kết quả tích cực; đồng thời cũng phát sinh tồn tại, hạn chế, nhất là tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật giá và các Luật chuyên ngành khác có quy định về giá *(Kết quả đánh giá cụ thể chi tiết tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá và được khái quát tại Tờ trình đầy đủ của Chính phủ).*

2. Cơ sở chính trị và sự cần thiết ban hành Luật

a) Cơ sở chính trị cho việc xây dựng Luật:

- Tại văn kiện Đại hội Đảng XIII đã xác định mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hoá, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ các nguồn lực. Trong đó, thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản.

- Tai Nghị quyết 18 – NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII cũng đặt ra việc cần thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn

quyền hạn với trách nhiệm; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.

b) Trên cơ sở việc đánh giá chi tiết, Quốc hội đã thống nhất sự cần thiết ban hành Luật giá (sửa đổi) và bổ sung Dự án Luật vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2022 với các lý do:

- Hoàn thiện thể chế pháp luật về giá nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

- Khắc phục những tồn tại hạn chế sau 9 năm thi hành Luật, nhất là sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật giá với các luật chuyên ngành; hạn chế sự phân tán, thiếu tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về giá.

- Đáp ứng các yêu cầu về tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích, yêu cầu xây dựng Dự án Luật

a) Thể chế hóa đầy đủ, đúng chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước, theo đó Luật giá phải quy định đúng đắn, hợp lý về vai trò quản lý nhà nước; xác định rõ ranh giới, mức độ, phạm vi, biện pháp điều tiết của Nhà nước đối với thị trường trên cơ sở tôn trọng quy luật thị trường, khắc phục những tác động tiêu cực của thị trường, nhưng mặt khác vẫn phải bảo đảm quyền tự định đoạt, tự do kinh doanh của doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới để làm tăng tính cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tránh can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, nhất là đối tượng yếu thế nhưng không bao cấp.

b) Khắc phục những vướng mắc về thể chế, những lỗ hổng chính sách; những bất hợp lý của hệ thống pháp luật đang cản trở quá trình phát triển; tạo sự minh bạch trong quản lý nhà nước về giá, công khai thông tin doanh nghiệp; xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

c) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, cụ thể, khả thi của Luật giá với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế; đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Dự án Luật

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hướng đến thực hiện các mục tiêu hài hòa lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, người dân và nhà nước, góp phần kiểm soát lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b) Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành có quy định về giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa

đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc; đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Công tác tổ chức xây dựng Luật được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm việc tổ chức tổng kết, đánh giá thi hành Luật giá 2012; trình Quốc hội về đề xuất xây dựng Luật; thành lập Ban soạn thảo, tổ biên tập để tổ chức soạn thảo Luật; tổ chức hội nghị, hội thảo, xin ý kiến rộng rãi bằng văn bản đối với dự thảo Luật; tổ chức thẩm định, thẩm tra Dự án Luật theo đúng quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

Dự thảo Luật giá (sửa đổi) gồm 8 chương, 72 điều, so với Luật hiện hành đã bổ sung 3 chương về (i) *Chương III về nội dung quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước* (ii) *Chương V về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường* và (iii) *Chương VII về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá* nhằm củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai nhiệm vụ này trong thực tiễn.

Nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi) đã bám sát mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 09 nhóm chính sách đề nghị xây dựng Dự án Luật, cụ thể:

1. Những quy định chung:

a) Dự thảo Luật cơ bản kế thừa, cụ thể hóa các quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại luật hiện hành; sửa đổi, chuẩn hóa các thuật ngữ cho hợp với thực tiễn và pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm thống nhất trong thực tiễn áp dụng; bỏ quy định về thanh tra chuyên ngành về giá để đảm bảo thực hiện thống nhất theo Luật thanh tra. Bên cạnh đó, bổ sung quy định tại Điều 3 về nguyên tắc áp dụng Luật giá với các Luật khác có liên quan để đảm bảo nguyên tắc về việc xử lý các chồng chéo khi có các quy định khác nhau giữa các Luật khác ban hành trước và sau khi Luật giá có hiệu lực thi hành nhằm tăng cường tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật về giá.

b) Đối với các quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành.

c) Việc phân công, phân cấp triển khai quản lý nhà nước về giá chưa rõ ràng trong thời gian qua là một trong các tồn tại, hạn chế đã được phân tích tại Báo cáo tổng kết, thi hành Luật. Trên cơ sở đó, tại dự thảo Luật đã bổ sung chương III quy định chi tiết, cụ thể các nội dung quản lý nhà nước về giá, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chính sách về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá:

a) Về tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, bên cạnh 3 tiêu chí tại Luật 2012 tiếp tục được kế thừa thì tại Luật sửa đổi đã bổ sung thêm tiêu chí *"Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội, đời sống người dân, sản xuất kinh doanh"* nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn hiện nay, một số mặt hàng đã được bổ sung tại các Luật chuyên ngành và sẽ được cập nhập tại Luật giá.

b) Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, tại nội dung chính sách đã đề xuất giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết danh mục trên cơ sở các nguyên tắc được quy định tại Luật nhằm tăng cường sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai.

Vấn đề này cũng còn có nhiều ý kiến khác nhau ngay trong khâu xây dựng chính sách; khi tiến hành soạn thảo Luật, trên cơ sở đánh giá kỹ hơn cho thấy để có thể khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thời gian vừa qua thì giải pháp tối ưu là vẫn tiếp tục kế thừa để *quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật gắn với đó là quy định rõ hình thức, thẩm quyền trách nhiệm định giá* của các cấp cơ quan quản lý (tương tự như danh mục tại Luật phí, lệ phí). Quy định này mặc dù thay đổi so với phương án chính sách đề xuất áp dụng nhưng cũng đã được đánh giá tác động chi tiết tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Trên cơ sở đó trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ sẽ do Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã tiến hành rà soát, cập nhập Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá hiện đang được quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành gồm 52 nhóm hàng hóa, dịch vụ: (i) có 17 nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện được quy định tại Luật giá hiện hành; (ii) có 35 nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện được quy định tại Luật chuyên ngành (trong đó có 17 hàng hóa, dịch vụ cụ thể được chuyển từ phí sang thực hiện định giá theo quy định tại Luật phí, lệ phí 2015; 18 hàng hóa, dịch vụ được quy định tại các Luật chuyên ngành).

Qua rà soát, đề xuất đưa ra khỏi Danh mục 14 hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với 4 tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã đề ra tại Luật và thực hiện theo cơ chế giá thị trường gồm:

(1) Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay, dịch vụ soi chiếu an ninh: hiện được quy định tại Luật hàng không dân dụng sửa đổi; qua rà soát cho thấy dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay (như dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ khí tượng) không còn phát sinh trong thực tiễn; dịch vụ soi chiếu an ninh thực tế đã nằm trong trong dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý và không cần thiết quy định riêng.

(2) Một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Hiện được quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP, là phần gia tăng của dịch vụ công của nhà nước,

thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định tại Luật phí, lệ phí, không cần thiết quy định định giá nhà nước.

(3) Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do các tổ chức cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán cung cấp (trừ dịch vụ do nhà nước cung cấp): Thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật Phí, lệ phí; qua rà soát cho thấy nhóm dịch vụ này đã có sự cạnh tranh từ nhiều tổ chức cung ứng dịch vụ nên không cần thiết phải định giá nhà nước.

(4) Thuốc lá điếu sản xuất trong nước: Được quy định tại Luật giá 2012; qua rà soát cho thấy việc quyết định giá tối thiểu của thuốc lá điếu sản xuất trong nước là nhằm hạn chế tiêu dùng; tuy nhiên, thuốc lá điếu cũng là sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, nên việc sử dụng công cụ giá là không còn phù hợp.

(5) Thù lao dịch vụ đấu giá: Được quy định tại Luật đấu giá; qua rà soát cho thấy dịch vụ đấu giá tài sản có tính tương đồng với một số dịch vụ như kiểm toán, thẩm định giá và có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng định giá nhà nước là không còn phù hợp.

(6) Dịch vụ quy hoạch: Được quy định tại Luật quy hoạch; qua rà soát cho thấy bản chất của vấn đề là việc phải quy định các yếu tố chi phí của việc lập, xây dựng quy hoạch để tính toán, xây dựng dự toán (có tính chất tương tự đối với một số hoạt động khác có sử dụng ngân sách nhà nước), không thuộc phạm vi điều chỉnh của biện pháp định giá nhà nước.

(7) Thù lao môi giới, dịch vụ đưa người lao động đi nước ngoài làm việc: Hiện được quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài; qua rà soát cho thấy dịch vụ có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng cơ chế định giá nhà nước là không phù hợp.

(8) Thù lao công chứng: Được quy định tại Luật công chứng; qua rà soát cho thấy dịch vụ có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng cơ chế định giá nhà nước là không phù hợp.

(9) Cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng: Được quy định tại Luật giá 2012; qua rà soát cho thấy việc xác định giá của dịch vụ này sẽ thực hiện theo phương thức thẩm định giá của nhà nước là phù hợp với bản chất của việc cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản công.

(10) Nước ngầm: Được quy định tại Luật giá 2012; qua rà soát cho thấy hiện mặt hàng được quy định thu tiền sử dụng tại Luật tài nguyên nước, tương đồng với các quy định về thu thuế tài nguyên, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

(11) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ: Thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí; qua rà soát cho thấy dịch vụ này không đáp ứng các tiêu chí đề ra đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá nhà nước, đến nay không cần thiết thực hiện theo cơ chế định giá nhà nước.

(12) Nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình đầu tư, xây dựng: Được quy định tại Luật nhà ở; qua rà soát cho thấy việc quản lý nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình đầu tư, xây dựng cần có sự thống nhất với việc quản lý giá nhà ở xã hội cho doanh nghiệp đầu tư, xây dựng hiện thực hiện theo việc quy định các chi phí, lợi nhuận định mức, phương pháp tính giá là phù hợp; việc quy định khung giá là không phù hợp. Mặt khác mặt hàng này cũng không phù hợp với các tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đề ra tại Luật.

(13) Mặt nước: Hiện quy định tại Luật giá và Nghị định 46/2014/NĐ-CP; qua rà soát cho thấy việc xác định giá thực tế là việc tính tiền cho thuê mặt nước (tương tự với việc tính tiền cho thuê đất), được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính đối với việc sử dụng từng loại tài sản. Vì vậy, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

(14) Dịch vụ sử dụng khu vực biển: Hiện quy định tại Luật thủy sản và Nghị định 11/2021/NĐ-CP; tương tự như đối với mặt nước, việc xác định giá dịch vụ này thực tế là việc tính tiền cho thuê khu vực biển, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

Trên cơ sở đó, tại Điều 70 dự thảo Luật đã quy định về việc sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại các Luật chuyên ngành có quy định về các hàng hóa, dịch vụ này nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, Chính phủ đề nghị bổ sung 02 mặt hàng gồm:

(1) Sách giáo khoa: Là mặt hàng có thị trường cạnh tranh hạn chế, ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân. Mặt hàng này được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá; tại Nghị quyết kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV đã thống nhất, yêu cầu bổ sung sách giáo khoa vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi sửa đổi Luật giá. Việc định giá mặt hàng này sẽ giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo định giá tối đa, các nhà xuất bản quyết định giá cụ thể.

(2) Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh: Mặt hàng này do Bộ Quốc phòng đề nghị bổ sung vào Danh mục vì thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật thương mại và Nghị định 94/2017/NĐ-CP, phù hợp với các tiêu chí tại Luật. Theo đánh giá của Bộ Quốc phòng thì việc bổ sung là rất cần thiết để triển khai nhiệm vụ trong thực tiễn.

Riêng đối với dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc do Nhà nước đầu tư, trên cơ sở chủ trương của Quốc hội, Chính phủ sẽ khẩn trương nghiên cứu, đánh giá kĩ để có Đề án riêng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thực hiện. Do đó, trước mắt chưa đưa vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Phụ lục kèm theo dự thảo Luật này; trường hợp *cơ chế giá* dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc do nhà nước đầu tư được Quốc hội thông qua sẽ được cập nhật vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

Như vậy, tổng thể qua rà soát đối với 52 nhóm hàng hóa, dịch vụ, đã đưa ra khỏi danh mục 14 nhóm hàng hóa, dịch vụ và bổ sung thêm 02 hàng hóa, dịch vụ vào danh mục; Danh mục cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật sẽ gồm 40 nhóm hàng hóa, dịch vụ.

c) Về thẩm quyền và trách nhiệm định giá đã bám sát định hướng chính sách về việc tăng cường phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá nói chung cũng như định giá nhà nước nói riêng, cụ thể:

"a) Thủ tướng Chính phủ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ chiến lược, đặc biệt quan trọng, có tác động lớn đến kinh tế vĩ mô, đời sống người dân;

b) Bộ Tài chính định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hàng hóa dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quản lý và ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo quy định pháp luật;

d) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn theo phạm vi quản lý.".

Như vậy, Chính phủ sẽ chỉ định hướng các mục tiêu quản lý, điều hành giá chung, ban hành hoặc chỉ đạo các Bộ ban hành các văn bản dưới Luật nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện; việc quy định như trên cũng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ định giá đối với một số mặt hàng chiến lược, đặc biệt quan trọng mà khi điều chỉnh giá cần xem xét toàn diện đến nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô, đời sống người dân (tại danh mục kèm theo Luật quy định thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu, biểu giá bán lẻ điện bình quân, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân). Trên cơ sở đó, thẩm quyền, trách nhiệm định giá các hàng hóa, dịch vụ cụ thể sẽ cơ bản được giao cho cấp Bộ theo lĩnh vực quản lý hàng hóa, dịch vụ và cấp Ủy ban nhân dân tỉnh theo phạm vi địa bàn quản lý.

3. Chính sách về phương pháp định giá: Đã quy định hai nhóm phương pháp ứng với từng trường hợp cụ thể tại Điều 24 như sau: (1) Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn chi tiết trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá cần phải quy định chi tiết hơn; (2) Trường hợp Luật khác có quy định về phương pháp định giá chuyên ngành, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp riêng (ví dụ như giá đất; giá dịch vụ khám chữa bệnh; giá dịch vụ giáo dục; tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan…).

Bên cạnh đó, tại Điều 33 dự thảo Luật đã quy định về giá tham chiếu. Theo đó, giá tham chiếu là một chỉ số trung bình của giá hàng hóa, dịch vụ tương ứng với một khung thời gian và do một cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc một tổ chức công bố định kỳ làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân xác định

giá hàng hóa, dịch vụ; mức giá cụ thể của hàng hóa, dịch vụ được xác định và điều chỉnh trên cơ sở giá tham chiếu. Tại Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng giá tham chiếu.

4. Chính sách về bình ổn giá

a) Tại Luật chỉ quy định nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 19) để bảo đảm tính linh hoạt trong thực hiện; đồng thời tại Điều 20 đã cụ thể hóa dấu hiệu để nhận diện các trường hợp áp dụng bình ổn giá; quy định cơ chế để xử lý tình huống hàng hóa, dịch vụ cần bình ổn nhưng chưa có trong danh mục để áp dụng trong các trường hợp công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai.

b) Các biện pháp bình ổn giá cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành, tuy nhiên có điều chỉnh theo nội dung chính sách. Trong đó, điều chỉnh gộp biện pháp đăng ký giá vào nội hàm biện pháp kê khai giá; điều chỉnh đưa biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá để quy định một điều riêng, trở thành một khâu trong quy trình bình ổn giá; đưa biện pháp lập quỹ bình ổn giá trong nhóm biện pháp bình ổn giá có thời hạn để quy định một điều riêng (Điều 22).

Bên cạnh đó, mặc dù tại dự thảo Luật giá sửa đổi không quy định điều chỉnh trực tiếp đối với Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, tuy nhiên do những quy định về lập quỹ bình ổn giá tại Luật cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tính pháp lý của quỹ bình ổn giá xăng dầu; Chính phủ báo cáo cụ thể Quốc hội về vấn đề này:

Quỹ bình ổn giá xăng dầu là quỹ đặc thù, được thành lập trước khi có các quy định về quỹ bình ổn giá tại Luật giá (được quy định tại Nghị định 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, sau đó là Nghị định 83/2014/NĐ-CP, nay là Nghị định 95/2021/NĐ-CP). Khác với các Quỹ tài chính khác, Quỹ bình ổn giá xăng dầu được hình thành và quản lý nhằm mục đích duy nhất là góp phần bình ổn giá xăng dầu; không phát sinh tổ chức bộ máy và không quản lý tập trung. Tổng mức trích lập hàng năm phụ thuộc vào sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước; tổng mức sử dụng phụ thuộc vào diễn biến thị trường, mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô từng thời kỳ và từng thời điểm điều hành giá. Thực tế việc quy định tại Luật giá chỉ có sự ảnh hưởng nhất định, theo hướng tăng cường cơ sở pháp lý của Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Đến nay cũng có rất nhiều ý kiến khác nhau về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu. Tại Báo cáo số 463-ĐGS ngày 22/10/2019 của Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quỹ tài chính ngoài Ngân sách Nhà nước, tuy chưa kiến nghị bỏ Quỹ nhưng cũng có nêu về Quỹ bình ổn giá xăng dầu đã không còn phù hợp. Việc thu trước của người tiêu dùng 300 đồng/lít để tạo Quỹ là nguyên nhân gây ra lạm phát thực tế và định kỳ điều chỉnh giá là nguyên nhân gây ra lạm phát kỳ vọng. Về dư luận xã hội thông qua phản ánh từ báo chí, các chuyên gia thì cũng có nêu các cơ quan quản lý cần xem xét, nghiên cứu xóa bỏ Quỹ bình ổn giá

xăng dầu để tăng tính chủ động, linh hoạt trong điều chỉnh giá, để giá xăng dầu trong nước vận hành theo giá thế giới. Trên cơ sở đó, tại dự thảo gửi lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng, có đề nghị rà soát đánh giá để xem xét sự cần thiết của Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Trong suốt thời gian qua, Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng nhất quán cho mục tiêu bình ổn giá xăng dầu theo đúng quy định của pháp luật. Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đã phát huy tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc tạo nên một "bước đệm" nhằm góp phần bình ổn giá (giữ ổn định hoặc giảm mức tăng) trong trường hợp cần thiết, linh hoạt trong việc bình ổn giá nhằm ổn định giá xăng dầu trong một thời kỳ hoặc không cho giá xăng dầu trong nước tăng sốc, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng và ổn định an sinh xã hội.

Trên cơ sở đánh giá kỹ cho thấy trong thời gian vừa qua diễn biến giá mặt hàng này phức tạp, khó dự báo nên công cụ Quỹ bình ổn giá vẫn cần thiết. Vì vậy, Chính phủ đã thống nhất đề xuất trước mắt chưa bỏ công cụ Quỹ bình ổn giá xăng dầu đồng thời củng cố các cơ chế trong triển khai, tổ chức thực hiện nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc sử dụng Quỹ.

Trên cơ sở đó, tại dự thảo Luật quy định 4 biện pháp bình ổn giá có thời hạn gồm (i) điều hòa, kiểm soát cung cầu; (ii) các biện pháp về tài chính, tiền tệ; (iii) quy định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá; (iv) áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên

c) Về thẩm quyền, trách nhiệm và tổ chức thực hiện bình ổn giá, tại Điều 21 dự thảo Luật đã quy định rõ trong từng trường hợp cụ thể sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, khi có dấu hiệu nhận diện biến động tăng quá cao hoặc giảm quá thấp gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường thì các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm đánh giá chi tiết và có văn bản gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ quyết định chủ trương bình ổn giá. Trên cơ sở đó sẽ triển khai bình ổn giá theo các bước: *Bước 1,* kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp; *Bước 2,* lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định; *Bước 3,* tổ chức triển khai thực hiện.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai thì có thể áp dụng bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ ngoài danh mục trong thời hạn nhất định (khoản 3 Điều 19). Theo đó, trong trường hợp phạm vi áp dụng trên quy mô vùng hoặc cả nước, Chính phủ quyết định ngay chủ trương, biện pháp, thời hạn, phạm vi bình ổn giá trên cơ sở đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trong trường hợp phạm vi áp dụng được giới hạn ở quy mô tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh quyết định ngay chủ trương, biện pháp bình ổn giá theo đề nghị của Sở Tài chính, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Chính sách về hiệp thương giá: Quy định rõ phạm vi hiệp thương giá chỉ thực hiện giữa các đối tượng là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Theo đó, trường hợp hiệp thương thành công, cơ quan hiệp thương lập biên bản ghi nhận mức giá hiệp thương để 2 bên thực hiện; trường hợp hiệp thương không thành, nếu cả 2 bên tiếp tục đề nghị thì bên bán lập phương án giá gửi cơ quan hiệp thương ban hành mức giá để 2 bên thực hiện.

6. Chính sách về kê khai giá: Quy định thời điểm kê khai là sau khi doanh nghiệp quyết định giá thay cho việc phải kê khai trước khi quyết định như hiện nay, quy định này là thay đổi căn bản hoạt động kê khai giá. Đồng thời, quy định nguyên tắc để xác định là hàng hóa, dịch vụ phải kê khai và giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục và cơ quan tiếp nhận kê khai, thông tin giá kê khai sẽ được cập nhập trên cơ sở dữ liệu về giá.

7. Về chính sách tổng hợp, phân tích, dự báo được quy định tại Chương V gồm các nội dung về mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; các nhiệm vụ phải triển khai về xây dựng báo cáo, kịch bản điều hành giá; kết quả đầu ra của hoạt động là báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (trong đó có nội dung kịch bản điều hành giá) nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành giá, bình ổn giá của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương. Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu giá sẽ gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đặt tại Bộ Tài chính và tại Sở Tài chính như hiện hành đảm bảo kết nối với nhau, phục vụ tốt cho các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và nhu cầu xã hội. Đồng thời bổ sung Chương VII quy định về công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá với các quy định về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

8. Đối với các chính sách về nội dung thẩm định giá và Doanh nghiệp thẩm định giá tại dự thảo Luật đã cụ thể hóa như sau:

a) Đối với Thẻ thẩm định viên về giá được chuyên môn hóa theo lĩnh vực gồm: thẩm định giá tài sản (bất động sản, động sản và các hàng hóa, dịch vụ thông thường) và thẩm định giá doanh nghiệp (doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình...); điều này góp phần nâng cao chất lượng thẩm định viên theo lĩnh vực chuyên môn sâu.

b) Đối với Thẩm định viên về giá hành nghề, quy định điều kiện phải là những người có Thẻ thẩm định viên và có kinh nghiệm 36 tháng làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá để nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá. Đồng thời, để khắc phục những bất cập hiện nay, tại dự thảo Luật đã quy định rõ Thẩm định viên về giá được tham gia các hoạt động tư vấn xác định giá tất cả các tài sản, hàng hóa, dịch vụ mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ, điều kiện chuyên môn khác.

c) Đối với điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, dự thảo Luật bổ sung các điều kiện nhằm siết chặt hoạt động như nâng điều kiện số lượng thẩm định viên tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 3 lên có ít nhất 5 Thẻ thẩm định viên về giá. Các doanh nghiệp có trách nhiệm mua bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp hoặc trích lập dự phòng; riêng đối với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì bổ sung quy định tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn, cổ đông là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhằm đảm bảo quyền kiểm soát của các thẩm định viên đối với doanh nghiệp thẩm định giá, tránh việc can thiệp và chi phối đối với hoạt động chuyên môn của các cổ đông không phải là thẩm định viên về giá.

9. Chính sách về thẩm định giá của Nhà nước

a) Về phạm vi thẩm định giá của Nhà nước, tại dự thảo Luật quy định các trường hợp phải thẩm định giá của Nhà nước gồm: (1) Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước; (2) Các trường hợp mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước mà cơ quan, tổ hức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt giá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước trong các phương thức được quy định làm căn cứ xác định giá; (3) Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước. Trên cơ sở đó, quy định thống nhất phương thức thực hiện được quy định thông qua Hội đồng thẩm định giá nhằm tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

b) Về kết quả thẩm định giá Hội đồng, tại dự thảo Luật quy định được sử dụng là một trong những cơ sở để cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quyết định về giá tài sản để phục vụ việc quản lý, sử dụng tài sản; bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình tóm tắt về một số nội dung cơ bản của Dự án Luật giá (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Các Vụ: KTTH, NN, CN, KGVX;
- Lưu: VT, PL (03).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(Đã ký)

Hồ Đức Phớc

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: /2023/QH15	*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO
TRÌNH QUỐC HỘI

LUẬT GIÁ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật giá.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước; hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; hoạt động thẩm định giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng Luật giá và các Luật có liên quan

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật giá và Luật khác được ban hành trước ngày Luật giá có hiệu lực thì thực hiện theo Luật giá, trừ trường hợp sau đây:

a) Thẩm quyền, hình thức, căn cứ, phương pháp và việc ban hành quyết định giá đất thực hiện theo Luật đất đai;

b) Căn cứ, phương pháp định giá và việc ban hành quyết định giá điện thực hiện theo quy định tại Luật điện lực; dịch vụ khám chữa bệnh thực hiện theo quy định tại Luật khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục thực hiện theo quy định tại Luật giáo dục, Luật giáo dục nghề nghiệp; tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan và các bên không thỏa thuận được giá bản quyền thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Trường hợp Luật khác ban hành sau ngày Luật giá có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về quản lý, điều tiết giá khác với quy định tại Luật giá thì

phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật giá, nội dung thực hiện theo quy định của Luật khác đó.

3. Trường hợp Luật khác ban hành sau ngày Luật giá có hiệu lực thi hành có quy định bổ sung thêm hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật này và quy định rõ về thẩm quyền, hình thức định giá của hàng hóa dịch vụ đó. Đồng thời phải xác định cụ thể nội dung về căn cứ, phương pháp, việc ban hành quyết định giá thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định tại Luật giá, nội dung thực hiện theo quy định của Luật khác đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hàng hóa* là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản.

2. *Dịch vụ* là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. *Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, kinh tế, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, nhu cầu phát triển kinh tế và quốc phòng, an ninh.

4. *Giá thị trường* là giá hàng hóa, dịch vụ trong giao dịch khách quan và độc lập được hình thành do các yếu tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

5. *Mặt bằng giá thị trường* là mức giá bình quân của hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong một thời kỳ tại một không gian nhất định và được phản ánh bằng chỉ số giá tiêu dùng.

6. *Giá thành toàn bộ của hàng hoá, dịch vụ* là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

a) Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ; giá mua hàng hoá, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại;

b) Chi phí lưu thông để đưa hàng hoá, dịch vụ bán ra thị trường.

7. *Yếu tố hình thành giá* gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý, hợp lệ tương ứng với chất lượng của hàng hóa, dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; giá trị vô hình của thương hiệu.

8. *Bình ổn giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp nhằm ổn định giá hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian.

9. *Định giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quyết định giá của hàng hóa, dịch vụ.

10. *Phương án giá* hàng hóa, dịch vụ là bản thuyết minh về sự cần thiết, các căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá, yếu tố hình thành giá, dự kiến tác động của mức giá đến đời sống người dân và kinh tế xã hội.

11. *Hiệp thương giá* là phương thức thỏa thuận giữa các doanh nghiệp về giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm trung gian hỗ trợ các bên thỏa thuận theo quy định của Luật này.

12. *Kê khai giá* là việc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận sau khi định giá, điều chỉnh giá.

13. *Niêm yết giá* là hình thức công khai mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ đến người tiêu dùng.

14. *Thẩm định giá* là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

15. *Thông đồng về giá, thẩm định giá* là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, cấu kết với khách hàng, người có liên quan nhằm làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá tài sản để trục lợi.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước

1. Quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ.

4. Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công; có chính sách về giá phù hợp với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các trường hợp theo quy định tại Luật khác có liên quan.

Điều 6. Công khai thông tin về giá, thẩm định giá

1. Cơ quan nhà nước thực hiện công khai:

a) Chủ trương, đề án, báo cáo, biện pháp quản lý, điều tiết giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Các văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, người có Thẻ thẩm định viên về giá; danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; danh sách người bị tước, thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá và một số thông tin về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai:

a) Giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân quyết định trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ kê khai;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá.

3. Việc công khai thông tin không áp dụng đối với các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước và các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật; đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực.

4. Các hình thức công khai gồm: đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, phát hành ấn phẩm hoặc gửi văn bản đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan hoặc các hình thức phù hợp khác. Đối với các nội dung công khai quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều này phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu về giá.

5. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, đưa tin về chính sách pháp luật về giá, cơ chế quản lý, điều hành giá chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá; cán bộ, công chức thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá:

a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá và tổ chức, cá nhân hoạt động thẩm định giá;

b) Tiết lộ, sử dụng thông tin do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi.

2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:

a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật, không chính xác về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ;

b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết trong các giao dịch mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm,

điều kiện mua, bán, phương thức vận chuyển, thanh toán, chất lượng; số lượng, tính năng, công dụng, hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ;

c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, chính sách của nhà nước và điều kiện bất thường khác để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý không phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá so với trước khi điều chỉnh giá;

d) Các hành vi thông đồng về giá, thẩm định giá dưới mọi hình thức để trục lợi.

3. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc; hạ giá dịch vụ để cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật về cạnh tranh; thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá;

b) Thông đồng về giá, thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi;

c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng;

d) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp;

đ) Kê khai không chính xác, không trung thực, giả mạo hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá.

4. Đối với thẩm định viên về giá:

a) Thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá;

b) Thông đồng về giá, thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi;

c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng;

d) Giả mạo, cho thuê, cho mượn Thẻ thẩm định viên về giá; sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan;

đ) Phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với tư cách cá nhân;

e) Ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá không đúng với lĩnh vực, nơi làm việc được thông báo hành nghề;

g) Thực hiện thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5. Đối với thành viên Hội đồng thẩm định giá:

a) Thông đồng về giá, thẩm định giá với người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi;

b) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá;

6. Đối với khách hàng thẩm định giá:

a) Cung cấp không chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá;

b) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giá để trục lợi;

c) Sử dụng Chứng thư thẩm định giá đã hết thời gian hiệu lực; sử dụng Chứng thư thẩm định giá không theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đưa ra các hình thức, điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này.

CHƯƠNG II

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 8. Quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

1. Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu.

3. Tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh trên cơ sở căn cứ giá tham chiếu được công bố.

4. Đấu thầu, đấu giá, thoả thuận giá, hiệp thương giá và cạnh tranh về giá dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật khi mua, bán hàng hoá, dịch vụ.

5. Áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ.

6. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá.

7. Hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá hàng nhập khẩu, đồng thời phải niêm

yết công khai tại nơi giao dịch về mức giá cũ, mức giá mới, thời hạn hạ giá đối với các trường hợp sau:

a) Hàng tươi sống;

b) Hàng hóa tồn kho;

c) Hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ;

d) Hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại theo quy định của pháp luật;

đ) Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể; thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh;

e) Hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước.

8. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

9. Tiếp cận thông tin về chính sách giá của Nhà nước; các biện pháp quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và các thông tin công khai khác.

10. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá; yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

1. Lập phương án giá hoặc báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để triển khai các biện pháp quản lý, điều tiết giá.

2. Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Kê khai giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

4. Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

5. Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ của mình.

7. Căn cứ nguyên tắc, phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ để xem xét định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

8. Giải quyết kịp thời các khiếu nại về giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh; bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền của người tiêu dùng

1. Lựa chọn, thỏa thuận về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ.

2. Góp ý kiến với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về giá, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

3. Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ; được cung cấp hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng gắn với giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết.

5. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

6. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của người tiêu dùng

1. Thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ.

2. Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 12. Nội dung quản lý nhà nước về giá

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Thực hiện hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước.

3. Thực hiện hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá.

4. Quản lý hoạt động thẩm định giá; tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.

5. Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá, thẩm định giá.

6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá.

8. Hợp tác quốc tế về giá, thẩm định giá.

9. Nội dung khác theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo thẩm quyền.

3. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

4. Quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá và giá tham chiếu.

5. Phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá, thực hiện bình ổn giá, trách nhiệm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

2. Xây dựng, trình Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

4. Trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá và giá tham chiếu.

5. Trình Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá trên phạm vi vùng hoặc cả nước; tổ chức thực hiện bình ổn giá theo phân công của Chính phủ.

6. Định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn thực hiện phương pháp.

7. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện kê khai giá.

8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

9. Tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

10. Quản lý hoạt động thẩm định giá:

a) Ban hành hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

b) Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nghiệp vụ thẩm định giá;

c) Quy định về việc thi, cấp, quản lý, tước có thời hạn và thu hồi thẻ thẩm định viên về giá;

d) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đình chỉ hoạt động kinh doanh thẩm định giá;

đ) Quản lý hoạt động hành nghề của thẩm định viên về giá;

e) Quản lý, giám sát hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hội nghề nghiệp về thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế về giá, thẩm định giá.

13. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.

14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

15. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

3. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

4. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá, áp dụng giá tham chiếu.

5. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ chủ trương bình ổn giá; tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

6. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định tại Luật này và Luật chuyên ngành.

7. Tiếp nhận kê khai giá theo phân công của Chính phủ.

8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

9. Cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ.

10. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định.

11. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

12. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

13. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân có ý kiến về Quyết định giá hàng hóa dịch vụ trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình xin ý kiến theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền.

5. Tổ chức phân công, phân cấp việc tiếp nhận kê khai giá trên địa bàn tỉnh; hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ.

6. Đề xuất với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

7. Đề xuất với Bộ Tài chính trong việc trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá.

8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn quản lý của địa phương.

9. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định.

10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 18. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao cơ quan quản lý giá thuộc Bộ giúp Bộ trưởng:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Điều 14 của Luật này;

b) Trực tiếp xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đình chỉ hoạt động kinh doanh thẩm định giá; quản lý hoạt động hành nghề của thẩm định viên về giá.

2. Căn cứ vào tổ chức, bộ máy hiện có, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 15 của Luật này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao:

a) Cơ quan tài chính cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Điều 17 của Luật này; Trực tiếp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Các Sở, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực quản lý.

CHƯƠNG IV
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Mục 1
BÌNH ỔN GIÁ

Điều 19. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

1. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu;

b) Có tác động ảnh hưởng toàn diện đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá. Việc trình Chính phủ điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá do Bộ

Tài chính chủ trì thực hiện trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai; trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương và biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trong thời hạn nhất định.

Điều 20. Nguyên tắc, các trường hợp và biện pháp bình ổn giá

1. Nguyên tắc bình ổn giá:

a) Thực hiện công khai, minh bạch;

b) Phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và bối cảnh kinh tế xã hội, mục tiêu kiểm soát lạm phát;

c) Xác định rõ thời hạn và phạm vi thực hiện trên phạm vi vùng, cả nước, tại địa phương.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định bình ổn giá trong các trường hợp sau đây:

a) Giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường;

b) Khi cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai.

3. Các biện pháp bình ổn giá có thời hạn:

a) Điều hòa, kiểm soát cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông;

b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Quy định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ và thời hạn áp dụng mức giá; việc quy định giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo các nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Mục 2 Chương này;

d) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 21. Thực hiện bình ổn giá

1. Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 được triển khai như sau:

a) Căn cứ lĩnh vực, phạm vi quản lý, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá mức độ biến động của giá hàng hóa, dịch vụ, xác định

phạm vi bình ổn giá; trên cơ sở đó có văn bản gửi Bộ Tài chính tổng hợp để trình Chính phủ quyết định chủ trương bình ổn giá;

b) Trên cơ sở chủ trương bình ổn giá của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện: kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; đánh giá cung cầu hàng hóa, dịch vụ để xác định nguyên nhân, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp bình ổn giá phù hợp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, báo cáo kết quả và đề xuất biện pháp bình ổn giá kịp thời;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá và thời hạn, phạm vi áp dụng bình ổn giá; tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định và báo cáo kết quả bình ổn giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 được triển khai như sau:

a) Trường hợp bình ổn giá trên phạm vi vùng hoặc cả nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế, phối hợp với Bộ Tài chính để trình Chính phủ quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn, phạm vi bình ổn giá phù hợp; trên cơ sở đó, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Chính phủ;

b) Trường hợp bình ổn giá tại phạm vi địa phương, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế phát sinh trên địa bàn và phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn, phạm vi bình ổn giá phù hợp. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả bình ổn giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn nhằm ổn định giá cả thị trường.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Quỹ bình ổn giá

1. Quỹ bình ổn giá là quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước được trích lập từ giá hàng hóa, dịch vụ và các nguồn tài chính hợp pháp khác và chỉ được sử dụng cho mục đích bình ổn giá. Chính phủ quy định chi tiết hàng hóa, dịch vụ chiến lược thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được lập quỹ bình ổn giá và việc quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá.

2. Doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng được lập quỹ bình ổn giá phải thực hiện các quy định về trích lập, sử dụng, quản lý quỹ bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Mục 2
ĐỊNH GIÁ

Điều 23. Nguyên tắc định giá

1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý; lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu hàng hóa, dịch vụ và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng.

3. Kịp thời xem xét điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

Điều 24. Căn cứ và phương pháp định giá

1. Căn cứ định giá:

a) Yếu tố hình thành giá của hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm định giá;

b) Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng;

c) Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm quyết định giá.

2. Phương pháp định giá:

a) Phương pháp định giá là cách thức, quy trình để xác định giá hàng hóa, dịch vụ. Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá cần hướng dẫn chi tiết, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn;

b) Đối với một số hàng hóa, dịch vụ mà Luật khác quy định về phương pháp định giá riêng, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp để thực hiện.

Điều 25. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật thương mại và các Luật khác;

b) Tài nguyên quan trọng;

c) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Các hình thức định giá:

a) Giá cụ thể là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải mua, bán theo đúng giá quy định;

b) Giá tối thiểu là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân không được định giá, mua, bán hàng hóa, dịch vụ thấp giá hơn giá quy định;

c) Giá tối đa là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân không được định giá, mua, bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn giá quy định;

d) Khung giá là khoảng giới hạn mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được định giá, mua, bán hàng hóa dịch vụ không thấp hơn giá tối thiểu và không cao hơn giá tối đa của khoảng giới hạn mức giá quy định.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm định giá:

a) Thủ tướng Chính phủ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ chiến lược, đặc biệt quan trọng, có tác động lớn đến kinh tế vĩ mô, đời sống người dân;

b) Bộ Tài chính định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hàng hóa dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quản lý và ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo quy định pháp luật;

d) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn theo phạm vi quản lý.

4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại Phụ lục kèm theo Luật này.

5. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Hàng hóa, dịch vụ đề nghị bổ sung vào Danh mục do Nhà nước định giá phải đáp ứng tiêu chí được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 26. Ban hành văn bản quyết định giá

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá xem xét ban hành văn bản quyết định giá trên cơ sở phương án giá hàng hóa, dịch vụ do đơn vị chuyên môn hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thẩm định theo quy định tại Luật này. Hình thức văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ là văn bản hành chính và không được đưa nội dung cơ chế, chính sách giá vào văn bản quyết định giá.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 18 Luật này thẩm định phương án giá để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá xem xét, ban hành văn bản quyết định giá.

3. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập phương án giá tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định để hoàn thiện phương án giá và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá xem xét, ban hành văn bản quyết định giá.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 3
HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 27. Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá

Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá phải đảm bảo các tiêu chí sau:

1. Không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán mà bên mua, bên bán phụ thuộc nhau khó có thể thay thế được.

Điều 28. Nguyên tắc hiệp thương giá

1. Các đối tượng đề nghị hiệp thương giá phải là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện mua, bán hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 27 Luật này.

2. Việc tiếp nhận, tổ chức hiệp thương giá được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; cả bên mua và bên bán phải có văn bản đề nghị hiệp thương giá.

3. Quá trình hiệp thương giá phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự quyết định giá của các bên đề nghị hiệp thương giá.

Điều 29. Thẩm quyền và trách nhiệm cơ quan hiệp thương giá

1. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý và đối tượng đề nghị hiệp thương giá là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý và với đối tượng đề nghị hiệp thương giá không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp các đối tượng đề nghị hiệp thương giá có trụ sở chính đóng tại hai địa phương khác nhau, bên mua và bên bán có trách nhiệm thống nhất đề nghị một trong hai địa phương tổ chức hiệp thương giá; trường hợp không thống nhất được thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực nơi bên bán đóng trụ sở chính có trách nhiệm hiệp thương giá.

Điều 30. Tổ chức hiệp thương giá

1. Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua, bên bán hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tiếp nhận rà soát đánh giá để làm rõ tiêu chí của hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá quy định tại Điều 27 Luật này. Trường hợp chưa rõ, cơ quan tiếp nhận yêu cầu các bên có văn bản bổ sung các thông tin về hàng hóa dịch vụ.

2. Cơ quan hiệp thương giá xác định làm rõ người đại diện của bên mua và bên bán; tổ chức hội nghị hiệp thương giá để bên mua và bên bán thương lượng với nhau về mức giá trên cơ sở hợp tác, hài hòa lợi ích giữa các bên.

3. Tại hội nghị hiệp thương giá, cơ quan hiệp thương giá có vai trò trung gian, tạo điều kiện để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không được can thiệp vào mức giá thương lượng giữa bên mua và bên bán.

4. Khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì hội nghị hiệp thương giá kết thúc; cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận kết quả hiệp thương. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị hiệp thương giá; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Bên mua và bên bán chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương.

5. Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá và tiếp tục đề nghị cơ quan hiệp thương giá quyết định giá hiệp thương thì cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận nội dung hội nghị hiệp thương giá. Bên bán có trách nhiệm lập phương án giá hiệp thương, lấy ý kiến bên mua để tổng hợp gửi cơ quan hiệp thương giá xem xét, quyết định giá hiệp thương. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định. Quyết định giá hiệp thương chỉ được áp dụng một lần cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương, theo đúng vụ việc mua, bán, khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác.

Mục 4
KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ, THAM CHIẾU GIÁ

Điều 31. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp quyết định theo giá tham chiếu; một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân.

2. Nội dung kê khai giá gồm mức giá gắn với tên, chủng loại, nước sản xuất (nếu có), chỉ tiêu chất lượng (nếu có) và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai.

3. Các trường hợp kê khai:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ; trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ đặc thù thì thực hiện kê khai giá bán lẻ và được quy định cụ thể tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ;

đ) Tổ chức, cá nhân có quyền quyết định giá theo quy định của Luật chuyên ngành.

4. Đối tượng kê khai giá và cơ quan tiếp nhận kê khai giá:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền tiếp nhận kê khai rà soát, ban hành danh sách đối tượng kê khai giá tại Bộ, cơ quan ngang Bộ;

b) Căn cứ danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát ban hành danh sách đối tượng kê khai giá tại địa phương;

c) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kê khai giá tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ và có trách nhiệm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá ngay sau khi quyết định giá theo quy định. Cơ quan tiếp nhận kê khai có trách nhiệm cập nhật thông tin giá kê khai trên cơ sở dữ liệu về giá; được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định; được yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố

hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá để làm cơ sở thực hiện các biện pháp quản lý, điều tiết giá.

5. Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ, thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá; quy trình, thời gian thực hiện kê khai giá và tổ chức tiếp nhận kê khai giá.

Điều 32. Niêm yết giá

1. Giá niêm yết là giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quyết định bằng Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

2. Việc niêm yết được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc trên các trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; giá niêm yết phải gắn với số lượng hoặc khối lượng hàng hóa, dịch vụ cụ thể, khuyến khích in trực tiếp lên bao bì của sản phẩm.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có giao dịch trực tiếp và trực tuyến với khách hàng tại địa điểm kinh doanh hoặc tại địa điểm khác theo quy định thực hiện niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ và không được bán cao hơn giá niêm yết; đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp có thỏa thuận với người tiêu dùng/khách hàng thì không được bán cao hơn giá đã niêm yết.

4. Người tiêu dùng có quyền khiếu nại, tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền về việc các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá không đúng quy định. Có quyền thỏa thuận về giá với các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh (nếu có).

5. Chính phủ quy định chi tiết về cách thức niêm yết giá.

Điều 33. Giá tham chiếu

1. Giá tham chiếu là mức giá đại diện của giá hàng hóa, dịch vụ tại thị trường trong nước hoặc quốc tế được tổ chức có thẩm quyền công bố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng làm căn cứ quyết định giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở giá tham chiếu, chịu trách nhiệm về quyết định giá của mình.

3. Chính phủ quy định chi tiết hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố hoặc thông tin về giá tham chiếu, cơ chế áp dụng giá tham chiếu.

Mục 5
KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 34. Mục đích, yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Kiểm tra yếu tố hình thành giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện để rà soát, đánh giá về tính hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá, cung cầu của hàng hóa, dịch vụ nhằm nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ để xem xét, quyết định thực hiện các giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá phù hợp.

2. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, kê khai giá có biến động bất thường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác có biến động bất thường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trương cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 35. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, điều tiết giá quy định tại Luật này; chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, điều tiết giá quy định tại Luật này; theo chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các trường hợp phát sinh khác trên địa bàn.

Điều 36. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Việc thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá phải đảm bảo công khai, minh bạch; xác định rõ đối tượng và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân. Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá.

2. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản thông báo về việc kiểm tra gửi đến tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra yếu tố hình thành giá có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến yếu tố hình thành giá;

c) Thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa không quá 30 ngày làm việc, việc kiểm tra được tiến hành trực tiếp tại trụ sở của tổ chức, cá nhân sản

xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian kiểm tra, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra, thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc;

d) Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá; báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm các nội dung về mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra, kết quả kiểm tra, nguyên nhân và đề xuất các biện pháp quản lý, điều tiết giá;

đ) Việc kiểm tra không được ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

3. Trong quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 37. Hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường là việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về giá trong một thời kỳ/chu kỳ để phân tích, đánh giá và dự báo về xu hướng biến động của giá, xây dựng kịch bản điều hành giá và đề ra phương hướng, giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá.

2. Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo mặt bằng giá thị trường

a) Tổ chức thu thập, phân tích giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ trên thị trường;

b) Xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong từng giai đoạn, thời kỳ gắn với mục tiêu kiểm soát lạm phát;

c) Đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát hàng năm và đề xuất các giải pháp về quản lý, điều hành giá nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá và tổ chức hoạt động cung cấp, công bố thông tin về giá.

Điều 38. Nguyên tắc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời.

2. Việc tổng hợp, phân tích số liệu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Việc dự báo giá thị trường phải được thực hiện khoa học, gắn với yêu cầu công tác quản lý, điều tiết giá.

Điều 39. Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tổng hợp mặt bằng giá chung và diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong nước và thế giới phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về giá; phân tích các nguyên nhân biến động giá; đánh giá tác động của biến động kinh tế, chính trị trong và ngoài nước đến công tác quản lý, điều hành giá;

b) Kịch bản điều hành giá;

c) Phương hướng, giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá.

2. Kịch bản điều hành giá là dự báo về diễn biến lạm phát và các giải pháp, biện pháp điều hành giá trong một giai đoạn nhất định.

3. Bộ Tài chính quy định về chế độ báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Điều 40. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo

1. Bộ Tài chính là đầu mối của tổ tư vấn về điều hành giá cho Thủ tướng Chính phủ, có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 41. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và các nhu cầu của xã hội do Bộ Tài chính thống nhất quản lý. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương. Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương phải bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về giá phải ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo đầy đủ, nhanh chóng, chính xác theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cung cấp và thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Chính phủ quy định chi tiết về xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 42. Kinh phí bảo đảm công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và hoạt động quản lý, điều hành giá được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ. Bộ Tài chính quy định về nội dung, định mức chi, dự toán và quyết toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu về giá:

a) Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Hằng năm, cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu về giá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết điều này.

CHƯƠNG VI
THẨM ĐỊNH GIÁ

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 43. Hoạt động thẩm định giá

1. Hoạt động thẩm định giá gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.

2. Hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện, được giao kết bằng hợp đồng dân sự; hoạt động thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3. Tài sản thẩm định giá là tài sản quy định tại Bộ luật dân sự, được cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá theo nhu cầu hoặc các trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá.

Điều 44. Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá

1. Tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

2. Độc lập, khách quan, trung thực.

3. Chịu trách nhiệm về hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Hội nghề nghiệp về thẩm định giá

1. Hội nghề nghiệp về thẩm định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội nghề nghiệp về thẩm định giá được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá, cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

Mục 2
DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 46. Thẻ thẩm định viên về giá

1. Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp cấp cho người đạt yêu cầu tại kỳ thi thẩm định viên về giá.

2. Người tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá phù hợp với lĩnh vực chuyên môn dự thi do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá.

3. Bộ Tài chính quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.

Điều 47. Đăng ký hành nghề thẩm định giá

1. Điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá của người có Thẻ thẩm định viên về giá:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn đang có hiệu lực với doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Có thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ 36 tháng trở lên;

d) Có giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo lĩnh vực chuyên môn trừ trường hợp Thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

đ) Không thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều này.

2. Đối tượng không được hành nghề thẩm định giá:

a) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

b) Người đang bị cấm hành nghề thẩm định giá theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; người đã bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, giá, thẩm định giá mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đang bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

c) Người đang bị tước Thẻ thẩm định viên về giá.

3. Người có Thẻ thẩm định viên về giá thực hiện đăng ký hành nghề với Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được công nhận là thẩm định viên về giá. Người có Thẻ thẩm định viên về giá không được đăng ký hành nghề đồng thời tại hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên, không được ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với vai trò thẩm định viên về giá khi không là thẩm định viên về giá; trường hợp vi phạm thì bị thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.

4. Bộ Tài chính tiếp nhận đăng ký hành nghề thẩm định giá, rà soát, ban hành thông báo danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp đối với trường hợp đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều này.

5. Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá.

Điều 48. Thẩm định viên về giá

1. Thẩm định viên về giá là người có tên trong danh sách thẩm định viên về giá theo lĩnh vực chuyên môn do Bộ Tài chính thông báo, đồng thời duy trì điều kiện đăng ký hành nghề quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này.

2. Định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm, Bộ Tài chính thực hiện rà soát, cập nhật và thông báo danh sách thẩm định viên về giá kể từ ngày 01/01 của năm tiếp theo. Trường hợp trong năm thực hiện có biến động điều chỉnh về thẩm định viên, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh kịp thời. Định kỳ hằng tháng, trên cơ sở báo cáo của doanh nghiệp thẩm định giá, Bộ Tài chính xem xét, thông báo điều chỉnh danh sách thẩm định viên về giá. Trường hợp biến động thẩm định viên về giá do cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ

điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thì danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh tại ngày cấp, cấp lại.

3. Thẩm định viên về giá vi phạm nghiêm trọng Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam bị thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá

1. Quyền của thẩm định viên về giá:

a) Ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá theo lĩnh vực tài sản được phép hành nghề mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ, điều kiện chuyên môn khác với quy định tại Luật này;

b) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;

c) Yêu cầu khách hàng phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá; không chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá khi khách hàng thẩm định giá cung cấp thông tin không chính xác về tài sản thẩm định giá;

d) Từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ hồ sơ, tài liệu để thực hiện thẩm định giá;

đ) Tham gia tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của thẩm định viên về giá:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong quá trình thực hiện và đưa ra kết quả thẩm định giá;

c) Giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá hoặc bên thứ ba được sử dụng kết quả thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá khi có yêu cầu; giải trình kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia các chương trình cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định;

đ) Lập hồ sơ về thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Doanh nghiệp thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp.

Điều 51. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp phải có ít nhất 5 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp đồng thời phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp như sau:

a) Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân; Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 53 Luật này. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên hợp danh công ty hợp danh phải là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 53 Luật này, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn, 02 cổ đông phải là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp; trường hợp thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì người đại diện của tổ chức góp vốn phải là người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, tổng phần vốn góp của tổ chức tối đa 35% vốn điều lệ. Tổng số vốn góp của các thành viên, cổ đông là người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách hoặc các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá có thay đổi so với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải làm thủ tục cấp lại.

3. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Điều 52. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá

1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đối với các hợp đồng thẩm định giá do chi nhánh ký kết với khách hàng thẩm định giá.

2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề thẩm định giá độc lập với trụ sở chính và các chi nhánh khác của doanh nghiệp thẩm định giá, trong đó phải bao gồm người đứng đầu chi nhánh.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá của chi nhánh.

Điều 53. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá

1. Yêu cầu đối với người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Có đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá;

b) Đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và duy trì điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này;

c) Không thuộc các trường hợp đã giữ vị trí người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 12 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cấp cho doanh nghiệp thẩm định giá.

Điều 54. Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá

1. Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đồng thời phải bảo đảm duy trì các điều kiện quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật này.

2. Doanh nghiệp thẩm định giá phải báo cáo Bộ Tài chính khi không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 51, Điều 52 nhưng không thuộc quy định tại Điều 56 Luật này, đồng thời khắc phục trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày không đủ điều kiện. Trong thời gian khắc phục, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện như sau:

a) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp hoặc không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này thì doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo

kết quả thẩm định giá; trường hợp giám đốc chi nhánh không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp hoặc không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này thì chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá;

b) Trường hợp không đủ số lượng thẩm định viên tối thiểu nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với những hợp đồng thẩm định giá đã ký kết nhưng không được ký kết thêm hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.

3. Sau thời hạn 03 tháng, doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không khắc phục các điều kiện hoạt động thẩm định giá thì bị xóa tên chi nhánh tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và doanh nghiệp bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Điều 56 Luật này.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá

1. Quyền của doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Luật này;

b) Tham gia tổ chức nghề nghiệp trong nước và ngoài nước về thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu khách hàng thẩm định giá cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu có liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá; không chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá khi khách hàng thẩm định giá cung cấp thông tin không chính xác về tài sản thẩm định giá;

d) Từ chối thực hiện dịch vụ thẩm định giá đối với yêu cầu của khách hàng;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này;

b) Cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá theo đúng lĩnh vực chuyên môn được phép thực hiện;

c) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá trong giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá;

d) Thực hiện thẩm định giá theo đúng hợp đồng thẩm định giá; Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm những thoả thuận trong hợp đồng thẩm định giá và trong trường hợp kết quả thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá;

đ) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động thẩm định giá hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp;

e) Quản lý, giám sát hoạt động của thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp;

g) Thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật;

h) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá theo quy định;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 51 của Luật này trong 03 tháng liên tục;

b) Phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá do người không phải là thẩm định viên về giá ký với vai trò thẩm định viên về giá;

c) Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kê khai không đúng hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

b) Không phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá trong thời hạn 1 năm;

c) Không khắc phục được vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị đình chỉ;

d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá quy định tại điểm h khoản 2 Điều 55 Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Điều 57. Kết quả thẩm định giá

1. Kết quả thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Chứng thư thẩm định giá kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định giá.

a) Báo cáo kết quả thẩm định giá là văn bản do thẩm định viên về giá lập, trong đó nêu rõ quá trình thẩm định giá, ý kiến của thẩm định viên về giá trị của tài sản thẩm định giá và được người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá xem xét, phê duyệt;

b) Chứng thư thẩm định giá là văn bản do doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phát hành để thông báo cho khách hàng và các bên liên quan về những nội dung cơ bản của Báo cáo kết quả thẩm định giá.

2. Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp được sử dụng làm một trong những cơ sở để khách hàng, người có liên quan được ghi tại hợp đồng thẩm định giá xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá của tài sản. Thời gian có hiệu lực của kết quả thẩm định giá được quy định tại tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá phải được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước.

3. Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá

1. Quyền của khách hàng thẩm định giá:

a) Lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật để giao kết hợp đồng thẩm định giá;

b) Yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá và thông tin về thẩm định viên về giá;

c) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến tài sản thẩm định giá;

d) Đề nghị thay thế thẩm định viên tham gia cuộc thẩm định giá khi có căn cứ cho rằng thẩm định viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện thẩm định giá;

đ) Yêu cầu bồi thường trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá gây thiệt hại;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của thẩm định viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Phối hợp, tạo điều kiện cho thẩm định viên về giá thực hiện thẩm định giá;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng thẩm định giá trong hoạt động thẩm định giá của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Thanh toán giá dịch vụ thẩm định giá theo thỏa thuận trong hợp đồng;

đ) Sử dụng kết quả thẩm định giá trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm tự đánh giá dịch vụ thẩm định giá tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai đánh giá dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá.

Điều 60. Giá dịch vụ thẩm định giá

Giá dịch vụ thẩm định giá thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá trên nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý theo quy định của pháp luật về thuế để thực hiện các công việc theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; lợi nhuận (nếu có) phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu của dịch vụ thẩm định giá và được ghi trong hợp đồng thẩm định giá; trường hợp việc lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 61. Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá

1. Thương lượng, hòa giải trên cơ sở những cam kết đã ghi trong hợp đồng thẩm định giá.

2. Giải quyết bằng trọng tài thương mại.

3. Khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Mục 3
THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 62. Phạm vi thẩm định giá của Nhà nước

1. Việc thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá thực hiện nhằm giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá tài sản.

2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:

a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước;

b. Các trường hợp mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt giá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước trong các phương thức được quy định làm căn cứ xác định giá;

c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.

Điều 63. Hội đồng thẩm định giá

1. Hội đồng thẩm định giá do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu thành lập.

2. Hội đồng thẩm định giá phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có thành viên có một trong các chứng nhận chuyên môn sau:

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá;

b) Thẻ thẩm định viên về giá;

c) Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá;

d) Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.

3. Hội đồng thẩm định giá có quyền:

a) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, nguồn lực cần thiết phục vụ cho việc thẩm định giá;

b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế-kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá; quyết định việc sử dụng kết quả của đơn vị tư vấn;

c) Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc không có đủ thông tin, tài liệu để kết luận về giá;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng thẩm định giá có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá tài sản;

c) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kết quả của đơn vị tư vấn;

d) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết về Hội đồng thẩm định giá.

Điều 64. Kết quả thẩm định giá

1. Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Kết luận của Hội đồng thẩm định giá. Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm định giá.

2. Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật. Thời gian có hiệu lực của kết quả thẩm định giá được quy định tại tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng loại tài sản, số lượng tài sản tại văn bản giao nhiệm vụ thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá phải được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước.

Điều 65. Chi phí thẩm định giá

1. Chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được trang trải bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá.

2. Riêng đối với trường hợp thẩm định giá khi mua sắm, bán, thanh lý, liên doanh, liên kết bằng tài sản công thì chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 66. Hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước

1. Hồ sơ thẩm định giá gồm có các tài liệu sau đây:

a) Văn bản giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc văn bản được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Thông tin, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá;

c) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá;

d) Các tài liệu do Hội đồng thẩm định giá thu thập, phân tích trong quá trình thẩm định giá; các báo cáo chuyên gia, chứng thư thẩm định giá kèm báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có);

đ) Biên bản họp và kết luận của Hội đồng thẩm định giá về kết quả thẩm định giá;

e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc thẩm định giá.

2. Cơ quan thành lập Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

CHƯƠNG VII

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 67. Mục tiêu, yêu cầu

1. Đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đem lại tác động tích cực trong công tác quản lý điều hành giá, thẩm định giá.

3. Nắm bắt tồn tại, hạn chế để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá

Điều 68. Nguyên tắc kiểm tra

1. Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

2. Không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị trong cùng thời kỳ kiểm tra; Không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

Điều 69. Nội dung, trách nhiệm kiểm tra

1. Kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý, điều tiết giá; các quy định về hoạt động thẩm định giá, việc tuân thủ tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Nội dung kiểm tra phải được thể hiện tại kế hoạch kiểm tra do cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Luật này; theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra, kiến nghị, quyết định xử lý về kiểm tra.

3. Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan

1. Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 78 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14.

2. Bãi bỏ nội dung thứ tự thứ 4, Phụ lục số 2 về danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

4. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14.

5. Bãi bỏ khoản 2 Điều 67 của Luật Công chứng số 53/2014/QH13.

6. Bãi bỏ, sửa đổi một số Điều của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 như sau:

a) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 58;

b) Sửa đổi Khoản 2 Điều 61 như sau:

"2. Đối với nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư tự xác định giá thuê, giá thuê mua, giá bán."

7. Bãi bỏ cụm từ thẩm định giá tại điểm b khoản 2 Điều 47; bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 48 tại Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

Điều 71. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Luật giá số 11/2012/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 72. Quy định chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp thẩm định giá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013 phải bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá quy định tại Luật này.

2. Trước ngày 15 tháng 12 năm 2023, các trường hợp nộp đủ hồ sơ thì được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013.

3. Thẻ thẩm định viên về giá được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì công nhận là thẻ thẩm định viên về giá trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp.

4. Các văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có văn bản khác thay thế.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Luật giá số /2023/QH13)

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
1	Điện	
	Điện bán lẻ	- Thủ tướng Chính phủ quyết định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; - Bộ Công Thương quyết định mức giá bán lẻ điện bình quân; - Đơn vị bán lẻ điện quyết định mức giá cụ thể.
	Điện bán buôn	- Bộ Công Thương quyết định khung giá; - Doanh nghiệp quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ phát điện	- Bộ Công Thương quyết định khung giá; - Doanh nghiệp quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ truyền tải điện; dịch vụ phụ trợ hệ thống điện; dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện; dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực; dịch vụ phân phối điện	Bộ Công Thương quyết định giá cụ thể.
2	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt do nhà nước đầu tư.	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do Trung ương quản lý. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do quản lý địa phương.
4	Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư hoàn toàn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể các bến đò, phà do Trung ương quản lý; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể các bến đò, phà do địa phương quản lý.
5	Dịch vụ tại cảng biển (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt tàu biển)	- Bộ Giao thông vận tải quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
6	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa tại cảng, nhà ga do Trung ương quản lý; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá tối đa tại cảng, nhà ga do địa phương quản lý; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
7	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
8	Dịch vụ hàng không	
	Dịch vụ cất cánh, hạ cánh; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không.	Bộ Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay; dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách; dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay; Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không.	- Bộ Giao thông vận tải quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay và dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay	- Bộ Giao thông vận tải quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa; - Hãng hàng không quyết định giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
9	Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống, linh kiện phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng).	Bộ Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể;
	Dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	- Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp.	- Bộ Công Thương quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
10	Dịch vụ kết nối viễn thông	Bộ Thông tin và truyền thông quyết định giá cụ thể.
11	Dịch vụ viễn thông công ích;	- Bộ Thông tin và truyền thông quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan đảng, Nhà nước và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí.	- Bộ Thông tin và truyền thông quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
12	Tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan và các bên không thỏa thuận được tiền bản quyền theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ	Bộ Văn hóa, thể thao, du lịch quyết định khung giá và mức giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
13	Rừng (bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân)	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quyết định khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân.
	Rừng thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý.
14	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	- Bộ Tài chính quyết định giá tối đa; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.
15	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	- Bộ Tài chính quyết định khung giá; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.
16	Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán đối với dịch vụ do Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	- Bộ Tài chính quyết định khung giá; giá tối đa; mức giá cụ thể (tùy dịch vụ). - Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quyết định giá cụ thể.
17	Nước sạch	- Bộ Tài chính quyết định khung giá; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
18	Hàng dự trữ quốc gia	- Bộ Tài chính quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu (trừ hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh); - Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định giá cụ thể; - Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định giá hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
19	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng	- Bộ Tài chính quyết định giá tối đa - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền đặt hàng.
20	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trên phạm vi toàn quốc	Bộ Y tế quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trên phạm vi toàn quốc và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thành lập theo phương thức đối tác công tư	- Bộ Y tế quyết định giá tối đa; - Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định giá cụ thể.
21	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	- Bộ Y tế quyết định giá tối đa; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
22	Dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y	- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
23	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn	- Bộ Y tế quyết định giá tối đa; - Tổ chức mua, bán quyết định giá cụ thể.
24	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người sử dụng ngân sách nhà nước	- Bộ Y tế quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
25	Sách giáo khoa	- Bộ Giáo dục và đạo tạo quyết định giá tối đa; - Nhà xuất bản quyết định giá cụ thể.
26	Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập	- Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định khung giá chung trên cả nước; - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá tại địa phương; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục đại học công lập	- Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định giá tối đa; - Cơ sở giáo dục quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	- Bộ Lao động, Thương binh – Xã hội quyết định giá tối đa; - Cơ sở giáo dục quyết định giá cụ thể.
27	Nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được xây dựng chi từ nguồn ngân sách nhà nước	- Bộ Xây dựng quyết định giá thuê, thuê mua nhà ở công vụ, nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn trung ương; - Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định giá thuê, thuê mua nhà ở do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đầu tư; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá thuê, thuê mua nhà ở được đầu tư bằng nguồn vốn của địa phương và nhà ở được giao quản lý trên địa bàn.
28	Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng an ninh	Bộ Quốc phòng quyết định giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
29	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.	- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo lĩnh vực quyết định giá tối đa; - Đơn vị cung ứng dịch vụ quy định giá cụ thể.
30	Đất	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bảng giá đất và giá đất cụ thể.
31	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể
32	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá áp dụng đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn; nhà chung cư trong trường hợp không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; - Đơn vị cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
33	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
34	Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
35	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
36	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
37	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
38	Dịch vụ trông giữ xe	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá
39	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
40	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, phổ thông (trong đó gồm dịch vụ cấp phát phôi bằng, chứng chỉ, dịch vụ tuyển sinh)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 358/BC-CP	*Hà Nội, ngày30 tháng 9 năm 2022*

BÁO CÁO
Về việc tiếp thu, giải trình chi tiết ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Dự án Luật giá (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Ngày 12 tháng 09 năm 2022, Chính phủ có tờ trình số 314/TTr-CP trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự án Luật giá (sửa đổi).

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV đã họp cho ý kiến về dự án Luật giá (sửa đổi).

Trên cơ sở kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ý kiến của Chủ tịch Quốc hội, Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tài chính,Ngân sách của Quốc hội, ý kiến của các cơ quan của Quốc hội về dự án Luật giá (sửa đổi), Chính phủ báo cáo Quốc hội về các nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

I. NỘI DUNG DỰ KIẾN TIẾP THU

1. Về cơ sở cho việc đánh giá, sửa đổi Luật:Tại Luật cần cập nhật đầy đủ các cơ sở chính trị, quan điểm của Đảng và Nhà nước liên quan đến việc sửa đổi Luật giá. Ví dụ các quan điểm trong(1)Nghị quyết Đại hội 13 của Đảng có nêu thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản; (2) tại Nghị quyết 18 – NQ/TW yêu cầu chuyển một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, gắn kết quả chặt chẽ với việc kiện toàn tổ chức. Đề nghị nghiên cứu cập nhật vào trong cơ sở chính trị để sửa đổi Luật giá lần này *(ý kiến của đ/c Nguyễn Thị Thanh – Trưởng Ban công tác đại biểu Quốc hội).*

Về quan điểm sửa đổi Luật, cơ quan thẩm tra đề nghị cần quán triệt quan điểm và đạt được các mục tiêu chủ yếu sau: (i) Cần thể chế hóa đầy đủ, chuẩn xác chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước, theo đó Luật giá phải quy định đúng đắn, hợp lý về vai trò quản lý nhà nước; xác định rõ ranh giới, mức độ, phạm vi, biện pháp điều tiết của Nhà nước đối với thị trường trên cơ sở tôn trọng quy luật thị trường, khắc phục những tác động tiêu cực của thị trường, nhưng mặt khác vẫn phải bảo đảm quyền tự định đoạt, tự do kinh doanh của doanh nghiệp;tiếp tục đổi mới để làm tăng tính cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tránh can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng,

nhất là đối tượng yếu thế nhưngkhông bao cấp. (ii) Phải khắc phục những vướng mắc về thể chế, những lỗ hổng chính sách; những bất hợp lý của hệ thống pháp luậtđang cản trở quá trình phát triển; tạo sự minh bạch trong quản lý nhà nước về giá, công khaithông tin doanh nghiệp; xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. (iii) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, cụ thể, khả thi của Luật này với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế;đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Chính phủ nhất trí với cơ sở chính trị, quan điểm sửa đổi Luật giá như ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội; vấn đề này được Chính phủ quán triệt, chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo và các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng chính sách và là một nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình soạn thảo Luật. Trên cơ sở đó, cơ chếquản lý, điều tiết giá của nhà nước theo thị trường được thực hiện nhất quán từ Luật giá 2012; tại dự thảo Luật sửa đổi đã tiếp tục kế thừa, có chỉnh lý bổ sung các quy định về biện pháp điều tiết của Nhà nước nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của cơ chế thị trường, hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân.Theo đó, tại Điều 5 dự thảo Luật đã thể hiện rõ như sau:

"Điều 5. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước

1. Quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ.

4. Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công; có chính sách về giá phù hợp với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các trường hợp theo quy định tại Luật khác có liên quan."

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã rà soát nội dung tại các Nghị quyết nêu trên để làm rõ cơ sở chính trị, quan điểm của Đảng, cập nhật tại tờ trình của Chính phủ để báo cáo với Quốc hội.

2. Về phạm vi áp dụng của Luật giá và các Luật khác:Một số ý kiến đề nghị cần rà soát kĩ các quy định tại Điều 3 dự thảo Luật để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, xử lý mâu thuẫn chồng chéo giữa Luật giá này với các luật chuyên ngành; cần phải có rà soát và lên một danh mục hiện nay có bao nhiêu luật đang quy định về giá và xác định mối quan hệ giữa luật đó với Luật giá. Hiện tại dự thảo Luật chỉ đề cập đến 4 lĩnh vực đặc thù áp dụng theo Luật khác gồm đất (Luật đất đai), điện (Luật điện lực), dịch vụ khám, chữa bệnh (Luật khám bệnh, chữa bệnh) và dịch vụ giáo dục (Luật giáo dục, giáo dục nghề

nghiệp) thì có thể chưa đủ. Ví dụ Quốc hội vừa ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, trong đó có một quy định đặc thù về giao Chính phủ quy định khung giá tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan khi các bên liên quan không thống nhất được thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát để cập nhật những quy định đặc thù vào trong khoản 1 Điều 3 để đảm bảo tính đầy đủ, đúng như nguyên tắc mà Chính phủ đã đề ra *(ý kiến của cơ quan thẩm tra và của các đ/c Trần Thanh Mẫn - Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội, đ/c Vũ Hồng Thanh – Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế, đ/c Hoàng Thanh Tùng – Chủ nhiệm Ủy ban pháp Luật, đ/c Lê Thị Nga – Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp).*

Trường hợp đặc biệt như là vấn đề về giá khám bệnh, chữa bệnh cũng phải thể hiện những nguyên tắc trong luật này, không nên để Luật khám bệnh, chữa bệnh phải điều chỉnh quá sâu về vấn đề giá. Vấn đề giá dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thì xác định như thế nào? Vấn đề đàm phán giá như thế nào? Luật này phải đưa ra khuôn khổ pháp lý để điều chỉnh *(ý kiến của đ/c Nguyễn Thúy Anh - Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội).*

Chính phủ báo cáo làm rõ một số vấn đề và chỉnh lýtiếp thu như sau: Trong quá trình xây dựng Luật, cơ quan soạn thảo đã rà soát các Luật hiện hành, hiện có 21 Luật có quy định về giá, trên cơ sở đó Chính phủ đãđánh giá cụ thể vàđề cập tại Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật; Các quy định về giá được quy định tại Luật giá và cả các luật chuyên ngành đã dẫn đến trùng lặp, chồng chéo về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, nguyên tắc, phương pháp định giá, quy trình định giá... Do đó, tại Luật sửa đổi đã được chỉnh lý theo hướng sẽ điều chỉnh toàn diện các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về giá, trong đó quy định thống nhất Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; chỉ loại trừ đối với một số trường hợp là mặt hàng đặc thù, chuyên ngành đã quy định rõ về nguyên tắc, phương pháp quy trình định giá thì thực hiện tại các Luật chuyên ngành. Cụ thể là:

- Đối với đất đai có tính đặc thù, tại Luật đất đai đã quy định điều chỉnh toàn diện các nội dung về định giá đất. Do đó, tại Luật giá chỉ cập nhật mặt hàng trong Danh mục Nhà nước định giá; các vấn đề về thẩm quyền, hình thức, căn cứ, phương pháp và việc ban hành quyết định giá đất sẽ được thực hiện theo Luật đất đai (sửa đổi).

- Đối với mặt hàng điện, dịch vụ giáo dục thì các nội dung về căn cứ, phương pháp định giá có tính chất đặc thù theo lĩnh vực, khó áp dụng theo phương pháp chung sẽ được thực hiện theo quy định tại Luật điện lực, Luật giáo dục.

- Đối với dịch vụ khám chữa bệnh,tại dự thảo Luật khám bệnh, chữa bệnh hiện có 1 điều quy định cụ thể về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Do vậy, tại Luật giá (sửa đổi) chỉ cập nhật về tên dịch vụ, thẩm quyền và hình thức định giá; riêng căn cứ, phương pháp định giá dịch vụ khám chữa bệnh là nội dung có

tính chuyên môn sâu, đặc thù so với phương pháp định giá chung nên sẽ thực hiện theo quy định tại Luật khám bệnh, chữa bệnh. Đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc khối bệnh viện tư nhân, quan điểm là Nhà nước không định giá; theo dự thảo Luật khám bệnh, chữa bệnh thì sẽ thực hiện theo các quy định về niêm yết giá và chịu sự kiểm tra yếu tố hình thành giá của cơ quan có thẩm quyền. Đối với cơ chế đàm phán giá thì hiện là một trong những phương thức được quy định tại Luật đấu thầu, chỉ áp dụng đối với giá thuốc nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.

- Tại Luật sở hữu trí tuệ quy định *Chính phủ quy định khung giá tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả và các quyền khác có liên quan*. Nội dung cũng đã được Chính phủ thống nhất sửa đổi thẩm quyền từ Chính phủ giao cho Bộ Văn hóa – Thể thao và du lịch do đây là vấn đề có tính chuyên môn cao, việc giao cho cấp Bộ thực hiện là để đảm bảo nguyên tắc tăng cường phân công, phân cấp. Do đó nội dung về thẩm quyền và hình thức định giá sẽ được quy định tại Luật giá; đồng thời, tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉnh lý khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật để quy định căn cứ, phương pháp định giá và việc ban hành quyết định giá thực hiện theo quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Như vậy, ngoài một số mặt hàng có tính đặc thù trên thì các trường hợp khác sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định tại Luật giá. Trên cơ sở đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về giá, tại khoản 2 Điều 3 đã quy định: *"2. Trường hợp Luật khác ban hành sau ngày Luật giá có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về quản lý, điều tiết giá khác với quy định tại Luật giá thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật giá, nội dung thực hiện theo quy định của Luật khác đó;"*.

3. Về quy định về phân công, phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về giá:

- Liên quan đến Điều 16 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đề nghị cân nhắc thêm không nên quy định, do thẩm quyền giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Hội đồng nhân dân đã được quy định cụ thể ở Luật hoạt động giám sát và Luật tổ chức chính quyền địa phương.

- Liên quan đến Điều 18 của dự thảo luật đang quy định hơi sâu vào thẩm quyền của Bộ và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không nên đưa vào Luật. Đây là nhiệm vụ của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải phân công; quy định trong luật thì sau này rất khó để điều chỉnh về tổ chức bộ máy và sẽ bị cứng

- Về nguyên tắc trong phân công, phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương: Cần xem xét, đánh giá kĩ để xây dựng các nguyên tắc về phân công, phân cấp định giá đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thông suốt từ trung ương đến địa phương. Trước đây, khi thực hiện Pháp lệnh giá mọi nhiệm vụ về giá đều do

Bộ Tài chính thực hiện; trong quá trình thi hành Luật giá 2012 đã dần dần có những sự phân công, phân cấp cụ thể cho các Bộ, ngành khác; đây là bước tiến rất quan trọng, trong dự án luật này cơ bản vẫn theo hướng như thế nhưng cần xử lý thấu đáo hơn. Nhất là ở cấp địa phương khi có tình trạng nhiều địa phương muốn quay về đầu mối là ở Sở Tài chính thực hiện thống nhất các nhiệm vụ về quản lý giá. Việc định hướng chính sách sửa Luật cần phải phù hợp với các đánh giá tổng kết Luật để đảm bảo tính thống nhất tại hồ sơ

(ý kiến tại báo cáo thẩm tra và của Chủ tịch Quốc hội, đ/c Trần Thanh Mẫn - Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội, đ/c Hoàng Thanh Tùng – Chủ nhiệm Ủy ban pháp Luật, đ/c Vũ Hồng Thanh – Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế)

Chính phủ báo cáo nội dung chỉnh lýtiếp thu như sau:

- Tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉnh lý bỏ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 (nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân); đồng thời vẫn giữ lại quy định tại khoản 2 do đối với những mặt hàng thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thực tế trước khi ban hành thường được gửi lấy ý kiến Hội đồng nhân dân; trong khi việc điều chỉnh giá phải được thực hiện ngay khi các yếu tố hình thành giá biến động là sẽ không kịp thời điểm. Vì vậy, để khắc phục thì xin ý kiến Hội đồng nhân dân (nếu có) sẽ được đưa vào quy trình ban hành quyết định giá tại địa phương.

- Đối với Điều 18, việc đặt ra quy định các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cần phân công cho đơn vị (là đơn vị hiện đã có) để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý giá, tạo thuận lợi cho việc xác định rõ trách nhiệm tham mưu trong việc thực hiện một số quy trình quản lý nhà nước về giá. Về nguyên tắc, quy định này không tạo thêm tổ chức, bộ máy mới. Tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉnh lý bổ sung để làm rõ việc phân công phải đảm bảo không làm tăng thêm bộ máy hiện có tại khoản 2 Điều 18 là *"2. Căn cứ vào tổ chức, bộ máy hiện có, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 15 của Luật này."*.

- Việc phân định rõ thẩm quyền giữa Bộ Tài chính và các Bộ, ngành cũng là chủ trương chung của Chính phủ trong việc xây dựng dự án Luật. Thực tế tại dự thảo Luật cũng đã tiếp tục chuyển một số việc quản lý hàng hóa, dịch vụ cụ thể hiện đang thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính cho các Bộ chuyên ngành (Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải chuyển Bộ Giao thông vận tải; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dành dùng cho động vật, thực vật, dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y chuyển Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lậpchuyển Bộ Y tế). Việc chuyển thẩm quyền quản lý như vậy là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn lĩnh vực quản lý và được sự đồng thuận của các Bộ, ngành. Đối với cấp địa phương, do thẩm quyền quản lý được giao cho

Ủy ban nhân dân, do vậy việc giao các Sở, ngành thực chất là phân nhiệm vụ tham mưu triển khai. Thực tế việc giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính, các Sở, ngành tại địa phương cũng cơ bản được triển khai như Trung ương, việc chỉ giao Sở Tài chính thực hiện sẽ rất khó khả thi và nên thực hiện đồng bộ như Trung ương. Tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Quốc hội, tại khoản 3 Điều 18 đã có sự chỉnh lý để tạo sự đồng bộ trong việc phân công tại cấp địa phương.

"3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao:

a) Cơ quan tài chính cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Điều 17 của Luật này; Trực tiếp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Các Sở, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực quản lý."

4. Về thẩm quyền ban hành và điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá: Quan điểm từ trước đến nay là chúng ta xây dựng một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; nguyên tắc là phải tôn trọng quy luật thị trường, tôn trọng quyền định đoạt về giá của các tổ chức, các cá nhân, các chủ thể tham gia thị trường; Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước để đảm bảo cho các nguyên tắc thị trường. Việc định giá nhà nước là can thiệp, ảnh hưởng đến người dân và kinh doanh của doanh nghiệp. Theo Hiến pháp là những việc như thế thì phải điều chỉnh bằng Luật. Cho nên, đánh giá thực tiễn và nguyên tắc phân công, phân quyền phải rà soát lại *(ý kiến của Chủ tịch Quốc hội).*

Đây là vấn đề cần phải làm rõ thêm tồn tại, bất cập (nếu có) liên quan đến việc thực hiện quy định tại Điều 19 của Luật giá hiện hành. Đây là biện pháp can thiệp vào thị trường và thực sự chỉ nên thực hiện trong những trường hợp hết sức hạn chế, hết sức cần thiết và nên đánh giá hết sức thận trọng *(ý kiến của cơ quan thẩm tra, của đ/c Hoàng Thanh Tùng - Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, đ/c Lê Thị Nga – Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp).*

Chính phủ xin báo cáo rõ thêm với Quốc hội vềđề xuất giao Chính phủ được điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và nhằm tăng cường tính linh hoạt trong quản lý, điều hành; Theo đó, việc điều chỉnh phải bảo đảm phù hợp với 04 tiêu chí xác định danh mục và Danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá; Như vậy, một mặt bảo đảm nguyên tắc kế thừa Luật hiện hành tiếp tục quy định Danh mục tại Luật, một mặt tạo sự linh hoạt, tăng cường trách nhiệm của Chính phủ. Thực tế đối với mặt hàng sách giáo khoa, Chính phủ đã thực hiện quy trình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội *(Tờ trình số 314/TTr-CP ngày 03/7/2020 trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê duyệt quyết định bổ sung sách giáo khoa vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá),* nhưng trên cơ sở thảo luận Ủy ban thường vụ Quốc hội đã

có Thông báo số 3809/TB-TTKQH ngày 17/7/2020 đề nghị đưa nội dung này vào sửa đổi tại Luật giá hoặc hoặc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá theo tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội, tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ xin tiếp thu và đã chỉnh lý dự án Luật theo hướng kế thừa Luật hiện hành, giao Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc điều chỉnh Danh mục.

5. Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cụ thể, trên cơ sở yêu cầu tiếp tục rà soát hoàn thiện Danh mục *(Chủ tịch Quốc hội, đ/c Nguyễn Đức Hải – Phó Chủ tịch Quốc hội, ý kiến của đ/c Vũ Hồng Thanh - Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế)*, cơ quan chủ trì soạn thảo (Bộ Tài chính) đã phối hợp với các Bộ, ngành để đánh giá, rà soát kĩ danh mục và có chỉnh lý, hoàn thiện lại.

(Nội dungchỉnh lý Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo ý kiến các Bộ, ngành, địa phương trong Bảng so sánh Dự thảo Luật với dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 12/9/2022 kèm theo).

6. Về giá trị pháp lý của kết quả thẩm định giá:Tại báo cáo thẩm tra có đặt ra vấn đề *(1)* Dự thảo Luật chưa làm rõ giá trị pháp lý của Kết quả thẩm định giá do Hội đồng thẩm định giá thực hiện;*(2)*dự thảo không quy định rõ trách nhiệm pháp lý của Hội đồng thẩm định giá, nhất là trong trường hợp để xảy ra sai phạm;*(3)* Điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng thẩm định giá phải có thành viên có Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá cũng chưa hợp lý.

Chính phủ có ý kiến tiếp thu như sau:

- *Về giá trị pháp lý của Kết quả thẩm định giá do Hội đồng thẩm định giá thực hiện,* tại khoản 4 Điều 43 dự thảo Luật đã quy định chung cho kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp và Hội đồng là: *"Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật."*

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tại dự thảo Luật đã chỉnh lý, đưa nội dung quy định chung này vào các Điều 57 và Điều 64 về kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp và Hội đồng thẩm định giá. Cụ thể:

"Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp được sử dụng làm một trong những cơ sở để khách hàng, người có liên quan được ghi tại hợp đồng thẩm định giá xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá của tài sản."

"Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật."

- *Về trách nhiệm pháp lý của Hội đồng thẩm định, nhất là trong trường hợp để xảy ra sai phạm,* tại dự thảo Luật sửa đổi đã có những quy định cụ thể

liên quan đến trách nhiệm của Hội đồng, các thành viên Hội đồng thẩm định giá, cụ thể:

+ Tại khoản 5 Điều 7 đã quy định rõ 2 hành vi nghiêm cấm đối với các thành viên Hội đồng thẩm định giá. Đồng thời tại khoản 3, khoản 4 Điều 63 cũng đã làm rõ quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá. Ngoài ra, các quy định về quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá cũng được quy định cụ thể tại Nghị định hướng dẫn.

+ Bên cạnh đó, việc công chức được cử là thành viên Hội đồng thẩm định giá ngoài việc chịu sự điều chỉnh của Luật này, còn bị điều chỉnh của Luật Công chức. Theo đó, các thành viên Hội đồng thẩm định giá phải thực hiện chế độ công vụ, nhiệm vụ được giao, nên trường hợp xảy ra sai phạm sẽ phải chịu các hình thức xử lý trách nhiệm và bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Điều kiện để tham giaHội đồng thẩm định giá:*Quy định yêu cầu chuyên môn đối với việc tham gia Hội đồng thẩm định giá cơ bản được kế thừa từ các quy định hiện hành; theo đó, cá nhân chỉ cần có một trong 4 loại hình chứng nhận chuyên môn là đã đảm bảo điều kiện cho Hội đồng thẩm định giá hoạt động. Trong đó các hình thức *thẻ thẩm định viên về giá; chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá; chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước* là các hình thức chứng nhận chuyên môn được cấp thông qua bồi dưỡng, thi cấp. Việc quy định người có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá thực tế là mở rộng thêm đối tượng được công nhận về chuyên môn, nghiệp vụ khi tham gia Hội đồng; với những người đã được đào tạo bài bản ở trình độ cao đẳng chuyên ngành giá, thẩm định giá trở lên thì họ không phải học thêm chứng chỉ chuyên môn về thẩm định giá như các đối tượng khác.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý làm rõ nội dung này tại dự thảo Luật để tránh các cách hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện.

7. Một số ý kiến cụ thể khác tại dự thảo Luật được tiếp thu, chỉnh lý như sau:

a) *Về công khai thông tin:*Tại báo cáo thẩm tra đề nghị cần phân biệt và quy định chi tiết về thông tin mà tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ, hàng hóa cần công khai tương ứng với từng chủ thể; việc quy định chung cho tất cả đối tượng là chưa hợp lý.

Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể, chặt chẽ về cách thức công khai, tính trung thực trong thông tin, niêm yết thông tin để tránh hình thức, đồng thời rà soát, có chế tài mang tính răn đe đối với hành vi vi phạm quy định này *(ý kiến của đ/c Bùi Văn Cường – Tổng Thư ký Quốc hội)*.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 dự thảo đã chỉnh lý để quy định rõ chi tiết về thông tin mà cần công khai tương ứng với từng chủ thể cho phù hợp và trách nhiệm trong việc công khai thông tin đảm bảo

minh bạch, trung thực.

b) Dự thảo Luật bổ sung quy định phải lập phương án giá khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Điều 9). Đa số ý kiến đề nghị bỏ quy định trên nhằm tránh gây ảnh hưởng hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân khi thường xuyên phải báo cáo; bảo đảm quyền tự chủ đã được quy định tại Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp.

Tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm tra, Chính phủ đã chỉnh lý lại để làm rõ các trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có quyền yêu cầu đơn vị phải lập phương án giá để tránh sự lạm dụng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp.

II. NỘI DUNG BÁO CÁO LÀM RÕ, GIẢI TRÌNH

1. Về tính chi tiết của dự thảo Luật: hiện tại Dự thảo có 13/72 điều được giao Chính phủ quy định chi tiết là khá lớn làm cho Luật thiếu tính chi tiết; đề nghị cần cân nhắc thêm một số điều cần quy định cụ thể *(ý kiến tại báo cáo thẩm tra và của đ/c Nguyễn Đức Hải – Phó Chủ tịch Quốc hội, đ/c Lê Thị Nga – Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp)*.

Chính phủ báo cáo làm rõ như sau: Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan soạn thảo đã rà soát dự thảo Luật, so với Luật hiện hành (có 5 chương, 48 điều) thì dự thảo đã có các quy định chi tiết hơn. Đối với các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiếtlà những vấn đề có tính kĩ thuật hoặctrình tự, thủ tục thuộc khâu tổ chức thực hiện (ví dụ như việc ban hành quyết định giá, cách thức niêm yết giá, kê khai giá, trình tự thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá…), nếu quy định chi tiết trong Luật sẽ khó cho việc xử lý vướng mắc trong thực tế phát sinh. Vì vậy, trên cơ sở những quy định về nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này phù hợp với thẩm quyền, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong khâu tổ chức thực hiện.

Vì vậy, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội cho giữ cơ bản các nội dung giao quy định chi tiết như dự thảo để tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

2. Về việc bãi bỏ, sửa đổi một số quy định của Luật khác: Tại Điều 70 của dự thảo luật đã bãi bỏ, sửa đổi một số quy định của 7 luật khác. Việc này cũng liên quan đến đảm bảo tính thống nhất của Luật giá, đề nghị các báo cáo rõ về sự thống nhất của các Bộ, ngành trong các quy định này. Mặc dù Luật là Chính phủ trình nhưng đi vào lĩnh vực quản lý giá cụ thể trong một số trường hợp lại thuộc trách nhiệm của các bộ, ngành khác. Quá trình đề xuất sửa đổi nội dung này đã được sự thống nhất với các bộ, ngành có liên quan hay chưa là điều rất quan trọng *(ý kiến của đ/c Hoàng Thanh Tùng – Chủ nhiệm Ủy ban pháp Luật)*.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau: Nội dung tại Điều 70 quy định bãi bỏ, sửa đổi một số quy định tại các Luật khác có liên quan vì hàng hóa, dịch vụ đã được cập nhật trongDanh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Luật giá; không cần thiết một vấn đề quy định tại hai luật, qua đó khắc phục tồn

tại hạn chế hiện hành. Việc bãi bỏ các quy định này liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ; hiện ý kiến tham gia của các Bộ bằng văn bản đều đồng thuận.

3. Các quy định về quản lý nhà nước về giá ở Chương III của dự thảo luật: Vấn đề phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho các Bộ thì nên thực hiện theo đúng nguyên tắc và quy định của Luật Tổ chức Chính phủ. Các quy định tại đây thuộc thẩm quyền của Chính phủ phân công các cơ quan; trừ trường hợp cần thiết, cũng nên hạn chế việc phân công quá cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ. Khi quy định cụ thể tại Luật thì sẽ hạn chế sự linh hoạt của Chính phủ trong việc phân công; thứ hai là cũng không thể đầy đủ hết được giống như trong các quy định cụ thể của Chính phủ nên có thể dẫn đến vừa thừa vừa thiếu; thứ ba là sẽ trùng lặp với một số nội dung cụ thể đã được giao cụ thể thẩm quyền ở trong dự án luật này. Theo đó, cần phải đánh giá tác động về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, những mặt tích cực để có thể thuyết phục được các đại biểu Quốc hội trong việc thay đổi liên quan đến thẩm quyền của Quốc hội, thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

- Việc phân công, phân cấp triển khai quản lý nhà nước về giá chưa rõ ràng trong thời gian qua là một trong các tồn tại, hạn chế đã được phân tích tại Báo cáo tổng kết, thi hành Luật. Do vậy, một trong các mục tiêu của việc xây dựng dự án Luật được Chính phủ đặt ra là việc quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong triển khai, tổ chức thực hiện tại Luật để tạo sự minh bạch, rõ ràng.

Việc quy định những nội dung quản lý nhà nước và gắn với đó là quy định quyền hạn, nhiệm vụ của Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại chương III dự thảo Luật là nhằm tăng cường tính minh bạch, rõ ràng, bảo đảm tính thống nhất trong công tác thực hiện. Tại Luật giá hiện hành quy định Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá; các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực được pháp luật quy định. Trên cơ sở tổng kết đánh giá thi hành Luật cho thấy quy định ngày cần được cụ thể hóa để làm rõ hơn vai trò chủ trì, vai trò phối hợp trong thực hiện để xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tránh sự đùn đẩy. Thực tế hiện nay có một số Luật cũng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực có quy định tương tự như Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật đấu giá tài sản…

4. Về nguyên tắc định giá, trong các yếu tố hình thành giá thì thương hiệu được xem xét, được tính đến như thế nào trong các yếu tố hình thành giá và thể hiện như thế nào ở trong dự thảo Luật *(ý kiến của đ/c Nguyễn Thúy Anh - Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội).*

Cũng liên quan đến nguyên tắc định giá, tại báo cáo thẩm tra cũng nêu một số ý kiến cho rằng, việc quy định nguyên tắc về *bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, lợi nhuận phải phù hợp với mặt bằng thị trường* còn chung chung, cần cân nhắc để tránh phát sinh xung đột khi áp dụng và bảo đảm vai trò điều tiết của Nhà nước.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

- Tại nội dung về giải thích từ ngữ của Luật giá 2012 đối với "yếu tố hình thành giá" đã quy định rõ trong các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ có bao gồm "giá trị thương hiệu"; tại dự thảo Luật sửa đổi cũng đã tiếp tục kế thừa nội dung này (khoản 7 Điều 4). Trên cơ sở đó, tại quy định về căn cứ định giá cũng đã nêu rõ việc tính toán giá hàng hóa, dịch vụ sẽ được căn cứ trên yếu tố hình thành giá (đã bao gồm giá trị thương hiệu). Việc tính toán cụ thể các yếu tố về thương hiệu (nếu có)sẽ được quy định cụ thể tại Phương pháp định giá chung do Bộ Tài chính ban hành (hoặc các phương pháp định giá chuyên ngành do các Bộ ban hành) và các quy định về hạch toán kế toán hiện hành.

- Nguyên tắc định giá của nhà nước phải đảm bảo phù hợp với thị trường, việc xác định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở tính chi phí sản xuất, kinh doanh, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường có tính chất nguyên lý chung, được kế thừa từ Luật hiện hành. Nhà nước thực hiện vai trò điều tiết thông qua việc kiểm soát chặt chẽ các yếu tố chi phí hợp lý, hợp lệ, nhất là mức lợi nhuận để tránh ảnh hưởng đến người tiêu dùng. Tuy nhiên, những vấn đề này có yếu tố kỹ thuật nên tại Luật chỉ quy định nguyên tắc chung; Việc tính toán cụ thể sẽ căn cứ theo phương pháp định giá, theo từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể và sẽ có sự điều tiết của Nhà nước để hài hòa quyền lợi của Nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng.

5. Về lộ trình thực hiện giá thị trường hiện còn chậm, đề nghị phải đánh giá kỹ lưỡng và đầy đủ, tổng quát hơn nguyên nhân là do thiếu chính sách tổng thể hay do tổ chức thực thi pháp luật. Ngoài ra, cũng cần đánh giá thêm trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc quy định các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang giá *(ý kiến của Chủ tịch Quốc hội).*

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau: Việc thực hiện lộ trình giá thị trường đối với một số dịch vụ thiết yếu, dịch vụ công là một trong những chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn vừa qua và đã bước đầu có những thành tựu nhất định. Tuy vậy vẫn còn nhiều hạn chế, vướng mắc song chủ yếu đến từ việc triển khai cơ chế tự chủ của các đơn vị cung cấp dịch vụ, việc chậm trễ trong xây dựng định mức kinh tế kĩ thuật của các Bộ, ngành. Các vấn đề được Chủ tịch Quốc hội đặt ra là cấp thiết và cũng đã được cơ quan soạn thảo xem xét trong quá trình xây dựng dự thảo Luật.

Tuy vậy, việc chậm triển khai lộ trình hoặc khó khăn trong xây dựng định mức kinh tế kĩ thuật thực tiễn thuộc phạm vi của công tác tổ chức thực hiện.

Hiện nay Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành nghiên cứu, đánh giá để triển khai quyết liệt nội dung này. Tại dự thảo Luật đã quy định rõ về nguyên tắc định giá (Điều 23) và việc phân định trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng phương pháp định giá (Điều 25) sẽ góp phần đẩy nhanh việc thực hiện lộ trình thị trường đối với giá hàng hóa, dịch vụ.

6. Về thời hạn hiệu lực của quyết định giá: Giữa thời điểm có hiệu lực của Thông tư này theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật với thời điểm mà có hiệu lực của lúc điều chỉnh giá còn có vướng mắc. Có những trường hợp chúng ta muốn điều chỉnh tức thời để điều chỉnh ngay chỉ số giá CPI để ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng ban hành ra bảo phải 45 ngày mới có hiệu lực. Với thực tiễn như vậy để vừa đảm bảo tuân thủ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, mà vẫn đảm bảo được việc chúng ta điều hành vĩ mô thì nên chăng quy định cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ có quyền quyết định thời điểm có hiệu lực thi hành mức giá đối với những trường hợp cấp bách *(ý kiến của Chủ tịch Quốc hội).*

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:Vấn đề vướng mắc giữa thời hạn hiệu lực của mức giá điều chỉnh với thời hạn hiệu lực của văn bản cũng chính là một trong các tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá khi giá cả cần phải được thực hiện kịp thời theo biến động thị trường. Thực tế là do trong một số trường hợp lúng túng trong lựa chọn áp dụng hình thức văn bản; việc ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều ý kiến khác nhau, nhất là trong một số trường hợp việc ban hành quyết định điều chỉnh giá còn gắn với các cơ chế, chính sách về giá của hàng hóa, dịch vụ. Trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã tổ chức đánh giá và đã trao đổi với Bộ Tư pháp về vấn đề này. Theo đó, việc ban hành văn bản quyết định giá theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật là bất cập, không phản ánh đúng tính thời điểm của mức giá và việc điều chỉnh giá; văn bản quy định mức giá của hàng hóa, dịch vụ mặc dù cũng có một số tính chất áp dụng chung nhưng không hoàn toàn có tính quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở đó, tại khoản 1 Điều 26 dự thảo Luật đã quy định *"Hình thức văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ là văn bản hành chính và không được đưa nội dung cơ chế, chính sách giá vào văn bản quyết định giá"* để tách bạch vấn đề ban hành quyết định giá và ban hành các cơ chế, chính sách về giá hàng hóa, dịch vụ. Theo đó, đối với việc ban hành quyết định giá dưới hình thức văn bản hành chính thì sẽ có hiệu lực thực hiện ngay, đảm bảo tính kịp thời trong tổ chức thực hiện; việc ban hành cơ chế, chính sách về giá phải được ban hành tại văn bản quy phạm pháp luật riêng. Nội dung này cũng được Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương đồng thuận cao.

7. Về việc quản lý giá một số dịch vụ công: Những hàng hóa, dịch vụ được bình ổn giá, định giá đều mang ý nghĩa giá trị về kinh tế - xã hội, an sinh xã hội sâu sắc; do vậy, đề nghị rà soát và xem lại có loại hàng hóa, dịch vụ nào chưa phù hợp với chủ trương *thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với*

hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản. Tôi ví dụ trong dự thảo luật có nêu là sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ở điểm c khoản 1 Điều 21 thuộc hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá; như vậy áp dụng cơ chế giá thị trường đối với những hàng hóa, dịch vụ này ra sao khi mà Nhà nước lại định giá. Giữa quy định về mặt hàng định giá với nội dung về cơ chế giá thị trường thì chúng ta cũng cần phải làm rõ nội dung này, từ đó hiểu và thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Nhà nước, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân và doanh nghiệp *(ý kiến của đ/c Nguyễn Thị Thanh - Trưởng Ban Công tác đại biểu)*.

Chính phủ có ý kiến báo cáo làm rõ như sau: Việc cung cấp dịch vụ công là do cơ quan nhà nước thực hiệnhoặc giao cho tổ chức thực hiện. Như vậy, vừa có tính thiết yếu, vừa có tính độc quyền. Giai đoạn trước chỉ có một số ít trường hợp áp dụng theo cơ chế giá, cơ bản được thực hiện theo cơ chế phí. Tuy nhiên, gắn với việc chuyển đổi mạnh mẽ giao nhiệm vụ cho các tổ chức được thực hiện cung cấp thì khi sửa đổi Luật phí, lệ phí đã có 19 nhóm dịch vụ được chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá do Nhà nước định giá và một số nhóm được xã hội hóa hoàn toàn đã có sự cạnh tranh thì do đơn vị cung cấp được tự quyết định giá. Trên cơ sở đó, việc tiếp tục quy định Nhà nước định giá đới với một số hàng hóa, dịch vụ để bảo về người tiêu dùng là phù hợp. Theo quy định tại dự thảo Luật, việc định giá này phải đảm bảo tuân thủ theo đúng các nguyên tắc thị trường;được thể hiện rõ tại căn cứ, nguyên tắc định giá (điều 23, điều 24 dự thảo Luật).

"Điều 23. Nguyên tắc định giá

1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý; lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu hàng hóa, dịch vụ và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng.

3. Kịp thời xem xét điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

Điều 24. Căn cứ và phương pháp định giá

1. Căn cứ định giá:

a) Yếu tố hình thành giá của hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm định giá;

b) Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng;

c) Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm quyết định giá.".

8. Về bình ổn giá

a) Về thẩm quyền ban hành và điều chỉnh danh mục bình ổn giá: Theo quy định của Luật hiện hành, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy

định cụ thể trong Luật; trong trường hợp cần điều chỉnh danh mục các mặt hàng bình ổn giá, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Dự thảo Luật sửa đổi theo hướng quy định Chính phủ có thẩm quyền *"Quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá và giá tham chiếu "* (Khoản 4 Điều 13).

Một số ý kiến đề nghị giữ như quy định hiện hành vì: (i) Giá là vấn đề ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến từng người dân, doanh nghiệp, liên quan ổn định thị trường, do đó cần được quy định cụ thể trong Luật nhằm tạo sự công khai, minh bạch, đặc biệt nhằm tránh việc lạm dụng; (ii) để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời, Luật giá hiện hành cũng đã quy định trường hợp cần điều chỉnh danh mục các mặt hàng bình ổn giá, Chính phủ trình ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định (Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp hằng tháng và có thể họp bất thường để kịp thời xem xét, quyết định). Ý kiến của một số đồng chí tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng băn khoăn về vấn đề này *(ý kiến của đ/c Nguyễn Đức Hải – Phó Chủ tịch Quốc hội, đ/c Hoàng Thanh Tùng – Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật, đ/c Lê Thị Nga, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp).*

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

Bình ổn giá là biện pháp để ổn định, kiềm chế biến động của giá hàng hóa, dịch vụ trong danh mục bình ổn giá để hạn chế tác động ảnh hưởng đến thị trường và đời sống người dân. Do vậy, yêu cầu là phải đáp ứng nhanh, kịp thời với các diễn biến; việc quy định cứng danh mục tại Luật sẽ phần nào ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá trong thực tiễn.

Việc quy định thẩm quyền ban hành và điều chỉnh danh mục bình ổn giá giao cho Chính phủ cũng là phương án được đánh giá kỹ và đề xuất, thống nhất tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách, việc đề xuất phương án này xuất phát từ các lý do:

- Việc thực hiện Bình ổn giá phải mang tính chất thời điểm khi hàng hóa dịch vụ có biến động bất thường, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lợi ích của các tổ chức cá nhân, mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát,… do vậy cần phải được thực hiện kịp thời, nhanh, đáp ứng yêu cầu điều hành, quản lý. Trong thực tế đã có trường hợp khi có phát sinh mặt hàng có biến động lớn cần phải có biện pháp bình ổn giá nhưng không thực hiện được vì không nằm trong danh mục.

- Việc giao thẩm quyền cho Chính phủ quyết định danh mục và điều chỉnh danh mục sẽ tạo điều kiện cho việc điều hành linh hoạt, triển khai kịp thời các biện pháp bình ổn giá nhằm xử lý những vấn đề phát sinh đối với công tác bình ổn giá. Việc triển khai bình ổn giá là một nhiệm vụ về điều hành cụ thể nên việc giao cho Chính phủ là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ.

Về vấn đề này, ý kiến của Chủ tịch Quốc hội cũng nhất trí đối với bình ổn thì có thể cơ động hơn biện pháp định giá; có thể xem xét tăng quyền cho Chính phủ hơn.

Từ các vấn đề trên, Chính phủ báo cáo Quốc hội cho áp dụng theo phương án đề xuất: Tại Luật sẽ củng cố các quy định về nguyên tắc để đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất và giao Chính phủ quy định chi tiết về danh mục, điều chỉnh danh mục.

b) Về tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và danh mục cụ thể:tại báo cáo thẩm tra cũng đề cập một số ý kiến cho rằng quy định tại dự thảo "*Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu... có tác động ảnh hưởng toàn diện đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ."* còn chung chung, dễ dẫn đến phạm vi áp dụng rộng, nhất là trong trường hợp Chính phủ được giao quy định danh mục sẽ dễ dẫn đến lạm dụng. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu để bảo đảm tính cụ thể, tránh áp dụng tùy tiện, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.Ngoài ra, một số ý kiến cũng băn khoăn về việc đánh giá chi tiết đối với từng hàng hóa, dịch vụ cụ thể đưa vào danh mục trong trường hợp giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục, tính cấp thiết, phù hợp của các hàng hóa, dịch vụ này.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau: Việc xác định hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá phải đáp ứng đồng thời cả 2 tiêu chí cần và đủ.Theo đó, phải là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đồng thời phải có tác động và ảnh hưởng đến tiêu dùng và sản xuất, kinh doanh cũng như cả mục tiêu phát triển kinh tế. Như vậy, trong số các hàng hóa, dịch vụ có thể đáp ứng tính thiết yếu nhưng chỉ một số ít hàng hóa, dịch vụ là có tác động đến nhiều mặt kinh tế xã hội. Với tiêu chí này, cơ quan soạn thảo đã rà soát đánh giá và xác định được 09 hàng hóa đáp ứng được gồm:

- Xăng, dầu thành phẩm;
- Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- Thóc, gạo tẻ thường;
- Phân urê; phân NPK;
- Thức ăn chăn nuôi;
- Vac – xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật;
- Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Trang thiết bị, vật tư y tế.

Danh mục này sẽ được rà soát, đánh giá chi tiết để quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật (sẽ được trình kèm hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội).

c) Về quy định lập quỹ bình ổn giá và quỹ bình ổn giá xăng dầu: tại báo cáo thẩm tra đã đặt vấn đề về tính cần thiết của việc duy trì biện pháp lập quỹ bình ổn giá xăng dầu gắn với tính cần thiết của các quy định tại Điều 22, Điều 70 dự thảo Luật.

Nhóm ý kiến thứ nhất tán thành cần thiết tiếp tục duy trì Quỹ Bình ổn giá xăng dầu. Tuy nhiên, do hiện chỉ có duy nhất Quỹ Bình ổn giá xăng dầu nên nếu tiếp tục duy trì thì chỉ nên quy định 01 khoản tại Điều 72 Dự thảo Luật về chuyển tiếp để cho tiếp tục thực hiện theo quy định của Chính phủ (Nghị định 83/2014/NĐ-CP và Nghị định 95/2021/NĐ-CP), không cần quy định thành điều riêng như Dự thảo Luật;

Nhóm ý kiến thứ hai đề nghị không tiếp tục duy trì Quỹ bình ổn giá xăng dầu vì: ***Thứ nhất,*** Quỹ bình ổn giá xăng dầu là quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước và nguồn hình thành Quỹ thực chất là tiền của người tiêu dùng, được trích lập thông qua giá mua và được sử dụng để trợ giá khi biến động giá xăng dầu. Mặc dù không phải tiền NSNN hỗ trợ, song lại do doanh nghiệp quản lý, và quyết định sử dụng nằm tại cơ quan điều hành. ***Thứ 2,*** hiện nay, giá xăng dầu trong nước đã liên thông với giá thế giới. Việc lập quỹ bản chất là sự can thiệp của Nhà nước vào một loại mặt hàng có tính nhạy bén rất cao với thị trường và khiến giá xăng dầu trong nước và thế giới không đồng nhất, không phản ánh đúng tính chất thị trường của hàng hóa. ***Thứ 3,*** trên thực tế khi thời điểm giá xăng dầu tăng cao và tăng mạnh như thời gian vừa qua, trường hợp Quỹ bị âm thì doanh nghiệp vẫn phải chi từ Quỹ, thậm chí là vay ngân hàng bù vào, ảnh hưởng tới nguồn vốn kinh doanh; còn khi giá xăng dầu xuống thấp, giá xăng dầu lại giảm chậm do phải trích lập Quỹ, bù đắp cho phần Quỹ âm trước đó, làm ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng. ***Thứ 4,*** trường hợp cần điều tiết giá xăng dầu, Nhà nước có thể sử dụng những công cụ khác như thuế, phí hoặc có biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho những đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ giá xăng dầu tăng cao, đó cũng là công cụ điều tiết chủ yếu mà nhiều quốc gia trên thế giới đang áp dụng.

Ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng băn khoăn với vấn đề này. Qua một số lần giám sát cũng có nhiều ý kiến các cơ quan đề nghị bỏ quỹ này, các cơ quan thanh tra, kiểm tra cũng đề nghị xem xét lại quỹ này. Đó là một công cụ để bình ổn, nếu chúng ta bỏ đi cũng cần phương án để điều hành; đây là vấn đề lớn ý kiến còn rất khác nhau. Đề nghị cần đánh giá kĩ, báo cáo rõ Quốc hội về quá trình soạn thảo, sửa đổi còn những ý kiến gì khác nhau và cách xử lý của Chính phủ (*ý kiến của Chủ tịch Quốc hội, đ/c Vũ Hồng Thanh - Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế, đ/c Lê Thị Nga - Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp)*

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

Tại dự thảo Luật giá sửa đổi không quy định điều chỉnh trực tiếp đối với Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Theo Luật hiện hành, biện pháp lập Quỹ bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc Danh mục bình ổn giá là một trong các biện pháp có thời hạn. Như vậy, khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động thì có thể lập Quỹ sẽ không phù hợp với tính chất của hoạt động bình ổn giá. Vì vậy, biện pháp lập Quỹ được tách thành cơ chế riêng tại Điều 22 để đảm bảo pháp lý cho việc triển khai thực hiện lập quỹ trong trường hợp cần thiết đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Trên cơ sở đó, mặt hàng nào cần thiết phải lập Quỹ bình ổn giá

để có công cụ điều hành giá có tính thường xuyên, liên tục sẽ giao Chính phủ quyết định. Trên cơ sở rà soát đánh giá thì hiện có Quỹ bình ổn giá xăng dầu (thực tế là quỹ bình ổn giá duy nhất được thành lập).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu là quỹ đặc thù, được thành lập trước khi có các quy định về quỹ bình ổn giá tại Luật giá (được quy định tại Nghị định 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, sau đó là Nghị định 83/2014/NĐ-CP, nay là Nghị định 95/2020/NĐ-CP). Quỹ bình ổn giá xăng dầukhác với các Quỹ tài chính khác, Quỹ bình ổn giá xăng dầu được hình thành và quản lý nhằm mục đích duy nhất là góp phần bình ổn giá xăng dầu; không phát sinh tổ chức bộ máy và không quản lý tập trung. Tổng mức trích lập hàng năm phụ thuộc vào sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước; tổng mức sử dụng phụ thuộc vào diễn biến thị trường, mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô từng thời kỳ và từng thời điểm điều hành giá. Thực tế việc quy định tại Luật giá chỉ có sự ảnh hưởng nhất định, theo hướng tăng cường cơ sở pháp lý của quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Đến nay cũng có rất nhiều ý kiến khác nhau về Quỹ bình ổn giá xăng dầu.Tại Báo cáo số 463-ĐGS ngày 22/10/2019 của Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quỹ tài chính ngoài Ngân sách Nhà nước, tuy chưa kiến nghị bỏ Quỹ nhưng cũng có đoạn nêu về Quỹ BOG xăng dầu đã không còn phù hợp. Việc thu trước của người tiêu dùng 300 đồng/lít để tạo Quỹ là nguyên nhân gây ra lạm phát thực tế và định kỳ điều chỉnh giá là nguyên nhân gây ra lạm phát kỳ vọng. Về dư luận xã hội thông qua phản ánh từ báo chí, các chuyên gia thì cũng có nêu các cơ quan quản lý cần xem xét, nghiên cứu xóa bỏ Quỹ bình ổn giá xăng dầu để tăng tính chủ động, linh hoạt trong điều chỉnh giá, để giá xăng dầu trong nước vận hành theo giá thế giới. Trên cơ sở đó, tại dự thảo gửi lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng, có đề nghị rà soát đánh giá để xem xét sự cần thiết của Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Trong suốt thời gian qua, Quỹ bình ổn giáxăng dầu được sử dụng nhất quán cho mục tiêu bình ổn giá xăng dầu theo đúng quy định của pháp luật. Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đã phát huy tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc tạo nên một "bước đệm" nhằm góp phần bình ổn giá (giữ ổn định hoặc giảm mức tăng) trong trường hợp cần thiết, linh hoạt trong việc bình ổn giá nhằm ổn định giá xăng dầu trong một thời kỳ hoặc không cho giá xăng dầu trong nước tăng quá mạnh, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng và ổn định an sinh xã hội.

Trên cơ sở đánh giá kỹ cho thấy trong thời gian vừa qua diễn biến giá mặt hàng này phức tạp, khó dự báo vì vậy công cụ Quỹ vẫn cần thiết. Do đó, Chính phủ đã thống nhất đề xuất trước mắt chưa bỏ công cụ Quỹ bình ổn giá xăng dầu đồng thời củng cố các cơ chế trong triển khai, tổ chức thực hiện nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc sử dụng quỹ. Chính phủ đã chỉnh lý, báo cáo rõ nội dung này tại tờ trình Quốc hội.

d) Về trường hợp bình ổn giá, một số ý kiến cho rằngquy định như Dự

thảo Luật còn chung chung, chưa định lượng được thế nào là *tăng quá cao hoặc giảm quá thấp* và chưa rõ *khoảng thời gian* là trong bao nhiêu lâu. Do vậy, đề nghị quy định cụ thể và lượng hóa tại Dự thảo Luật hoặc các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành để tạo căn cứ cho thực hiện bình ổn giá và thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về giá.

Chính phủ có ý kiến giải trình, tiếp thu như sau: Việc đặt ra quy định lượng hóa thế nào là*tăng quá cao hoặc giảm quá thấp* là vấn đề đã được đặt ra để thảo luận, làm rõ trong quá trình xây dựng Luật hiện hành. Tuy nhiên, do mỗi loại hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù riêng, mức độ biến động và ảnh hưởng của giá hàng hóa, dịch vụ trong các bối cảnh khác nhau nên việc lượng hóa chung một mức độ biến động sẽ không cần thiết, khó áp dụng cụ thể trong từng trường hợp. Ngay cả một số nước khi quy định về mức độ biến động để áp dụng các biện pháp bình ổn cũng gắn với từng nhóm hàng hóa và theo bối cảnh, nguyên nhân cụ thể (tình trạng khẩn cấp hay thiên tai, dịch bệnh…).

Trên cơ sở đó, tại dự thảo Luật quy định khi giá hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp chỉ là dấu hiệu nhận diện đầu tiên ban đầu để trên cơ sở đó tiến hành xem xét áp dụng các biện pháp bình ổn giá phù hợp. Như vậy, việc bình ổn giá cụ thể (biện pháp, thời gian, tổ chức thực hiện) sẽ căn cứ trên cơ sở kiểm tra yếu tố hình thành giá để xác định rõ nguyên nhân, mức độ biến động của hàng hóa, dịch vụ;Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá về cơ bản mang tính rà soát, đánh giá vừa xác định các nguyên nhân của biến động giá nhằm đề xuất biện pháp phù hợp và sẽ có quy trình triển khai nhanh, đảm bảo kịp thời cho công tác thực hiện trong thực tiễn; không thuộc phạm vi hoạt động kiểm tra xử lý vi phạm.

đ) Việc thực hiện biện pháp bình ổn vật liệu xây dựng còn chậm; như đối với giá một số mặt hàng vật liệu xây dựng tăng cao trong thời gian triển khai các đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, nhưng việc công bố giá của các địa phương còn chậm, thời hạn dài, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn *(ý kiến của đ/c Vũ Hồng Thanh - Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế).*

Chính phủ có ý kiến giải trình, tiếp thu như sau: Việc công bố giá vật liệu xây dựng để phục vụ xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng được thực hiện theo các quy định tại Luật xây dựng, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP; theo quy định thì việc công bố giá vật liệu xây dựng được thực hiện định kỳ hàng quý. Trong thời gian qua có phát sinh một số vấn đề đặt ra cần rút ngắn chu kỳ công bố; Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã có chỉ đạo Bộ Xây dựng nghiên cứu rút ngắn thời gian công bố giá vật liệu xây dựng trong một số trường hợp và đã được Bộ Xây dựng nghiên cứu triển khai.

9. Về kê khai giá, cần làm rõ là ai sẽ kiểm soát giá kê khai và nếu chỉ kê khai giá khi giá có biến động bất thường thì việc kiểm soát sẽ như thế nào *(ý kiến của đ/c Nguyễn Thúy Anh - Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội).* Ý kiến thẩm tra nhất trí với sự cần thiết của biện pháp kê giá, tuy nhiên cần giới hạn phạm vi các hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá cũng như đối tượng kê khai nhằm đảm

bảo tránh ảnh hưởng đến quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị chỉ áp dụng kê khai giá đối với các mặt hàng bình ổn giá như quy định hiện hành và những mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

Biện pháp kê khai giá được xác định là một trong các biện pháp quản lý gián tiếp, chủ yếu hướng đến mục tiêu nắm bắt thông tin về giá thị trường, hiện vẫn đang được thực hiện có hiệu quả từ Luật giá 2012. Đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục kê khai giá,tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh được tự quyết định giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ. Cơ quan tiếp nhận kê khai không can thiệp vào mức giá kê khai; Tuy nhiên trong một số trường hợp cụ thể tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải giải trình về các yếu tố hình thành giá gây tác động đến mức giá kê khai.

Về danh mục cụ thể, thực tế hiện nay ngoài các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải kê khai thì vẫn có một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác cũng thuộc diện phải kê khai giá theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP và các Luật chuyên ngành. Tại dự thảo Luật chỉ làm rõ các đối tượng hiện đang phải thực hiện kê khai gắn với các tiêu chí cụ thể. Tại Danh mục kèm theo dự thảo Nghị định dự kiến gồm 31 nhóm hàng hóa, dịch vụ đảm bảo không quá rộng và không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thay đổi căn bản tại dự thảo Luật giá sửa đổi là điều chỉnh thời điểm kê khai giá từ trước khi quyết định giá thành sau khi quyết định giá. Như vậy hoạt động kê khai giá sẽ được thực hiện linh hoạt hơn, tạo chủ động cho tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh.

10. Về kiểm tra yếu tố hình thành giá, tại báo cáo thẩm tra có đề cậpdự thảo Luật có nhiều thay đổi so với quy định hiện hành về kiểm tra yếu tố hình thành giá, tuy nhiên Tờ trình của Chính phủ chưa báo cáo nội dung này.

Về đối tượng kiểm tra: theo quy định của Luật hiện hành, hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm (1) hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá; (2) hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; (3) hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Dự thảo Luật không quy định đối tượng phải kiểm tra yếu tố hình thành giá. Một số ý kiến cho rằng, cần giữ như quy định hiện hành để tránh việc áp dụng tùy tiện.

Một số ý kiến còn băn khoăn về vấn đề phạm vi thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá còn rộng, đề nghị rà soát lại nhằm một mặt bảo đảm vai trò quản lý nhà nước song cũng bảo đảm quyền tự chủ của doanh nghiệp.

Chính phủ có ý kiến giải trình, tiếp thu như sau:

Theo Luật hiện hành thì hoạt động kiểm tra yếu tố hình thành giá là một trong bảy biện pháp bình ổn giá có thời hạn. Tại dự thảo Luật giá sửa đổi đã đưa

ra thành một biện pháp, là cơ sở cho việc triển khai các biện pháp quản lý, điều tiết giá khác.

Về đối tượng kiểm tra, trên cơ sở kết quả đánh giá thi hành cho thấy, việc tại Luật hiện hành đặt ra cơ chế kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá là không cần thiết vì nhóm mặt hàng do Nhà nước định giá sẽ được thực hiện theo quy trình thẩm định phương án giá của cơ quan quản lý để rà soát, đánh giá xem xét các yếu tố hình thành giá nên thực tế không đặt ra việc phải kiểm tra.

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá được quy định tại dự thảo Luật thực hiện trong các trường hợp giá hàng hóa, dịch vụ (bình ổn giá, kê khai giá và một số hàng hóa, dịch vụ khác) có biến động nhằm đánh giá, rà soát các yếu tố chi phí, giá thành để xác định các nguyên nhân biến động giá của hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo không quá rộng. Đồng thời hoạt động này không thuộc phạm vi hoạt động kiểm tra - xử lý vi phạm nên không ảnh hưởng đến quyền tự chủ của doanh nghiệp.

11. Về thẩm định giá

a) Về việc đăng ký hành nghề thẩm định giá: Theo quy định của dự thảo luật thì người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề với Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được công nhận là thẩm định viên về giá được quy định ở khoản 3 Điều 47. Về vấn đề này, Luật Giá hiện hành chỉ quy định thẩm định viên về giá hành nghề phải đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá ở khoản 1 Điều 30, chứ không phải đăng ký với Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được công nhận là thẩm định viên về giá. Đề nghị làm rõ sự thay đổi nội dung này ở dự thảo luật bởi theo Nghị quyết 18 có nêu chủ trương về chuyển một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Tại Điều 45 có quy định về hội nghề nghiệp thẩm định giá; có thể giao cho tổ chức này trong việc thẩm định thẻ thẩm định viên của người hành nghề hay không *(ý kiến của đ/c Nguyễn Thị Thanh - Trưởng Ban Công tác đại biểu)*.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

Theo quy định của Luật hiện hành, thẩm định viên về giá không được hành nghề với tư cách cá nhân; người có thẻ thẩm định viên về giá khi có nhu cầu hành nghề thẩm định giá phải gắn với hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, Luật hiện hành quy định việc đăng ký hành nghề là tại doanh nghiệp thẩm định giá để xác định được doanh nghiệp thẩm định viên đang làm việc.

Bên cạnh đó, tại Luật hiện hành quy định khi đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và trong quá trình hoạt động thì doanh nghiệp phải luôn đảm bảo duy trì điều kiện có tối thiểu 3 thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo danh sách thẩm định viên hành nghề với Bộ Tài chính để giám sát,

công khai về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp; trường hợp không đảm bảo điều kiện thì sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá.

Thẩm định giá là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện, có tính chuyên môn sâu, phức tạp; việc quản lý đăng ký hành nghề của thẩm định viên tại doanh nghiệp gắn với quản lý hoạt động của doanh nghiệp là một hoạt động xuyên suốt từ khâu thành lập đến quá trình hoạt động và là một trong các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá tương tự như một số lĩnh vực về kiểm toán, luật sư... Do đó, trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, Luật sửa đổi đã quy định rõ hơn việc đăng ký hành nghề với Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được công nhận là thẩm định viên về giá là cơ bản đang kế thừa Luật hiện hành.

Đối với Hội nghề nghiệp về thẩm định giá, Tại Điều 45 dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định tại Luật hiện hành để quy định Hội được *"tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá, cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật"*. Trên cơ sở đó, khi Luật sửa đổi có hiệu lực, có thể nghiên cứu, xem xét để chuyển một số nhiệm vụ về tổ chức thi thẻ thẩm định viên về giá từ Bộ Tài chính sang Hội nghề nghiệp về thẩm định giá để tăng cường xã hội hóa. Riêng đối với với việc đăng ký hành nghề của thẩm định viên về giá gắn với điều kiện thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá nên tiếp tục kế thừa Luật hiện hành, giao cơ quan quản lý nhà nước thực hiện để đảm bảo sự giám sát chặt chẽ đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

b) Về quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của dự thảo luật thì Bộ Tài chính có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp. Mặc dù quy định này là sự kế thừa quy định của Luật Giá hiện hành về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá song có nhất thiết duy trì thủ tục cấp giấy chứng nhận ở điều này không vì ở Điều 51 của dự thảo luật đã quy định các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận, các điều kiện này hoàn toàn có thể thực hiện theo cơ chế hậu kiểm mà không nhất thiết phải thêm thủ tục hành chính về vấn đề này*(ý kiến của đ/c Nguyễn Thị Thanh - Trưởng Ban Công tác đại biểu).*

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

Tại khoản 6 Điều 7 Luật đầu tư quy định về các phương thức quản lý đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, trong đó có việc cấp giấy chứng nhận. Hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là hoạt động kinh doanh có điều kiện và là lĩnh vực kinh doanh có tính chuyên môn nghiệp vụ sâu, phức tạp; việc đặt ra vấn đề quản lý theo phương thức tiền kiểm (cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá) là phù hợp để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động, hạn chế hậu quả trong trường hợp không đảm bảo điều

kiện kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định này là nhằm bảo vệ khách hàng, cũng là cơ sở để khách hàng nhận diện được doanh nghiệp nào đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và phù hợp với các quy định tại Luật đầu tư. Do đó, Chính phủ báo cáo Quốc hội cho kế thừa Luật hiện hành.

c) Tại báo cáo thẩm tra có đặt ra vấn đề cần kiện toàn công tác hậu kiểm đối với hoạt động thẩm định giá; việc phòng ngừa các sai phạm trong lĩnh vực thẩm định giá chưa quy định đầy đủ.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:Tại dự thảo Luật giá sửa đổi đã bổ sung 01 Chương quy định về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. Cụ thể Chương 7 dự thảo Luật đã quy định về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; các quy định này đã bước đầu kiện toàn đối với công tác hậu kiểm hoạt động thẩm định giá. Đồng thời các văn bản dưới Luật cũng sẽ triển khai các quy định cụ thể liên quan đến hoạt động kiểm tra nhằm để củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai hoạt động này, tăng cường công tác quản lý hoạt động thẩm định giá trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, việc phòng ngừa các sai phạm về thẩm định giá cũng được củng cố trên cơ sở chỉnh lý lại một số nội dung về cấm trong lĩnh vực thẩm định giá (Điều 7 dự thảo) như việc cấm các trường hợp thông đồng về giá, thẩm định giá để trục lợi. Mặt khác hoàn thiện các quy định tổng thể về giá trị pháp lý của kết quả thẩm định giá, tăng cường làm rõ trách nhiệm giữa các bên để ngăn chặn các sai phạm.

d) Về đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá, tại báo cáo thẩm tra cũng đặt vấn đề cần củng cố cơ chế đánh giá tín nhiệm đối với thẩm định viên, công ty thẩm định giá và công khai kết quả đánh giá hàng năm.

Chính phủ báo cáo làm rõ như sau: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá nhằm tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động phát hiện và ngăn ngừa rủi ro. Theo đó, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính tổ chức thực hiện việc đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá thông qua các tiêu chí đánh giá và công khai các tiêu chí này để mọi đối tượng có liên quan tham gia vào quá trình đánh giá dịch vụ thẩm định giá. Đồng thời, trên cơ sở kết quả giám sát, theo dõi của cơ quan quản lý nhà nước, kết hợp với đánh giá của các đối tượng liên quan, Bộ Tài chính sẽ công khai kết quả đánh giá các doanh nghiệp thẩm định giá hàng năm.

đ) Về mô hình doanh nghiệp, tại báo cáo thẩm tra cũng đặt ra vấn đề cần xem xét mô hình doanh nghiệp đối nhân và đối vốn cho phù hợp với bản chất của loại hình dịch vụ thẩm định giá.

Chính phủ báo cáo làm rõ như sau:Với mô hình loại hình công ty đối nhân sẽ siết chặt trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, cũng sẽ bị

hạn chế hơn rất nhiều so với loại hình công ty đối vốn, theo đó, việc quản lý điều kiện hành nghề của các thẩm định viên, nhất là thẩm định viên là người đại diện theo pháp luật cũng sẽ chặt chẽ hơn.

Tuy nhiên, tại dự thảo Luật sửa đổi đã bổ sung, củng cố các quy định nhằm thắt chặt điều kiện thành lập và quản lý hoạt động đối với doanh nghiệp thẩm định giá để dù loại hình doanh nghiệp nào cũng chịu sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ. Đồng thời 100% các doanh nghiệp thẩm định giá đang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, chưa có doanh nghiệp thẩm định giá nào hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh. Nếu chuyển đổi hết sang doanh nghiệp đối nhân sẽ gây xáo trộn đến hoạt động cung cấp dịch vụ và mất nhiều chi phí cho các doanh nghiệp. Do đó, mô hình doanh nghiệp thẩm định giá được giữ nguyên như Luật hiện hành, nhưng với yêu cầu phải có giải pháp để siết chặt hơn đối với các loại hình công ty đối vốn nên tại dự thảo Luật giá sửa đổi đã bổ sung các quy định điều kiện về tỷ lệ vốn góp của thành viên, cổ đông là thẩm định viên phải chiếm trên 50% vốn điều lệ nhằm đảm bảo tính kiểm soát của các cổ đông là thẩm định viên.

12. Một số ý kiến cụ thể khác về nội dung dự thảo Luật

*a)Về các hành vi bị cấm:*cần xem xét việc cấm việc không trả lời hoặc chậm trả lời các kiến nghị, đề xuất liên quan đến chuyên ngành của địa phương. Thực tế việc chậm trễ trả lời hoặc không trả lời các văn bản đã dẫn đến các hậu quả, làm khó khăn cho các công tác khác như tố tụng *(ý kiến của đ/c Bùi Văn Cường – Tổng Thư ký Quốc hội).*

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau: Qua nghiên cứu, việc xem xét cấm các hành vi này thực tế đã được quy định tại trách nhiệm của cán bộ, công chức theo quy định của Luật cán bộ công chức cũng như theo các quy định về quy chế hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Do vậy không nên quy định tại Luật giá để tránh trùng lặp, chồng chéo.

*b)Việc xây dựng luật sửa đổi phải khắc phục được các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng***,** lợi ích nhóm liên quan tới giá. Cần đánh giá kỹ trong thời gian vừa qua và việc phòng, chống trong thời gian tới để các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm liên quan tới giá không thể xảy ra

*Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:*Tại dự thảo Luật đã quy định rõ về hành vi thông đồng về giá, thẩm định giá (khoản 15 Điều 4) cũng như quy định cụ thể về việc cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân thông đồng về giá, thẩm định giá để trục lợi. Quy định này là một trong các nội dung được làm rõ hơn so với Luật hiện hành để tăng cường việc phòng, chống tiêu cực, tham nhũng.

c)Dự thảo Luật bổ sung quy định phải lập phương án giá khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Điều 9). Đa số ý kiến đề nghị bỏ quy định trên nhằm tránh gây ảnh hưởng hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân khi thường xuyên phải báo cáo; bảo đảm quyền tự chủ đã được

quy định tại Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp.

Tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm tra, Chính phủ đã chỉnh lý lại để làm rõ các trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có quyền yêu cầu đơn vị phải lập phương án giá để tránh sự lạm dụng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp.

d)Về hiệp thương giá, một số ý kiến đề nghị bỏ quy định về hiệp thương về giá, theo đó, các doanh nghiệp tự định giá hàng hóa, dịch vụ của mình theo quy định pháp luật. Giá trong các giao dịch mà hàng hóa, dịch vụ có tính chất độc quyền sẽ được điều chỉnh bằng Luật cạnh tranh.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau: Biện pháp hiệp thương giá là cơ chế trung gian nhằm xử lý tình huống có vướng mắc về giá trong một số trường hợp gắn với các điều kiện cụ thể, nhằm tạo thuận lợi cho các bên, hiện đã có từ pháp lệnh giá, Luật giá 2012. Nếu bỏ cơ chế này thì nếu phát sinh trường hợp các doanh nghiệp không thống nhất được giá của một số hàng hóa đặc thù (cả 2 bên mua bán phụ thuộc lẫn nhau, khó có hàng hóa thay thế kịp thời) sẽ không có cơ chế để khắc phục. Vấn đề này cũng đã được Chính phủ thảo luận chi tiết và thống nhất vẫn tiếp tục giữ cơ chế hiệp thương giá tại Luật để đảm bảo đủ cơ chế triển khai nếu có phát sinh.

đ)Về giá tham chiếu, đề nghị cần quy định rõ trong Luật về vai trò của giá tham chiếu (chỉ mang tính tham khảo hay bắt buộc phải dựa trên giá tham chiếu để định giá); trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của cơ quan có thẩm quyền khi đưa ra giá tham chiếu; Các trường hợp phải sử dụng giá tham chiếu khi định giá.

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau: Giá tham chiếu là biện pháp quản lý, điều hành giá có tính gián tiếp. Như vậy, đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm áp dụng giá tham chiếu phải căn cứ vào mức giá do cơ quan nhà nước hoặc một tổ chức được chỉ định công bố để tính toán mức giá hàng hóa, dịch vụ của mình. Phương thức này phù hợp với nguyên tắc kinh tế thị trường, được nhiều quốc gia áp dụng nên tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định về nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính linh hoạt trong khâu thực hiện. Theo quy định này thì dự kiến giá cơ sở của mặt hàng xăng dầu sẽ tiếp tục được tính theo giá tham chiếu của Platt Singapore; Giá than nhập khẩu để pha trộn với giá than trong nước bán cho sản xuất điện được tính theo mức giá tham chiếu của Úc hoặc Indonexia.

Tuy nhiên, do mỗi loại hàng hóa, dịch vụ có tính chất đặc thù, thị trường khác nhau nên việc quy định chung về cơ chế áp dụng sẽ khó đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Do vậy tại Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục và cơ chế áp dụng giá tham chiếu gắn với từng hàng hóa, dịch vụ cụ thể.

e)Về tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

- Về kinh phí đầu tư, xây dựng cơ sở dữ liệu và thanh toán chi phí thông tin đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu, cơ quan thẩm tra nhận thấy đây là nội

dung mới, liên quan đến cân đối nguồn lực, đề nghị để bảo đảm tính hợp lý, khả thi, minh bạch thì cần báo cáo, đánh giá tác động về nguồn lực NSNN đối với việc bố trí ngân sách để đầu tư, xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Cơ chế thu, mức thu từ người truy cậpvào Cơ sở dữ liệu; phương án sử dụng nguồn thu này.

- Về kinh phí bảo đảm công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cơ quan thẩm tra nhận định việc *tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và hoạt động quản lý, điều hành giá* là trách nhiệm công vụ của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy quản lý nhà nước. Việc Dự thảo Luật quy định về việc NSNN cần bố trí "*Kinh phí hỗ trợ*" cho hoạt động trên cần được cân nhắc lại để bảo đảm tính hợp lý.

Chính phủ có ý kiến báo cáo làm rõ như sau:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước. Tuy nhiên, phần giá trị gia tăng của Cơ sở dữ liệu là cung cấp các thông tin về giá cho các doanh nghiệp thẩm định giá và các tổ chức, cá nhân khác nhau khi có nhu cầu. Với mô hình tổ chức là một đơn vị sự nghiệp thì việc có đặt ra việc thu chi phí sử dụng của một số đối tượng không thuộc phạm vi quản lý Nhà nước là phù hợp. *Tiếp thu ý kiến thẩm tra,* tại tờ trình Quốc hội sẽ làm rõ hơn đối với việc đánh giá tác động cụ thể của việc thu chi phí sử dụng dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Đối với các nội dung đánh giá về chi phí đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu đã được đánh giá cụ thể tại tờ trình; thực tế hiện nay Bộ Tài chính đã xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (giai đoạn 2), thực tiễn tại các địa phương đã có 20 Sở Tài chính đã triển khai (hoặc bắt đầu triển khai) xây dựng các cơ sở dữ liệu này để phục vụ công tác quản lý giá trên địa bàn. Do vậy, việc Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu sẽ không làm phát sinh thêm các chi phí, nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành Luật.

- Đối với hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực tế có tính chất một phần là công vụ của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy quản lý nhà nước; tuy vậy công tác dự báo với đòi hỏi chuyên môn sâu, quá trình nghiên cứu phức tạp gắn với công tác thu thập, tổng hợp phân tích thông tin chuyên sâu từ nhiều nguồn, thậm chí phải mua để phục vụ nhiệm vụ quản lý, điều hành giá. Do đó cần thiết có kinh phí cho hoạt động này để hỗ trợ các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện; các quy định này cũng phù hợp với thực tế, tương đồng với một số nội dung như xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.... trong thực tiễn trong và ngoài nước, nhiều cơ quan, tổ chức chuyên về nghiên cứu cũng phải có nguồn lực tài chính phù hợp với có thể triển khai tốt nhiệm vụ này. Về tổng nguồn lực đảm bảo cho công tác thi hành không lớn, không đặt áp lực cho ngân sách nhà nước và lại có hiệu quả lớn, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, ổn định giá cả thị trường.

Trên đây là Báo cáo về việc tiếp thu, giải trình chi tiết ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Dự án Luật giá (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Tài chính,Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Các Vụ: KTTH, NN, CN, KGVX;
- Lưu: VT, PL (03).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(Đã ký)

Hồ Đức Phớc

Ký bởi: VĂN PHÒNG BỘ
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 18/08/2022 10:28:01 +07:00

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 136 /BCTĐ-BTP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 66124
Ngày: 18-08-2022
Chuyển: Cục QLG
Số và ký hiệu HS:

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật Giá (sửa đổi)

Kính gửi:
- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ) và theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 7994/BTC-QLG ngày 11/8/2022 (Bộ Tư pháp nhận ngày 12/8/2022), trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ gửi thẩm định và kết quả cuộc họp ngày 16/8/2022 của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 1717/QĐ-BTP ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự án Luật Giá (sửa đổi) (gọi tắt là dự án/dự thảo Luật) như sau:

I. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

Về cơ bản, nội dung của dự thảo Luật phù hợp với mục đích của việc sửa đổi Luật Giá đã được Chính phủ thông qua trong đề nghị xây dựng Luật (thể hiện tại trang 8 Tờ trình số 177/TTr-BTC ngày 11/8/2022 của Bộ Tài chính). Tại Tờ trình còn một số chỗ lẫn lộn giữa sự cần thiết, mục đích, yêu cầu và quan điểm. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn nội dung về mục đích, yêu cầu, trong đó xác định rõ hơn mục đích của việc sửa đổi là để xử lý tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo giữa quy định của Luật Giá với các luật khác.

2. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với phạm vi điều chỉnh đã

được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

Ngày 03/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 152/NQ-CP về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021 thông qua đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi). Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật phù hợp với phạm vi điều chỉnh đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn việc mở rộng phạm vi điều chỉnh trong Tờ trình; rà soát, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh (tại Điều 1 dự thảo Luật cũng như các nội dung trong dự thảo Luật) cho phù hợp, rõ ràng, tránh chồng lấn với phạm vi điều chỉnh của các luật khác có liên quan, trong đó, lưu ý thêm một số vấn đề sau đây:

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng dự thảo Luật quy định về đối tượng "cơ quan" và "người tiêu dùng", Bộ Tư pháp cho rằng chỉ cần quy định "tổ chức, cá nhân" là đã bao hàm cả "cơ quan" và "người tiêu dùng". Ngoài ra, Điều 1 quy định "cơ quan" nhưng Điều 2 quy định "cơ quan nhà nước" là chưa có sự thống nhất về đối tượng này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để đảm bảo tính thống nhất của dự án Luật.

2.2. Dự thảo Luật quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá và thẩm quyền định giá; hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; các nội dung này có liên quan đến quy định của pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành hoặc liên quan đến thẩm quyền của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Dự thảo Luật không có điều khoản áp dụng pháp luật như quy định tại Điều 3 Luật Giá năm 2012. Tại trang 2 Tờ trình cơ quan chủ trì soạn thảo có nêu lý do về việc không quy định nguyên tắc áp dụng Luật giá và các luật có liên quan. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, vấn đề quản lý giá liên quan trực tiếp đến nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó cần xác định rõ vị trí của Luật Giá trong hệ thống pháp luật; mối quan hệ giữa Luật Giá với các luật khác trong việc quản lý giá.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với các chính sách đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật phù hợp với các chính sách đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, một số chính sách chưa được thể hiện đầy đủ, chính xác trong dự thảo Luật hoặc một số nội dung trong dự thảo Luật nằm ngoài các nội dung chính sách đã được thông qua. Cụ thể:

3.1. Đối với chính sách 1 và chính sách 2 về danh mục hàng hóa, dịch vụ do

nhà nước định giá, phương pháp, hình thức định giá:

(i) Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá: tại chính sách đã được Chính phủ thông qua thì danh mục này sẽ do Chính phủ ban hành. Tuy nhiên, dự thảo Luật lại quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật và gắn với đó là quy định rõ hình thức, thẩm quyền trách nhiệm định giá của các cấp quản lý. Cơ quan chủ trì soạn thảo có giải trình quy định này thay đổi so với phương án chính sách đề xuất áp dụng. Bộ Tư pháp cho rằng nội dung này khác với chính sách đã được Chính phủ thông qua khi lập đề nghị xây dựng luật. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo đánh giá tác động đối với phương án này để làm cơ sở báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

(ii) Về giá tham chiếu: Điều 32 dự thảo Luật quy định về giá tham chiếu, tuy nhiên, các nội dung quan trọng của quy định này (hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện định giá trên cơ sở giá tham chiếu, cơ chế áp dụng giá tham chiếu...) chưa được quy định trong dự thảo Luật mà lại giao Chính phủ quy định chi tiết.

3.2. Đối với chính sách 5 về kê khai giá: Khoản 8 Điều 30 dự thảo Luật quy định: *"Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này"* là chưa phù hợp với chính sách đề xuất áp dụng, theo đó, Chính phủ quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá đồng thời quy định các nội dung liên quan đến kê khai giá.

3.3. Đối với chính sách 7 và chính sách 8 về nội dung thẩm định giá: chính sách đề xuất áp dụng là chuyên môn hóa hoạt động của thẩm định viên về giá theo lĩnh vực tài sản gồm thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong dự thảo Luật chưa quy định cụ thể về vấn đề này mà chỉ quy định: *"Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp..."* (khoản 1 Điều 46 dự thảo Luật) và quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 72 dự thảo Luật; đồng thời giao Bộ Tài chính quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá (khoản 3 Điều 46 dự thảo Luật).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung của dự thảo Luật để đảm bảo cụ thể hóa các chính sách đã được thông qua. Trường hợp dự thảo quy định khác với chính sách đã được thông qua thì cần báo cáo rõ trong Tờ trình và có đánh giá tác động bổ sung đối với những nội dung khác đó.

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung của dự thảo Luật cơ bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp; tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Luật không trái với Hiến pháp năm 2013, cơ bản bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất. Tuy nhiên, do Luật Giá có liên quan mật thiết đến nhiều đạo luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Giáo dục, Luật Khám chữa bệnh, Luật Cạnh tranh, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Thanh tra...), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ dự thảo luật, đồng thời tham khảo Báo cáo số 20 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, trong đó lưu ý một số vấn đề sau đây:

2.1. Liên quan đến Luật Doanh nghiệp

(i) Điểm khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật quy định: *"... là thành viên trong ban lãnh đạo, ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được thẩm định giá"*. Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có quy định về "ban lãnh đạo" doanh nghiệp. Do vậy, trường hợp đơn vị được thẩm định giá là doanh nghiệp thì không thể xác định thành viên trong ban lãnh đạo như quy định của dự thảo Luật. Đối với đơn vị được thẩm định giá nếu là tổ chức khác cũng khó có thể xác định thành viên ban lãnh đạo gồm những ai. Đồng thời, nghiên cứu phương án sử dụng thuật ngữ "người có liên quan" quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để quy định trong Luật này.

(ii) Điểm c khoản 1 Điều 56 dự thảo Luật quy định: *"Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Xử lý vi phạm hành chính"*, tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định về các trường hợp "đình chỉ kinh doanh" mà chỉ quy định về "đình chỉ hoạt động", "chấm dứt kinh doanh". Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soat, chỉnh sửa để đảm bảo tính thống nhất.

(iii) Dự thảo Luật có nhiều điều quy định chung về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá theo hướng chi nhánh cũng có đầy đủ tư cách pháp lý, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như một doanh nghiệp độc lập. Quy định như vậy là không phù hợp với quy

định của Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự về chi nhánh doanh nghiệp, chi nhánh pháp nhân (được thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp). Bên cạnh đó, dự thảo Luật còn có sự chưa thống nhất về cách tiếp cận vấn đề quan hệ giữa chi nhánh và doanh nghiệp: một mặt quy định chi nhánh có tư cách, quyền và nghĩa vụ như doanh nghiệp, mặt khác lại quy định doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm đối với chứng thư thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá do chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phát hành.

2.2. Liên quan đến Bộ luật Dân sự

Về giá dịch vụ thẩm định giá (Điều 60 dự thảo Luật) và Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá (Điều 61 dự thảo Luật), Bộ Tư pháp cho rằng, nội dung này thuộc quyền tự do thỏa thuận hợp đồng và thỏa thuận phương thức giải quyết tranh chấp của các chủ thể trong quan hệ dân sự. Ngoài ra, đây là vấn đề tương đối rõ, đã được quy định trong nhiều luật, vì vậy, đề nghị rà soát, cân nhắc không quy định trong dự thảo Luật.

2.3. Liên quan đến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2022) cùng thời điểm trình dự án Luật Giá (sửa đổi). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (Điều 7,8 dự thảo Luật) và quy định quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng (Điều 9, 10 dự thảo Luật) để đảm bảo thống trong 02 dự án Luật khi trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua.

2.4. Liên quan đến Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

(i) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 14 dự thảo Luật) để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và các Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Ví dụ: quy định tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật *"2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao một cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ làm đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 14 của Luật này"*.

(ii) Dự thảo Luật có một số quy định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong định giá một số hàng hóa, dịch vụ. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát để đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tránh nhầm lẫn giữa thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(iii) Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định về "cùng cấp" chỉ áp dụng đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Đối với các cơ quan như cơ quan tài chính thì đây là các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân. Do vậy, đối với quy định tại khoản 3 Điều 17 dự thảo Luật: *"Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao cơ quan tài chính cùng cấp..."* là chưa đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2.5. Một số nội dung khác

(i) Khoản 4 Điều 22 dự thảo Luật quy định: *"Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại Phụ lục kèm theo Luật này"*. Phụ lục quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá gắn với thẩm quyền và hình thức định giá (Bộ Tài chính đã rà soát, cập nhật Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá hiện đang được quy định tại Luật Giá và các Luật khác gồm 52 nhóm hàng hóa, dịch vụ). Tại Tờ trình số 177/TTr-BTC, Bộ Tài chính có nêu: *"Trong các ý kiến gửi về Bộ Tài chính thì còn có ý kiến khác nhau về thẩm quyền, trách nhiệm định giá. Một số bộ như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông... là các cơ quan quản lý lĩnh vực chuyên ngành, có số lượng hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhiều nhưng chưa có văn bản tham gia ý kiến..."* (trang 16) và đưa vào nội dung còn có ý kiến khác nhau (mục VI.1 và VI.2, từ trang 29 đến trang 32). Do một số hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục ban hành kèm theo Phụ lục hiện đang được quy định tại một số Luật khác, đồng thời liên quan đến trách nhiệm thẩm định giá của các bộ, ngành. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của Luật Giá với các luật khác có liên quan, tính khả thi của quy định về thẩm định giá, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ và thống nhất với các bộ, ngành quản lý về danh mục cũng như thẩm quyền, hình thức định giá để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

(ii) Điều 70 dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật có liên quan đến Luật Giá, theo đó, bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá tại 7 Luật và bãi bỏ quy định về điều kiện đối với doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá tại Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Đất đai. Bộ Tư pháp cho rằng, danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá và việc bãi bỏ các quy định của các luật liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền và hình thức định giá của các hàng hóa, dịch vụ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc về tính khả thi của quy định này, đồng thời phải đảm bảo sự thống nhất của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ định giá đã được quy định tại các Luật hiện hành. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát quy định của các luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá để đưa vào dự thảo Luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để loại bỏ những quy định đã được quy định rõ trong các luật khác, tránh trùng lặp, đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, Tờ trình dự thảo Luật chưa có nội dung đánh giá về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan. Do đó, đề nghị bổ sung báo cáo này trong hồ sơ dự án Luật; đồng thời đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung quy định trong dự thảo Luật để đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

IV. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá đúng và đầy đủ sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính (TTHC) và chỉnh lý các hồ sơ liên quan đến đánh giá TTHC kèm theo, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-

CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Lưu ý rà soát kỹ các quy định liên quan đến điều kiện, thủ tục thành lập doanh nghiệp; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, tránh tình trạng không phân định được điều kiện nào có trước, điều kiện nào có sau. Ví dụ: khoản 2 Điều 50 dự thảo Luật.

(i) Về hồ sơ

Hiện nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá tác động TTHC, Bản đánh giá TTHC đã xác định được tổng số TTHC quy định tại dự án Luật, trong đó liệt kê TTHC mới, TTHC sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, để bản đánh giá TTHC hoàn thiện hơn, đề nghị:

- Đối với Bản đánh giá tác động TTHC: đề nghị bổ sung mục III về việc lấy ý kiến cơ quan kiểm soát TTHC đối với dự án, dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC (trong đó có dự thảo Bản đánh giá tác động TTHC) theo quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

- Đối với Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC: đề nghị bỏ nội dung đánh giá về cách thức thực hiện vì dự án Luật chưa quy định, nội dung này sẽ được đánh giá tại các văn bản quy định chi tiết.

- Đối với dự thảo Biểu mẫu tính toán chi phí tuân thủ TTHC (Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM):

+ Đối với TTHC sửa đổi, bổ sung cần tính chi phí tuân thủ TTHC hiện tại, chi phí tuân thủ TTHC được sửa đổi, bổ sung và lợi ích về chi phí tuân thủ TTHC được sửa đổi, bổ sung. Các nội dung tính toán cần được sắp xếp theo các nội dung nêu trên đối với từng TTHC để bảo đảm sự rõ ràng.

+ Tại mục "Mức thu nhập bình quân 01 người/01 giờ làm việc" của Biểu mẫu đề nghị sửa thành "30.535 đồng" bởi vì hiện nay, Tổng Cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ mới công bố số liệu chính thức về tổng sản phẩm trong nước và số dân của năm 2020, theo đó căn cứ công thức tính của Thông tư số 03/2022/TT-BTP thì Mức thu nhập bình quân 01 người/01 giờ làm việc năm 2020 là 30.535 đồng.

(ii) Về quy định TTHC

- Thủ tục Cấp lại thẻ thẩm định viên về giá: Dự án Luật chỉ quy định về thủ

tục Cấp thẻ thẩm định viên về giá (Điều 48), tuy nhiên Bộ Tư pháp thấy rằng sẽ phát sinh trường hợp yêu cầu cấp lại thẻ thẩm định viên về giá trong trường hợp thẻ bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin trên thẻ. Do đó đề nghị, bổ sung một khoản tại Điều 48 quy định về điều kiện cấp lại thẻ thẩm định viên về giá và bổ sung khoản 3 Điều 48 về việc giao Bộ Tài chính quy định thủ tục "cấp lại" thẻ thẩm định viên về giá. Đồng thời bổ sung việc đánh giá tác động đối với thủ tục này.

- Thủ tục liên quan đến Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: Khoản 1 Điều 52 quy định: *"Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp, phải có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá"*. Điều này có nghĩa rằng đăng ký hoạt động chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện đồng thời với thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Tuy nhiên, trên thực tế do điều kiện phát triển của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể mở thêm chi nhánh. Nếu với quy định này thì doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá để có tên chi nhánh trong Giấy chứng nhận. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý xử lý vấn đề này cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm thuận tiện, khả thi.

2. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Giá (sửa đổi). Theo đó, nội dung dự án Luật Giá (sửa đổi) đảm bảo quyền lợi bình đẳng, không phân biệt chính sách cho nam và nữ. Dự án Luật Giá (sửa đổi) được xây dựng dựa trên nguyên tắc bảo đảm bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới, cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 "nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới là một căn cứ quan trọng của việc rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật" (khoản 2 Điều 20 Luật Bình đẳng giới).

V. VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Tờ trình mới chỉ nêu nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật Giá sửa đổi sau khi được thông qua của Bộ Tài chính mà chưa nêu rõ các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính cho việc thi hành Luật của tổ chức, cá nhân khác. Ví dụ: xây dựng cơ sở dữ liệu giá ở cấp địa phương thì nguồn

nhân lực và tài chính để thực hiện như thế nào?; việc đáp ứng các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá... Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá điều kiện bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy, điều kiện khác để tổ chức thi hành Luật.

VI. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN NỘI DUNG CỦA CỦA DỰ THẢO LUẬT

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý toàn diện dự thảo Luật để đảm bảo tính khả thi, sự rõ ràng, chính xác, hợp lý trong các quy định. Cụ thể:

1. Về hành vi bị nghiêm cấm, điểm c khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật quy định: *"Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, **chính sách của nhà nước** và điều kiện bất thường khác để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đưa quy định "chính sách của nhà nước" trong nội dung này vì rất khó xác định, đồng thời nếu là do chính sách có lỗi hoặc sai thì không thể quy trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2. Khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật quy định tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ: *"Lập phương án giá hoặc báo cáo đánh giá các yếu tố hình thành giá... gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền"*. Bộ Tư pháp cho rằng, việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân gửi phương án giá hoặc báo cáo đánh giá chi tiết các yếu tố hình thành giá nhưng không quy định cụ thể trường hợp nào được yêu cầu, cơ quan nào được phép yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về các trường hợp được yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi phương án giá hoặc báo cáo đánh giá các yếu tố hình thành giá.

3. Về hiệp thương giá, khoản 2 Điều 29 dự thảo Luật quy định: *"Cơ quan hiệp thương giá xác định làm rõ người đại diện của bên mua và bên bán..."*, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định này vì đây không phải là trách nhiệm của cơ quan hiệp thương giá. Việ xác định làm rõ người đại diện của bên mua và bên bán thuộc trách nhiệm của bên mua và bên bán và xác định trong văn bản đề nghị hiệp thương giá.

4. Về niêm yết giá, khoản 3 Điều 31 dự thảo Luật quy định: *"đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại quy định này để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật. Theo đó, đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá theo giá do mình quyết định, đảm bảo phù hợp với giá do Nhà nước định giá.

5. Về hợp tác quốc tế về thẩm định giá (Điều 44 dự thảo Luật), đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Luật vì nội dung này không thuộc phạn vi điều chỉnh của Luật. Việc hợp tác quốc tế về thẩm định giá thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước; quyền của các tổ chức, cá nhân khác khi tham gia các tổ chức quốc tế về thẩm định giá.

6. Về việc giao Chính phủ quy định chi tiết: Bộ Tư pháp cho rằng, một số nội dung của Luật cần quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, hồ sơ... mà không nên giao Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định chi tiết để đảm bảo tính khả thi của luật, đảm bảo luật có thể thi hành ngay sau khi có hiệu lực và tránh việc xây dựng một luật "khung" về giá. Cụ thể như các quy định tại: khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 26, khoản 8 Điều 30, khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 32, khoản 5 Điều 47, điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 51, khoản 4 Điều 57...

7. Về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau

Tờ trình có nêu một số vấn đề các Bộ còn có ý kiến khác nhau nhưng không xây dựng thành các phương án, chưa rõ có phải đưa ra xin ý kiến Chính phủ hay không? Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nếu vấn đề cần thiết xin ý kiến Chính phủ thì xây dựng các phương án; phân tích, đánh giá ưu điểm, nhược điểm và đề xuất phương án lựa chọn của mình, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

VII. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Về trình tự, thủ tục

Về cơ bản, việc xây dựng dự thảo Luật đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm

2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Trên cơ sở đề nghị xây dựng Luật được Chính phủ thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật; nghiên cứu, xây dựng dự án Luật; gửi hồ sơ dự án Luật để lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội ngành nghề, tổ chức có liên quan; đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi cá nhân, tổ chức. Sau đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, hiệp hội, địa phương và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

2. Về hồ sơ dự án Luật

Hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, để hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số nội dung sau đây:

2.1. Về Tờ trình Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện theo hướng khái quát, súc tích hơn, lược bớt sự cần thiết, làm sâu sắc thêm mục đích, yêu cầu, đánh giá sự tương thích với các cam kết quốc tế; đồng thời bổ sung nội dung: (i) sự phù hợp của dự thảo Luật với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước; (ii) sự phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (iii) bổ sung, hoàn thiện nội dung về các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính cho việc thi hành Luật.

2.2. Về Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính, đề nghị chỉnh lý và hoàn thiện kỹ hơn và đầy đủ theo đúng quy định và nội dung đã nêu tại Mục IV.1 Báo cáo thẩm định này.

2.3. Hoàn thiện Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật (nhất là các vấn đề, các luật nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này).

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại ngôn ngữ, hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản cho phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Trong đó, một số quy định trong dự thảo Luật quy định chưa rõ ràng, cụ thể, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau và có thể sẽ gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi các quy định của

Luật. Ví dụ:

- Điểm a khoản 1 Điều 47 dự thảo Luật quy định: *"có năng lực hành vi dân sự"* là có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hay không?

- Điểm a khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật quy định hành vi bị cấm đối với thẩm định viên về giá: *"Các quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này"*, Bộ Tư pháp cho rằng quy định dẫn chiếu như vậy có thể không xác định đúng, đầy đủ hành vi vi phạm của thẩm định viên về giá do trách nhiệm của thẩm định viên về giá khác với trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định. Vì vậy, đề nghị quy định đầy đủ các hành vi bị cấm đối với thẩm định viên về giá, không nên dẫn chiếu đến quy định dành cho đối tượng khác như dự thảo Luật quy định.

- Về hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn theo phạm vi quản lý (điểm c khoản 3 Điều 22 dự thảo Luật); quy định này chưa rõ thế nào là "có tính địa bàn" để địa phương thực hiện định giá.

- Khoản 2 Điều 25 quy định về phương án giá, đề nghị đưa quy định này vào quy định tại Điều 3 dự thảo Luật về giải thích từ ngữ.

- Để tránh nhầm lẫn trong việc xác định điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (Điều 54 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo kết cấu lại quy định này theo hướng quy định riêng, cụ thể về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, điều kiện hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá.

VIII. KẾT LUẬN

Trên cơ sở hồ sơ gửi thẩm định, ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ dự án Luật Giá (sửa đổi) còn nhiều vấn đề cần hoàn thiện hoặc giải trình rõ mới đủ điều kiện trình Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Giá (sửa đổi), xin gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ VĐCXDPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Hằng).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 115/BC-BTC	*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022*

BÁO CÁO
Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật giá (sửa đổi)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 136/BCTĐ-BTP ngày 17/8/2022 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định như sau:

I. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

Bộ Tư pháp có ý kiến *"Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn nội dung về mục đích, yêu cầu. Tại Tờ trình còn lẫn lộn giữa sự cần thiết, mục đích, yêu cầu và quan điểm. Mục đích của việc sửa đổi là để tập trung sửa đổi các quy định liên quan đến quản lý giá trong luật này, tránh tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo với các luật khác"*

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý, hoàn thiện lại các nội dung này tại tờ trình của Chính phủ đảm bảo phù hợp.

2. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với phạm vi điều chỉnh đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

- Bộ Tư pháp có ý kiến *"làm rõ hơn việc mở rộng phạm vi điều chỉnh trong Tờ trình; rà soát, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh (tại Điều 1 dự thảo Luật cũng như các nội dung trong dự thảo Luật) cho phù hợp, rõ ràng, tránh chồng lấn với phạm vi điều chỉnh của các luật khác có liên quan"*.

Bộ Tài chính có ý kiến giải trình: Về nội dung tại Điều 1 dự thảo là kế thừa theo Luật hiện hành, không mở rộng thêm; tuy nhiên chỉ quy định để làm rõ hơn, bao quát các nội dung chính của Luật. Việc quy định cụ thể này cũng tương đồng với một số Luật được ban hành trong thời gian gần đây.

2.1. Bộ Tư pháp có ý kiến *"chỉ cần quy định "tổ chức, cá nhân" là đã bao*

hàm cả "cơ quan" và "người tiêu dùng", ngoài ra, Điều 1 quy định "cơ quan" nhưng Điều 2 quy định "cơ quan nhà nước" là chưa có sự thống nhất"

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại Điều 1 dự thảo thay thế cụm từ "tổ chức, cá nhân" thành "tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ" và thống nhất sử dụng cụm từ "cơ quan nhà nước" để đảm bảo thống nhất với các quy định khác tại dự thảo.

2.2. Bộ Tư pháp có ý kiến *"Bộ Tư pháp cho rằng, vấn đề quản lý giá liên quan trực tiếp đến nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó cần xác định rõ vị trí của Luật Giá trong hệ thống pháp luật; mối quan hệ giữa Luật Giá với các luật khác trong việc quản lý giá."*

Ý kiến của Bộ Tư pháp thuộc nội dung chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách; tại bản dự thảo tham gia ý kiến rộng rãi, Bộ Tài chính đã đề xuất nội dung quy định *"trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá; thẩm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này"*. Tuy vậy, đây là một trong các nội dung có nhiều ý kiến khác nhau, chủ yếu cho rằng sẽ không phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Do đó, Bộ Tài chính đã chỉnh lý bỏ nội dung này tại dự thảo Luật lấy ý kiến thẩm định.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và nghiên cứu các quy định tương tự tại Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020, dự thảo Luật Đất đai sửa đổi, Bộ Tài chính đã bổ sung tại dự thảo nội dung quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật chỉ đối với *"trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này";* do hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá là một trong những nội dung quan trọng của Luật, cần phải được quy định thống nhất để tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện. Như vậy việc quy định nguyên tắc ưu tiên áp dụng Luật giá cũng chỉ giới hạn trong vấn đề Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với các chính sách đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

3.1. Đối với chính sách 1 và chính sách 2 về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, phương pháp, hình thức định giá:

(i) Bộ Tư pháp có ý kiến *"tại chính sách đã được Chính phủ thông qua thì danh mục này sẽ do Chính phủ ban hành. Tuy nhiên, dự thảo Luật lại quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật và gắn với đó là quy định rõ hình thức, thẩm quyền trách nhiệm định giá của các cấp quản lý. Cơ quan chủ trì soạn thảo có giải trình quy định này thay đổi so với phương án chính sách đề xuất áp dụng. Bộ Tư pháp nhất trí với dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo đánh giá tác động đối với phương án này để làm cơ sở xem xét, quyết định"*.

Thực tế tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đã có phương án tiếp tục quy định danh mục chi tiết tại Luật và đã được đánh giá; tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã bổ sung thêm Báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với sự thay đổi phương án chính sách này.

(ii) Về giá tham chiếu, Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị quy định chi tiết các nội dung về giá tham chiếu tại Luật thay vì giao Chính phủ quy định chi tiết. Tuy nhiên Bộ Tài chính cho rằng biện pháp áp dụng giá tham chiếu là biện pháp có tính điều hành gián tiếp thông qua một mức giá đại diện do một tổ chức công bố nên cần có tính linh hoạt cao, phụ thuộc vào thực tiễn của từng thời kỳ. Do đó tại Luật chỉ nên nêu những vấn đề cơ bản để tạo cơ sở pháp lý và giao Chính phủ quy định chi tiết là phù hợp.

3.2. Đối với chính sách 5 về kê khai giá, Bộ Tư pháp có ý kiến việc giao *"Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này là chưa phù hợp với chính sách đề xuất áp dụng, theo đó, Chính phủ quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá đồng thời quy định các nội dung liên quan đến kê khai giá"*.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã điều chỉnh lại việc giao Chính phủ quy định chi tiết các vấn đề cụ thể về kê khai giá (tại khoản 7 Điều 30 dự thảo Luật).

3.3. Đối với chính sách 7 và chính sách 8 về nội dung thẩm định giá, Bộ Tư pháp có ý kiến *"chính sách đề xuất áp dụng là chuyên môn hóa hoạt động của thẩm định viên về giá theo lĩnh vực tài sản gồm thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong dự thảo Luật chưa quy định cụ thể về vấn đề này mà chỉ quy định: "Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp…" (khoản 1 Điều 46 dự thảo Luật) và quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 72 dự thảo Luật; đồng thời giao Bộ Tài chính quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá (khoản 3 Điều 46 dự thảo Luật). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung của dự thảo Luật để đảm bảo cụ thể hóa các chính sách đã được thông qua."*

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến giải trình như sau: Tại dự thảo Luật giá sửa đổi, các nội dung quy định về chuyên môn hóa hoạt động của thẩm định viên về giá theo lĩnh vực gồm thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp đã được thiết kế từ khâu thi cấp thẻ thẩm định viên về giá, cho đến việc đăng ký hành nghề và ký báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, cụ thể: về thi, cấp thẻ thẩm định viên về giá theo lĩnh vực chuyên môn được quy định tại khoản 1 Điều 46; về đăng ký hành nghề và thực hiện hành nghề theo lĩnh vực chuyên môn được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48; về ký báo cáo và chứng thư thẩm định giá theo lĩnh vực chuyên môn được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 49… Trên cơ sở đó, việc chuyên môn hóa đối với doanh nghiệp thẩm định giá sẽ được gắn với

đội ngũ thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp. Theo đó, nếu doanh nghiệp chỉ tập trung vào cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản thì số ther thẩm định viên sẽ phải đảm bảo tương ứng hoặc ngược lại đối với chuyên môn trong thẩm định giá doanh nghiệp.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định về việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo đúng lĩnh vực chuyên môn được phép thực hiện tại điều khoản quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá, đồng thời những nội dung này cũng sẽ tiếp tục được cụ thể hơn tại văn bản dưới Luật.

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Bộ Tư pháp đã đánh giá nội dung của dự thảo Luật cơ bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp; tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

2.1. Liên quan đến Luật doanh nghiệp

(i) Bộ Tư pháp có ý kiến *"Điểm khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật quy định: "... là thành viên trong ban lãnh đạo, ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được thẩm định giá". Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có quy định về "ban lãnh đạo" doanh nghiệp... Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Đồng thơi, nghiên cứu phương án sử dụng thuật ngữ "người có liên quan" quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để quy định trong Luật này."*

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý bỏ cụm từ "ban lãnh đạo" tại khoản 4 Điều 6 dự thảo. Bên cạnh đó, cũng chỉnh lý sử dụng thống nhất cụm từ "người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp" để đảm bảo sự thống nhất với các quy định hiện hành và tính khách quan, độc lập của dịch vụ thẩm định giá, cần thiết phải có những quy định ràng buộc về vấn đề thẩm định viên không được thẩm định giá cho một số trường hợp.

(ii) Bộ Tư pháp có ý kiến *"Điểm c khoản 1 Điều 56 dự thảo Luật quy định: "Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Xử lý vi phạm hành chính", tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định về các trường hợp đình chỉ kinh doanh."*.

Bộ Tài chính đã rà soát tại Luật xử lý vi phạm hành chính có quy định về việc đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp là hình phạt bổ sung và tại Nghị định

109/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực giá có hình phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; Tại Điều 206 Luật Doanh nghiệp quy định khung cho việc đình chỉ hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề, lĩnh vực có điều kiện. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính có chỉnh lý tại dự thảo Luật chuẩn hóa cụm từ "đình chỉ hoạt động kinh doanh" thay vì "đình chỉ kinh doanh" để thống nhất với Luật doanh nghiệp và Luật xử phạt vi phạm hành chính.

(iii) Bộ Tư pháp có ý kiến *"Dự thảo Luật có nhiều điều quy định chung về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá theo hướng chi nhánh cũng có đầy đủ tư cách pháp lý, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như một doanh nghiệp độc lập. Quy định như vậy là không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự về chi nhánh doanh nghiệp, chi nhánh pháp nhân (được thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp). Bên cạnh đó, dự thảo Luật còn có sự chưa thống nhất về cách tiếp cận vấn đề quan hệ giữa chi nhánh và doanh nghiệp: một mặt quy định chi nhánh có tư cách, quyền và nghĩa vụ như doanh nghiệp, mặt khác lại quy định doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm đối với chứng thư thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá do chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phát hành"*

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, tại dự thảo Luật đã chỉnh lý bỏ các quy định về quyền và trách nhiệm của chi nhanh doanh nghiệp. Theo đó, chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, được cấp chứng thư thẩm định giá theo hợp đồng dịch vụ do chi nhánh ký với khách hàng; nhưng vẫn chịu sự kiểm soát về mặt chuyên môn của doanh nghiệp.

(iv) Bộ Tư pháp có ý kiến "*Dự thảo Luật còn một số quy định hơi lẫn giữa chức năng, vai trò của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá với thẩm định viên về giá nên còn có nhiều quy định chặt chẽ liên quan đến người đại diện theo pháp luật không cần thiết. Ví dụ quy định: "Người đại diện theo pháp luật" phải có tên trong "Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh" (khoản 2 Điều 53 dự thảo Luật)."*

Bộ Tài chính có ý kiến giải trình: Các quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được Luật hóa từ các quy định hiện hành tại Nghị định 12/2020/NĐ-CP; ngành nghề thẩm định giá là ngành dịch vụ có điều kiện, vì vậy dự thảo quy định người đại diện pháp luật phải là thẩm định viên để gắ với điều kiện về chuyên môn là phù hợp.

2.2. Liên quan đến Bộ luật Dân sự, Bộ Tư pháp có ý kiến *"về giá dịch vụ thẩm định giá (Điều 60 dự thảo Luật) và Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá (Điều 61 dự thảo Luật), Bộ Tư pháp cho rằng, nội dung này thuộc quyền tự do thỏa thuận hợp đồng và thỏa thuận phương thức giải quyết tranh chấp của các chủ thể trong quan hệ dân sự. Ngoài ra, đây là vấn đề tương đối rõ, đã được*

quy định trong nhiều luật, vì vậy, đề nghị rà soát, cân nhắc không quy định trong dự thảo Luật".

Về giá dịch vụ thẩm định giá, tại Luật sửa đổi tiếp tục tôn trọng quyền tự định giá của các bên trong giao dịch và thực hiện hợp đồng dịch vụ thẩm định giá. Tuy nhiên, do dịch vụ thẩm định giá là hoạt động mang tính chuyên môn, nghiệp vụ sâu và gắn với quy trình được quy định cụ thể, nên cần phải có các quy định về nguyên tắc khi xác định chi phí dịch vụ nhằm tránh việc cạnh tranh không lành mạnh, cố ý hạ thấp giá dịch vụ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy trình thẩm định giá. Thực tế các quy định này vẫn phù hợp với Luật dân sự, tôn trọng quyền tự thỏa thuận về giá của các bên.

Về cơ chế giải quyết tranh chấp, cơ bản Bộ Tài chính nhất trí với ý kiến của Bộ Tư pháp khi các cơ chế giải quyết tranh chấp đã được quy định tại Bộ Luật dân sự và tại Luật giá sửa đổi không đặt ra các cơ chế giải quyết tranh chấp riêng. Tuy nhiên, thực tiễn khi phát sinh tranh chấp về kết quả thẩm định giá thì các cơ quan, đơn vị lúng túng trong việc lựa chọn thực hiện cơ chế giải quyết tranh chấp. Do đó, tại dự thảo chỉ quy định mang tính dẫn chiếu để tạo thuận lợi cho các bên trong việc giải quyết tranh chấp.

2.3. Liên quan đến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Tư pháp đề nghị rà soát quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (Điều 7,8 dự thảo Luật) và quy định quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng (Điều 9, 10 dự thảo Luật) để đảm bảo thống nhất trong 02 dự án Luật.

Đối với nội dung này, cũng trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Luật để đảm bảo thống nhất với Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; trong thời gian tới khi 2 Luật cùng trình Quốc hội, Bộ Tài chính sẽ bám sát tiến độ và các dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để có sự rà soát, chỉnh lý thống nhất.

2.4. Liên quan đến Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ Tư pháp có ý kiến:

(i) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 14 dự thảo Luật) để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và các Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Ví dụ: quy định tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật *"2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao một cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ làm đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 14 của Luật này".*

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý hoàn thiện khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật như sau "*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao ~~một~~ cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ ~~làm đầu mối~~ giúp Bộ trưởng,..."* để đảm bảo phù hợp với thực tiễn khi các Bộ có thể giao nhiều đơn vị

giúp cho Bộ trưởng trong từng lĩnh vực.

(ii) Dự thảo Luật có một số quy định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong định giá một số hàng hóa, dịch vụ. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát để đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tránh nhầm lẫn giữa thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bộ Tài chính có ý kiến giải trình: theo Danh mục kèm theo dự thảo Luật, chỉ có 2 dịch vụ hiện thuộc thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân gồm dịch vụ giáo dục và dịch vụ khám chữa bệnh để kế thừa quy định hiện hành tại Luật tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên để tránh bất cập, hạn chế hiện nay khi Hội đồng nhân dân chỉ họp 2 kỳ/năm sẽ ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc quyết định giá. Do vậy tại dự thảo quy định Hội đồng nhân dân sẽ giao việc định giá cho thường trực Hội đồng trên cơ sở tham gia ý kiến của hầu hết các địa phương.

Tùy nhiên, qua cập nhật tại dự thảo Luật khám bệnh, chữa bệnh từ đại diện Bộ Y tế thì đã điều chỉnh phân công việc định giá dịch vụ khám chữa bệnh tại địa phương từ Hội đồng nhân dân cho Ủy ban nhân dân. Do đó, dự thảo Luật giá sẽ cập nhật theo dự thảo Luật khám chữa bệnh cho phù hợp; vì vậy hiện chỉ còn một dịch vụ giáo dục sẽ thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân.

(iii) Bộ Tư pháp có ý kiến không quy định khái niệm cơ quan tài chính *"cùng cấp"* với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung này và chỉ quy định "*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao cơ quan tài chính…"*.

2.5. Liên quan đến các luật khác:

(i) Bộ Tư pháp có ý kiến *"để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của Luật Giá với các luật khác có liên quan, tính khả thi của quy định về thẩm định giá, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ và thống nhất với các bộ, ngành quản lý về danh mục cũng như thẩm quyền, hình thức định giá để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật."*

Thống nhất với ý kiến của Bộ Tư pháp, việc quy định đầy đủ, thống nhất Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá là vấn đề quan trọng của Luật giá (sửa đổi) và được Bộ Tài chính chú trọng rà soát, đánh giá chi tiết ngay từ khâu tổng kết đánh giá đến khi dự thảo. Các ý kiến gửi về đến nay cũng cơ bản nhất trí, còn một số ý kiến khác nhau đã được Bộ Tài chính báo cáo và xin ý kiến Chính phủ.

(ii) Bộ Tư pháp có ý kiến *đề nghị cân nhắc tính khả thi của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật có liên quan đến Luật giá tại Điều 70 dự thảo, đồng thời phải đảm bảo sự thống nhất của các cơ quan quản lý nhà nước đối*

với các hàng hóa, dịch vụ định giá đã được quy định tại các Luật hiện hành. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát quy định của các luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá để đưa vào dự thảo Luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để loại bỏ những quy định đã được quy định rõ trong các luật khác, tránh trùng lặp, đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung một số Luật có các quy định chồng chéo, mâu thuẫn với Luật giá, nhất là các Luật quy định về việc định giá một số hàng hóa, dịch vụ hiện đang thuộc diện xem xét đưa ra khỏi danh mục là rất cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quy định của pháp Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát chi tiết các quy định này để đảm bảo tính khả thi, thống nhất trong thực hiện.

III. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Bộ Tư pháp có ý kiến *"Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, Tờ trình dự thảo Luật chưa có nội dung đánh giá về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan. Do đó, đề nghị bổ sung báo cáo này trong hồ sơ dự án Luật; đồng thời đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung quy định trong dự thảo Luật để đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên"*.

Hiện nay tại hồ sơ dự án Luật, Bộ Tài chính đã có báo cáo về kinh nghiệm quốc tế; trong đó đã thực hiện rà soát lại các nội dung dự thảo để đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã tách riêng nội dung đánh giá này và bổ sung thêm nội dung *"báo cáo cáo đánh giá về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan"*.

IV. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

"Bộ Tư pháp có ý kiến: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá đúng và đầy đủ sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính (TTHC) và chỉnh lý các hồ sơ liên quan đến đánh giá TTHC kèm theo, đảm bảo tuân thủ đúng quy định ... Lưu ý rà soát kỹ các quy định liên quan đến điều kiện, thủ tục thành lập doanh nghiệp; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Tránh tình trạng không phân định được điều kiện nào có trước, điều kiện nào có sau. Ví dụ: khoản 2 Điều 50 dự thảo Luật.". Ngoài ra, Bộ Tư pháp có ý kiến tham gia cụ thể đối với hồ sơ và về quy định thủ tục hành

chính (cụ thể báo cáo thẩm định).

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu chỉnh lý hoàn thiện toàn diện báo cáo đánh giá thủ tục hành chính đảm bảo đúng các quy định hiện hành tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác cũng đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến cụ thể của Bộ Tư pháp về hồ sơ, quy định thủ tục hành chính.

2. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, Bộ tư pháp thống nhất các đánh giá tại báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Giá (sửa đổi).

V. VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Bộ Tư pháp có ý kiến: Tờ trình mới chỉ nêu nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật Giá sửa đổi sau khi được thông qua của Bộ Tài chính mà chưa nêu rõ các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính cho việc thi hành Luật của tổ chức, cá nhân khác. Ví dụ: xây dựng cơ sở dữ liệu giá ở cấp địa phương thì nguồn nhân lực và tài chính để thực hiện như thế nào?; việc đáp ứng các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá… Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá điều kiện bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy, điều kiện khác để tổ chức thi hành Luật.

- Về nguồn lực phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá ở cấp địa phương: hiện nay các quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá ở địa phương đã được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; thực tiễn tại các địa phương đã triển khai (hoặc bắt đầu triển khai) xây dựng các cơ sở dữ liệu này để phục vụ công tác quản lý giá trên địa bàn. Do vậy, việc Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu sẽ không làm phát sinh thêm các chi phí, nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành Luật.

- Về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Phần lớn các điều kiện quy định tại dự thảo Luật giá sửa đổi về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được giữ như thời điểm hiện tại. Riêng việc điều chỉnh các quy định về số lượng thẻ thẩm định viên tối thiểu tại doanh nghiệp (từ 3 lên 5 thẩm định viên) và chi nhánh doanh nghiệp (từ 2 lên 3 thẩm định viên) có thể phát sinh chi phí trong việc tuyển dụng, đào tạo cho các doanh nghiệp chưa đáp ứng được ngay điều kiện này. Theo số liệu đăng ký hành nghề từ đầu năm 2022, có 279 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, trong đó có 158 doanh nghiệp có số

lượng thẩm định viên dưới 5 (115 doanh nghiệp có 3 thẩm định viên, 43 doanh nghiệp có 4 thẩm định viên); các doanh nghiệp này về nguyên tắc cần phải có thời gian và chi phí để bồi dưỡng, đào tạo hoặc tuyển dụng thêm để đáp ứng điều kiện về số lượng thẩm định viên. Tuy nhiên, với số lượng thẩm định viên đăng ký hành nghề đầu năm 2022 mới chỉ là 1.462 thẩm định viên, trong khi đó tổng số người đã được cấp thẻ thẩm định viên đến thời điểm hiện nay là 2.352 người thì việc tuyển dụng bổ sung thêm thẩm định viên tại các doanh nghiệp đang có số lượng thẩm định viên dưới 5 không phải là vấn đề phức tạp và kinh phí phát sinh thực tế không lớn, mặt khác Luật sửa đổi khi chính thức được ban hành cũng sẽ có thời gian chuyển tiếp để các doanh nghiệp hoàn thiện các điều kiện nên sẽ không tạo áp lực với kinh phí thường xuyên của đơn vị.

VI. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN NỘI DUNG CỦA CỦA DỰ THẢO LUẬT

Bộ Tư pháp có ý kiến: Tờ trình mới chỉ nêu nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật Giá sửa đổi sau khi được thông qua của Bộ Tài chính mà chưa nêu rõ các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính cho việc thi hành Luật của tổ chức, cá nhân khác. Ví dụ: xây dựng cơ sở dữ liệu giá ở cấp địa phương thì nguồn nhân lực và tài chính để thực hiện như thế nào?; việc đáp ứng các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá… Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá điều kiện bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy, điều kiện khác để tổ chức thi hành Luật.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung đánh giá như sau:

- Về nguồn lực phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá ở cấp địa phương: hiện nay các quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá ở địa phương đã được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; thực tiễn tại các địa phương đã triển khai (hoặc bắt đầu triển khai) xây dựng các cơ sở dữ liệu này để phục vụ công tác quản lý giá trên địa bàn. Do vậy, việc Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu sẽ không làm phát sinh thêm các chi phí, nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành Luật.

- Về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Phần lớn các điều kiện quy định tại dự thảo Luật giá sửa đổi về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được giữ như thời điểm hiện tại. Riêng việc điều chỉnh các quy định về số lượng thẻ thẩm định viên tối thiểu tại doanh nghiệp (từ 3 lên 5 thẩm định viên) và chi nhánh doanh nghiệp (từ 2 lên 3 thẩm định viên) có thể phát sinh chi phí trong việc tuyển dụng, đào tạo cho các doanh nghiệp chưa đáp ứng được ngay điều kiện này. Theo số liệu đăng ký hành nghề từ đầu năm 2022, có 279 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, trong đó có 158 doanh nghiệp có số lượng thẩm định viên dưới 5 (115 doanh nghiệp có 3 thẩm định viên, 43 doanh

nghiệp có 4 thẩm định viên); các doanh nghiệp này về nguyên tắc cần phải có thời gian và chi phí để bồi dưỡng, đào tạo hoặc tuyển dụng thêm để đáp ứng điều kiện về số lượng thẩm định viên. Tuy nhiên, với số lượng thẩm định viên đăng ký hành nghề đầu năm 2022 mới chỉ là 1.462 thẩm định viên, trong khi đó tổng số người đã được cấp thẻ thẩm định viên đến thời điểm hiện nay là 2.352 người thì việc tuyển dụng bổ sung thêm thẩm định viên tại các doanh nghiệp đang có số lượng thẩm định viên dưới 5 không phải là vấn đề phức tạp và kinh phí phát sinh thực tế không lớn, mặt khác Luật sửa đổi khi chính thức được ban hành cũng sẽ có thời gian chuyển tiếp để các doanh nghiệp hoàn thiện các điều kiện nên sẽ không tạo áp lực với kinh phí thường xuyên của đơn vị.

VI. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN NỘI DUNG CỦA CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bộ Tư pháp có ý kiến: tại Điểm c khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật quy định: *"Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, **chính sách của nhà nước** và điều kiện bất thường khác để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đưa quy định "chính sách của nhà nước" trong nội dung này vì rất khó xác định, đồng thời nếu là do chính sách có lỗi hoặc sai thì không thể quy trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

Bộ Tài chính giải trình: thực tế bên cạnh việc lợi dụng các vấn đề khách quan như khủng hoảng, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì việc lợi dung chính sách của nhà nước để tăng giá bất hợp lý là vẫn có xảy ra và vẫn cần được quy định tại Luật để đảm bảo chế tài xử lý trong các trường hợp, ví dụ:

- Việc lợi dụng các chính sách về giãn cách xã hội (phân biệt với việc lợi dụng tình hình dịch bệnh) để tăng giá các loại nhu yếu phẩm, trang bị vật tư;

- Việc lợi dụng điều hành tăng giá xăng dầu của nhà nước để tăng giá hàng hóa, dịch vụ khác bất hợp lý.

- Việc lợi dụng các chính sách miễn, giảm thuế nhưng không giảm giá hàng hóa, dịch vụ…

2. Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về các trường hợp được yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi phương án giá hoặc báo cáo đánh giá các yếu tố hình thành giá.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã bổ sung tại dự thảo việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân lập phương án giá chỉ thực hiện trong các trường hợp phục vụ việc thực hiện các biện pháp quản lý, điều tiết giá của nhà nước.

3. Về hiệp thương giá:

- Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định về việc làm rõ người đại diện của bên mua và bên bán này vì đây không phải là trách nhiệm của cơ quan hiệp thương giá.

Bộ Tài chính giải trình: Luật không quy định điều chỉnh việc cử người của các bên; tuy nhiên để đảm bảo tính pháp lý của việc hiệp thương thì việc xác nhân người là đại diện của bên mua và bên bán là một thủ tục cần thiết và thực tiễn cũng đang triển khai.

4. Về niêm yết giá, Bộ Tư pháp có ý kiến khoản 3 Điều 31 dự thảo Luật quy định: *"đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại quy định này để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung khoản 3 Điều 31 dự thảo Luật *"đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết giá do mình quyết định, đảm bảo phù hợp với giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định"*

5. Về hợp tác quốc tế về thẩm định giá (Điều 44 dự thảo Luật), đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Luật vì nội dung này không thuộc phạn vi điều chỉnh của Luật. Việc hợp tác quốc tế về thẩm định giá thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước; quyền của các tổ chức, cá nhân khác khi tham gia các tổ chức quốc tế về thẩm định giá.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý bỏ nội dung này khỏi dự thảo do đã có các quy định cụ thể tại quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

6. Bộ Tư pháp cho rằng, một số nội dung của Luật cần quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, hồ sơ... mà không nên giao Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định chi tiết để đảm bảo tính khả thi của luật, đảm bảo luật có thể thi hành ngay sau khi có hiệu lực và tránh việc xây dựng một luật "khung" về giá. Cụ thể như các quy định tại: khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 29, khoản 8 Điều 30, khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 32, khoản 5 Điều 47, điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 51, khoản 4 Điều 57...

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, một số nội dung đã được Bộ Tài chính quy định chi tiết thêm tại Luật như việc thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá tại Điều 35 dự thảo Luật, việc tổ chức hiệp thương giá tại Điều 29 dự thảo. Tuy nhiên trong lĩnh vực quản lý, điều hành giá có tính đặc thù như có nhiều nội dung mang tính nghiệp vụ, tổ chức thực hiện thì tại Luật chỉ đặt ra các vấn đề mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ và Bộ Tài chính quy định chi tiết để đảm bảo tính linh hoạt và việc sửa đổi bổ sung khi thực tế có đòi hỏi cần đơn giản hóa về thủ tục.

7. Về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Bộ Tư pháp có ý kiến tờ trình có nêu một số vấn đề các Bộ còn có ý kiến khác nhau nhưng không xây dựng thành các phương án, chưa rõ có phải đưa ra xin ý kiến Chính phủ hay không? Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nếu vấn đề cần thiết xin ý kiến

Chính phủ thì xây dựng các phương án; phân tích, đánh giá ưu điểm, nhược điểm và đề xuất phương án lựa chọn của mình, báo cáo Chính phủ.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung tờ trình để làm rõ các vấn đề còn ý kiến khác nhau phải xin ý kiến Chính phủ (mục VI tờ trình).

VII. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Về trình tự, thủ tục, Bộ Tư pháp đánh giá đảm bảo quy trình theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về hồ sơ dự án Luật, đối với các thành phần về tờ trình Chính phủ, Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính, báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật, Bộ Tài chính đã chỉnh lý, hoàn thiện lại theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh lý, hoàn thiện lại dự thảo Luật đảm bảo đúng các quy định về ngôn ngữ, hình thức, kỹ thuật. Cụ thể:

- Điểm a khoản 1 Điều 47 dự thảo Luật đã chỉnh lý lại cụm từ *"có năng lực hành vi dân sự"* thành *"có năng lực hành vi dân sự đầy đủ";*

- Điểm a khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật đã chỉnh lý để quy định rõ, đầy đủ các hành vi bị nghiêm cấm của thẩm định viên về giá thay vì dẫn chiếu đến quy định tại khoản 3;

- Điểm c khoản 3 Điều 22 dự thảo đã chỉnh lý cụm từ *"có tính địa bàn"* thành *"trên phạm vi địa bàn quản lý";*

- Đưa nội dung phương án giá thành giải thích từ ngữ tại Điều 4 dự thảo.

- Đối với việc kết cấu lại quy định điều kiện hoạt động doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá theo hướng quy định riêng, Bộ Tài chính cho rằng dễ dẫn tới các quy định trùng lặp, giống nhau. Do đó, Bộ Tài chính vẫn giữ phương án quy định chung và có chỉnh lý cho phù hợp tại dự thảo.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính đối với dự án Luật Giá (sửa đổi)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, Cục QLG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(đã ký)

Tạ Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:100/BC-BTC	*Hà Nội, ngày27tháng8năm 2021*

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Luật giá

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua từ kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 là văn bản pháp lý quan trọng để quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước. Qua hơn 8 năm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác quản lý điều hành giá và công tác tổng hợp, phân tích dự báo thị trường giá cả,… đã góp phần vào công tác ổn định kinh tễ vĩ mô, kiểm soát lạm phát và sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực cũng đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập cần phải nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

I. CÔNG TÁC TỔNG CHỨC, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH

Ngay sau khi Luật Giá được ban hành, Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động, từ các vấn đề chỉ đạo, quán triệt chấp hành, đến việc phổ biến tuyên truyền đến các đối tượng nhất là trong quá trình thực hiện Luật đã kịp thời trao đổi, hướng dẫn, xử lý vướng mắc… Qua đó, đưa Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật vào thực tiễn, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất đồng bộ cho công tác quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước và phù hợp với các cam kết quốc tế. Cụ thể như sau:

1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, bao gồm:

- Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Thẩm định giá; 01 Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính. Các văn bản này đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2016. Đồng thời, trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao Bộ Tài chính đã ban hành hoặc phối hợp với các Bộ ngành ban hành các Thông tư và Thông tư liên tịch để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đầy đủ, toàn diện những quy định về phương pháp định giá, kê khai, hiệp thương, bình ổn giá…và ban hành đầy đủ 13 tiêu chuẩn thẩm định giá (Danh mục chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

- Căn cứ vào quy định của Luật Giá và các nghị định, thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá tại địa phương (như

Quyết định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn, Quyết định về giá các dịch vụ chuyển từ phí sáng giá…), đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác quản lý, điều hành giá tại địa phương. Tại các quyết định quản lý nhà nước về giá của địa phương đã có những nội dung quy định chi tiết, phân cấp cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập trình, thẩm định phương án giá, thẩm quyền hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, Văn bản kê khai giá cho Sở Tài chính, Sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Nhìn nhận tổng quan cho thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn về quản lý giá đã được ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật theo quy định, cũng như tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giá đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và điều hành giá được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Các văn bản quản lý nhà nước về giá đều đã thể hiện một nguyên tắc chung được quy định tại Luật Giá là: Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật; Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, các văn bản luôn được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn, thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm sự thống nhất hiệu quả trong áp dụng pháp luật.

2. Gắn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giá, công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý giá luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên tổ chức thực hiện, thông qua đó đã kịp thời hướng dẫn trả lời vướng mắc trong quá trình thi hành Luật, thể hiện thông qua các hoạt động.

2.1 Song hành với công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giá trong những năm qua kể từ khi Luật Giá được ban hành, công tác phổ biến, tuyên truyền Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành luôn được chú trọng triển khai đồng bộ, rộng rãi tại các cấp từ trung ương tới địa phương để đảm bảo Luật Giá với các quy định về quản lý giá được các cơ quan quản lý, tổ chức có liên quan và người dân nắm thông tin và thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định pháp luật và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

- Tại Trung ương, ngay sau khi Luật Giá, các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính được ban hành, Bộ Tài chính đã tổ chức các Hội nghị phổ biến Luật Giá và các văn bản hướng dẫn đến các Sở Tài chính, các Sở chuyên ngành, các doanh nghiệp,... Đồng thời, trong quá trình thực hiện pháp luật về giá, trên cơ sở tình hình thực tế và đề nghị của địa phương, Bộ Tài chính cũng đã tổ chức các buổi tập huấn theo chuyên đề cho cán bộ công chức, viên

chức tại một số Sở Tài chính để hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật Giá và quy trình, nghiệp vụ có liên quan.

Ngoài ra, thông qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Trang thông tin quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá của Cục Quản lý giá đã thường xuyên biên tập và đăng tải kịp thời các bài viết liên quan đến Luật Giá và văn bản hướng dẫn nhằm mục tiêu phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi tới tổ chức, cá nhân.

- Tại các bộ, ngành, hệ thống văn bản pháp luật về giá và các văn bản quản lý giá thuộc thẩm quyền ban hành của các bộ cũng được tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với thực tế của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ để nghiên cứu triển khai thực hiện; phối hợp với các hiệp hội, tổ chức có liên quan tổ chức hội thảo hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý giá thuộc lĩnh vực ngành.

- Tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố đã có văn bản chỉ đạo Sở Tài chính và các Sở ngành có liên quan tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến Luật Giá và các văn bản hướng dẫn bằng nhiều hình thức đan xen, linh hoạt như: Đăng tải các văn bản pháp luật về giá, các văn bản chỉ đạo, điều hành giá của Chính phủ, Bộ Tài chính, bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; tổ chức các hội nghị phổ biến, hội nghị tập huấn có sự tham gia của các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ liên quan như Sở Công thương, Chi cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Một số địa phương đã thực hiện các hình thức tuyên truyền rất hiệu quả, nhân bản nhiều đề cương tuyên truyền và tổ chức tập huấn cho các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, huyện và tuyên truyền viên công đoàn, Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí địa phương phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.

2.2. Kể từ khi Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến nay, công tác hướng dẫn và trả lời vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được Bộ Tài chính quan tâm thực hiện đảm bảo tháo gỡ kịp thời các vấn đề còn chưa rõ, cần thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện các quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn. Theo đó, các vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục của nội dung đăng ký giá, kê khai giá hoặc định giá nhà nước; các vấn đề liên quan đến định giá trong tố tụng hình sự; công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về giá... đã được tháo gỡ kịp thời. Thông qua công tác hướng dẫn và trả lời vướng mắc với từng trường hợp cụ thể, đã khái quát chung theo từng nhóm vấn đề và phổ biến đến tất cả các địa phương để nắm bắt, phòng tránh được các vướng mắc tương tự, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành pháp luật về giá được nhanh chóng, hiệu quả.

Tại địa phương, Sở Tài chính cùng các Sở quản lý chuyên ngành đã kịp thời hướng dẫn, giải đáp thắc mắc trong quá trình thi hành Luật Giá và các văn bản hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm xử lý vướng mắc theo hướng đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý giá thuộc thẩm quyền của địa phương để kịp thời tháo gỡ những hạn chế cho các đối tượng thực thi chính sách.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU TROG THI HÀNH LUẬT GIÁ

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua từ kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013. Đến nay đã đạt được kết quả theo mục tiêu, cụ thể như sau:

1. Luật giá là văn bản pháp lý cao, thể chế hóa quan điểm đổi mới của Đảng, Chính phủ về quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; Phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Trên cơ sở các quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần giữ CPI hàng năm cơ bản theo lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; hệ thống giá điện, than, xăng dầu, dịch vụ công từng bước được điều hành theo cơ chế thị trường có lộ trình; thu hẹp danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn...

Quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh được tôn trọng và đẩy mạnh. Theo đó, đã thúc đẩy mạnh sự chuyển biến tích cực và tạo bước ngoặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

2. Pháp luật về giá đã tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá, điều tiết giá cả thị trường và ngăn ngừa các tác động làm ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội được thực thi hiệu quả, phù hợp với cam kết quốc tế.

Căn cứ quy định tại Luật Giá, tại Nghị quyết của Chính phủ về điều hành kinh tế xã hội hàng năm đều có các nội dung về giá cả; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị để chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác bình ổn giá cả thị trường trong các thời điểm trước, trong và sau Tết, Chương trình bình ổn thị trường được triển khai tại nhiều địa phương đã giúp đảm bảo cung cầu các mặt hàng

thiết yếu trên địa bàn, giá một số vật tư đầu vào quan trọng của nền kinh tế đã được, kiểm soát để tránh có biến động tăng đột biến, tác động dây chuyền đến toàn bộ mặt bằng giá.

Trong những thời điểm bối cảnh kinh tế thế giới có biến động, tác động đến nền kinh tế trong nước đã đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho công tác quản lý, điều hành giá, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đặt ra. Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và đề xuất, triển khai các giải pháp cụ thể cho việc bình ổn giá cả thị trường một số mặt hàng thiết yếu, quan trọng trong các thời kỳ được đẩy mạnh đã góp phần quan trọng trong việc ổn định thị trường giá cả, kiểm soát lạm phát.Trên thực tiễn áp dụng các biện pháp bình ổn giá mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; xây dựng cơ chế hình thành Quỹ bình ổn giá xăng dầu để tạo công cụ pháp lý, kinh tế tài chính cho công tác điều hành giá mặt hàng này và nhất là việc đã tổ chức kết hợp đồng bộ các quy định của pháp luật về quản lý giá với các cơ chế chính sách quản lý chuyên ngành đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát giá các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khi có biến động, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an ninh xã hội trong thời gian qua.

Mặt khác, công tác phối hợp trong triển khai nhiệm vụ thông qua cơ chế Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Việc tham mưu, đề xuất những chủ trương, định hướng lớn về quản lý điều hành giá trong từng thời kỳ, tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách về giá, các biện pháp bình ổn giá đã được các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phối hợp thực hiện phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Kịch bản điều hành giá cụ thể được xây dựng hàng năm, hàng quý đã tạo điều kiện để chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành giá các mặt hàng thiết yếu và dịch vụ công theo lộ trình thị trường, bám sát mục tiêu kiểm soát lạm phát và tín hiệu diễn biến thị trường trong nước và thế giới góp phần thực hiện lộ trình tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý, điều hành giá cơ bản là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước; gắn với đó là việc phân công, phân cấp quản lý giá giữa Bộ, ngành, địa phương đã bước đầu phân định được rõ hơn về nhiệm vụ, xác định trách nhiệm cụ thể của từng Bộ, ngành, địa phương và qua đó thể hiện được tính minh bạch, công khai, hợp lý, góp phần rất lớn trong việc điều hành giá, kiểm soát lạm phát, bình ổn thị trường, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người dân, Nhà nước và doanh nghiệp.

Thực hiện thẩm quyền được giao, các Bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định giá một số hàng hóa thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như khung giá đất, khung giá cho thuê mặt

nước, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân,... Đồng thời, các Bộ ngành đã ban hành theo thẩm quyền các quy định về giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của mình như giá truyền tải điện, giá phát điện...; một số dịch vụ thuộc lĩnh vực hàng không, hàng hải, bưu chính viễn thông, y tế (dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân ban hành các quy định về giá các loại đất, giá thuê đất, thuê mặt nước, giá nước sạch sinh hoạt, giá các dịch vụ y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý của địa phương... Các mặt hàng do nhà nước định giá được thẩm định phương án giá chặt chẽ, đảm bảo tính đúng, tính đủ chí phí hợp lý, hợp lệ, có xem xét đến khả năng chi trả của người tiêu dùng và tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Tại địa phương, thực hiện chức năng định giá của nhà nước, các Sở, ngành đã chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân ban hành giá đối với các loại hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá, đảm bảo kịp thời, đúng quy định, phù hợp với giá thị trường. Cơ bản các hình thức định giá, trình tự, hồ sơ, biểu mẫu và thời gian thực hiện phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn tại các địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giao các sở chuyên ngành rà soát, xây dựng giá của các mặt hàng, như : giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giá các loại đất trên địa bàn giai đoạn từ năm 2014-2019; Ban hành giá cho thuê đất, mặt nước; Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định, trình ban hành giá nước sạch sinh hoạt; Sở Xây dựng và Sở Tài chính phối hợp trong việc thẩm định giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khảo sát và công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn; Sở Y tế và Sở Tài chính tham mưu ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh, Sở Tài chính và các Sở, ngành chủ quản tham mưu giá một số dịch vụ công...

Công tác định giá của Nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ quan trọng trong đó có vai trò thẩm định/ tham gia ý kiến của Bộ Tài chính, Sở Tài chính được thực hiện hiệu quả nhằm đảm bảo giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với đặc điểm kinh tế, thị trường, kỹ thuật của từng loại hàng hóa dịch vụ, phương án giá, ngăn ngừa tình trạng độc quyền tăng giá không hợp lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng và giảm trừ tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá... Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần chống lãng phí, tiết kiệm ngân sách Nhà nước đối với việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước.

Việc phân công, phân cấp thẩm quyền giữa các cơ quan trung ương và địa phương đã cơ bản tạo sự minh bạch, rõ ràng giúp cho các cơ quan nhà nước xác định rõ trách nhiệm trong công tác quản lý giá đối với từng lĩnh vực. Qua đó, đã tạo sự thuận lợi cho công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương và địa phương. Tuy nhiên, gắn với chủ trương của Đảng, Chính phủ trong việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong thời gian tới; đồng

thời trên cơ sở thực hiện triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong quy trình quản lý, điều hành giá thời gian qua cho thấy cần phải tiếp tục rà soát các quy định giữa Luật giá với các luật chuyên ngành, trên cơ sở đó căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để có kiến nghị điều chỉnh một cách hợp lý, phù hợp trong công tác quản lý, điều hành giá theo hướng một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm; Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giá trong tình hình mới.

4. Một số biện pháp quản lý giá (hiệp thương giá, kê khai giá và niêm yết giá) đã phát huy tác dụng trong thực tiễn, là công cụ pháp lý quan trọng để xử lý những vấn đề phát sinh, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

4.1. Trong những năm qua, trên thực tế đã có những phát sinh khi một số doanh nghiệp lớn có hoạt động mua-bán hàng hóa thiết yếu là đầu vào của một số dịch vụ khác nhưng không thỏa thuận được giá bán gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh (than bán cho sản xuất điện, nước sạch bán buôn giữa đơn vị sản xuất và đơn vị kinh doanh,...). Cơ quan có thẩm quyền quản lý giá đã tổ chức hiệp thương giá để các bên thực hiện. Công tác hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia. Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay và trong giai đoạn tới. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá.

4.2. Biện pháp về kê khai giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ đã thể hiện rõ chủ trương quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Đảm bảo sự chủ động thể hiện tính công khai, minh bạch trong hoạt động định giá của các doanh nghiệp. Thông qua đó, các tổ chức, cá nhân vẫn được đảm bảo quyền tự định giá hàng hóa, dịch vụ nhưng cơ quan quản lý vẫn có thể theo dõi, tổng hợp mức giá bán của các tổ chức, cá nhân và thực hiện rà soát phát hiện những trường hợp bất hợp lý để kịp thời yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật; qua đó nhằm hạn chế tình trạng lợi dụng tăng giá bất hợp lý hoặc kịp thời có giải pháp bình ổn giá khi thị trường có biến động giá. Một mặt khác, dữ liệu thông tin kê khai giá được sử dụng làm cơ sở theo dõi diễn biến giá cả thị trường, hỗ trợ việc tham mưu và phục vụ xây dựng các báo cáo chuyên đề trong công tác quản lý, điều hành giá trên địa bàn hoặc trên phạm vi cả nước.

4.3. Vấn đề về công khai thông tin về giá, niêm yết giá được bảo đảm thực thi trên cơ sở các quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch tại Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong thời gian qua, việc thực thi quy định của Luật Giá về công khai thông tin về giá, niêm yết giá được triển khai quyết liệt

thông qua nhiều hình thức; vai trò của cơ quan nhà nước thể hiện trong việc thực hiện công khai chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý, điều tiết, quyết định về giá của Nhà nước bằng một hoặc một số hình thức như họp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác. Thông qua đó đã kịp thời giúp dư luận nắm bắt, hiểu rõ công tác quản lý điều hành giá của Nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội trong những lần điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ.

5. Đối với hoạt động thẩm định giá

5.1. Về quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thẩm định giá

- Về cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Tính đến ngày 06/8/2021, cả nước có 425 doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận, trong đó có 356 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đang hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Các quy định về thủ tục cấp và cấp lại Giấy chứng nhận rõ ràng, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nội dung thông tin cần thiết cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Danh sách các doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được Bộ Tài chính thông báo công khai và thường xuyên cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để các cơ quan quản lý nhà nước khách hàng thẩm định giá biết và lựa chọn.

- Về đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Tính đến thời điểm hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với tổng cộng 69 doanh nghiệp. Đồng thời Bộ Tài chính cũng đã tiến hành đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với 28 doanh nghiệp.

- Về quản lý thẩm định viên về giá hành nghề: Tính đến thời điểm đầu năm 2021, Bộ Tài chính đã cấp 2.352 thẻ thẩm định viên về giá, trong đó có 1.750 thẩm định viên đã đăng kí hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá. Danh sách các thẩm định viên về giá đủ điều kiện đăng ký hành nghề hàng năm hành nghề được Bộ Tài chính thông báo và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính ngay từ đầu năm. Thông báo cung cấp đầy đủ các nội dung: danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh; thông tin chi tiết về danh sách các thẩm định viên về giá của từng doanh nghiệp, chi nhánh. Đồng thời, trong quá trình hoạt động, khi có thay đổi về danh sách thẩm định viên đăng ký hành nghề, các doanh nghiệp đều phải báo cáo để Bộ Tài chính rà soát và có thông báo kịp thời về thay đổi danh sách thẩm định viên đăng ký hành nghề.

- Công tác kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá:

+ Công tác quản lý, theo dõi việc đăng ký và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và điều kiện hành nghề của thẩm định viên cho thấy về cơ bản các doanh nghiệp thẩm định giá đã tuân

thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá, như: đảm bảo các điều kiện hoạt động thẩm định giá, hợp đồng thẩm định giá, quy trình thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá, quản lý thẩm định viên về giá. Công tác tổng hợp, xử lý các thông tin phản ánh, đơn thư khiếu nại, tố cáo của khách hàng thẩm định giá, về cơ bản đã được giải quyết kịp thời và phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm định giá, pháp luật về khiếu nại và pháp luật về tố cáo.

+ Việc đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 323/2016/TT-BTC và Thông tư số 25/2019/TT-BTC, nhằm mục tiêu góp phần tăng cường hơn trách nhiệm của các doanh nghiệp thẩm định giá và các thẩm định viên về giá hành nghề đối với việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá cung cấp cho xã hội. Thực tế cho thấy, triển khai đã tạo ra áp lực buộc các doanh nghiệp phải rà soát lại toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp từ việc quản trị doanh nghiệp, quản lý thẩm định viên đến việc kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá nội bộ của doanh nghiệp, đặc biệt là thúc đẩy doanh nghiệp chấp hành tốt hơn pháp luật về thẩm định giá, nhất là các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

- Công tác kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm về thẩm định giá

+ Về thanh tra, kiểm tra: Từ khi Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (trong đó có hoạt động thẩm định giá), Nghị định 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và hệ thống các Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành; để triển khai và kiểm tra tình hình thực hiện Bộ Tài chính đã tăng cường công tác kiểm tra doanh nghiệp thẩm định giá từ năm 2013 đến nay, cụ thể: năm 2013 kiểm tra 15 doanh nghiệp và 3 chi nhánh; năm 2014 kiểm tra 30 doanh nghiệp; năm 2015 kiểm tra 39 doanh nghiệp; năm 2016 kiểm tra 40 doanh nghiệp (trong năm 2016, Bộ Tài chính cũng đã thanh tra đối với 02 doanh nghiệp thẩm định giá); năm 2017 kiểm tra 34 doanh nghiệp và 3 chi nhánh; năm 2018 kiểm tra 52 doanh nghiệp; năm 2019 kiểm tra 65 doanh nghiệp; năm 2020 kiểm tra 58 doanh nghiệp. Bộ Tài chính cũng đã chủ động tiến hành kiểm tra đột xuất hoặc đưa vào danh sách kiểm tra trong năm kế tiếp đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm.

+ Về các biện pháp xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với công tác thanh tra, kiểm tra: Công tác giám sát, kiểm tra hàng năm và thanh tra đã phát hiện và xử phạt hành chính đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo đúng quy định hiện hành, cụ thể: năm 2014 xử phạt 5 doanh nghiệp; năm 2015 xử phạt 5 doanh nghiệp; năm 2016 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2017 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2018 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2019 đã xử phạt 15 doanh nghiệp; năm 2020 đã xử phạt 5 doanh nghiệp... Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thẩm định giá, Bộ Tài chính có văn bản nhắc nhở gửi tất cả các doanh nghiệp hoặc riêng đối với một số doanh

nghiệp, yêu cầu các doanh nghiệp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những vi phạm hoặc sai sót trong quá trình hoạt động thẩm định giá. Cuối mỗi năm, trên cơ sở kết quả kiểm tra, Bộ Tài chính đều có công văn nhắc nhở các doanh nghiệp thẩm định giá về việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thẩm định giá, trong đó có những nội dung đánh giá chung về tình hình hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp, chỉ ra những tồn tại của các doanh nghiệp trong kỳ kiểm tra, đặc biệt đưa ra những yêu cầu chấn chỉnh đối với các doanh nghiệp thẩm định giá nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn Luật và tuân thủ Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

5.2. Về hoạt động thẩm định giá của nhà nước

Trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như địa phương đã chủ động trong việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng… thuộc thẩm quyền của đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả, cụ thể:

- Tại Trung ương: Kể từ khi Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá có hiệu lực, một số Bộ ngành tại Trung ương đã thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện thẩm định giá các tài sản có giá trị lớn, các tài sản đặc thù, các tài sản có yếu tố bí mật Nhà nước (Hội đồng thẩm định giá nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an…). Bên cạnh đó, một số Bộ ngành cũng đã chủ động trong việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng… thuộc phạm vi của đơn vị mình, qua đó góp phần kiểm soát công tác chi tiêu ngân sách nhà nước (tiêu biểu như Bộ Quốc phòng, từ năm 2013 đến nay, thông qua hoạt động thẩm định giá đã tiết kiệm cho ngân sách nhà nước gần 2.200 tỷ đồng).

- Tại địa phương: đã thực hiện việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời một số địa phương cũng đã ban hành quy trình trong việc thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương mình để làm cơ sở cho các hoạt động thẩm định giá nhà nước và thực hiện nhiều cuộc thẩm định giá thông qua các Hội đồng thẩm định giá thường xuyên, cũng như Hội đồng thẩm định giá theo vụ việc và thông báo kết quả thẩm định giá tài sản mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần tiết kiệm chi ngân sách.

Nhìn chung, hoạt động thẩm định giá nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của nhà nước một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, thực tế hoạt động thẩm định giá nhà nước tại một số địa phương

vẫn còn một số vấn đề, như: kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá của một số thành viên hội đồng thẩm định giá hạn chế; việc phân cấp thực hiện thẩm định giá nhà nước tại các địa phương đôi khi chưa hợp lý; chưa có hướng dẫn mức chi cụ thể đối với công tác thẩm định giá nhà nước…

5.3. Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến thẩm định giá

Trong những năm qua, Bộ Tài chính đã trả lời bằng văn bản, hoặc tham gia trả lời bằng văn bản khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động thẩm định giá, cụ thể như sau: năm 2015 trả lời 3 lượt, năm 2016 trả lời 3 lượt, năm 2017 trả lời 7 lượt, năm 2018 trả lời 8 lượt, năm 2019 trả lời 5 lượt, năm 2020 trả lời 6 lượt. Như vậy, 100% các khiếu nại, tố cáo có văn bản về Bộ Tài chính đã được xử lý kịp thời. Chính vì vậy không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài.

Nội dung khiếu nại và tố cáo chủ yếu liên quan đến về kết quả thẩm định giá trong thi hành án, cá biệt có trường hợp khiếu nại doanh nghiệp thẩm định giá vi phạm trong thủ tục thẩm định giá. Căn cứ quy định của pháp luật liên quan đến khiếu nại, tố cáo và căn cứ chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính đối với các nội dung khiếu nại, tố cáo này, Bộ Tài chính đã chuyển các đơn thư này đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời có văn bản đề nghị các doanh nghiệp thẩm định giá có liên quan giải trình các nội dung về thực hiện Luật giá về thẩm định giá và Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp thẩm định giá bị khiếu nại, tố cáo, Bộ Tài chính cũng đã chủ động đưa vào danh sách để kiểm tra nhằm làm rõ các nội dung được nêu tại các đơn thư này.

5.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng thẩm định giá

Kể từ khi Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính được ban hành và có hiệu lực, các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được quy định rõ ràng và tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện của các cơ sở đào tạo cũng như công tác giám sát, kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá của cơ quan quản lý nhà nước. Thêm vào đó, để hoàn thiện hơn việc đào tạo, bồi dưỡng, cũng như công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định giá, ngày 20/02/2019 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/TT-BTC.

Những nội dung của Thông tư 204/2014/TT-BTC và Thông tư số 11/2019/TT-BTC quy định về Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá cho đối tượng là cán bộ, công chức làm công tác thẩm định trong cơ quan nhà nước... đã góp phần bổ sung nguồn lực cho hoạt động của Hội đồng thẩm định giá nhà nước hoặc Hội đồng định giá tố tụng hình sự ở cấp Bộ, ngành, tỉnh,thành phố và quận, huyện; đồng thời quy định về cập nhật kiến thức cho các đối tượng là thẩm định viên về giá hành nghề... đã mang lại những tác dụng tích cực trên nhiều mặt, phù hợp với nhu cầu thực tế, cụ thể như: cập nhật các quy định mới

về văn bản pháp luật liên quan đến giá/thẩm định giá, cập nhật các kiến thức nghiệp vụ thẩm định giá, bài học kinh nghiệm từ hoạt động thẩm định giá.

6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã được kịp thời triển khai và hiện giai đoạn 1 đã đi vào khâu vận hành thực tế tại các bộ phận thuộc phạm vi dự án đã đạt được các kết quả cụ thể. Qua đó tạo kênh thông tin quan trọng, chính thống giúp phục vụ cho công tác quản lý điều hành giá của các cơ quan trung ương và địa phương; đồng thời đáp ứng kịp thời các nhu cầu xã hội, nhất là trong hoạt động thẩm định giá.

Gắn với việc xây dựng và triển khai vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã dần hình thành cơ chế cho việc thu thập, quản lý, khai thác giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ; quản lý thông tin về hoạt động thẩm định giá, bao gồm: quản lý thông tin doanh nghiệp thẩm định giá; thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá. Giá trị tài sản được thẩm định giá và thông tin, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá; xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm dự báo thị trường giá cả ngắn hạn (theo tháng, quý, năm) trên phạm vi cả nước, phục vụ công tác quản lý điều hành giá.

Kết quả triển khai bước đầu đã mang lại những hiệu quả cơ bản trong việc thu thập, kết nối, liên thông dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước về giá sang hệ thống CSDL quốc gia về giá; tạo lập kho dữ liệu về giá với các số liệu phong phú, đa dạng như giá thị trường các mặt hàng thiết yếu, quan trọng; giá xuất nhập khẩu, giá hàng hóa thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá. Qua đó, tạo nguồn thông tin chính thống hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý điều hành giá như:

- Quản lý, khai thác dữ liệu lịch sử về sự biến động giá cả thị trường các hàng hóa, dịch vụ; phục vụ công tác phân tích và dự báo diễn biến giá thị trường trong và ngoài nước. Các dữ liệu được lưu trữ, quản lý nhằm phục vụ khai thác dữ liệu đáp ứng các nhu cầu nghiệp vụ quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giá, cũng như đáp ứng các yêu cầu quản lý tác nghiệp của các đơn vị.

- Vận hành hiệu quả phần mềm dự báo thị trường giá cả góp phần giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước quyết định các chủ trương, định hướng quản lý, điều hành giá; biện pháp điều hành giá, bình ổn giá đối với các hàng hóa dịch vụ quan trọng thiết yếu nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ trong từng thời kỳ...

- Quản lý, khai thác thông tin về hoạt động thẩm định giá, bao gồm: Quản lý thông tin doanh nghiệp thẩm định giá; thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá. Giá trị tài sản được thẩm định giá và thông tin, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

7. Công tác kiểm tra, thanh tra giá và xử lý vi phạm pháp luật về giá cũng là một nội dung được chú trọng trong thời gian triển khai Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc phát hiện kịp thời các sai phạm và có những biện pháp chấn chỉnh, đưa ra các chế tài phù hợp là một bước không thể thiếu trong công tác quản lý giá nói chung. Trong các năm qua, công tác kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực giá và thẩm định giá đã được triển khai toàn diện từ Trung ương đến địa phương. Qua đó, cũng đã tiếp nhận được nhiều thông tin phản hồi về những khó khăn vướng mắc để trên cơ sở đó rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về giá trong các lĩnh vực.

- Trong lĩnh vực thẩm định giá, gắn với việc đẩy mạnh phát triển ngành nghề dịch vụ tư vấn để phục vụ cho các nhu cầu của xã hội, đã tăng cường kiểm soát về quy trình, chất lượng dịch vụ, đánh giá chất lượng hoạt động chuyên môn về thẩm định giá của từng doanh nghiệp để kịp thời phát hiện thiếu sót chủ yếu trong việc thực hiện quy trình thẩm định giá, áp dụng phương pháp thẩm định giá. Qua đó, kịp thời chấn chỉnh, có giải đáp, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng dịch vụ cũng như có những hình thức xử lý vi phạm đối với các đơn vị không đảm bảo điều kiện kinh doanh, không chấp hành về quy trình, phương pháp thẩm định giá.

- Kiểm soát các yếu tố hình thành giá, kiểm soát chặt chẽ các nguồn chi tiêu từ ngân sách Nhà nước thanh toán cho các mức giá hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất; hàng hóa dịch vụ còn được trợ giá, trợ cước,… không bổ sung tăng thêm so với kinh phí đã bố trí từ đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra, thanh tra về giá đã phát huy vai trò quan trọng, là một trong những nội dung không thể thiếu góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về giá. Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, quy trình thanh tra, kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Công tác kiểm tra trong lĩnh vực giá không chỉ đảm bảo phát hiện được những sai phạm, thiếu sót trong quá trình triển khai thực thi pháp luật mà còn tìm ra được những nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan từ phía đơn vị được kiểm tra cũng như rà soát được các vướng mắc, bất cập tồn tại trong hệ thống văn bản quy định về giá cũng như các chồng chéo trong pháp luật chuyên ngành. Thông qua công tác thanh kiểm tra đã kịp thời hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho các đơn vị; đồng thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý sai phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về giá. Mặt khác, qua công tác thanh kiểm tra đã đề xuất những kiến nghị về cơ chế, chính sách thiết thực, từ đó làm cơ sở sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

8. Công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính và áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giá liên tục được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

Tính đến ngày 18/12/2014 số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giá trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính là 13 TTHC, trong đó: ban hành mới 9 thủ tục hành chính cấp trung ương và 4 thủ tục hành chính cấp tỉnh, đồng thời bãi bỏ 31 thủ tục cũ đã công bố trước đây, tỷ lệ thủ tục bãi bỏ là 42%.

Tính đến ngày 29/03/2017, đã tiếp tục rà soát bãi bỏ các thủ tục hành chính và số thủ tục hành chính về giá còn 08 TTHC, bãi bỏ 02 thủ tục hành chính, trong đó: bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp trung ương và 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh, tỷ lệ thủ tục được bãi bỏ là 20%.

Đã triển khai xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với thủ tục Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc danh sách đăng ký giá tại Bộ Tài chính; thủ tục Cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Tại địa phương, hầu hết dịch vụ công trực tuyến đã đang thực hiện cấp độ 3 và đặc biệt một số địa phương đã triển khai mức cao nhất là dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4. Đồng thời, việc tổ chức thực hiện tiếp nhận các hồ sơ thủ tục hành chính của dịch vụ công trực tuyến đa phần được các địa phương thực hiện theo mô hình tập trung tại Trung tâm hành chính công của tỉnh.

III. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau hơn 8 năm thực hiện Luật, phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định;thể hiện ở 3 nhóm sau: (i) Tồn tại, hạn chế trong chính các quy định của Luật; (ii) Hạn chế, bất cập giữa Luật giá với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan; (iii) Tồn tại, hạn chế trong khâu tổ chức thi hành Luật.

1. Tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá:

a.Một số thuật ngữ cần phải rà soát để thể hiện rõ nội hàm để bao quát, mô tả được hết đặc điểm, tình hình mới trong thực tiễn phát sinh; một số thuật ngữ còn có cách hiểu khác nhau cần phải rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất đồng bộ trong khâu thực hiện, ví dụ như thuật ngữ hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, định giá và định giá nhà nước, thẩm định giá với thẩm định giá nhà nước...

b.Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy định cụ thể tại Luật để thể hiện rõ quan điểm trong công tác quản lý, điều hành giá, tăng cường tính công khai, minh bạch, tránh sự lạm dụng phát sinh các trường hợp không cần thiết, tuy nhiên trong thực tiễn hiện đã phát sinh tồn tại, hạn chế sau:

Việc điều chỉnh danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá còn phức tạp, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần triển khai ngay đối với một biện pháp điều tiết có tính thời điểm. Quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật giá thì "*Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện Bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc*

hội xem xét, quyết định." Việc giải trình để Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét quyết định sẽ mất một khoảng thời gian khá dài theo quy định; trong khi đó việc thực hiện Bình ổn giá phải mang tính chất tức thời, trong thời điểm hàng hóa dịch vụ có biến động bất thường, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lợi ích của các tổ chức cá nhân, mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát,… Trong thực tế thì khi có phát sinh mặt hàng có biến động lớn, ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung và kinh tế xã hội cần phải có biện pháp bình ổn giá nhưng không thực hiện được vì không nằm trong danh mục (ví dụ như mặt hàng thịt lợn thời gian qua). Vì vậy việc đặt thẩm quyền quyết định danh mục cụ thể cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Luật cũng như việc quy định điều kiện để đưa mặt hàng nào đó vào thực hiện bình ổn giá vẫn còn thiếu sự linh hoạt, kịp thời. Điều này cũng tương tự với chính sách về định giá khi Chính phủ thiếu cơ chế pháp lý để thực hiện ngay công tác điều hành trong các trường hợp cần thiết. Do vậy có thể nói qua hơn 8 năm thực hiện, chính sách này vẫn chưa phát huy hết được tính hiệu lực, hiệu quả.

Mặt khác, trong danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá quy định trong Luật hiện nay có những mặt hàng từ khi Luật giá đưa vào thi hành đến nay chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá. Theo đánh giá cho thấy việc không có phát sinh cũng là phù hợp vì giá cả các mặt hàng là phù hợp với các quy luật thị trường; Tuy nhiên,với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp theo thì một số mặt hàng nên được xem xét đưa ra khỏi danh mục thực hiện bình ổn giá.

Tại Luật giá đã có quy định về nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và gắn với đó Luật giá cũng quy định danh mục chi tiết các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trên thực tiễn, việc triển khai nhiệm vụ định giá nhà nước đối với danh mục hàng hóa quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước; Tuy nhiên, hiện nay việc quy định danh mục nhà nước định giá còn được mở rộng, dàn trải tại nhiều pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành phát sinh cho thấy trong các trường hợp đặt ra vấn đề phải sửa đổi, bổ sungthì các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thường sẽ mất nhiều thời gian theo quy định hiện hành; Do đó, sẽ khó đáp ứng được mục tiêu quản lý cần phải triển khai ngay các biện pháp quản lý đối với các mặt hàng thiết yếu có giá biến động ảnh hưởng đến an sinh xã hội, đời sống người dân và dư luận xã hội.

Ngoài ra, thẩm quyền điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cũng là Ủy ban thường vụ Quốc hội tương tự như danh mục bình ổn giá vì vậy cũng sẽ không đảm bảo tính kịp thời, tiến độ cấp thiết đề ra của việc triển khai biện pháp quản lý nhà nước trong các bối cảnh cấp bách đặt ra. Như việc đề xuất bổ sung mặt hàng sách giáo khoa vào danh mục nhà nước định giá trong năm 2020 được đánh giá là cần thiết và phải triển khai ngay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý. Tuy nhiên do quy trình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian, nhưng cũng không khả thi vì khi phát sinh thì

Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn yêu cầu sửa Luật. Vì vậy vấn đề vẫn không được xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, có những hàng hóa, dịch vụ do điều kiện kinh tế xã hội có sự thay đổi liên tục được đánh giá không cần thiết tiếp tục thực hiện định giá thì lại rất khó để đưa ra khỏi danh mục.

Điều này thể hiện tính "cứng" của danh mục định giá, việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Luật (được giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội kiểm soát) là nhằm hướng đến việc giám sát song lại thiếu sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai và chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu quản lý giá. Bên cạnh đó, theo quy định tại Hiến pháp năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ thống nhất quản lý về kinh tế, bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà nước và xã hội, thực hiện điều hành giải pháp cụ thể song thực tiễn lại thiếu linh hoạt trong hoạt động này.

Quy định về nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được các hàng hóa cần thực hiện định giá trong thực tiễn. Cụ thể khi Luật giá có hiệu lực thì việc quy định 3 nguyên tắc tại khoản 1 Điều 19 Luật giá là phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội. Tuy vậy trong thực tiễn hiện nay, có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù không thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá. Các mặt hàng này chủ yếu thuộc diện có yếu tố*độc quyền thị trường sản xuất, kinh doanh* có tác động ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội hoặc các mặt hàng đặc thù độc quyền địa bàn, có thị trường hạn chế hoặc có vị thế thống lĩnh thị trường. Từ những vấn đề thực trạng trên cho thấy cần thiết phải bổ sung thêm nguyên tắc để xác định các hàng hóa, danh mục thuộc diện định giá nhà nước tại Luật Giá để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật; Đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các trường hợp phát sinh khác. Ví dụ như việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất bổ sung sách giáo khoa vào danh mục định giá; là mặt hàng có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế xã hội, có tính độc quyền tự nhiên nên cần có cơ chế kiểm soát giá (định khung giá) để khắc phục những khiếm khuyết của thị trường.

(Bảng tổng hợp danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Phụ lục số 2 đính kèm).

c.Việc phân công, phân cấp trong quản lý giáđược giao cho Chính phủ quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn Luật. Trong thực tiễn cho thấy, việc tại Luật chưa đặt ra các nguyên tắc trong phân công, phân cấp đã làm việc phân công, phân cấp của Chính phủ trong thực tiễn đôi lúc còn chưa thể hiện rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu cho nên trong một số trường hợp không phát huy được hết tính hiệu quả; việc phân cấp định giá Nhà nước từ trung ương xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ tại tất cả các địa phương.

- *Đối với các cơ quan Trung ương*, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành còn khá dàn trải dẫn đến nhiều đầu mối quản lý giá, trong khi quy trình thực hiện chưa gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện nên khi có những phát sinh vướng mắc thường có sự đùn đẩy trách nhiệm.

Cơ chế phân công đôi khi còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng "cơ quan nào làm được thì phân công" mà chưa gắn với yếu tố chuyên ngành, chuyên môn, thiếu tính nguyên tắc để đề cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Trên một khía cạnh khác là việc phân công nhiệm vụ chưa tính hết được khả năng đáp ứng, cho nên trong một số lĩnh vực việc triển khai nhiệm vụ rất chậm, nhất là đối với những nhóm hàng hóa, dịch vụ phải điều chỉnh theo lộ trình. Trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi không còn cơ chế liên tịch thì việc rà soát đánh giá để có sự điều chỉnh trong phân công lại nhiệm vụ giữa các cơ quan Trung ương là cần thiết.

Ngoài ra, việc giao Chính phủ định giá đối với một số mặt hàng như khung giá cho thuê mặt nước, khung giá cho thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ là không còn phù hợp vì việc quyết định giá không phải là vấn đề cơ chế chính sách, vì vậy việc nghiên cứu để chuyển giao thẩm quyền quyết định cho Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ chuyên ngành sẽ phù hợp hơn về nguyên tắc điều hành. Tuy nhiên đối với mặt hàng quan trọng như khung giá đất, vẫn giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định do đây là mặt hàng đặc thù, có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn diện kinh tế, xã hội.

- *Đối với các cơ quan địa phương*, trên cơ sở phân cấp một số nhiệm vụ từ cơ quan trung ương cho Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, địa phương được quyền giao nhiệm vụ cho các Sở, ban ngành; Việc phân cấp xuống địa phương chưa đưa ra nguyên tắc cụ thể để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục phân công trách nhiệm thực hiện cho các Sở, ngành chuyên môn. Dẫn đến trên thực tế triển khai cho thấy không có sự thống nhất giữa các địa phương; có những mặt hàng giao Sở chuyên ngành nhưng có tỉnh giao Sở Tài chính; trong khi trách nhiệm thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện. Vì vậy, trong đa số các trường hợp khi có phát sinh vướng mắc phải giải trình với các cơ quan chức năng thì trách nhiệm đều thuộc Sở Tài chính. Trong quá trình tổng kết đánh giá một số địa phương có ý kiến nên nghiên cứu phương án giao tập trung nhiệm vụ quản lý giá vào một đầu mối. Nếu giao các Sở chuyên ngành thì Sở Tài chính chỉ thẩm định, nhưng phải quy định một số trách nhiệm của Sở chuyên ngành; còn nếu không thì giao tập trung hết vào một đầu mối Sở Tài chính sẽ thuận lợi hơn. Vấn đề này cũng cần phải có nguyên tắc tại Luật để UBND các tỉnh thực thi trách nhiệm của mình hiệu quả hơn.

d.Về phạm vi và biện pháp bình ổn giá *chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao khi có phát sinh biến động giá của những mặt hàng thiết yếu, quan trọng đối với đời sống nhân dân và toàn xã hội, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh.* Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo đó, cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, gây khó khăn khi quyết định thế nào là giá biến động bất thường hoặc có ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội để triển khai. Thực tiễn thì cơ chế về bình ổn

giá mới chỉ được triển khai một lần đối với giá sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi và một lần thí điểm đối với giá dịch vụ bốc dỡ Công-te-nơ.

- Các biện pháp để thực hiện bình ổn giá vẫn còn chưa mang tính thực tế cao, áp dụng biện pháp bình ổn giá trong thực tế từ khi Luật giá ra đời đến nay rất khó thực thi; do đó khi lựa chọn phương pháp thực hiện vẫn còn gây nhiều khó khăn. Vì vậy cần nghiên cứu một quy trình thống nhất, chi tiết, nguyên tắc thực hiện khi thực hiện bình ổn giá. Đặc biệt đối với việc áp dụng thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá cần được đánh giá là một quy trình bắt buộc khi thực hiện các biện pháp bình ổn giá, nhất là khi áp dụng biện pháp định giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể đối với mặt hàng bình ổn giá.

- Đối với việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương, mặc dù tại Luật cũng như các văn bản dưới Luật có quy định về quyền, trách nhiệm và các trường hợp thực hiện bình ổn giá tại địa phương theo thẩm quyền của UBND. Tuy nhiên lại ràng buộc khi Chính phủ triển khai bình ổn giá thì các địa phương mới thực hiện theo chủ trương chung và hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành làm giảm tính linh hoạt trong thực hiện chính sách bình ổn giá ở các địa phương. Đặc biệt là những vấn đề có tính cục bộ tại địa phương, khi xảy ra các trường hợp đặc biệt, khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh chỉ phát sinh trên các địa bàn nhất định.

đ. Đối với việc định giá Nhà nước,theo quy định bảo đảm nguyên tắc bù đắp đủ chi phí, có lợi nhuận (tính đúng, tính đủ) là phù hợp với các nguyên tắc thị trường, theo đúng chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý giá trong các giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, với một số trường hợp đặc thù như các dịch vụ cũng được chuyển từ phí sang giá thì việc đảm bảo thực hiện ngay nguyên tắc này sẽ rất khó trong khâu tổ chức thực hiện nếu không có các quy định cụ thể về điều kiện và lộ trình thực hiện. Một số dịch vụ mang tính chất công ích, sự nghiệp công có ảnh hưởng nhạy cảm đến đời sống xã hội như dịch vụ sử dụng đường bộ, dịch vụ sử dụng đò phà tại các vùng sâu, vùng xa, dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt... thì ngoài việc phải tính đúng, tính đủ các chi phí còn phải tính đến các yếu tố về thu nhập của người dân hoặc điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, cần thiết phải bổ sung nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật.

- *Về Phương pháp định giá,* tại Luật giá quy định: *"Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình."*

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới

hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung, một phần do vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về giá.

Mặt khác,việc giao các Bộ, ngành quy định phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ cụ thể áp dụng cho từng hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực là hướng đến việc tăng cường quản lý chuyên ngành, gắn với tính chất mặt hàng song trong thực tiễn nhiều Bộ, ngành còn lúng túng, chậm trễ trong việc xây dựng phương pháp định giá theo thẩm quyền, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ.

Trong khi đó, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kĩ thuật. Vì vây, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề vướng mắc là bởi nếu định mức kinh tế kĩ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn mới mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá nhất là các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế…). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ…

- *Về các hình thức định giá đang áp dụng* (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đẩy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng quan trọng thiết yếu, có tính độc quyền có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng chưa đến mức phải định giá như xăng dầu, gas, than bán cho sản xuất điện, phân bón; dịch vụ hoa tiêu, sách giáo khoa, một số dịch vụ cảng biển và một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra

khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy việc nhà nước không định giá những hàng hóa, dịch vụ này là đúng đắn, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong định giá hàng hóa, dịch vụ, nhưng cũng từ thực tiễn cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình để quyết định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên trong các trường hợp này, Nhà nước lại thiếu công cụ điều hành giá để có thể định hướng thị trường, nâng cao tính minh bạch trong việc quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức; Một số mặt hàng thực hiện kê khai giá thì chỉ mang tính theo dõi về thông tin, không đi kèm với các biện pháp quản lý cụ thể nên khó có thể thực hiện điều hành theo yêu cầu thực tiễn của kinh tế xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý thì hiện một số mặt hàng đã được quản lý, điều hành giá thông qua những hình thức có tính gián tiếp, đặc thù như đối với xăng dầu (giá cơ sở), thóc lúa (giá định hướng). Theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP thì giá cơ sở xăng dầu là mức giá để điều hành giá bán cụ thể của doanh nghiệp, giá cơ sở có tính chất định hướng và hạn chế lạm dụng vị thế của mặt hàng để ấn định giá không phù hợp; thông qua giá cơ sở trong giai đoạn vừa qua là một trong các thành công trong việc đưa giá xăng dầu theo đúng cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch đến xã hội nhưng vẫn đảm bảo về khả năng điều hành gián tiếp của Nhà nước.

Từ những vấn đề trên cho thấy bên cạnh việc quản lý giá theo biện pháp định giá nhà nước và các hình thức định giá hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung một hình thức giá mới có sự tham gia mang tính định hướng của Nhà nước để điều hành thông qua một số hình thức gián tiếp, tương tự hiện nay đối với như công bố giá cơ sở (như đối với xăng dầu), giá định hướng (đối với giá thóc). Một mặt khác, cần phải có cơ chế pháp lý để đưa phương pháp định giá là một trong các biện pháp quản lý, điều hành giá của một số hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất mặt hàng và yêu cầu quản lý điều hành giá. Theo đó, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải căn cứ vào phương pháp định giá do nhà nước ban hành để quyết định giá, cơ quan nhà nước sẽ tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhằm bảo đảm duy trì tính minh bạch trong triển khai.

e. Công tác hiệp thương giá đã góp phần khắc phục những khuyết tật của thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế nhưng vẫn còn có bất cập về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá và về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công. Thực tế, trong những năm qua theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tổ chức hiệp thương giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ sau: Than bán cho 4 hộ tiêu dùng lớn (điện, xi măng, phân bón, giấy); Cước vận chuyển than cho sản xuất điện bằng đường sông; Vật liệu nổ công nghiệp bán cho khai thác khoáng sản; Phí tra nạp nhiên liệu cho máy bay. Tại địa phương, công tác hiệp thương giá theo quy

định của Luật Giá chủ yếu thực hiện theo phân cấp và được Sở Tài chính chủ trì, tổ chức hiệp thương theo đúng trình tự quy định. Một số địa phương đã tổ chức hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia như: Sở Tài chính Ninh Bình đã tổ chức hiệp thương giá xử lý nước thải của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Nam tại Khu Công nghiệp Khánh Phú vào tháng 3/2014. Sở Tài chính Quảng Ngãi đã thực hiện hiệp thương giá đối với các công ty vận tải thực hiện đậu xe ở các bến xe, bến cảng...

Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền nhưng chưa đến mức phải có sự can thiệp từ Nhà nước bằng biện pháp định giá; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá. Tuy nhiên, hiện đã phát sinh một số bất cập cần khắc phục. Cụ thể là:

- *Về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá (Khoản 1 Điều 25 Luật giá)* quy định 2 trường hợp được hiệp thương giá. Trong đó, đối với việc quy định hàng hóa, dịch vụ hiệp thương không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là không cần thiết do tính chất của biện pháp định giá nhà nước là việc nhà nước *quyết định giá* nên không thể phát sinh trường hợp các bên không thỏa thuận được mức giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc quy định điều kiện hiệp thương giá trong thực tế lại chưa quy định rõ về tính chất của các bên mua, bán hàng hóa, dịch vụ. Với bản chất của biện pháp hiệp thương giá là việc cơ quan nhà nước đứng ra làm trọng tài cho việc đàm phán, thỏa thuận giá thì việc phát sinh hiệp thương sẽ chỉ đúng trong trường hợp khi có tranh chấp giữa các bên là doanh nghiệp với doanh nghiệp khi không thỏa thuận mua bán hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, phải gắn với cả tính chất của hàng hóa, dịch vụ là phải có tính độc quyền (cả độc quyefn mua và độc quyền bán) hoặc phụ thuộc không thể thay thế, có thị trường hạn chế. Ví dụ trong trường hợp hiệp thương giá than bán cho điện trong thực tế thì 2 bên không thể thống nhất được mức giá là Tập đoàn điện lực và Tập đoàn than khoáng sản, Tổng công ty Đông Bắc... là phù hợp với bản chất, điều kiện, yêu cầu của việc thực hiện hiệp thương giá. Tuy nhiên đối với trường hợp hiệp thương giá được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với sinh phẩm y tế phục vụ chuẩn đoán Covid – 19 thì lại phát sinh giữa Bộ Y tế và doanh nghiệp là chưa thật sự phù hợp với bản chất biện pháp cũng như các quy định khác liên quan đến muc sắm nhà nước theo Luật đấu thầu.

Từ thực tiễn triển khai hiệp thương giá cho thấy, việc quy định thẩm quyền yêu cầu hiệp thương giá của *"Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh"* (Điều 23 Luật giá) là không cần thiết, dễ gây các cách hiểu khác nhau trong triển khai pháp luật; Biện pháp hiệp thương giá được quy định nhằm giải quyết các phát sinh tranh chấp có tính chất thị trường, khắc phục

các bất cập trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền, phụ thuộc nên yêu cầu về hiệp thương giá chỉ xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của các bên mua và bên bán.

- *Về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công* chưa rõ ràng; chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia hiệp thương bao gồm cả bên mua, bên bán và cơ quan tổ chức hiệp thương. Điều này trong một số trường hợp có thể khiến việc hiệp thương giá diễn ra kém hiệu quả khi các bên không có đầy đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo cho việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công; đôi khi cũng như có thể dẫn đến sự tùy ý trong cách xác định mức giá tạm thời khi các quy định về quy trình cơ bản về cách xác định mức giá hiện chưa nằm tại Luật.

g. Biện pháp đăng ký giá và kê khai giá thể hiện rất rõ chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường có sự quản lý Nhà nước, đây là công cụ hữu hiệu của nhà nước thực hiện điều tiết thị trường chủ yếu bằng các biện pháp vĩ mô và gián tiếp. Tuy nhiên, kết quả đạt được khi triển khai thực tế chưa cao do có những bất cập về danh mục, biện pháp thực hiện, nhất là đối với các hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù.

- *Đối với biện pháp đăng ký giá,* hiện nay là một trong các biện pháp để thực hiện bình ổn giá; Theo đó, trong trường hợp Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá và sử dụng biện pháp đăng ký giá thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện gửi bản đăng ký giá (bao gồm cả việc giải trình về các yếu tố chi phí hình thành giá) để cơ quan quản lý rà soát. Tuy vậy, việc áp dụng biện pháp đăng ký giá đến nay lại rất hạn chế (mới chỉ thực hiện 01 lần đối với giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi) do các bất cập:

+ Theo phân tích từ chính sách đã đề cập, việc thực hiện bình ổn giá rất hạn chế nên kéo theo việc triển khai các biện pháp nằm trong bình ổn giá cũng không được áp dụng nhiều trong thực tiễn.

+ Bản thân biện pháp đăng ký giá có tính kiểm soát của nhà nước nhưng kết quả kiểm soát lại chưa được pháp lý hóa rõ ràng. Các quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP mới chỉ quy định về quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá mà chưa có các quy định về kiểm soát hoặc chế tài xử lý kèm theo.

Về mặt hình thức, 2 biện pháp kê khai giá, đăng ký giá có tính chất tương đồng cao, chỉ khác nhau việc báo cáo, giải trình các yếu tố hình thành giá với cơ quan quản lý.

- *Đối với biện pháp kê khai giá,* tại Luật giá quy định kê khai chỉ là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa thuộc danh mục kê khai giá; Doanh nghiệp có trách nhiệm bán hàng hóa, dịch vụ theo mức giá đã kê khai (có thể tăng, giảm trong phạm vi 5%); Giảm sát

biến động chi phí, yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng đặc thù này thông qua công tác kê khai giá. Tuy nhiên, không có quy định cơ chế giám sát thực hiện, cơ chế kiểm soát hoạt động kê khai giá, và nhất là việc xử lý của cơ quan tiếp nhận kê khai khi phát hiện trường hợp điều chỉnh giá bất hợp lý, như vậy biện pháp kê khai giá chưa thể hiện được tác dụng rõ nét đối với cả cơ quan quản lý và cả phía đơn vị thực hiện. Đối với một số mặt hàng có tính đặc thù, độc quyền mua hoặc bán, giá bán là chi phí, đầu vào của một số mặt hàng khác khi áp dụng quy trình chung không phù hợp; Hồ sơ kê khai không có đủ thông tin để điều hành, cơ chế giám sát không đủ để có các biện pháp quản lý nhà nước phù hợp trong những trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên, nhất là khi thị trường có biến động cần có ngay các giải pháp điều hành, bình ổn giá phù hợp.

+ Về danh mục kê khai giá: Số lượng mặt hàng hiện đang quy định kê khai giá là khá nhiều, tổng là 26 mặt hàng (trong đó có 11 mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá). Tuy nhiên, trong thực tế thi hành chưa thể hiện rõ ràng hiệu quả của công tác kê khai giá; kết quả xử phạt trong lĩnh vực kê khai giá còn hạn chế.

+ Về mức giá kê khai,thời điểm kê khai và hình thức kê khai theo quy định hiện hành đã có hạn chế nhất là đối với một số mặt hàng có đặc điểm rất đa dạng, phong phú về chủng loại, tên thương mại nên khi thực hiện kê khai danh mục kê khai của một mặt hàng sẽ rất khó khăn; một mặt khác là nếu tiếp tục áp dụng thời điểm kê khai trước khi bên mua hàng hóa cũng sẽ khó khăn, làm giảm sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi yếu tố giá hàng hóa, dịch vụ thường phải đưa ra quy định kịp thời với xu hướng thị trường tại một thời điểm nhất định.

h. Đối với công tác kiểm tra, thanh tra giá: Tại Luật giá chưa có các quy định có tính nguyên tắc và cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra, thanh tra về giá luôn gặp khó khăn nhất định mỗi khi có yêu cầu tổ chức kiểm tra, thanh tra giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Trong bối cảnh trao nhiều quyền chủ động cho doanh nghiệp thì việc tăng cường công tác hậu kiểm là cần thiết được chú trọng hơn nữa.

i. Về thẩm định giá:

- Các quy định, hướng dẫn về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hồ sơ và quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá chưa hiệu quả, thiếu chặt chẽ dẫn đến việc kiểm soát chất lượng thẩm định giá của các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc quy định về điều kiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá, hành nghề thẩm định giá tương đối mở dẫn đến số lượng doanh nghiệp thẩm định giá phát triển nóng.Việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp

thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc thẩm định viên về giá có hiện tượng không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt động, trách nhiệm nghề nghiệp của các đối tượng này. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất lượng (ví dụ mỗi thẩm định viên hành nghề phải ký ít nhất 30 chứng thư thẩm định giá trong một năm). Một mặt khác cũng dẫn đến việc một số doanh nghiệp thẩm định giá, cũng như các thẩm định viên hành nghề thiếu kinh nghiệm, chưa chủ động cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn dẫn đến những sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ.

Luật giá hiện quy định điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện dịch vụ thẩm định giá gồm:

(i) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

(ii) Có ít nhất 3 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó có chủ doanh nghiệp đối với loại hình công ty TNHH một thành viên, có ít nhất 2 thành viên hợp danh đối với loại hình công ty hợp danh, có ít nhất 2 thành viên góp vốn đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, có ít nhất 2 cổ đông đối với loại hình công ty cổ phần;

(iii) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với loại hình công ty hợp danh, công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, chủ doanh nghiệp đối với loại hình doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(iv) Đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định, đồng thời người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Với mục tiêu yêu cầu đặt ra trong giai đoạn này thì các điều kiện trên được đánh giá là quá mở trong khi nghề thẩm định giá là ngành nghề đòi hỏi tính chuyên môn cao, với số lượng trên 2300 thẩm định viên như hiện nay thì việc doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 3 thẩm định viên, chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 02 thẩm định viên để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là rất dễ dàng. Luật giá cũng chưa có các quy định cụ thể về kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, nhiều thẩm định viên mới được cấp thẻ thẩm định viên, chưa am hiểu về thị trường, thiếu các kiến thức hành nghề đã thành lập doanh nghiệp doanh nghiệp thẩm định giá, sau đó thu hút khách hàng bằng hạ giá dịch vụ dẫn đến chất lượng dịch vụ bị suy giảm, để tạm thời

khắc phục, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ cũng đã bổ sung điều kiện kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá.

Luật giá cũng quy định loại hình công ty cổ phần, tuy nhiên, đối với loại hình này thì việc rà soát bảo đảm tính khách quan trong quá trình thẩm định giá, hạn chế các lợi ích liên quan giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá là khó khả thi trong trường hợp các công ty cổ phần trở thành công ty đại chúng. Nhất là đối với loại hình cung cấp dịch vụ có tính chuyên môn sâu thì yêu cầu về chất lượng luôn gắn với con người thực hiện, vấn đề vốn đầu tư và kinh phí duy trì hoạt động không nhiều. Trong khi đó, với trách nhiệm phải luôn gắn với cá nhân và cả doanh nghiệp thì việc có quy định mô hình doanh nghiệp thẩm định giá là công ty cổ phần sẽ không phù hợp.

- Theo quy định của Luật giá, tiêu chuẩn của thẩm định viên về giá bao gồm: có năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan; tốt nghiệp đại học chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 36 tháng trở lên sau khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có chứng chỉ đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cho thấy, quy định trên nảy sinh một số vấn đề bất cập.

Một là, Luật chưa quy định thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo phải là thời gian làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá với nhiệm vụ công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, do đó, nhiều trường hợp đã làm việc 36 tháng, nhưng không phải tại các doanh nghiệp thẩm định giá và công việc không liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá.

Hai là, Luật chưa quy định các nguyên tắc làm cơ sở phân chia thẩm định viên về giá theo loại tài sản. Theo quy định hiện hành, chỉ có 1 loại thẻ thẩm định viên về giá, người muốn trở thành thẩm định viên về giá phải thi đủ các môn thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy, thiết bị và thẩm định giá doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy số lượng lớn thẩm định viên sau khi được cấp thẻ và tham gia hoạt động thẩm định giá chỉ chuyên về thẩm định giá bất động sản (khoảng 65%), số còn lại vừa làm bất động sản, vừa làm về máy, thiết bị và một số ít làm về giá tri doanh nghiệp. Như vậy, việc chỉ có một loại thẻ thẩm định viên như hiện tại sẽ làm tăng chi phí cho người muốn trở thành thẩm định viên về giá, lãng phí nguồn lực của xã hội; bên cạnh đó đối với các hoạt động thẩm định giá đòi hỏi phải có chuyên môn sâu về tài chính như thẩm định giá doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình thì hiện tại lại chưa chú ý nhiều đến yếu cầu chuyên môn sâu đối với mảng kiến thức này mà vẫn như các thông định viên thông thường. Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng một số nước cũng phân loại thẩm định viên theo loại tài sản.

Ba là, Luật chưa quy định nguyên tắc làm cơ sở xác định Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn cao nhất trong hoạt động tư vấn định giá, thẩm định giá tài sản. Luật giá là luật gốc về công tác quản lý giá nói chung và quản lý về thẩm định giá nói riêng, đồng thời, đưa ra những yêu cầu chuyên môn rất cao để trở thành thẩm định viên về giá, Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá cũng được xây dựng đồng bộ và đầy đủ để áp dụng trong thẩm định giá hầu hết các loại tài sản từ bất động sản đến các loại động sản, tuy nhiên, một số pháp luật chuyên ngành ban hành sau Luật giá như Luật đất đai năm 2013 lại quy định người có Thẻ thẩm định viên về giá vẫn phải tham gia khóa học về định giá đất để tham gia hoạt động tư vấn định giá đất cho cơ quan nhà nước (bản chất của việc tư vấn định giá đất là việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tư vấn xác định giá đối với tài sản đặc thù là đất đai của nhà nước) là rất mâu thuẫn, tăng thêm các tiêu chuẩn điều kiện không cần thiết và sẽ gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, các thẩm định viên về giá theo quy định tại Luật giá.

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa có quy định về mã ngành kinh tế cho dịch vụ này; thiếu quy định chi tiết và trách nhiệm đối với việc ủy quyền toàn bộ hoặc một phần hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp cho chi nhánh của mình.

- Các quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Thiếu các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên qua đó nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng hành nghề của thẩm định viên.

k. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện chưa rõ phạm vi áp dụng thực hiện. Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện; chưa rõ phạm vi, chưa cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn vận dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước.Điều 44 Luật giá quy định 4 trường hợp: (1). Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (2). Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; (3). Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; (4). Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với quy định *"không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá"*thì chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thuê doanh nghiệp phải thực hiện các bước, quy trình gì, sau khi thực hiện hết các bước mà không thuê được doanh nghiệp mới được áp dụng Hội đồng thẩm định giá Nhà nước. Ví dụ: Việc tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện trong phạm vi địa phương, không mở rộng ra các địa phương khác, trong khi năng lực hoặc số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại địa phương đó không

đáp ứng yêu cầu. Trường hợp *"mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn"* cũng chưa có hướng dẫn về thuật ngữ *"giá trị lớn"...*

+ Đồng thời, ngày 21/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó thuật ngữ "tài sản nhà nước" đã được thay thế bằng thuật ngữ "tài sản công", đồng thời nội hàm của thuật ngữ tài sản công cũng được chi tiết và rõ ràng hơn, cụ thể: *Tài sản công là tài s ản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác*. Như vậy, nếu chỉ thay thuật ngữ "tài sản nhà nước" bằng thuật ngữ "tài sản công" trong phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước tại Luật giá thì phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước sẽ bị giới hạn lại, không phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước về giá. Bên cạnh đó, cũng cần làm rõ hơn việc các cơ quan nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, thuê tài sản, liên doanh, liên kết với các đơn vị ngoài nhà nước thì cũng cần thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước theo thẩm quyền.

+ Về phương thức hoạt động thẩm định giá Nhà nước, Luật giá quy định: (1). Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá đối với các trường hợp quy định tại Điều 44 của Luật giá. Hội đồng thẩm định giá giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ; (2). Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm thẩm định giá theo quy định của Luật giá, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả thẩm định giá. Còn việc thành lập Hội động thẩm định giá như thế nào, điều kiện thành lập là gì, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên như thế nào thì chưa quy định rõ tại Luật, mà quy định tại Nghị định của Chính phủ; trong khi đó những nội dung liên quan đến điều kiện thành lập các doanh nghiệp thẩm định giá lại được quy định rõ tại Luật giá. Điều này vô hình chung làm vị thế pháp lý của Hội đồng thẩm định giá của nhà nước bị yếu đi, công cụ quản lý giá quan trọng này của nhà nước bị xem nhẹ.

Bên cạnh đó, thực tiễn trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như nhiều địa phương đã thực hiện việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng… thuộc thẩm quyền của đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản… qua đó góp phần kiểm soát tài sản công, tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả. Tuy vậy, một số bộ ngành, địa phương chưa chủ động trong việc thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước: không thực hiện hoặc rất ít tài sản đưa vào thẩm định giá, cán bộ tham gia công tác liên quan đến thẩm định giá thiếu kiến thức chuyên môn sâu về thẩm định giá.

l. Đối với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và chỉ số giá: Tại Điều 7 Luật giá có quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, nhưng thể chế đối với nhiệm vụ này còn yếu, chưa có những cơ chế rõ ràng, hành lang pháp lý vững chắc để triển khai sâu rộng từ trung ương đến địa phương.

-Trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường, đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cấp thẩm quyền và Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường. Nội dung về tổng hợp, phân tích, dự báo, điều hành chỉ được nêu ngắn gọn tại Điều 7 Luật giá quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, chưa đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác này trên thực tiễn nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn chưa được thể chế rõ ràng, quy định rải rác tại một số văn bản dưới Luật như Thông tư 116/2018/TT-BTC, Quyết định 690/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo điều hành giá... mà chưa đặt tại các văn bản có hiệu lực pháp lý cao như Luật hay Nghị định. Các nhiệm vụ triển khai hiện nay còn mang tính giao việc hành chính, chưa có quy phạm có tính nguyên tắc để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ; Vẫn đang còn hạn chế về phản ứng chính sách của một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường khi thị trường có những biến động bất thường còn chậm. Nguyên nhân do hiện nay chưa có các quy định cụ thể về công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá cả thị trường nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn mang tính giao việc hành chính, chưa có hiệu lực pháp lý cao để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

- Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo để làm nền tảng cho công tác chỉ đạo, điều hành chưa có nền tảng pháp lý trong Luật giá, dẫn đến hiệu lực triển khai còn hạn chế, có độ trễ về cung cấp thông tin và chất lượng thông tin cũng như chưa xác định được trách nhiệm rõ ràng khi xảy ra biến động bất thường về giá, hạn chế trong việc phối hợp thực hiện lộ trình điều chỉnh giá các dịch vụ thiết yếu theo lộ trình thị trường. Bên cạnh đó cũng chưa có cơ sở pháp lý để triển khai tại thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Tại Luật giá chưa có quy định về việc sử dụng chỉ số giá trong công tác quản lý nhà nước. Hiện nay một số pháp luật chuyên ngành có quy định về việc sử dụng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, giá cả, mức đầu tư... như Luật đầu tư công quy định việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công trong một số trường hợp được thực hiện khi chỉ số giá có biến động lớn. Khi chỉ số giá trong

thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, việc xây dựng chỉ số giá đề điều chỉnh dự toán, vốn,...cần được nghiên cứu gắn với phương pháp xác định chỉ số giá đảm bảo phù hợp với diễn biến giá cả thị trường và gắn với hiệu quả tài chính, đặc biệt tránh lãng phí, đội vốn ngân sách nhà nước.

- Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo để từ đó đưa ra các chính sách, biện pháp quản lý giá kịp thời, chính xác. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia chung của Chính phủ và cơ sở dữ liệu ngành Tài chính. Mặt khác, giá cả là vấn đề có tính tổng hợp, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của các Bộ, ngành, do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có tính bao quát, đầy đủ được đánh giá là vô cùng cấp thiết.

Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát, đánh giá thi hành Luật giá và các văn bản hướng dẫn cho thấy cơ sở pháp lý về nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá còn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong quá trình xây dựng, thu thập thông tin từ các Bộ, ngành ngoài Bộ Tài chính. Cụ thể như tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP hiện nay đưa ra một số quy định chung về trách nhiệm trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá gồm cả Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lính vực và các địa phương; Tuy nhiên các nội dung quy định chi tiết đều được nằm ở Thông tư 142/2015/TT-BTC thì lại chỉ hướng dẫn thực hiện đối với Bộ Tài chính và các địa phương. Do vậy, trách nhiệm về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá hoặc cung cấp thông tin về giá của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lại chưa được quy định rõ ràng, chi tiết.

Một mặt khác, việc quy định các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá như hiện nay mặc dù tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các đơn vị trong xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhưng thực tiễn cho thấy hiện nay các Bộ, ngành đều chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về giá đối với ngành, lĩnh vực. Do đó, việc đặt ra vấn đề xây dựng các cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành là khó khả thi và cần nghiên cứu các giải pháp chính sách nhằm có mô hình xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Một mặt khác là trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo điều hành giá, bên cạnh những kết quả đạt được cũng cho thấy một số hạn chế nhất định như tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của chính sách điều hành giá được Ban chỉ đạo điều hành giá thống nhất thực hiện chưa được hiệu quả, chưa có tính áp dụng bắt buộc cao để đảm bảo các đối tượng liên quan phải thực hiện nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô hàng năm và trong từng thời kỳ. Đồng thời, công tác phối hợp của các bộ quản lý ngành với Bộ Tài chính (cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo điều hành) là rất quan trọng, đảm bảo thông tin, báo cáo được cập nhật nhanh, đầy đủ; tuy nhiên, để nâng cao hiệu

quả hơn nữa, kịp thời trong công tác phối hợp cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo quyền và trách nhiệm của các bộ ngành liên quan trong công tác quản lý, điều hành giá của Ban chỉ đạo.

2. Hạn chế, bất cập giữa Luật giá với các Luật chuyên ngành

Luật giá 2012 đã thể chế các quan điểm, nguyên tắc cơ bản để thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó đã tạo hành lang pháp lý cho các cơ quan quản lý thực hiện các biện pháp điều tiết. Tuy nhiên, với tính chất tất yếu và khách quan của hoạt động quản lý, điều hành giá cùng với những yêu cầu phát sinh trong thực tiễn thì tại một số Luật, Bộ Luật chuyên ngành khác đã thể chế hóa nhiều quy định về lĩnh vực giá. Trong đó, có những quy định chi tiết hơn một số vấn đề chuyên ngành liên quan đến quản lý giá song vẫn đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và quy định cụ thể tại Luật giá; Tuy nhiên cũng có những Luật chuyên ngành đã quy định "mở rộng" hơn so với các quy định tại Luật giá;một số trong đó dẫn đến sự trùng lặp trong quy phạm, tuy nhiên cũng có một số quy định đã gây ra "chồng chéo, mâu thuẫn" với Luật giá. Cụ thể như:

2.1. Đối với các quy định liên quan đến biện pháp định giá nhà nước

Chủ trương của Luật giá là quy định đúng và đủ danh mục các mặt hàng cần phải định giá nhà nước để đảm bảo tránh việc lạm dụng biện pháp điều tiết có tính can thiệp trực tiếp như định giá nhà nước. Đồng thời với việc quy định về danh mục là kèm theo đầy đủ các vấn đề về thẩm quyền (phân công, phân cấp), hình thức định giá, phương pháp định giá, quy trình định giá và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên trong thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến biện pháp định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, mâu thuẫn, chồng chéo như:

a. Quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài Luật giá

Tại một số Luật chuyên ngành quy định thêm hàng hóa, dịch vụ cụ thể thực hiện định giá. Ví dụ như Luật giao thông đường bộ bổ sung giá dịch vụ ra, vào bến xe do UBND tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (điều 56, Điều 67); Luật đấu giá tài sản năm 2016 bổ sung khung giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản do Bộ Tài chính quy định (Điều 78); Luật Quy hoạch bổ sung giá quy hoạch do Bộ Tài chính quy định.

Không chỉ được bổ sung tại Luật, một số hàng hóa, dịch vụ còn được bổ sung thực hiện định giá tại các Nghị định, Thông tưnhư: Nghị định 96/2012/NĐ-CP bổ sung dịch vụ cai nghiện chất dạng thuốc phiện; Nghị định 146/2016/NĐ-CP bổ sung dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; Nghị định Nghị định số 80/2014/NĐ-CP bổ sung dịch vụ thoát nước và sử lý nước thải; Thông tư

36/2015/TT-BGTVT bổ sung 9 dịch vụ hàng không khác...*(phụ lục danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo)*

Việc các Luật bổ sung danh mục mặc dù đều do vấn đề cấp thiết đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước song cũng dẫn đến Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại nhiều Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến hạn chế cho việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung. Mặt khác trách nhiệm đầu mối kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để, chưa thông qua xin ý kiến chuyên môn sâu của Bộ Tài chính về nội dung này.

b. Hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá

Tại Điều 19 Luật giá quy định 3 nguyên tắc đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện định giá là *"Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh; Tài nguyên quan trọng; Hàng dự trữ quốc gia, sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước"*. Tuy nhiên một số mặt hàng được bổ sungchưa đảm bảo các nguyên tắc tại Luật giá như dịch vụ ra, vào bến xe; 9 dịch vụ hàng không khác tại Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, giá dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dịch, thù lao dịch vụ đấu giá tài sản...

Đồng thời, có một số mặt hàng tại Luật chuyên ngành quy định có tên chưa thống nhất với Luật giá dẫn đến việc chưa đảm bảo nguyên tắc như Luật giá quy định nhà nước định giá đối với *"dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến **độc quyền**"*, nhưng tại Luật hàng không chỉ quy định *"dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa"*, theo đó đã mở rộng hơn phạm vi so với Luật giá đối với các tuyến bay không phải độc quyền cũng thực hiện định giá.

c. Thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền khi quy định bổ sung danh mục

Một số mặt hàng được quy định thuộc danh mục định giá nhà nước nhưng thiếu các quy định về hình thức định giá hoặc thẩm quyền định giá hoặc chồng chéo với quy định tại Luật giá dẫn đến khó khăn trong khâu tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Ví dụ như Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị (tại Luật Đường sắt chưa quy định hình thức định giá); Dịch vụ tuyển sinh (Tại Luật Giáo dục chưa quy định hình thức định giá); Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển tác thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn nhà nước (tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định là UBND quy định giá tối đa, song tại Luật bảo vệ môi trường lại quy định UBND quy định giá cụ thể); Giá vật liệu nổ công nghiệp (Tại Luật Cạnh tranh và Nghị định 94/2017/NĐ-CP chưa quy định về hình thức và thẩm quyền định giá);

Phương thức quản lý giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ còn có sự mâu thuẫn giữa Luật giá và các Luật chuyên ngành. Ví dụ như đối với giá dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng, tại Luật giá quy định nhà nước định giá tối thiểu; Tuy nhiên mức giá tối thiểu này lại không phải là cơ sở, căn cứ khi xác định mức giá khởi điểm phục vụ đấu giá khi thực hiện đấu giá quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng theo Luật Tài sản công, Luật đấu giá.

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc "gốc" , có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá là nhằm giải quyết thực tế "tình huống phát sinh" khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó cũng rất cần thiết nhưng thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

d. Chồng chéo trong quy định về thẩm quyền và hình thức định giá

Tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng quy định thẩm quyền định giá khi quy định thêm danh mục định giá; Tuy nhiên cũng do chưa có nguyên tắc cụ thể về phân công nên đôi khi xảy ra tình trạng ấn định cơ quan thực hiện định giá mà chưa tính toán cụ thể về khả năng tổ chức thực hiện. Thậm chí còn xảy ra tình trạng pháp luật chuyên ngành về một mặt hàng nào đó quy định thẩm quyền định giá mặt hàng đã được quy định tại Luật giá, gây nên tình trạng chồng chéo, không khớp giữa các quy định tương tự nhau.

Ví dụ như đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch.

Hoặc tại Luật giá chỉ quy định 3 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (3) UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Tại Luật Luật Lâm nghiệp giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý (Khoản 4 Điều 90), tuy nhiên tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá rừng cụ thể.

đ. Chưa có sự thống nhất về quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá giữa pháp luật chuyên ngành với Luật giá.

Tại Luật giá chưa có các quy định về các nguyên tắc cơ bản trong việc triển khai quy trình định giá mà giao Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP; Do vậy, tại các Luật chuyên ngành, bên cạnh việc quy định

thêm hàng hóa, dịch vụ, còn quy định cả quy trình định giá và chưa thống nhất với quy trình tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Ví dụ việc định giá điện, theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP, Bộ Công thương xây dựng phương án giá và trình Chính phủ sau khi có *ý kiến thẩm định* của Bộ Tài chính; Tuy nhiên theo Luật điện lực thì Bộ Công Thương chỉ phải *lấy ý kiến tham gia* Bộ Tài chính về phương án giá.

Ở cấp địa phương, Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh "quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá" đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình, trong đó đảm bảo nguyên tắc vai trò thẩm định phương án giá của Sở Tài chính. Như vậy, căn cứ theo quy định này thì tùy địa phương có thể giao cho Sở Tài chính hoặc Sở chuyên ngành trình phương án giá tùy theo thực tiễn. Tuy nhiên, tại một số pháp luật chuyên ngành như Nghị định số 23/2016/NĐ-CP (dịch vụ nghĩa trang), Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (dịch vụ thoát nước), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt) quy định trực tiếp nhiệm vụ lập, thẩm định, phê duyệt giá cho Sở chuyên ngành và giao Sở Tài chính thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giá.

e. Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá

Về Phương pháp định giá, tại Luật giá quy định: *Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình."*

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung, một phần do vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về giá.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kĩ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề vướng mắc là bởi nếu định mức kinh tế kĩ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn mới mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá nhất là các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế…). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ…

2.2. Về các quy định về quản lý thẩm định giá

a.*Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP* có mâu thuẫn, chồng chéo với Luật giá về điều kiện đối với tổ chức tư vấn xác định giá đất và cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

Theo quy định tại Luật đất đai năm 2013:Tại Điều 115, 116 quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, trong đó có nội dung quy định điều kiện hoạt động của tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ (gồm tổ chức tư vấn định giá đất và định giá viên).

Theo quy định tại Bộ Luật Dân sự: Điều 105 quy định về tài sản như sau:

"1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.

2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai."

Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (có thẻ) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác. Luật giá đã có các quy định điều chỉnh liên quan đến hoạt động tư vấn xác định giá bất động sản (trong đó đất đai là một loại bất động sản) nên đối với đất đai hoạt động này được hiểu là hoạt động tư vấn xác định giá đất. Trước khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành, hoạt động tư vấn xác định giá đất được thực hiện thống nhất theo Luật giá năm 2012. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất là các doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm

định giá, các cá nhân thực hiện là các thẩm định viên về giá hành nghề được Bộ Tài chính cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

Đồng thời, hiện nay, việc tư vấn xác định giá bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản; tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa, thoái vốn, góp vốn; tư vấn xác định giá trị cộng nghệ (thẩm định giá công nghệ) theo Luật chuyển giao công nghệ; tư vấn trong mua sắm tài sản công… cũng đã được quy định rõ thuộc phạm vi hoạt động của các tổ chức thẩm định giá theo Luật giá.

Hơn nữa, hoạt động tư vấn xác định giá (kinh doanh dịch vụ thẩm định giá) được xác định là một hoạt động kinh doanh có điều kiện, kết quả tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản, do đó có thể thấy đây là một trong những loại hình dịch vụ tài chính phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, đòi hỏi kết quả dịch vụ có độ tin cậy và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Để đảm bảo chất lượng của hoạt động dịch vụ tư vấn này, Luật giá đã có những quy định cụ thể, khắt khe đối với cá nhân tham gia tư vấn (thẩm định viên) và tổ chức tham gia tư vấn (doanh nghiệp thẩm định giá) về điều kiện chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, đặc biệt là cá nhân muốn trở thành thẩm định viên về giá phải trải qua kỳ thi do Bộ Tài chính tổ chức…

Việc quy định thêm các điều kiện đối với hoạt động tư vấn định giá đất tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP là trái với quy định tại Luật giá, phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết, đồng thời gây cản trở cho việc vận dụng dịch vụ tốt nhất để thực hiện hiệu quả công việc.

b. Một số pháp luật chuyên ngành đang quy định về Hội đồng có bản chất công việc tương tự như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước quy định tại Luật giá nhưng thiếu sự đồng bộ trong quy định về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản với Luật giá. Ví dụ như Hội đồng định giá tài sản theo Luật tài sản công

Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có nội dung quy định về hoạt động định giá, thẩm định giá, xác định giá trị tài sản trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trong đó quy định mức giá là một trong những tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công (Điều 24). Tại các văn bản hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Lu ật quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định về việc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức đấu giá, xác định giá bán chỉ định trong trường hợp bán tài sản công theo hình

thức chỉ định, xác định giá bán niêm yết trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá. Hội đồng xác định giá bản chất như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước theo pháp luật về giá, tuy nhiên chưa có quy định, hướng dẫn về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản.

c. Về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá

Nội dung này chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá. Theo quy định của Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá.

Tuy nhiên, nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá. Cụ thể, đối với hoạt động thẩm định giá khởi điểm đấu giá các khoản nợ xấu, kết quả thẩm định giá được xem như là giá tối thiểu, giá sàn để để đấu giá lần đầu khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu (Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và việc thành lập Hội đồng đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đối với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có giá trị lớn).

Tương tự, đối với hoạt động thẩm định giá trong thi hành án dân sự, kết quả thẩm định giá tài sản kê biên trong thi hành án dân sự được lấy làm giá khởi điểm để bán đấu giá theo quy định. Như vậy, đối với Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên và tổ chức thẩm định giá đóng vai trò quyết định đối với kết quả giá khởi điểm để bán đấu giá trong định giá tài sản kê biên.

2.3. Về các quy định về hình thức văn bản quyết định giá

Hình thức văn bản của quyết định giá là văn bản hành chính cá biệt hay văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ giữa Luật giá với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Qua thực tiễn triển khai tại các cơ quan có thẩm quyền QLNN về giá tại trung ương và địa phương cho thấy hiện có sự chưa thống nhất và có cách hiểu khác nhau về việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá ở trung ương và địa phương. Có trường hợp lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật, một số trường hợp lựa chọn hình thức văn bản hành chính cá biệt. Ví dụ như

- Đối với giá bán điện: về cơ chế về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá điện được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL[1]; việc quy định giá bán lẻ, hoặc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được ban hành dưới hình thức Quyết định cá biệt [2].

- Đối với giá nước sạch cho sinh hoạt: Quy định về phương pháp, nguyên tắc xác định giá nước sạch và khung giá nước sạch sinh hoạt được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL[3]; việc quy định giá cụ thể cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (các Quyết định về giá nước cụ thể của UBND cấp tỉnh).

- Đối với giá xăng dầu: các quy định về nguyên tắc xác định giá cơ sở, các nội dung chi phí, quỹ bình ổn giá được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL[4]; việc quyết định mức giá cơ sở, mức giá bán lẻ tối đa ban hành dưới hình thức văn bản cá biệt (Thông báo của Bộ Công Thương trong mỗi kỳ điều hành).

- Đối với giá đất: Cơ chế về giá đất được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn); khung giá đất 5 năm và bảng giá đất từng địa phương cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Ủy ban nhân dân);

- Đối với giá dịch vụ y tế: Về cơ chế giá dịch vụ y tế được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL[5] ; mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc và không thuộc phạm vi thanh toán của bảo hiêm y tế cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Thông tư của Bộ Y tế, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Nhìn chung việc ban hành các quy định quản lý nhà nước nói chung, trong đó có lĩnh vực giá được áp dụng thực hiện theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, tính chất quy phạm pháp luật trong việc ban hành cơ chế giá đối với hàng hóa dịch vụ có thể hiểu là các nguyên tắc, phương pháp, định mức chung để xây dựng giá cụ thể đối với một hàng hóa, dịch vụ; Việc ban hành quy định chung về các nội dung này sẽ được tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cả nước áp dụng.

Việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá mặc dù cũng có một số tính chất của quy phạm pháp luật nhưng không đầy đủ như đối với văn bản

---

[1]Quyết định số 28/2014/QĐ-TTG ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu giá bán lẻ điện, Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 2016 – 2020

[2]Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

3 Thông tư liên tịch 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT.

4 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

[5] Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập

QPPL vì thế đã dẫn đến cách hiểu và tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị không thống nhất. Trong khi đó tính chất của công tác điều hành giá phụ thuộc chủ yếu vào các vấn đề về chi phí và thời điểm, nội hàm vấn đề "mức giá" chỉ có hiệu lực trong một thời điểm, một giai đoạn nhất định. Trong một số trường hợp cơ quan nhà nước ban hành mức giá tối đa, giá cụ thể để điều hành, quản lý ngân sách nhà nước (như giá mua sản phẩm, dịch vụ công, giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia...) thì mức giá này không toàn toàn sử dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần và mang tính chất điều hành trong cơ quan nhà nước.

Do đó, các nội dung về cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện... để xác định giá là nội dung quy phạm pháp luật; còn việc quyết định giá, điều chỉnh giá trên cơ sở các cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp đã được quy định sẽ là nội dung có tính chất cá biệt, chỉ thuộc phạm vi khâu tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế hiện hành. Như vậy, việc đặt ra vấn đề thống nhất nguyên tắc việc quyết định giá, điều chỉnh giá.

3. Tồn tại, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật

a. Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Luật đã được chú trọng; hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh được nâng cao, nhất là khối doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều các trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước về giá, có nhiệm vụ quản lý giá chưa nắm rõ được các vấn đề căn bản trong thực thi nhiệm vụ; nhất là trong các hoạt động về xây dựng phương án giá; trình tự thủ tục thẩm định, trình phê duyệt phương án giá cho nên khá lúng túng trong triển khai. Các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá còn có những sai phạm căn bản về nhiệm vụ phải bị xử lý vi phạm hành chính.

b. Công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, biện pháp quản lý điều hành giá nhất là đối với một số hàng hóa nhạy cảm nhiều khi gián đoạn, không kịp thời dẫn đến dư luận xã hội trái chiều, thậm chí không chính xác đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá.

c. Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhóm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được ban hành đầy đủ, kịp thời; Nhưng do thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ, ngành nên chưa được rà soát, sửa đổi bổ sung theo các diễn biến thực tế phát sinh. Nhất là việc bổ sung các chế định điều chỉnh những vấn đề mới, chế tài xử phạt hành chính và cơ chế giám sát,...

4. Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

a. Luật giá được ban hành có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013, khi đó đây là văn bản pháp lý cao nhất đầu tiên quy định thống nhất các nội dung về quản lý giá trên toàn quốc, cũng như qua rà soát đã đưa vào những quy định cơ bản

bao quát toàn bộ danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, định giá, kê khai giá...đáp ứng thực tiễn quản lý nhà nước về giá trong từng lĩnh vực chuyên ngành tại thời điểm đó và Luật giá cũng đã quy định về việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá đối với các bộ, ngành, địa phương. Tại thời điểm này, các pháp luật chuyên ngành hiện hành hầu như chưa có các quy định về quản lý giá và chưa đánh giá để sửa đổi, bổ sung theo các quy định mới về quản lý giá theo Luật giá. Trong quá trình tổ chức, thi hành các quy định về quản lý giá theo Luật giá và trên cơ sở thực tiễn quản lý giá theo ngành, lĩnh vực, các bộ ngành đã tiến hành đánh giá, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có nội dung về quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý; theo đó có những quy định được ban hành nhất quán theo phân công, phân cấp tại Luật giá nhưng đồng thời, cũng phát sinh từ thực tiễn có những quy định mới về quản lý giá, về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, về thẩm quyền quản lý giá,...

b. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thẩm định giá trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý nhà nước, siết chặt điều hành hoạt động để nâng cao tính hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động thẩm định giá.

c. Công tác thực hiện phân tích dự báo và gắn với đó là cơ chế phối hợp trong điều hành giá để bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu ngày càng đòi hỏi phải được củng cố, tăng cường về mọi mặt, nhất là cơ sở pháp lý để thực thi. Nhất là trong bối cảnh phải đẩy mạnh chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

d. Những diễn biến thay đổi của tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu cải cách cơ chế quản lý giá, nhất là hoàn thiện danh mục hàng hóa, dịch vụ và phân công, phân cấp quản lý cho phù hợp.

e. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cả phía cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức cá nhân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành Luật.

IV. ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN

1. Khái quát về đặc điểm, tình hình kinh tế, tài chính và yêu cầu đặt ra trong xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trong giai đoạn tới:

1.1.Công tác quản lý, điều hành giá những năm gần đây luôn được đặt ra trong tình hình chính trị, kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại, căng thẳng chính trị giữa các quốc gia, xung đột thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch đã có những tác động đến kinh tế toàn cầu và kéo theo sự tác động đến nền kinh tế, giá cả trong nước; một số hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá tiếp tục thực hiện theo lộ trình quy định (y tế, giáo dục,...), các mặt hàng quan trọng, thiết yếu có ảnh hưởng nhạy cảm

với phạm vi rộng đến đời sống xã hội như điện, sách giáo khoa vẫn có xu hướng tăng giá theo yếu tố hình thành giá, giá xăng dầu trong nước diễn biến phức tạp theo giá thế giới và nhất là biến động khó lường của giá hàng hóa, dịch vụ bị tác động mạnh bởi thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, công tác điều hành kinh tế vĩ mô luôn đòi hỏi song hành hai mục tiêu là phát triển kinh tế và kiểm soát lạm phát, theo đó công tác quản lý, điều hành giá đặt trọng tâm là hoàn thành kiểm soát lạm phát do Quốc hội đặt ra, đồng thời đảm bảo góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế thông qua việc điều hành thực hiện lộ trình giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá từ đó giúp cho việc giải phóng sức sản xuất của nền kinh tế, thúc đẩy thị trường phát triển, hàng hóa, dịch vụ được nâng cao chất lượng.

Ngoài ra, thị trường tài chính, thị trường giao dịch mua bán trong nước đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập với thị trường quốc tế, vẫn còn nhiều tồn tại về vấn đề minh bạch, lành mạnh trong công tác xác định giá trị tài sản, thẩm định giá để phục vụ cho việc trao đổi, giao dịch về tài sản, hàng hóa trên thị trường,mua bán, thế chấp, góp vốn, liên doanh, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; chưa phòng chống hiệu quả đối với các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí qua giá và bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ tài sản, của các nhà đầu tư và của các bên liên quan tham gia giao dịch.

1.2. Trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, mục tiêu, yêu cầu đặt ra cho công tác tài chính và việc xây dựng hoàn thiện thể chế pháp luật về tài chính ngân sách là vừa phải góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định các cân đối lớn về tài chính – ngân sách; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế; vừa phải chủ động góp phần ngăn ngừa suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời với đó là các cơ chế chính sách tài chính trong giai đoạn này phải đáp ứng yêu cầu hội nhập nhanh và sâu rộng, góp phần tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Trong bối cảnh đó, pháp luật về quản lý giá phải được rà soát, đánh giá để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ; tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, các nhân sản xuất kinh doanh, khuyến khích cạnh tranh; các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ các khoản chi phí theo cơ chế thị trường, góp phần làm cho giá cả phản ảnh giá thị trường và là tín hiệu để thị trường phân bổ có hiệu quả nguồn lực của xã hội.

1.3. Trong thời gian qua, Đảng, Chính phủ tiếp tục có những chủ trương, chính sách cho việc tăng cường công tác quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu: "*Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước. Tập trung thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phối hợp hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng GDP tối thiểu như đã đề ra. Thực hiện lộ trình giá thị trường có sự quản lý của nhà nước đối với những hàng hóa quan trọng, thiết yếu; sớm thực hiện đầy đủ cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ công, điện, nước, đất đai và các nguồn tài nguyên quan trọng"*.

Mặt khác, tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương đã nêu nguyên tắc cơ bản trong việc phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng đầu mối, một việc do một cơ quan đảm nhiệm và thực hiện.

Các Nghị quyết số 01 của Chính phủ hàng năm về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước đều đặt ra nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

1.4. Một số vấn đề đặt ra đối với việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Triển khai thực hiện đề án tổng thể đơn giản hóa giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 896), ngày 09/10/2017, Chính phủ đã ký ban hành Nghị quyết số 104/NQ-CP về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 91 thủ tục hành chính, trong đó có một số thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực giá. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; trong đó đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tổng số 117 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực tài chính.

Ngoài ra, thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 174/TTg-KSTT về việc thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh và theo kiến nghị của Tổ công tác Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 70/BC-TCTTTg ngày 1/3/2018 về phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 50% điều kiện đầu tư kinh doanh, Bộ Tài chính cũng đã có đưa vào sửa đổi một số nội dung về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá tại Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ

sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, chưa thực hiện sửa đổi điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá quy định tại Điều 38 và Điều 39 Luật giá quy định điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo từng loại hình doanh nghiệp.

Để đảm bảo tính thực thi của đề án trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, yêu cầu đặt ra cần phải sửa đổi Luật cho phù hợp với thực tiễn.

1.5. Yêu cầu đặt ra trong việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế

Xu hướng quốc tế hoá, xu hướng chuyển sang nền kinh tế có cơ sở vật chất kỹ thuật mới về chất - một nền văn minh hậu công nghiệp, xu hướng cải tổ và đổi mới nền kinh tế thế giới là những xu hướng phát triển kinh tế chủ đạo trong giai đoạn hiện nay.Đối với nước ta, việc hoà nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực là việc làm hết sức cần thiết. Tuân thủ định hướng chung, chiến lược điều hành giá cả nói chung, giá hàng hóa thiết yếu, quan trọng nói riêng bảo đảm đạt các mục tiêu kinh tế của toàn xã hội, mục tiêu chung toàn cầu.

Nhìn chung, cơ chế quản lý giá dịch vụ, hàng hóa ở nước ta hiện nay đang được điều hành phù hợp với thông lệ các nước (Nhà nước chỉ quy định mức trần, khung giá dịch vụ tại cơ sở công lập, sử dụng ngân sách nhà nước; đối với cơ sở ngoài công lập, không sử dụng ngân sách nhà nước theo cơ chế giá thị trường...). Do hệ thống giá dịch vụ, hàng hóa của Việt Nam được giữ ổn định quá lâu nên khi chuyển sang cơ chế thị trường cần phải thực hiện từng bước, có lộ trình để không ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân và cân đối vĩ mô của nhà nước.

2. Mục tiêu, quan điểm và định hướng nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về quản lý giá trong thời gian tới:

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức quản lý điều hành giá để phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo được sự nhất quán, thống nhất của Luật giá với hệ thống pháp luật về dân sự kinh tế; Bảo đảm khuyến khích cạnh tranh về giá. Tăng cường vai trò công tác quản lý giá góp phần kiểm soát hiệu quả thu chi ngân sách nhà nước; tạo lập môi trường pháp lý ổn định và thống nhất trong lĩnh vực giá. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về giá, khắc phục triệt để những chồng chéo pháp luật, qua đó nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

Trên cơ sở đó, đưa vai trò pháp lý của Luật Giá được xác định là Luật chuyên ngành có giá trị pháp lý cao nhất trong lĩnh vực giá, điều chỉnh toàn diện các hoạt động về quản lý điều hành giá, thẩm định giá. Được ưu tiên vận dụng trong các trường hợp xung đột pháp luật liên quan đến lĩnh vực giá.

Với mục tiêu đó, tại Luật giá (sửa đổi) cần phải thể hiện rõ nét hơn các nguyên tắc về quản lý, điều hành giá trong cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Củng cố, kiện toàn các nguyên tắc cơ bản về quản lý nhà nước về giá hiện hành tại Luật cũng như bổ sung, luật hóa các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường nhằm xây dựng hành lang pháp lý có tính toàn diện, thống nhất, đảm bảo bao quát và thuận lợi cho công tác xây dựng các văn bản hướng dẫn nói riêng, các quy định về quản lý giá tại Luật chuyên ngành hoặc cho cả công tác tổ chức thực hiện, thi hành Luật.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Sửa đổi hoàn thiện các danh mục hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá, định giá nhà nước, kê khai giá cho phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành nền kinh tế; Theo đó, Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung trong triển khai và giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn thời gian qua, phù hợp với Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ; gắn với đó là phân công, phân cấp quản lý giá cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành của các Bộ, ngành, địa phương. Trên tinh thần đó, Bộ Tài chính sẽ tập trung vào công tác quản lý nhà nước như trình Chính phủ quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; quy trình lập, thẩm định, trình phương án giá; Ban hành các phương pháp định giá, kiểm tra các chấp hành pháp luật về giá... và chỉ quản lý giá đối với hàng hóa, dịch vụ có liên quan nhiều đến ngân sách nhà nước, đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý giá trực tiếp cho các Bộ, ngành, địa phương. Gắn với đó là việc sửa đổi, hoàn thiện và bổ sung mới các biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường theo lộ trình thích hợp; Tăng cường chế tài kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và xử lý vi phạm phù hợp với yêu cầu quản lý điều

- Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Củng cố, kiện toàn hoạt động thẩm định giá nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá trong cả khối tư vấn tại doanh nghiệp cũng như trong công tác thẩm định giá nhà nước. Trong đó, chuyển một số nội dung quy định từ Nghị định lên Luật liên quan đến quy định về nội dung quản lý nhà nước về thẩm định giá và thẩm quyền quản lý nhà nước về thẩm định giá; Làm rõ về tiêu chuẩn hành nghề của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá nhằm định hướng nâng cao chất lượng ngành nghề thẩm định giá trong tương lai. Đồng thời, thông qua đó loại trừ các đơn vị yếu về chuyên môn, có tư tưởng chộp giật, ảnh hưởng chung đến cả ngành dịch vụ...

- Bổ sung hoàn thiện các quy định để củng cố, tăng cường công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường, giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung của Chính phủ, Bộ, ngành. Gắn với đó là củng cố địa vị pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá.

- Thúc đẩy tăng cường công tác công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành giá, công tác kiểm soát, kiểm tra đánh giá về chấp hành pháp luật về giá để qua đó ngăn ngừa kịp thời các sai phạm nếu có trước, trong quá trình thực hiện.

- Hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nhằm giữ ổn định môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

2.3. Quan điểm chỉ đạo:

a. Thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, Chính phủ về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa; nhất là đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu thuộc danh mục Nhà nước bình ổn giá, định giá. Qua đó có giải pháp cho những vấn đề thực tiễn tất yếu đang tồn tại, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; hướng đến thực hiện các mục tiêu bảo vệ lợi ích của người dân, cộng đồng, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ công tác kiểm soát lạm phát mục tiêu góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b. Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

c. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật giá để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả pháp luật về quản lý giá. Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách; biện pháp quản lý điều hành gi; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và phân công, phân cấp thực hiện,... tại Luật Giá nhằm khắc phục các chồng chéo, vướng mắc trong hệ thống pháp luật và công tác tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Luật Giá phải bảo đảm tính bao quát, toàn diện những nội dung về quản lý Nhà nước về giá, theo đó đề xuất, bãi bỏ các quy định về giá tại các Luật chuyên ngành không phù hợp.

2.4. Định hướng nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về giá

- Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng; tổ chức triển khai kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước;

- Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế để kiểm soát có hiệu quả tình trạng tăng, giảm giá bất hợp lý, không phù hợp với quy luật kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu với đời sống kinh tế- xã hội; hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền phải được tiếp tục rà soát đánh giá để thực hiện giảm dần tiến tới loại bỏ hoàn toàn cơ chế bao cấp qua giá; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường; làm rõ vai trò, nhiệm vụ của nhà nước trong quản lý, điều hành, bình ổn giá thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nhằm giữ ổn định môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Rà soát để sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, bình ổn giá, kê khai giá cho phù hợp với yêu cầu và thực tiễn đặt ra trong tình hình mới. Đồng thời, rà soát đánh giá thực trạng để điều chỉnh việc

phân công, phân cấp trong quản lý điều hành giá giữa các Bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao tính hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay và trong thời gian tới, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành và điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường theo lộ trình thích hợp; Tăng cường chế tài kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và xử lý vi phạm phù hợp với yêu cầu quản lý điều

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để đẩy mạnh công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường giá cả từ Trung ương đến địa phương để kiến nghị các giải pháp mang tính vĩ mô góp phần bình ổn giá cả thị trường, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Trên cơ sở đó, có các biện pháp cụ thể để kiện toàn về nhân sự, phương thức thực hiện, cơ chế hỗ trợ để nâng cao chất lượng công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường đáp ứng kịp thời và hiệu quả công tác quản lý, điều hành, bình ổn mặt bằng giá cả thị trường. Thực hiện rà soát hoàn thiện các cơ sở pháp lý nhằm củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng về địa vị pháp lý của Ban chỉ đạo; cơ chế hoạt động của Ban chỉ đạo gắn quy trình xây dựng phương án giá, xác định giá của một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu.

- Đẩy nhanh hoàn thiện việc xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá tập trung nhằm tạo lập nguồn thông tin dữ liệu về giá hoàn chỉnh có tính đồng bộ, độ tin cậy và khả năng ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về giá, hỗ trợ cho công tác phân tích, dự báo và ra quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, điều hành giá một cách kịp thời và hiệu quả. Ghi nhận và lưu trữ phản ánh kịp thời tình hình và sự biến động giá cả, dự báo hướng diễn biến giá thị trường trong và ngoài nước, góp phần thực hiện bình ổn giá; định hướng các hành vi trong trao đổi, mua bán của các chủ thể tham gia thị trường; Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý nhà nước về giá trong giai đoạn hiện nay. Xây dựng và ký kết các quy chế về trao đổi, cung cấp thông tin giữa các Bộ, ngành để tăng cường công tác nắm bắt thông tin, đảm bảo nguồn thông tin chính thống,

đủ độ tin cậy. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao vai trò, trách nhiệm cũng như năng lực của các tổ chức tư vấn giá, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá khi tham gia thẩm định giá; xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức này vào hoạt động định giá, thẩm định giá của nhà nước, nhất là đối với trường hợp phức tạp, thời gian yêu cầu thực hiện gấp./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Tạ Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/BC-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022*

BÁO CÁO

Đánh giá tác động các chính sách đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013. Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật, đồng thời ban hành theo thẩm quyền đầy đủ các Thông tư hướng dẫn thực hiện những quy định được Luật, Nghị định giao; Các văn bản này thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn về quản lý, điều hành giá, thẩm định giá. Sau 8 năm thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giá đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự kinh tế; là công cụ pháp lý quan trọng để quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

Luật giá được ban hành thay thế Pháp lệnh Giá năm 2002 đã thể hiện tư duy đổi mới phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Trên cơ sở các quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần giữ chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng năm cơ bản theo lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được thu hẹp (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); giá điện, nước sạch, xăng dầu,... được điều hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, một số dịch vụ công được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp; không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn...

Hệ thống pháp luật về giá đã thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương nhất quán của Nhà nước trong quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh được tôn trọng và đẩy mạnh. Theo đó, đã góp phần thúc đẩy sự chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá

cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

(Những kết quả đạt được của Luật giá được nêu chi tiết tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá)

Bên cạnh những kết quả đạt được, hiện Luật giá cũng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định; thể hiện ở 3 nhóm sau: (i) Tồn tại, hạn chế trong chính các quy định của Luật; (ii) Tồn tại hạn chế giữa Luật giá với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan; (iii) Tồn tại, hạn chế trong khâu tổ chức thi hành Luật.

1.1. Tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá:

a. Một số thuật ngữ cần phải rà soát để thể hiện rõ nội hàm để bao quát, mô tả được hết đặc điểm, tình hình mới trong thực tiễn; một số thuật ngữ còn có cách hiểu khác nhau cần phải rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất đồng bộ trong khâu thực hiện. Ví dụ như thuật ngữ hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, định giá và định giá nhà nước, thẩm định giá với thẩm định giá nhà nước...

b. Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy định cụ thể tại Luật để thể hiện rõ quan điểm trong công tác quản lý, điều hành giá, tăng cường tính công khai, minh bạch, tránh sự lạm dụng phát sinh các trường hợp không cần thiết, tuy nhiên trong thực tiễn hiện đã phát sinh tồn tại, hạn chế sau:

- Trong thực tiễn cho thấy trong trường hợp trường hợp phát sinh cần điều chỉnh danh mục phải trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, việc thực hiện các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian; Do đó, sẽ khó đáp ứng kịp thời được mục tiêu quản lý phát sinh từ thực tiễn (ví dụ như đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa mặt hàng sách giáo khoa vào danh mục Nhà nước định giá).

Với 03 nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được những phát sinh trên thực tiễn hiện nay, có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù không thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá tại các Luật chuyên ngành; Ví dụ như giá máu và chế phẩm từ máu, giá dịch vụ tuyển sinh các cấp...

- Đối với công tác bình ổn giá, tính đến thời điểm hiện nay có những mặt hàng chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá. Theo đánh giá thì không có phát sinh là phù hợp, qua đó cho thấy đã làm tốt công tác điều hành giá, kiểm soát lạm phát, phù hợp với các quy luật thị trường; Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp

theo thì danh mục thực hiện bình ổn giá cần phải có những điều chỉnh cho phù hợp.

c. Gắn với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì việc phân công, phân cấp trong quản lý giá được giao cho Chính phủ quy định chi tiết. Trong thực tiễn cho thấy, tại Luật chưa đặt ra các nguyên tắc đã làm việc phân công, phân cấp trong một số trường hợp còn chưa thể hiện rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu cho nên trong một số trường hợp có sự điều chỉnh khi phát sinh vướng mắc cần xử lý, không phát huy được hết tính hiệu quả; Việc phân cấp từ trung ương xuống địa phương tuy đã được đẩy mạnh nhưng trong khâu phân công quản lý cho các cơ quan chức năng còn thiếu tính đồng bộ giữa các địa phương nên khó khăn trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện thống nhất.

Đối với các cơ quan Trung ương, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành chưa rõ và còn khá dàn trải dẫn đến nhiều đầu mối quản lý giá, trong khi quy trình thực hiện chưa gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện nên khi có những phát sinh vướng mắc thường có sự đùn đẩy trách nhiệm. Trên một khía cạnh khác là việc phân công nhiệm vụ chưa tính hết được khả năng đáp ứng, cho nên trong một số lĩnh vực việc triển khai nhiệm vụ rất chậm, nhất là đối với những nhóm hàng hóa, dịch vụ phải điều chỉnh theo lộ trình. Trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi không còn cơ chế liên tịch thì việc rà soát đánh giá để có sự điều chỉnh trong phân công lại nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành là cần thiết.

Đối với các cơ quan địa phương, trên cơ sở phân cấp một số nhiệm vụ từ cơ quan trung ương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gắn với đó là việc tỉnh sẽ phải phân công nhiệm vụ cho các Sở, ban ngành. Trên thực tế triển khai cho thấy không có sự thống nhất trong phân công quản lý cho các cơ quan chức năng giữa các địa phương; có những mặt hàng tỉnh này giao Sở chuyên ngành nhưng có tỉnh giao Sở Tài chính, trong khi trách nhiệm thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện. Vì vậy, trong đa số các trường hợp khi có phát sinh vướng mắc phải hướng dẫn xử lý hoặc khi phải giải trình với các cơ quan chức năng thì khó phân định được đơn vị chịu trách nhiệm chung, thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh đều giao Sở Tài chính là không phù hợp. Trong quá trình tổng kết đánh giá, một số địa phương có ý kiến đề nghị nghiên cứu phương án giao tập trung nhiệm vụ quản lý giá vào một đầu mối là Sở Tài chính. Nếu giao các Sở chuyên ngành thì Sở Tài chính chỉ thẩm định, nhưng phải quy định trách nhiệm của Sở chuyên ngành trong xây dựng phương án giá và trách nhiệm giải trình với các cơ quan chức năng khi phát sinh. Vấn đề này cũng cần phải có nguyên tắc tại Luật để Ủy ban nhân dân các tỉnh thực thi trách nhiệm của mình hiệu quả hơn.

d. Về phạm vi và biện pháp bình ổn giá chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh. Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có

biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, rất khó để đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định. Một mặt khác là với 7 biện pháp bình ổn giá hiện hành, chưa có cơ chế để sử dụng ngân sách nhà nước trong một số trường hợp đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh như các nước nên tính hiệu quả của công cụ bình ổn giá chưa cao.

đ. Đối với hoạt động định giá Nhà nước, theo quy định tại Luật Giá thì việc định giá phải bảo đảm nguyên tắc bù đắp đủ chi phí, có lợi nhuận (tính đúng, tính đủ) là phù hợp với các nguyên tắc thị trường, theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ về đổi mới cơ chế quản lý giá trong các giai đoạn vừa qua. Trên cơ sở đó đã hình thành 2 phương pháp định giá chủ đạo là (i) phương pháp so sánh, là việc định giá theo thị trường và (ii) phương pháp định giá theo chi phí. Tuy nhiên, với một số trường hợp đặc thù như các dịch vụ công được chuyển từ phí sang giá thì việc đảm bảo thực hiện đúng, đủ các khoản chi phí sẽ rất khó trong khâu tổ chức thực hiện nếu không có các quy định cụ thể về điều kiện và lộ trình cụ thể. Một số dịch vụ mang tính chất công ích, sự nghiệp công có ảnh hưởng nhạy cảm đến đời sống xã hội như dịch vụ sử dụng đường bộ, dịch vụ sử dụng đò phà tại các vùng sâu, vùng xa, dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt... thì ngoài việc phải tính đúng, tính đủ các chi phí còn phải tính đến các yếu tố về thu nhập của người dân hoặc điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, cần thiết phải bổ sung nghiên cứu nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật để áp dụng cho một số trường hợp đặc biệt. Đồng thời với đó là phải khắc phục tình trạng có nhiều phương pháp định giá như hiện hành, rất khó kiểm soát đánh giá khâu thực hiện. Theo đó, nghiên cứu để thống nhất đầu mối ban hành phương pháp định giá để nâng cao hiệu quả hoạt động định giá và kiểm soát hoạt động định giá của cơ quan có thẩm quyền.

Một mặt khác là các hình thức định giá (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đẩy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng quan trọng thiết yếu, có tính độc quyền có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng như xăng dầu, gas, than, một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Tuy nhiên trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình để định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Vì vậy, cần phải có biện pháp quản lý, điều hành giá gián tiếp của Nhà nước để điều chỉnh.

e. Công tác hiệp thương giá đã góp phần khắc phục những khuyết tật của thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế nhưng vẫn còn có bất cập về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá và về giá trị

pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công. Theo quy định tại Luật giá, việc hiệp thương giá được thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; hoặc hiệp thương trong trường hợp bên mua là cơ quan nhà nước là không phù hợp với bối cảnh hiện nay, nhất là khi pháp luật về đấu thầu đã được tương đối hoàn thiện.

g. Biện pháp kê khai giá thể hiện rất rõ chủ trương quản lý, điều hành giá gián tiếp, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước. Theo quy định hàng hóa thuộc diện kê khai do Doanh nghiệp tự định và gửi bản kê khai đến cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền là phù hợp với thực tiễn hiện nay. Tuy nhiên, không phát huy được tác dụng đối với cả cơ quan quản lý và cả phía đơn vị thực hiện. Theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành thì việc kê khai chỉ là cung cấp thông tin về giá để qua đó cơ quan quản lý Nhà nước nắm bắt các diễn biến, thông qua đó hạn chế sự lợi dụng vị thế hoặc bối cảnh thị trường để tăng giá bất hợp lý; Nhưng không đủ cơ chế để giám sát và điều hành nên trong những trường hợp phát sinh khi thị trường có biến động cần có ngay các giải pháp điều hành, bình ổn giá là khó thực hiện.

h. Đối với công tác kiểm tra, thanh tra giá: Tại Luật giá chưa có các quy định cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; một số chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá luôn gặp khó khăn nhất định; nhất là khi phát sinh các yêu cầu về đánh giá nắm bắt chi phí giá thành, công tác định giá của doanh nghiệp để phục vụ triển khai các giải pháp điều hành, bình ổn giá thị trường. Trong bối cảnh quản lý giá bằng các biện pháp vĩ mô, trao nhiều quyền chủ động cho doanh nghiệp thì việc tăng cường công tác hậu kiểm là cần thiết được chú trọng hơn nữa.

i. Về thẩm định giá, Các quy định, hướng dẫn về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hồ sơ và quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá chưa hiệu quả, thiếu chặt chẽ dẫn đến việc kiểm soát chất lượng thẩm định giá của các doanh nghiệp còn hạn chế.

- Việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc có hiện tượng thẩm định viên về giá không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt động, trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất

lượng (ví dụ mỗi thẩm định viên hành nghề phải ký ít nhất 10 chứng thư thẩm định giá trong một năm).

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa có quy định về mã ngành kinh tế cho dịch vụ này; thiếu quy định chi tiết và trách nhiệm đối với việc ủy quyền toàn bộ hoặc một phần hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp cho chi nhánh của mình.

- Các quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Thiếu các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên qua đó nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng hành nghề của thẩm định viên.

k. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện chưa rõ phạm vi áp dụng thực hiện. Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện; chưa rõ phạm vi, chưa cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn áp dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước. Luật giá (điều 44) quy định phạm vi hoạt động thẩm định giá trong trường hợp *"không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá"* nhưng chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thuê doanh nghiệp phải thực hiện các bước, quy trình gì, sau khi thực hiện hết các bước mà không thuê được doanh nghiệp mới được áp dụng Hội đồng thẩm định giá Nhà nước. Ví dụ: Việc tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện trong phạm vi địa phương, không mở rộng ra các địa phương khác, trong khi năng lực hoặc số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại địa phương đó không đáp ứng yêu cầu hoặc trường hợp *"mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn"* cũng chưa có hướng dẫn về thuật ngữ *"giá trị lớn"*... Trong thực tiễn thời gian qua cho thấy công tác thẩm định giá nhà nước là cần thiết cho việc mua - bán, cho thuê tài sản Nhà nước, qua đó hạn chế thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; Vì vậy cần phải có cơ chế rõ ràng, minh bạch để thực hiện thống nhất đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

l. Đối với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường tuy được xác định là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về giá, nhưng chưa có quy định cụ thể điều chỉnh hoạt động này. Trong khi đó hoạt động này cần phải được tăng cường trên các phương diện.

+ Trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường, đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cấp thẩm quyền và Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường; tuy nhiên vẫn đang còn hạn chế về phản ứng chính sách của một số cơ quan nhà nước có thẩm

quyền trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường khi thị trường có những biến động bất thường còn chậm. Nguyên nhân do hiện nay Luật chưa quy định cụ thể về công tác này nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn mang tính giao việc hành chính, chưa có hiệu lực pháp lý cao để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

+ Tại Luật giá chưa có quy định về việc sử dụng chỉ số giá trong công tác quản lý nhà nước, nhất là chỉ số giá của một số hàng hóa thuộc nhóm tư liệu sản xuất. Hiện nay một số pháp luật chuyên ngành có quy định về việc sử dụng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, giá cả, mức đầu tư... như Luật đầu tư công quy định việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công trong một số trường hợp được thực hiện khi chỉ số giá có biến động lớn. Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, việc xây dựng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, vốn,...cần được nghiên cứu gắn với phương pháp xác định chỉ số giá đảm bảo phù hợp với diễn biến giá cả thị trường và gắn với hiệu quả tài chính, đặc biệt tránh lãng phí, đội vốn ngân sách nhà nước.

Một mặt khác là trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh những kết quả đạt được cũng cho thấy một số hạn chế nhất định như tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của chính sách điều hành giá được Ban chỉ đạo điều hành giá thống nhất thực hiện chưa được hiệu quả, chưa có tính áp dụng bắt buộc cao để đảm bảo các đối tượng liên quan phải thực hiện nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô hàng năm và trong từng thời kỳ. Đồng thời, công tác phối hợp của các bộ quản lý ngành với Bộ Tài chính (cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo điều hành) là rất quan trọng, đảm bảo thông tin, báo cáo được cập nhật nhanh, đầy đủ; tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, kịp thời trong công tác phối hợp cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo quyền và trách nhiệm của các bộ ngành liên quan trong công tác quản lý, điều hành giá của Ban chỉ đạo.

1.2. Tồn tại, hạn chế giữa Luật giá với các Luật chuyên ngành

Luật giá 2012 đã thể chế các quan điểm, nguyên tắc cơ bản về quản lý nền kinh tế thị trường trong đó có cơ chế giá thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó đã tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, điều hành giá phù hợp với chủ trương chung. Tuy nhiên, với tính chất tất yếu và khách quan của hoạt động quản lý, điều hành giá cùng với những yêu cầu phát sinh trong thực tiễn thì hiện một số Luật, Bộ Luật chuyên ngành khác đã thể chế hóa nhiều quy định về lĩnh vực giá. Trong đó, có những quy định chi tiết hơn một số vấn đề chuyên ngành liên quan đến quản lý giá song vẫn đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và quy định cụ thể tại Luật giá; Tuy nhiên cũng có những Luật chuyên ngành đã quy định "mở rộng" hơn so với các quy định tại Luật giá; một số trong đó dẫn đến sự

trùng lặp, tuy nhiên cũng có một số quy định đã gây ra "chồng chéo, mâu thuẫn" với Luật giá. Cụ thể như:

1.2.1. Đối với các quy định liên quan đến định giá nhà nước

Chủ trương của Luật giá là quy định đúng và đủ danh mục các mặt hàng cần phải định giá nhà nước để đảm bảo tránh việc lạm dụng biện pháp điều tiết có tính can thiệp trực tiếp như định giá nhà nước. Đồng thời với việc quy định về danh mục là kèm theo đầy đủ các vấn đề về thẩm quyền (phân công, phân cấp), hình thức định giá, phương pháp định giá, quy trình định giá và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên trong thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, mâu thuẫn, chồng chéo như:

a. Quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài danh mục tại Luật giá

Ví dụ như Luật giao thông đường bộ bổ sung giá dịch vụ ra, vào bến xe do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (điều 56, Điều 67); Luật đấu giá tài sản năm 2016 bổ sung khung giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản do Bộ Tài chính quy định (Điều 78); Luật Quy hoạch bổ sung giá quy hoạch do Bộ Tài chính quy định.

Không chỉ được bổ sung tại Luật, một số hàng hóa, dịch vụ còn được bổ sung thực hiện định giá tại các Nghị định, Thông tư như: Nghị định 96/2012/NĐ-CP bổ sung dịch vụ cai nghiện chất dạng thuốc phiện; Nghị định 146/2016/NĐ-CP bổ sung dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP bổ sung dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư 36/2015/TT-BGTVT bổ sung 9 dịch vụ hàng không khác...

Việc các Luật bổ sung danh mục mặc dù đều xuất phát từ yêu cầu cấp thiết đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước; song cũng dẫn đến Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại nhiều Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến hạn chế trong việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung. Trong khi đó trách nhiệm đầu mối kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính thực hiện trình Chính phủ (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để, việc bổ sung các mặt hàng vào danh mục chưa đánh giá kỹ khâu tổ chức thực hiện nên tính hiệu quả không cao.

b. Một số hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo phù hợp các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá được quy định tại Điều 19 Luật giá (3 nguyên tắc đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện định giá là *"Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh; Tài nguyên quan trọng; Hàng dự trữ quốc gia, sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử*

dụng ngân sách nhà nước"). Qua rà soát, đánh giá cho thấy như dịch vụ ra, vào bến xe quy định tại Luật giao thông đường bộ; dịch vụ quy hoạch được quy định tại Luật quy hoạch; 9 dịch vụ hàng không quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, giá dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dịch, thù lao dịch vụ đấu giá tài sản...

Đồng thời, có một số mặt hàng được quy định tại Luật chuyên ngành có sự trùng lặp với Luật Giá nhưng tên chưa thống nhất như tại Luật Giá quy định *"dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến **độc quyền**"*, nhưng tại Luật hàng không chỉ quy định *"dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa"*, theo đó đã mở rộng hơn phạm vi so với Luật giá đối với các tuyến bay không phải độc quyền cũng thực hiện định giá.

c. Thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền định giá khi có quy định bổ sung hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ngoài danh mục

Một số mặt hàng được quy định thuộc danh mục định giá nhà nước nhưng thiếu các quy định về hình thức định giá hoặc thẩm quyền định giá hoặc chồng chéo với quy định tại Luật giá dẫn đến khó khăn trong khâu tổ chức thực hiện. Ví dụ như Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị (tại Luật Đường sắt chưa quy định hình thức định giá); Dịch vụ tuyển sinh (Tại Luật Giáo dục chưa quy định hình thức định giá); Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn nhà nước (tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định là Ủy ban nhân dân quy định giá tối đa, song tại Luật bảo vệ môi trường lại quy định Ủy ban nhân dân quy định giá cụ thể).

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc "gốc", có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá là nhằm giải quyết thực tế "tình huống phát sinh" khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó cũng rất cần thiết nhưng thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

d. Chồng chéo trong quy định về thẩm quyền và hình thức định giá

Theo quy định tại Luật Giá, việc phân công, phân cấp thẩm quyền định giá thuộc trách nhiệm của Chính phủ (Điều 22); tuy nhiên, tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng có các quy định thẩm quyền định giá chồng chéo quy định tại Luật giá, gây vướng mắc không cần thiết như:

- Đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch riêng cho các đô thị.

- Hoặc tại Luật giá chỉ quy định 4 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Thủ tướng Chính phủ, (3) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Về hình thức định giá tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giá giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá rừng cụ thể nhưng Luật Lâm nghiệp giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý (Khoản 4 Điều 90).

đ. Quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá chưa thống nhất.

Tại Luật giá giao Chính phủ quy định quy trình định giá; Theo đó, vấn đề này đã được quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Về nguyên lý thì quy trình định giá sẽ quyết định đến chất lượng hoạt động, kết quả định giá nên cần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Nhưng tại một số Luật chuyên ngành, bên cạnh việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ, còn quy định cả quy trình định giá không bảo đảm thống nhất với quy trình tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Ví dụ việc định giá điện, theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP, Bộ Công thương xây dựng phương án giá và trình Chính phủ sau khi có *ý kiến thẩm định* của Bộ Tài chính; Tuy nhiên theo Luật điện lực thì Bộ Công Thương *lấy ý kiến tham gia* Bộ Tài chính về phương án giá.

Ở cấp địa phương, Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh "quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá" đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình, trong đó đảm bảo nguyên tắc vai trò thẩm định phương án giá của Sở Tài chính. Như vậy, căn cứ theo quy định này thì tùy địa phương có thể giao cho Sở Tài chính hoặc Sở chuyên ngành trình phương án giá tùy theo thực tiễn. Tuy nhiên, tại một số pháp luật chuyên ngành như Nghị định số 23/2016/NĐ-CP (dịch vụ nghĩa trang), Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (dịch vụ thoát nước), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt) quy định trực tiếp nhiệm vụ lập, thẩm định, phê duyệt giá cho Sở chuyên ngành và giao Sở Tài chính thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá là không phù hợp, dưới góc độ nào đó thì đã can thiệp vào thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e. Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá

Trong công tác quản lý, điều hành giá, phương pháp định giá được xác định là công cụ quan trọng, thể hiện tính nguyên lý của hoạt động, là chuẩn mực cho hoạt động và là thước đo đánh giá hoạt động khi có phát sinh. Việc định giá hiện được tiếp cận theo 2 phương diện là từ chi phí, từ thị trường (so sánh giá) và trong một số trong trường hợp được kết hợp cả 2 phương pháp này. Vì vậy,

yêu cầu đặt ra là phải được thực hiện thống nhất trong các trường hợp. Tại Luật giá quy định: "*Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*".

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh và (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các trường hợp cần định giá. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn đã dẫn đến tình trạng thực hiện không đồng bộ; một số trường hợp ban hành phương pháp riêng, một số trường hợp áp dụng thông tư 25/2014/TT-BTC. Nếu tiếp tục thực hiện theo quy định này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý dẫn đến hình thành các phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kĩ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề vướng mắc là nếu định mức kinh tế kĩ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn mới mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, chưa đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc quy định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế…). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ…

1.2.2. Về các quy định quản lý thẩm định giá

a. Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (đã được Bộ Tài chính cấp thẻ) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác.

Tuy nhiên, tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành đã có quy định thêm điều kiện đối với thẩm định viên, doanh nghiệp thẩm định giá khi thực hiện việc định giá một số loại tài sản. Ví dụ như:

- Tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP có mâu thuẫn, chồng chéo với Luật giá về điều kiện đối với tổ chức tư vấn xác định giá đất và cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

Theo quy định tại Điều 115, 116 Luật đất đai năm 2013 về tư vấn xác định giá đất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, trong đó có nội dung quy định điều kiện hoạt động của tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ (gồm tổ chức tư vấn định giá đất và định giá viên). Trên cơ sở đó, tại Nghị định số 44 đã quy định:

"Cá nhân chỉ được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có Chứng chỉ định giá đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Có Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Chứng chỉ định giá bất động sản và Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành."

Theo quy định tại Điều 105 Bộ Luật Dân sự về tài sản như sau:

"1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.

2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai."

- Tại Điều 32 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ quy định tổ chức thẩm định giá công nghệ phải có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đối với tổ chức khoa học và công nghệ; có ít nhất 02 thẩm định viên về giá hành nghề đã hoàn thành chương trình cập nhật kiến thức về định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hoặc công nhận.

Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (có thẻ) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác. Luật giá đã có các quy định điều chỉnh liên quan đến hoạt động tư vấn xác định giá bất động sản (trong đó đất đai là một loại bất động sản) nên đối với đất đai hoạt động này được hiểu là hoạt động tư vấn xác định giá

đất. Trước khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành, hoạt động tư vấn xác định giá đất được thực hiện thống nhất theo Luật giá năm 2012. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất là các doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, các cá nhân thực hiện là các thẩm định viên về giá hành nghề được Bộ Tài chính cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

Đồng thời, hiện nay, việc tư vấn xác định giá bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản; tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa, thoái vốn, góp vốn; tư vấn xác định giá trị công nghệ (thẩm định giá công nghệ) theo Luật chuyển giao công nghệ; tư vấn trong mua sắm tài sản công… cũng đã được quy định rõ thuộc phạm vi hoạt động của các tổ chức thẩm định giá theo Luật giá.

Hơn nữa, hoạt động tư vấn xác định giá (kinh doanh dịch vụ thẩm định giá) được xác định là một hoạt động kinh doanh có điều kiện, kết quả tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản, do đó có thể thấy đây là một trong những loại hình dịch vụ tài chính phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, đòi hỏi kết quả dịch vụ có độ tin cậy và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Để đảm bảo chất lượng của hoạt động dịch vụ tư vấn này, Luật giá đã có những quy định cụ thể, khắt khe đối với cá nhân tham gia tư vấn (thẩm định viên) và tổ chức tham gia tư vấn (doanh nghiệp thẩm định giá) về điều kiện chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, đặc biệt là cá nhân muốn trở thành thẩm định viên về giá phải trải qua kỳ thi do Bộ Tài chính tổ chức…

Việc quy định thêm các điều kiện đối với hoạt động tư vấn định giá đất tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP là trái với quy định tại Luật giá, phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết, đồng thời gây cản trở cho việc tiếp cận dịch vụ tốt nhất để thực hiện hiệu quả công việc.

b. Luật Giá quy định doanh nghiệp thẩm định giá hằng năm phải có báo cáo kết quả hoạt động gửi cơ quan quản lý; Tuy nhiên tại một số Luật chuyên ngành như Luật chuyển giao công nghệ, Luật Đất đai có quy định trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá phải báo cáo cơ quan quản lý công nghệ, đất đai nếu có thực hiện thẩm định giá trong lĩnh vực công nghệ, đất đai; Hoặc trong một số trường hợp có quy định danh mục doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện để thẩm định giá trong một lĩnh vực riêng là không phù hợp, trái với các nguyên tắc tại Luật giá. Như vậy, đã có sự chồng chéo, tăng thêm điều kiện cho hoạt động doanh nghiệp.

c. Một số pháp luật chuyên ngành đang quy định về Hội đồng có bản chất công việc tương tự như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước quy định tại Luật giá

nhưng thiếu sự đồng bộ trong quy định về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản với Luật giá. Ví dụ như Hội đồng định giá đất được quy định tại Luật đất đai và Nghị định 44/2014/NĐ-CP.

d. Về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá

Nội dung này chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá. Theo quy định của Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. Kết quả thẩm định giá mang tính chất tư vấn và chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá, còn người quyết định giá là các cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản, những người này có thể hoặc không quyết định giá theo kết quả thẩm định giá.

Tuy nhiên, nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá. Cụ thể, đối với hoạt động thẩm định giá khởi điểm đấu giá các khoản nợ xấu, kết quả thẩm định giá được xem như là giá tối thiểu, giá sàn để đấu giá lần đầu khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu (Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và việc thành lập Hội đồng đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có giá trị lớn).

Tương tự, đối với hoạt động thẩm định giá trong thi hành án dân sự, kết quả thẩm định giá tài sản kê biên trong thi hành án dân sự được lấy làm giá khởi điểm để bán đấu giá theo quy định. Như vậy, đối với Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên và tổ chức thẩm định giá đóng vai trò quyết định đối với kết quả giá khởi điểm để bán đấu giá trong định giá tài sản kê biên (Điều 99 Luật thi hành án dân sự).

1.2.3. Về các quy định về hình thức văn bản quyết định giá

Hình thức văn bản của quyết định giá là văn bản hành chính cá biệt hay văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ. Luật giá và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều không có quy định điều chỉnh chi tiết vấn đề này. Nếu áp dụng cứng theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng có điểm không phù hợp; Qua thực tiễn triển khai tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá tại trung ương và địa phương cho thấy hiện có sự chưa thống nhất và có cách hiểu khác nhau về việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá ở trung ương và địa phương. Có trường hợp lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật, một số trường hợp lựa chọn hình thức văn bản hành chính cá biệt. Ví dụ như:

- Đối với giá bán điện: Về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá điện được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật[1]; việc quy định giá bán lẻ, hoặc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được ban hành dưới hình thức Quyết định cá biệt [2].

- Đối với giá nước sạch cho sinh hoạt: Quy định về phương pháp, nguyên tắc xác định giá nước sạch và khung giá nước sạch sinh hoạt được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật [3]; việc quy định giá cụ thể cũng được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (các Quyết định về giá nước cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

- Đối với giá xăng dầu: các quy định về nguyên tắc xác định giá cơ sở, các nội dung chi phí, quỹ bình ổn giá được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật [4]; việc quyết định mức giá cơ sở, mức giá bán lẻ tối đa ban hành dưới hình thức văn bản cá biệt (Thông báo của Bộ Công Thương trong mỗi kỳ điều hành).

- Đối với giá đất: Cơ chế về giá đất được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn); khung giá đất 5 năm và bảng giá đất từng địa phương cũng được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Ủy ban nhân dân);

- Đối với giá dịch vụ y tế: Về cơ chế giá dịch vụ y tế được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật [5]; mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc và không thuộc phạm vi thanh toán của bảo hiểm y tế cũng được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư của Bộ Y tế, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Nhìn chung việc ban hành các quy định quản lý nhà nước nói chung, trong đó có lĩnh vực giá được áp dụng thực hiện theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, tính chất quy phạm pháp luật trong việc ban hành cơ chế giá đối với hàng hóa dịch vụ có thể hiểu là các nguyên tắc, phương pháp, định mức chung để xây dựng giá cụ thể đối với một hàng hóa, dịch vụ; Việc ban hành quy định chung về các nội dung này sẽ được tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cả nước áp dụng.

---

[1] Quyết định số 28/2014/QĐ-TTG ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu giá bán lẻ điện, Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 2016 – 2020

[2] Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

3 Thông tư liên tịch 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT.

4 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

[5] Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập

Việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá mặc dù cũng có một số tính chất của quy phạm pháp luật nhưng không đầy đủ như đối với văn bản quy phạm pháp luật vì thế đã dẫn đến cách hiểu và tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị không thống nhất. Trong khi đó tính chất của công tác điều hành giá phụ thuộc chủ yếu vào các vấn đề về chi phí và thời điểm, nội hàm vấn đề "mức giá" chỉ có hiệu lực trong một thời điểm, một giai đoạn nhất định. Trong một số trường hợp cơ quan nhà nước ban hành mức giá tối đa, giá cụ thể để điều hành, quản lý ngân sách nhà nước (như giá mua sản phẩm, dịch vụ công, giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia...) thì mức giá này không hoàn toàn sử dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần và mang tính chất điều hành trong cơ quan nhà nước.

Do đó, các nội dung về cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện... để xác định giá là nội dung quy phạm pháp luật; còn việc quyết định giá, điều chỉnh giá trên cơ sở các cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp đã được quy định sẽ là nội dung có tính chất cá biệt, chỉ thuộc phạm vi khâu tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế hiện hành. Như vậy, đặt ra vấn đề thống nhất nguyên tắc việc quyết định giá, điều chỉnh giá.

(Kết quả rà soát Luật giá với các luật chuyên ngành chi tiết tại Phụ lục số 3 đính kèm)

1.3. Tồn tại, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật

- Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Luật đã được chú trọng; hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh được nâng cao, nhất là khối doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều các trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước về giá, có nhiệm vụ quản lý giá chưa nắm rõ được các vấn đề căn bản trong thực thi nhiệm vụ; nhất là trong các hoạt động về xây dựng phương án giá; trình tự thủ tục thẩm định, trình phê duyệt phương án giá cho nên khá lúng túng trong triển khai. Các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá còn có những sai phạm căn bản về nhiệm vụ phải bị xử lý vi phạm hành chính, thậm chí đã có trường hợp bị xử lý hình sự.

- Công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, biện pháp quản lý điều hành giá nhất là đối với một số hàng hóa nhạy cảm nhiều khi gián đoạn, không kịp thời dẫn đến dư luận xã hội trái chiều, thậm chí không chính xác đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá.

- Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhóm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được ban hành đầy đủ, kịp thời; Nhưng do thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ, ngành nên chưa được rà soát, sửa đổi bổ sung theo các diễn biến thực tế phát sinh. Nhất là việc bổ sung các chế định điều chỉnh những vấn đề mới, chế tài xử phạt hành chính và cơ chế giám sát,...

1.4. Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

a. Luật giá được ban hành có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013, tại thời điểm đó Luật là văn bản pháp lý cao nhất quy định thống nhất các nội dung về quản lý giá trên toàn quốc; đáp ứng thực tiễn quản lý nhà nước về giá trong từng lĩnh vực chuyên ngành; Luật giá cũng đã quy định về việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá đối với các bộ, ngành, địa phương. Tại thời điểm này, pháp luật chuyên ngành cơ bản không có các quy định về quản lý giá. Trong quá trình tổ chức, thi hành các quy định về quản lý giá theo Luật giá và trên cơ sở thực tiễn quản lý giá theo ngành, lĩnh vực, các bộ ngành đã tiến hành trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, nhưng đã đưa nội dung về quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý tại Luật chuyên ngành; theo đó có những quy định được ban hành nhất quán theo phân công, phân cấp tại Luật giá nhưng đồng thời, cũng phát sinh từ thực tiễn có những quy định mới về quản lý giá, về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, về thẩm quyền quản lý giá,… chồng chéo với Luật Giá.

b. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thẩm định giá trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý nhà nước, siết chặt điều hành hoạt động để nâng cao tính hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động thẩm định giá.

c. Công tác thực hiện phân tích dự báo và gắn với đó là cơ chế phối hợp trong điều hành giá để bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu ngày càng đòi hỏi phải được củng cố, tăng cường về mọi mặt, nhất là cơ sở pháp lý để thực thi. Nhất là trong bối cảnh phải đẩy mạnh chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

d. Những diễn biến thay đổi nhanh chóng của tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu cải cách cơ chế quản lý giá, nhất là hoàn thiện danh mục hàng hóa, dịch vụ và phân công, phân cấp quản lý, hình thức định giá cho phù hợp.

e. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cả phía cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức cá nhân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành Luật.

2. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức quản lý điều hành giá để phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo được sự nhất quán, thống nhất của Luật giá với hệ thống pháp luật về dân sự kinh tế; Bảo đảm khuyến khích cạnh tranh về giá. Tăng cường vai trò công tác quản lý giá góp phần kiểm soát hiệu quả thu chi ngân sách nhà nước; tạo lập môi trường

pháp lý ổn định và thống nhất trong lĩnh vực giá. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về giá, khắc phục triệt để những chồng chéo pháp luật, qua đó nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

Với mục tiêu đó, tại Luật giá (sửa đổi) cần phải thể hiện rõ nét hơn các nguyên tắc về quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Củng cố, kiện toàn các nguyên tắc cơ bản về quản lý nhà nước về giá hiện hành tại Luật cũng như bổ sung, luật hóa các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường nhằm xây dựng hành lang pháp lý có tính toàn diện, thống nhất, đảm bảo bao quát và thuận lợi cho công tác quản lý điều hành giá trong bối cảnh hiện nay và thời gian tới; tạo công cụ pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, thi hành Luật.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Luật giá phải là một trong những công cụ pháp lý quan trọng để tham gia điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, góp phần phát triển kinh tế bền vững và tăng trưởng xanh, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, khắc phục những mặt tồn tại như lợi ích nhóm, trục lợi, tiêu cực lãng phí; Đồng thời phải có tính linh hoạt trong các trường hợp để ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh trong thực tiễn có tác động ảnh hưởng đến nền kinh tế;

- Sửa đổi hoàn thiện các danh mục hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá, định giá nhà nước, kê khai giá vừa bảo đảm tính chặt chẽ, vừa linh hoạt phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng thời kỳ. Bảo đảm thích ứng với tính linh hoạt trong quản lý điều hành nền kinh tế của Chính phủ. Theo đó, Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung trong triển khai và giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn thời gian qua, phù hợp với Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ; gắn với đó là phân công, phân cấp quản lý giá cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành của các Bộ, ngành, địa phương; cá thể hóa trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành giá. Phân định rõ trách nhiệm quản lý, giám sát về giá giữa Chính phủ với các Bộ, ngành, địa phương, giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành, địa phương. Trên tinh thần đó, Chính phủ sẽ chỉ đóng vai trò ban hành thể chế pháp luật về giá đảm bảo toàn diện, công khai, minh bạch; Bộ Tài chính có vai trò đầu mối, tham mưu chung cho Chính phủ các vấn đề về nguyên tắc, danh mục, phương pháp quản lý, điều hành giá; Các Bộ, ngành, địa phương có vai trò trong việc thực hiện quản lý giá các mặt hàng cụ thể theo phân công, phân cấp của Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà

nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường hoặc theo lộ trình thích hợp;

- Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền; Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Bộ Tài chính giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thẩm định giá theo hướng chuyên sâu, qua đó cụ thể hóa trách nhiệm, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động thẩm định giá. Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá trong cả khối tư vấn của doanh nghiệp cũng như trong công tác thẩm định giá nhà nước. Trong đó, chuyển một số nội dung quy định từ Nghị định lên Luật liên quan đến quy định về nội dung quản lý nhà nước về thẩm định giá và thẩm quyền quản lý nhà nước về thẩm định giá; Làm rõ về tiêu chuẩn hành nghề của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá nhằm định hướng nâng cao chất lượng ngành nghề thẩm định giá để đáp ứng yêu cầu hiện tại và sự phát triển của dịch vụ này trong tương lai. Nhất là, thông qua đó loại trừ các đơn vị yếu về chuyên môn, có tư tưởng chộp giật, ảnh hưởng chung đến cả ngành dịch vụ...

- Bổ sung hoàn thiện các quy định để củng cố, tăng cường công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường, giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung của Chính phủ, Bộ, ngành. Gắn với đó là củng cố địa vị pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo công khai, minh bạch, tránh được các tiêu cực, thông đồng về giá. Mặt khác cũng cần tạo hành lang pháp lý phù hợp để tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện, tránh việc né tránh, thoái thác trách nhiệm. Gắn với đó là hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

2.2. Quan điểm chỉ đạo:

a. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; nhất là đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu thuộc danh mục Nhà nước bình ổn giá, định giá; Đồng thời có giải pháp cho những vấn đề thực tiễn tất yếu đang tồn tại trong quản lý điều hành một số dịch vụ công cần phải có lộ trình, một số hàng hóa liên quan đến an sinh xã hội cần phải có biện pháp điều tiết phù hợp nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hướng đến thực hiện các mục tiêu hài hòa lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, người dân, cộng đồng và nhà nước, phục vụ công tác kiểm soát lạm phát mục tiêu góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b. Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành có quy định về giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc; đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

c. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật giá để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả pháp luật về quản lý giá. Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách; biện pháp quản lý điều hành giá; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và phân công, phân cấp thực hiện để phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường quản lý giá nhà nước về giá, đồng thời hướng đến việc công khai minh bạch trong công tác quản lý, điều hành giá... tại Luật Giá nhằm khắc phục các chồng chéo, vướng mắc trong hệ thống pháp luật và công tác tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Luật Giá phải bảo đảm tính bao quát, toàn diện những nội dung về quản lý Nhà nước về giá, theo đó đề xuất, bãi bỏ các quy định về giá tại các Luật chuyên ngành không phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Nội dung của chính sách là củng cố hoàn thiện nguyên tắc để xác định hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá quy định tại Điều 19 Luật giá theo hướng rõ hơn về tiêu chí, phạm vi, bảo đảm chặt chẽ để tránh lạm dụng nhưng có tính linh hoạt trong điều hành của Chính phủ trong từng thời kỳ; Trên cơ sở đó, giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết danh mục; Đồng thời xây dựng các quy định để đảm bảo tính tuân thủ triệt để trong quy trình xem xét, thay đổi danh mục trong các trường hợp cần thiết.

Gắn với đó là việc đẩy mạnh phân công, phân cấp trong quản lý giá cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn, và các địa phương; phân định rõ trách nhiệm quản lý, giám sát về giá giữa Chính phủ với các Bộ, ngành, địa

phương, giữa Bộ Tài chính với Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó, Chính phủ sẽ tập trung vào ban hành chính sách, giảm tối đa trường hợp định giá cụ thể. Bộ Tài chính nắm giữ vai trò giúp Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về giá; Đồng thời, chỉ thực hiện định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch, có liên quan đến ngân sách nhà nước. Việc phân cấp tại địa phương và phân công cụ thể cho các Sở, ngành sẽ được thực hiện thống nhất với nguyên tắc tại trung ương để tạo thuận lợi cho việc triển khai nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a. Tại Luật giá đã có quy định về nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và gắn với đó Luật giá cũng quy định danh mục chi tiết các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (Điều 19). Trên thực tiễn, việc triển khai nhiệm vụ định giá nhà nước đối với danh mục hàng hóa quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước; Tuy nhiên, hiện nay việc quy định danh mục nhà nước định giá còn được mở rộng, dàn trải tại nhiều pháp luật chuyên ngành.

Theo đó, có thể thấy một số bất cập trong danh mục hàng hóa do nhà nước định giá như sau:

Thứ nhất, mở rộng danh mục khó kiểm soát: Trên cơ sở rà soát pháp luật cho thấy, tại một số Luật chuyên ngành quy định thêm hàng hóa, dịch vụ cụ thể thực hiện định giá dẫn đến việc (i) Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại một số Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến khó khăn cho việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung (ii) Một số hàng hóa, dịch vụ được đưa vào danh mục tại Luật chuyên ngành nhưng qua đánh giá vẫn chưa đảm bảo đầy đủ nguyên tắc đặt ra về phạm vi hàng hóa, dịch vụ được định giá nêu tại Khoản 1 Điều 19 Luật giá (một phần do nguyên tắc Luật sau phủ lên Luật giá khi ban hành sau) (iv) Xảy ra tình trạng quy định tên gọi hàng hóa, dịch vụ không thống nhất, chồng chéo giữa Luật chuyên ngành và Luật giá (v) Trách nhiệm đầu mối kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để quy trình, ngay cả khi lấy ý kiến cũng chỉ mang tính hình thức.

Ví dụ như dịch vụ cho thuê, đậu tàu bay; dịch vụ ra, vào bến xe ô tô; dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị; dịch vụ tuyển sinh; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường... là những trường hợp được quy định bổ sung tại Pháp luật chuyên ngành, hiện khâu thực hiện đã gặp một số vướng mắc về thẩm quyền, hình thức định giá, quy trình định giá...

Thứ hai, thẩm quyền điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá là Ủy ban thường vụ Quốc hội không đảm bảo tính kịp thời, tiến độ cấp thiết đề ra của việc triển khai biện pháp quản lý nhà nước trong các bối cảnh cấp bách đặt ra. Trong thời gian qua việc đề xuất bổ sung mặt hàng sách giáo khoa vào danh

mục nhà nước định giá được đánh giá là cần thiết và phải triển khai ngay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý. Tuy nhiên, klhi triển khai theo quy trình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian, nhưng không phải trường hợp nào cũng được xem xét ngay, đối với sách giáo khoa thì Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu sửa Luật để thực hiện; vì vậy tính kịp thời là không đáp ứng được. Bên cạnh đó, có những hàng hóa, dịch vụ do điều kiện kinh tế xã hội có sự thay đổi liên tục được đánh giá không cần thiết tiếp tục thực hiện định giá thì lại rất khó để đưa ra khỏi danh mục.

Điều này thể hiện tính "cứng" của danh mục định giá, việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Luật (được giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội kiểm soát) là nhằm hướng đến việc giám sát sự tuân thủ song lại thiếu sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai và chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công tác quản lý giá. Bên cạnh đó, theo quy định tại Hiến pháp năm 2013, Chính phủ được giao thống nhất quản lý về kinh tế, bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà nước và xã hội, thực hiện điều hành giải pháp cụ thể song thực tiễn lại thiếu linh hoạt trong hoạt động này.

Thứ ba, ba nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được các yêu cầu phát sinhtrong thực tiễn. Hiện nay, tại các Luật chuyên ngành đã được Quốc hội ban hành có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù chưa hoàn toàn thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá. Các mặt hàng này chủ yếu thuộc diện có yếu tố *độc quyền thị trường sản xuất, kinh doanh* có tác động ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội hoặc các mặt hàng đặc thù độc quyền địa bàn, có thị trường hạn chế hoặc có vị thế thống lĩnh thị trường (một số dịch vụ như Dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo; dịch vụ lai dắt; dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ bốc dỡ container; Dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô... và một số dịch vụ khác hiện nay thuộc diện độc quyền thị trường, độc quyền địa bàn, không phải do nhà nước độc quyền sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn được đưa vào danh mục định giá).

Từ những vấn đề thực trạng trên cho thấy cần thiết phải sửa đổi, hoàn thiện các nguyên tắc để xác định các hàng hóa, danh mục thuộc diện định giá nhà nước tại Luật Giá để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật; Đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các trường hợp phát sinh khác. Ví dụ như việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất bổ sung sách giáo khoa vào danh mục định giá; là mặt hàng có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế xã hội, có tính độc quyền tự nhiên nên cần có cơ chế kiểm soát giá để khắc phục những khiếm khuyết của thị trường.

Thứ tư, không thống nhất trong phương thức thực hiện giữa Luật Giá với Luật chuyên ngành: Về nguyên lý trong công tác quản lý giá, khi quy định bổ sung một mặt hàng vào danh mục nhà nước định giá, cần quy định kèm theo với hình thức định giá và phương pháp định giá cụ thể. Tuy nhiên, có những trường hợp tại Luật chuyên ngành có quy định bổ sung các hàng hóa, dịch vụ định giá

ngoài danh mục được quy định tại Luật Giá nhưng chỉ dừng ở quy định danh mục mặt hàng nhưng không có quy định về thẩm quyền, hình thức, phương pháp định giá gây khó khăn cho quá trình triển khai. Ví dụ như tại Luật Thủy sản quy định mặt hàng định giá Nhà nước là khung giá tiền sử dụng khu vực biển tuy nhiên không quy định về phân công, phân cấp đơn vị thực hiện; tại Điều 56 Luật đường sắt quy định Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị nhưng lại chưa quy định hình thức định giá cụ thể.

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc "gốc", có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá đôi lúc chỉ nhằm giải quyết thực tế "tình huống phát sinh" khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó mà thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

b. Trên cơ sở kết quả tổng kết đánh giá thi hành Luật cho thấy việc phân công thẩm quyền định giá hiện nay còn chưa có sự thống nhất về nguyên tắc để làm rõ trách nhiệm của từng Bộ ngành, cơ quan, đơn vị; việc phân cấp định giá Nhà nước từ trung ương xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ giữa các địa phương. Cụ thể:

- Đối với các cơ quan Trung ương, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành mặc dù đã được quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật nhưng còn khá dàn trải và chưa đề ra một nguyên tắc cụ thể để xác định cơ chế phân công. Vì vậy, việc phân công đôi khi còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng "cơ quan nào làm được thì giao" mà chưa gắn với quản lý chuyên ngành, chuyên môn, thiếu tính nguyên tắc để đề cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

Một mặt khác, việc giao Chính phủ định giá đối với một số mặt hàng như khung giá cho thuê mặt nước, khung giá cho thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ là không còn phù hợp vì việc quyết định giá thuộc nhóm vấn đề cơ chế chính sách chuyên ngành sâu, gắn với kỹ năng nghề nghiệp nhất định, vì vậy việc nghiên cứu để chuyển giao thẩm quyền quyết định cho Thủ tướng Chính phủ thậm chí có thể đẩy mạnh để giao Bộ, ngành sẽ phù hợp hơn về nguyên tắc điều hành.

- Tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng quy định thẩm quyền định giá khi quy định thêm danh mục định giá; Tuy nhiên cũng do chưa có nguyên tắc cụ thể về phân công nên đôi khi xảy ra tình trạng ấn định cơ quan thực hiện định giá mà chưa tính toán cụ thể về khả năng tổ chức thực hiện. Thậm chí còn xảy ra tình trạng pháp luật chuyên ngành về một mặt hàng nào đó quy định thẩm quyền định giá mặt hàng đã được quy định tại Luật giá, gây nên tình trạng chồng chéo, không khớp giữa các quy định tương tự nhau, ví dụ như đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ về

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch tại các khu đô thị.

- Việc phân cấp xuống địa phương cũng mới chỉ nêu chung về thẩm quyền định giá thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh mà chưa đưa ra nguyên tắc cụ thể để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm thực hiện cho các Sở, ngành chuyên môn. Dẫn đến tình trạng có những mặt hàng thì ở tỉnh này giao Sở chuyên ngành thực hiện định giá nhưng tỉnh khác lại giao Sở Tài chính; Bên cạnh đó, trách nhiệm thẩm định phương án giá chung cũng chưa có quy định rõ ràng và thường được Ủy ban nhân dân giao cho Sở Tài chính thực hiện.

- Ngoài ra, cũng phát sinh tình trạng thiếu đồng bộ, chồng chéo về quy định thẩm quyền định giá tại Luật giá và Luật chuyên ngành. Tại Luật giá chỉ quy định 4 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Thủ tướng Chính phủ, (3) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

b. Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

- Kinh tế xã hội liên tục thay đổi để thích ứng và hội nhập, việc kiểm soát giá cũng là một trong những vấn đề được các tổ chức quốc tế quan tâm, trao đổi thường xuyên. Vì vậy, nếu tiếp tục phân tán như hiện nay sẽ không đảm bảo nguyên tắc, cơ chế chung về quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đã được đề ra tại Luật giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá vẫn sẽ không kiểm soát được; gây khó khăn cho cơ quan quản lý, doanh nghiệp, người dân trong việc tổ chức thi hành, áp dụng pháp luật về giá.

- Việc điều chỉnh danh mục không đảm bảo tiến độ, yêu cầu quản lý cần giải quyết ngay các bức xúc trong kinh tế xã hội.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bảo đảm thực thi đúng, hiệu quả nguyên tắc xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật là tính thống nhất, đồng bộ; tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ những phát sinh hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật chuyên ngành khi chưa thật sự cần thiết.

- Đảm bảo tính linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành giá trong từng thời kỳ, đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Rà soát, điều chỉnh phân công, phân cấp hiện nay đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực với công tác quản lý giá. Giải quyết dứt điểm tình trạng chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành giá giữa các Bộ, ngành. Rà soát và thống nhất vai trò của Cơ quan tài chính các cấp trong nhiệm vụ thẩm định phương án giá, định giá đối với một số mặt hàng cụ thể.

- Nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc hợp lý, minh bạch, tạo thuận lợi cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân trong việc triển khai phân công, phân cấp quản lý điều hành giá theo hướng đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước hiện nay; Nhất là tăng cường phân cấp quản lý giá từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ, ngành, địa phương.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Cơ bản giữ như hiện hành, nhưng thực hiện rà soát và điều chỉnh để cập nhật đầy đủ các mặt hàng do Nhà nước định giá hiện đang quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; Đồng thời, để quy định thống nhất tại Luật Giá; rà soát để chuẩn hóa các vấn đề về thẩm quyền, hình thức, phương pháp, quy trình định giá của từng mặt hàng để đảm bảo phù hợp với thực tiễn yêu cầu công tác quản lý; những mặt hàng nào không còn phù hợp thì đưa ra khỏi danh mục trường hợp cần thiết thì có thể áp dụng các biện pháp quản lý có tính gián tiếp khác.

1.3.2. Giải pháp 2: Trên cơ sở nội dung rà soát và thực hiện theo giải pháp 1, Luật giá sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

- Điều chỉnh Điều 19 Luật giá theo hướng củng cố các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá phù hợp với các nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Theo đó, qua quá trình tổng kết, đánh giá cho thấy các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại các Luật chuyên ngành trong thời gian vừa qua chủ yếu là hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu, có tính chất độc quyền thị trường, độc quyền địa bàn, độc quyền tự nhiên… có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế xã hội. Do đó, trong quá trình xây dựng Luật sẽ tổng hợp, nghiên cứu sửa đổi hoàn thiện hoặc bổ sung thêm nguyên tắc xác định danh mục nhà nước định giá cho phù hợp với những tính chất của nhóm hàng hóa này và bao quát được các phát sinh mới trong việc thực hiện định giá đặc thù tại các Luật khác.

Trên cơ sở đó, giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định danh mục chi tiết trên cơ sở tuân thủ đúng các nguyên tắc đã được đề ra tại Luật. Theo đó, giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính thường xuyên rà soát, tổng hợp nhu cầu điều chỉnh thay đổi danh mục của các Bộ, ngành để trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung để tránh sự lạm dụng, quy định thêm mặt hàng không cần thiết phải định giá. Đồng thời, có quy định để loại trừ các trường hợp phát sinh thêm mặt hàng định giá tại các Luật chuyên ngành như hiện nay.

- Vấn đề về phân công, phân cấp định giá sẽ được hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh phân công, phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương, qua đó phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

+ Rà soát để điều chỉnh các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Chính phủ sang cho Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp Bộ; Theo đó, Chính phủ sẽ không trực tiếp định giá bất cứ mặt hàng nào và chỉ đóng vai trò ban hành các văn bản

quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện Luật, thực hiện phân công, phân cấp trong quản lý giá. Thủ tướng Chính phủ chỉ thực hiện định giá đối với rất ít hàng hóa, dịch vụ tính chất đặc biệt quan trọng (như khung giá đất) và đẩy mạnh phân công, phân cấp việc định giá cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương.

+ Đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền cấp Bộ, việc định giá trực tiếp các mặt hàng sẽ giao các Bộ chuyên ngành thực hiện phù hợp với chức năng, phạm vi quản lý được Chính phủ giao. Bộ Tài chính thực hiện định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch hoặc có tác động ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước, có liên quan đến quản lý tài chính ngân sách như việc quản lý về giá đất.

+ Đẩy mạnh việc phân cấp định giá cụ thể cho địa phương, Uỷ ban nhân dân các tỉnh thực hiện định giá và phân công nhiệm vụ tham mưu cho các Sở, ngành chuyên môn tương ứng với thẩm quyền và trách nhiệm các Bộ, ngành. Rà soát, bãi bỏ quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân để đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ theo Hiến pháp. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp cần thiết phải xin ý kiến Hội đồng nhân dân sẽ thể hiện rõ trong quy trình định giá.

- Đồng bộ với đó sẽ quy tại Luật một số nguyên tắc chung của quy trình định giá nhằm tạo sự thống nhất trong phân công, phân cấp thực hiện xây dựng phương án giá, thẩm định phương án giá, trình ban hành mức giá; Đồng thời tăng cường các quy định để đảm bảo tính tuân thủ quy trình định giá đã đề ra. Cụ thể:

+ Tại trung ương, đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền định giá của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan lập phương án giá phải gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính như hiện hành. Gắn với đó là phải bổ sung cơ chế xử lý về các nội dung có ý kiến khác nhau, trách nhiệm giải trình và chế tài khi không thực hiện đúng quy trình.

+ Đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền định giá của Bộ, ngành nào thì Bộ, ngành đó có trách nhiệm tổ chức triển khai xây dựng phương án giá và xin ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, trường hợp không tuân thủ cũng phải có chế tài phù hợp.

+ Đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Sở chuyên ngành hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh có trách nhiệm xây dựng phương án giá, trình Ủy ban nhân dân ban hành sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính. Đồng thời quy định rõ trách nhiệm giữa các đơn vị cũng như nguyên tắc xử lý khi có sự khác nhau giữa ý kiến thẩm định và phương án của các đơn vị xây dựng để tạo cơ sở pháp lý cho việc thuân thủ nghiêm túc quy trình định giá.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Phương án này không có nhiềuthay đổi trong các chế định pháp luật hiện hành, chỉ định hướng rà soát, hoàn chỉnh lại các quy định đã có. Trước mắt giải quyết ngay được vấn đề danh mục mặt hàng còn rải rác, không tập trung tại các Luật chuyên ngành. Việc chỉ cần hệ thống lại danh mục sẽ giúp việc xây dựng chính sách dễ dàng hơn, nhanh chóng khắc phục ngay tình trạng phân tán và khó kiểm soát việc mở rộng phạm vi định giá Nhà nước.

Nếu vẫn giữ nguyên tắc về phân công, phân cấp trong thẩm quyền định giá như hiện hành, thì việc triển khai nhiệm vụ của các Bộ ngành, địa phương hiện nay sẽ không có sự xáo trộn. Trước mắt giải quyết được vấn đề các quy định về phân công, phân cấp vẫn được quy định rải rác tại nhiều pháp luật chuyên ngành cũng như phân công lại thẩm quyền định giá một số mặt hàng cho hợp lý, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực

- *Tác động về thể chế, hệ thống pháp luật:* Việc chỉ rà soát, hoàn chỉnh lại theo hướng hệ thống lại danh mục mặt hàng nhà nước định giá quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành đưa vào thống nhất tại Luật giá mà không thực hiện các điều chỉnh quy định khác về nguyên tắc, thẩm quyền quy định danh mục, thẩm quyền thay đổi danh mục và trách nhiệm tổ chức thực hiện sẽ chỉ mang tính tạm thời, thiếu tính bền vững, không giải quyết được tận gốc vấn đề chồng chéo pháp luật hiện nay. Ngay khi Luật giá sửa đổi được ban hành thì các Luật chuyên ngành vẫn tiếp tục có thể quy định thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá và tiếp tục phát sinh chồng chéo, vướng mắc như đã phân tích.

- *Tác động đến tính hiệu lực, hiệu quả kịp thời của Chính sách:* Nếu tiếp tục quy định cụ thể danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật trong khía cạnh thị trường sẽ giới hạn được phạm vi can thiệp của Nhà nước trong việc định giá hàng hoá, dịch vụ nhưng không thể đảm bảo tính kịp thời khi Nhà nước cần điều chỉnh danh mục theo yêu cầu kinh tế xã hội do quy trình sửa Luật mất nhiều thời gian. Cũng có ý kiến cho rằng có thể giao cho Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định bằng Pháp lệnh hoặc Nghị quyết của Ủy ban

thường vụ Quốc hội danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá. Trong trường hợp này vẫn không khắc phục được hạn chế trên, vì để sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh hoặc Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn phải bố trí vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm trình Quốc hội thông qua. Ngoài ra, còn phải thực hiện các quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên thời gian sẽ kéo dài.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc không khắc phục được tình trạng các luật chuyên ngành tiếp tục đưa vào quy định mặt hàng Nhà nước định giá sau thời điểm Luật giá (sửa đổi) được ban hành vẫn sẽ dẫn đến tình trạng chồng chéo, thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Như vậy, không bảo đảm đúng nguyên tắc về tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; không bảo đảm nguyên tắc đặt Luật giá là ”Luật gốc” đối với lĩnh vực giá đã đề ra.

1.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Việc sửa đổi hoàn thiện các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá là tất yếu khách quan nhằm khắc phục vướng mắc hiện hành, phù hợp với thực tế phát sinh thời gian qua; và định giá đáp ứng được yêu cầu phát sinh thực tiễn đối với công tác quản lý, điều hành của Chính phủ.

- Việc quy định chặt chẽ nguyên tắc xác định danh mục tại Luật và giao thẩm quyền quy định chi tiết cho Chính phủ (đầu mối là Bộ Tài chính và thống nhất tại một Nghị định riêng) là đảm bảo nguyên tắc về phân công trách nhiệm của Chính phủ được quy định tại Hiến pháp; Đồng thời tăng cường tính linh hoạt, chủ động của Chính phủ khi thực hiện các giải pháp điều hành. Tuy vậy, nếu triển khai theo phương án này thì việc xây dựng nguyên tắc về danh mục mặt hàng cần phải được nghiên cứu chi tiết, thấu đáo để đảm bảo chặt chẽ, kiểm soát được tình trạng lạm dụng chính sách nhưng phải linh hoạt trong thực thế quản lý phát sinh. Theo đó, nhiệm vụ của Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ thực hiện giám sát chặt chẽ những nguyên tắc đã đề ra về danh mục hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá với công tác tổ chức thực hiện, phân công, phân cấp của Chính phủ cho các Bộ, ngành, địa phương.

- Theo phương án này, việc điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ hoặc điều chỉnh thẩm quyền định giá sẽ được đảm bảo thực hiện thống nhất, triệt để thông qua đầu mối là Bộ Tài chính là cơ quan chuyên môn thống nhất quản lý nhà nước về giá. Việc giao trách nhiệm thống nhất cho một cơ quan chuyên môn sẽ giúp việc nghiên cứu, xây dựng, đánh giá tác động chính sách, đánh giá chi tiết đối với phương án thay đổi danh mục được thực hiện thấu đáo, triệt để và hiệu quả hơn. Trách nhiệm của các Bộ, ngành cũng được phân định rõ ràng trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đánh giá tính cần thiết để xây dựng đề nghị điều chỉnh

gửi Bộ Tài chính để trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định. Qua đó, giúp cho việc điều chỉnh danh mục cũng đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn hơn.

- Việc đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý giá là phù hợp với chủ trương chung, qua đó gắn trách nhiệm cơ quan đơn vị và tăng cường công tác kiểm tra là nhằm hướng đến mục tiêu cải cách hành chính. Trên cơ sở phương pháp định giá được ban hành thống nhất, đồng bộ, các Bộ chuyên ngành sẽ triển khai định giá đối với các hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của mình cũng phù hợp với công tác chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, đảm bảo sự đồng bộ giữa chức năng, nhiệm vụ quản lý với thẩm quyền định giá hàng hóa, dịch vụ. Việc gắn thẩm quyền với chuyên môn cũng giúp cho công tác định giá nhà nước tại các Bộ chuyên ngành diễn ra thông suốt, đảm bảo rà soát được hết các tính chất đặc thù của mặt hàng; Thông qua đó đảm bảo quyền lợi cho các bên sản xuất, tiêu dùng và cả Nhà nước.

Bộ Tài chính chỉ thực hiện định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc biệt có ảnh hưởng lớn đến chi, tiêu ngân sách nhà nước như hàng hóa, dịch vụ do nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch (sử dụng 100% ngân sách trung ương) và những hàng hóa dịch vụ có ảnh hưởng đến quản lý tài chính ngân sách là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ về kiểm soát thu, chi ngân sách nhà nước; Đồng thời nâng cao trách nhiệm của Cơ quan tài chính trong nhiệm vụ đầu mối kiểm soát chung công tác quản lý, điều hành giá.

Với tiêu chí phân công đó, việc phân cấp xuống các địa phương cũng sẽ thuận lợi hơn. Trên cơ sở đầu mối quản lý giá tại Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cũng sẽ phân công rõ trách nhiệm tham mưu về định giá của các Sở chuyên ngành cũng như phân định rõ được nhiệm vụ của cơ quan Tài chính địa phương. Việc bãi bỏ các quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân cũng giúp phân định rõ giữa trách nhiệm giám sát – quản lý nhà nước của 2 cơ quan; bên cạnh đó, trong thực tiễn việc giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cũng tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, xây dựng phương án giá xuất phát từ các đơn vị chuyên môn, có nhiệm vụ quản lý, điều hành kinh tế.

- Những vấn đề nguyên tắc của quy trình định giá được quy định tại Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc hướng dẫn triển khai thống nhất trong các trường hợp, thuận lợi cho công tác tổ chức triển khai, tránh được vấn đề đùn đẩy trách nhiệm của các đơn vị trong tham mưu và triển khai định giá, đặc biệt ở khâu thẩm định và trình ban hành quyết định giá. Đồng thời tăng cường tính tuân thủ chặt chẽ quy trình của các Bộ chuyên ngành, Sở chuyên ngành, nhất là việc tôn trọng ý kiến của các cơ quan tài chính với vai trò thẩm định/tham gia ý kiến.

- *Tác động về xã hội:* Giảm thiểu các bất cập của thị trường, giúp cho vai trò của cơ quan quản lý nhà nước được thể hiện trong các trường hợp khiếm khuyết của thị trường kiểm soát lợi thế độc quyền của doanh nghiệp và tăng

cường công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi cho người dân khi tiêu dùng các mặt hàng độc quyền, các mặt hàng thuộc danh mục định giá được đảm bảo phù hợp với thị trường, góp phần tham gia chính sách an sinh xã hội.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới;

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với nguyên tắc cần được xem xét đưa Luật giá thành Luật gốc với các nguyên tắc chung về quản lý nhà nước về giá trên phạm vi cả nước. Đồng thời, tương thích, phù hợp hơn với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Mặt khác, giải pháp này sẽ giúp cho vấn đề danh mục định giá nhà nước được thống nhất, giảm thiểu việc sửa đổi, bổ sung văn bản trong tương lai, qua đó giảm chi phí ngân sách nhà nước trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tác động tiêu cực:

Phương án này về cơ bản không có những tác động tiêu cực cụ thể vào hệ thống pháp luật, xã hội hay chi phí. Tuy nhiên, việc bổ sung phạm vi, nguyên tắc định giá nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục độc quyền thị trường mặc dù được khái quát theo thực tiễn đã được quy định tại các Luật chuyên ngành nhưng có thể khiến cho việc xây dựng chính sách bị hiểu là mở rộng phạm vi định giá nhà nước.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là Giải pháp 2.

2. Chính sách 2: Phương pháp và hình thức định giá

Nội dung cơ bản của chính sách này là: chuẩn hóa việc xây dựng, ban hành phương pháp định giá chung và ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng trong một số trường hợp chuyên ngành, phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù; nhất là trong một số trường hợp phương pháp định giá được xác định là một trong các biện pháp, hình thức quản lý giá. Trên cơ sở đó, cần phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về giá, hướng dẫn, ban hành phương pháp định giá, xử lý được những khó khăn, vướng mắc hiện nay trong quản lý giá chuyên ngành của các bộ, cơ quan, đảm bảo tính khả thi theo hướng: Bộ Tài chính giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá; chịu trách nhiệm ban

hành phương pháp định giá chung đảm bảo áp dụng chung; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng phương pháp định giá chung có tính chất chuyên ngành trên cơ sở đề xuất từ các bộ, ngành; các bộ, ngành chủ trì xây dựng các phương pháp định giá có tính đặc thù cần phải có phương pháp chuyên ngành riêng.

Bên cạnh các hình thức định giá như hiện hành, bổ sung thêm biện pháp quản lý giá gián tiếp theo hình thức "giá tham chiếu" hoặc một số mặt hàng do doanh nghiệp tự định giá nhưng pháp áp dụng phương pháp định giá do cơ quan có thẩm quyền quy định để đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tiễn quản lý giá hiện nay, đồng thời phù hợp với kinh nghiệm một số nước có nền kinh tế tương đồng.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.1.1. Về Phương pháp định giá, tại Luật giá quy định: *Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình."*. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch v.: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá gồm (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định các Bộ, ngành được phân công quản lý giá một số mặt hàng ban hành phương pháp định giá riêng để áp dụng cho từng mặt hàng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp thực quy định này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Một mặt khác là tại các Luật chuyên ngành, gắn với việc quy định mặt hàng do Nhà nước định giá là các quy định về phương pháp định giá đối với mặt hàng đó; Vì vậy dẫn đến sự chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý dẫn đến hình thành các phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kĩ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề

vướng mắc là nếu định mức kinh tế kĩ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn mới mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, chưa đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc quy định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế…). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ…

2.1.2. Về các hình thức định giá đang áp dụng (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đẩy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng có tính chất thiết yếu có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thậm chí có khả năng độc quyền theo nhóm nhưng đã được đưa ra khỏi danh mục do nhà nước định giá để có các biện pháp quản lý phù hợp hơn như xăng dầu, gas, than bán cho sản xuất điện, phân bón; dịch vụ hoa tiêu, sách giáo khoa, một số dịch vụ cảng biển và một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy việc nhà nước không định giá những hàng hóa, dịch vụ này là đúng đắn, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong định giá hàng hóa, dịch vụ, nhưng cũng từ thực tiễn cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình về địa bàn, về tính chất mặt hàng để quyết định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên trong các trường hợp này lại thiếu công cụ điều hành giá để có thể định hướng thị trường, nâng cao tính minh bạch trong việc quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức; Một số mặt hàng thực hiện kê khai giá thì chỉ mang tính theo dõi về thông tin, không đi kèm với các biện pháp quản lý cụ thể nên khó có thể thực hiện điều hành theo yêu cầu thực tiễn của kinh tế xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý thì hiện một số mặt hàng đã được quản lý, điều hành giá thông qua những hình thức có tính gián tiếp, đặc thù như đối với xăng dầu (giá cơ sở), thóc lúa (giá định hướng). Theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP thì giá cơ sở xăng dầu là mức giá để điều hành giá bán cụ thể của doanh nghiệp, giá cơ sở có tính chất định hướng và hạn chế lạm dụng vị thế của mặt hàng để ấn định giá không phù hợp; thông qua giá cơ sở trong giai đoạn vừa qua là một trong các thành công trong việc đưa giá xăng dầu theo đúng

cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch đến xã hội nhưng vẫn đảm bảo về khả năng điều hành gián tiếp của Nhà nước. Hoặc được kiểm soát thông qua các nguyên tắc, phương pháp định giá do cơ quan Nhà nước ban hành để doanh nghiệp tự định giá nhưng bảo đảm được tính công khai, minh bạch và có cơ chế để kiểm soát khi phát sinh; Ví dụ như dịch vụ kinh doanh nghĩa trang, dịch vụ bưu chính viễn thông, nhà ở xã hội, tổ chức, cá nhân kinh doanh được quyền tự định giá nhưng phải áp dụng theo phương pháp do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Từ những vấn đề trên cho thấy bên cạnh việc quản lý giá theo biện pháp định giá nhà nước và các hình thức định giá hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung một số biện pháp, hình thức quản lý giá mới mang tính định hướng để điều hành thông qua một số hình thức gián tiếp, tương tự hiện nay như công bố giá cơ sở (đối với xăng dầu), giá định hướng (đối với giá thóc). Một mặt khác, cần phải có cơ chế pháp lý để đưa phương pháp định giá là một trong các biện pháp quản lý, điều hành giá của một số hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất mặt hàng và yêu cầu quản lý điều hành giá. Theo đó, đối với một số hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh được quyền định giá nhưng phải thực hiện theo phương pháp định giá do nhà nước ban hành; Như vậy sẽ không can thiệp trực tiếp vào hoạt động định giá của doanh nghiệp, nhưng sẽ tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhằm bảo đảm duy trì tính minh bạch trong triển khai, kiểm soát hành vi của doanh nghiệp để tránh lạm dụng.

Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Thực tế cho thấy nếu vẫn là một mặt hàng nhưng được định giá bằng các phương pháp khác nhau, nhiều trường hợp sự khác nhau quá lớn không thể giải thích được. Như vậy, vấn đề xung đột pháp luật rất có thể xảy ra, trong khi đây là việc có tính chuyên môn, nghiệp vụ nên sẽ phát sinh hậu quả rất khó khắc phục. Vì vậy, phần nào làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bảo đảm thực thi đúng, hiệu quả nguyên tắc xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật là tính thống nhất, đồng bộ. Trên cơ sở đó sẽ rà soát lại các phương pháp định giá chuyên ngành có sự chồng chéo, chưa thống nhất với nguyên tắc phương pháp định giá chung, bãi bỏ trong trường hợp cần thiết (trừ những trường hợp đặt biệt thì phương pháp định giá mặt hàng đó phải được quy định tại Luật chuyên ngành và có loại trừ tại Luật Giá như đất đai, điện....

- Thống nhất về trách nhiệm ban hành, phương pháp định giá chung hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá nhà nước và việc hướng dẫn chi tiết phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan chuyên môn về quản lý giá để đảm bảo tính thống nhất cao về chuyên môn, nghiệp vụ. Xây dựng quy trình về việc ban hành văn bản để hướng dẫn áp dụng phương pháp

định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù trong trường hợp cần thiết để đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

- Thể chế hóa tại Luật các phương pháp định giá mới theo cơ chế thị trường để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện (Bổ sung thêm phương pháp định giá từ thu nhập). Bổ sung công cụ quản lý, điều hành giá có tính gián tiếp trong các trường hợp hàng hóa, dịch vụ không trong danh mục định giá nhưng lại thuộc diện độc quyền hoặc hạn chế về thị trường.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Vẫn giữ khung quy định hiện hành, theo đó, Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung, các Bộ quy định phương pháp định giá cụ thể đối với các mặt hàng được giao quản lý. Tuy nhiên, bổ sung quy định cụ thể hệ thống các phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ chi phí, từ thị trường và bổ sung phương pháp định giá từ thu nhập để làm cơ sở cho việc xây dựng các phương pháp định giá phù hợp với kinh tế thị trường hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ rà soát hệ thống các phương pháp định giá riêng do các Bộ, ngành ban hành để sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ trong trường hợp có sự chồng chéo, mâu thuẫn.

2.3.2. Giải pháp 2:

2.3.2.1. Trên cơ sở định hướng giải pháp 1, quy định rõ hệ thống các phương pháp định giá để hình thành từ 3 nguyên lý chung là tiếp cận từ chi phí, từ thị trường và từ thu nhập; nhưng để bảo đảm khắc phục triệt để những chồng chéo, mâu thuẫn hiện nay, đồng thời xuất phát từ yêu cầu chuyên môn cao thì riêng đối với việc xây dựng, ban hành phương pháp định giá cần quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành. Cụ thể:

- Phương pháp định giá chung là các nguyên tắc, phương thức, quy trình kĩ thuật thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá. Việc ban hành phương pháp chung sẽ do Bộ Tài chính thực hiện như hiện hành để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong các nguyên tắc "gốc" xác định giá, bảo đảm bao quát được các trường hợp; Tuy nhiên, nếu có phát sinh hàng hóa, dịch vụ có những yếu tố cấu thành giá cần hướng dẫn chi tiết hơn, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ quản lý ngành để ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện theo nguyên tắc chung có tính chuyên ngành.

Đối với trường hợp quá đặc thù không thể áp dụng theo phương pháp chung, việc ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết theo phương pháp chung cũng không đảm bảo khả thi (như tần số vô tuyến điện, công nghệ mới, quyền tài sản liên quan đến bản quyền…) thì sẽ giao các Bộ, ngành chủ trì xây dựng phương pháp đặc thù (phương pháp riêng).

- Trên cơ sở đó, tại Luật sẽ quy định về quy trình, cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài chính và các Bộ, ngành trong việc xây dựng phương pháp định giá và hướng dẫn chi tiết phương pháp định giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ cụ

thể. Gắn với đó quy định chặt chẽ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc phối hợp xây dựng hệ thống định mức kinh tế kĩ thuật (nếu có) và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện công tác định giá nhà nước. Đồng thời nghiên cứu xây dựng các nguyên tắc cho việc lựa chọn, áp dụng phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ trong các trường hợp cụ thể (tại các văn bản quy phạm pháp luật về phương pháp định giá) để tạo thuận lợi cho các cơ quan thực hiện định giá, đảm bảo tính khách quan, phù hợp của kết quả định giá với các nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.3.2.2. Bổ sung phương thức điều hành giá thông qua "giá tham chiếu" nhằm phù hợp với xu hướng của thế giới (như giá xăng dầu tham chiếu từ giá Platt's Singapore, Giá LPG tham chiếu từ giá CP, giá than tại Indonesia, Úc cũng áp dụng tham chiếu). Theo đó, mức giá tham chiếu được cơ quan có thẩm quyền xây dựng và công bố trên cơ sở kết hợp giữa các yếu tố về chi phí gắn với diễn biến mặt bằng giá phổ biến trên thị trường trong và ngoài nước (nếu có). Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được quyền tự quyết định mức giá cụ thể để áp dụng trên nguyên tắc tôn trọng mức giá tham chiếu và có thể tăng giảm quanh mức giá này với một biên độ nhất định và đảm bảo đúng các nguyên tắc thị trường. Qua đó, một mặt vẫn đảm bảo quyền của doanh nghiệp nhưng yếu tố quan trọng là tạo sự công khai minh bạch và có cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng giám sát, xử lý khi phát sinh. Trên cơ sở đó, quy định rõ cơ chế thực thi và trách nhiệm theo dõi, giám sát của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành theo lĩnh vực.

Đồng thời với đó là việc quy định biện pháp quản lý, điều hành giá một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù do doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, cung ứng định giá song phải đảm bảo thực hiện theo phương pháp định giá do các cơ quan có thẩm quyền ban hành như đối với giá dịch vụ nghĩa trang (hiện đang được quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP), giá dịch vụ ra vào bến xe (hiện đang được quy định tại Luật Giao thông đường bộ theo hình thức định giá),.... Cơ quan ban hành phương pháp có trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện trong thực tiễn.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Phương án này cơ bản không có những thay đổi trong các chế định pháp luật hiện hành, chỉ định hướng rà soát, hoàn chỉnh lại các quy định đã có. Trước mắt giải quyết vấn đề khó khăn, vướng mắc trong định giá các hàng hóa, dịch vụ còn chưa có định mức kinh tế kĩ thuật, phù hợp với cách tiếp cận từ thu nhập (các dịch vụ sự nghiệp công y tế, giáo dục, một số dịch vụ chuyển từ phí sang giá...).

Theo đó, sẽ không phát sinh những thay đổi lớn về quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong xã hội. Bên cạnh đó, việc chỉ cần hệ thống lại danh mục sẽ giúp việc xây dựng chính sách dễ dàng hơn, nhanh chóng khắc phục ngay tình trạng phân tán và khó kiểm soát việc mở rộng phạm vi định giá Nhà nước.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực

- *Tác động về thể chế, hệ thống pháp luật:* Chưa thể khắc phục được bất cập về việc phát sinh quá nhiều phương pháp định giá riêng khó kiểm soát. Việc các Bộ, ngành tiếp tục chủ trì xây dựng phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của mình sẽ khiến việc mâu thuẫn, chồng chéo với các nguyên tắc căn bản tại phương pháp định giá chung tiếp tục xảy ra. Như vậy, các nguyên lý chung về quản lý điều hành giá sẽ khó được triển khai áp dụng thống nhất, đồng bộ.

- *Tác động đến tính hiệu lực, hiệu quả kịp thời của Chính sách:* Việc không luật hóa các quy định cụ thể hơn về quy trình xây dựng phương pháp định giá, trách nhiệm của các đơn vị cũng khiến cho tính hiệu quả trong vấn đề xây dựng phương pháp định giá chưa cao, chưa đẩy mạnh việc ban hành đầy đủ các chính sách phù hợp đảm bảo thực thi toàn diện được biện pháp định giá nhà nước với vai trò khắc phục những khiếm khuyết, bất cập, tồn tại của thị trường.

2.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động tích cực/lợi ích

Việc quy định rõ ràng trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành trong vấn đề xây dựng phương pháp định giá là nhằm tăng cường tính đồng bộ thống nhất trong áp dụng các nguyên lý chung của công tác quản lý, điều hành giá. Qua đó, tránh được vấn đề xung đột trong pháp luật cũng như mâu thuẫn trong kết quả định giá khi áp dụng các phương pháp định giá khác nhau đối với cùng một hàng hóa, dịch vụ. Đây cũng chính là giải pháp hỗ trợ cho việc đẩy mạnh phân công, phân cấp trong quản lý giá. Bộ Tài chính sẽ cơ bản không trực tiếp định giá đa số hàng hóa, dịch vụ mà sẽ có trách nhiệm tạo dựng hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất để các Bộ, ngành triển khai theo phân công, phân cấp của Chính phủ. Đồng thời, tăng cường sự chủ động trong triển khai nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương gắn với tính chất chuyên môn, chuyên ngành, phù hợp với thực tiễn hiện nay và trong thời gian tới.

Việc Luật hóa các quy định về hệ thống các phương pháp định giá cơ bản sẽ giúp cho các đơn vị thuận lợi trong việc lựa chọn phương pháp định giá phù hợp nhằm không quá lệ thuộc vào vấn đề định mức kinh tế - kĩ thuật (là một trong những tồn tại hạn chế nhiều năm nay, khó khắc phục), giải quyết được việc định giá các hàng hóa, dịch vụ phù hợp với cách tiếp cận từ thu nhập (các dịch vụ sự nghiệp công y tế, giáo dục, một số dịch vụ chuyển từ phí sang giá...).

Việc quy định thêm một hình thức điều hành giá mới theo "giá tham chiếu" hoặc thông qua phương pháp định giá sẽ đảm bảo cho công tác quản lý, điều hành giá của nhà nước ngày càng phù hợp với các nguyên tắc kinh tế thị trường khi nhà nước chủ yếu thực hiện quản lý thông qua các hình thức gián tiếp, không tác động trực tiếp đến giá cả.

- Tác động về xã hội: Giảm thiểu các bất cập của thị trường, giúp cho vai trò của cơ quan quản lý nhà nước được thể hiện trong các trường hợp khiếm khuyết của thị trường, tăng cường công bằng xã hội và đảm bảo quyền lợi cho người dân khi tiêu dùng các mặt hàng độc quyền, các mặt hàng thuộc danh mục định giá được đảm bảo mức giá phù hợp với thị trường.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới;

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với nguyên tắc cần được xem xét đưa Luật giá thành Luật gốc, đưa ra các nguyên tắc chung về quản lý nhà nước về giá trên phạm vi cả nước. Đồng thời, tương thích, phù hợp hơn với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Có khả năng phát sinh xung đột pháp luật trong trường hợp pháp luật hiện hành có những quy định chồng chéo dẫn đến các pháp luật chuyên ngành cũng phải được thay đổi tương ứng với quy định tại Luật giá.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là Giải pháp 2.

3. Chính sách 3 về Bình ổn giá

Nội dung của chính sách này là hoàn thiện cơ chế bình ổn giá theo hướng linh hoạt trong các tình huống. Theo đó, sẽ không quy định danh mục cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại Luật Giá để thể hiện rõ vai trò

của biện pháp bình ổn giá là có tính thời điểm trong một bối cảnh kinh tế - xã hội nhất định và giao thẩm quyền cho Chính phủ quyết định mặt hàng cũng như thời gian áp dụng được giới hạn theo mục tiêu thực hiện bình ổn giá. Bên cạnh đó, củng cố các quy định về trường hợp áp dụng bình ổn giá để tránh sự lạm dụng không cần thiết nhưng vẫn phải đảm bảo đáp ứng được tính cấp thiết trong triển khai.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Đối với danh mục thực hiện bình ổn giá được quy định tại Điều 15 Luật giá gồm 11 hàng hóa, dịch vụ; Các trường hợp thực hiện bình ổn giá được quy định tại Điều 16 của Luật. Tuy vậy, thực tiễn công tác triển khai biện pháp bình ổn giá còn nhiều bất cập, cụ thể:

- Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo đó, cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, gây khó khăn khi quyết định thế nào là giá biến động bất thường hoặc có ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội để triển khai. Thực tiễn biện pháp bình ổn giá mới chỉ được triển khai một lần đối với giá sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi và một lần thí điểm đối với giá dịch vụ bốc dỡ Công-te-nơ.

- Việc điều chỉnh danh mục mặt hàng còn phức tạp, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần triển khai ngay đối với một biện pháp điều tiết có tính thời điểm. Quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật giá thì "*Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện Bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.*" Việc giải trình để Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét quyết định sẽ mất một khoảng thời gian khá dài theo quy định; trong khi đó việc thực hiện Bình ổn giá phải mang tính chất tức thời, trong thời điểm hàng hóa dịch vụ có biến động bất thường, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lợi ích của các tổ chức cá nhân, mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát,… Trong thực tế thì khi có phát sinh mặt hàng có biến động lớn, ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung và kinh tế xã hội cần phải có biện pháp bình ổn giá nhưng không thực hiện được vì không nằm trong danh mục (ví dụ như mặt hàng thịt lợn thời gian qua). Vì vậy, việc đặt thẩm quyền quyết định điều chỉnh danh mục cụ thể cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng như việc quy định điều kiện để đưa mặt hàng nào đó vào thực hiện bình ổn giá vẫn còn thiếu sự linh hoạt, không kịp thời theo diễn biến của thị trường. Điều này cũng tương tự với chính sách về định giá khi Chính phủ thiếu cơ chế pháp lý để thực hiện ngay công tác điều hành trong các trường hợp cần thiết. Do vậy có thể nói qua hơn 8 năm thực hiện, chính sách này vẫn chưa phát huy hết được tính hiệu lực, hiệu quả.

- Bên cạnh đó, trong danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá quy định trong Luật hiện nay có những mặt hàng từ khi Luật giá đưa vào thi hành đến nay

chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá (như thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật…); Theo đánh giá cho thấy với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp theo thì một số mặt hàng nên được xem xét đưa ra hoặc nghiên cứu đưa vào danh mục thực hiện bình ổn giá theo từng thời kỳ.

- Các biện pháp để thực hiện bình ổn giá vẫn còn chưa mang tính thực tế cao, áp dụng biện pháp bình ổn giá trong thực tế từ khi Luật giá ra đời đến nay rất khó thực thi; do đó khi lựa chọn phương pháp thực hiện vẫn còn gây nhiều khó khăn. Vì vậy, cần nghiên cứu một quy trình thống nhất, chi tiết, nguyên tắc thực hiện khi thực hiện bình ổn giá. Đặc biệt đối với việc áp dụng thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá cần phải đưa ra khỏi hệ thống biện pháp bình ổn giá, xác định đây là một quy trình bắt buộc, phải thực hiện ngay từ khi có dấu hiệu biến động giá; kết quả của hoạt động sẽ được xem xét để áp dụng hay không biện pháp bình ổn giá, nhất là khi áp dụng biện pháp định giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể đối với mặt hàng bình ổn giá.

- Đối với việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương, mặc dù tại Luật cũng như các văn bản dưới Luật có quy định về quyền, trách nhiệm và các trường hợp thực hiện bình ổn giá tại địa phương theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân. Tuy nhiên lại ràng buộc điều kiện là phải trong trường hợp Chính phủ triển khai bình ổn giá thì các địa phương mới thực hiện theo chủ trương chung và hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành nên đã làm giảm tính linh hoạt trong thực hiện chính sách bình ổn giá ở các địa phương. Đặc biệt là những trường hợp biến động giá chỉ là vấn đề có tính cục bộ tại địa phương trong một số trường hợp như thiên tai, dịch bệnh chỉ phát sinh trên các địa bàn nhất định.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Khắc phục tồn tại, hạn chế, tăng cường công tác tổ chức thực hiện theo hướng linh hoạt, gắn trách nhiệm bình ổn giá với trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực, tạo công cụ pháp lý đầy đủ, hiệu quả cho công tác kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội và hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành giá

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1: Chỉ thực hiện rà soát, điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá hiện nay tại Luật cho phù hợp với thực tiễn, đưa các mặt hàng cần thiết được đánh giá trong thời gian gần đây vào danh mục.

3.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể:

- Không quy định danh mục cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong Luật; Củng cố các quy định cụ thể về các trường hợp áp dụng biện pháp để tránh sự lạm dụng không cần thiết nhưng vẫn phải đảm bảo tính cấp thiết trong triển khai. Giao thẩm quyền quy định danh mục cụ thể cho Chính phủ quyết định thay vì Ủy ban thường vụ Quốc hội như quy định hiện hành. Các vấn đề về phân công, phân cấp và tổ chức thực hiện được điều chỉnh như sau:

- Trên cơ sở nhiệm vụ Chính phủ giao, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ vào tình hình thực tế, các nguyên tắc tại Luật giá đề xác định, đề xuất mặt hàng bình ổn giá và phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thực hiện bình ổn giá gắn với hàng hóa, dịch vụ và biện pháp bình ổn giá được thực hiện trong một thời gian nhất định trên phạm vi cả nước hoặc từ 2 địa phương trở lên.

- Giao thẩm quyền cho địa phương thực hiện bình ổn giá trên phạm vi địa bàn của mình trong trường hợp khẩn cấp tương tự với quy định về bình ổn giá tại trung ương. Việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương cần tuân thủ quy trình trình Thủ tướng Chính phủ (sau khi xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ chuyên ngành) về chủ trương thực hiện bình ổn giá một hàng hóa cụ thể trên địa bàn.

- Đưa ra quy trình cụ thể việc lựa chọn phương pháp thực hiện bình ổn giá, quy trình thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương; Trong đó, bỏ biện pháp đăng ký giá với hiệu lực không cao *(sẽ được đề cập chi tiết tại chính sách 5)*, đưa biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá thành một trong các quy trình khi thực hiện các biện pháp định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; Đồng thời nghiên cứu để bổ sung giải pháp để nhà nước có các biện pháp hỗ trợ phù hợp trong một số trường hợp khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai nhằm kịp thời bình ổn giá cả thị trường, đảm bảo đời sống cho người dân và xã hội (tăng cường sự hỗ trợ ngân sách nhà nước đối với các trường hợp này).

3.3.3. Giải pháp 3: Sửa đổi toàn diện cơ chế bình ổn giá theo hướng:

- Bỏ các quy định về danh mục mặt hàng bình ổn giá; theo đó, tại Luật chỉ quy định các nguyên tắc để xác định các trường hợp phải bình ổn giá, gắn với đó là các biện pháp bình ổn giá cụ thể để khi có phát sinh có thể áp dụng đối với bất cứ mặt hàng nào. Tuy nhiên cần củng cố các nguyên tắc áp dụng theo hướng quy định chặt chẽ các trường hợp áp dụng khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh… Trong trường hợp cụ thể và căn cứ theo nguyên tắc đã được quy định tại Luật, Chính phủ sẽ quyết định loại hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn và biện pháp bình ổn trong một khoảng thời gian cụ thể.

- Các quy định về thẩm quyền địa phương, quy trình thực hiện tương tự với giải pháp thứ 2.

3.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách

3.4.1. Giải pháp 1:

a. Tác động tích cực/lợi ích:

- Đối với kinh tế - xã hội: Trong thực tiễn triển khai, áp dụng các biện pháp bình ổn giá tạo công cụ pháp lý, kinh tế tài chính cho công tác điều hành giá các mặt hàng thực hiện bình ổn giá và đã kết hợp đồng bộ các quy định của pháp luật về quản lý giá với các cơ chế chính sách quản lý chuyên ngành đã góp

phần quan trọng trong việc kiểm soát giá các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khi có biến động, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an ninh xã hội trong thời gian qua.

b. Tác động tiêu cực/chưa hợp lý:

- Đối với kinh tế - xã hội: Việc quy định cứng danh mục và khi muốn đưa một mặt hàng vào danh mục bình ổn giá thì Chính phủ phải trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, việc này sẽ không đáp ứng được tính kịp thời, linh hoạt của các biện pháp thực hiện bình ổn giá. Vì theo tính chất áp dụng việc thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với một hàng hóa, dịch vụ nào đó thì mặt hàng đó có biến động bất thường hoặc mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội; vì vậy việc thực hiện bình ổn giá cần thực hiện ngay. Điều này sẽ gây ra tác động mạnh tới mặt bằng giá, ảnh hưởng đến việc điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

- Đối với công tác thực thi: Việc không có quy định cụ thể về nguyên tắc, quy trình, phương pháp lựa chọn cụ thể sẽ gây khó khăn cho công tác thực hiện từ Trung ương đến địa phương; làm chậm và kém hiệu quả việc thực hiện biện pháp này.

3.4.2. Giải pháp 2:

a. Tác động tích cực/lợi ích:

- Đối với kinh tế: Việc không quy định danh mục cụ thể trong Luật, đồng thời việc giao thẩm quyền cho Chính phủ quyết định danh mục và phương pháp sẽ tạo điều kiện cho việc điều hành linh hoạt, đáp ứng kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh đối với công tác bình ổn giá khi thực tế yêu cầu cần thực hiện tại thời điểm thị trường của hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc xảy ra cạnh tranh không lành mạnh về giá.

Đồng thời việc bình ổn giá mặt hàng, dịch vụ có tính thiết yếu tác động nhiều đến mặt bằng giá sẽ góp phần ổn định mặt bằng giá, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bao quát cả trường hợp dịch bệnh, thiên tai, bão lũ...

- Đối với xã hội: Khi sử dụng biện pháp bình ổn giá một cách có hiệu quả về cả mặt phương pháp và phương thức thực hiện sẽ góp phần kiểm soát mặt bằng giá, tạo niềm tin của người dân và tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên thị trường.

- Đối với công tác thực thi: Khi xây dựng được quy định cụ thể về nguyên tắc, quy trình, phương pháp lựa chọn cụ thể sẽ tạo điều kiện cho công tác thực hiện từ Trung ương đến địa phương; nâng cao hiệu quả thực thi và đáp ứng tính cấp thiết của việc thực hiện bình ổn giá.

b. Tác động tiêu cực/chưa hợp lý:

- Khi không quy định cứng danh mục và để cho thẩm quyền Chính phủ quyết định có thể dẫn đến tình trạng lạm dụng sử dụng biện pháp này có thể ảnh

hưởng đến nguồn ngân sách nhà nước nếu áp dụng đối với các mặt hàng do Nhà nước thực hiện quản lý.

- Việc quy định này sẽ dẫn đến việc thay đổi hầu hết kết cấu, quy định tại Luật hiện nay của biện pháp bình ổn giá.

3.4.3. Giải pháp 3:

a. Tác động tích cực/lợi ích:

Việc này sẽ đảm bảo tính linh hoạt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong triển khai biện pháp. Tuy nhiên cần quy định thật chặt chẽ đối với các điều kiện để xem xét thực hiện bình ổn giá để tránh việc lạm dụng sử dụng biện pháp này; có thể xem xét gắn với việc thực hiện bình ổn đối với việc sửa đổi về khái niệm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và giá cả biến động bất thường

- Đối với xã hội: Tạo niềm tin của người dân và tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên thị trường khi có những biện pháp kịp thời góp phần ổn định mặt bằng giá, ổn định cuộc sống, hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Tác động tiêu cực: Việc không quy định danh mục cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có thể khiến cho giải pháp chính sách dễ bị nhìn nhận là lạm dụng biện pháp điều tiết bình ổn giá.

3.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

Mỗi biện pháp có những ưu nhược điểm khác nhau; tuy nhiên trong quá trình triển khai thực tế hiện nay đồng thời thông qua kinh nghiệm thực thi Luật giá; đề nghị sửa theo hướng Biện pháp thứ 2.

Bên cạnh đó, qua đánh giá của Bộ Tài chính, tương đồng với quan điểm và triển khai bình ổn giá tại một số nước, giải pháp 3 với nguyên tắc không cần quy định danh mục cụ thể cũng là một giải pháp chính sách có tính đột phá, cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá trong quá trình tiếp thu ý kiến rộng rãi từ các Bộ, ngành, các đối tượng chịu tác động từ chính sách.

4. Chính sách 4 về hiệp thương giá

Nội dung của chính sách này là điều chỉnh các quy định hiện hành về phạm vi áp dụng là chỉ đối với các hàng hóa, dịch vụ có yếu tố độc quyền địa bàn, có lợi thế về tính chất mặt hàng và dẫn đến cạnh tranh hạn chế nhưng do doanh nghiệp quyết định giá; Đồng thời giới hạn chủ thể đề nghị hiệp thương chỉ giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, quy định rõ hơn trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công và mức giá tạm thời do cơ quan tổ chức hiệp thương quyết định trong trường hợp không hiệp thương thành công.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Thực tế, trong những năm qua theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tổ chức hiệp thương giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ sau: Than bán cho 4 hộ tiêu dùng lớn (điện, xi măng, phân bón, giấy); Cước vận chuyển than cho sản xuất điện bằng đường sông; Vật liệu nổ công nghiệp bán cho khai thác khoáng sản; Phí tra nạp nhiên liệu cho máy bay. Tại địa phương, công tác hiệp thương giá theo quy định của Luật Giá chủ yếu thực hiện theo phân cấp và được Sở Tài chính chủ trì, tổ chức hiệp thương theo đúng trình tự quy định. Một số địa phương đã tổ chức hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia như: Sở Tài chính Ninh Bình đã tổ chức hiệp thương giá xử lý nước thải của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Nam tại Khu Công nghiệp Khánh Phú vào tháng 3/2014. Sở Tài chính Quảng Ngãi đã thực hiện hiệp thương giá đối với các công ty vận tải thực hiện đậu xe ở các bến xe, bến cảng...

Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền nhưng chưa đến mức phải có sự can thiệp từ Nhà nước bằng biện pháp định giá; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá. Tuy nhiên, hiện đã phát sinh một số bất cập cần khắc phục. Cụ thể là:

- *Về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá (Khoản 1 Điều 25 Luật giá)* quy định 2 trường hợp được hiệp thương giá. Trong đó, đối với việc quy định hàng hóa, dịch vụ hiệp thương không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là không cần thiết do tính chất của biện pháp định giá nhà nước là việc nhà nước *quyết định giá* nên không thể phát sinh trường hợp các bên không thỏa thuận được mức giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc quy định điều kiện hiệp thương giá trong thực tế lại chưa quy định rõ về tính chất của các bên mua, bán hàng hóa, dịch vụ. Với bản chất của biện pháp hiệp thương giá là việc cơ quan nhà nước đứng ra làm trọng tài cho việc đàm phán, thỏa thuận giá thì việc phát sinh hiệp thương sẽ chỉ đúng trong trường hợp khi giữa các bên là doanh nghiệp với doanh nghiệp không thể thỏa thuận được giá mua bán hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, phải gắn với cả tính chất của hàng hóa, dịch vụ là phải có tính độc quyền (cả độc quyền mua và độc quyền bán) hoặc phụ thuộc không thể thay thế, có thị trường hạn chế. Ví dụ trong trường hợp hiệp thương giá than bán cho điện trong thực tế thì 2 bên không thể thống nhất được mức giá là Tập đoàn điện lực và Tập đoàn than khoáng sản, Tổng công ty Đông Bắc nhưng không có mặt hàng khác để thay thế nên ngay cả bên mua cũng không có lựa chọn khác... là phù hợp với bản chất, điều kiện, yêu cầu của việc thực hiện hiệp thương giá. Tuy nhiên đối với trường hợp hiệp thương giá theo đề xuất của Bộ Y tế đối với sinh phẩm y tế phục vụ chuẩn đoán Covid – 19 thì lại phát sinh giữa Bộ Y tế và doanh nghiệp là chưa

thật sự phù hợp với bản chất biện pháp cũng như các quy định khác liên quan đến muc sắm nhà nước theo Luật đấu thầu.

Từ thực tiễn triển khai hiệp thương giá cho thấy, việc quy định thẩm quyền yêu cầu hiệp thương giá của *"Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh"* (Điều 23 Luật giá) là không cần thiết, dễ gây các cách hiểu khác nhau trong triển khai pháp luật; Biện pháp hiệp thương giá được quy định nhằm giải quyết các phát sinh tranh chấp có tính chất thị trường, khắc phục các bất cập trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền, phụ thuộc nên yêu cầu về hiệp thương giá chỉ xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của các bên mua và bên bán.

- *Về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công* chưa rõ ràng; chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia hiệp thương bao gồm cả bên mua, bên bán và cơ quan tổ chức hiệp thương. Điều này trong một số trường hợp có thể khiến việc hiệp thương giá diễn ra kém hiệu quả khi các bên không có đầy đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo cho việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công; đôi khi cũng như có thể dẫn đến sự tùy ý trong cách xác định mức giá tạm thời khi các quy định về quy trình cơ bản về cách xác định mức giá hiện chưa nằm tại Luật.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Làm rõ vai trò của công tác, hiệp thương giá trong việc khắc phục những vướng mắc về giá trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có yếu tố độc quyền; ngăn ngừa tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán). Thông qua hiệp thương giá, cơ quan Nhà nước được tham gia với vai trò trọng tài để hai bên mua bán trao đổi thống nhất giá thể hiện được tính đúng đắn, phù hợp của cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay và trong giai đoạn tới.

4.3. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1: Không thay đổi các quy định về biện pháp hiệp thương giá

Giải pháp 2: sửa đổi bổ sung thêm một số quy định pháp luật theo hướng:

- Quy định phạm vi thực hiện hiệp thương giá chỉ thực hiện đối với việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ quan trọng, được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế, có tính chất độc quyền mua, độc quyền bán, phụ thuộc lẫn nhau *giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp*. Việc mua sắm nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật đấu thầu và không thuộc phạm vi hiệp thương giá (theo đó bỏ quy định tại điểm a Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 23 Luật giá).

- Quy định cụ thể về tính pháp lý của mức giá hiệp thương thành công và mức giá tạm thời trong trường hợp không hiệp thương thành công; Gắn với quy

định rõ trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện mức giá trên. Cụ thể theo hướng:

+ Mức giá hiệp thương thành công sẽ là mức giá do 2 doanh nghiệp thỏa thuận quyết định phù hợp với thị trường; Cơ quan hiệp thương chỉ có trách nhiệm giám sát việc thực hiện mức giá này của các đơn vị.

+ Mức giá tạm thời sẽ do cơ quan hiệp thương căn cứ hồ sơ phương án giá mua, phương án giá bán của các bên để quyết định trên cơ sở cân đối hài hòa các yếu tố chi phí, lợi nhuận hợp lý của bên bán và bên mua theo tính chất mặt hàng. Bên bán và bên mua chịu trách nhiệm pháp lý về thực hiện đúng mức giá này trong thời gian quy định và tổ chức thỏa thuận về mức giá khi hết thời gian áp dụng.

4.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách

4.4.1 Giải pháp 1:

a) Tác động tích cực:

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Không có thay đổi nhiều đối với các quy định hiện hành về chính sách, hệ thống pháp luật không chịu ảnh hưởng

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí quản lý của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực:

- *Tác động vào hệ thống pháp luật:* Việc giữ nguyên các quy định hiện hành về biện pháp hiệp thương giá sẽ tiếp tục khiến cho việc hiệp thương giá trong một số trường hợp bị lạm dụng, không phù hợp với bản chất. Việc sử dụng hiệp thương giá giữa nhà nước và doanh nghiệp để mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước có thể bị chồng chéo với quy định pháp luật về mua sắm nhà nước với nhiều hình thức đấu thầu, mua sắm.

Việc không quy định cụ thể về trách nhiệm triển khai cũng như cơ sở pháp lý của mức giá sẽ làm cho các bên tham gia hiệp thương gặp vướng mắc trong việc xác định mức giá phù hợp.

- *Tác động về xã hội:* Hiệu lực hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về hiệp thương giá không cao do quy định hiện hành vẫn khiến cho việc thực hiện hiệp thương giá trong một số trường hợp chưa đúng với bản chất biện pháp.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình, cách thức để xác định mức giá tạm thời khi cơ quan tổ chức hiệp thương phải ra quyết định mức giá tạm thời do đó có thể dẫn đến sự chưa rõ ràng về pháp lý của mức giá hiệp thương gắn với pháp lý, trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương khi xác định mức giá này.

4.4.2 Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật/thay đổi chính sách

a) Tác động tích cực

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Việc khoanh vùng rõ phạm vi hiệp thương giá sẽ tránh được tình trạng có các cách hiểu khác nhau về việc hiệp thương giá; Việc hiệp thương chỉ thực hiện giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp là đúng với bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với bản chất của biện pháp và mục tiêu của biện pháp; Đảm bảo việc áp dụng thực tiễn thuận lợi, thông suốt. Trên cơ sở đó sẽ làm rõ được mục đích của hiệp thương giá không phải là biện pháp can thiệp hay điều tiết của Nhà nước.

Việc sử dụng hiệp thương giá giữa nhà nước và doanh nghiệp để mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước cần đảm bảo đúng theo Pháp luật về đấu thầu và các quy định liên quan, không thuộc phạm vi hiệp thương giá của Luật giá.

Việc loại bỏ quy định về điều kiện hiệp thương theo yêu cầu của "*Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh"* cũng giúp cho các cơ quan linh hoạt hơn trong việc thực hiện hiệp thương, không gây nhiều cách hiểu khác nhau, mâu thuẫn trong triển khai thực hiện pháp luật. Nhất là sẽ tránh có cách hiểu khác về Nhà nước có can thiệp vào giá mua – bán của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định về quy trình, cách thức để xác định mức giá tạm thời sẽ giúp thống nhất cách xác định mức giá tạm thời cũng như bảo đảm cơ sở pháp lý, trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương khi xác định mức giá này. Cơ quan tổ chức hiệp thương cũng có đầy đủ pháp lý vững chắc hơn để đảm bảo cho việc đưa ra mức giá có tính thuyết phục, đúng quy định của pháp luật.

- *Tác động về xã hội:* Gia tăng cơ hội có việc làm bởi khi doanh nghiệp huy động được vốn từ nền kinh tế sẽ có điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh. Tăng niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật, vào môi trường đầu tư, kinh doanh.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp, Luật Cạnh tranh và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Và có sự tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực:

Qua rà soát nhận định không thấy có tác động tiêu cực trong việc triển khai giải pháp này.

4.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là Giải pháp 2.

Đối với việc bổ sung quy định về quy trình, cách thức để xác định mức giá tạm thời sẽ giúp thống nhất cách xác định mức giá tạm thời cũng như bảo đảm cơ sở pháp lý, trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương khi xác định mức giá này.

5. Chính sách 5 về biện pháp kê khai giá

Nội dung của chính sách này là gộp cơ chế đăng ký giá với kê khai giá để tăng cường hiệu lực thực hiện đối với biện pháp kê khai giá là công cụ quản lý, điều hành giá (gián tiếp), nắm bắt thông tin hiệu quả về giá, đáp ứng yêu cầu quản lý giá trong tình hình hiện nay. Gắn với đó là thu hẹp, làm rõ phạm vi thực hiện kê khai giá, đồng thời củng cố cơ chế công khai minh bạch thông tin, các giải pháp giám sát, kiểm tra thực hiện.

5.1. Xác định vấn đề bất cập

- *Đối với biện pháp kê khai giá* tại Luật giá quy định kê khai chỉ là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa thuộc danh mục kê khai giá; Doanh nghiệp có trách nhiệm bán hàng hóa, dịch vụ theo mức giá đã kê khai (có thể tăng, giảm trong phạm vi 5%); Giảm sát biến động chi phí, yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng đặc thù này thông qua công tác kê khai giá. Tuy nhiên, các quy định về cơ chế giám sát thực hiện, cơ chế kiểm soát hoạt động kê khai giá, và nhất là việc xử lý của cơ quan tiếp nhận kê khai khi phát hiện trường hợp điều chỉnh giá bất hợp lý là chưa cụ thể, rõ ràng nên không phát huy hết hiệu quả của cơ chế này.

- *Về danh mục kê khai giá:* Số lượng mặt hàng hiện đang quy định kê khai giá là khá nhiều, tổng là 26 mặt hàng (trong đó có 11 mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá). Tuy nhiên, trong thực tế thi hành chưa thể hiện rõ ràng hiệu quả của công tác kê khai giá; kết quả xử phạt trong lĩnh vực kê khai giá còn hạn chế.

Về mức giá kê khai, thời điểm kê khai và hình thức kê khai theo quy định hiện hành đã có hạn chế nhất là đối với một số mặt hàng có đặc điểm rất đa dạng, phong phú về chủng loại, tên thương mại nên khi thực hiện kê khai danh mục kê khai của một mặt hàng sẽ rất khó khăn; một mặt khác là nếu tiếp tục áp dụng thời điểm kê khai trước khi mua bán hàng hóa là không phù hợp với thực tiễn hiện nay, làm giảm tính chủ động của doanh nghiệp, nhất là yếu tố cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi yếu tố giá hàng hóa, dịch vụ thường phải đưa ra quy định kịp thời với xu hướng thị trường tại một thời điểm nhất định.

- *Bên cạnh đó, đối với biện pháp đăng ký giá,* hiện nay là một trong các biện pháp để thực hiện bình ổn giá; Theo đó, trong trường hợp Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá và sử dụng biện pháp đăng ký giá thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện gửi bản đăng ký giá (bao gồm cả việc giải trình về các yếu tố chi phí hình thành giá) để cơ quan quản lý rà soát. Tuy vậy, việc áp dụng biện pháp đăng ký giá đến nay lại rất hạn chế (mới chỉ thực hiện 01 lần đối với giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi) do các bất cập:

+ Theo phân tích từ chính sách đã đề cập, việc thực hiện bình ổn giá rất hạn chế nên kéo theo việc triển khai các biện pháp nằm trong bình ổn giá cũng không được áp dụng nhiều trong thực tiễn.

+ Bản thân biện pháp đăng ký giá có đặt ra chế định kiểm soát của nhà nước nhưng khó khả thi vì những phức tạp về yếu tố cấu thành giá, chi phí đặc thù,... rất khó xác định, đánh giá theo chuẩn mực. Các quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP mới chỉ quy định về quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá mà chưa có các quy định về kiểm soát hoặc chế tài xử lý kèm theo.

Về mặt hình thức, 2 biện pháp kê khai giá, đăng ký giá có tính chất tương đồng cao, chỉ khác nhau việc báo cáo, giải trình các yếu tố hình thành giá với cơ quan quản lý.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả của hoạt động kê khai giá là một biện pháp quản lý, theo dõi nắm bắt thông tin về giá. Trên cơ sở đó, gộp quy định về đăng ký giá với kê khai giá và bỏ quy định đăng ký giá.

5.3. Các giải pháp đề xuất

5.3.1. Giải pháp 1: Về cơ bản vẫn giữ 2 biện pháp như hiện hành; Tuy nhiên cần quy định cơ chế kê khai đặc thù đối với các hàng hóa, dịch vụ có biến động giá liên tục hoặc những hàng hóa là đầu vào cho sản xuất các hàng hóa, dịch vụ khác phải được thực hiện tương tự như đối với đăng ký giá.

5.3.2. Giải pháp 2:

- Gộp cơ chế đăng ký giá với biện pháp kê khai giá và bỏ quy định về biện pháp đăng ký giá khỏi các biện pháp bình ổn giá. Theo đó, mức giá kê khai là mức giá do doanh nghiệp tự quyết định nhưng có kèm theo biểu thuyết minh tổng hợp về các yếu tố chi phí để theo dõi giám sát. Đồng thời phân định thời điểm kê khai sẽ được thực hiện sau khi đơn vị quyết định giá cho phù hợp thực tế hiện nay, đảm bảo thực thi quyền chủ động của doang nghiệp trong định giá hàng hóa, dịch vụ.

- Gắn với đó, thu hẹp phạm vi kê khai giá theo nguyên tắc lựa chọn các hàng hóa thiết yếu, đặc biệt quan trọng hoặc một số hàng hóa độc quyền sản xuất, kinh doanh và có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá phải được quy định cụ thể; Theo đó, trên cơ sở tham mưu của Bộ Tài chính, Chính phủ quy định chi tiết danh mục gắn với phân công, phân cấp cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai tiếp nhận để một mặt củng cố cơ sở pháp lý cho hoạt động này, nhưng vẫn phải bảo đảm tính linh hoạt trong thực thi phải có rà soát, điều chỉnh danh mục hàng năm.

- Việc phân công tiếp nhận kê khai giá tại trung ương sẽ theo nguyên tắc kế thừa quy định hiện hành, nhưng sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp với chức năng quản lý Nhà nước của các Bộ ngành; Theo đó, cơ quan tiếp nhận kê khai sẽ gồm Bộ Tài chính và các Bộ ngành quản lý lĩnh vực mặt hàng. Việc phân cấp tiếp nhận kê khai tại địa phương thực hiện tương tự với trung ương; Đồng thời cũng quy định trách nhiệm về tổng hợp báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính để thực hiện vào báo cáo thị trường của Quý.

- Đồng thời quy định rõ về nguyên tắc đối với việc rà soát điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai tại Trung ương và địa phương đảm bảo phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn; bổ sung cơ chế công khai thông tin về giá kê khai, cơ chế giám sát, kiểm tra thực hiện và chế tài xử lý vi phạm.

5.4. Đánh giá tác động chính sách

5.4.1 Giải pháp 1:

a) Tác động tích cực:

- *Tác động về kinh tế - xã hội: Tác động về giới:* Không phát sinh các chính sách mới nhiều mà chỉ mang tính rà soát, hợp lý hóa các quy định hiện hành đối với một số hàng hóa đặc thù, không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí quản lý của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực:

- Việc không thay đổi cơ cấu chính sách hiện hành sẽ vẫn dẫn đến tình trạng biện pháp đăng ký giá không có tính hiệu lực, hiệu quả và biện pháp kê khai giá lại chưa thể hiện vai trò của cơ quan quản lý trong xử lý kết quả kê khai.

5.4.2 Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật/thay đổi chính sách

a) Tác động tích cực

- *Tác động về hiệu lực quản lý nhà nước*: Kê khai giá là biện pháp quản lý giá phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế thời gian qua đã cho thấy thông qua hoạt động kê khai, một mặt bảo đảm được quyền và lợi ích của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong việc tự định giá; Nhưng thông qua kê khai như là một biện pháp giám sát của Nhà nước sẽ giúp cho việc mua bán hàng hóa, dịch vụ được thuận lợi hơn. Tuy nhiên, khi đã gộp đăng kí giá với kê khai giá, đồng thời để khắc phục tồn tại hạn chế của hoạt động này thì cần thiết phải có quy định cơ bản thuyết minh cơ cấu chi phí, yếu tố hình thành giá khi thực hiện kê khai giá sẽ giúp cơ quan quản lý triển khai hiệu quả chức năng của mình trong việc kiểm soát việc tăng, giảm giá của một số nhóm hàng hóa đặc thù, thiết yếu và ngăn chặn tình trạng lợi dụng vị thế độc quyền để tăng giảm giá bất hợp lý.

Gắn với đó, việc quy định rõ và thu hẹp phạm vi thực hiện kê khai giá, quy định danh mục cụ thể sẽ giúp cho việc triển khai biện pháp đảm bảo đúng các nguyên tắc về kinh tế thị trường, giảm tính kiểm soát của Nhà nước đối với các mặt hàng không cần thiết. Việc quy định rõ nguyên tắc phân công, phân cấp tiếp nhận kê khai giá tại Luật cũng đảm bảo điều kiện triển khai các quy định hiện hành được thuận lợi, tránh tình trạng lạm dụng chính sách, hiểu sai về chính sách.

- Việc thu hẹp phạm vi cũng như gộp 2 biện pháp đăng ký giá, kê khai giá sẽ giúp giảm bớt thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; Ngoài ra, việc quy định biện pháp Thông báo giá với vai trò để cung cấp thông tin điều hành cũng không phát sinh thủ tục hành chính, là kênh thông tin cập nhật quan trọng cho cơ quan điều hành trong triển khai các biện pháp chung.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Việc thu hẹp phạm vi cũng như gộp 2 biện pháp đăng ký giá, kê khai giá sẽ giúp giảm bớt thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; Ngoài ra, việc quy định biện pháp Thông báo giá với vai trò để

cung cấp thông tin điều hành cũng không phát sinh thủ tục hành chính, là kênh thông tin cập nhật quan trọng cho cơ quan điều hành trong triển khai các biện pháp chung.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; vẫn đảm bảo sự tương thích, phù hợp với các quy định hiện hành. Bên cạnh đó đơn giản hóa 2 biện pháp đã được quy định tại Luật giá hiện nay để tạo thuận lợi cho quá trình triển khai

b) Tác động tiêu cực:

Việc nâng cao vai trò của cơ quan quản lý đối với biện pháp kê khai giá có thể khiến cho một số đơn vị nhận định việc gia tăng thủ tục hành chính, tăng sự kiểm soát của cơ quan nhà nước trong bối cảnh thực hiện cơ chế thị trường. Tuy nhiên cần nhận định việc thực hiện biện pháp kê khai giá theo giải pháp này là sự kết hợp giữa cả biện pháp đăng ký giá trước đây và kê khai giá, khiến cho việc thực hiện đơn giản hơn, với phạm vi áp dụng chỉ ở diện hẹp đối với một số mặt hàng nhất định.

5.5. Đề xuất lựa chọn chính sách

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là Giải pháp 2. Việc sửa đổi toàn diện đối với 2 biện pháp đăng ký giá – kê khai giá sẽ giúp cho việc triển khai biện pháp trong thực tiễn có tính hiệu lực, hiệu quả cao, gia tăng vai trò của cơ quan quản lý đối với một số nhóm mặt hàng đặc thù cần kê khai. Bên cạnh đó vẫn hình thành biện pháp về thông báo giá để đáp ứng nhu cầu về thông tin kịp thời trong công tác quản lý, điều hành.

6. Chính sách 6 về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và kiểm tra thực hiện pháp luật về giá.

Nội dung của chính sách này là bổ sung các quy định pháp lý cụ thể để điều chỉnh hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình giá cả thị trường gồm các nội dung về: nguyên tắc thực hiện, nguồn thông tin, trách nhiệm cung cấp thông tin của các đơn vị, phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin, dự báo giá cả thị trường; Cơ chế chỉ đạo, điều hành giá, trách nhiệm triển khai các biện pháp quản lý, điều hành giá; Kinh phí phục vụ hoạt động. Bên cạnh đó, Luật hóa và đưa các quy định hiện nay tại Nghị định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá quy định tại Luật để tăng cường cơ sở pháp lý cho công tác tổ chức thực hiện.

Đồng thời, củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá trên nền tảng thông tin từ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá để đảm bảo tăng cường công tác hậu kiểm đối với việc triển khai các chính sách pháp luật về giá; Đồng thời có chế tài cụ thể xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá.

6.1. Xác định vấn đề bất cập

a. Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường giá cả trong thời gian qua là một hoạt động thường xuyên định kỳ về cơ bản đã góp phần tham mưu cho các cấp thẩm quyền các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường. Trong thực tiễn triển khai công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường; đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cơ quan thường trực giúp việc cho Chính phủ, Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá; tham mưu giúp việc cho Chính phủ đưa ra các quyết định điều hành, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Mặc dù Thủ tướng đã có quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động của Ban chỉ đạo được triển khai tương đối hiệu quả, tạo nền tảng thực tiễn rất tốt cho công tác quản lý, điều hành trong thời gian qua. Tuy nhiên thể chế đối với nhiệm vụ này còn yếu, chưa có những cơ chế rõ ràng, hành lang pháp lý vững chắc để triển khai sâu rộng từ trung ương đến địa phương, thể hiện ở một số hạn chế như:

- Nội dung về tổng hợp, phân tích, dự báo, điều hành chỉ được nêu ngắn gọn tại Điều 7 Luật giá quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, nhưng trong thực tiễn chưa có quy định, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác này nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn chưa được thể chế rõ ràng, quy định rải rác tại một số văn bản dưới Luật như Thông tư 116/2018/TT-BTC, Quyết định 690/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo điều hành giá... mà chưa đặt tại các văn bản có hiệu lực pháp lý cao như Luật hay Nghị định. Các nhiệm vụ triển khai hiện nay còn mang tính giao việc hành chính, chưa có quy phạm có tính nguyên tắc để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

- Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo để làm nền tảng cho công tác chỉ đạo, điều hành chưa có nền tảng pháp lý trong Luật giá, dẫn đến hiệu lực triển khai còn hạn chế, có độ trễ về cung cấp thông tin và chất lượng thông tin cũng như chưa xác định được trách nhiệm rõ ràng khi xảy ra biến động bất thường về giá, hạn chế trong việc phối hợp thực hiện lộ trình điều chỉnh giá các dịch vụ thiết yếu theo lộ trình thị trường. Bên cạnh đó cũng chưa có cơ sở pháp lý để triển khai thông suốt từ trung ương đến địa phương.

b. Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá; đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia chung của Chính phủ và cơ sở dữ liệu

ngành Tài chính. Mặt khác, giá cả là vấn đề có tính tổng hợp, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của các Bộ, ngành, do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có tính bao quát, đầy đủ được đánh giá là vô cùng cấp thiết.

Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát, đánh giá thi hành Luật giá và các văn bản hướng dẫn cho thấy cơ sở pháp lý về nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá còn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong quá trình xây dựng, thu thập thông tin từ các Bộ, ngành ngoài Bộ Tài chính. Cụ thể như tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP hiện nay đưa ra một số quy định chung về trách nhiệm trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá gồm cả Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lính vực và các địa phương; Tuy nhiên các nội dung quy định chi tiết tại Thông tư 142/2015/TT-BTC thì chỉ có thể đề cập được đến trách nhiệm của Bộ Tài chính và các địa phương. Do vậy, trách nhiệm về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá hoặc cung cấp thông tin về giá của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa được thực thi hiệu quả.

Một mặt khác, việc quy định các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá như hiện nay mặc dù tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các đơn vị trong xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhưng thực tiễn cho thấy hiện nay các Bộ, ngành đều chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về giá đối với ngành, lĩnh vực. Do đó, việc đặt ra vấn đề xây dựng các cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành là khó khả thi và cần nghiên cứu các giải pháp chính sách nhằm có mô hình xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

c. Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về giá hiện nay cũng đã được các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giá. Tuy nhiên hiện nay cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kiểm tra thi hành còn chưa được quy định rõ ràng tại Luật; Một mặt khác, công tác kiểm tra, hậu kiểm việc thi hành các chính sách về giá cũng còn gặp khó khăn khi chưa có nền tảng thông tin từ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo cũng như cơ sở dữ liệu về giá nhằm kịp thời phát hiện ra các hiện tượng về giá cả hàng hóa và có các biện pháp kiểm tra, kiểm soát kịp thời.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Nâng cao vai trò pháp lý của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thành một trong các nhiệm vụ chính của cơ quan quản lý nhà nước về giá bên cạnh các nhiệm vụ điều tiết về giá cụ thể. Qua đó thể hiện rõ chủ trương, định hướng trong việc phát triển cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của nhà nước; từng bước khẳng định vai trò của Nhà nước trong điều tiết kinh tế vĩ mô, ổn định, kiểm soát lạm phát chung.

- Củng cố hoạt động và nâng cao hiệu quả công tác tổng hợp, phân tích dữ báo giá cả thị trường để tạo cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác tham mưu, điều hành của Chính phủ.

- Đồng thời, củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về giá.

- Củng cố và nâng cao tính pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá. Xác định rõ quyền và trách nhiệm của các đơn vị trong việc cung cấp và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung một số quy định có tính nguyên tắc trong triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo tại nội dung quản lý nhà nước về giá. Trong đó tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai nhiệm vụ này.

6.3.2. Giải pháp 2: được xây dựng trên cơ sở bổ sung toàn diện thêm 01 chương tại Luật *"Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá và kiểm tra thi hành pháp luật về giá"* Theo đó, cụ thể hóa quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá.

- Nguyên tắc và nội dung của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường; Trong đó công tác tổng hợp, phân tích dự báo giá sẽ phục vụ cho việc nắm bắt tổng thể mặt bằng giá cả thị trường, nghiên cứu phân tích, dự báo giá cả các mặt hàng, xây dựng kịch bản điều hành giá, kiểm soát lạm phát chung. Trên cơ sở đó tham mưu cho công tác quản lý, điều hành giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cũng như công tác điều hành giá vĩ mô của Chính phủ, góp phần trong tổng thể việc triển khai phát triển kinh tế vĩ mô.

- Trách nhiệm đầu mối của Bộ Tài chính, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ về tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường. Cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin về điều hành để tạo thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin, dự báo giá; phương pháp xây dựng kịch bản điều hành giá, đề xuất tham mưu

- Cơ chế chỉ đạo, điều hành giá (Trong đó sẽ có quy định về việc thành lập và chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu và quyền hạn của Ban Chỉ đạo điều hành giá);

- Kinh phí cho hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá.

- Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP để nâng cao cơ sở pháp lý đối với nhiệm vụ này vào một mục thuộc chương tổng hợp, phân tích, dự báo giá, gồm các nội dung:

+ Nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

+ Đối tượng và trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

+ Yêu cầu về dữ liệu, phương pháp tổng hợp dữ liệu, biểu mẫu thống kê, kỳ báo cáo, thời gian báo cáo, phương thức kết nối dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu

chuyên ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá... Trách nhiệm về công khai và cung cấp dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

+ Cơ chế và kinh phí phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Công tác kiểm tra: Các quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, thủ tục, quy trình trong việc thực hiện công tác kiểm tra.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về hệ thống pháp Luật: Việc bổ sung những quy định có tính nguyên tắc trong triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá tại Luật sẽ giúp tạo nền tảng pháp lý cho việc xây dựng, thể chế các quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn dưới Luật; Khi phát sinh vấn đề sửa đổi, bổ sung các quy định sẽ dễ dàng hơn trong triển khai sửa đổi các văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực

Việc hoàn thiện hơn các nguyên tắc căn bản tại Luật mặc dù là phương án đơn giản, dễ triển khai khi xây dựng chính sách và giao thẩm quyền cho Chính phủ hướng dẫn chi tiết; Tuy nhiên hiệu lực pháp lý vẫn chưa thật sự đảm bảo so với tầm quan trọng của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá.

6.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với Nhà nước: Việc cụ thể hóa các quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và bổ sung quy định về vị trí pháp lý của Ban Chỉ đạo điều hành giá đã thể hiện rõ nét nhất quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi cơ chế quản lý nhà nước về giá theo hướng đề cao, coi trọng quản lý vĩ mô, kết hợp với quản lý cụ thể, sử dụng biện pháp điều tiết giá hạn chế trong trường hợp cần thiết.

Thông qua công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá, các chính sách điều hành giá vĩ mô và các chính sách điều hành cụ thể được cập nhật nhanh chóng, đầy đủ dữ liệu phục vụ kịp thời cho công tác điều hành của Chính phủ, tăng cường phản ứng chính sách của các cơ quan quản lý trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của việc triển khai các nhiệm vụ về quản lý, điều hành giá, đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác chỉ đạo, điều hành nói chung và tổng hợp, phân tích dự báo nói riêng. Qua đó, phục vụ hiệu quả công tác quản lý điều hành giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung theo mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đề ra;

Nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo và cơ chế phối hợp hiệu quả hơn. Việc xây dựng quy trình, phương pháp tổng hợp, phân tích, dự báo cụ thể sẽ giúp cho thông tin dữ liệu giá cả được chuẩn hóa hơn và các quyết định chính sách sẽ kịp thời và hiệu quả hơn. Đồng thời, gắn trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhằm tạo lập nguồn thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành cũng như nhu cầu xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp, người dân: Việc củng cố quy định pháp lý về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và cơ chế chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ sẽ góp phần hiệu quả giúp cho lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu, qua đó góp phần ổn định chi phí sinh hoạt và chi phí sản xuất cho người dân.

Mặt khác, việc củng cố pháp lý đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá cũng sẽ giúp cho xã hội, người dân tiếp cận tốt hơn với nguồn thôn tin tin cậy về giá.

- *Tác động về hệ thống pháp luật:* Việc Luật hóa và bổ sung một chương về tổng hợp phân tích, dự báo giá sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện của tất cả các cơ quan từ trung ương đến địa phương. Nếu các quy định chi tiết chỉ được đặt tại Nghị định vô hình chung sẽ làm giảm vị thế, tầm quan trọng công tác quản lý, điều tiết vĩ mô của Chính phủ.

Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; Giải pháp chính sách tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- *Tác động về xã hội:* Tăng niềm tin vào sự ổn định của giá cả nói riêng và nền kinh tế nói chung, tăng điều kiện được hưởng thụ các dịch vụ công với chất lượng cung cấp tốt hơn, chất lượng cuộc sống tốt hơn, góp phần ổn định xã hội.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* không phát sinh các thủ tục hành chính mới.

b) Tác động tiêu cực: Trong công tác soạn thảo Luật cần rất cẩn trọng để tránh các cách hiểu không chính xác, cho rằng Nhà nước tăng cường quản lý giá bằng mệnh lệnh hành chính.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với công tác quản lý giá trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là Giải pháp 2.

7. Chính sách 7 về thẩm định viên về giá

Nội dung của chính sách này là sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành để củng cố một số tiêu chuẩn đối với thẩm định viên về giá, cũng như các điều kiện tiêu chuẩn hành nghề đối với thẩm định viên về giá nhằm cảnh báo, ngăn chặn tình trạng thông đồng trong hoạt động thẩm định giá; xử lý các chồng chéo, vướng mắc trong quản lý thẩm định viên về giá; đồng thời thực hiện chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên về giá theo năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá để hướng đến tính chuyên nghiệp, chuyên sâu, đề cao trách nhiệm của thẩm định viên về giá trong hoạt động nghề nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ chuẩn hóa việc đào tạo cấp chứng chỉ và công tác cập nhật kiến thức hàng năm cho thẩm định viên phải được gắn với chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá, tránh dàn trải không kiểm soát được chất lượng hoạt động.

7.1. Xác định vấn đề bất cập

a. Theo quy định của Luật giá, tiêu chuẩn của thẩm định viên về giá bao gồm: có năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan; tốt nghiệp đại học chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 36 tháng trở lên sau khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có chứng chỉ đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cho thấy, quy định trên nảy sinh một số vấn đề bất cập sau:

- Luật chưa quy định thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo phải là thời gian làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá với nhiệm vụ công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, do đó, nhiều trường hợp đã làm việc 36 tháng, nhưng không phải tại các doanh nghiệp thẩm định giá và công việc không liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá. Vì vậy, mặc dù những trường hợp này đủ điều kiện cấp thẻ thông qua các kỳ thi, nhưng chất lượng chuyên môn cơ bản không đáp ứng được ngay các nghiệp vụ thẩm định giá.

Một mặt khác là hoạt động thẩm định giá có tính chuyên môn sâu, thẩm định viên phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình trong quá trình thẩm định giá, nhưng vẫn cần thiết phải có các chế định chi tiết, cụ thể hơn để cảnh báo, ngăn chặn và điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, kiềm chế các trường hợp trao đổi, thông đồng làm méo mó kết quả thẩm định giá. Như vậy, cùng với việc tăng cường quản lý chặt khâu cấp thẻ là phải chú trọng nhiều hơn cho việc củng cố kiện toàn các điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động của thẩm định viên.

- Theo quy định hiện hành, người được cấp thẻ thẩm định viên về giá là có đủ điều kiện thẩm định các loại tài sản. Tuy nhiên, thực tế cho thấy thẩm định viên khi hành nghề sẽ cơ bản làm chuyên sâu trong một lĩnh vực về thẩm định giá bất động sản (khoảng 65%) hoặc vừa làm bất động sản, vừa làm về máy, thiết bị và một số ít làm về giá trị doanh nghiệp. Trong khi đó, để được cấp thẻ phải thi đủ các môn gồm: Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá; Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá; Thẩm định giá bất động sản; Thẩm định giá máy, thiết bị; Thẩm định giá doanh nghiệp và Môn Ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ C); điều này là không cần thiết, sẽ làm tăng chi phí cho người muốn trở thành thẩm định viên về giá, lãng phí nguồn lực của xã hội. Trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi hoạt động thẩm định giá phải có chuyên môn sâu về lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu từ thực tế, vì trong nhiều trường hợp khi thẩm định giá doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình do chưa có chuyên môn sâu nên đã ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động, và với số lượng thẩm định viên tham gia trong lĩnh vực này rất hạn chế sẽ khó đáp ứng được yêu cầu thực tế sẽ phát sinh trong thời gian tới khi đẩy mạnh triển khai hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần; xác định giá trị thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ… Kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng một số nước cũng phân loại thẩm định viên theo loại tài sản như: bất động sản, doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình….

- Theo quy định tại Luật giá, người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề trong tất cả các lĩnh vực (không bị giới hạn); trong khi đó, hiện Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá cũng được xây dựng đồng bộ và đầy đủ để áp dụng trong thẩm định giá hầu hết các loại tài sản từ bất động sản đến các loại động sản. Tuy nhiên, một số pháp luật chuyên ngành ban hành sau Luật giá như Luật đất đai năm 2013 lại quy định người có thẻ thẩm định viên về giá vẫn phải tham gia khóa học về định giá đất mới đủ điều kiện hoạt động tư vấn định giá đất cho cơ quan nhà nước (bản chất của việc tư vấn định giá đất là việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tư vấn xác định giá đối với tài sản đặc thù là đất đai của nhà nước) là mâu thuẫn, tăng thêm các tiêu chuẩn điều kiện không cần thiết và sẽ gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, các thẩm định viên về giá theo quy định tại Luật giá.

- Vấn đề đào tạo cấp chứng chỉ và cập nhật kiến thức hàng năm cho thẩm định viên là yếu tố rất quan trọng đến chất lượng thẩm định viên. Tuy nhiên việc thực hiện thời gian qua là chưa có chế định để nâng cao chất lượng, kiểm soát hoạt động này. Hiện tại Nghị định 89/NĐ-CP và Thông tư số 38/TT-BTC có quy định về vấn đề này nhưng chưa rõ cơ chế phải thực hiện như thế nào, chưa gắn được với công tác quản lý thẩm định giá nên rất khó để chế tài các tổ chức, các nhân thực hiện không tốt.

b. Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết

Sẽ tiếp tục có một số thẩm định viên thiếu kinh nghiệm thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, không có trình độ chuyên môn sâu theo từng nhóm tài sản thẩm định giá; nên khi hành nghề thực tế dễ phát sinh vướng mắc, sai sót, chất lượng dịch vụ không cao. Số lượng lớn thẩm định viên tốn nhiều công sức để được cấp thẻ thẩm định viên về giá và về nguyên tắc được phép thẩm định giá tất cả các loại tài sản, nhưng sau đó cơ bản chỉ tập trung vào hoạt động thẩm định giá bất động sản, điều này là rất lãng phí. Việc pháp luật chuyên ngành quy định thêm về một số loại chứng chỉ/giấy chứng nhận định giá với tiêu chuẩn chuyên môn không cao bằng thẻ thẩm định viên về giá là tăng thêm các điều kiện không cần thiết, gây chồng chéo pháp luật và lãng phí cho xã hội.

c. Nguyên nhân gây ra vấn đề:

Một số quy định của Luật hiện không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay là phát triển theo chiều sâu, tập trung vào nâng cao chất lượng của nghề thẩm định giá. Luật giá là luật gốc về giá nhưng vẫn thiếu các quy định mang tính nguyên tắc để khẳng định vị trí, vai trò của công tác thẩm định giá; đồng thời với đó là yếu tố cục bộ trong quản lý ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành nên đã phát sinh thêm các điều kiện không cần thiết để điều chỉnh hoạt động thẩm định giá.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nâng cao chất lượng thẩm định viên về giá thông qua củng cố, tăng cường tiêu chuẩn, điều kiện của thẩm định viên về giá cả ở khâu cấp thẻ và khâu hoạt động thẩm định giá, gắn với đó là nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của thẩm định viên trong hoạt động thẩm định giá.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

7.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện hành.

7.3.2. Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, cụ thể:

- Quy định khi tham gia thi cấp thẻ thẩm định viên về giá, người dự thi phải đáp ứng tiêu chuẩn 36 tháng kinh nghiệm là thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá, với công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, giúp việc cho các thẩm định viên trong các cuộc thẩm định giá tài sản cụ

thể, như: hỗ trợ khảo sát, thu thập thông tin, lập dự thảo chứng thư, báo cáo kết quả thẩm định giá...

- Chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên để bảo đảm tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá. Theo đó, tại thẻ thẩm định viên về giá sẽ thể hiện rõ lĩnh vực chuyên môn của thẩm định viên theo nhóm tài sản thẩm định giá: (1) Thẩm định viên về giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ thông thường (ví dụ như bất động sản, máy thiết bị, các tài sản thông thường khác...) và (2) Thẩm định viên về giá các tài sản tài chính (ví dụ như doanh nghiệp, tài sản vô hình, thương hiệu...). Như vậy, một mặt sẽ nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá thông qua việc chuyên môn hóa lĩnh vực hoạt động của thẩm định viên để đảm bảo tính chuyên nghiệp, chuyên sâu; mặt khác sẽ giúp cho việc giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước được hiệu quả hơn; Việc phân định chi tiết các nhóm tài sản này sẽ tiếp tục được đánh giá, phân định rõ ràng, cụ thể trong quá trình soạn thảo Luật.

- Bổ sung quy định để làm rõ phạm vi hoạt động của thẩm định viên tương ứng với lĩnh vực chuyên môn được ghi trên thẻ thẩm định viên; thẩm định viên sẽ không phải trang bị thêm các chứng chỉ/chứng nhận chuyên môn khác như hiện nay (theo quy định tại Luật Đất đai 2013 và Nghị định số: 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường, thẩm định viên về giá khi tham gia tư vấn xác định giá đất phải có Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành).

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và đối tượng khác có liên quan

7.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Các quy định hiện hành đã tạo điều kiện cho thị trường kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phát triển với số lượng trên 2300 thẩm định viên về giá, các thẩm định viên đã tham gia tích cực vào hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá phục vụ nhu cầu của xã hội với nhiều mục đích khác nhau, như: mua, bán, sáp nhập, chuyển nhượng, góp vốn, thi hành án, vay vốn ngân hàng... với đa dạng các loại tài sản từ bất động sản, máy thiết bị, doanh nghiệp, tài sản vô hình.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Thậm chí trong lĩnh vực này,

giới nữa sẽ có nhiều cơ hội tham gia hơn vì đòi hỏi tính cẩn trọng, kiên nhẫn và luôn phải nghiên cứu học tập để cập nhật kiến thức chuyên môn mới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân. Thủ tục hành chính hiện tại đảm bảo được quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia.

- Chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

- Đối với khách hàng thẩm định giá: không nâng cao được chất lượng dịch vụ thẩm định giá, ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của khách hàng thẩm định giá.

- Đối người có nhu cầu thi cấp thẻ thẩm định viên về giá: mất nhiều thời gian và công sức không cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng về các kiến thức liên quan đến thẩm định giá tất cả các loại tài sản; cũng như phải mất chi phí và công sức dự kỳ thi và phải đỗ tất cả các môn thi để được cấp thẻ thẩm định viên về giá như hiện nay (thẻ không phân theo nhóm tài sản), nhưng có khi lại không hành nghề thẩm định giá đối với một nhóm tài sản nào đó.

- Đối với thẩm định viên về giá: do thẻ thẩm định viên về giá không phân loại theo nhóm tài sản nên nhiều khi không có kiến thức chuyên sâu về tất cả các tài sản cần thẩm định, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động thẩm định giá. Bên cạnh đó, đối với các thẩm định viên đã có thẻ thẩm định viên về giá, những quy định của các pháp luật chuyên ngành vẫn bắt buộc phải học thêm các kiến thức thuộc chuyên môn của mình, điều này gây lãng phí không cần thiết; thẩm định viên vừa mất công sức và chi phí để có các chứng chỉ/chứng nhận định giá chuyên ngành để tham gia hoạt động tư vấn định giá cho cơ quan nhà nước.

- Đối với hệ thống pháp luật, giải pháp chính sách chưa tạo được sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật theo định hướng Luật giá là luật gốc về quản lý giá.

7.4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi các quy định hiện hành về tiêu chuẩn thẩm định viên về giá.

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với xã hội: Bảo vệ tài sản của khách hàng và người sử dụng kết quả thẩm định giá thông qua việc thẩm định viên về giá được chuyên nghiệp hóa và tăng cường kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ thẩm định giá; ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần ổn định xã hội. Đồng thời, xã hội được sử

dụng dịch vụ thẩm định giá với chất lượng cao và chuyên sâu hơn; kết quả thẩm định giá có độ tin cậy.

+ Đối với thẩm định viên về giá: do thẻ thẩm định viên về giá chuyên sâu theo nhóm tài sản, nên thẩm định viên có điều kiện để tập trung học tập, thực hành chuyên môn, từ đó góp phần nâng cao chất lượng thẩm định viên về giá. Khi quy định thẩm định viên về giá được thực hiện các hoạt động tư vấn định giá theo nhóm tài sản được phép của từng loại thẻ thẩm định viên về giá sẽ giúp giảm chồng chéo trong các quy định của pháp luật, cũng như giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo cấp chứng chỉ định giá chuyên ngành, củng cố địa vị pháp lý của thẩm định viên về giá trong hoạt động tư vấn định giá, thẩm định giá.

+ Đối với người dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá: giảm thời gian và công sức (trong việc đào tạo, bồi dưỡng; tham dự các kỳ thi…) đối với người chỉ có nhu cầu tham gia hoạt động thẩm định giá tài sản đối với một nhóm tài sản nào đó.

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá: tạo điều kiện phân bổ hợp lý nguồn lực xây dựng hệ thống quản lý khi thẩm định viên về giá được phân thành 2 lĩnh vực hoạt động, giúp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý đối với thẩm định viên về giá nói riêng và đối với hoạt động thẩm định giá nói chung.

- Tác động về giới: Hiện nay số lượng thẩm định viên là nam chiếm khoảng 55%, nữ khoảng 45% và nhiều doanh nghiệp thẩm định giá có đại diện pháp luật, Giám đốc/Tổng giám đốc doanh nghiệp là nữ. Chính sách mới không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Tác động tiêu cực/chi phí

Quy định trước mắt nhìn chung không phát sinh tăng chi phí thực hiện thủ tục hành chính; về lâu dài theo lộ trình chuyển tiếp các thẩm định viên hiện tại muốn tiếp tục hành nghề phải chuyển đổi thẻ sang các loại phù hợp, khi đó phát sinh chi phí để chuyển đổi thẻ.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực ở mức thấp nhất là giải pháp 2.

8. Chính sách 8 về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Nội dung của chính sách này là tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,

nhất là trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Qua đó, siết chặt quản lý hoạt động thẩm định giá nhằm một mặt đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá, góp phần chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, lợi ích nhóm trong lĩnh vực giá; một mặt bảo đảm tính tương đồng đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính tương tự.

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật giá hiện quy định điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gồm:

(i) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

(ii) Có ít nhất 3 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó có chủ doanh nghiệp đối với loại hình công ty TNHH một thành viên, có ít nhất 2 thành viên hợp danh đối với loại hình công ty hợp danh, có ít nhất 2 thành viên góp vốn đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, có ít nhất 2 cổ đông đối với loại hình công ty cổ phần;

(iii) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với loại hình công ty hợp danh, công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, chủ doanh nghiệp đối với loại hình doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(iv) Đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định, đồng thời người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Thực tế triển khai cho thấy cần phải có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hiện nay, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động và kiểm soát sự phát triển nóng doanh nghiệp thẩm định giá, cụ thể là:

(1) Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đòi hỏi tính chuyên môn cao và phức tạp; kết quả thẩm định giá mặc dù mang tính chất tư vấn, nhưng lại có giá trị cao giúp các chủ thể trong việc đưa ra quyết định về mức giá hợp lý của tài sản. Tuy nhiên, hiện nay các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá quá mở nên số lượng doanh nghiệp thẩm định giá tăng quá nhanh; hơn nữa với số lượng trên 2300 thẩm định viên như hiện nay thì việc doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 03 thẩm định viên, chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 02 thẩm định viên là có thể thực hiện cung cấp dịch vụ thẩm định giá đối với tất cả các tài sản trên thị trường, như vậy là khó đáp ứng được yêu cầu về chất lượng công việc ngày càng tăng nhanh, đòi hỏi quy trình thực thi chặt chẽ hơn.

(2) Công tác thẩm định giá có tính chuyên môn sâu, vì vậy đòi hỏi người đứng đầu doanh nghiệp phải là người vừa có chuyên môn nhưng phải có kinh nghiệm. Tuy nhiên Luật giá chưa có các quy định cụ thể về kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, nhiều thẩm định viên mới được cấp thẻ thẩm định viên, chưa am hiểu về thị trường, thiếu các kiến thức hành nghề đã thành lập và là người đứng đầu doanh nghiệp thẩm định giá, sau đó thu hút khách hàng bằng hạ giá dịch vụ dẫn đến chất lượng dịch vụ bị suy giảm. Để tạm thời khắc phục, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ cũng đã bổ sung điều kiện kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá.

(3) Về hình thức doanh nghiệp, hiện doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo loại hình công ty cổ phần. Tuy nhiên, đối với loại hình này thì việc rà soát bảo đảm tính khách quan trong quá trình thẩm định giá, hạn chế các lợi ích liên quan giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá là rất cần thiết, nhất là trong trường hợp các công ty cổ phần trở thành công ty đại chúng, có nhiều cổ đông; Vì vậy, cần có giải pháp để kiểm soát phù hợp.

- *Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết*

Doanh nghiệp thẩm định giá phát triển về số lượng nhưng không đi kèm với chất lượng, tốn kém chi phí và khó khăn trong công tác quản lý nhà nước; xuất hiện tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá dịch vụ, nhiều vụ việc thẩm định giá chất lượng dịch vụ thấp ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng và người sử dụng kết quả thẩm định giá, gây bức xúc trong dư luận và xã hội; lãnh đạo doanh nghiệp thẩm định giá do không có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ trong việc hành nghề thẩm định giá nên việc điều hành doanh nghiệp thẩm định giá, cũng như việc kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá kém hiệu quả, chứa đựng nhiều rủi ro trong kinh doanh.

- *Nguyên nhân gây ra vấn đề:* Quy định pháp luật về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được đánh giá là quá mở, hiện không còn phù hợp với giai đoạn phát triển theo hướng nâng cao chất lượng của nghề thẩm định giá.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ thẩm định giá; đảm bảo công khai, minh bạch, độc lập, khách quan trong hoạt động thẩm định giá; hoàn thiện cơ chế, khung pháp lý để chấn chỉnh khâu tổ chức thực hiện trong hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

8.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng.

8.3.2. Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật theo hướng:

- Đối với điều kiện thành lập doanh nghiệp thẩm định giá: bổ sung, hoàn thiện quy định để chuyên môn hóa theo hai nhóm lĩnh vực tài sản thẩm định giá như tại chính sách thứ 7 (Thẩm định giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ thông thường và Thẩm định giá tài sản tài chính). Trong đó, doanh nghiệp hoạt động trong một lĩnh vực ngoài quy định bắt buộc người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá phải có thẻ thẩm định viên về giá được phép hành nghề cả hai lĩnh vực, thì phải có thêm thẩm định viên về giá có thẻ tương ứng với lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: có thêm ít nhất 02 thẩm định viên); trường hợp hoạt động cả hai lĩnh vực thì doanh nghiệp thẩm định giá phải có thêm thẩm định viên về giá có thẻ tương ứng ở lĩnh vực hoạt động thứ hai (ví dụ: có thêm ít nhất 02 thẩm định viên).

- Đối với điều kiện thành lập chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá: phải bảo đảm có giám đốc chi nhánh đáp ứng điều kiện về loại thẻ tương tự giám đốc doanh nghiệp; chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo nhóm tài sản nào (nhóm bất động sản, máy thiết bị và các hàng hóa, dịch vụ thông thường hay nhóm doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình) thì thẩm định viên (ví dụ: ít nhất 01 thẩm định viên) phải có thẻ thẩm định viên về giá theo lĩnh vực hoạt động tương ứng.

- Về cơ cấu người tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp: bổ sung quy định ràng buộc phải có đối tượng là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp với tỉ lệ vốn góp của các thẩm định viên đủ để có thể kiểm soát các quyết định trong hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời bổ sung các quy định để kiểm soát sở hữu chéo dẫn đến giảm tính độc lập, khách quan trong kết quả thẩm định giá. Đưa các quy định về tiêu chuẩn của thẩm định viên là người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc tại doanh nghiệp vào Luật để tăng cường tính pháp lý, hướng đến việc quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

Việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải được kiện toàn theo hướng chặt chẽ thông qua các quy trình kiểm tra, xác minh và giải trình để qua đó kiểm soát việc thành lập doanh nghiệp thẩm định giá. Nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện các quy định về giám sát, quản trị doanh nghiệp cho phù hợp với các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính; các dịch vụ tư vấn pháp luật,... (kinh doanh có điều kiện). Qua đó, tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động ngăn ngừa rủi ro. Đồng thời loại bỏ các quy định chồng chéo trong việc yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá có báo cáo riêng trong hoạt động một số lĩnh vực (chuyển giao công nghệ, định giá đất...), loại bỏ các quy định ràng buộc hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá trong một số lĩnh vực thông qua ban hành danh sách doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện (như chuyển giao công nghệ, ngân hàng...).

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

8.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá:điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá rất mở, do đó, nếu giữ nguyên hiện trạng dự kiến số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá sẽ tăng nhanh, theo đó, phần thu phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nộp vào ngân sách Nhà nước có thể tăng.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí

- Tác động về kinh tế: cạnh tranh không lành mạnh về giá dịch vụ thẩm định giá, chất lượng dịch vụ thẩm định giá thấp ảnh hưởng đến lợi ích của người sử dụng kết quả thẩm định giá, khách hàng thẩm định giá, trong đó có các cơ quan nhà nước; tăng chi phí quản lý nhà nước về giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của các doanh nghiệp.

- Tác động về xã hội: Niềm tin của xã hội vào chính sách, pháp luật, hiệu lực quản lý nhà nước bị ảnh hưởng; nhiều sai phạm của các doanh nghiệp thẩm định giá gây bức xúc trong dư luận.

8.4.2. Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Đối với khách hàng thẩm định giá: dễ dàng trong việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá có lĩnh vực chuyên môn sâu, có chất lượng dịch vụ thẩm định giá tốt, tăng niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật, vào môi trường đầu tư, kinh doanh.

+ Đối với doanh nghiệp thẩm định giá: tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh bằng chất lượng dịch vụ; các doanh nghiệp thẩm định giá được phân loại theo chuyên môn sâu giúp thuận lợi và chủ động trong việc nâng cao trình độ thẩm định viên, cũng như kiểm soát tốt chất lượng hoạt động thẩm định giá và tăng cơ hội tiếp cận với khách hàng.

Thẩm định giá là ngành nghề có tính đối nhân thay vì đối vốn, các thẩm định viên cần chịu trách nhiệm cao hơn đối với toàn bộ vấn đề của doanh nghiệp

thay vì chỉ chịu trách nhiệm đối với phần vốn của mình. Qua đó giúp tăng cường trách nhiệm, tính tuân thủ, giảm thiểu các sai phạm có thể xảy ra.

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá: giảm chi phí giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Quy định trước mắt nhìn chung không phát sinh tăng chi phí thực hiện thủ tục hành chính; Ngoài ra, việc thay đổi một số vấn đề về điều kiện hoạt động doanh nghiệp có thể phát sinh chi phí để chuyển đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là giải pháp 2.

9. Chính sách 9 về hoạt động thẩm định giá của nhà nước

Nội dung của chính sách này là giới hạn lại quy định rõ phạm vi (những trường hợp) thẩm định giá của nhà nước. Trên cơ sở đó, kiện toàn hoạt động này cho phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý nhà nước về giá hiện nay; đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công, sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm hiệu quả. Theo đó, làm rõ trách nhiệm thực hiện, phương thức thực hiện, và sử dụng kết quả thẩm định giá Nhà nước trong các trường hợp. Đồng thời, tạo lập cơ sở pháp lý cho các trường hợp thực hiện thẩm định giá nhà nước nhưng trong bối cảnh dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, khẩn cấp... cần phải đáp ứng ngay các nhu cầu của Nhà nước, xã hội.

9.1. Xác định vấn đề bất cập

- Về phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước hiện nay là khá rộng và chưa rõ phạm vi áp dụng. Điều 44 Luật giá quy định 4 trường hợp: (1). Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (2). Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; (3). Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; (4). Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê

duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 21/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó thuật ngữ "tài sản nhà nước" đã được thay thế bằng thuật ngữ "tài sản công", đồng thời nội hàm của tài sản công cũng được chi tiết và rõ ràng hơn, cụ thể: *Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác*. Như vậy, nếu chỉ thay thuật ngữ "tài sản nhà nước" bằng thuật ngữ "tài sản công" trong phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước tại Luật giá thì phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước sẽ được giới hạn lại, nhưng không áp dụng được với các trường hợp khác như việc các cơ quan nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, thuê tài sản, liên doanh, liên kết với các đơn vị ngoài nhà nước thì cũng cần thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước theo thẩm quyền.

- Về phương thức hoạt động thẩm định giá Nhà nước, Luật giá quy định thuộc trách nhiệm của cơ quan đơn vị.... Tuy nhiên, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm thẩm định giá theo quy định của Luật giá, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả thẩm định giá. Trên cơ sở đó, việc thành lập Hội đồng thẩm định giá như thế nào, điều kiện thành lập là gì, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên như thế nào Luật giao Chính phủ quy định tại Nghị định. Trong khi đó những nội dung liên quan đến điều kiện thành lập các doanh nghiệp thẩm định giá lại được quy định rõ tại Luật giá; Điều này vô hình chung làm vị thế pháp lý của Hội đồng thẩm định giá nhà nước bị yếu đi, công cụ quản lý giá quan trọng này của nhà nước bị xem nhẹ.

Thực tiễn trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như nhiều địa phương đã thực hiện việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng… thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định về giá mua, bán tài sản… qua đó góp phần kiểm soát tài sản công, tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả. Tuy vậy, một số bộ ngành, địa phương chưa chủ động trong việc thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước; không thực hiện hoặc rất ít tài sản đưa vào thẩm định giá, cán bộ tham gia công tác liên quan đến thẩm định giá thiếu kiến thức chuyên môn sâu về thẩm định giá.

- *Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:* Tình trạng lúng túng, phân vân trong việc áp dụng pháp luật về thẩm định giá nhà nước không được khắc phục, tiếp tục phát sinh nhiều hơn. Điều này có thể dẫn đến trường hợp thuộc phạm vi thẩm định giá nhà nước thì không thực hiện, trường hợp không thuộc phạm vi lại thực hiện và vấn đề không thực hiện đầy đủ việc thẩm định giá của nhà nước khi thực hiện mua bán, trao đổi… các tài sản là không bảo đảm đúng quy trình, bỏ qua một công cụ quản lý giá hiệu quả, chưa kiểm soát được giá trong các giao dịch tài sản. Một mặt khác là chuyên môn của Hội đồng cũng còn nhiều vấn đề bất cập cần củng cố tăng cường để nâng cao hiệu quả công tác này theo đúng mục tiêu đã được đặt ra ngay từ khi xây dựng Luật Giá năm 2012.

- *Nguyên nhân gây ra vấn đề:* thực tế đã có những biến động thay đổi, nhất là phạm vi áp dụng biện pháp thẩm định giá của nhà nước; một mặt khác là sau hơn 8 năm thực thi Luật giá, một số luật chuyên ngành về quản lý, sử dụng tài sản được hoàn thiện nên có tác động đến công tác thẩm định giá của nhà nước; ngoài ra còn do một số điều kiện về chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ những người làm công tác giá cũng thay đổi, nhất là những người tham gia Hội đồng thẩm định giá nhà nước.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tăng cường tính công khai, minh bạch, vị trí, vai trò của thẩm định giá nhà nước trong các hoạt động mua bán tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước.

9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

9.3.1. Giải pháp 1: giữ nguyên hiện hành nhưng có điều chỉnh về câu chữ, thay tài sản nhà nước bằng tài sản công.

9.3.2. Giải pháp 2:

Giới hạn quy định rõ phạm vi thực hiện thẩm định giá của nhà nước nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai đồng bộ, thống nhất, thuận lợi. Qua nghiên cứu có thể đánh giá việc thẩm định giá của nhà nước thường gồm các trường hợp:

- Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước;
- Bán, cho thuê, thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước;
- Mua, đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và mua tài sản sử dụng nguồn toàn bộ từ ngân sách nhà nước; nhưng trừ một số trường hợp liên quan đến mua, đi thuê tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước.

Theo đó, trong quá trình soạn thảo Luật sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, để quy định cụ thể các trường hợp thực hiện thẩm định giá của nhà nước phù hợp với thực tiễn triển khai.

Theo đó, bổ sung quy định về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá tương ứng với từng phương thức mua, bán (như nếu đấu thầu thì kết quả thẩm

định là một trong những căn cứ xác định giá tối đa để thực hiện đấu thầu; nếu đấu giá thì kết quả thẩm định giá là một trong những căn cứ xác định giá khởi điểm).

Như vậy, với việc điều chỉnh rõ phạm vi nêu trên thì trách nhiệm thẩm định giá nhà nước sẽ được gắn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị bán tài sản công, mua tài sản sử dụng ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, quy định rõ phương thức thẩm định giá là do cơ quan, đơn vị mua, bán tài sản thực hiện, nhưng được quyền thuê tổ chức thẩm định giá để thực hiện.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước áp dụng khi Nhà nước bán, chuyển nhượng quyền sử dụng, cho thuê, mua, đi thuê cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc hoặc khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thấy cần phải thành lập Hội đồng. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có quyền thuê doanh nghiệp thẩm định giá để tư vấn cho cơ quan nhà nước và Hội đồng thẩm định giá trong quá trình thẩm định giá tài sản. Tong trường hợp này kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá cũng chỉ có giá trị tư vấn, tham khảo, nhưng doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm về sai phạm của hoạt động khi không đảm bảo theo đúng quy trình, tiêu chuẩn thẩm định giá và quy định pháp luật có liên quan.

Một mặt khác, để củng cố cơ sở pháp lý cho hoạt động thẩm định giá theo phương thức Hội đồng, sẽ Luật hóa các quy định tại Nghị định 89/2013/NĐ-CP về: (1) Hội đồng thẩm định giá nhà nước; (2) Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá nhà nước; (3) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá nhà nước; (4) Các trường hợp không được tham gia thẩm định giá nhà nước; (5) Chi phí thẩm định giá tài sản nhà nước; đồng thời, bổ sung điều kiện chuyên môn của các thành viên tham gia Hội đồng, theo đó Chủ tịch Hội đồng hoặc thường trực Hội đồng phải có Chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp hoặc có thẻ thẩm định viên về giá, Thư ký Hội đồng hoặc thành viên Hội đồng phụ trách Tổ giúp việc cũng phải có Chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp hoặc có thẻ thẩm định viên về giá để bảo đảm tính tương đồng về chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá với hoạt động thẩm định giá nhà nước.

Ngoài ra, trong những trường hợp khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai hoặc thậm chí trong trường hợp chiến tranh… khi Nhà nước cần mua sắm ngay các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc diện độc quyền, khan hiếm trên thị trường để phục vụ người dân, đảm bảo an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng thì cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung quy định về phương pháp đặc thù để có thể xác định giá tài sản mua sắm Nhà nước thông qua "đàm phán giá" hoặc "thỏa thuận giá" (trừ trường hợp trưng mua, trưng dụng đã có quy định theo Luật Trưng mua trưng dụng tài sản năm 2008 và Luật Đấu thầu năm 2013). Tại Luật giá sẽ quy định các điều kiện, trường hợp thực hiện phương pháp đàm phán, thỏa thuận giá và giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện đàm phán giá phục vụ nhu cầu mua sắm Nhà nước trong trường hợp khẩn cấp.

Trong những trường hợp khẩn cấp nêu trên, nếu thực hiện đúng theo quy trình thủ tục mua hàng hóa, dịch vụ của Nhà nước như hiện nay sẽ mất rất nhiều thời gian, không đáp ứng được nhu cầu cấp thiết cũng như cơ chế mua - bán gồm rất nhiều quy trình, chính sách khiến cho các tổ chức, cơ quan, cá nhân không sẵn sàng tham gia cung ứng dịch vụ. Điển hình như việc mua Vắc-xin phòng chống dịch Covid – 19 trong thời gian qua. Nội dung này sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình xin ý kiến rộng rãi để tiếp thu và hoàn thiện chính sách đảm bảo thuận lợi cho triển khai trong thực tế, đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tiễn.

9.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

9.4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp góp phần kiểm soát chi sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của tổ chức, cá nhân.

b) Tác động tiêu cực/chi phí

- Tác động về kinh tế: Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước có thể dẫn đến tình trạng lãng phí, không kiểm soát được giá trong các giao dịch tài sản.

- Tác động về xã hội: Niềm tin của xã hội vào chính sách, pháp luật, hiệu lực quản lý nhà nước bị ảnh hưởng.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: có sự chưa phù hợp giữa các thuật ngữ sử dụng trong các văn bản pháp lý hiện hành.

9.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Tăng cường công cụ quản lý giá của nhà nước, góp phần tham gia vào hoạt động kiểm soát, sử dụng tài sản công, cũng như hoạt động chi sử dụng ngân sách nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả. Vấn đề này đã được kiểm chứng trên thực tiễn thời gian qua, tại Báo cáo hoạt động thẩm định giá nhà nước của các địa phương đã nêu: năm 2019, các cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá nhà nước ở Đăk Lăk đã ban hành 234 Kết luận thẩm định giá tài sản với tổng giá trị tài sản khoảng 713,4 tỷ đồng, tiết kiệm và tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng 11,3 tỷ đồng; tại Thành phố Hồ Chí

Minh từ năm 2013 đến hết năm 2020 đã thành lập được 664 Hội đồng thẩm định giá đất, tổng giá trị ước tính khoảng 53.720 tỷ đồng; từ năm 2013 đến hết ngày 20/11/2020, tại Sơn La đã thành lập tổng số 829 Hội đồng thẩm định giá, đã ban hành 1010 Kết luận thẩm định giá, tổng giá trị tài sản thẩm định giá là 944,65 tỷ đồng… Mặt khác, quy định như trên sẽ tạo hành lang pháp lý cho việc xác định giá mua các hàng hóa trong điều kiện khẩn cấp, bắt buộc phải mua để đảm bảo các mục tiêu lớn của Nhà nước.

- Tác động về xã hội: Minh bạch các hoạt động mua, bán của các cơ quan nhà nước; tăng niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật liên quan, đặc biệt là Luật Ngân sách nhà nước và Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Giải pháp chính sách có thể sẽ ảnh hưởng đến hoạt động bán, cho thuê, thanh lý tài sản công hoặc mua, đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, do phải thực hiện thẩm định giá, phát sinh thêm chi phí và thời gian. Tuy nhiên, thực tế chứng minh ở một số địa phương thực hiện tốt công tác thẩm định giá của nhà nước thì lợi ích mang lại là rất lớn so với chi phí bỏ ra, đặc biệt là góp phần kiểm soát được tài sản công, cũng như chi tiêu ngân sách nhà nước.

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là giải pháp 2.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi), Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật giá sửa đổi như sau:

- Đăng tải dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá, Báo cáo đánh giá tác động chính sách trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (ngày 13/07/2021). Sau 30 ngày đăng tải, Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính không nhận được ý kiến góp ý của công dân, tổ chức đối với đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi).

- Ngày 12/07/2021, Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến trực tiếp các Bộ, ngành đối với đề nghị xây dựng Luật (gồm Bộ Nội Vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Bộ Tài chính đã nhận được văn bản góp ý của các Bộ, ngành; Thực hiện đánh giá về nguồn lực tài chính cho việc xây dựng Luật (ý kiến của về nguồn lực Bộ Tài chính). Đồng thời đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo.

- Ngày 17/8/2021, Bộ Tài chính đã có công văn số 9404/BTC-QLG đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định đối với đề nghị xây dựng Luật. Ngày 26/08/2021, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 106/BC-BTP cho ý kiến thẩm định đối với đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi).

- Ngày 24/9/2021, được sử ủy quyền của Lãnh đạo Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành để rà soát, thống nhất lại một số nội dung chính sách còn có ý kiến khác nhau. Trên cơ sở đó, ngày 30/9/2021, Thường trực Chính phủ đã cho ý kiến chi tiết vào các nội dung chính sách để thống nhất các vấn đề, giải pháp đề ra.

- Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021 về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021, Bộ Tài chính đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi) theo các chỉ đạo của Chính phủ đối với nội dung các chính sách để phối hợp với Bộ Tư pháp thay mặt Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2022.

IV. Giám sát và đánh giá

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có liên quan./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Tạ Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO
Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật giá (sửa đổi)

Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 của Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023, bổ sung chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2022; Căn cứ quy định tại Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Luật Bình đẳng giới 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ban soạn thảo dự án Luật giá (sửa đổi) đã nghiên cứu, thực hiện đánh giá việc lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật như sau:

1. Lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới

Ban soạn thảo Luật đã đảm bảo thực hiện các quy định về lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng dự án Luật giá, cụ thể:

- Trong quá trình xây dựng chính sách, đã có phân tích cụ thể các tác động về giới trong việc đánh giá tác động chính sách. Báo cáo được gửi xin ý kiến rộng rãi khi thực hiện quy trình xây dựng chính sách; gửi kèm hồ sơ Luật khi xin ý kiến rộng rãi nhân dân và các đơn vị chịu tác động.

- Việc tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân được đảm bảo tiếp thu, giải trình đầy đủ. Trong đó, Bộ Tài chính không nhận được các ý kiến tham gia đối với các vấn đề về giới tại Luật.

- Tại các cuộc họp Ban soạn thảo, tổ biên tập dự án Luật, các ý kiến liên quan đến vấn đề bình đẳng giới đều cơ bản đồng thuận với các đánh giá, nội dung dự thảo của Luật.

2. Một số vấn đề về giới cụ thể liên quan đến dự thảo Luật:

Nội dung dự thảo Luật đảm bảo quyền lợi bình đẳng, không phân biệt chính sách cho nam và nữ, vì vậy không cần quy định thêm chi tiết các nội dung thi hành bảo đảm bình đẳng giới trong dự thảo Luật. Ngoài ra, có một số chính sách hiện tạo thuận lợi cho nữ giới:

- Vấn đề về thi, cấp thẻ thẩm định viên về giá: Các quy định tại dự thảo Luật không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Thậm chí trong lĩnh vực này, giới nữa sẽ có nhiều cơ hội tham

gia hơn vì đòi hỏi tính cẩn trọng, kiên nhẫn và luôn phải nghiên cứu học tập để cập nhật kiến thức chuyên môn mới.

- Vấn đề về hành nghề thẩm định giá: Hiện nay số lượng thẩm định viên là nam chiếm khoảng 55%, nữ khoảng 45% và nhiều doanh nghiệp thẩm định giá có đại diện pháp luật, Giám đốc/Tổng giám đốc doanh nghiệp là nữ. Chính sách mới không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Các nội dung khác tại Luật chủ yếu liên quan đến các cơ chế, chính sách chung, áp dụng toàn diện và không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

Trên đây là báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật giá (sửa đổi) kèm theo Hồ sơ dự án Luật.

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 114/BC-BTC	*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022*

BÁO CÁO

Về việc rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến dự thảo Luật giá (sửa đổi)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến dự thảo Luật giá (sửa đổi). Bộ Tài chính xin báo cáo kết quả rà soát như sau:

I. VỀ RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO LUẬT

1. Về sửa đổi các quy định về phạm vi điều chỉnh và bỏ các quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật

1.1. Các văn bản được rà soát

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

- Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13;

- Luật bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12;

1.2. Kết quả rà soát

- Việc sửa đổi, làm rõ các nội dung cụ thể tại phạm vi điều chỉnh của Luật không ảnh hưởng đến các quy định tại pháp luật hiện hành có liên quan: Đối với quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng sẽ chỉ giới hạn trong các vấn đề về lĩnh vực giá và không mâu thuẫn với quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng được quy định tại Luật bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12 cũng như dự thảo Luật bảo vệ người tiêu dùng (sửa đổi) dự kiến trình Quốc hội.

- Việc bỏ quy định về áp dụng pháp luật tại Luật giá *"1. Các hoạt động trong lĩnh vực giá trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này. 2. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó."* là nhằm đảm bảo tránh trùng lặp với các nguyên tắc áp dụng pháp luật đã được quy định rõ tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Điều ước quốc tế.

2. Về giải thích từ ngữ

2.1. Các văn bản được rà soát:

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13;

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

- Luật Ngân sách số 83/2015/QH13;

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;

2.2. Kết quả rà soát

- Quy định về khái niệm hàng hóa được quy định tại Luật giá và Luật thương mại 2005; theo đó, tại Luật giá quy định *"Hàng hóa là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản";* tại Luật thương mại 2005 quy định *"Hàng hóa bao gồm a) tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lại; b) Những vật gắn kèm với đất đai"*. Về cơ bản khái niệm hàng hóa tại 2 Luật là tương đồng. Ngoài ra rà soát với Bộ Luật dân sự (Điều 107) có quy định bất động sản bao gồm đất đai; theo Luật giá thì đất đai không phải tài sản được trao đổi, mua bán nên cũng không phải là hàng hóa, do vậy nội dung giải thích từ ngữ tại Luật giá (sửa đổi) được kế thừa từ Luật hiện hành cũng không mâu thuẫn với các quy định tại Luật dân sự, Luật Thương mại.

- Khái niệm về thông đồng về giá, thẩm định giá phù hợp với các quy định về thông đồng trong các lĩnh vực khác tại Bộ Luật Hình sự;

- Việc sửa đổi các giải thích từ ngữ đối với bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá và bổ sung giải thích từ ngữ đối với giá tham chiếu không mâu thuẫn xung đột và không làm điều chỉnh các nội dung tại các Luật có liên quan do đây là các từ ngữ có tính chuyên ngành riêng trong lĩnh vực giá

- Việc sửa đổi giải thích từ ngữ "thẩm định giá" theo hướng quy định rõ đây là hoạt động có tính chất "tư vấn" phù hợp với các quy định tại Luật Ngân sách, Luật đấu thầu và các pháp luật có liên quan khi quy định hình thức thẩm định giá là một trong các căn cứ để tư vấn cho người có thẩm quyền quyết định giá.

3. Về sửa đổi nội dung nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của nhà nước

3.1. Các văn bản được rà soát:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

- Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14;

- Luật bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12;

3.2. Kết quả rà soát

- Các quy định sửa đổi bổ sung nguyên tắc *"Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, **tăng trưởng xanh và phát triển bền vững**; thúc đẩy xã hội*

hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công; có chính sách về giá phù hợp với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các trường hợp theo quy định tại Luật khác có liên quan." phù hợp với các quy định tại Luật bảo vệ môi trường về các vấn đề về tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật *"Quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật"* cơ bản được kế thừa từ Luật giá hiện hành, phù hợp với các quy định tại Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh về nguyên tắc kinh tế thị trường, quyền tự cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật *"Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước."* không mâu thuẫn với các quy định về quyền lợi của người tiêu dùng nói chung được quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (dự thảo Luật này cũng đang được trình sửa đổi).

4. Về công khai thông tin về giá, thẩm định giá

4.1. Các văn bản được rà soát:

- Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14;

4.2. Kết quả rà soát

- Việc sửa đổi quy định về công khai thông tin về giá, thẩm định giá phù hợp với các quy định tại Luật tiếp cận thông tin về nội dung các thông tin phải công khai.

- Phù hợp với các quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước khi đã quy định *"Việc công khai thông tin tại Khoản 1 Điều nay không áp dụng đối với các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước và các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật."* .

5. Sửa đổi nội dung quản lý nhà nước về giá, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước

5.1. Các văn bản được rà soát:

- Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13;

- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

5.2. Kết quả rà soát:

- Việc sửa đổi một số quy định về nội dung quản lý nhà nước về giá không mâu thuẫn, chồng chéo với các Luật có liên quan về ngân sách, tài chính nói chung.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực giá được quy định tại Điều 12 dự thảo Luật phù hợp với các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của

Chính phủ được quy định tại các Điều 7, Điều 8 Luật tổ chức Chính phủ (về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong hoạch định chính sách và trình dự án luật, pháp lệnh, trong quản lý và phát triển kinh tế).

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ được quy định tại Điều 13, Điều 14 dự thảo Luật không mâu thuẫn với các quy định tại Chương V Luật tổ chức Chính phủ.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại dự thảo Luật phù hợp với các quy định về phân cấp quản lý tại Điều 25 Luật tổ chức Chính phủ và các quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương.

6. Về sửa đổi quy định về bình ổn giá

6.1. Các văn bản rà soát:

- Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13;

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.

6.2. Kết quả rà soát:

- Việc sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành và điều chỉnh Danh mục bình ổn giá cho Chính phủ ban hành (so với hiện hành là ban hành tại Luật) là nội dung chính sách đã được phê duyệt, không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong quản lý và phát triển kinh tế.

- Các biện pháp bình ổn giá phù hợp với các quy định có liên quan về cung, cầu, giá cả tại Luật Thương mại.

- Biện pháp *"biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên"* đảm bảo không mâu thuẫn với các quy định tại Luật Quản lý ngoại thương;

- Việc bổ sung, củng cố các quy định về thực hiện bình ổn giá phù hợp với các quy định về phân cấp quản lý tại Luật Tổ chức Chính phủ.

7. Về sửa đổi quy định về định giá

7.1. Các văn bản rà soát:

- Bộ Luật Hàng hải số 95/2015/QH13;

- Luật Điện lực 2014;

- Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14;

- Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13.

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

- Luật dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13;

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12;

- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12;

- Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14;

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12;

- Luật Đường sắt số 06/2017/QH14;

- Luật Khám chữa bệnh số 40/2009/QH12;

- Luật Dược số 105/2016/QH13;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

- Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15;

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13;

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

- Luật Giáo dục đại học sửa đổi số 34/2018/QH14;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

7.2. Kết quả rà soát

a. Việc bổ sung quy định về tiêu chú hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá là *"Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh."* không chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định tại Luật thương mại, hướng đến bảo vệ người tiêu dùng và chỉ điều chỉnh với một số ít hàng hóa, dịch vụ.

b. Việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thống nhất tại Luật sẽ ảnh hưởng đến các quy định có liên quan về hàng hóa, dịch vụ định giá tại một số Luật và được xử lý như sau:

- Đối với các hàng hóa, dịch vụ được đưa ra khỏi danh mục (gồm 15 nhóm hàng hóa, dịch vụ) thì tại Luật giá quy định cụ thể việc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật có liên quan nhằm tạo sự đồng bộ, thống nhất.

+ *Đối với việc bỏ dịch vụ đấu giá tài sản,* cần sửa đổi tại Luật Đấu giá tài sản theo hướng bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 78 của Luật.

+ *Đối với một số loại phí chuyển sang giá* sẽ được bãi bỏ, cần sửa đổi Phụ lục số 2 tại Luật Phí, lệ phí:

"a) Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự thứ 4;

c) Sửa đổi nội dung tên giá sản phẩm, dịch vụ tại số thứ tự thứ 6 như sau:

"Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư hoàn toàn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước";"

+ *Việc bỏ dịch vụ quy hoạch* khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được xử lý theo hướng bãi bỏ điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;

+ *Việc bỏ dịch vụ đưa người đi làm việc tại nước ngoài* ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được xử lý theo hướng bãi bỏ khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14.

+ *Việc bỏ dịch vụ công chứng* ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được xử lý theo hướng bãi bỏ khoản 2 Điều 67 của Luật Công chứng số 53/2014/QH13.

+ Việc bỏ nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được xử lý theo hướng:

"a) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 58;

b) Sửa đổi Khoản 2 Điều 61 như sau:

"2. Đối với nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư tự xác định giá thuê, giá thuê mua, giá bán."

+ Một số dịch vụ khác như *"một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"* do hiện được quy định tại cấp văn bản Nghị định nên không cần bãi bỏ tại Luật giá sửa đổi (không thuộc danh mục tại phụ lục thì sẽ không định giá).

c. Việc sửa đổi thẩm quyền của một số mặt hàng sẽ được quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo Luật giá sửa đổi và thực hiện theo nguyên tắc áp dụng pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy không cần thiết phải sửa đổi các Luật khác có liên quan và vẫn đảm bảo khả năng áp dụng.

- Thẩm quyền về quy định giá điện các loại sẽ có sự thay đổi (từ cấp Thủ tướng Chính phủ xuống cấp Bộ, cụ thể là Bộ Công Thương) sẽ phủ các quy định Luật Điện lực.

- Thẩm quyền về quy định giá tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan có sự thay đổi từ cấp Chính phủ cho cấp Bộ, cụ thể là Bộ Văn hóa.

- Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục; đất cũng có sự thay đổi thẩm quyền từ cấp Chính phủ cho các cấp Bộ chuyên ngành.

- Các dịch vụ khác có sự thay đổi về thẩm quyền như (i) sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; (ii) dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải; (iii) Nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được xây dựng chi từ nguồn ngân sách nhà nước; (iv) Hàng dự trữ quốc gia (v) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cũng có sự thay đổi về thẩm quyền theo hướng tăng cương phân công, phân cấp cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

8. Về sửa đổi các nội dung kê khai giá

8.1. Các văn bản rà soát

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;

8.2. Kết quả rà soát

Việc điều chỉnh thời điểm thực hiện kê khai giá từ *trước khi quyết định giá* sang *sau khi quyết định giá* phù hợp với các quy định về quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh tại Luật thương mại cũng như đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện, tăng cường quyền dân sự của các chủ thể kinh tế.

9. Về sửa đổi nội dung hiệp thương giá

9.1. Các văn bản rà soát

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;

9.2. Kết quả rà soát

- Việc sửa đổi chỉ thực hiện hiệp thương giá giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh là phù hợp với quan hệ kinh tế, thương mại theo quy định tại Luật Thương mại, Luật dân sự. Tuy nhiên, trong trường hợp giao dịch thương mại bình thường thì việc thỏa thuận giá là quyền dân sự của các bên nên tại Luật chỉ điều chỉnh đối với một số trường hợp đặc thù mới áp dụng hiệp thương là phù hợp.

- Các trường hợp mua sắm từ nguồn ngân sách (với một bên bán hoặc bên mua là cơ quan nhà nước) thì thực hiện theo pháp luật về đấu thầu là phù hợp với phạm vi áp dụng của Luật Đấu thầu.

10. Về nội dung điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

10.1. Các văn bản rà soát

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13;

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Luật Chuyển giao công nghệ

10.2. Kết quả rà soát

- Việc quy định rõ kết quả thẩm định giá chỉ mang tính chất tư vấn, là một trong các căn cứ để người có quyền quyết định giá của tài sản là phù hợp với các quy định hiện hành tại Luật dân sự về quyền sở hữu, định đoạt, định giá tài sản.

- Tại dự thảo Luật vẫn tiếp tục kế thừa các quy định về việc doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện chế độ báo cáo gửi về Bộ Tài chính. Các báo cáo này đã gồm toàn diện kết quả về thẩm định giá công nghệ, do vậy cần xử lý, sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ. Tại Điều 70 dự thảo cũng đã bãi bỏ quy định này để tạo sự thống nhất, tránh phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(đã ký)

Tạ Anh Tuấn

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/NĐ-CP	
	Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá về quản lý, điều tiết giá

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá về hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam.

Chương II
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Mục 1
BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 19 của Luật Giá, bao gồm:

a) Xăng, dầu thành phẩm;

b) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

c) Thóc, gạo tẻ thường;

d) Phân urê; phân NPK;

đ) Thức ăn chăn nuôi;

e) Vac – xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

g) Thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật;

h) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

i) Trang thiết bị, vật tư y tế.

2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn chi tiết mặt hàng thực hiện bình ổn giá phù hợp với từng thời kỳ đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này. Nội dung hướng dẫn chi tiết gồm các chủng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể của mặt hàng gắn với các tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật và tên gọi của chủng loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật quản lý chuyên ngành về hàng hóa, dịch vụ đó. Trách nhiệm hướng dẫn của các bộ như sau:

a) Bộ Công Thương chủ trì hướng dẫn chi tiết đối với mặt hàng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn chi tiết đối với mặt hàng quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều này.

c) Bộ Y tế chủ trì hướng dẫn chi tiết đối với mặt hàng quy định tại điểm h, điểm i khoản 1 Điều này.

Điều 4. Trình tự trình và ban hành điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất điều chỉnh bổ sung vào hoặc loại bỏ khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý trên cơ sở phân tích bối cảnh, đánh giá sự cần thiết hoặc không còn cần thiết bình ổn giá đối với mặt hàng đó.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá đến Bộ Tài chính gồm các tài liệu như sau:

a) Công văn đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, trong đó nêu rõ tên mặt hàng;

b) Báo cáo phân tích bối cảnh, đánh giá sự cần thiết hoặc không còn cần thiết bình ổn giá đối với mặt hàng đó theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều

19 của Luật giá và đánh giá tác động về việc bổ sung vào hoặc loại bỏ mặt hàng đó khỏi vào danh mục bình ổn giá;

c) Các tài liệu liên quan khác.

3. Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ ban hành điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định này thì trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ quyết định ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn tạm thời theo hình thức Nghị quyết của Chính phủ. Trách nhiệm đề xuất hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tạm thời của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thực hiện bình ổn giá

1. Việc thực hiện bình ổn giá trên phạm vi vùng hoặc cả nước được triển khai theo trình tự như sau:

a) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ đang có dấu hiệu biến động giá cần xem xét thực hiện bình ổn giá thực hiện tổng hợp thông tin giá cả, thị trường của hàng hóa, dịch vụ để đánh giá sơ bộ về tình hình biến động giá của hàng hóa, dịch vụ đó theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật giá trên phạm vi vùng là từ 2 tỉnh trở lên hoặc phạm vi cả nước. Trên cơ sở đánh giá sơ bộ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề xuất thực hiện bình ổn giá gửi Bộ Tài chính kèm theo báo cáo đánh giá sơ bộ và đề xuất mức độ, phạm vi bình ổn giá.

b) Bộ Tài chính là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo điều hành giá có trách nhiệm tổng hợp báo cáo đề xuất thực hiện bình ổn giá của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và báo cáo khác của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức có liên quan theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực hiện bình ổn giá của bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ Tài chính tham mưu, báo cáo Trưởng ban Ban chỉ đạo điều hành giá chỉ đạo tổ chức họp Ban chỉ đạo điều hành giá.

c) Trên cơ sở báo cáo đề xuất của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và báo cáo tổng hợp của Bộ Tài chính, Ban chỉ đạo điều hành giá tiến hành họp bàn về chủ trương bình ổn giá bao gồm phạm vi bình ổn là vùng hoặc cả nước, danh sách lựa chọn một số biện pháp bình ổn giá, thời hạn bình ổn giá và phân công trách nhiệm cho Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, các bộ, cơ quan ngang bộ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 21 Luật giá. Căn cứ kết quả cuộc họp Ban chỉ đạo điều hành giá, Trưởng ban chỉ đạo điều hành giá quyết định và ban hành Thông báo về chủ trương bình ổn giá.

d) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm triển khai kiểm tra yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng hoá tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có theo phân công tại Thông báo của Trưởng ban chỉ đạo điều hành giá và quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 21 Luật giá.

đ) Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra các nội dung nêu tại điểm d khoản 1 Điều này, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm ban hành Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật giá và phù hợp với chủ trương bình ổn giá tại Thông báo của Trưởng ban chỉ đạo điều hành giá.

2. Việc thực hiện bình ổn giá tại một địa phương khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ được triển khai theo trình tự như sau:

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ đang có dấu hiệu biến động giá cần xem xét thực hiện bình ổn giá thực hiện tổng hợp thông tin giá cả, thị trường của hàng hóa, dịch vụ để đánh giá sơ bộ về tình hình biến động giá của hàng hóa, dịch vụ đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật giá trên phạm vi địa phương. Trên cơ sở đánh giá sơ bộ, bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề xuất thực hiện bình ổn giá gửi Sở Tài chính kèm theo báo cáo đánh giá sơ bộ và đề xuất mức độ, phạm vi bình ổn giá.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo đề xuất thực hiện bình ổn giá của Sở quản lý ngành, lĩnh vực và báo cáo khác của các sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính. Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực hiện bình ổn giá của Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và quyết định chủ trương bình ổn giá bao gồm phạm vi bình ổn cụ thể trong phạm vi địa phương, danh sách lựa chọn một số biện pháp bình ổn giá, thời hạn bình ổn giá và phân công trách nhiệm cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, các sở, ban, ngành có liên quan.

c) Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm triển khai kiểm tra yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng hoá tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có theo phân công tại Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21, Điều 33 Luật giá trong thời gian tối đa không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định chủ trương bình ổn giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Trong 2 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra các nội dung nêu tại điểm c khoản 2 Điều này, Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Luật giá và phù hợp với chủ trương bình ổn giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành.

đ) Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá; định kỳ hàng tuần gửi báo cáo tình hình tổ chức thực hiện bình ổn giá, kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá đến Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc báo cáo đột xuất gửi Sở Tài chính theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về việc quyết định chủ trương và báo cáo định kỳ hàng tuần về tình hình tổ chức triển khai bình ổn giá đến Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo điều hành giá theo dõi, giám sát.

3. Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn cần thiết trong năm nhằm ổn định giá cả thị trường; trình tự thực hiện chương trình bình ổn giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ cần xem xét thực hiện bình ổn giá chưa phân định rõ thuộc lĩnh vực quản lý của các bộ, sở quản lý ngành, lĩnh vực thì Trưởng ban chỉ đạo điều hành giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo giao một bộ, sở quản lý ngành, lĩnh vực để thực hiện bình ổn giá theo trình tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá đã được Trưởng ban chỉ đạo điều hành giá, Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định và hướng dẫn của các bộ, sở. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 2
ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất điều chỉnh bổ sung vào hoặc loại bỏ khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý trên cơ sở phân tích bối cảnh, đánh giá sự cần thiết hoặc không còn cần thiết định giá đối với mặt hàng đó theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật giá và đánh giá tác động về việc bổ sung vào hoặc loại bỏ mặt hàng đó khỏi vào danh mục định giá.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đến Bộ Tài chính gồm các tài liệu như sau:

a) Công văn đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, trong đó nêu rõ tên mặt hàng;

b) Báo cáo phân tích bối cảnh, đánh giá sự cần thiết hoặc không còn cần thiết định giá đối với mặt hàng đó theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật giá và đánh giá tác động về việc bổ sung vào hoặc loại bỏ mặt hàng đó khỏi vào danh mục định giá;

c) Các tài liệu liên quan khác.

3. Trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Trình tự, thời hạn ban hành Quyết định giá

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá Bộ, cơ quan ngang Bộ:

a) Đơn vị chức năng thuộc Bộ lập phương án giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá, có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định;

c) Đối với việc định giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng hoặc định giá khi mua hàng dự trữ quốc gia theo phương thức chỉ định thầu, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định.

d) Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ trưởng các bộ này quy định việc lập, thẩm định phương án giá và trình Quyết định giá.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính. Riêng đối với định giá đất, việc lập, thẩm định phương án giá và trình Quyết định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Đơn vị được giao trách nhiệm lập phương án giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khảo sát thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh tại một số đơn vị; diễn biến cung cầu; mặt bằng giá thị trường để xây dựng phương án giá và đánh giá tác động của mức giá đến kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân. Các Tổ chức, cá nhân

kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở biến động yếu tố hình thành giá chủ động rà soát, đánh giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền định giá lập phương án giá hoặc báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hàng hóa, dịch vụ.

4. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn ban hành Quyết định giá

a) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định; trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định phương án giá cũng là cơ quan lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định giá thì thời gian thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá.

b) Kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, thời hạn ban hành Quyết định giá đối với giá hàng hóa, dịch vụ do các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tối đa không quá 10 ngày làm việc.

c) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định phương án giá hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định giá phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

5. Bộ Tài chính quy định về Hồ sơ phương án giá.

Mục 3
HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 8. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: cơ quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định tại Điều 30 Luật Giá; đại diện bên mua, bên bán; đại diện cơ quan có liên quan theo yêu cầu của cơ quan tổ chức hiệp thương giá.

Điều 9. Tổ chức thực hiện hiệp thương giá

1. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá, thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức hiệp thương giá theo quy định tại Điều 29 của Luật Giá.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá thực hiện như sau :

a) Bên mua và bên bán gửi Hồ sơ đề nghị hiệp thương giá đến cơ quan tổ chức hiệp thương giá bao gồm các nội dung về tên hàng hóa, dịch vụ, mức giá

kèm theo thông tin về chủng loại, quy cách, số lượng của hàng hóa, dịch vụ và các nội dung khác theo mẫu quy định;

b) Khi nhận được Hồ sơ đề nghị hiệp thương giá, trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc, cơ quan tổ chức hiệp thương giá rà soát sơ bộ thành phần Hồ sơ đề nghị hiệp thương giá đủ theo quy định thì gửi thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá về thời gian tổ chức hiệp thương. Trường hợp Hồ sơ đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định, cơ quan tổ chức hiệp thương giá thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá biết để hoàn chỉnh theo quy định trước khi tổ chức hiệp thương; các bên tham gia hiệp thương hoàn chỉnh Hồ sơ hiệp thương trong thời gian tối đa 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ quan tổ chức hiệp thương và gửi lại cơ quan tổ chức hiệp thương tiếp tục rà soát sơ bộ theo quy định;

c) Tại Hội nghị hiệp thương giá, khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá lập biên bản họp hội nghị hiệp thương gồm các nội dung về thông tin bên mua, bên bán, cơ quan tổ chức hiệp thương và các cơ quan có liên quan được mời dự họp (tên, địa chỉ, người đại diện được cử tham gia hội nghị hiệp thương), mức giá hai bên tự thỏa thuận thành công kèm theo thông tin về chủng loại, quy cách, số lượng của hàng hóa, dịch vụ đã nêu tại văn bản đề nghị hiệp thương của bên mua, bên bán và các nội dung khác (nếu có). Sau khi biên bản được lập và bên mua, bên bán, cơ quan tổ chức hiệp thương và cơ quan có liên quan ký xác nhận biên bản ngay tại Hội nghị thì Hội nghị hiệp thương kết thúc. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thỏa thuận thống nhất tại biên bản họp Hội nghị hiệp thương và văn bản đề nghị hiệp thương; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Các bên chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương, việc tổ chức thực hiện mức giá hiệp thương.

d) Trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá tại Hội nghị hiệp thương giá thì cơ quan hiệp thương lập biên bản để ghi nhận nội dung hội nghị và tiến hành trình tự, thủ tục ban hành Quyết định mức giá hiệp thương như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Luật giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định và tổ chức thực hiện mức giá hiệp thương tại Quyết định giá của cơ quan tổ chức hiệp thương. Quyết định giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về Hồ sơ đề nghị hiệp thương giá và hồ sơ phương án giá của các bên mua, bên bán phải gửi cơ quan tổ chức hiệp thương xem xét, ra quyết định mức giá khi hai bên không thương lượng thỏa thuận được mức giá tại Hội nghị hiệp thương giá.

Mục 4
KÊ KHAI GIÁ

Điều 10. Hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá, thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá thì Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Trình tự trình và ban hành điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá thực hiện tương tự như trình tự trình và ban hành điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

Điều 11. Đối tượng kê khai giá

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ tiếp nhận kê khai đối với đối tượng kê khai là cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bán buôn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận kê khai đối với đối tượng kê khai là cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bán lẻ.

Điều 12. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá có trách nhiệm gửi văn bản kê khai giá chậm nhất 02 ngày đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá.

2. Các cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận kê khai giá bằng các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo thuận lợi cho tổ chức cá nhân thực hiện kê khai.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kê khai giá

1. Đối với cơ quan tiếp nhận kê khai:

a) Được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định; trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá, có thể yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị kê khai thực hiện theo các hình thức trực tuyến.

2. Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá:

a) Được lựa chọn phương thức kê khai giá phù hợp;

b) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 5
NIÊM YẾT GIÁ

Điều 14. Địa điểm niêm yết giá

1. Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật, cửa hàng, cửa hiệu, ki-ốt, quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Hội chợ triển lãm có bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

3. Trang thông tin điện tử hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cách thức niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá tại tối đa sản phẩm, dịch vụ các địa điểm quy định.

2. Việc niêm yết giá phải kịp thời ngay sau khi có quyết định giá của cơ quan có thẩm quyền hoặc của tổ chức, cá nhân và theo các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Mục 6
GIÁ THAM CHIẾU

Điều 16. Nguyên tắc xây dựng, áp dụng giá tham chiếu

1. Giá tham chiếu được xây dựng trên cơ sở bình quân các mức giá điều tra, khảo sát trên thị trường hoặc tính toán từ chi phí, giá thành bình quân của hàng hóa, dịch vụ;

2. Cơ quan có thẩm quyền công bố, thông tin về giá tham chiếu quy định về phương pháp, cách thức xác định, công bố và nguyên tắc áp dụng giá tham chiếu phù hợp với tính chất của hàng hóa, dịch vụ đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Cá nhân, tổ chức kinh doanh tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của mình trên cơ sở tham khảo giá tham chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Điều 17. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện giá tham chiếu và thẩm quyền công bố, thông tin về giá tham chiếu

1. Giá tham chiếu xăng, dầu thành phẩm là giá cơ sở do Bộ Công Thương xây dựng, công bố theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; giá cơ sở xăng dầu được xác định theo giá xăng dầu thế giới được giao dịch trên thị trường quốc tế và các yếu tố hình thành giá tổng hợp từ các nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, nhập khẩu.

2. Giá tham chiếu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) do Bộ Công Thương xây dựng, công bố trên theo quy định Nghị định của Chính phủ về kinh doanh khí; giá tham chiếu khí dầu mỏ hóa lỏng được xác định theo thế giới được giao dịch trên thị trường quốc tế và các yếu tố hình thành giá tổng hợp từ các nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, nhập khẩu.

3. Giá tham chiếu than nhập khẩu do Bộ Tài chính xây dựng, công bố trên cơ sở giá thế giới được giao dịch trên thị trường quốc tế và các yếu tố hình thành giá tổng hợp từ các nguồn kinh doanh than trong nước và nhập khẩu.

4. Giá tham chiếu dịch vụ viễn thông do Bộ Thông tin và truyền thông xây dựng, công bố theo quy định của pháp luật về viễn thông; giá tham chiếu dịch vụ viễn thông được xác định trên cơ sở khảo sát, tổng hợp giá bình quân trên thị trường trong nước.

5. Trường hợp cần thiết, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực báo cáo Chính phủ để bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện giá tham chiếu và chủ trì hướng dẫn việc xác định, áp dụng giá tham chiếu.

Mục 7
KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 18. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá và gửi đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra các yếu tố hình thành giá;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá;

c) Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá;

d) Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

2. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá:

a) Thời gian một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra; thời hạn kiểm tra kéo dài không quá 15 ngày làm việc;

b) Trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Điều này.

Điều 19. Các biện pháp xử lý vi phạm trong kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện xử lý hành vi vi phạm theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

2. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, cơ quan kiểm tra chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III
CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ GIÁ

Điều 20. Đối tượng xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương bao gồm Bộ Tài chính và bộ quản lý ngành, lĩnh vực; ở địa phương là Sở Tài chính các tỉnh có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia về giá. Trung tâm dữ liệu quốc gia về giá là đầu mối kết nối các hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của các bộ, ngành và địa phương; cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nội dung, nguồn thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Nội dung cơ sở dữ liệu quốc gia về giá bao gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá, kê khai giá;

c) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ cần thiết khác phục vụ công tác dự báo và quản lý nhà nước về giá;

đ) Các thông tin liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá: Doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, thi và quản lý cấp thẻ thẩm định viên về giá, thông tin về giá trị các tài sản được thẩm định và các thông tin khác theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá;

e) Giá giao dịch, giá thị trường bất động sản;

g) Văn bản quản lý nhà nước về giá và các báo cáo tổng hợp;

h) Các thông tin khác phục vụ công tác quản lý giá theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thông tin và trách nhiệm đối với thông tin cung cấp phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá:

a) Thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về giá tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập và do các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp;

b) Thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về giá mua từ các đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin;

c) Thông tin do Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 của Luật giá và các trường hợp phục vụ yêu cầu quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực giá theo quy định;

d) Các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với dữ liệu do mình cung cấp.

Điều 22. Khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật giá. Cơ quan được giao khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá ở cấp nào được phép sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cấp đó. Cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được phép cung cấp thông tin, dữ liệu về giá; cung cấp dịch vụ về tư vấn, hỗ trợ khi kết nối, tích hợp dữ liệu, truy cập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

2. Đối tượng được khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá bao gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ

chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nhu cầu liên quan đến việc quản lý, khai thác các thông tin về giá.

3. Các hình thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá:

a) Kết nối trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

b) Tra cứu thông tin về giá được công khai trên Cổng (Trang) thông tin điện tử có nhiệm vụ công khai thông tin về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

c) Theo văn bản yêu cầu được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể Điều này.

Điều 23. Trách nhiệm và kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

b) Xây dựng, khai thác và quản lý vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đảm bảo tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng, phát triển, kết nối được với các hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của các bộ ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân khác;

c) Hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, kết nối, cung cấp thông tin về giá và thẩm định giá phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ bảo mật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

đ) Chủ trì hướng dẫn cụ thể về xây dựng, khai thác, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm: Phối hợp với Bộ Tài chính kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin thuộc cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi quản lý của bộ quản lý ngành, lĩnh vực vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, khai thác và quản lý vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phối hợp với đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể Điều này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

2. Bãi bỏ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành Nghị định

1. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP)

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
1	Xăng, dầu thành phẩm	Bộ TC/Bộ Công Thương/địa phương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng	Bộ TC/Bộ Công Thương/địa phương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Công Thương/địa phương
4	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế	Bộ Công Thương/địa phương
5	Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật	Bộ Y tế/địa phương
6	Trang thiết bị, vật tư y tế	Bộ Y tế/địa phương
7	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước	Bộ Y tế/địa phương
8	Xi măng	Bộ Xây dựng/địa phương
9	Thép xây dựng	Bộ Xây dựng/địa phương
10	Than	Bộ Tài chính/địa phương
11	Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
12	Thóc, gạo tẻ thường	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
13	Phân urê, phân NPK	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
14	Thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ)	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
15	Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
16	Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
17	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Bộ TC/Bộ NNPTNT/địa phương
18	Dịch vụ tại cảng biển	Bộ TC/Bộ GTVT/địa phương
19	Dịch vụ vận chuyển bằng đường biển và phụ thu	Bộ GTVT/địa phương
20	Một số dịch vụ cước viễn thông của doanh nghiệp (theo dự thảo Luật viễn thông sửa đổi)	Bộ Thông tin Truyền Thông

21	Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Địa phương
22	Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Địa phương
23	Cước vận tải hành khách bằng taxi	Địa phương
24	Trang thiết bị dạy học	Địa phương
25	Dịch vụ lưu trú tại khách sạn, nhà nghỉ	Địa phương
26	Giá dịch vụ khai thác cảng, bến tàu du lịch	Địa phương
27	Dịch vụ giá vé tham quan các điểm du lịch, khu du lịch	Địa phương
28	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ	Địa phương
29	Cát xây dựng	Địa phương
30	Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông đối với cơ sở ngoài công lập (gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông)	Địa phương
31	Dịch vụ kinh doanh vận tải hàng hóa	Địa phương

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / /NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giá số /2023/QH15 ngày tháng 6 năm 2023;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, bao gồm: đăng ký hành nghề thẩm định giá; trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; hội đồng thẩm định giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với: thẩm định viên về giá; doanh nghiệp thẩm định giá; thành viên hội đồng thẩm định giá; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thẩm định giá.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá

1. Giấy đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính;

2. Bản sao Thẻ thẩm định viên về giá;

3. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá;

4. Bản sao Giấy cập nhật kiến thức về thẩm định giá;

5. Bản sao chứng thực Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp có thời gian phù hợp với thời hạn lao động tại hợp đồng lao động đối với trường hợp người có Thẻ thẩm định viên về giá là người nước ngoài trừ trường hợp pháp luật lao động Việt Nam quy định không cần phải có giấy phép lao động;

6. Bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính Hợp đồng lao động tại doanh nghiệp thẩm định giá của người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề, ghi rõ nơi làm việc, thời gian làm việc và công việc phải làm phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề thẩm định giá;

7. Tài liệu chứng minh thời gian làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ 36 tháng trở lên của người có Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 4. Trình tự, thủ tục đăng ký, thay đổi nơi làm việc, chấm dứt hành nghề thẩm định giá

1. Trường hợp đăng ký hành nghề thẩm định giá

a) Người có Thẻ thẩm định viên về giá phải lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này gửi đến Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá. Các văn bằng, chứng chỉ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt đã được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Người có Thẻ thẩm định viên về giá phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá. Doanh nghiệp thẩm định giá và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác nhận thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực của thông tin đã xác nhận.

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm xem xét, rà soát hồ sơ bảo đảm người có Thẻ thẩm định viên về giá đủ điều

kiện đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp mình và ký xác nhận trên Giấy đăng ký hành nghề thẩm định giá của từng người có Thẻ thẩm định viên về giá.

c) Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Tài chính.

d) Trường hợp cần làm rõ các thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề, Bộ Tài chính có quyền yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá giải trình hoặc cung cấp tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh quá trình làm việc và các thông tin khác trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá.

đ) Bộ Tài chính ban hành Thông báo công bố Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá định kỳ chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng hàng tháng đối với các doanh nghiệp thẩm định giá đã nộp đủ hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho người có Thẻ thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp trước ngày 20 hàng tháng (theo dấu công văn đến), riêng tháng 12 là trước ngày 10 của tháng (theo dấu công văn đến).

2. Trường hợp thay đổi nơi làm việc của thẩm định viên về giá từ trụ sở chính về chi nhánh hoặc ngược lại, giữa các chi nhánh, doanh nghiệp thẩm định giá gửi văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị thay đổi nơi làm việc tại doanh nghiệp kèm theo tài liệu chứng minh. Trường hợp người có Thẻ thẩm định viên về giá không muốn tiếp tục hành nghề hoặc không còn duy trì đủ điều kiện đăng ký hành nghề quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật giá, doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính xóa tên ra khỏi danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp kèm theo tài liệu chứng minh.

Bộ Tài chính ban hành Thông báo điều chỉnh thông tin tại Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá định kỳ chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng hàng tháng đối với các doanh nghiệp thẩm định giá đã nộp đủ hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho người có Thẻ thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp trước ngày 20 hàng tháng (theo dấu công văn đến), riêng tháng 12 là trước ngày 10 của tháng (theo dấu công văn đến).

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

a) Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu do Bộ Tài chính quy định;

b) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định của ít nhất 05 người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp;

d) Danh sách xác nhận của doanh nghiệp về vốn góp của các thành viên trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn, danh sách cổ đông tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm:

a) Tài liệu tại điểm a và b khoản 1 Điều này;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận bị rách; xác nhận của Uỷ ban nhân dân hoặc cơ quan công an cấp xã, phường tại nơi Giấy chứng nhận bị mất trong trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất;

c) Tài liệu chứng minh cho việc thay đổi thông tin doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận.

Điều 6. Thời hạn cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính xem xét cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc trả lại hồ sơ để doanh nghiệp thực hiện bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ cần làm rõ.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ bị trả lại, doanh nghiệp có trách nhiệm nhận lại hồ sơ. Quá thời hạn trên, Bộ Tài chính không có trách nhiệm lưu trữ các hồ sơ này.

Điều 7. Trách nhiệm nộp phí khi đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trước khi nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Mục 3
ĐÌNH CHỈ KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Giá.

2. Thời điểm đình chỉ là thời điểm doanh nghiệp vi phạm, trường hợp vi phạm trong quá khứ thì thời điểm đình chỉ là thời điểm Bộ Tài chính phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin về vi phạm của doanh nghiệp. Thời gian đình chỉ tối đa 60 ngày kể từ thời điểm đình chỉ.

3. Bộ Tài chính quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ thời điểm đình chỉ.

4. Trong thời gian bị đình chỉ, doanh nghiệp phải có báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính về việc xử lý và khắc phục vi phạm của đơn vị kèm theo các tài liệu chứng minh liên quan, đồng thời đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trừ trường hợp đình chỉ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ tình hình báo cáo của doanh nghiệp, Bộ Tài chính xem xét có thông báo bằng văn bản cho phép doanh nghiệp tiếp tục hoạt động thẩm định giá theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp hoặc xử lý thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp.

5. Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm về các hợp đồng thẩm định giá đã ký với khách hàng, hợp đồng lao động đã ký với thẩm định viên, nhân viên và các nghĩa vụ pháp lý khác theo quy định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

6. Bộ Tài chính đăng tải công khai trên trang Thông tin điện tử của Bộ Tài chính danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện tiếp tục hoạt động thẩm định giá sau khi bị đình chỉ.

Điều 9. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh

doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Giá.

2. Thời điểm bị thu hồi là thời điểm doanh nghiệp vi phạm, trường hợp vi phạm trong quá khứ thì thời điểm bị thu hồi là thời điểm Bộ Tài chính phát hiện, tiếp nhận thông tin về vi phạm của doanh nghiệp.

3. Bộ Tài chính quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ thời điểm thu hồi; đăng tải công khai danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; xóa tên khỏi Danh sách công khai doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá trên trang Thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, kể từ ngày Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Mục 4
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định giá

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật giá quyết định thành phần tham gia Hội đồng thẩm định giá trong số người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng bảo đảm nguyên tắc quy định tai khoản 2 Điều 63 Luật giá.

2. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá quyết định thành lập Tổ giúp việc.

3. Hội đồng thẩm định giá làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp thẩm định giá chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định giá nhà nước trở lên tham dự. Trường hợp Hội đồng thẩm định giá chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá điều hành phiên họp thẩm định giá. Trước khi tiến hành phiên họp thẩm định giá, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá nêu rõ lý do vắng mặt và có ý kiến độc lập của mình về các vấn đề liên quan đến giá của tài sản cần thẩm định.

Hội đồng thẩm định giá kết luận về giá của tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng thẩm định giá có quyền bảo lưu ý kiến

của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản phiên họp thẩm định giá tài sản.

4. Hội đồng thẩm định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng thẩm định giá chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

5. Hội đồng thẩm định giá được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá

1. Thành viên của Hội đồng thẩm định giá có quyền:

a) Tiếp cận thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ cho việc thẩm định giá tài sản;

b) Đưa ra nhận định, đánh giá của mình trong quá trình thẩm định giá;

c) Biểu quyết để xác định giá của tài sản; trường hợp có ý kiến khác thì có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được ghi vào biên bản họp Hội đồng;

d) Được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên của Hội đồng thẩm định giá có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ trình tự thẩm định giá tài sản theo quy định;

b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận định, đánh giá của mình quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

c) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Bãi bỏ Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá, được sửa

đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

CHÍNH PHỦ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /202 /NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí và hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;2012;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giá (sửa đổi) ngày tháng năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí và hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí và hóa đơn như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"Điều 5. Hành vi vi phạm quy định về bình ổn giá

1. Hành vi chậm báo cáo, cung cấp tài liệu so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác bình ổn giá:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi chậm báo cáo, cung cấp tài liệu trong thời hạn dưới 05 ngày làm việc.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo, cung cấp tài liệu quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này trong thời hạn từ 05 ngày làm việc đến 10 ngày làm việc.

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo cung cấp tài liệu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này sau 10 ngày làm việc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong những biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong những biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định."

2. Sửa đổi điều 6 Nghị Định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"**Điều 6. Hành vi vi phạm chính sách trợ giá, trợ cước**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai sai, khai khống hồ sơ thanh toán để nhận tiền trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước; hành vi sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng được sử dụng tiền trợ giá, tiền trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền có được do khai man, khai khống hồ sơ thanh toán tiền trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa, thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước;

b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền do không sử dụng đúng mục đích, đối tượng được sử dụng tiền trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về hiệp thương giá

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về giá tạm thời trong hiệp thương giá đã được cơ quan tổ chức hiệp thương giá quyết định:

1. Từ chối mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá tạm thời trong hiệp thương giá;

2. Đã thống nhất được giá và thực hiện theo giá thống nhất nhưng không báo cáo với cơ quan tổ chức hiệp thương theo quy định.

3. Sử dụng mức giá tạm thời trong hiệp thương giá để làm căn cứ mua bán hoặc kiến nghị mua bán với các thương vụ giao dịch khác..”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

“**Điều 8. Hành vi không chấp hành đúng giá do cơ quan, người có thẩm quyền Quyết định**

1. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng toàn bộ tiền chênh lệch do bán cao hơn mức giá quy định và mọi chi phí phát sinh do hành vi vi phạm gây ra tại Khoản 1 Điều này, trong trường hợp khó hoặc không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp toàn bộ số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

“**Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 5 ngày làm việc đến 10 ngày làm việc sau thời hạn.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau thời hạn từ 10 ngày làm việc”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

“Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về giá trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định của Chính phủ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo giá mua thóc gạo xuất khẩu, gạo trong nước, với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu gạo thấp hơn giá sàn gạo xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc quy định.”

7. Bổ sung điều 11b Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau

“Điều 11b. Hành vi vi phạm quy định về giá đối với Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của Chính phủ

1. Chậm báo cáo về Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi chậm báo cáo trong thời hạn dưới 05 ngày làm việc so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này quá 05 ngày làm việc.

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chậm

báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn từ 05 ngày làm việc đến 10 ngày làm việc.

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này quá 10 ngày làm việc.

2. Hạch toán; trích lập; chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi trích lập; chi sử dụng hoặc hạch toán Quỹ bình ổn giá xăng dầu không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không trích lập; chi sử dụng hoặc hạch toán Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Chậm chuyển nộp; chuyển nộp không đủ; không chuyển nộp số tiền Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu tại ngân hàng nơi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu mở tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi chậm chuyển nộp, chuyển nộp không đủ số tiền Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào tài khoản Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng nơi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu mở tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quá 05 ngày làm việc.

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi chậm chuyển nộp, chuyển nộp không đủ số tiền Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu tại ngân hàng nơi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu mở tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn từ 05 ngày làm việc đến 10 ngày làm việc.

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm chuyển nộp, chuyển nộp không đủ số tiền Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào tài khoản Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng nơi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu mở tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quá 10 ngày làm việc.

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển nộp số tiền Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào tài khoản Quỹ bình ổn

giá tại ngân hàng nơi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu mở tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi chậm chuyển nộp toàn bộ số dư Quỹ bình ổn giá tại doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, hoặc không làm thủ tục cấp mới khi giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hết hạn, hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu chủ động đăng ký không tiếp tục làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, hoặc doanh nghiệp là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu bị phá sản, giải thể, theo quy định hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Đối với hành vi không công khai, công khai không đầy đủ về Quỹ bình ổn giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi công khai không đầy đủ về Quỹ bình ổn giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chậm công khai về Quỹ bình ổn giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không công khai về Quỹ bình ổn giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào Quỹ bình ổn giá xăng dầu toàn bộ số tiền do hạch toán, trích lập, chi sử dụng không đúng quy định và khoản lãi suất ngày 0,03% tính trên số tiền do hạch toán, trích lập, chi sử dụng không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp vào Quỹ bình ổn giá xăng dầu toàn bộ số tiền chưa chuyển nộp, chuyển nộp không đủ, không chuyển nộp và khoản lãi suất ngày 0,03% tính trên số tiền chưa chuyển nộp vào Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Buộc chuyển nộp vào tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

d) Buộc chuyển nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số dư Quỹ bình ổn giá tại doanh nghiệp và khoản lãi suất ngày 0,03% tính trên toàn bộ số dư Quỹ bình ổn giá trong thời gian chậm nộp theo quy định tại khoản 4 Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"**Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về kê khai giá hàng hóa, dịch vụ**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đủ các nội dung của văn bản kê khai giá sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đã có văn bản nhắc nhở, yêu cầu nộp lại văn bản kê khai giá.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản về mức giá Điều chỉnh tăng hoặc giảm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp phải thực hiện thông báo giá theo quy định của pháp luật về giá;

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không kê khai giá đúng thời hạn kể từ ngày định giá, điều chỉnh giá.

b) Không kê khai giảm giá phù hợp với biến động giảm giá của yếu tố hình thành giá theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Kê khai không đúng mẫu theo quy định;

d) Không thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bán không đúng giá kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Đối với hành vi không kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không kê khai giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản này trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không kê khai giá từ 11 đến 20 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản này trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện kê khai ~~hoặc đăng ký~~ đối với mức giá đang áp dụng theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"**Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa Điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật;

b) Niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng.

c) Niêm yết giá không đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần; tái phạm~~;~~

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Khoản 4 Điều này.

4.Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán cao hơn giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước."

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"Điều 15. Hành vi đưa tin thất thiệt của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh về thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường~~.~~

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn; buộc đính chính, cải chính thông tin tại nơi đã đăng tải do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 Điều này."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

"Điều 18. Hành vi gian lận về giá

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gian lận bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết trong các giao dịch mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, phương thức vận chuyển, thanh toán, chất lượng; số lượng, tính năng, công dụng, hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng mọi chi phí phát sinh do hành vi vi phạm hành chính gây ra.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP như sau:

“**PHẦN NỘI DUNG VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Điều 20. Hành vi vi phạm quy định đối với doanh nghiệp thẩm định giá

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 15 ngày làm việc trong các trường hợp sau:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định pháp luật về giá;

b) Có sự thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại do thiên tai, địch họa hoặc lý do bất khả kháng khác;

d) Thay đổi về danh sách thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

đ) Doanh nghiệp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Doanh nghiệp bị giải thể, phá sản, tạm ngừng kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về phá sản; tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; thay đổi cổ đông hoặc thành viên góp vốn là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp;

g) Doanh nghiệp có thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp: bị cấm hành nghề thẩm định giá theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, giá, thẩm định giá bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; bị kết án về tội kinh tế từ nghiêm trọng trở lên; có hành vi vi phạm pháp luật về tài chính bị xử phạt vi phạm hành chính.

h) Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không gửi Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra của Bộ Tài chính sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng phải gửi báo cáo theo quy định;

b) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 35 ngày làm việc kể từ ngày đặt cơ sở hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ thẩm định giá ở nước ngoài;

c) Không thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá;

d) Không cung cấp chứng thư thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá hoặc các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện thẩm định giá mà không có hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá;

b) Phát hành Chứng thư thẩm định giá hoặc Báo cáo thẩm định giá không có đủ các thông tin cơ bản theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

c) Ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá trong thời gian doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm một trong các điều kiện tương ứng loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Giá nhưng chưa bị đình chỉ hoạt động thẩm định giá.

d) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng mức trích lập theo quy định;

e) Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, đồng thời không trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá;

b) Lưu trữ hồ sơ thẩm định giá không đúng theo thời hạn quy định của pháp luật.

c) Sửa chữa, thay đổi nội dung hồ sơ thẩm định giá đang được lưu;

d) Không ban hành và niêm yết biểu giá dịch vụ thẩm định giá theo quy định;

đ) Trốn tránh hoặc trì hoãn thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

e) Không thực hiện tự đánh giá dịch vụ thẩm định giá tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, hành vi hạ giá dịch vụ bất hợp lý và cạnh tranh không lành mạnh khác;

b) Thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng hướng dẫn về khảo sát thực tế, thu thập thông tin phục vụ cho quá trình thẩm định giá;

b) Không thực hiện đúng cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

c) Không áp dụng đủ các phương pháp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo, thuê, mượn Thẻ thẩm định viên về giá;

b) Giả mạo hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá;

c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

8. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Phát hành chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá được ký bởi người không phải thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm phát hành hoặc bởi thẩm định viên về giá chưa được Bộ Tài chính thông báo về việc đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Phát hành chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

d) Phát hành chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nhưng đang bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

đ) Phát hành chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nhưng người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, giám đốc chi nhánh không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp.

9. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thông đồng về giá, thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ có thời hạn từ 30 ngày đến 40 ngày hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ có thời hạn từ 40 ngày đến 50 ngày hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 8 và Khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả: Hủy kết quả thẩm định giá do hành vi vi phạm hành chính tại Khoản 8 và Khoản 9 Điều này.

Điều 21. Hành vi vi phạm quy định đối với thẩm định viên về giá

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng hướng dẫn về khảo sát thực tế, thu thập thông tin phục vụ cho quá trình thẩm định giá;

b) Không thực hiện đúng cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

c) Không áp dụng đủ các phương pháp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo, cho thuê, cho mượn Thẻ thẩm định viên về giá; sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan;

b) Phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với tư cách cá nhân;

c) Ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá không đúng với lĩnh vực, nơi làm việc được thông báo hành nghề;

d) Thực hiện thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thông đồng về giá, thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước có thời hạn từ 30 ngày đến 50 ngày Thẻ thẩm định viên về giá đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Tước có thời hạn từ 50 ngày đến 70 ngày Thẻ thẩm định viên về giá đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

c) Tước có thời hạn từ 70 ngày đến 90 ngày Thẻ thẩm định viên về giá đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền do thông đồng với khách hàng, khoản tiền thu lợi bất chính (nếu có) đối với hành vi vi phạm tại Khoản 3, Điểm a Khoản 4 và Khoản 5 Điều này;

b) Hủy kết quả thẩm định giá do hành vi vi phạm hành chính tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định đối với khách hàng thẩm định giá

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đối với hành vi lựa chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá để ký hợp đồng thẩm định giá.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng Chứng thư thẩm định giá đã hết thời gian hiệu lực;

b) Sử dụng Chứng thư thẩm định giá không theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đối với hành vi cung cấp không chính xác, không trung thực, không đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đối với hành vi mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giá để trục lợi.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Hủy kết quả thẩm định giá do hành vi vi phạm hành chính tại Khoản 4 Điều này.

Điều 23. Hành vi vi phạm đối với đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng có một trong các hành vi sau:

a) Không gửi thông báo mở khóa học, lớp học kèm theo hồ sơ tài liệu theo quy định trước khi mở khóa học, lớp học;

b) Tổ chức một lớp học quá số học viên theo quy định;

c) Thực hiện không đúng việc lấy ý kiến đánh giá của học viên trên Phiếu đánh giá chất lượng khóa học theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng có một trong các hành vi sau:

a) Không đảm bảo về nội dung, chương trình, thời lượng tối thiểu của khóa học, lớp học theo quy định;

b) Không thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học viên trên Phiếu đánh giá chất lượng khóa học theo quy định.

c) Không báo cáo kết quả tổ chức khóa học, lớp học kèm theo hồ sơ, tài liệu theo quy định sau khi kết thúc khóa học, lớp học;

d) Không báo cáo một năm tình hình hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;

đ) Bố trí giảng viên không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định;

e) Biên soạn và sử dụng tài liệu đào tạo, bồi dưỡng không đúng so với quy định;

g) Thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập không đúng so với quy định;

h) Cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận không đúng so với mẫu chứng chỉ, giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Tài chính;

i) Lưu trữ hồ sơ liên quan đến tổ chức đào tạo, bồi dưỡng không đầy đủ, không đúng thời gian theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng có một trong các hành vi sau:

a) Cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận cho học viên không đạt yêu cầu khóa học, lớp học theo quy định của pháp luật về thời gian học và kết quả kiểm tra;

b) Cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận cho những người thực tế không tham gia học.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng có một trong các hành vi sau:

a) Mở khóa học, lớp học khi không đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Mở khóa học, lớp học khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

c) Mở khóa học, lớp học khi không có tên trong danh sách các đơn vị được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với hành vi vi phạm tại Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với hành vi vi phạm tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian từ 06 tháng đến 09 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với hành vi vi phạm tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo cho Bộ Tài chính nội dung về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 và Điểm c và d Khoản 2 Điều này.

b) Buộc cấp lại chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng cho các học viên tham gia học đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều này;

c) Buộc thu hồi và không công nhận chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Buộc thu hồi và không công nhận chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời buộc hoàn trả chi phí đào tạo, bồi dưỡng cho các học viên tham gia học đối với hành vi vi phạm quy định Khoản 4 Điều này.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023 và bãi bỏ Điều 5, Khoản 2 Điều 7, Điều 8, khoản 4 và khoản 6 Điều 12, điểm b khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều 13, Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị Định Nghị định số 109/2013/NĐ-CP;

2. Việc xử lý đối với hành vi vi phạm về giá đã xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định tại Nghị định này mà áp dụng quy định xử lý vi phạm tại thời Điểm xảy ra hành vi vi phạm đó.

Trường hợp mức xử phạt đối với cùng một hành vi quy định tại Nghị định này nhẹ hơn mức xử phạt quy định tại các Nghị định trước thì áp dụng mức xử phạt theo quy định của Nghị định này, kể cả trường hợp xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đã bị lập biên bản, nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa ra quyết định xử lý hoặc đã ra quyết định xử lý nhưng đang trong thời hạn giải quyết khiếu nại thì xem xét, ra quyết định theo mức xử phạt quy định tại Nghị định này.

3. Các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giá không nêu tại Nghị định được thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính

Điều 3: Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DỰ ÁN LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Cơ sở pháp lý thực hiện đánh giá thủ tục hành chính

1.1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1.2. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

1.3. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

1.4. Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Bối cảnh đánh giá thủ tục hành chính

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013; đồng bộ với đó là các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành được ban hành kịp thời đã tạo khung pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước. Luật giá được ban hành thay thế Pháp lệnh giá năm 2002 đã tiếp tục thể hiện tư duy đổi mới phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với các cam kết quốc tế.

Trong thời gian qua, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần kiểm soát lạm phát hàng năm theo mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; hệ thống giá điện, nước sạch cho sinh hoạt, xăng dầu, dịch vụ công từng bước được điều hành theo cơ chế thị trường có lộ trình; thu hẹp danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn... Theo đó, đã góp phần thúc đẩy sự chuyển

biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn sau 9 năm thi hành Luật cũng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định; nội dung một số Điều, Khoản còn có cách hiểu khác nhau, gây khó khăn cho áp dụng thực hiện; hoặc một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn; hoặc hiện đã có một số vấn đề mới phát sinh đòi hỏi phải được thể chế tại Luật.

Chẳng hạn, về bình ổn giá, trong thực tiễn cho thấy trong trường hợp đặt ra vấn đề phải sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, định giá thì các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định phải có đủ thời gian để thực hiện quy trình hiện hành; do đó, sẽ khó đáp ứng được ngay yêu cầu quản lý phát sinh từ thực tiễn. Phạm vi và biện pháp bình ổn giá chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao khi có phát sinh biến động giá của những mặt hàng thiết yếu, quan trọng đối với đời sống nhân dân và toàn xã hội, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, khó khăn trong việc quyết định triển khai bình ổn giá.

Về hoạt động định giá Nhà nước**,** việc định giá theo 2 phương pháp chủ đạo hiện hành là phương pháp so sánh và phương pháp chi phí còn khó khăn khi áp dụng đối với một số trường hợp định giá các dịch vụ (như dịch vụ khám chữa bệnh, giáo dục...); việc định giá trong một số trường hợp cũng cần tính đến các yếu tố về điều kiện kinh tế - xã hội hoặc đời sống nhân dân nên cần thiết phải bổ sung nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật.

Về công tác kiểm tra, thanh tra giá: Tại Luật giá chưa có các quy định cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; một số chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá luôn gặp khó khăn nhất định; nhất là khi phát sinh các yêu cầu về đánh giá nắm bắt chi phí giá thành, công tác định giá của doanh nghiệp để phục vụ triển khai các giải pháp điều hành, bình ổn giá thị trường.

Về thẩm định giá, việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc thẩm định viên về giá có hiện tượng không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt động, trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất lượng. Các

quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên còn thiếu và chưa rõ nên khó khăn cho khâu thực hiện....

Ngoài ra, một số Bộ Luật, Luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Giao thông đường bộ, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Viễn thông... đang có quy định trùng lặp hoặc mở rộng hơn, thậm chí chồng chéo, mâu thuẫn với Luật Giá hiện hành.

Căn cứ vào các nội dung trên, khắc phục những tồn tại, hạn chế sau hơn 9 năm thi hành Luật Giá và bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật dân sự kinh tế liên quan nhằm củng cố hành lang pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện; thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp xây dựng Dự án Luật Giá (sửa đổi).

Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Bộ Tài chính đã rất quan tâm tới công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân trong thực hiện. Theo đó, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, các quy định về thủ tục hành chính được yêu cầu thực hiện:

- *Đánh giá tác động của thủ tục hành chính*: tập trung vào sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của thủ tục hành chính cũng như rà soát, tính toán các chi phí mà tổ chức, cá nhân (nếu có) phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính dự kiến ban hành để cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành thủ tục hành chính.

- *Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính*: Bộ Tài chính đã chú trọng vào việc lượng hóa các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC đã ban hành hoặc dự kiến ban hành, qua đó đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện TTHC phù hợp với trình độ quản lý và điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật của các bên có liên quan, đảm bảo chi phí mà tổ chức, cá nhân phải bỏ ra là thấp nhất.

3. Các thủ tục hành chính được đánh giá tác động

Qua rà soát nội dung, dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định 3 TTHC thuộc đối tượng phải đánh giá tác động thủ tục hành chính gồm:

(1) Đăng ký tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá (Điều 46 dự thảo Luật);

(2) Đăng ký hành nghề thẩm định giá (Điều 47 dự thảo Luật);

(3) Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Điều 51, Điều 52, Điều 53 dự thảo Luật);

Cụ thể:

3.1. Những thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: Đăng ký hành nghề thẩm định giá (Điều 47 dự thảo Luật)

Việc đăng ký hành nghề thẩm định giá của các thẩm định viên về giá đã được quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá và Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC; tuy nhiên chưa được công bố là thủ tục hành chính. Sau khi quy định về đăng ký hành nghề thẩm định giá được đưa vào dự thảo Luật Giá (sửa đổi), qua rà soát cho thấy việc công bố thủ tục trên là thủ tục hành chính là cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, trong đó có các thẩm định viên về giá thực hiện đăng ký hành nghề, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trên được lượng hóa từ thực tiễn quản lý hành nghề thẩm định giá của các thẩm định viên trong thời gian qua.

3.2. Những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: Các TTHC này đều đã được quy định tại Luật giá hiện hành và dự thảo Luật giao Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể.

- Đăng ký tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá (Điều 46 dự thảo Luật);

- Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Điều 51, Điều 52, Điều 53 dự thảo Luật);

Các thủ tục hành chính nói trên được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi) nhằm bảo đảm thuận lợi về hồ sơ, trình tự, thủ tục cho các tổ chức, cá nhân có liên quan (doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá) khi thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký tham dự thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá, về cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trên được lượng hóa từ kết quả thực hiện các thủ tục hành chính trên trong thời gian qua và dự kiến kết quả đạt được khi thực hiện các thủ tục này sau khi đã sửa đổi, bổ sung. Kết quả cho thấy chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi được sửa đổi, bổ sung đều được cắt giảm so với chi phí hiện hành, qua đó góp phần giảm gánh nặng hành chính lên các đối tượng chịu tác động.

3.3. Những thủ tục hành chính đã được bãi bỏ so với hiện hành

- Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc danh sách đăng ký giá tại Bộ Tài chính: Thủ tục hành chính được bãi bỏ do dự thảo Luật giá không còn quy định về đăng ký giá.

- Quyết định giá thuộc thẩm quyền cấp tỉnh: được bãi bỏ do đây là quy định về việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, không phải là công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân như định nghĩa về thủ tục hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Xin gửi kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động các thủ tục hành chính và Biểu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính).

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo văn bản: Luật Giá (sửa đổi)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký hành nghề thẩm định giá (Điều 47 dự thảo Luật Giá sửa đổi)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quy định về việc đăng ký hành nghề thẩm định giá cho người có thẻ Thẩm định viên về giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Để đảm bảo yêu cầu về quản lý nhà nước đối với việc hành nghề của các thẩm định viên và hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Tại dự thảo Luật Giá quy định cấm thẩm định viên về giá hành nghề thẩm định giá với tư cách cá nhân, mà phải hành nghề qua doanh nghiệp thẩm định giá. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Để bảo đảm các thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật khi hành nghề thẩm định giá
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Để hướng dẫn cụ thể về việc hành nghề của các thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp thẩm định giá, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với việc đăng ký hành nghề của các thẩm định viên, ngăn chặn

yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	hành vi hành nghề thẩm định giá với tư cách cá nhân. b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 47 dự thảo Luật Giá (sửa đổi).
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ biện pháp:…… Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:…….. ……... Nếu Không, nêu rõ lý do: Quy định thủ tục hành chính sẽ yêu cầu bắt buộc người có Thẻ thẩm định viên về giá phải thực hiện việc đăng ký hành nghề khi muốn hành nghề thẩm định giá và chỉ được phép hành nghề khi Bộ Tài chính thong báo đủ điều kiện hành nghề theo quy định.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …….. + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:……..

không?	……... ……... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ……..... ……... - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …….. + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: …… + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ……..... ……... - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …….. + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: …… + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ……..
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nhằm tạo thuận lợi cho việc nhận biết và thực hiện thủ tục hành chính
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nhằm tạo điều kiện cho người có thẻ thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện; cũng như sự quản lý của cơ quan nhà nước.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước, người có Thẻ thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá nhằm tạo điều kiện cho người có Thẻ thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá đều nắm rõ được trách nhiệm và nhiệm vụ của từng việc mình làm; từng khâu thực hiện để đạt được kết quả cao
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đây là TTHC độc lập nên không cần phải áp dụng cơ chế liên thông
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:…….. Lý do quy định:……. - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ……..……..
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☐ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự kiến quy định cho phép nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính tại văn bản hướng dẫn - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự kiến quy định cho phép nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính tại văn bản hướng dẫn nhằm tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước và doanh nghiệp thẩm định giá

Điện tử ☐	
4. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tại Khoản 5 Điều 47 Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định giao Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá, do đó nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: **Chưa quy định**	- Nêu rõ lý do quy định: …….. - Yêu cầu về hình thức: …….. Lý do quy định: ……..
b) Tên thành phần hồ sơ n: **Chưa quy định**	- Nêu rõ lý do quy định: …….. - Yêu cầu về hình thức: …….. Lý do quy định: ……..
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ:……... ……... ……... ……... ……...
d) Số lượng bộ hồ sơ: **Chưa quy định**	Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):*
5. Thời hạn giải quyết: Tại Khoản 5 Điều 47 Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định giao Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá, do đó nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☐ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:……... ……..

	Lý do quy định: ……..……..
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định: ……..……. …….. …….. …….. …….. ……..
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Doanh nghiệp thẩm định giá Lý do quy định: Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện đăng ký hành nghề cho người có thẻ thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp của mình. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Người có thẻ thẩm định viên về giá Lý do quy định: Nhằm yêu cầu người có thẻ thẩm định viên về giá phải đăng ký hành nghề qua doanh nghiệp thẩm định giá, ngăn ngừa tình trạng hành nghề độc lập. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Vì thủ tục này phải do chính các doanh nghiệp thẩm định giá và người có thẻ thẩm định viên về giá thực hiện nên không thể mở rộng hay thu hẹp phạm vi.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐

	- Lý do quy định: Để đảm bảo tính công bằng, minh bạch cho tất cả các doanh nghiệp thẩm định giá và người có Thẻ thẩm định viên về giá có nhu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Vì thủ tục này áp dụng cho lĩnh vực thẩm định giá trên toàn lãnh thổ Việt Nam nên không thể mở rộng hay thu hẹp phạm vi.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 1.800 người có thẻ thẩm định viên về giá	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Tại dự thảo Luật Giá đã giao Bộ Tài chính thực hiện xem xét, điều chỉnh dnah sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề khi có biến động thông qua việc tiếp nhận đăng ký hành nghề của người có thẻ thẩm định viên về giá, nên không thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Tại Khoản 5 Điều 47 Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định giao Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá, do đó nội dung này (nếu có) sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? **Chưa quy định**	- Lệ phí: Không ☐ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: ……..…… - Phí: Không ☐ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: ……..…… - Chi phí khác: Không ☐ Có ☐

	Nếu Có, nêu rõ lý do: ……..…… - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ……..…… + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): …….. + Mức chi phí khác:…….. + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: ……..…… - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: … ……... ……...
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? **Chưa quy định**	Có ☐ Không ☐ Nội dung quy định: ……..…… ……... Lý do quy định:…….
9. Mẫu đơn, tờ khai: Tại Khoản 5 Điều 47 Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định giao Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá, do đó nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? **Chưa quy định**	Có ☐ Không ☐ Lý do: ……...
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: **Chưa quy định**	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: ..... Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin n: .....

	Lý do quy định: ..... - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …… …… Lý do quy định: …….
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: **Chưa quy định**	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: ..... Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin n: ..... Lý do quy định: ..... - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …… …… Lý do quy định: …….
d) Ngôn ngữ: **Chưa quy định**	- Tiếng Việt ☐ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:…… Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): …… ……... ……...
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Để bảo đảm chặt chẽ và đáp ứng các yêu cầu, tình huống trong thực tiễn đăng ký hành nghề của người có thẩm định viên về giá và các doanh nghiệp thẩm định giá
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Có năng lực hành vi dân sự	- Lý do quy định: Để đảm bảo thống nhất với pháp luật về dân sự. Theo đó, cá nhân tham gia giao dịch dân sự phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

đầy đủ	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:……... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn đang có hiệu lực với doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lao động	- Lý do quy định: Đáp ứng yêu cầu quản lý hành nghề của thẩm định viên về giá phải là người lao động có Hợp đồng lao đồng không xác định thời hạn tại các doanh nghiệp thẩm định giá - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:……... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Có thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ 36 tháng trở lên	- Lý do quy định: Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực tế làm việc của thẩm định viên về giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:……... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
d) Yêu cầu, điều kiện 4: Có giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo lĩnh vực chuyên môn trừ trường hợp Thẻ thẩm định viên về	- Lý do quy định: Đáp ứng yêu cầu quản lý hành nghề của thẩm định viên về giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá đối với người được cấp Thẻ thẩm định viên về trên 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ……...

giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề	+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
d) Yêu cầu, điều kiện 5: Không thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều này	- Lý do quy định: Để phù hợp với quy định của pháp luật về các trường hợp không được đăng ký hành nghề thẩm định giá (quy định tại Khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật) - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ……... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: TTHC đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về số hóa hồ sơ về thủ tục hành chính
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông

quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá - Nếu Không, nêu rõ lý do:……..……... ……...
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Việc đăng ký hành nghề thẩm định giá và Thông báo của Bộ Tài chính về danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề có phạm vi áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hồng Liên Điện thoại cố định: 024.22202828 (4002); Di động: 0936.864.556; E-mail: nguyenthihonglien@mof.gov.vn	

BỘ TÀI CHÍNH

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo văn bản: Luật Giá (sửa đổi)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: **Đăng ký tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	1. Khoản 2 Điều 46 Luật Giá (sửa đổi)
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên của TTHC đã rõ ràng, thể hiện hành động cụ thể của cá nhân, tổ chức kết hợp với sự việc mà cá nhân, tổ chức mong muốn đạt được.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:……. Lý do quy định:…….. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Cá nhân đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 48 Lý do quy định: Để đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thẩm định giá được hiệu quả.

	- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Có quy định TTHC riêng dành cho đối tượng được mở rộng là cá nhân nước ngoài tại Khoản 3 Điều 48
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Để đảm bảo tính công bằng, minh bạch cho tất cả các cá nhân có nhu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phạm vị áp dụng rộng và hoàn toàn phù hợp, do đó không thể mở rộng thêm hay thu hẹp.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 700-800	
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Để đảm bảo công tác quản lý nhà nước về thẩm định giá được hiệu quả.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ	- Lý do quy định: Để đảm bảo thống nhất với pháp luật về dân sự. Theo đó, cá nhân tham gia giao dịch dân sự phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☒ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân phải chứng minh bằng Lý lịch tư pháp. Theo đó, cá nhân phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, nội dung chi tiết này sẽ được quy định tại Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giá (sửa đổi) + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐

	+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):……
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật theo quy định của pháp luật	- Lý do quy định: Đây là điều kiện quan trọng để xác minh trình độ chuyên môn của người đăng ký dự thi, là căn cứ để thẩm định hồ sơ thi, giúp cơ quan quản lý phân loại, sàng lọc hồ sơ, đảm bảo đúng đối tượng. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):……
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá	- Lý do quy định: Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp cho người đạt yêu cầu tại kỳ thi sát hạch. Do đó, quy định về yêu cầu, điều kiện này là cần thiết để đảm bảo công tác quản lý và tổ chức kỳ thi đúng đối tượng, đạt hiệu quả cao. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…… ……
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hồng Liên Điện thoại cố định: 024 22202828 (Máy lẻ 4002); Di động: 09336864556 E-mail: nguyenthihonglien@mof.gov.vn	

BỘ TÀI CHÍNH

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo: Dự thảo Luật Giá (sửa đổi)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: **Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	1. Điều 51, Điều 52 và Điều 53 dự thảo Luật Giá (sửa đổi)
	n.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên của TTHC bao gồm tên kết quả của TTHC kết hợp với lĩnh vực cụ thể.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần. Lý do quy định: Đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Doanh nghiệp - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐

	Mô tả rõ:……. …… Lý do quy định:…….. …… - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đối tượng thực hiện TTHC đã bao gồm đầy đủ các loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Để đảm bảo tính công bằng, minh bạch cho tất cả các tổ chức có nhu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phạm vị áp dụng rộng và hoàn toàn phù hợp, do đó không thể mở rộng thêm hay thu hẹp.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 90-100 lần cấp, cấp lại	
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Dịch vụ thẩm định giá là loại hình dịch vụ tư vấn đòi hỏi trình độ chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu và chỉ những cá nhân được cấp Thẻ thẩm định viên về giá mới được thực hiện thẩm định giá; ngoài ra, kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư; việc quy định yêu cầu, điều kiện khi cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều

	kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là cần thiết để đảm bảo công tác quản lý nhà nước về thẩm định giá được hiệu quả.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân 1. Phải có ít nhất 5 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 2. Chủ doanh nghiệp, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân; Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 53 Luật này: - Có đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá; - Đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và duy trì điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này; - Không thuộc các trường hợp đã giữ vị trí người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 12 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. 3. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên hợp danh công ty hợp danh phải là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp.	- Lý do quy định: Dự thảo Luật cơ bản kế thừa Luật giá năm 2012, đưa các quy định về điều kiện đối với chủ doanh nghiệp, người đại diện pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá hiện đang được quy định tại Nghị định lên dự thảo Luật, đồng thời sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành để củng cố một số yêu cầu đối với doanh nghiệp thẩm định giá là Công ty TNHH một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân nhằm tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, nhất là trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá; qua đó, siết chặt quản lý hoạt động thẩm định giá nhằm một mặt đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá, góp phần chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, lợi ích nhóm trong lĩnh vực giá; một mặt bảo đảm tính tương đồng đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính tương tự. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không

4. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề thẩm định giá độc lập với trụ sở chính và các chi nhánh khác của doanh nghiệp thẩm định giá, trong đó phải bao gồm người đứng đầu chi nhánh.	
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: 1. Phải có ít nhất 5 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 2. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 53 Luật này: - Có đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá; - Đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và duy trì điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này; - Không thuộc các trường hợp đã giữ vị trí người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 12 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. 3. Có ít nhất 02 thành viên góp vốn, 02 cổ đông phải là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp; trường hợp thành viên góp vốn, cổ	- Lý do quy định: Dự thảo Luật cơ bản kế thừa Luật giá năm 2012, đưa các quy định về điều kiện đối với chủ doanh nghiệp, người đại diện pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá hiện đang được quy định tại Nghị định lên dự thảo Luật, đồng thời sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành để củng cố một số yêu cầu đối với doanh nghiệp thẩm định giá là công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần nhằm tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, nhất là trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá; qua đó, siết chặt quản lý hoạt động thẩm định giá nhằm một mặt đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá, góp phần chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, lợi ích nhóm trong lĩnh vực giá; một mặt bảo đảm tính tương đồng đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính tương tự. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☒

đông là tổ chức thì người đại diện của tổ chức góp vốn phải là người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, tổng phần vốn góp của tổ chức tối đa 35% vốn điều lệ. Tổng số vốn góp của các thành viên, cổ đông là người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp. 4. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề thẩm định giá độc lập với trụ sở chính và các chi nhánh khác của doanh nghiệp thẩm định giá, trong đó phải bao gồm người đứng đầu chi nhánh.	+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ:…….. …… Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☐
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: TTHC đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về số hóa hồ sơ về thủ tục hành chính

c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh dịch vụ thẩm định giá sau khi Bộ Tài chính cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá - Nếu Không, nêu rõ lý do:……
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được có phạm vi áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hồng Liên Điện thoại cố định: 024 22202828 (Máy lẻ 4002); Di động: 09336864556 E-mail: Nguyenthihonglien@mof.gov.vn	

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký hành nghề thẩm định giá

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện / 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Thành phần HS 1	Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu chứng minh cá nhân đáp ứng đủ điều kiện được đăng ký hành nghề	5	30.535			1	1.800	152.675	274.815.000	
		Hoạt động n									
1.n	Thành phần HS n	Hoạt động 1									
		Hoạt động n									
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									

		Bưu chính									
		Điện tử									
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác (nếu có)										
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
		Hoạt động 1									
		Hoạt động 2									
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử									
	TỔNG								**152.675**	**274.815.000**	

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký tham dự kỳ thi Thẩm định viên về giá

STT	**Các công việc khi thực hiện TTHC**	**Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể**	**Thời gian thực hiện** (giờ)	**Mức TNBQ / 01 giờ làm việc** (đồng)	**Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng)	**Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng)	**Số lần thực hiện/ 01 năm**	**Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm**	**Chi phí thực hiện TTHC** (đồng)	**Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng)	**Ghi chú**
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Thành phần HS 1	Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu chứng minh cá nhân đáp ứng đủ yêu cầu, điều kiện đăng ký tham dự kỳ thi theo quy định	8	30.535			1	700	244.280	170.996.000	
		Hoạt động n									
1.n	Thành phần HS n	Hoạt động 1									
		Hoạt động n									
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử									

3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác (nếu có)										
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
		Hoạt động 1									
		Hoạt động 2									
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Điện tử									
	TỔNG								**244.280**	**170.996.000**	

2. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp, cấp lại cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện / 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Thành phần HS 1	Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu chứng minh cá nhân đáp ứng đủ yêu cầu, điều kiện đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	8	30.535			1	90	244.280	21.985.200	
		Hoạt động n									
1.n	Thành phần HS n	Hoạt động 1									
		Hoạt động n									
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử									

3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác (nếu có)										
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
		Hoạt động 1									
		Hoạt động 2									
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Điện tử									
	TỔNG								**244.280**	**21.985.200**	

III. SO SÁNH CHI PHÍ: *(Đơn vị: đồng)*

1. Thủ tục Đăng ký hành nghề thẩm định giá

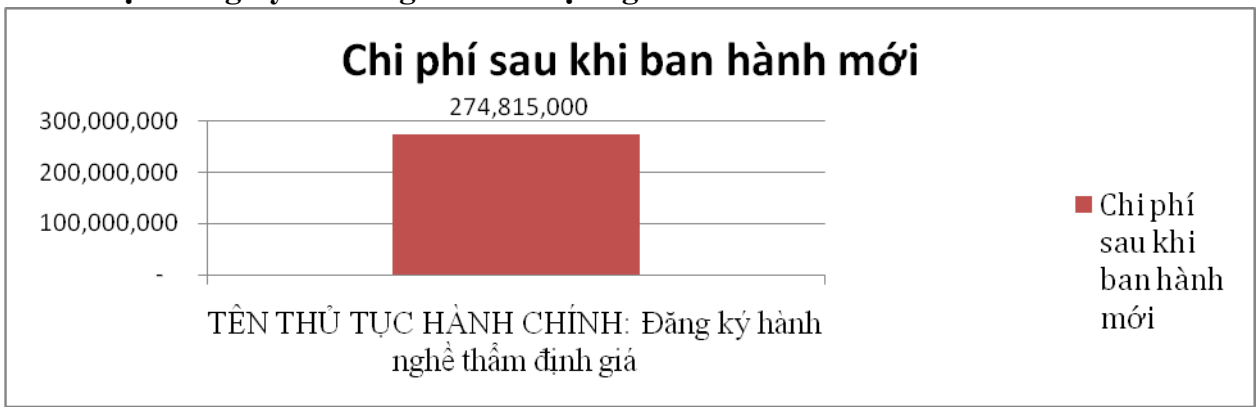

2. Thủ tục Đăng ký tham dự kỳ thẩm định viên về giá

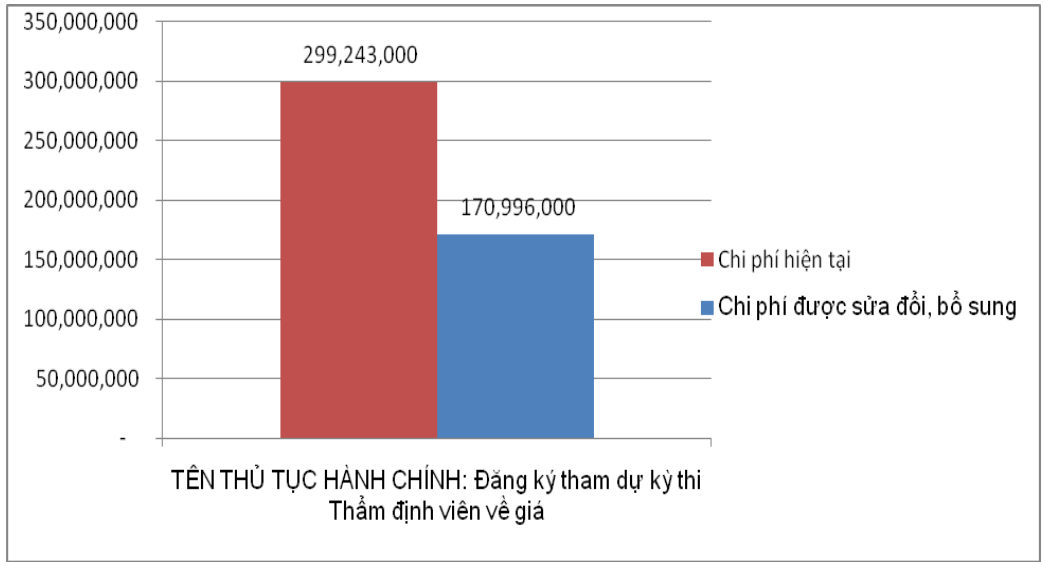

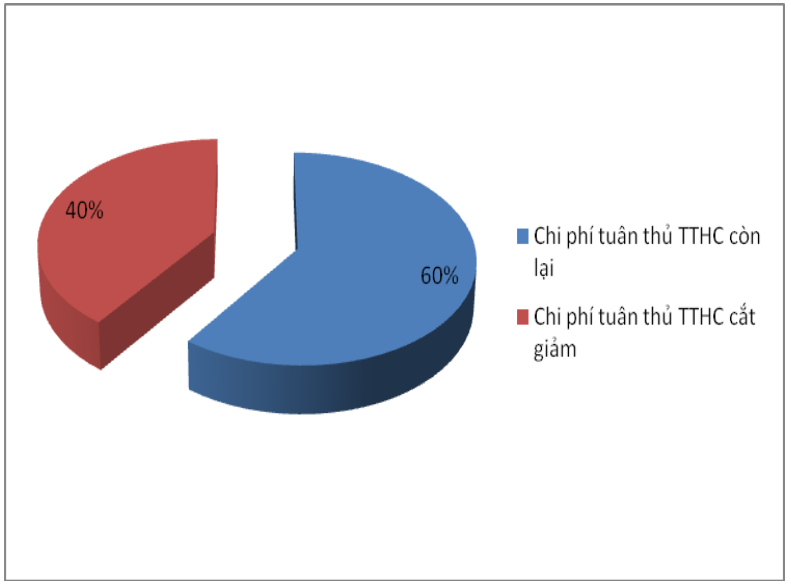

3. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

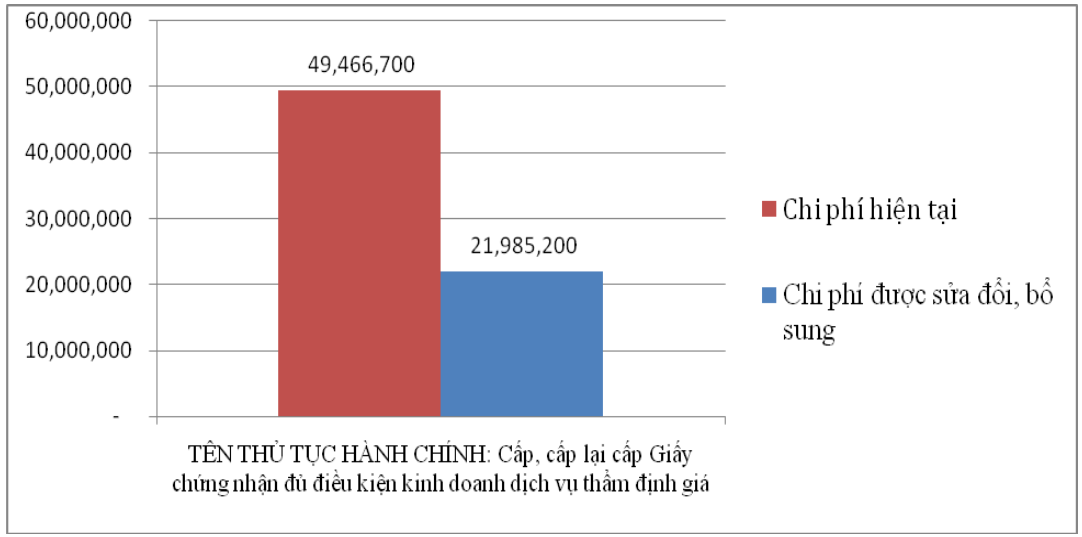

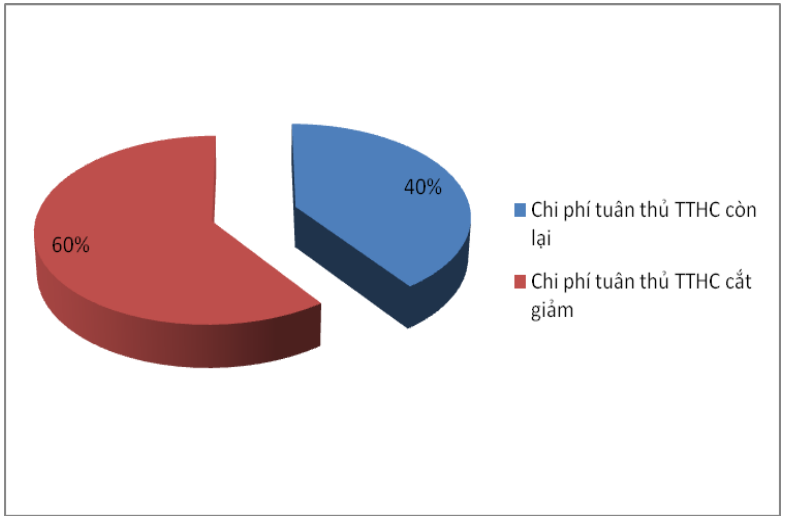

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHỤC VỤ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT GIÁ SỬA ĐỔI

Thông qua việc khảo sát, thu thập, đánh giá về công tác quản lý, điều hành giá của một số quốc gia trên thế giới cho thấy hầu hết giá cả các hàng hóa dịch vụ đều vận động theo cơ chế giá thị trường; Chỉ có một số ít giá hàng hóa dịch vụ có sự quản lý điều tiết của Nhà nước, chủ yếu là các mặt hàng quan trọng thiết yếu như giá điện, giá xăng dầu, giá khí, sản phẩm dịch vụ công ích... với nguyên tắc đầu tiên là bù đắp được các chi phí thực tế phát sinh và mức lợi nhuận phù hợp; Nhà nước sẽ không bù lỗ và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Nhà nước thực hiện công tác quản lý giá tại các mức độ nhất định thông qua các biện pháp kinh tế vĩ mô (tài chính, tiền tệ, đầu tư, xuất nhập khẩu…) cũng như chính sách pháp luật về giá.

1. Một số quốc gia ban hành những luật quản lý giá chung:

Đến nay đã có nhiều quốc gia ban hành luật có nội dung điều chỉnh trong lĩnh vực giá như Trung Quốc ban hành Luật giá năm 1997; Thái Lan ban hành Đạo Luật cạnh tranh trong kinh doanh 1999; Hàn Quốc ban hành Luật Bình ổn giá cuối năm 1975; Austrailia ban hành Đạo Luật kiểm soát giá cả năm 1983; Malaysia ban hành Đạo luật kiểm soát giá cả năm 1946; Singapore ban hành Đạo luật Kiểm soát giá năm 1950. Một số đạo luật về giá chỉ thực hiện trong những thời điểm nhất định, tuy nhiên, đa số các đạo luật vẫn đang được thi hành cùng với những sửa đổi, bổ sung phù hợp trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Các biện pháp quản lý giá thường được áp dụng tại các nước này bao gồm: định giá, hướng dẫn tính giá một số loại hàng hóa dịch vụ thiết yếu, quan trọng; thực hiện bình ổn giá như điều hòa cung cầu, kiểm soát yếu tố hình thành giá, thúc đẩy cạnh tranh, thông tin về giá; xử lý nghiêm những vi phạm pháp luật về giá; áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu.

1.1. Trung Quốc

Hệ thống pháp luật về quản lý, điều hành giá tại Trung Quốc bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Luật giá của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành ngày 29/12/1997 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/5/1998; Luật giá bao gồm 7 chương và 48 điều xác định mục tiêu xây dựng Luật với một tiêu chuẩn của hành vi giá để tăng cường vai trò của giá trong việc bố trí hợp lý các nguồn lực, ổn định mức giá chung của thị trường, bảo vệ các quyền lợi hợp pháp và lợi ích của người

tiêu dùng và các nhà sản xuất kinh doanh và sau đó là thúc đẩy sự phát triển lành mạnh nền kinh tế thị trường xã hội. Trong đó, cụ thể quy định trong từng chương: về những nguyên tắc chung; hoạt động định giá của các doanh nghiệp, hoạt động định giá của Chính phủ, kiểm soát và điều chỉnh mặt bằng giá, kiểm soát và thanh tra giá, trách nhiệm pháp lý, một số quy định bổ sung

- Một số văn bản hướng dẫn luật bao gồm: Quy định tạm thời về xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm giá cả, Quy định về cấm hành vi thổi phồng giá cả, Các biện pháp thực thi liên quan đến xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm giá cả, Các thủ tục hành chính liên quan đến xử phạt hành vi vi phạm giá cả, Quy định về vấn đề trình báo đối với các hành vi vi phạm giá cả, Quy định về niêm yết giá cả,

Tại Trung Quốc hệ thống giá có 3 loại:

+ Giá do Chính phủ quy định: Nhà nước định giá trực tiếp đối với một số hàng hoá, dịch vụ quan trọng như giá điện, giá nước sạch, giá thuốc chữa bệnh cho người, giá xe buýt, giá gas tiêu dùng và gas công nghiệp…Đối với mặt hàng giá nước sạch, các cơ quan quản lý trung ương không quy định mức giá cụ thể mà để các tỉnh tự quy định khung giá.

+ Giá chỉ đạo của Chính phủ: Nhà nước đưa ra mức giá trung bình và cho phép doanh nghiệp điều chỉnh ở mức cụ thể theo tỷ lệ quy định. Đối với giá xăng dầu: doanh nghiệp được điều chỉnh 5-8% so với giá nhà nước quy định. Đối với mặt hàng nông sản như lúa mì, lúa gạo, Nhà nước quy định giá sàn. Về cơ bản, nhà nước không có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp thu mua lương thực khi giá cả có sự biến động mà tập trung vào các chính sách khuyến khích và trợ cấp cho nông dân trồng lương thực.

+ Giá do thị trường tự điều tiết: hình thành dựa trên quan hệ cung cầu nhưng có sự giám sát của nhà nước. Giá do Chính phủ quy định và chỉ đạo hiện chỉ chiếm khoảng 5% tổng giá các hàng hoá dịch vụ cả nước, còn lại là giá do thị trường tự điều tiết.

Bình ổn giá cả thị trường là một mục tiêu quan trọng trong chính sách kinh tế vĩ mô của Trung Quốc. Nhà nước căn cứ vào nhu cầu phát triển của nền kinh tế và năng lực tiếp nhận của xã hội để điều chỉnh mục tiêu và khống chế tổng mức giá cả thị trường, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, vận dụng các biện pháp tài chính, tiền tệ, đầu tư và xuất nhập khẩu để thực hiện. Chính phủ thành lập quỹ dự trữ hàng hoá quan trọng, quỹ bình ổn giá để điều tiết giá cả, ổn định thị trường; thiết lập cơ chế giám sát giá cả và tiến hành giám sát đối với sự biến động của giá cả hàng hoá, dịch vụ quan trọng như giá gas, giá điện, giá khí đốt tự nhiên. Còn đối với các loại hàng hoá khác hầu như đã vận động theo cơ chế giá thị trường.

Khi giá mua vào của thị trường lương thực và các nông sản phẩm quan trọng quá thấp thì Chính phủ có thể tiến hành bảo hộ giá cả trong quá trình thu mua, đồng thời áp dụng những biện pháp tương ứng để đảm bảo tính khả thi.

Khi giá của những hàng hoá và dịch vụ quan trọng tăng cao rõ rệt hoặc dự báo có thể tăng cao rõ rệt, Quốc Vụ Viện và Chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương có thể áp dụng tỷ lệ giá chênh lệch hoặc tỷ lệ lợi nhuận hạn định đối với một bộ phận giá cả, quy định giá hạn định, thực hiện các biện pháp can thiệp như cơ chế thông báo tăng giá và cơ chế lập hồ sơ điều chỉnh giá. Chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương khi áp dụng những biện pháp can thiệp như đã quy định ở trên phải trình báo Quốc Vụ Viện để lưu hồ sơ.

Trong trường hợp tổng mức giá cả thị trường biến động mạnh hay những tình huống bất thường khác, Quốc Vụ Viện có thể áp dụng biện pháp quy định giá tạm thời và đưa ra những giải pháp khẩn cấp đối với một bộ phận hoặc toàn bộ giá cả tại một địa điểm nhất định hoặc trên phạm vi cả nước. Sau khi giá cả bình ổn trở lại, những biện pháp can thiệp và những giải pháp khẩn cấp này phải được tháo dỡ kịp thời.

1.2. Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc, giá cả của hầu hết hàng hóa, dịch vụ được quyết định bởi các lực lượng thị trường. Chính phủ Hàn Quốc chỉ quản lý trực tiếp giá một số hàng hóa và dịch vụ công cũng như điều tiết một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu. Nhà nước thực hiện việc điều hành giá chủ yếu thông qua các chính sách pháp luật và biện pháp kinh tế vĩ mô (nhất là chính sách tiền tệ, thúc đẩy cạnh tranh). Cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm chính về chính sách giá là Bộ Tài chính và Chiến lược (Cục Chính sách kinh tế - Price Policy Division).Cơ quan này quy định và hướng dẫn chung về chính sách giá; tham gia vào hội đồng chính sách tiền tệ để tham vấn điều hành lạm phát. Bên cạnh đó, các Bộ ngành khác tham gia quản lý giá trong phạm vi chức năng và ngành hàng của mình (ví dụ: Bộ Đất đai - Giao thông và Hàng hải quản lý về giá vé tàu; Bộ Kinh tế và Tri thức quản lý giá điện và gas).

Trong hệ thống cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật cao nhất về giá hiện nay là Luật bình ổn giá (Price stabilization Act). Luật này được ban hành nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng; góp phần vào sự bình ổn và nâng cao mức sống của người dân thông qua ổn định giá cả.Cùng với Luật bình ổn giá là các nghị định quy định đã được sửa đổi bổ sung, nhiều lần bởi Tổng thống Hàn Quốc qua các năm từ 1995 đến 2016 để đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế đất nước và định hướng phát triển nền kinh tế thị trường.

Theo quy định của Luật bình ổn giá, Bộ Tài chính và chiến lược được phép thành lập Ban Bình ổn giá – bộ phận chức năng có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến bình ổn giá cả.

- Quy định về danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá và quy trình tính giá: Theo quy định hiện hành của Hàn Quốc, Chính phủ quyết định giá 11 loại hàng hóa, dịch vụ công, bao gồm: điện, vé đường sắt, vé xe buýt nội thành, giá

dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ cáp truyền hình, dịch vụ hàng không, nước, gas, vé xe buýt tốc hành...

Riêng đối với các sản phẩm nông nghiệp, Chính phủ không quy định giá mà chủ yếu bình ổn giá cả thông qua các biện pháp vĩ mô như điều chỉnh dự trữ (ổn định nguồn cung), trợ cấp thu nhập, tăng cường hiệu quả của công tác dự báo...Đặc biệt, giá mục tiêu (target price) áp dụng cho mặt hàng lương thực được xác lập; trường hợp giá thị trường xuống thấp hơn mức giá mục tiêu đó, nhà nước sẽ tiến hành các biện pháp trợ cấp thu nhập phù hợp cho nông dân; đồng thời, thực hiện mua vào để góp phần cân đối cung – cầu trên thị trường.

- Áp dụng giá trần: Chính phủ có thể quy định giá trần đối với những hàng hóa đặc biệt quan trọng, ví dụ tiền thuê bất động sản hoặc phí dịch vụ. Những mức giá trần này có thể được quy định cho mỗi khu vực, và mỗi giai đoạn marketing (tiếp thị) như là giai đoạn sản xuất, giai đoạn bán buôn và bán lẻ.

- Niêm yết giá: Bộ trưởng có thể ra lệnh niêm yết giá hàng hóa hoặc dịch vụ đối với những người liên quan đến hoạt động sản xuất, bán hàng hoặc kinh doanh các mặt hàng, hoặc những người tham gia kinh doanh cung cấp dịch vụ.

- Bình ổn giá: Trong trường hợp giá cả tăng cao hoặc khan hiếm hàng hóa, gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và nền kinh tế, Chính phủ có thể áp dụng các biện pháp điều hòa cung cầu khẩn cấp đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, vận chuyển, dự trữ hàng hóa dịch vụ liên quan trong thời gian 5 tháng hoặc theo quy định cụ thể khác. Các biện pháp điều hòa cung cầu bao gồm:điều chỉnh kế hoạch sản xuất; tăng nguồn cung và phân phối hàng từ kho dự trữ; điều chỉnh xuất, nhập khẩu; vận chuyển, dự trữ; các biện pháp liên quan đến hệ thống marketing (đơn giản hóa quá trình marketing, cải thiện các phương tiện marketing).

Các biện pháp nói trên khi áp dụng phải có sự phê duyệt của Tổng thống Hàn Quốc.

- Quyết định về dịch vụ công cộng và phí: Bộ trưởng Bộ Tài chính và chiến lược sẽ được tham mưu khi có đề xuất về quyết định giá hoặc thay đổi giá liên quan tới phí dịch vụ công cộng. Khi đó, Bộ trưởng sẽ thành lập Hội đồng Tư vấn phí dịch vụ công cộng, để nghe tư vấn về mức phù hợp của tính toán chi phí, chi trả của người tiêu dùng, tác động đến nền kinh tế, v.v...

Nhìn chung, nền kinh tế Hàn Quốc nhất quán phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường; trong đó, nhà nước quản lý giá cả và điều hành lạm phát chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế và chính sách vĩ mô. Trừ một số hàng hóa, dịch vụ công do Chính phủ quy định, giá các mặt hàng còn lại do thị trường quyết định. Các Pháp luật về giá ở Hàn Quốc khá tương đồng với các quy định của Luật giá Việt Nam hiện tại.

1.3. Singapore:

Luật quản lý giá của Singapore (Chương 244) quy định như sau:

a) Về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý giá: Luật quy định Bộ trưởng bổ nhiệm Kiểm soát giá trưởng và Phó kiểm soát giá trưởng, các Trợ lý Kiểm soát giá. Nhằm mục đích điều hành, Kiểm soát giá trưởng, đến lượt mình, có thể bổ nhiệm Thanh tra trưởng về giá, các thanh tra viên về giá để hỗ trợ mình thực hiện công việc. Bộ trưởng cũng có thể bổ nhiệm các Ủy ban tư vấn để tư vấn Kiểm soát giá trưởng trong việc ra quyết định về giá hoặc kiểm soát các hàng hóa cụ thể.

b) Ấn định giá hàng hóa và dịch vụ: Luật này giao quyền cho Kiểm soát trưởng về giá để khi cần thiết ra lệnh đăng tải trên Công báo để ấn định giá hoặc phí tối đa đối với bất kỳ hàng hóa hoặc dịch vụ nào.

Kiểm soát giá trưởng, được sự đồng ý trước của Bộ trưởng, có thể ra lệnh công bố trên Công báo: Quyết định các hàng hóa bị kiểm soát; Cấm việc mua hoặc bán, hoặc nhập khẩu, hoặc xuất khẩu bất kỳ mặt hàng bị kiểm soát nào nhằm mục đích bán lại hoặc xuất khẩu; Cấm hoặc kiểm soát lưu thông của mặt hàng chịu kiểm soát giữa các vùng xác định…Ngay khi lệnh được công bố trên Công báo, số Công báo sẽ được đệ trình lên Quốc hội (cơ quan lập pháp của chính phủ) ngay sau khi phát hành.

c) Về hành vi vi phạm: Luật quy định những người bán hàng, người bán tài sản không chấp hành những lệnh trên sẽ bị coi là vi phạm phạm luật trong những tình huống sau: Bất kỳ người nào kinh doanh các hàng hóa quy định giá phải trưng bày (niêm yết) danh sách giá tối đa hiện tại của các mặt hàng quy định giá mà anh ta kinh doanh; Bất kỳ người nào bán các hàng hóa quy định giá hoặc thực hiện các dịch vụ tại mức giá vượt mức giá tối đa ấn định; Bất kỳ người nào thực hiện kinh doanh trong thời điểm những mặt hàng quy định giá thường được bán và từ chối bán những hàng hóa này với một số lượng hợp lý.

d) Kiểm tra, thanh tra giá: Kiểm soát trưởng về giá hoặc những người được Kiểm soát trưởng về giá ủy quyền được phép: Vào và khám xét bất kỳ nơi nào trong phạm vi kiểm soát của người buôn bán, nhà máy, người sản xuất… Kiểm tra bất kỳ sổ sách, tài khoản hoặc các tài liệu liên quan đến việc mua bán, kinh doanh của người buôn bán, nhà máy, người sản xuất…Yêu cầu bất kỳ người buôn bán, nhà máy, người sản xuất, đại lý ủy quyền, … cung cấp thông tin bằng lời nói hoặc văn bản liên quan tới việc buôn bán hoặc kinh doanh của mình; Yêu cầu bất kỳ người buôn bán, nhà máy, người sản xuất, đại lý ủy quyền… đưa ra hàng mẫu của những mặt hàng đang kinh doanh.

Thanh tra viên về giá, cảnh sát viên hoặc cán bộ hải quan nếu được Kiểm soát trưởng về giá ủy quyền bằng văn bản có thể: Bắt giữ mà không cần lệnh những người bị tình nghi là vi phạm Luật này. Thu giữ hàng hóa bị coi là cần giữ làm chứng cớ cấu thành tội danh. Bất kỳ ai cản trở những người được Luật này trao quyền thực hiện việc khám xét bất kì địa điểm nảo hoặc các sổ sách, tài khoản hoặc tài liệu khác… sẽ bị coi là có hành vi vi phạm pháp luật.

e) Xử lý vi phạm: Luật này quy định xử phạt trong trường hợp cấu thành tội danh như sau:

- Những người bao gồm cả giám đốc hoặc lãnh đạo công ty có hành vi vi phạm pháp luật theo Luật này sẽ phải chịu khoản phạt không quá 2.000 đô la, hoặc bị tù giam không quá 2 năm, hoặc chịu cả hai hình phạt trên; và trong trường hợp tái phạm thì mức phạt không quá 20.000 đô la, hoặc không quá 5 năm tù giam, hoặc cả hai hình phạt.

- Những tổ chức kinh doanh vi phạm Luật này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc bị xử phạt một khoản không quá 10.000 đô la, và trong trường hợp tái phạm, khoản phạt sẽ không quá 20.000 đô la.

Bộ trưởng có thể đôi khi đưa ra các quy định để thực thi các điều khoản của Luật này như sau: Yêu cầu giữ sổ kế toán và các bản ghi dữ liệu liên quan tới bất kỳ vụ việc kinh doanh, buôn bán nào trong thời gian các mặt hàng bị quy định giá hoặc bị kiểm soát giá được đem bán; Quy định cách những sổ sách hoặc bản ghi này sẽ bị loại bỏ hoặc bảo quản; Quy định những hóa đơn cần cấp cho người mua bởi người bán các hàng hóa quy định giá hoặc kiểm soát giá; Quy định nhãn, dấu cần dán, gắn với hàng quy định giá hoặc kiểm soát giá, v.v…

f. Đạo luật kiểm soát giá của Singapore được ban hành vào năm 1950 để hạn chế trục lợi và đến thời điểm này vẫn được áp dụng. Trong lịch sử (tính từ năm 1950 đến 2017), đạo luật này được sử dụng 2 lần đó là vào năm 1973 để đối phó với việc mua gạo hoảng loạn liên quan đến cuộc khủng hoảng dầu mỏ quốc tế và năm 1990 do sự tập trung của thị trường thịt lợn.

Theo đó, đạo luật này đã được áp dụng rất hiệu quả. Và một lần nữa, đạo luật này đã được áp dụng một cách phù hợp, hiệu quả tại thời điểm tháng 2/2020, khi đại dịch Covid-19 xảy ra làm cho nhu cầu về mặt nạ phẫu thuật và các vật dụng y tế khác tăng cao. Một số nhà bán lẻ đã coi sự bùng phát là một cơ hội để kiếm lời. Bộ Thương mại và Công nghiệp (The Ministry of Trade and Industry – MTI) đã dựa theo thẩm quyền tại Đạo luật kiểm soát giá để yêu cầu một số nhà bán lẻ giải thích về cơ sở giá bán, chi phí và tỷ suất lợi nhuận đồng thời gửi thư tới cho các nhà bán lẻ để nhắc nhở sau những khiếu nại từ công chúng về mặt nạ được bán giá cao từ họ.

Tuy mặt hàng mặt nạ phẫu thuật không thuộc danh mục do Nhà nước kiểm soát giá, nhưng dựa và điều khoản cho phép yêu cầu giải thích khi có sự biến động bất thường về giá đã giúp cho việc kiểm soát giá mặt hàng này tại Singapore.

2. Một số quốc gia chỉ ban hành chính sách quản lý giá riêng đối với mặt hàng cụ thể

Đối với hầu hết các quốc gia khác, hệ thống pháp luật về giá sẽ được xây dựng đối với từng mặt hàng cụ thể; tùy thuộc vào nhu cầu quản lý giá các mặt hàng của các nước đó.

2.1. Nhật Bản

Tại Nhật Bản, giá cả hàng hóa, dịch vụ vận động theo cơ chế giá thị trường. Đối với một số ít giá hàng hóa Nhà nước quy định (điện, khí thiên nhiên

– chủ yếu là LNG,...), nguyên tắc đầu tiên là bù đắp được các chi phí thực tế hợp lý phát sinh và mức lợi nhuận phù hợp; Nhật Bản không bù lỗ và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các mặt hàng Nhà nước phê duyệt giá (điện, LNG), cơ cấu giá chủ yếu gồm hai thành phần chính: thành phần giá cố định và thành phần thay đổi do biến động giá nhiên liệu. Theo đó, thành phần giá cố định được Nhà nước (METI) phê duyệt trên cơ sở tổng chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hợp lý (kết hợp tham khảo chi phí thực tế hợp lý các năm trước, dự kiến kế hoạch cung ứng – vận hành các năm tiếp theo và các yếu tố khác); thành phần giá thứ hai được tự động tính toán và cập nhật bằng hệ thống Fuel Cost Adjustment System. Cơ sở tính toán, hướng dẫn tính tổng chi phí thay đổi do mức giá thay đổi được hầu hết các doanh nghiệp công khai trên website.

Nhật Bản không có cơ chế hỗ trợ cho các đối tượng chính sách qua giá. Thay vào đó, quốc gia này thực hiện chính sách an sinh xã hội thông qua các quỹ phúc lợi; đồng thời, hỗ trợ người tiêu dùng bằng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá; công khai, minh bạch chính sách điều hành.

Tại Nhật Bản, cơ quan có thẩm quyền rà soát, phê duyệt giá điện là METI. Tương tự như Việt Nam, Bộ được giao chức năng quản lý nhà nước về giá điện có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định và phê duyệt. Tuy nhiên, thay vì xin ý kiến Bộ Tài chính, METI phải lấy ý kiến rộng rãi (tổ chức hội thảo, gửi văn bản xin ý kiến,...) về phương án giá điện. Mặt khác, METI có quyền phê duyệt mà không phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Nếu như tại Việt Nam, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính chỉ thẩm định phương án giá điện của 01 đơn vị là EVN; giá điện sẽ áp dụng chung cho cả nước (united tariff), thì tại Nhật Bản, việc phê duyệt giá điện tại Nhật Bản được áp dụng cho từng Tổng công ty điện lực; mức điều chỉnh và thời gian điều chỉnh không nhất thiết phải bằng hoặc trùng nhau.

Nhật Bản không quy định giá bán xăng, dầu; giá các sản phẩm này do các yếu tố thị trường quyết định. Trong trường hợp khẩn cấp, Nhà nước có thể áp dụng những biện pháp nhất định theo quy định tại Luật Điều chỉnh cung cầu xăng dầu (Petrolium Supply and Demand Adjustment Act), Luật các biện pháp khẩn cấp để ổn định đời sống (Act on Emergency Measures for Stabilization of National Life).

Giá thuốc tại Nhật Bản: Ở Nhật Bản đã có một cuộc cải cách giá thuốc mới đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân và thị trường thuốc tại Nhật. Giá của một loại thuốc theo toa tại Nhật Bản được Chính phủ xác định theo cách thống nhất bất kể là thuốc mới hay thuốc hiện có.

Khi một tổ chức y tế được ủy quyền hoặc nhà thuốc hoạt động theo chương trình bảo hiểm y tế đưa ra yêu cầu bảo hiểm, phí thuốc sẽ được tính dựa về giá quy định trong Tiêu chuẩn giá thuốc Bảo hiểm y tế quốc gia (NHI). Tiêu chuẩn giá thuốc NHI quy định số lượng thuốc có thể yêu cầu được sử dụng trong chăm sóc sức khỏe không được bảo hiểm và có chức năng như một bảng

giá. Giá thuốc là giá chính thức cho Bảo hiểm y tế và là một mức thống nhất trên toàn quốc. Tại Nhật Bản, việc xác định giá thuốc này được gọi là việc niêm yết theo tiêu chuẩn định giá thuốc. Sau khi có sự chấp thuận sản xuất của một loại thuốc theo toa, giá thuốc kê đơn cho bệnh nhân của một đơn vị y tế được xác định trong 2 đến 3 tháng theo nguyên tắc 70% giá sẽ do Bảo hiểm y tế chịu còn 30% còn lại do bệnh nhân chịu. Sau khi thuốc xuất hiện trên thị trường, các cơ chế thị trường được sử dụng mà không phân biệt thuốc gốc và được điều chỉnh cứ sau 2 năm.

2.2. Mỹ

Tại Mỹ, giá các hàng hóa, dịch vụ hầu hết đã vận động theo cơ chế giá thị trường ngoại trừ một số mặt hàng như điện, giá khí đốt tự nhiên, xăng dầu,… vẫn có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước nhưng cũng đang dần dần được tự do hóa.

Mặt hàng khí tự nhiên: Trong giai đoạn đầu của ngành công nghiệp khí đốt của Mỹ, giá cả không được quy định. Điều này đã thay đổi với Đạo luật về khí đốt tự nhiên năm 1938 bắt đầu đưa ra quy định, đặc biệt là về giá gas. Bốn thập kỷ tiếp theo cho đến năm 1978 chứng kiến sự tăng trưởng lũy tiến của việc giám sát giá khí. Quyết định Phillips của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ năm 1954 dẫn đến một quy định về giá cả kéo dài đến năm 1978.

Tự do hóa đã thay đổi cấu trúc của ngành công nghiệp khí đốt của Mỹ. Trước đây, quy định mạnh được áp dụng đến các giai đoạn khác nhau, từ sản xuất đến truyền tải đến phân phối, và lâu dài hợp đồng giữa các nhà sản xuất, các công ty đường ống liên bang và các công ty phân phối.

Tự do hóa bắt đầu từ năm 1985 đã dẫn đến việc tạo ra thị trường gas bán buôn cạnh tranh và một loại hình công ty mới xuất hiện - nhà tiếp thị gas, đó là mối liên kết giữa các nhà sản xuất ở một bên và các công ty phân phối cũng như phần lớn người tiêu dùng ở phía bên kia. Tự do hóa tiếp thị gas và giá gas bán buôn thu hút nhiều công ty mới và tạo ra sự cạnh tranh giữa các công ty tiếp thị và khí đốt nhà sản xuất, làm tăng áp lực lên giá khí bán buôn.Hiện tại, giá gas được thiết lập theo số dư cung / cầu nhưng vẫn phụ thuộc vào sự phát triển của thị trường dầu mỏ.

Mặt hàng điện: Giá điện tại Mỹ đang được thực hiện trên mô hình kiểm soát độc quyền kết hợp với mô hình cạnh tranh trong điều tiết giá điện tại Mỹ.

- Cơ chế điều tiết giá điện tại Mỹ

Thị trường điện năng của Mỹ hiện nay được hình thành theo một cơ chế phức hợp với các quy định, luật lệ, công nghệ đan xen với 2 mô hình chủ yếu là Mô hình kiểm soát độc quyền (chính quyền một số bang quản lý các công ty cung cấp điện theo ngành dọc và điều tiết giá điện) và Mô hình cạnh tranh (các nhà sản xuất điện có thể tiếp cận với hạ tầng truyền tải điện và tự do tham gia vào thị trường bán buôn điện -> giá điện được hình thành theo cơ chế thị trường – thị trường điện cạnh tranh hiện cung cấp điện cho 2/3 khách hàng tại Mỹ)

- Cơ chế hình thành giá điện bán buôn và bán lẻ

+ Mức giá điện bán buôn được giám sát bởi Ủy ban Điều tiết Năng lượng Liên bang (FERC) trong đó quy định nguyên tắc hình thành mức giá bán buôn điện cho các giao dịch liên bang cần phải ở mức hợp lý và không có sự phân biệt đối xử không chính đáng. Trong một số trường hợp khi thị trường cạnh tranh không hoàn hảo, FERC có thể thẩm định phương án giá điện được xây dựng theo phương pháp thị trường theo đề nghị của đơn vị điện năng tại một địa điểm nhất định. Đồng thời, FERC có thể phê duyệt mức giá và điều kiện bán điện thông qua phương pháp chi phí nhưng chỉ áp dụng trong trường hợp đặc biệt do phương pháp chi phí ít thông dụng hơn phương án giá thị trường. Ngoài ra, FERC còn quản lý giá điện của 4 công ty tiếp thị điện liên bang (PMAs) vận hành hệ thống điện và tiếp thị, bán lượng điện được sản xuất từ các đập thủy điện sở hữu bởi chính quyền liên bang tại 33 bang.

+ Mức giá điện bán lẻ tại một số bang do Hội đồng dịch vụ công của bang hoặc các chính quyền địa phương phê duyệt trên cơ sở mức giá đăng kí của các công ty điện. Quy trình xét duyệt giá điện như sau: đơn vị bán điện đăng kí một mức giá thay đổi lên Hội đồng dịch vụ công, trên cơ sở đó Hội có thể chấp thuận, từ chối hoặc tổ chức một cuộc họp điều trần. Chính quyền cũng quy định giá điện nếu thay đổi trong phạm vi nhỏ sẽ được tự động áp dụng mà không cần phải có thẩm định của các nhà quản lý.

*- Tại một số bang của Mỹ có quy định chế tài mạnh đối với hành vi **nâng giá cơ hội** khi xảy ra thiên tai, thảm họa xảy ra và chính quyền ban bố tình trạng khẩn cấp.*

Tại Mỹ, khi thiên tai hoặc thảm họa ập tới, nếu người bán hàng lợi dụng nhu cầu tăng đột biến (thường đi cùng khan hiếm về nguồn hàng) và ra giá quá cao cho mặt hàng nhu yếu phẩm, sẽ bị coi là "nâng giá cơ hội". Hành vi tăng giá "vô lương tâm" từ 10% với hàng hóa là nhu yếu phẩm khi tình trạng khẩn cấp được tổng thống ban bố sẽ bị phạt tiền hoặc phạt tù.

Tại 34 trên tổng số 51 bang và đặc khu, hành vi nâng giá cơ hội khi chính quyền ban bố tình trạng khẩn cấp bị pháp luật coi là vi phạm Luật chống hành vi thương mại bất công hoặc lừa dối. Mức xử lý có thể là phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Mức giá "quá cao" hoặc "vô lương tâm" thường được xác định bằng cách so sánh mức giá trung bình tại vùng bị ảnh hưởng với mức giá trong khoảng thời gian nhất định trước khi tình trạng khẩn cấp được ban bố. Nếu giá hiện tại cao hơn 10-15% (một số bang có mức trần cao hơn), người bán sẽ bị coi là có hành vi nâng giá cơ hội.

Ví dụ, điều 50-6,106 của luật chung bang Kansas quy định người cung cấp "hàng hóa hoặc dịch vụ thiết yếu" với giá bán cao hơn 25% so với giá trước khi tình trạng khẩn cấp được ban bố có thể bị phạt 10.000 USD với mỗi lần vi phạm. Trong đó, "tình trạng khẩn cấp" được hiểu là khoảng thời gian được quyết định dựa trên công bố của tổng thống hoặc thống đốc bang khi có thảm họa hoặc thiên tai như bão, lốc xoáy, động đất, bạo loạn, hoặc các tình thế cực kỳ nguy

hiểm khác. Mức phạt sẽ được tăng lên thành 20.000 USD nếu nạn nhân là người cao tuổi. Ngoài ra, hành vi rao bán nhu yếu phẩm với giá cao không cần phải đi kèm giao dịch thực tế mới bị coi là vi phạm.

Tại bang Florida, điều 501.160 thuộc Bộ quy định quản lý thương mại, kinh doanh, và đầu tư xác định "nhu yếu phẩm" là những mặt hàng như nước uống, thức ăn, hóa chất, xăng dầu, gỗ, chỗ ở... Người nào có hành vi bán nhu yếu phẩm với mức giá "vô lương tâm" (lớn hơn nhiều so với giá trung bình trong 30 ngày trước tình trạng khẩn cấp) có thể bị phạt 1.000 USD và 60 ngày tù giam. Nếu vi phạm nhiều lần trong một ngày, mức phạt tăng lên 25.000 USD.

Trong các bang có luật chống nâng giá cơ hội, Oklahoma và Louisiana là hai bang có mức phạt nặng nhất. Người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với mức phạt lên tới 10 năm tù, nếu hành vi nâng giá cơ hội gây hậu quả nghiêm trọng (như có người chết).

Tuy nhiên, không phải việc tăng giá nào cũng bị coi là nâng giá cơ hội. Nếu chủ hàng chứng minh được do chi phí đầu vào tăng, hoặc phải tính thêm chi phí trả cho nhân viên (như lương ngoài giờ, thuê thêm nhân viên, đảm bảo an ninh,...) và chi phí vận chuyển vì tình trạng khẩn cấp (ví dụ, hàng hóa phải được vận chuyển bằng trực thăng) thì sẽ được xem xét.

2.3. Peru

Giá mặt hàng nông sản: Một hệ thống phạm vi giá nông nghiệp (PRS) nhằm mục đích ổn định giá nội địa trong một nền kinh tế mởthông qua việc sử dụng thuế nhập khẩu thay đổi theo giá quốc tế đang được áp dụng tại Peru.

PRS cung cấp một cơ chế để chính phủ áp đặt một nghĩa vụ bổ sung để hỗ trợ nông dân trong nước. Nó bao gồm 45 sản phẩm nông nghiệp, được chia thành bốn loại chung:sữa, ngô vàng, gạo và đường. PRS hoạt động như sau:

- Trong mỗi danh mục, có một dòng thuế được chỉ định là sản phẩm đánh dấu vàtất cả những sản phẩm khác được chỉ định là các sản phẩm liên kết với nhau.

- Giá sàn và trần được xác định cho từng sản phẩm đánh dấu trên cơ sởgiá fob trung bình hàng tháng (cước vận chuyển trên tàu) trong 60 tháng qua trênthị trường tham chiếu quốc tế cho sản phẩm đánh dấu đó. Giá này đã được cập nhậtnửa năm và chuyển đổi sang sàn và trần giá cif (chi phí, bảo hiểm và vận chuyển hàng hóa)

- Ngoài ra, giá tham chiếu được tính hai tuần một lần, phản ánhgiá thị trường quốc tế trung bình cho sản phẩm.

- Giá tham chiếu sau đó được so sánh với giá sàn và giá trần để xác địnhliệu có nên đánh thuế bổ sung biến đổi hay không.

PRS của Peru đóng vai trò là một ví dụ điển hình của một quốc gia đang phát triển và Chính phủ sử dụng một công cụ để bảo vệ chống lại biến động giá không mong muốngắn liền với tự do hóa thương mại nông nghiệp tăng lên. Bộ Kinh tế và Tài chính của Peru lưu ý rằng PRS nhằm bảo vệ cả người sản xuất và

người tiêu dùng trong nước,thông qua việc thiết lập giá sàn và trần để tính thuế bổ sung thay đổi hoặcgiảm thuế, khi cần thiết, để thực hiện các mục tiêu ổn định và cạnh tranh khác nhau của nó.

2.4. Nauy

Về cơ bản, Na Uy thực hiện theo cơ chế thị trường, các mặt hàng, dịch vụ đều được thị trường tự điều tiết và định giá theo quan hệ cung cầu. Tuy nhiên, nhà nước vẫn thực hiện điều chỉnh giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, quan trọng như: y tế, nông nghiệp, ngư nghiệp, viễn thông, giáo dục, sách vở văn hóa, tài liệu chuyên ngành. Trách nhiệm về việc điều chỉnh giá, quyết định giá mỗi mặt hàng tại các Bộ chuyên ngành. Đối với các mặt hàng sản xuất, về cơ bản cơ chế quản lý giá tại Na Uy được thực hiện trên cơ sở Nhà nước kiểm soát nguồn cung và mức giá thu mua của người sản xuất. Đối với mức giá bán ra thị trường được điều tiết thông qua thuế và quan hệ cung cầu thị trường. Cụ thể đối với một số lĩnh vực như sau:

a) Trong lĩnh vực Y tế: Toàn bộ dịch vụ y tế, khám chữa bệnh tại các bệnh viên công tại Na Uy được miễn phí dành cho người dân, Bộ Y tế chỉ định giá đối với giá thuốc chữa bệnh được kê theo toa của bác sĩ. Giá cả của việc đến khám hoặc chữa bệnh của bác sĩ gia đình sẽ được thương lượng (hiệp thương giá) giữa Bộ Y tế, Hội đồng bác sĩ và chính quyền địa phương. Khi đã có sự thương lượng thì mức giá này sẽ được ấn định trong một văn bản quy phạm pháp luật. Từ trước đến nay, chưa bao giờ có tình huống các bên không thương lượng được mức giá này.

b) Giá dịch vụ giáo dục: Việc học tại các trường công, giáo dục phổ thông tại Na Uy là miễn phí cho tất cả các công dân Na Uy. Chỉ có các trường đại học tư nhân mới thu học phí và đưa ra mức giá theo sự ấn định của các trường đó.

Nhà nước chỉ quy định mức giá tối đa đối với dịch vụ giáo dục mầm non, nhà trẻ. Cả nhà trẻ công và tư nhân đều được nhận trợ cấp của nhà nước nên nhà nước quy định mức giá tối đa được thu tại tất cả các cơ sở. Mức giá tối đa này cũng sẽ được xem xét, điều chỉnh thông qua mức gia tăng lạm phát (chỉ số giá tiêu dùng) hàng năm. Mức trợ cấp của nhà nước được trích từ ngân sách hàng năm cho tất cả các đơn vị công hoặc tư và do Bộ Giáo dục trình Quốc hội ấn định.

c) Trong lĩnh vực dầu mỏ và năng lượng:

- Dầu mỏ và gas chiếm tỉ trọng lớn nhất trong xuất khẩu của Na Uy, hiện nay, ngành này chiếm trên 50% tổng giá trị xuất khẩu của Na Uy. Nhà nước kiểm soát các nguồn tài nguyên dầu mỏ trên cơ sở sở hữu nhà nước với các công ty khai thác chính tại các giếng dầu Na Uy. Đồng thời, Chính phủ Na Uy đưa các khoản thu (từ thuế, cổ tức, cấp phép, bán hàng) đối với mặt hàng dầu mỏ vào "Quỹ tài sản quốc gia". Quỹ này nhằm mục đích hỗ trợ cho phúc lợi xã hội, quỹ hưu trí, các chương trình giáo dục, đầu tư cơ sở hạ tầng và được phát triển thêm

bằng các nguồn thu từ dầu mỏ hàng năm và đầu tư vào các thị trường tài chính phát triển bên ngoài Na Uy.

Tuy nhiên, đối với giá xăng dầu thành phẩm trong nước, Na Uy không thực hiện bất kì biện pháp trợ giá, bình ổn giá nào.

Đối với ngành điện, Nhà nước làm chủ các công ty điện lực và truyền tải điện. Giá điện do Cục Điện lực ấn định và Nhà nước cũng đưa ra các chính sách để giá điện ổn định trong một thời gian dài.

d) Đối với giá sữa: Giá sữa được bán trên thị trường cơ bản theo quy luật cung cầu thị trường; Nhà nước chỉ thực hiện quản lý giá sữa thông qua việc quản lý nguồn cung sữa. Giá thu mua sữa của người nông dân sẽ được ấn định hàng năm dựa trên cơ sở hiệp thương giữa Bộ nông nghiệp và Hội nông dân.

Các sản phẩm nông nghiệp khác: Giá cả các sản phẩm nông nghiệp khác khi thu mua từ người nông dân cũng cơ bản được ấn định thông qua thỏa thuận giữa các người mua, Sở nông nghiệp trên cơ sở điều tiết thị trường về sản xuất. Còn giá bán ra thị trường đến tay người tiêu dùng sẽ theo quy luật cung cầu thị trường.

2.5. Braxin

a) Giá bán lẻ xăng dầu ở Braxin thực hiện theo cơ chế thị trường và được quyết định bởi nhà sản xuất, phân phối và bán lẻ, trong cơ cấu giá sẽ có thuế bang và liên bang.

Chính phủ không can thiệp vào quá trình hình thành giá, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tự xây dựng giá bán của mình. Chính phủ chỉ tham gia vào việc đảm bảo môi trường minh bạch và cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Văn phòng Quốc gia về Dầu, khí gas (ANP) giám sát việc liên kết, thao túng thị trường, giám sát yếu tố ảnh hưởng đến giá từ sản xuất đến người tiêu dùng.

Tuy nhiên, Braxin vẫn duy trì cơ chế bình ổn giá xăng thông qua Hội đồng Quản trị (có sự tham gia của Chính phủ) tại doanh nghiệp Nhà nước (Petrobras). Theo đó, Petrobras theo dõi biến động giá xăng dầu trong nước và thế giới hàng ngày nhằm duy trì mức giá ổn định giá bán xăng mặc dù giá nhập khẩu biến động. Đồng thời, hàng tháng, Hội đồng quản trị họp để xem xét việc điều chỉnh giá để phù hợp với tình hình kinh tế.

Bên cạnh đó, Chính phủ còn sử dụng một số biện pháp gián tiếp khác để điều tiết giá như: Quy định % Ethanol trong xăng (hiện nay là 25%); Điều chỉnh mức thuế Bang và liên Bang; Sử dụng kho dự trữ nhiên liệu. Công bố giá bình quân nhiên liệu theo ngày trên trang điện tử của Bộ Mỏ và Năng lượng là cơ quan hoạch định chính sách đối với các vấn đề liên quan đến Dầu mỏ, Khí gas và Văn phòng Quốc gia về Dầu, khí gas (ANP) chịu trách nhiệm triển khai, giám sát các chính sách này.

b) Đối với mặt hàng điện, Tại Brazil xuất hiện hiện tượng độc quyền tự nhiên trong truyền tải và phân phối điện. Tuy nhiên cũng có sự cạnh tranh nhất định trong giá điện khi Chính phủ xây dựng các đường truyền tải mới (cho phép

các doanh nghiệp tư nhân tham gia). Thị trường điện được chia làm 02 mảng thị trường : Thị trường được điều tiết-ACR (chiếm 75% nhu cầu điện) và thị trường tự do-ACL (chiếm 25% thị phần). Thị trường có điều tiết tập trung các nhà phân phối điện và người tiêu thụ điện cố định (Hợp đồng dài hạn). Đối với thị trường tự do có sự tham gia các doanh nghiệp tư nhân cũng như các doanh nghiệp nhà nước. Tại thị trường này, người mua và bán ký hợp đồng ngắn hạn, giá do 02 bên tự đàm phán. Văn phòng quốc gia về Năng lượng Điện (ANEEL) là cơ quan chịu trách nhiệm chính về điều tiết, đảm bảo chất lượng điện cũng như quy định giá cuối cùng cho người tiêu dùng

Năm 2003, Chính phủ Brazil tiến hành cải cách mô hình mới trong lĩnh vực điện. Mô hình này phải đảm bảo các yếu tố: Bình ổn về giá điện; Đảm bảo an ninh năng lượng điện; Hoạch định, nghiên cứu thị trường; Hợp đồng dài hạn đã ký; Điều tiết thị trường.

Sau đó, Chính phủ sẽ thực hiện đấu thầu Điện (đấu thầu nguồn điện có sẵn, nguồn năng lượng mới, thay thế..). Bộ Mỏ và Năng lượng đưa ra quy định về đấu thầu (quy định về nguồn điện) và ANEEL cũng tham gia vào quá trình này. Các doanh nghiệp tham gia đấu thầu sẽ gửi đề xuất lên Bộ Mỏ và Năng lượng để xem xét. Thông qua đấu thầu nhằm đảm bảo cạnh tranh để đạt mức giá tối ưu nhất cho người tiêu dùng (chiếm 75% thị phần). Ngoài ra, người tiêu dùng cũng có thể tiếp cận với giá điện tốt nhất thông qua hợp đồng ngắn hạn tại thị trường tự do.

Cơ cấu giá điện gồm 02 phần: Phần chi phí A là chi phí cố định và Phần chi phí B là chi phí biến đổi của doanh nghiệp, chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình phân phối. ANEEL chỉ căn cứ vào phần chi phí trong trong quá trình phân phối để xem xét điều chỉnh giá. Trong trường hợp các yếu tố chi phí cấu thành nên Phần B giảm thì ANEEL có thế yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh giảm giá điện. Sau 4 năm, ANEEL có thể xem xét để điều chỉnh Phần chi phí B để điều chỉnh giá điện (lạm phát, mất giá đồng tiền...). Bên cạnh việc xem xét điều chỉnh Phần chi phí B, ANEEL còn đánh giá các nhà phân phối điện đang thực hiện có hiệu quả không.

Quỹ phát triển năng lượng (CDE): Đây là Quỹ của Chính phủ hỗ trợ giá điện trực tiếp cho các hộ nông nghiệp, năng lượng tái sinh và người có thu nhập thấp; nghiên cứu khoa học; cung cấp nguồn lực để duy trì hoạt động của các Văn phòng Quốc gia ANEEL,... Nguồn Quỹ CDE được hình thành từ: (i) nguồn ngân sách nhà nước, (ii) thu từ giá điện và (iii) nguồn từ việc thu tiền phạt của ANEEL (tuy nhiên nguồn này rất nhỏ, không đáng kể).

c) Đối với dịch vụ khám chữa bệnh, Braxin thực hiện phổ cập y tế, rất nhiều bệnh viện công được mở ra. Chi phí hoạt động của các bệnh viện này lấy từ nguồn ngân sách. Người dân được miễn phí các dịch vụ của bệnh viện. Song song với việc phổ cập y tế, Chính phủ xây dựng 02 hệ thống phụ trợ đó là hệ thống y tế phụ trợ và hệ thống bảo hiểm y tế nhằm hỗ trợ việc phát triển không đồng đều của hệ thống y tế. Về vấn đề bảo hiểm, Chính phủ tập trung kiểm soát giá bảo hiểm cá nhân, tránh liên kết độc quyền.

2.6. Niu di-lân

Sau một thời gian thực hiện việc kiểm soát giá, để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, giải phóng sức sản xuất do hạn chế của việc kiểm soát giá gây ra, Chính phủ Niu di-lân đã xóa bỏ Luật kiểm soát giá và cho đến hiện nay việc quản lý giá của Chính phủ vẫn được duy trì một phần ở các mức độ khác nhau tại các luật chuyên ngành và chủ yếu sử dụng pháp luật về cạnh tranh. Hiện nay, Niu di-lân thực hiện cơ chế giá thị trường, Nhà nước chỉ kiểm soát một số giá như: điện, khí đốt, viễn thông, các dịch vụ lớn ở sân bay; các loại thuốc thiết yếu mua theo đơn bác sĩ, thuốc trợ cấp của Nhà nước. Đối với sản phẩm nông nghiệp, chỉ quản lý giá sữa nguyên liệu đối với khối lượng 5% tổng sản lượng khi công ty cung ứng bán cho các nhà máy chế biến… Đồng thời, Chính phủ có các văn bản hướng dẫn quy trình xác định giá, phương pháp tính giá cho các doanh nghiệp. Tất cả các doanh nghiệp và người kinh doanh đều phải công khai mức giá của mình bằng cách này hay cách khác (chủ yếu là thực hiện niêm yết giá). Năm 1996, Niu di-lân ban hành các luật chuyên ngành để điều tiết và kiểm soát giá đối với một số hàng hoá, dịch vụ do Chính phủ định giá, cụ thể: Luật Bưu chính, viễn thông; Luật điện; Luật Khí đốt. Các cơ quan tham gia vào việc điều tiết giá, cạnh tranh là Bộ Phát triển kinh tế, Bộ Thương mại, Uỷ ban Thương mại, Toà án tối cao (cơ quan độc lập với Chính phủ) là cơ quan phán xét các hành vi vi phạm về giá, cạnh tranh; xử lý khiếu nại khi các đối tượng bị xử lý không đồng ý với xử lý của Uỷ ban thương mại.

Như vậy, với cơ chế kinh tế thị trường hiện nay mà Niu di-lân theo đuổi là không có cơ quan điều tiết, kiểm soát giá cả độc lập; việc điều tiết, kiểm soát giá cả do các Bộ chuyên ngành đảm nhiệm theo các quy định của pháp luật thương mại và pháp luật chuyên ngành. Ở Niu di-lân có Bộ Người tiêu dùng; Bộ này có chức năng bảo vệ người tiêu dùng.

Điển hình như cơ chế giá điện: Giá điện do Ủy ban điện lực và Ủy ban thương mại điều tiết thống nhất trong cả nước đối với giá truyền tải điện, giá phân phối còn giá phát điện và giá bán lẻ là giá cạnh tranh. Cả nước tổ chức một công ty truyền tải điện thuộc sở hữu nhà nước hoạt động theo hợp đồng với Ủy ban điện lực, 29 doanh nghiệp phân phối chịu sự điều tiết của Ủy ban điện lực và Ủy ban thương mại. Do chỉ có một công ty truyền tải nên cân bằng được giữa vùng gần, vùng xa. Điện ở Niu di-lân có cơ cấu nguồn gồm 60% là thủy điện, còn lại là nguồn khác (trong đó khí là chính). Do có cạnh tranh nên giá bán lẻ điện có khác nhau, giá có quy định theo giờ cao điểm và giờ thấp điểm, nhưng không quy định theo hình thức giá lũy tiến. Đối với mức giá Nhà nước kiểm soát: Nhà nước quy định giá khởi điểm trong vòng 5 năm và quy định tỷ lệ thay đổi giá trong 5 năm đó; doanh nghiệp căn cứ vào đó để quy định giá bán lẻ cho người tiêu dùng.

2.7. Úc

Qua khảo sát, thể chế pháp luật về giá được quy định lồng ghép với các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tại đạo Luật Cạnh tranh và Tiêu dùng 2010 (Phần VIIA – Giám sát giá cả). Theo đó, đối với Chính phủ Australia,

vấn đề bảo vệ người tiêu dùng là ưu tiên tiên quyết, các vấn đề về giá cả được thực hiện theo nguyên tắc thị trường tự do; do đó, phạm vi các quy định giám sát về giá khá tại Luật khá hạn chế.

Tại phần VIIA đạo luật Cạnh tranh và tiêu dùng quy định cơ quan chịu trách nhiệm thống nhất các nội dung giám sát giá của nhà nước là ACCC (Australia Competition & Consumer Comission - Ủy ban về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng). Đây cũng là một điểm đặc biệt so với mô hình quản lý giá tại Việt Nam khi hiện nay chức năng về quản lý giá được phân công, phân cấp cho nhiều Bộ, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý ngành hàng; tuy nhiên điều này cũng xuất phát từ quan điểm về ưu tiên thực hiện các vấn đề giá cả theo quy luật kinh tế thị trường.

Theo đó tại Luật, ACCC có chức năng thực hiện các biện pháp giám sát về giá gồm:

- Khảo sát về giá cả: ACCC tổ chức các cuộc khảo sát (điều tra) về giá theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Ngân khố và cung cấp cho Bộ trưởng báo cáo về kết quả của mỗi cuộc điều tra về giá.

- Thông báo giá: ACCC được quyền xem xét về việc thay đổi giá bán của một số hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền hoặc thuộc lĩnh vực hạ tầng (dùng chung hoặc độc quyền). Theo đó, các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ phải gửi "thông báo giá" cho ACCC để đề nghị xem xét cho phép tăng giá; Trên cơ sở xem xét các yếu tố chi phí, giá thành, ACCC có quyền cho phép tăng giá hoặc không. Đây cũng là một trong những biện pháp giám sát giá chủ yếu của ACCC.

- Giám sát về giá cả chung: ACCC có trách nhiệm theo dõi giá cả, chi phí và lợi nhuận trong bất kỳ ngành công nghiệp hoặc doanh nghiệp nào mà Bộ trưởng Bộ Ngân khố chỉ đạo Ủy ban theo dõi và phải báo cáo cho Bộ trưởng về kết quả giám sát đó.

Về cơ bản, khi thực hiện quyền hạn và thực hiện các chức năng giám sát giá của mình, ACCC phải tuân theo các yêu cầu về việc xem xét kĩ các nội dung nhu cầu duy trì đầu tư và việc làm, bao gồm cả ảnh hưởng của khả năng sinh lời đối với đầu tư và việc làm; khả năng lợi dụng vị thế độc quyền (hoặc chi phối thị trường) để định giá hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân; yêu cầu về việc kiểm soát lạm phát chung (thể hiện qua chi phí sinh hoạt).

a. Khảo sát về giá

Trên cơ sở yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Ngân khố hoặc theo đề xuất của ACCC về việc điều tra một vấn đề giá cả cụ thể nào đó. Mặt khác, Bộ trưởng cũng có quyền chọn một đơn vị thực hiện điều tra, khảo sát giá khác nhưng phải nêu rõ lý do cho việc lựa chọn đó để báo cáo tại Hạ viện.

Trên cơ sở đó, ACCC (hoặc cơ quan được chỉ định) sẽ đưa ra thông báo điều tra: gồm mô tả chi tiết về hàng hóa, dịch vụ; các tổ chức, cá nhân sản

xuất, kinh doanh sẽ được thực hiện khảo sát, điều tra; khoảng thời gian điều tra và trách nhiệm hoàn thành, gửi báo cáo cho Bộ trưởng Bộ Ngân khố.

Nội dung khảo sát, điều tra về giá chủ yếu liên quan đến các nội dung về chi phí, giá thành sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ gắn với điều khoản, điều kiện cung cấp cụ thể và cung cấp tại địa phương.

b Thông báo giá

Các điều khoản về thông báo giá được quy định trong Phần VIIA của *Đạo luật Cạnh tranh và Tiêu dùng 2010* và chỉ áp dụng cho "các dịch vụ được thông báo" và "các công ty đã thông báo". Mục tiêu của các quy định này là chỉ áp dụng giám sát giá đối với những thị trường mà theo Bộ trưởng Bộ Ngân khố, áp lực cạnh tranh không đủ để đạt được mức giá hiệu quả và bảo vệ người tiêu dùng.

Danh mục các hàng hóa, dịch vụ áp dụng thông báo giá do Bộ trưởng quyết định trên cơ sở đánh giá tính cạnh tranh, vị thế độc quyền và bối cảnh thực tế. Việc điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ cũng do Bộ trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của ACCC hoặc các cơ quan liên quan.

Một công ty đã được thông báo phải thực hiện *thông báo giá* cho ACCC sẽ phải gửi văn bản đến ACCC về việc đề xuất tăng giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã thông báo trong một số trường hợp nhất định. ACCC sau đó phải đánh giá giá đề xuất và có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc đề nghị tăng giá.

Việc chấp thuận hay không sẽ phụ thuộc vào việc đánh giá các nguyên nhân đề xuất tăng giá, đánh giá các báo cáo chi phí, giá thành trước đó cũng như mặt bằng chung về giá thị trường (thể hiện qua CPI).

Biện pháp này có phần tương đồng với biện pháp "đăng ký giá" hiện đang quy định tại Luật giá của Việt Nam. Tuy nhiên hiện nay biện pháp đăng ký giá chỉ thực hiện khi Chính phủ áp dụng bình ổn giá đối với một hàng hóa, dịch vụ nào đó.

c. Giám sát chung về giá:

Chính phủ Australia giao ACCC thực thi trách nhiệm giám sát chung về giá cả, xử lý các khiếu nại, thắc mắc về giá của các tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng và lập báo cáo gửi Bộ trưởng Bộ Ngân khố theo thẩm quyền. Đây cũng là một phần trong việc kiểm soát lạm phát chung bên cạnh các báo cáo về chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa chung.

d. Tăng cường cơ chế giám sát về giá trong bối cảnh dịch Covid 19

Trong bối cảnh dịch Covid 19 tác động ảnh hưởng lớn đến kinh tế, đời sống người dân, giá cả tiêu dùng chung có xu hướng tăng cao tại Australia; trong đó đặc biệt là giá các hàng hóa, vật tư y tế thiết yếu như khẩu trang, nước sát khuẩn, bộ test covid – 19. Do đó, Chính phủ Australia đã trình Quốc hội ban hành một đạo Luật đặc biệt nhằm áp giá trần (bán buôn) đối với một

số hàng hóa, dịch vụ đặc thù phục vụ phòng, chống dịch bệnh. Đạo luật được áp dụng từ tháng 6/2020 đến nay.

3. Bài học rút ra từ kinh nghiệm một số nước

3.1. Qua tìm hiểu những kinh nghiệm quốc tế cho thấy trong bối cảnh của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, các nước đều trong xu hướng tự do hóa giá cả, theo đuổi mô hình kinh tế thị trường; cùng với đó việc kiểm soát, quản lý giá của Chính phủ cũng được thay đổi theo hướng giảm dần sự can thiệp trực tiếp của nhà nước trong cơ chế kinh tế thị trường mà chuyển sang các hình thức gián tiếp hơn bằng các công cụ tài chính, cạnh tranh, thuế,…Tuy nhiên, cho đến hiện nay, thực tế cho thấy một tất yếu là dù là quốc gia nào với chế độ chính trị khác nhau, chiến lược phát triển kinh tế khác nhau thì đều hướng tới việc thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý nhà nước về giá ở các mức độ khác nhau bởi cần khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường (như độc quyền tự nhiên, công ích) và sự khác nhau này được tạo bởi điều kiện hạ tầng kinh tế-chính trị-xã hội của mỗi quốc gia là khác nhau nên sẽ phải lựa chọn chính sách quản lý giá đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển quốc gia trên nhiều khía cạnh. Bên cạnh đó, việc nhà nước quản lý, bình ổn giá cũng được quy định trong các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh…dẫn đến khủng hoảng, bất ổn giá cả thị trường gây mất trật tự an toàn, an sinh xã hội.

Khi các nước theo đuổi mô hình nền kinh tế thị trường thì khi xây dựng chính sách về quản lý giá đều có sự đánh giá và lựa chọn quản lý giá tập trung theo đặc tính mặt hàng như mặt hàng dễ phát sinh tính chất độc quyền hoặc ảnh hưởng lớn đến anh ninh quốc gia, kinh tế vĩ mô (điện, xăng dầu, nước) hoặc mặt hàng có tính chất công ích hoặc không hấp dẫn các nhà đầu tư nên Chính phủ phải tham gia vào bằng nhiều chính sách trong đó có chính sách giá (bao gồm cả sử dụng các quỹ tài chính) để đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội (như dịch vụ khám bệnh chữa bệnh, dịch vụ giáo dục). Nguyên tắc quản lý giá của các nước đều là tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân; đồng thời tùy vào từng đối tượng sử dụng hàng hóa, dịch vụ, Chính phủ sẽ có thể đưa ra các chính sách can thiệp về giá khác nhau, nhưng trọng tâm vẫn là có sự hỗ trợ, can thiệp về giá của Chính phủ đối với các đối tượng dễ bị tổn thương về an sinh xã hội hoặc nơi vùng sâu vùng xa. Ví dụ như dịch vụ giáo dục cho mầm non, dịch vụ y tế cho người nghèo,…

3.2. Luật quản lý giá ở Việt Nam và các nước nhìn chung không có những khác biệt lớn đối với những mặt hàng do Nhà nước quản lý, điều tiết. Điển hình như Trung Quốc với đặc điểm kinh tế tương đồng như Việt Nam đã có những bước tiến giảm đáng kể trong việc kiểm soát giá tuy vẫn giữ các Bộ Luật về quản lý giá và Chính phủ vẫn quản lý giá các mặt hàng như khí đốt, xăng dầu.

Kinh nghiệm từ quản lý giá tại Hàn Quốc đã thể hiện nhu cầu phải có Hội đồng có thẩm quyền lớn để quy định những phương hướng và chỉ dẫn đối với công tác bình ổn giá.

Tuy Nhật Bản không có cơ chế hỗ trợ cho các đối tượng chính sách qua giá, chúng ta có thể học hỏi về việc thực hiện chính sách an sinh xã hội thông qua các quỹ phúc lợi của quốc gia này để hỗ trợ giá cho người tiêu dùng; đồng thời cần phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về giá; công khai, minh bạch chính sách điều hành.

Trong công tác quản lý giá điện ở Việt Nam có thể học hỏi mô hình điều tiết giá điện tại Mỹ đang được kết hợp giữa mô hình kiểm soát độc quyền với mô hình cạnh tranh. Có thể áp dụng những biện pháp để kiểm soát nguồn cung, quy hoạch diện tích nuôi trồng, quản lý giá sữa,… của Na Uy, đảm bảo giữ giá ở mức có lợi nhuận cho người dân.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 biến động phức tạp, nhu cầu một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, thuốc, vật tư y tế có thể tăng cao trong giai đoạn bùng phát dịch đẩy giá cả hàng hóa những mặt hàng này tăng cao nếu nguồn cung không đáp ứng kịp thời, đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội. Những kinh nghiệm của Mỹ và Singapore về xây dựng chế tài đối với hành vi nâng giá cơ hội, lợi dụng nhu cầu tăng đột biến và tình trạng khan hiếm tạm thời về nguồn hàng để tăng giá trục lợi có thể được nghiên cứu xem xét hoàn thiện cơ chế bình ổn giá trong thời kỳ dịch bệnh.

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

RÀ SOÁT LUẬT GIÁ VỚI CÁC CAM KẾT, THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Việc hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giá và thẩm định giá là việc làm cần thiết để phát triển kinh tế-xã hội và phát triển nghề thẩm định giá tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới – WTO từ năm 2006, tham gia các hiệp định tự do thương mại FTA trong khu vực và thế giới theo các hình thức song phương và đa phương; cũng như việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội thẩm định giá các nước ASEAN (AVA) và Hội đồng Tiêu chuẩn Thẩm định giá quốc tế - IVSC. Qua đó, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giá và thẩm định giá cũng như hiệu quả công tác hội nhập kinh tế quốc tế đã đặt ra yêu cầu rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về giá để bảo đảm ngày càng phù hợp và tiếp cận với các yêu cầu trong các thỏa thuận và điều ước quốc tế.

1. Cam kết khi tham gia WTO

Đối với chính sách giá khi gia nhập WTO đã cam kết thực hiện chính sách quản lý giá theo hướng tăng cường tính tự chủ và quyền tự định giá của doanh nghiệp căn cứ trên cơ sở nguyên tắc thị trường; Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì việc công bố danh mục các hàng hóa và dịch vụ chịu sự kiểm soát giá của Nhà nước cũng như bất kỳ thay đổi nào đối với danh mục sau khi gia nhập WTO.

Theo định kỳ, Bộ Tài chính đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia báo cáo Rà soát chính sách thương mại trong khuôn khổ WTO và trả lời các câu hỏi có liên quan khi có yêu cầu. Đánh giá chung về việc thực hiện các cam kết như sau:

1.1. Đối với lĩnh vực quản lý, điều hành giá

Sau khi Luật Giá số 11/2012/QH13 được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật giá được các cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện và đượcban hànhtheo hướng quy định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, của người tiêu dùng trong lĩnh vực giá. Nguyên tắc quản lý giá là Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động, sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác) theo đúng pháp luật. Doanh nghiệp được quyền quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ sản xuất ra phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình, phù hợp với giá cả trên thị trường, Nhà nước

không can thiệp vào việc định giá bán hàng hóa, dịch vụ, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do Nhà nước định giá.Nhà nước sử dụng các biện pháp cần thiết (chủ yếu là các biện pháp kinh tế, điều hòa cung cầu, tài chính, tiền tệ…) theo quy định của pháp luật để bình ổn giá. Từ đó, góp phần hữu hiệu vào bình ổn giá thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô; khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng và ổn định đời sống nhân dân. Nhà nước thực hiện chủ trương xóa bao cấp qua giá như: Trợ giá, bù lỗ, hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước và thực hiện chính sách một giá là giá thị trường.

Đối với một số ít hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền Nhà nước sản xuất, kinh doanh; hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước, Nhà nước thực hiện can thiệp trực tiếp vào giá cả ở mức độ nhất định thông qua hình thức định giá như xác định mức giá cụ thể hoặc khung giá, mức giá tối đa hoặc mức giá tối thiểu. Thực hiện công khai thông tin về giá, quán triệt thực hiện công khai minh bạch trong quản lý, điều hành giá và kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu đối với đời sống kinh tế, xã hội.

Đánh giá: Chính sách quản lý và điều hành giá hiện hành của Việt Nam theo quy định của Luật giá hoàn toàn tuân thủ các quy định của WTO, phù hợp với các nguyên tắc thị trường và định hướng phát triển kinh tế thị trường dài hạn của Việt Nam.

1.2. Đối với lĩnh vực thẩm định giá

Kể từ ngày 01/01/2013 khi Luật giá có hiệu lực cùng với hệ thống các văn bản hướng dẫn về thẩm định giá tương đối hoàn thiện, nghề thẩm định giá Việt Nam đánh dấu một bước chuyển mình trong hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định mang tính chuyên nghiệp, minh bạch và phát triển mạnh mẽ.

Qua quá trình hoạt động, doanh nghiệp thẩm định giá đã góp phần tích cực vào việc xác định giá trị đất đai, tài nguyên, tài sản làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, dự án đầu tư trong nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, dự toán cấp phát kinh phí mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước,... Ngoài ra, việc cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá của các doanh nghiệp đã và đang góp phần xác định đúng giá trị thị trường của tài sản, phục vụ cho việc trao đổi, giao dịch về tài sản, hàng hóa trên thị trường để góp phần ngăn ngừa hoạt động của "thị trường ngầm", tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí qua giá; đề cao trách nhiệm thực hiện pháp luật của mọi người dân, mọi doanh nghiệp. Sự tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá đáng kể trong những năm gần đây.

Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam hiện nay đã được ban hành tương đối đầy đủ với tổng số là 13 tiêu chuẩn thẩm định giá và tương đối phù hợp với các tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế của Hội đồng thẩm định giá quốc tế IVSC. Các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam như về quy tắc đạo đức hành

nghề thẩm định giá; về quy trình thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá; về thẩm định giá bất động sản, tài sản vô hình, giá trị doanh nghiệp,...

Đánh giá: Hệ thống pháp luật về thẩm định giá, Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá hiện hành của Việt Nam theo quy định của Luật giá hoàn toàn tuân thủ các quy định của WTO, phù hợp với các nguyên tắc thị trường và định hướng phát triển kinh tế thị trường dài hạn của Việt Nam.

2. Về Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU

Đối chiếu với nội dung các Điều khoản liên quan đến điều kiện cấp phép và thủ tục cấp phép trong Bản quy định trong nước thuộc lời văn về Thương mại dịch vụ, Đầu tư và Thương mại điện tử (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU) cho thấy: Về cơ bản, các quy định hiện hành đối với việc cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã đáp ứng các yêu cầu về tính minh bạch, đơn giản, rõ ràng, công khai, khách quan, được ban hành và công bố rộng rãi, dễ tiếp cận như đề nghị của phía EU. Cụ thể:

Căn cứ các quy định của Điều 38 và 39 Luật Giá; Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/2/2021); và Điều 4 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP;

Doanh nghiệp thẩm định giá được hoạt động khi Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật. Chính phủ và Bộ Tài chính đã quy định cụ thể về các điều kiện, trình tự, thủ tục (hồ sơ, thời hạn, lệ phí) của cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Riêng đối với các tổ chức thẩm định giá nước ngoài chỉ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam nếu đáp ứng được các yêu cầu về góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ TĐG tại Việt Nam (Điều 43 Luật Giá, Điều 21 và 22 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP). Lý do: Việt Nam không có cam kết quốc tế cụ thể trong lĩnh vực thẩm định giá, việc quy định như trên là cần thiết nhằm tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động thẩm định giá của các tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam; điều đó cũng phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật về thương mại dịch vụ và đầu tư. Ngoại trừ quy định về hình thức, phạm vi cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam nói trên, các nội dung quy định về điều kiện thành lập, hoạt động và hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá không có sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam và doanh nghiệp thẩm định giá trong nước.

3. Về Hiệp định thương mại CPTPP

a) Điều 9.3: Quan hệ với các Chương khác

- Nội dung: *"2. Yêu cầu của một Bên về việc nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phát hành bảo lãnh hoặc hình thức bảo đảm tài chính khác làm điều kiện cung cấp dịch vụ qua biên giới không tự nó tạo ra nghĩa vụ áp dụng Chương này đối với các biện pháp do Bên đó ban hành hoặc duy trì liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ qua biên giới. Chương này áp dụng đối với các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi Bên liên quan đến khoản bảo lãnh hoặc bảo đảm tài chính được phát hành, trong phạm vi khoản bảo lãnh hoặc bảo đảm tài chính đó là đầu tư theo Hiệp định này."*

Cho phép Chính phủ ban hành quy định yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phát hành bảo lãnh hoặc hình thức đảm bảo tài chính khác khi muốn cung cấp dịch vụ qua biên giới.

Rà soát, đánh giá: Phù hợp cam kết vì Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP về thẩm định giá không quy định nội dung về phát hành bảo lãnh hoặc hình thức đảm bảo tài chính khi muốn cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

b) Điều 9.4. Đối xử quốc gia, Chương 9. Đầu tư:

- Nội dung:

"1. Mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác trên lãnh thổ của mình.

2. Mỗi Bên sẽ dành cho bảo lãnh đầu tư theo Hiệp định này đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho đầu tư của nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ nước mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác."

Tương tự cam kết trong WTO: không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư/khoản đầu tư của một bên với nhà đầu tư/khoản đầu tư trong nước.

Rà soát, đánh giá: Nội dung về hình thức cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam có quy định hạn chế hình thức góp vốn và số vốn góp của tổ chức nước ngoài đã được đưa vào bảo lưu tại Phụ lục I, Ngành: Dịch vụ kinh doanh; phân ngành: Định giá tài sản. Điều này đảm bảo Quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam phù hợp các cam kết của Hiệp định TPP. Vì: (i) Điều 38, 39 của Luật Giá quy định doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh và quy định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. (ii) Điều 21 của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định tổ chức nước ngoài chỉ được góp vốn thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam.

c) Điều 9.10: Yêu cầu thực hiện

- Nội dung: *"3. (a) không có quy định nào tại khoản 2 được hiểu là để ngăn cản một Bên đưa ra điều kiện về việc hưởng hay tiếp tục hưởng ưu đãi, đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên hoặc của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình, phải tuân thủ yêu cầu lựa chọn địa điểm sản xuất, cung cấp dịch vụ, đào tạo hay tuyển dụng lao động, xây dựng hay mở rộng cơ sở vật chất, hoặc tiến hành hoạt động nghiên cứu, phát triển trên lãnh thổ của mình."*

Việt Nam được phép yêu cầu các nhà đầu tư phải tuân thủ yêu cầu lựa chọn địa điểm sản xuất, cung cấp dịch vụ, đào tạo hay tuyển dụng lao động, xây dựng hay mở rộng cơ sở vật chất, hoặc tiến hành hoạt động nghiên cứu, phát triển trên lãnh thổ của mình nếu muốn được hưởng ưu đãi hoặc tiếp tục được hưởng ưu đãi. Các yêu cầu này phải đảm bảo đáp ứng nghĩa vụ không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và giữa các nước khác nhau.

Rà soát, đánh giá: Phù hợp cam kết vì Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định 21/2021/NĐ-CP về thẩm định giá không quy định nội dung này.

d) Điều 9.11: Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị

- Nội dung:

"1. Không Bên nào được yêu cầu một doanh nghiệp của Bên đó là đầu tư theo Hiệp định này phải bổ nhiệm thể nhân có quốc tịch nhất định vào vị trí quản lý cấp cao.

2. Mỗi Bên có thể yêu cầu đa số nhân sự của hội đồng quản trị, hoặc bất kỳ ủy ban nào thuộc hội đồng quản trị của doanh nghiệp của Bên đó là đầu tư theo Hiệp định này có quốc tịch cụ thể, hoặc thường trú tại lãnh thổ của mình, với điều kiện yêu cầu đó không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của nhà đầu tư thực hiện kiểm soát đầu tư của mình."

1. Việt Nam không được ban hành các quy định trong đó yêu cầu các nhân sự nắm giữ vị trí quản lý cấp cao phải có một quốc tịch nhất định (ví dụ như phải có quốc tịch Việt Nam)

2. Việt Nam có thể ban hành các quy định về tỷ lệ nhân sự của hội đồng quản trị hoặc ủy ban thuộc hội đồng quản trị của một doanh nghiệp có một quốc tịch nhất định hoặc phải thường trú tại Việt Nam với điều kiện quy định này không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của nhà đầu tư thực hiện kiểm soát đầu tư của mình.

Rà soát, đánh giá: Phù hợp cam kết vì Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định 21/2021/NĐ-CP về thẩm định giá không quy định nội dung về nhân sự quản lý cấp cao, tỷ lệ nhân sự của hội đồng quản trị hoặc ủy ban thuộc hội đồng quản trị.

e) Điều 9.14: Thủ tục riêng biệt và Yêu cầu thông tin

- Nội dung: *"1. Không quy định nào tại Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) được hiểu là cản trở một Bên ban hành hoặc duy trì biện pháp tạo ra các thủ tục*

riêng biệt liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này, như yêu cầu thường trú khi đăng ký hoặc yêu cầu đầu tư theo Hiệp định này được thành lập hợp pháp theo quy định pháp luật của Bên đó, với điều kiện những thủ tục đó không ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo hộ mà một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên khác và đầu tư theo Hiệp định phù hợp với Chương này."

Cho phép Chính phủ ban hành quy định nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác đáp ứng yêu cầu thường trú khi đăng ký hoặc thành lập theo quy định của pháp luật trong nước.

Rà soát, đánh giá: Có quy định hạn chế hình thức góp vốn và số vốn góp của tổ chức nước ngoài: Nội dung này đã được bảo lưu tại Phụ lục I. Vì:

Điều 21 Nghị định 89/2013/NĐ-CP quy định về hình thức cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. Tổ chức thẩm định giá nước ngoài được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá hợp pháp tại nước sở tại thì được góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam. Tỷ lệ vốn góp của tổ chức thẩm định giá nước ngoài và người đại diện của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tham gia góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

2. Điều kiện thành lập, hoạt động và hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá có tổ chức thẩm định giá nước ngoài góp vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 39, Điều 43 của Luật giá và quy định của Nghị định này.

Điều 18. Thành viên là tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá (Nghị định 89/2013/NĐ-CP)

1. Thành viên là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành, viên trở lên. Cổ đông sáng lập là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty cổ phần thẩm định giá. Trường hợp có nhiều tổ chức góp vốn thì tổng số vốn góp của các tổ chức tối đa bằng 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá.

2. Người đại diện của thành viên là tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này phải là thẩm định viên về giá và phải đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá mà tổ chức tham gia góp vốn; đồng thời không được tham gia góp vốn vào doanh nghiệp thẩm định giá đó với tư cách cá nhân, không được là đại diện của tổ chức góp vốn thành lập doanh nghiệp thẩm định giá khác.

g) Khoản 2 và khoản 6 Điều 10.8. Quy định trong nước, Chương 10. Dịch vụ xuyên biên giới: Nội dung về điều kiện thành lập doanh nghiệp thẩm định giá và tổ chức kỳ thi thẩm định viên về giá đảm bảo phù hợp cam kết của Hiệp định TPP.

h) Chương 10 của Hiệp định về Thương mại dịch vụ xuyên biên giới: Tại Phụ lục I của Hiệp định bảo lưu quy định về dịch vụ thẩm định giá theo quy định hiện hành của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, trong đó bảo lưu quy định tổ chức nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ thẩm định giá trường hợp phải là tổ chức được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại nước sở tại và cá nhân nước ngoài không được cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Căn cứ nội dung tại Chương 10 quy định thương mại dịch vụ xuyên biên giới hay cung cấp dịch vụ xuyên biên giới không bao gồm việc cung cấp dịch vụ trong lãnh thổ của một Bên từ một khoản đầu tư, theo đó sẽ không có hình thức cung cấp dịch vụ qua biên giới đối với dịch vụ thẩm định giá.

i) Phụ lục I -Việt Nam - 36

- Nội dung:

"Ngành: Dịch vụ kinh doanh

Phân ngành: Định giá tài sản

Nghĩa vụ liên quan:Đối xử quốc gia (Điều 9.4)

Cấp chính phủ: Quốc gia

Biện pháp: Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn việc thực thi một số điều của Luật về Giá thẩm định giá

Mô tả: Đầu tư

Tổ chức nước ngoài không được cung cấp dịch vụ định giá tài sản ngoại trừ:

(a) trường hợp họ là tổ chức được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ định giá hợp pháp tại nước sở tại, và

(b) thông qua hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần với doanh nghiệp Việt Nam."

Việt Nam bảo lưu quyền ban hành các quy định mang tính phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. Tổ chức nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ định giá tài sản ngoại nếu họ là tổ chức được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ định giá hợp pháp tại nước sở tại, và phải hợp tác với doanh nghiệp VN để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần

Cá nhân nước ngoài không được cung cấp dịch vụ định giá tài sản.

Cá nhân nước ngoài không được cung cấp dịch vụ định giá tài sản.

Rà soát, đánh giá: Phụ lục I phù hợp quy định hiện hành của Luật Giá và Nghị định 89/2013/NĐ-CP và Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

4. Danh mục bảo lưu của Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)

Dịch vụ thẩm định giá thuộc 03 mục cam kết nền/theo phân ngành cần rà soát:

a) Cam kết về Người quản lý doanh nghiệp:

- Loại nghĩa vụ bảo lưu: Đối xử quốc gia và Nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị.

- Nội dung: Đối xử quốc gia và Nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị sẽ không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào liên quan đến tuyển dụng chuyên gia. Các hạn chế có thể được áp dụng đối với số lượng hay tỷ lệ, các mức lương tối thiểu, thời hạn và loại hình chuyên gia được tuyển dụng.

Các hạn chế này bao gồm nhưng không giới hạn ở: (i) Trong trường hợp người quản lý, nhân viên và chuyên gia, tối thiểu 20% tổng số người này phải là người mang quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, trong một doanh nghiệp có thể cho phép tối thiểu 3 người quản lý, nhân viên và chuyên gia không phải là người mang quốc tịch Việt Nam. (ii) Đại diện pháp lý của một doanh nghiệp có thể thường trú tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

b) Cam kết Cấp phép đầu tư, hình thức đầu tư, sở hữu cổ phần, thời hạn đầu tư, thủ tục đầu tư:

- Loại nghĩa vụ bảo lưu: Đối xử quốc gia, nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị.

- Nội dung: Đối xử quốc gia và Nhân sự quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị sẽ không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào liên quan tới việc thành lập, mua lại, tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc dự án có vốn đầu tư nước ngoài; bao gồm nhưng không giới hạn ở việc cấp giấy phép/giấy cho phép, hình thức pháp lý, sở hữu cổ phần, tổ chức, quản lý và thời hạn của khoản đầu tư.

Để minh họa, biện pháp này có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở: (i) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Việt Nam phải có dự án và thực thi các thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư tại các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư. (ii) Về hình thức pháp lý, nhà đầu tư nước ngoài không được thành lập hợp tác xã.

- Về quản lý, báo cáo tài chính đối với nhà đầu tư tối đa của các dự án đầu tư nước ngoài là 50 năm.

c) Cam kết Đối xử quốc gia, nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị:

- Loại nghĩa vụ bảo lưu: Đối xử quốc gia, nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị.

- Nội dung: Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo từng thời kỳ và phù hợp với những nghĩa vụ tại các hiệp ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư có điều kiện, và các điều kiện áp dụng đối với việc thành lập tổ chức kinh tế, hình

thức đầu tư, và mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vẫn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó vô điều kiện.

Vậy, đối với cam kết bảo lưu ngành, dịch vụ thẩm định giá là lĩnh vực ngành nghề cần được bổ sung vào danh mục bảo lưu do đã có Luật Giá, Luật Đầu tư và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP quy định. Trong đó, loại nghĩa vụ bảo lưu là Đối xử quốc gia có quy định phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài (là tổ chức) về hình thức pháp lý thành lập doanh nghiệp. Về tỷ lệ góp vốn của thành viên là tổ chức không phân biệt nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước nên không cần đưa vào bảo lưu nghĩa vụ Đối xử quốc gia.

5. Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA)

- Tại Điều 9 (Hiện diện tại nước sở tại): Đề nghị quy định hiện hành trong lĩnh vực thẩm định giá về việc doanh nghiệp nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam được góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam.

Lý do: Căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá (quy định về hình thức cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam) quy định: "1. Tổ chức thẩm định giá nước ngoài được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá hợp pháp tại nước sở tại thì được góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam. Tỷ lệ vốn góp của tổ chức thẩm định giá nước ngoài và người đại diện của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tham gia góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này".

- Tại Điều 16 (Các quy định trong nước): Đề nghị bổ sung nội dung trong lĩnh vực thẩm định giá như sau:

* Quy định về cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá:

+ Về hồ sơ xin cấp phép: Điều 14 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá phải nộp 01 bộ hồ sơ (Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận bản gốc, các tài liệu kèm theo chấp thuận bản sao công chứng, trừ cấp lại giấy thì phải nộp bản gốc đã được cấp lần kề trước).

+ Về yêu cầu trực tiếp đến nộp hồ sơ: Doanh nghiệp nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ Tài chính.

+ Về khả năng chấp thuận đơn cấp phép dạng điện tử: Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tài chính tại Thông báo số 131/TB-BTC ngày 07/3/2017, Cục Quản lý giá đang đăng ký triển khai Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, dự kiến quý IV/2017 (doanh nghiệp khai báo, gửi trực tuyến các mẫu và vẫn phải nộp hồ sơ giấy khi đến nhận kết quả trực tiếp tại Cục Quản lý giá).

+ Về phí cấp phép: Bù đắp chi phí quản lý.

* Quy định về thi cấp thẻ thẩm định viên về giá và thi sát hạch đối với người có chứng chỉ hành nghề thẩm định giá của nước ngoài:

+ Về hồ sơ đăng ký dự thi và thi sát hạch: Điều 8 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá và Điều 5,6, 12, 13 Thông tư 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá đã quy định người đăng ký dự thi phải nộp 01 bộ hồ sơ (các mẫu đơn kê khai bản gốc, các văn bằng, chứng chỉ chấp thuận bản sao công chứng).

+ Về yêu cầu trực tiếp đến nộp hồ sơ: Người dự thi nộp trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ Tài chính.

+ Về khả năng chấp thuận đơn cấp phép dạng điện tử: Hiện nay, Cục Quản lý giá đã triển khai Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 bắt đầu từ kỳ thi thẻ thẩm định viên về giá tháng 8/2017 (người đăng ký dự thi khai báo, gửi trực tuyến các mẫu và vẫn phải nộp hồ sơ giấy khi đến nhận kết quả trực tiếp tại Cục Quản lý giá).

+ Về lệ phí dự thi: Bù đắp chi phí quản lý.

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

THUYẾT MINH
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
1	Điện	
	Điện bán lẻ *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Thủ tướng Chính phủ quy định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; Bộ Công Thương quyết định mức giá bán lẻ điện bình quân)*	- Thủ tướng Chính phủ quyết định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; - Bộ Công Thương quyết định mức giá bán lẻ điện bình quân; - Đơn vị bán lẻ điện quyết định mức giá cụ thể.
	Điện bán buôn *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Bộ Công Thương quy định khung giá)*	- Bộ Công Thương quyết định khung giá; - Doanh nghiệp quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ phát điện *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Bộ Công Thương quy định khung giá)*	- Bộ Công Thương quyết định khung giá; - Doanh nghiệp quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ truyền tải điện; dịch vụ phụ trợ hệ thống điện; dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện; dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực; dịch vụ phân phối điện. *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Bộ Công Thương quy định giá cụ thể.)*	Bộ Công Thương quyết định giá cụ thể.
2	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt do nhà nước đầu tư. *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 67 Luật Đường sắt và Thông tư 11/2019/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa.)*	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ gồm đường quốc lộ, đường cao tốc các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015; theo đó, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá đối với dự thuộc quản lý)*	Chỉnh lý tên: Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh - Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do Trung ương quản lý. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do quản lý địa phương.
4	Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá các bến đò, phà do Bộ quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá các bến đò, phá do địa phương quản lý)*	Chỉnh lý tên: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư hoàn toàn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. - Bộ Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể các bến đò, phà do Trung ương quản lý; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể các bến đò, phà do địa phương quản lý.
5	Dịch vụ tại cảng biển (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015 và được quy định tại Khoản 2 và khoản 3 Điều 90 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam; theo đó, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định định khung giá)*	Chỉnh lý tên: Dịch vụ tại cảng biển (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt tàu biển) - Bộ Giao thông vận tải quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
6	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015 và tại Khoản 2 và khoản 3 Điều 90 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam; theo đó, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân quy định giá tối đa)*	- Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa tại cảng, nhà ga do Trung ương quản lý; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá tối đa tại cảng, nhà ga do địa phương quản lý; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
7	Dịch vụ hoa tiêu; *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015 và tại Khoản 2 và khoản 3 Điều 90 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa)*	Chỉnh lý tên: Dịch vụ hoa tiêu hàng hải - Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
8	Dịch vụ hàng không	
	Dịch vụ cất cánh, hạ cánh; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không. *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Điều 1 Luật Hàng không dân dụng sửa đổi; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định giá cụ thể)*	Bộ Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay; dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách; dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay (đối với các cảng hàng không còn áp dụng phương thức trọn gói); dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay; Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không. *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 1 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Thông tư 36/2015/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá và các đơn vị cung cấp dịch vụ quy định giá cụ thể trong khung giá)*	Bộ Giao thông vận tải quyết định khung giá; Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay; *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 1 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá)*	Bộ Giao thông vận tải quyết định khung giá; Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
	Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền *(Được quy định tại Luật Giá và Luật Hàng không dân dụng; theo đó, tại Luật giá quy định "Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền", tại Luật hàng không dân dụng quy định "Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa"; Thẩm quyền Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá)*	Chỉnh lý tên gọi: Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa - Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa; - Hãng hàng không quyết định giá cụ thể.
9	Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các công trình khai thác, vận chuyển dầu khí biển). *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá cụ thể)*	Chỉnh lý tên gọi: Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống, linh kiện phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng). - Bộ Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Lao động – thương binh và xã hội quy định giá cụ thể)*	- Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp. *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Công Thương quy định giá cụ thể)*	- Bộ Công Thương quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
10	Dịch vụ kết nối viễn thông *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá và Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định Luật Viễn thông; theo đó, Bộ Thông tin và truyền thông quy định giá cụ thể.)*	Bộ Thông tin và truyền thông quyết định giá cụ thể.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
11	Dịch vụ viễn thông công ích *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá và Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định Luật Viễn thông; theo đó, Bộ Thông tin và truyền thông quy định giá tối đa)*	- Bộ Thông tin và truyền thông quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan đảng, Nhà nước và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí. *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá và Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định Luật Viễn thông; theo đó, Bộ Thông tin và truyền thông quy định giá tối đa)*	- Bộ Thông tin và truyền thông quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
12	Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ *(Quy định hiện hành: Đây là mặt hàng được đưa vào danh mục nhà nước định giá theo Luật sở hữu trí tuệ 2022; theo đó, Chính phủ quy định khung giá và mức giá cụ thể)*	Bộ Văn hóa, thể thao, du lịch quyết định khung giá và mức giá cụ thể.
13	Rừng (bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân) *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật lâm nghiệp; theo đó, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định khung giá)*	- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quyết định khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân;
	Rừng thuộc phạm vi quản lý của địa phương *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật lâm nghiệp; theo đó, Ủy ban nhân dân quy định khung giá)*	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý.
14	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP và Luật Thủy lợi; Bộ Tài chính quy định giá tối đa; Bộ NNPTNT, UBND quy định giá cụ thể)*	- Bộ Tài chính quyết định giá tối đa; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
15	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác *(Quy định hiện hành: được quy định tại Luật Thủy lợi; Bộ Tài chính quy định giá khung giá; Bộ NNPTNT, UBND quy định giá cụ thể)*	- Bộ Tài chính quyết định khung giá. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.
16	Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán đối với dịch vụ do Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa; mức giá cụ thể tùy dịch vụ)*	- Bộ Tài chính quyết định khung giá; giá tối đa; mức giá cụ thể (tùy dịch vụ). - Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quyết định giá cụ thể;
17	Nước sạch sinh hoạt *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Nghị định 117/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.)*	Chỉnh lý tên gọi: Nước sạch - Bộ Tài chính quyết định khung giá; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
18	Hàng dự trữ quốc gia *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Giá, Luật Dự trữ quốc gia; theo đó, Bộ Tài chính quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu (trừ hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh); Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định giá cụ thể; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định giá hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.)*	- Bộ Tài chính quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu (trừ hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh); - Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định giá cụ thể; - Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định giá hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.
19	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng *(Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Nghị định 32/2019/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ quản lý ngành ban hành giá cụ thể,)*	- Bộ Tài chính quyết định giá tối đa - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền đặt hàng.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
20	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước, trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu *(Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật khám chữa bệnh, Luật bảo hiểm y tế và Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định giá cụ thể dịch vụ khám chữa bệnh thuộc phạm vi quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên cả nước.)*	- Bộ Y tế quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật khám chữa bệnh, Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Nghị định 85/2012/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định khung giá, cơ sở khám chữa bệnh tự quy định giá cụ thể.)*	- Bộ Y tế quy định phương pháp định giá, - Các cơ sở khám chữa bệnh quy định giá cụ thể trên cơ sở phương pháp (Do không quy định giá nên không cập nhật tại Danh mục)
21	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ Y tế quy định giá cụ thể.)*	- Bộ Y tế quyết định giá tối đa; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
22	Dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định giá cụ thể.)*	- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định khung giá - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
23	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn *(Quy định hiện hành: Được quy định tại thông tư 17/2020/TT-BYT; theo đó, Bộ Y tế quy định giá tối đa, tổ chức, cá nhân mua bán tự định giá cụ thể.)*	- Bộ Y tế quyết định giá tối đa; - Tổ chức mua, bán quyết định giá cụ thể.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
24	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người sử dụng ngân sách nhà nước *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định Khung giá, thủ trương các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định giá cụ thể.)*	- Bộ Y tế quyết định khung giá; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
25	Sách giáo khoa *(Đây là mặt hàng được Bộ Giáo dục và đào tạo **đề nghị bổ sung** tại văn bản số 115/BGDĐT-KHTC ngày 14/01/2020 và công văn số 319/BGDĐT-KHTC ngày 07/02/2020, công văn số 774/BGD ĐT-KHTC ngày 11/3/2020 về giá sách giáo khoa theo quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội; hiện mặt hàng này thuộc danh mục kê khai giá)*	- Bộ Giáo dục và đạo tạo quyết định giá cụ thể.
26	Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật Giáo dục; theo đó, Chính phủ quy định khung giá chung, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá tại địa phương;Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể)*	- Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định khung giá chung trên cả nước; - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá tại địa phương; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
	Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục đại học công lập *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật Giáo dục; theo đó, Chính phủ quy định khung giá; cơ sở giáo dục quyết định giá cụ thể)*	- Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định giá tối đa; - Cơ sở giáo dục quyết định giá cụ thể;
	Dịch vụ giáo dục tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập *(Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật giáo dục nghề nghiệp; theo đó, Chính phủ quy định khung giá; Ủy ban nhân dân quy định giá tối đa.)*	- Bộ Lao động, Thương binh – Xã hội quyết định giá tối đa; - Cơ sở giáo dục quyết định giá cụ thể;

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
27	Nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được xây dựng chi từ nguồn ngân sách nhà nước *(Được quy định tại Luật giá, Luật Nhà ở; theo đó, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN quy định khung giá.)*	- Bộ Xây dựng quyết định giá thuê, thuê mua nhà ở công vụ, nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn trung ương; - Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định giá thuê, thuê mua nhà ở do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đầu tư; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá thuê, thuê mua nhà ở được đầu tư bằng nguồn vốn của địa phương và nhà ở được giao quản lý trên địa bàn.
28	Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh *(Đây là hàng hóa, dịch vụ **mới được đề nghị bổ sung** theo đề nghị của Bộ Quốc phòng)*	Bộ Quốc phòng quyết định giá cụ thể
29	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ. *(Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật chuyên ngành, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình; theo đó, các Bộ quy định giá tối đa hoặc giá cụ thể.)*	- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo lĩnh vực quyết định giá tối đa; - Đơn vị cung ứng dịch vụ quy định giá cụ thể.
30	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.
31	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Nhà ở, theo đó Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá)*	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá áp dụng đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn; nhà chung cư trong trường hợp không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; - Đơn vị cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.
32	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô. *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 83 Luật giao thông đường bộ; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định về hình thức định giá.)*	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá tối đa; - Tổ chức cung ứng dịch vụ quyết định giá cụ thể.

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
33	Đất *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật đất đai; Theo đó, Chính phủ quy định khung giá (Bộ Tài nguyên môi trường xây dựng phương án giá, Bộ Tài chính thẩm định); UBND quy định bảng giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất (Sở Tài nguyên xây dựng phương án giá, Sở Tài chính thẩm định).)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bảng giá đất và giá đất cụ thể. *(Cập nhật theo quy định tại dự thảo Luật Đất đai sửa đổi)*
34	Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 56 Luật Đường sắt; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định về hình thức định giá.)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
35	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá; Tuy nhiên, tại nghị định 149/2016/NĐ-CP thì hình thức định giá là giá tối đa; tại Luật bảo vệ môi trường thì hình thức định giá là giá cụ thể)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
36	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 38 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
37	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường *(Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giáo dục; theo đó, Hội đồng nhân dân quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về hình thức định giá.)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
38	Dịch vụ trông giữ xe *(Quy định hiện hành: Dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí 2015, Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể

STT	Rà soát hiện hành	Đề xuất điều chỉnh
39	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư *(Quy định hiện hành: được quy định tại Nghị định 72/2012/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cho thuê.)*	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể.
40	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, phổ thông (trong đó gồm dịch vụ cấp phát phôi bằng, chứng chỉ, dịch vụ tuyển sinh) *(Dịch vụ được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Quyết định 186/2016/QĐ-TTg về danh mục dịch vụ sự nghiệp công giáo dục đào tạo; theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể.)*	Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể;

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC		
STT	**Rà soát hiện hành**	**Lý do đưa ra khỏi danh mục**
1	Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay, dịch vụ soi chiếu an ninh. *(Được quy định tại Điều 1 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá và Các đơn vị tự quy định giá cụ thể trong khung giá.)*	Hiện được quy định tại Luật hàng không dân dụng sửa đổi; qua rà soát cho thấy dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay (như dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ khí tượng) không còn phát sinh trong thực tiễn; dịch vụ soi chiếu an ninh thực tế đã nằm trong trong dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý và không cần thiết quy định riêng.
2	Một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất *(Được quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá)*	Hiện được quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP, là phần gia tăng của dịch vụ công của nhà nước, thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định tại Luật phí, lệ phí, không cần thiết quy định định giá nhà nước.
3	Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do các tổ chức cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán cung cấp (trừ dịch vụ do nhà nước cung cấp) *(Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa; mức giá cụ thể tùy dịch vụ)*	Thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật Phí, lệ phí; Qua rà soát cho thấy nhóm dịch vụ này đã có sự cạnh tranh từ nhiều tổ chức cung ứng dịch vụ nên không cần thiết phải định giá nhà nước.

4	Thuốc lá điếu sản xuất trong nước *(Được quy định tại Luật giá; theo đó, Bộ Tài chính định giá tối thiểu)*	Qua rà soát cho thấy việc quyết định giá tối thiểu của thuốc lá điếu sản xuất trong nước là nhằm hạn chế tiêu dùng; tuy nhiên, thuốc lá điếu cũng là sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, nên việc sử dụng công cụ giá là không còn phù hợp.
5	Thù lao dịch vụ đấu giá *(Được quy định tại Luật đấu giá; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá)*	Qua rà soát cho thấy dịch vụ đấu giá tài sản có tính tương đồng với một số dịch vụ như kiểm toán, thẩm định giá và có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng định giá nhà nước là không còn phù hợp.
6	Dịch vụ quy hoạch *(Được quy định tại Luật quy hoạch; theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể)*	Qua rà soát cho thấy bản chất của vấn đề là việc phải quy định các yếu tố chi phí của việc lập, xây dựng quy hoạch để tính toán, xây dựng dự toán (có tính chất tương tự đối với một số hoạt động khác có sử dụng ngân sách nhà nước) không thuộc phạm vi điều chỉnh của biện pháp định giá nhà nước.
7	Thù lao môi giới, dịch vụ đưa người lao động đi nước ngoài làm việc (*Được quy định tại Luật đưa người lao động đi làm việc nước ngoài; theo đó, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định giá tối đa)*	Qua rà soát cho thấy dịch vụ có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng cơ chế định giá nhà nước là không phù hợp.
8	Thù lao công chứng *(Được quy định tại Luật công chứng 2014; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức trần thù lao)*	Qua rà soát cho thấy dịch vụ có tính cạnh tranh thị trường cao nên áp dụng cơ chế định giá nhà nước là không phù hợp.
9	Dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng *(Được quy định tại Luật giá, Luật quản lý, sử dụng tài sản công; theo Luật giá thì Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối thiểu, theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công thì áp dụng hình thức đấu giá)*	Qua rà soát cho thấy việc xác định giá của dịch vụ này sẽ thực hiện theo phương thức thẩm định giá của nhà nước là phù hợp với bản chất của việc cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản công.
10	Nước ngầm (*Được quy định tại Luật giá; theo đó, tại Luật giá quy định hình thức là khung giá và mức giá cụ thể)*	Qua rà soát cho thấy hiện mặt hàng được quy định thu tiền sử dụng tại Luật tài nguyên nước, tương đồng với các quy định về thu thuế tài nguyên, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá.
11	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ *(Dịch vụ này thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, tỉnh quy định giá cụ thể.)*	Qua rà soát cho thấy dịch vụ này không đáp ứng các tiêu chí đề ra đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá nhà nước, đến nay không cần thiết thực hiện theo cơ chế định giá nhà nước.

12	Nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình xây dựng *(Được quy định tại Luật Nhà ở; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá)*	Qua rà soát cho thấy việc quản lý nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình đầu tư, xây dựng cần có sự thống nhất với việc quản lý giá nhà ở xã hội cho doanh nghiệp đầu tư, xây dựng hiện thực hiện theo việc quy định các chi phí, lợi nhuận định mức, phương pháp tính giá là phù hợp, việc quy định khung giá là không phù hợp. Mặt khác mặt hàng này cũng không phù hợp với các tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đề ra tại Luật.
13	Dịch vụ sử dụng khu vực biển *(Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật thủy sản, Nghị định 11/2021/NĐ-CP; theo đó, Chính phủ quy định khung giá.)*	2 nội dung này thực tế là cơ chế tài chính đối với việc giao, cho thuê tài sản công (mặt nước, mặt biển là các tài sản công) – tương tự với việc tính tiền cho thuê, sử dụng đất hoặc các tài sản công khác. Do đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của lĩnh vực giá.
14	Mặt nước (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đất đai) *(Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá; Luật đất đai; Nghị định 46/2014/NĐ-CP; theo đó, Chính phủ quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.)*	

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2022

BẢNG SO SÁNH LUẬT GIÁ 2012 VÀ LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI)[1]

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của **cơ quan,** tổ chức, cá nhân, **người tiêu dùng** trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước; **hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; hoạt động thẩm định giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.**	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước.
Điều 2. Đối tượng áp dụng Tổ chức, cá nhân **kinh doanh hàng hóa, dịch vụ**; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, **thẩm định giá** trên lãnh thổ Việt Nam.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên lãnh thổ Việt Nam.
Điều 3. Áp dụng Luật **giá và các Luật có liên quan** **1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật giá và Luật khác được ban hành trước ngày Luật giá có hiệu lực thì thực hiện theo Luật giá, trừ trường hợp sau đây:** **a) Thẩm quyền, hình thức, căn cứ, phương pháp và việc ban hành quyết định giá đất thực hiện theo Luật đất đai;** **b) Căn cứ, phương pháp định giá và việc ban hành quyết định giá điện thực hiện theo quy định tại Luật điện lực; dịch vụ khám chữa bệnh thực hiện theo quy định tại Luật khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục thực hiện theo quy định tại Luật giáo dục, Luật giáo dục nghề nghiệp; tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm,**	Điều 3. Áp dụng luật 1. Các hoạt động trong lĩnh vực giá trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này. 2. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

[1] **Các nội dung mới được in đậm**

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan và các bên không thỏa thuận được giá bản quyền thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. **2. Trường hợp Luật khác ban hành sau ngày Luật giá có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về quản lý, điều tiết giá khác với quy định tại Luật giá thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật giá, nội dung thực hiện theo quy định của Luật khác đó.** **3. Trường hợp Luật khác ban hành sau ngày Luật giá có hiệu lực thi hành có quy định bổ sung thêm hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật này và quy định rõ về thẩm quyền, hình thức định giá của hàng hóa dịch vụ đó. Đồng thời phải xác định cụ thể nội dung về căn cứ, phương pháp, việc ban hành quyết định giá thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định tại Luật giá, nội dung thực hiện theo quy định của Luật khác đó.**	
Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. *Hàng hóa* là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản. 2. *Dịch vụ* là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật. 3. *Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, kinh tế, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, **nhu cầu phát triển kinh tế** và quốc phòng, an ninh. 4. *Giá thị trường* là **giá hàng hóa, dịch vụ trong giao dịch khách quan và độc lập** được hình thành do các yếu tố chi phối và vận động của thị	Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: *1. Hàng hóa* là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản. *2. Dịch vụ* là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật. *3. Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh, bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và quốc phòng, an ninh. *4. Giá thị trường* là giá hàng hóa, dịch vụ hình thành do các nhân tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định. **5. *Mặt bằng giá thị trường* là mức giá bình quân của hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong một thời kỳ tại một không gian nhất định và được phản ánh bằng chỉ số giá tiêu dùng.** 6. *Giá thành toàn bộ của hàng hoá, dịch vụ* là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: a) Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ; giá mua hàng hoá, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại; b) Chi phí lưu thông để đưa hàng hoá, dịch vụ **bán ra thị trường.** 7. *Yếu tố hình thành giá* gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý**, hợp lệ** tương ứng với chất lượng của hàng hóa, dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; giá trị vô hình của thương hiệu. **8. *Bình ổn giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp nhằm ổn định giá hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian.** 9. *Định giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ **quyết định** giá của hàng hóa, dịch vụ. **10. *Phương án giá* hàng hóa, dịch vụ là bản thuyết minh về sự cần thiết, các căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá, yếu tố hình thành giá, dự kiến tác động của mức giá đến đời sống người dân và kinh tế xã hội.** **11. *Hiệp thương giá* là phương thức thỏa thuận giữa các doanh nghiệp về giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm trung gian hỗ trợ các bên thỏa thuận theo quy định của Luật này.** **12. *Kê khai giá* là việc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá** gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền **tiếp nhận sau khi định giá, điều chỉnh giá.** **13. *Niêm yết giá* là hình thức công khai mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ đến người tiêu dùng.**	*5. Định giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cho hàng hóa, dịch vụ. *6. Niêm yết giá* là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thông báo công khai bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. *7. Hiệp thương giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức và làm trung gian cho bên mua và bên bán thương lượng về mức giá mua, giá bán hàng hoá, dịch vụ thỏa mãn điều kiện hiệp thương giá theo đề nghị của một trong hai bên hoặc cả hai bên mua, bán hoặc khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). *8. Đăng ký giá* là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập, phân tích việc hình thành mức giá và gửi biểu mẫu thông báo giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá. *9. Kê khai giá* là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá. *10. Bình ổn giá* là việc Nhà nước áp dụng biện pháp thích hợp về điều hòa cung cầu, tài chính, tiền tệ và biện pháp kinh tế, hành chính cần thiết khác để tác động vào sự hình thành và vận động của giá, không để giá hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý. *11. Yếu tố hình thành giá* là giá thành toàn bộ thực tế hợp lý tương ứng với chất lượng hàng hóa, dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
14. *Thẩm định giá* là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá **Việt Nam**. **15. *Thông đồng về giá, thẩm định giá* là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, cấu kết với khách hàng, người có liên quan nhằm làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá tài sản để trục lợi.**	chính theo quy định của pháp luật; giá trị vô hình của thương hiệu. *12. Giá thành toàn bộ của hàng hoá, dịch vụ* là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: a) Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ; giá mua hàng hoá, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại; b) Chi phí lưu thông để đưa hàng hoá, dịch vụ đến người tiêu dùng. *13. Mặt bằng giá* là mức trung bình của các mức giá hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế ứng với không gian, thời gian nhất định và được đo bằng chỉ số giá tiêu dùng. *14. Giá biến động bất thường* là giá hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý khi các yếu tố hình thành giá không thay đổi lớn hoặc trong trường hợp khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hoả hoạn, dịch bệnh. *15. Thẩm định giá* là việc cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá trị bằng tiền của các loại tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự phù hợp với giá thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá. *16. Báo cáo kết quả thẩm định giá* là văn bản do doanh nghiệp thẩm định giá lập, trong đó nêu rõ quá trình thẩm định giá, kết quả thẩm định giá và ý kiến của doanh nghiệp thẩm định giá về giá trị của tài sản được thẩm định để khách hàng và các bên liên quan có căn cứ sử dụng cho mục đích ghi trong hợp đồng thẩm định giá. *17. Chứng thư thẩm định giá* là văn bản do doanh nghiệp thẩm định giá lập để thông báo cho khách hàng và các bên liên quan về những nội dung cơ bản của báo cáo kết quả thẩm định giá. *18. Mức giá bán lẻ điện bình quân* là giá bán điện được xác định theo nguyên tắc tính tổng chi phí sản xuất, kinh doanh và mức lợi nhuận hợp lý bình quân cho 01 kWh điện thương phẩm trong từng thời kỳ, được sử dụng cùng với cơ cấu biểu giá bán lẻ điện để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng đối tượng khách hàng sử dụng điện. *19. Khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân* là khoảng cách giữa

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
	mức giá tối thiểu và mức giá tối đa của mức giá bán lẻ điện bình quân. *20. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện* là bảng kê các mức giá cụ thể hoặc tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng đối tượng khách hàng sử dụng điện.
Điều 5. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước 1. Quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật. 2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. **3.** Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, **phù hợp với chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ.** **4. Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công;** có chính sách về giá phù hợp với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và **các trường hợp theo quy định tại Luật khác có liên quan.**	Điều 5. Nguyên tắc quản lý giá 1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật này để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. 3. Nhà nước có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 4. Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.
Điều 6. Công khai thông tin về giá, thẩm định giá **1. Cơ quan nhà nước thực hiện công khai:** **a)** Chủ trương, **đề án, báo cáo,** biện pháp quản lý, điều tiết giácủa cơ quan nhà nước có thẩm quyền; **b) Các văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;** **c) Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, người có Thẻ thẩm định viên về giá; danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; danh sách người bị tước, thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá và một số thông tin về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.**	Điều 6. Công khai thông tin về giá 1. Cơ quan nhà nước thực hiện công khai chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý, điều tiết, quyết định về giá của Nhà nước bằng một hoặc một số hình thức như họp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác. 2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ gắn với thông số kinh tế - kỹ thuật cơ bản của hàng hóa, dịch vụ đó bằng hình thức niêm yết giá. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lựa chọn thêm một hoặc một số hình thức như họp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai: **a)** Giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân quyết định trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; **b) Giá hàng hóa, dịch vụ kê khai;** c) Giá hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá. **3**. Việc công khai thông tin không áp dụng đối với các thông tin **thuộc danh mục bí mật nhà nước** và các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật; **đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực.** **4. Các hình thức công khai gồm: đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, phát hành ấn phẩm hoặc gửi văn bản đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan hoặc các hình thức phù hợp khác. Đối với các nội dung công khai quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều này phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu về giá.** **5.** Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm **thông tin, tuyên truyền, đưa tin về chính sách pháp luật về giá, cơ chế quản lý, điều hành giá** chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin theo quy định của pháp luật.	3. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa tin về giá chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về việc đưa tin theo quy định của pháp luật. 4. Việc công khai thông tin về giá quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.
Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá; cán bộ, công chức thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá: a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, **người tiêu dùng** trong lĩnh vực giá **và tổ chức, cá nhân hoạt động thẩm định giá;** b) Tiết lộ, sử dụng thông tin do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; **c) Thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi.**	Điều 10. Hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá 1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá; cán bộ, công chức thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá: a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá; b) Ban hành văn bản không đúng thẩm quyền; không đúng trình tự, thủ tục; c) Tiết lộ, sử dụng thông tin do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ để vụ lợi.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:	2. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:
a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật, **không chính xác** về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ;	a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ;
b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết **trong các giao dịch** mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, **phương thức vận chuyển, thanh toán**, chất lượng; số lượng, **tính năng, công dụng,** hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ;	b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ;
c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, chính sách của nhà nước và điều kiện bất thường khác **để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý không phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá so với trước khi điều chỉnh giá;**	c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý;
d) Các hành vi thông đồng về giá, **thẩm định giá** dưới mọi hình thức để trục lợi.	d) Các hành vi chuyển giá, thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi.
3. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá:	3. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:
a) Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc; hạ giá dịch vụ để cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật về cạnh tranh; thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá;	a) Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, thông đồng với khách hàng và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác; thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;
b) Thông đồng **về giá, thẩm định giá** với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá **để trục lợi;**	b) Thông đồng với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá làm sai lệch kết quả thẩm định giá;
c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng;	c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng;
d) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá **là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp;**	d) Giả mạo, cho thuê, cho mượn; sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá trái với quy định của pháp luật về giá;
đ) Kê khai không chính xác, không trung thực, giả mạo hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá.	đ) Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá và tài sản được thẩm định giá, trừ trường hợp được khách hàng thẩm định giá đồng ý hoặc pháp luật cho phép;
4. Đối với thẩm định viên về giá:	e) Gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá khi họ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
a) Thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá; **b) Thông đồng về giá, thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi;** **c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng;** **d) Giả mạo, cho thuê, cho mượn Thẻ thẩm định viên về giá; sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan;** đ) Phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với tư cách cá nhân; **e) Ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá không đúng với lĩnh vực,** nơi làm việc được thông báo hành nghề; **g)** Thực hiện thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá là **người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp.** **5. Đối với thành viên Hội đồng thẩm định giá:** **a) Thông đồng về giá, thẩm định giá với người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá để trục lợi;** **b) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá;** **6. Đối với khách hàng thẩm định giá:** a) Cung cấp không chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá; b) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, **tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giá để trục lợi;** **c) Sử dụng Chứng thư thẩm định giá đã hết thời gian hiệu lực; sử dụng Chứng thư thẩm định giá không theo đúng mục đích thẩm định**	4. Đối với thẩm định viên về giá hành nghề, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này, không được thực hiện các hành vi sau: a) Hành nghề thẩm định giá với tư cách cá nhân; b) Đăng ký hành nghề thẩm định giá trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên; c) Thực hiện thẩm định giá cho đơn vị được thẩm định giá mà thẩm định viên về giá có quan hệ về góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên trong ban lãnh đạo hoặc kế toán trưởng của đơn vị được thẩm định giá. 5. Đối với tổ chức, cá nhân có tài sản được thẩm định giá và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng kết quả thẩm định giá: a) Chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá để ký hợp đồng thẩm định giá; b) Cung cấp không chính xác, không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá; c) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá để làm sai lệch kết quả thẩm định giá.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá. **7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đưa ra các hình thức, điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này.**	
Điều 8. Quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ 1. Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. 2. Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu. **3. Tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh trên cơ sở căn cứ giá tham chiếu được công bố.** 4. Đấu thầu, đấu giá, thoả thuận giá, hiệp thương giá và cạnh tranh về giá dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật khi mua, bán hàng hoá, dịch vụ. 5. Áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ. 6. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá. 7. Hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá hàng nhập khẩu, đồng thời phải niêm yết công khai tại nơi giao dịch về mức giá cũ, mức giá mới, thời hạn hạ giá đối với các trường hợp sau: a) Hàng tươi sống; b) Hàng hóa tồn kho; c) Hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ; d) Hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại theo quy định của pháp luật; đ) Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể; thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh; e) Hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước. 8. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền **xem xét,** điều chỉnh giá	Điều 11. Quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh 1. Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. 2. Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu. 3. Đấu thầu, đấu giá, thoả thuận giá, hiệp thương giá và cạnh tranh về giá dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật khi mua, bán hàng hoá, dịch vụ. 4. Áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ. 5. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá. 6. Hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá hàng nhập khẩu, đồng thời phải niêm yết công khai tại nơi giao dịch về mức giá cũ, mức giá mới, thời hạn hạ giá đối với các trường hợp sau: a) Hàng tươi sống; b) Hàng hóa tồn kho; c) Hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ; d) Hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại theo quy định của pháp luật; đ) Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể; thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh; e) Hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước. 7. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. 9. Tiếp cận thông tin về chính sách giá của Nhà nước; các biện pháp quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và các thông tin công khai khác. 10. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá; yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.	8. Tiếp cận thông tin về chính sách giá của Nhà nước; các biện pháp quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và các thông tin công khai khác. 9. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá; yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.
Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ 1. Lập phương án giá **hoặc báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh** thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá **gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để triển khai các biện pháp quản lý, điều tiết giá.** 2. Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 3. Kê khai giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật. 4. Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật. 5. Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật. 6. Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ của mình. **7. Căn cứ nguyên tắc, phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ để xem xét định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.** 8. Giải quyết kịp thời các khiếu nại về giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh; bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.	Điều 12. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh 1. Lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định. 2. Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 3. Đăng ký giá bán hoặc giá mua đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải đăng ký giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã đăng ký theo quy định của pháp luật. 4. Kê khai giá bán hoặc giá mua hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá theo quy định của Chính phủ. 5. Niêm yết giá: a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết; b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết. 6. Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình theo quy định của Luật này. 7. Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
	hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. 8. Giải quyết kịp thời mọi khiếu nại về giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.
Điều 10. Quyền của người tiêu dùng 1. Lựa chọn, thỏa thuận về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ. **2. Góp ý kiến với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về giá, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.** 3. Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ; **được cung cấp hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật.** 4. Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn, **quy chuẩn kỹ thuật**, chất lượng, số lượng, **tính năng, công dụng gắn với** giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết. 5. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi. 6. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này, **Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng** và quy định của pháp luật khác có liên quan.	Điều 13. Quyền của người tiêu dùng 1. Lựa chọn, thỏa thuận và góp ý về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ. 2. Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ. 3. Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn chất lượng, số lượng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết. 4. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi. 5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Điều 11. Nghĩa vụ của người tiêu dùng 1. Thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ. 2. Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá.	Điều 14. Nghĩa vụ của người tiêu dùng 1. Thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ. 2. Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá.
Điều 12. Nội dung quản lý nhà nước về giá 1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.	Điều 7. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá 1. Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giá phù hợp với đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
2. Thực hiện hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước. **3. Thực hiện hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá.** 4. Quản lý hoạt động thẩm định giá; tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước. 5. Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá, thẩm định giá. 6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. 7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá. 8. Hợp tác quốc tế về giá, thẩm định giá. **9. Nội dung khác theo quy định pháp luật có liên quan.**	trong từng thời kỳ. 2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá. 3. Định giá hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; thẩm định giá tài sản của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được pháp luật quy định. 4. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường trong nước và thế giới để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá. 5. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; quản lý thi, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. 6. Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực giá. 7. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giá.
Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ **1. Thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.** **2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo thẩm quyền.** **3. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.** **4. Quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá và giá tham chiếu.** **5. Phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá, thực hiện bình ổn giá, trách nhiệm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền.**	Điều 8. Thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên phạm vi cả nước. 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực được pháp luật quy định. 4. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá tại địa phương theo quy định của pháp luật.
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính **1. Là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.** **2. Xây dựng, trình Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. **3. Trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.** **4. Trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá và giá tham chiếu.** **5. Trình Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá trên phạm vi vùng hoặc cả nước; tổ chức thực hiện bình ổn giá theo phân công của Chính phủ.** **6. Định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn thực hiện phương pháp.** **7. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện kê khai giá.** **8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.** **9. Tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.** **10. Quản lý hoạt động thẩm định giá:** **a) Ban hành hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;** **b) Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nghiệp vụ thẩm định giá;** **c) Quy định về việc thi, cấp, quản lý, tước có thời hạn và thu hồi thẻ thẩm định viên về giá;** **d) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đình chỉ hoạt động kinh doanh thẩm định giá;** **đ) Quản lý hoạt động hành nghề của thẩm định viên về giá;** **e) Quản lý, giám sát hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hội nghề nghiệp về thẩm định giá theo quy định của pháp luật.** **11. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
12. Thực hiện hợp tác quốc tế về giá, thẩm định giá. **13. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.** **14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.** **15. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.**	
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ **1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.** **2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.** **3. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.** **4. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá, áp dụng giá tham chiếu.** **5. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ chủ trương bình ổn giá; tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.** **6. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định tại Luật này và Luật chuyên ngành.** **7. Tiếp nhận kê khai giá theo phân công của Chính phủ.** **8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.** **9. Cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ.** **10. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định.**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
11. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trong lĩnh vực, phạm vi quản lý. **12. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.** **13. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.**	
Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân có ý kiến về Quyết định giá hàng hóa dịch vụ trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình xin ý kiến theo quy định của pháp luật.**	
Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của pháp luật.** **2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá trên địa bàn theo thẩm quyền.** **3. Thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quy định.** **4. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền.** **5. Tổ chức phân công, phân cấp việc tiếp nhận kê khai giá trên địa bàn tỉnh; hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ.** **6. Đề xuất với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.** **7. Đề xuất với Bộ Tài chính trong việc trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá.** **8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn quản lý của địa phương.** **9. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc phạm vi quản**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
lý của địa phương theo quy định. **10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.** **11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.**	
Điều 18. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá **1. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao cơ quan quản lý giá thuộc Bộ giúp Bộ trưởng:** **a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Điều 14 của Luật này;** **b) Trực tiếp xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đình chỉ hoạt động kinh doanh thẩm định giá; quản lý hoạt động hành nghề của thẩm định viên về giá.** **2. Căn cứ vào tổ chức, bộ máy hiện có, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 15 của Luật này.** **3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao:** **a) Cơ quan tài chính cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Điều 17 của Luật này; Trực tiếp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.** **b) Các Sở, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực quản lý.**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 19. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá 1. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá phải **đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau**: a) Là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; **b) Có tác động ảnh hưởng toàn diện đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.** **2. Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá. Việc trình Chính phủ điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá do Bộ Tài chính chủ trì thực hiện trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.** **3. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai; trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương và biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trong thời hạn nhất định.**	Điều 15. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá 1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất, đời sống được quy định theo các tiêu chí sau: a) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và dịch vụ chính cho sản xuất và lưu thông; b) Hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người. 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá bao gồm: a) Xăng, dầu thành phẩm; b) Điện; c) Khí dầu mỏ hóa lỏng; d) Phân đạm; phân NPK; đ) Thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật; e) Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; g) Muối ăn; h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; i) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện; k) Thóc, gạo tẻ thường; l) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật. 3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. 4. Căn cứ vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều 18 của Luật này quyết định loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể để áp dụng biện pháp bình ổn giá phù hợp trong từng thời kỳ.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 20. Nguyên tắc, các trường hợp và biện pháp bình ổn giá **1. Nguyên tắc bình ổn giá:** **a) Thực hiện công khai, minh bạch;** **b) Phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và bối cảnh kinh tế xã hội, mục tiêu kiểm soát lạm phát;** **c) Xác định rõ thời hạn và phạm vi thực hiện trên phạm vi vùng, cả nước, tại địa phương.** **2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định bình ổn giá trong các trường hợp sau đây:** a) Giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá **tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường**; **b) Khi cơ quan có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp, công bố dịch, thiệt hại do thiên tai.** **3. Các biện pháp bình ổn giá có thời hạn:** a) Điều hòa, kiểm soát cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông; b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật; c) Quy định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ và thời hạn áp dụng mức giá; **việc quy định giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo các nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Mục 2 Chương này;** d) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	**Điều 16. Trường hợp thực hiện bình ổn giá** 1. Việc bình ổn giá được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Khi giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này có biến động bất thường; b) Khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. **Điều 17.Biện pháp bình ổn giá** Áp dụng có thời hạn một hoặc một số biện pháp sau để thực hiện bình ổn giá phù hợp với các trường hợp được quy định tại Điều 16 của Luật này: 1. Điều hòa cung cầu hàng hoá sản xuất trong nước và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hoá giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông; 2. Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật; 3. Trong trường hợp cần thiết, lập quỹ bình ổn giá đối với mặt hàng cần bình ổn giá thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá nhằm mục tiêu hỗ trợ cho bình ổn giá; sử dụng quỹ bình ổn giá khi giá của hàng hóa, dịch vụ đó biến động bất thường hoặc tác động xấu đến nền kinh tế và đời sống. Quỹ bình ổn giá được lập từ các nguồn sau: a) Trích từ giá hàng hóa, dịch vụ; b) Tự nguyện đóng góp của tổ chức, cá nhân; c) Viện trợ của nước ngoài; d) Các nguồn tài chính hợp pháp khác. Chính phủ quy định chi tiết về mặt hàng được lập quỹ bình ổn giá, việc lập, quản lý và sử dụng quỹ bình ổn giá; 4. Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá; 5. Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
	lượng, khối lượng hàng hóa hiện có; 6. Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế; 7. Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Luật này.
Điều 21. Thực hiện bình ổn giá **1. Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 được triển khai như sau:** **a) Căn cứ lĩnh vực, phạm vi quản lý, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá mức độ biến động của giá hàng hóa, dịch vụ, xác định phạm vi bình ổn giá; trên cơ sở đó có văn bản gửi Bộ Tài chính tổng hợp để trình Chính phủ quyết định chủ trương bình ổn giá;** **b) Trên cơ sở chủ trương bình ổn giá của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện: kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; đánh giá cung cầu hàng hóa, dịch vụ để xác định nguyên nhân, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp bình ổn giá phù hợp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, báo cáo kết quả và đề xuất biện pháp bình ổn giá kịp thời;** **c) Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá và thời hạn, phạm vi áp dụng bình ổn giá; tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định và báo cáo kết quả bình ổn giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.** **2. Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 được triển khai như sau:** **a) Trường hợp bình ổn giá trên phạm vi vùng hoặc cả nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vựcđánh giá diễn biến thực tế, phối hợp với Bộ Tài chính để trình Chính phủ quyết định chủ trương, biện**	Điều 18. Thẩm quyền và trách nhiệm quyết định áp dụng biện pháp bình ổn giá 1. Chính phủ quyết định chủ trương và biện pháp bình ổn giá đối với các trường hợp quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Luật này. 2. Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phân công của Chính phủ hướng dẫn và tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ; trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quyết định biện pháp bình ổn giá cụ thể tại địa phương. 4. Cơ quan ban hành quyết định áp dụng biện pháp bình ổn giá chịu trách nhiệm quyết định thời hạn áp dụng biện pháp bình ổn giá. 5. Cơ quan, cá nhân quyết định áp dụng biện pháp bình ổn giá chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật. 6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
pháp, thời hạn, phạm vi bình ổn giá phù hợp; trên cơ sở đó, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Chính phủ; **b) Trường hợp bình ổn giá tại phạm vi địa phương, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế phát sinh trên địa bàn và phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn, phạm vi bình ổn giá phù hợp. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả bình ổn giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.** **3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn nhằm ổn định giá cả thị trường.** 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
Điều 22. Quỹ bình ổn giá **1. Quỹ bình ổn giá là quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước được trích lập từ giá hàng hóa, dịch vụ và các nguồn tài chính hợp pháp khác và chỉ được sử dụng cho mục đích bình ổn giá. Chính phủ quy định chi tiết hàng hóa, dịch vụ chiến lược thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được lập quỹ bình ổn giá và việc quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá.** **2. Doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng được lập quỹ bình ổn giá phải thực hiện các quy định về trích lập, sử dụng, quản lý quỹ bình ổn giá theo quy định của pháp luật.**	
Điều 23. Nguyên tắc định giá 1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý; lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu hàng hóa, dịch vụ và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ. **2. Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng.** 3. Kịp thời **xem xét** điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.	Điều 20. Nguyên tắc định giá của Nhà nước 1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ. 2. Kịp thời điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 24. Căn cứ và phương pháp định giá 1. Căn cứ định giá: **a) Yếu tố hình thành giá** của hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm định giá; b) Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng; c) Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm quyết định giá. 2. Phương pháp định giá: **a) Phương pháp định giá là cách thức, quy trình để xác định giá hàng hóa, dịch vụ.** Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; **trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá cần hướng dẫn chi tiết, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn;** **b) Đối với một số hàng hóa, dịch vụ mà Luật khác quy định về phương pháp định giá riêng, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp để thực hiện.**	Điều 21. Căn cứ, phương pháp định giá 1. Căn cứ định giá: a) Giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến; b) Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng; c) Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá; 2. Phương pháp định giá: a) Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; b) Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.
Điều 25. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá 1. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh **theo quy định tại Luật thương mại và các Luật khác;** b) Tài nguyên quan trọng; c) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; **d) Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh.** 2. Các hình thức định giá: a) Giá cụ thể **là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết**	**Điều 19. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá** 1. Nhà nước định giá đối với: a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh; b) Tài nguyên quan trọng; c) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. 2. Các hình thức định giá: a) Mức giá cụ thể; b) Khung giá; c) Mức giá tối đa, mức giá tối thiểu. 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được quy định như sau:

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
định và buộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải mua, bán theo đúng giá quy định; b) Giá tối thiểu **là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân không được định giá, mua, bán hàng hóa, dịch vụ thấp giá hơn giá quy định;** c) Giá tối đa **là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân không được định giá, mua, bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn giá quy định;** d) Khung giá **là khoảng giới hạn mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được định giá, mua, bán hàng hóa dịch vụ không thấp hơn giá tối thiểu và không cao hơn giá tối đa của khoảng giới hạn mức giá quy định.** **3. Thẩm quyền, trách nhiệm định giá:** **a) Thủ tướng Chính phủ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ chiến lược, đặc biệt quan trọng, có tác động lớn đến kinh tế vĩ mô, đời sống người dân;** **b) Bộ Tài chính định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hàng hóa dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quản lý và ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước;** **c) Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo quy định pháp luật;** **d) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn theo phạm vi quản lý.** 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, **hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại Phụ lục kèm theo Luật này.** 5. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, **các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp,** trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. **Hàng hóa, dịch vụ đề nghị bổ sung vào Danh mục do Nhà nước định giá phải đáp ứng**	a) Định mức giá cụ thể đối với: - Các dịch vụ hàng không, bao gồm: dịch vụ cất cánh, hạ cánh; điều hành bay đi, đến; hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; soi chiếu an ninh; - Dịch vụ kết nối viễn thông; - Điện: giá truyền tải điện; giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện; b) Định khung giá đối với: giá phát điện; giá bán buôn điện; mức giá bán lẻ điện bình quân; dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến độc quyền; c) Định khung giá và mức giá cụ thể đối với: - Đất, mặt nước, nước ngầm, rừng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu và nước sạch sinh hoạt; - Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được xây dựng chi từ nguồn ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; - Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước; d) Định giá tối đa hoặc giá tối thiểu đối với: - Hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia; hàng hóa, dịch vụ được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh; sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trừ dịch vụ được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này; - Sản phẩm thuốc lá điếu sản xuất trong nước; - Giá cho thuê đối với tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng. 4. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. **Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm định giá** 1. Chính phủ quy định: a) Khung giá đất;

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
tiêu chí được quy định tại khoản 1 Điều này.	b) Khung giá cho thuê mặt nước; c) Khung giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ. 2. Thủ tướng Chính phủ quy định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 19 của Luật này theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ. 4. Cơ quan, cá nhân quyết định định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.
Điều 26. Ban hành văn bản quyết định giá **1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá xem xét ban hành văn bản quyết định giá trên cơ sở phương án giá hàng hóa, dịch vụ do đơn vị chuyên môn hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thẩm định theo quy định tại Luật này. Hình thức văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ là văn bản hành chính và không được đưa nội dung cơ chế, chính sách giá vào văn bản quyết định giá.** **2. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 18 Luật này thẩm định phương án giá để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá xem xét, ban hành văn bản quyết định giá.** **3. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập phương án giá tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định để hoàn thiện phương án giá và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá xem xét, ban hành văn bản quyết định giá.** **4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**	
Điều 27. Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá phải đảm bảo các tiêu chí sau: 1. Không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.	Điều 23. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá 1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
2. Có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán mà bên mua, bên bán phụ thuộc nhau khó có thể thay thế được.	a) Hàng hoá, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; b) Hàng hoá, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.
Điều 28. Nguyên tắc hiệp thương giá **1. Các đối tượng đề nghị hiệp thương giá phải là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện mua, bán hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 27 Luật này.** **2. Việc tiếp nhận, tổ chức hiệp thương giá được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; cả bên mua và bên bán phải có văn bản đề nghị hiệp thương giá.** **3. Quá trình hiệp thương giá phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự quyết định giá của các bên đề nghị hiệp thương giá.**	2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau: a) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán; b) Khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.
Điều 29. Thẩm quyền và trách nhiệm cơ quan hiệp thương giá **1. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý và đối tượng đề nghị hiệp thương giá là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13.** **2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý và với đối tượng đề nghị hiệp thương giá không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.** Trường hợp các đối tượng đề nghị hiệp thương giá có trụ sở chính đóng tại hai địa phương khác nhau, bên mua và bên bán có trách nhiệm thống nhất đề nghị một trong hai địa phương tổ chức hiệp thương giá; trường hợp không thống nhất được thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực nơi bên bán đóng trụ sở chính có trách nhiệm hiệp thương giá.	Điều 24. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức hiệp thương giá 1. Bộ Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ. 2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn. Trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau cùng đề nghị hiệp thương thì hai bên thống nhất đề nghị một trong hai Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính nơi bên bán đóng trụ sở chủ trì hiệp thương. 3. Cơ quan tổ chức hiệp thương giá chịu trách nhiệm tổ chức việc hiệp thương theo quy định của pháp luật.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 30. Tổ chức hiệp thương giá **1. Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua, bên bán hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tiếp nhận rà soát đánh giá để làm rõ tiêu chí của hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá quy định tại Điều 27 Luật này. Trường hợp chưa rõ, cơ quan tiếp nhận yêu cầu các bên có văn bản bổ sung các thông tin về hàng hóa dịch vụ.** **2. Cơ quan hiệp thương giá xác định làm rõ người đại diện của bên mua và bên bán; tổ chức hội nghị hiệp thương giá để bên mua và bên bán thương lượng với nhau về mức giá trên cơ sở hợp tác, hài hòa lợi ích giữa các bên.** **3. Tại hội nghị hiệp thương giá, cơ quan hiệp thương giá có vai trò trung gian, tạo điều kiện để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không được can thiệp vào mức giá thương lượng giữa bên mua và bên bán.** **4. Khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì hội nghị hiệp thương giá kết thúc; cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận kết quả hiệp thương. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị hiệp thương giá; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Bên mua và bên bán chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương.** **5. Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá và tiếp tục đề nghị cơ quan hiệp thương giá quyết định giá hiệp thương thì cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận nội dung hội nghị hiệp thương giá. Bên bán có trách nhiệm lập phương án giá hiệp thương, lấy ý kiến bên mua để tổng hợp gửi cơ quan hiệp thương giá xem xét, quyết định giá hiệp thương. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định. Quyết định giá hiệp thương**	Điều 25. Kết quả hiệp thương giá 1. Cơ quan tổ chức hiệp thương giá thông báo bằng văn bản về mức giá được thỏa thuận cho các bên sau khi hiệp thương. 2. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá quyết định giá tạm thời để hai bên thi hành. Quyết định giá tạm thời do cơ quan tổ chức hiệp thương công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo cơ quan tổ chức hiệp thương biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện. Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
chỉ được áp dụng một lần cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương, theo đúng vụ việc mua, bán, khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác.	
Điều 31. Kê khai giá **1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp quyết định theo giá tham chiếu; một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân.** **2. Nội dung kê khai giá gồm mức giá gắn với tên, chủng loại, nước sản xuất (nếu có), chỉ tiêu chất lượng (nếu có) và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai.** **3. Các trường hợp kê khai:** **a) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;** **b) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ; trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ đặc thù thì thực hiện kê khai giá bán lẻ và được quy định cụ thể tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá;** **c) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn;** **d) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ;** **đ) Tổ chức, cá nhân có quyền quyết định giá theo quy định của Luật chuyên ngành.** **4. Đối tượng kê khai giá và cơ quan tiếp nhận kê khai giá:**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền tiếp nhận kê khai rà soát, ban hành danh sách đối tượng kê khai giá tại Bộ, cơ quan ngang Bộ; **b) Căn cứ danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát ban hành danh sách đối tượng kê khai giá tại địa phương;** **c) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kê khai giá tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ và có trách nhiệm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá ngay sau khi quyết định giá theo quy định. Cơ quan tiếp nhận kê khai có trách nhiệm cập nhật thông tin giá kê khai trên cơ sở dữ liệu về giá; được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định; được yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá để làm cơ sở thực hiện các biện pháp quản lý, điều tiết giá.** **5. Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ, thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá; quy trình, thời gian thực hiện kê khai giá và tổ chức tiếp nhận kê khai giá.**	
Điều 32. Niêm yết giá **1. Giá niêm yết là giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quyết định bằng Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.** **2. Việc niêm yết được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc trên các trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; giá niêm yết phải gắn với số lượng hoặc khối lượng hàng hóa, dịch vụ cụ thể, khuyến khích in trực tiếp lên bao bì của sản phẩm.** **3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có giao dịch trực tiếp và trực tuyến với khách hàng tại địa điểm kinh doanh hoặc tại địa điểm khác theo quy định thực hiện niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ và không được bán cao hơn giá niêm yết; đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Trường hợp có thỏa thuận với người tiêu dùng/khách hàng thì không được bán cao hơn giá đã niêm yết. **4. Người tiêu dùng có quyền khiếu nại, tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền về việc các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá không đúng quy định. Có quyền thỏa thuận về giá với các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh (nếu có).** **5. Chính phủ quy định chi tiết về cách thức niêm yết giá.**	
Điều 33. Giá tham chiếu **1. Giá tham chiếulà mức giá đại diện của giá hàng hóa, dịch vụ tại thị trường trong nước hoặc quốc tế được tổ chức có thẩm quyền công bố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng làm căn cứ quyết định giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.** **2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở giá tham chiếu, chịu trách nhiệm về quyết định giá của mình.** **3. Chính phủ quy định chi tiết hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố hoặc thông tin về giá tham chiếu, cơ chế áp dụng giá tham chiếu.**	
Điều 34. Mục đích, yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá **1. Kiểm tra yếu tố hình thành giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện để rà soát, đánh giá về tính hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá, cung cầu của hàng hóa, dịch vụ nhằm nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ để xem xét, quyết định thực hiện các giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá phù hợp.** **2. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp sau:** **a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, kê khai giá có biến động bất thường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường;** b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác có biến động bất thường, ảnh hưởng đến	Điều 26. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá 1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau: a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá; b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm: a) Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá; b) Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; c) Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trương cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.
Điều 35. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá **1. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, điều tiết giá quy định tại Luật này; chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công.** **2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, điều tiết giá quy định tại Luật này; theo chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các trường hợp phát sinh khác trên địa bàn.**	Điều 27. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá 1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với: a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính; b) Hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá được quy định tại Điều 15 của Luật này. 2. Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. 3. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với: a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; b) Hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.
Điều 36. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá **1. Việc thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá phải đảm bảo công khai, minh bạch; xác định rõ đối tượng và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân. Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá.** **2. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá:** **a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản thông báo về việc kiểm tra gửi đến tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;** **b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra yếu tố hình thành giá có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến yếu tố hình thành giá;**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
c) Thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa không quá 30 ngày làm việc, việc kiểm tra được tiến hành trực tiếp tại trụ sở của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian kiểm tra, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra, thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc; **d) Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá; báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm các nội dung về mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra, kết quả kiểm tra, nguyên nhân và đề xuất các biện pháp quản lý, điều tiết giá;** **đ) Việc kiểm tra không được ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.** **3. Trong quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.**	
Điều 37. Hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường **1. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường là việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về giá trong một thời kỳ/chu kỳ để phân tích, đánh giá và dự báo về xu hướng biến động của giá, xây dựng kịch bản điều hành giá và đề ra phương hướng, giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá.** **2. Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo mặt bằng giá thị trường** **a) Tổ chức thu thập, phân tích giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ trên thị trường;** **b) Xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong từng giai đoạn, thời kỳ gắn với mục tiêu kiểm soát lạm phát;** **c) Đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát hàng năm và đề xuất các giải pháp về quản lý, điều hành giá nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô;** **d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá và tổ chức hoạt động cung cấp, công bố thông tin về giá.**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 38. Nguyên tắc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường **1. Được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời.** **2. Việc tổng hợp, phân tích số liệu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.** **3. Việc dự báo giá thị trường phải được thực hiện khoa học, gắn với yêu cầu công tác quản lý, điều tiết giá.**	
Điều 39. Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường **1. Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường bao gồm các nội dung sau đây:** **a) Tổng hợp mặt bằng giá chung và diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong nước và thế giới phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về giá; phân tích các nguyên nhân biến động giá; đánh giá tác động của biến động kinh tế, chính trị trong và ngoài nước đến công tác quản lý, điều hành giá;** **b) Kịch bản điều hành giá;** **c) Phương hướng, giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá.** **2. Kịch bản điều hành giá là dự báo về diễn biến lạm phát và các giải pháp, biện pháp điều hành giá trong một giai đoạn nhất định.** **3. Bộ Tài chính quy định về chế độ báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.**	
Điều 40. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo **1. Bộ Tài chính là đầu mối của tổ tư vấn về điều hành giá cho Thủ tướng Chính phủ, có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.** **2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.** **3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên địa bàn theo hướng dẫn của**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Bộ Tài chính.	
Điều 41. Cơ sở dữ liệu về giá **1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và các nhu cầu của xã hội do Bộ Tài chính thống nhất quản lý. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.** **2. Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương. Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương phải bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.** **3. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về giá phải ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo đầy đủ, nhanh chóng, chính xác theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cung cấp và thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.** **4. Chính phủ quy định chi tiết về xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá.**	
Điều 42. Kinh phí bảo đảm công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường **1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và hoạt động quản lý, điều hành giá được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ. Bộ Tài chính quy định về nội dung, định mức chi, dự toán và quyết toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.** **2. Kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu về giá:** **a) Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
b) Hằng năm, cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu về giá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật. **3. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết điều này.**	
Điều 43. Hoạt động thẩm định giá **1. Hoạt động thẩm định giá gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.** **2. Hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện, được giao kết bằng hợp đồng dân sự; hoạt động thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.** **3. Tài sản thẩm định giá là tài sản quy định tại Bộ luật dân sự, được cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá theo nhu cầu hoặc các trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá.**	Điều 28. Hoạt động thẩm định giá 1. Tổ chức đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật này được hoạt động thẩm định giá. 2. Cá nhân không được hoạt động thẩm định giá độc lập. 3. Hoạt động thẩm định giá phải tuân thủ quy định về thẩm định giá của Luật này.
Điều 44. Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá 1. Tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. 2. Độc lập, khách quan, trung thực. 3. Chịu trách nhiệm về hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.	Điều 29. Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá 1. Tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. 2. Chịu trách nhiệm về hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật. 3. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, tính trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá. 4. Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.
Điều 45. **Hội** nghề nghiệp về thẩm định giá 1. **Hội** nghề nghiệp về thẩm định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Hội nghề nghiệp về thẩm định giá được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá, cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.	Điều 33. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá 1. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và quy định của pháp luật về thẩm định giá. 2. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về thẩm định giá và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 46. Thẻ thẩm định viên về giá **1. Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp cấp cho người đạt yêu cầu tại kỳ thi thẩm định viên về giá.** **2. Người tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau:** a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên **thuộc một trong các nhóm ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật theo quy định của pháp luật;** c) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá**phù hợp với lĩnh vực chuyên môn dự thi** do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp,trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá. 3. Bộ Tài chính quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.	Điều 34. Tiêu chuẩn thẩm định viên về giá 1. Có năng lực hành vi dân sự. 2. Có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan. 3. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá. 4. Có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 36 tháng trở lên sau khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Có chứng chỉ đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá do cơ quan có thẩm quyền cấp. 6. Có Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính.
Điều 47. Đăng ký hành nghề thẩm định giá **1. Điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá của người có Thẻ thẩm định viên về giá:** **a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;** **b) Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn đang có hiệu lực với doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lao động;** **c) Có thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ 36 tháng trở lên;** **d) Có giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo lĩnh vực chuyên môn trừ trường hợp Thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;** **đ) Không thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều này.** **2. Đối tượng không được hành nghề thẩm định giá:** **a) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; **b) Người đang bị cấm hành nghề thẩm định giá theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; người đã bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, giá, thẩm định giá mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đang bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;** **c) Người đang bị tước Thẻ thẩm định viên về giá.** **3. Người có Thẻ thẩm định viên về giá thực hiện đăng ký hành nghề với Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được công nhận là thẩm định viên về giá. Người có Thẻ thẩm định viên về giá không được đăng ký hành nghề đồng thời tại hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên, không được ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với vai trò thẩm định viên về giá khi không là thẩm định viên về giá; trường hợp vi phạm thì bị thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.** **4. Bộ Tài chính tiếp nhận đăng ký hành nghề thẩm định giá, rà soát, ban hành thông báo danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp đối với trường hợp đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều này.** **5. Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá.**	
Điều 48. Thẩm định viên về giá **1. Thẩm định viên về giá là người có tên trong danh sách thẩm định viên về giá theo lĩnh vực chuyên môn do Bộ Tài chính thông báo, đồng thời duy trì điều kiện đăng ký hành nghề quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này.** **2. Định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm, Bộ Tài chính thực hiện rà soát, cập nhật và thông báo danh sách thẩm định viên về giá kể từ ngày 01/01 của năm tiếp theo. Trường hợp trong năm thực hiện có biến động điều**	Điều 35. Thẩm định viên về giá hành nghề 1. Thẩm định viên về giá hành nghề là người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 của Luật này đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá. 2. Quyền và nghĩa vụ của Thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá được quy định tại Điều 37 của Luật này.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
chỉnh về thẩm định viên, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh kịp thời. Định kỳ hằng tháng, trên cơ sở báo cáo của doanh nghiệp thẩm định giá, Bộ Tài chính xem xét, thông báo điều chỉnh danh sách thẩm định viên về giá. Trường hợp biến động thẩm định viên về giá do cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thì danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh tại ngày cấp, cấp lại. **3. Thẩm định viên về giá vi phạm nghiêm trọng Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam bị thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính.**	
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá **1. Quyền của thẩm định viên về giá:** **a) Ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá theo lĩnh vực tài sản được phép hành nghề mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ, điều kiện chuyên môn khác với quy định tại Luật này;** **b) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;** **c) Yêu cầu khách hàng phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá; không chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá khi khách hàng thẩm định giá cung cấp thông tin không chính xác về tài sản thẩm định giá;** **d) Từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ hồ sơ, tài liệu để thực hiện thẩm định giá;** **đ) Tham gia tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;** **e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.** **2. Nghĩa vụ của thẩm định viên về giá:** **a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;** **b) Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong quá trình thực hiện và đưa**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
ra kết quả thẩm định giá; **c) Giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá hoặc bên thứ ba được sử dụng kết quả thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá khi có yêu cầu; giải trình kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;** **d) Tham gia các chương trình cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định;** **đ) Lập hồ sơ về thẩm định giá theo quy định của pháp luật;** **e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.**	
Điều 50. Doanh nghiệp thẩm định giá 1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp **và được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này.** **2. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp.**	Điều 38. Điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá 1. Doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp. 2. Doanh nghiệp thẩm định giá được hoạt động khi Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật.
Điều 51. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá **1. Khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp phải có ít nhất 5 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp đồng thời phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp như sau:** **a) Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân; Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 53 Luật này. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên hợp danh**	Điều 39. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải đủ các điều kiện sau: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó phải có thành viên là chủ sở hữu; c) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
công ty hợp danh phải là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp. **b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 53 Luật này, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn, 02 cổ đông phải là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp; trường hợp thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì người đại diện của tổ chức góp vốn phải là người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, tổng phần vốn góp của tổ chức tối đa 35% vốn điều lệ. Tổng số vốn góp của các thành viên, cổ đông là người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.** **2. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách hoặc các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá có thay đổi so với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải làm thủ tục cấp lại.** 3. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, **cấp lại** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	2. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải đủ các điều kiện sau: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó tối thiểu phải có 02 thành viên góp vốn; c) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; d) Phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định. Người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 3. Công ty hợp danh khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải đủ các điều kiện sau: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó tối thiểu phải có 02 thành viên hợp danh; c) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty hợp danh phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 4. Doanh nghiệp tư nhân khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải đủ các điều kiện sau: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó có 01 thẩm định viên là chủ doanh nghiệp tư nhân; c) Giám đốc doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 5. Công ty cổ phần khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
	doanh dịch vụ thẩm định giá phải đủ các điều kiện sau: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó tối thiểu phải có 02 cổ đông sáng lập; c) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty cổ phần phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; d) Phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định. Người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 6. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.
Điều 52. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị phụ thuộc **của doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đối với các hợp đồng thẩm định giá do chi nhánh ký kết với khách hàng thẩm định giá.** 2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất **03 người có Thẻ thẩm định viên về giá đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 47 Luật này đăng ký hành nghề thẩm định giá độc lập với trụ sở chính và các chi nhánh khác của doanh nghiệp thẩm định giá,** trong đó phải bao gồm người đứng đầu chi nhánh. 3. Doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá của chi nhánh.	Điều 41. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thẩm định giá, có nhiệm vụ thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá theo sự uỷ quyền bằng văn bản của doanh nghiệp thẩm định giá. 2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật và phải có ít nhất 02 thẩm định viên về giá, trong đó Giám đốc chi nhánh phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá đã thành lập chi nhánh đó. 3. Doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh thẩm định giá do doanh nghiệp thành lập.
Điều 53. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
nghiệp thẩm định giá **1. Yêu cầu đối với người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá:** **a) Có đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá;** **b) Đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và duy trì điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này;** **c) Không thuộc các trường hợp đã giữ vị trí người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 12 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.** **2. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cấp cho doanh nghiệp thẩm định giá.**	
Điều 54. Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá **1. Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đồng thời phải bảo đảm duy trì các điều kiện quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật này.** **2. Doanh nghiệp thẩm định giá phải báo cáo Bộ Tài chính khi không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 51, Điều 52 nhưng không thuộc quy định tại Điều 56 Luật này, đồng thời khắc phục trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày không đủ điều kiện. Trong thời gian khắc phục, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện như sau:** **a) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp hoặc không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này thì doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được phát hành**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá; trường hợp giám đốc chi nhánh không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp hoặc không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật này thì chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá; **b) Trường hợp không đủ số lượng thẩm định viên tối thiểu nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với những hợp đồng thẩm định giá đã ký kết nhưng không được ký kết thêm hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.** **3. Sau thời hạn 03 tháng, doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không khắc phục các điều kiện hoạt động thẩm định giá thì bị xóa tên chi nhánh tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và doanh nghiệp bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Điều 56 Luật này.**	
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá **1. Quyền của doanh nghiệp thẩm định giá:** a) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá **theo quy định tại Luật này;** **b) Tham gia tổ chức nghề nghiệp trong nước và ngoài nước về thẩm định giá theo quy định của pháp luật;** c) Yêu cầu khách hàng thẩm định giá cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu có liên quan đến tài sản thẩm định giá **và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá; không chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá khi khách hàng thẩm định giá cung cấp thông tin không chính xác về tài sản thẩm định giá;** d) Từ chối thực hiện dịch vụ thẩm định giá đối với yêu cầu của khách hàng; **đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.**	Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá 1. Quyền của doanh nghiệp thẩm định giá: a) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá; b) Nhận thù lao dịch vụ thẩm định giá theo giá thỏa thuận với khách hàng đã ghi trong hợp đồng; c) Thành lập chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá; d) Đặt cơ sở kinh doanh dịch vụ thẩm định giá ở nước ngoài; đ) Tham gia tổ chức nghề nghiệp trong nước và ngoài nước về thẩm định giá theo quy định của pháp luật; e) Yêu cầu khách hàng thẩm định giá cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu có liên quan đến tài sản thẩm định giá; g) Từ chối thực hiện dịch vụ thẩm định giá đối với yêu cầu của khách

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá: a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này; b) Cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá theo đúng lĩnh vực chuyên môn được phép thực hiện; c) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá trong giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá; **d) Thực hiện thẩm định giá theo đúng hợp đồng thẩm định giá; Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm những thoả thuận trong hợp đồng thẩm định giá và trong trường hợp kết quả thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá;** đ) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động thẩm định giá hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp; e) Quản lý, giám sát hoạt động của thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp; g) Thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật; h) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá theo quy định; i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	hàng; h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá: a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này và Luật doanh nghiệp; b) Cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng và bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá đã ký kết; c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả thẩm định giá; d) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động thẩm định giá hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp; đ) Bồi thường thiệt hại cho khách hàng theo quy định của pháp luật do vi phạm những thoả thuận trong hợp đồng thẩm định giá và trong trường hợp kết quả thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của khách hàng do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá; e) Quản lý hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên về giá thuộc quyền quản lý; g) Thực hiện chế độ báo cáo; h) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá; i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
Điều 56. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá **1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong các trường hợp sau:** a) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 51 của Luật này trong 03 tháng liên tục; **b) Phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá do người không phải là thẩm định viên về giá ký với vai trò thẩm định viên về giá;**	Điều 40. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 39 của Luật này trong 03 tháng liên tục; b) Có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm tiêu chuẩn thẩm định giá. 2. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
c) Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật xử lý vi phạm hành chính. 2. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kê khai không đúng hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; b) Không phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá trong thời hạn 1 năm; c) Không khắc phục được vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị đình chỉ; d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. 3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. **Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá quy định tại điểm h khoản 2 Điều 55 Luật này.** 4. Chính phủ quy định chi tiết việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kê khai không đúng hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; b) Không kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong 12 tháng liên tục; c) Không khắc phục được vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày bị đình chỉ; d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. 3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. 4. Chính phủ quy định chi tiết việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
Điều 57. Kết quả thẩm định giá 1. Kết quả thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Chứng thư thẩm định giá kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định giá. a) Báo cáo kết quả thẩm định giá là văn bản do thẩm định viên về giá lập, trong đó nêu rõ quá trình thẩm định giá, ý kiến của thẩm định viên về giá trị của tài sản thẩm định giá và được người đại diện theo pháp luật của	Điều 32. Kết quả thẩm định giá 1. Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. 2. Việc sử dụng kết quả thẩm định giá phải đúng mục đích ghi trong hợp

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
doanh nghiệp thẩm định giá hoặc người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá xem xét, phê duyệt; b) Chứng thư thẩm định giá là văn bản do doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phát hành để thông báo cho khách hàng và các bên liên quan về những nội dung cơ bản của Báo cáo kết quả thẩm định giá. 2. **Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp được sử dụng làm một trong những cơ sở để khách hàng, người có liên quan được ghi tại hợp đồng thẩm định giá xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá của tài sản. Thời gian có hiệu lực của kết quả thẩm định giá được quy định tại tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá phải được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước.** **3. Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi theo quy định của Bộ Tài chính.**	đồng thẩm định giá hoặc văn bản yêu cầu thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 3. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá.
Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá **1. Quyền của khách hàng thẩm định giá:** **a) Lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật để giao kết hợp đồng thẩm định giá;** **b) Yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá và thông tin về thẩm định viên về giá;** **c) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến tài sản thẩm định giá;** **d) Đề nghị thay thế thẩm định viên tham gia cuộc thẩm định giá khi có căn cứ cho rằng thẩm định viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện thẩm định giá;**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
đ) Yêu cầu bồi thường trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá gây thiệt hại; **e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.** **2. Nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá:** **a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của thẩm định viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;** **b) Phối hợp, tạo điều kiện cho thẩm định viên về giá thực hiện thẩm định giá;** **c) Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng thẩm định giá trong hoạt động thẩm định giá của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;** **d) Thanh toán giá dịch vụ thẩm định giá theo thỏa thuận trong hợp đồng;** **đ) Sử dụng kết quả thẩm định giá trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá;** **e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.**	
Điều 59. Đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá **1. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm tự đánh giá dịch vụ thẩm định giá tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.** **2. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai đánh giá dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá.**	
Điều 60. Giá dịch vụ thẩm định giá **Giá dịch vụ thẩm định giá thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá trên nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý theo quy định của pháp luật về thuế để thực hiện các công việc theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; lợi nhuận (nếu có) phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu của dịch vụ thẩm định giá và được ghi trong hợp đồng thẩm định giá;**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
trường hợp việc lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	
Điều 61. Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá **1. Thương lượng, hòa giải trên cơ sở những cam kết đã ghi trong hợp đồng thẩm định giá.** **2. Giải quyết bằng trọng tài thương mại.** **3. Khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.**	
Điều 62. Phạm vi thẩm định giá của Nhà nước **1. Việc thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá thực hiện nhằm giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá tài sản.** **2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:** **a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước;** **b. Các trường hợp mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt giá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước trong các phương thức được quy định làm căn cứ xác định giá;** **c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.**	Điều 44. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của Nhà nước Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trong các trường hợp sau: 1. Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; 2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; 3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; 4. Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
Điều 63. Hội đồng thẩm định giá **1. Hội đồng thẩm định giá do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu thành lập.** **2. Hội đồng thẩm định giá phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có thành viên có một trong các chứng nhận chuyên môn sau:**	Điều 45. Phương thức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước 1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá đối với các trường hợp quy định tại Điều 44 của Luật này. Hội đồng thẩm định giá giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. 2. Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm thẩm định giá theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá; **b) Thẻ thẩm định viên về giá;** **c) Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá;** **d) Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.** **3. Hội đồng thẩm định giá có quyền:** **a) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, nguồn lực cần thiết phục vụ cho việc thẩm định giá;** **b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế-kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá; quyết định việc sử dụng kết quả của đơn vị tư vấn;** **c) Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc không có đủ thông tin, tài liệu để kết luận về giá;** **d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.** **4. Hội đồng thẩm định giácó nghĩa vụ:** **a) Tuân thủ tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;** **b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá tài sản;** **c) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kết quả của đơn vị tư vấn;** **d) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;** **đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.** **5. Chính phủ quy định chi tiết về Hội đồng thẩm định giá.**	nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả thẩm định giá. Điều 46. Trình tự, thủ tục thẩm định giá của Nhà nước Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thẩm định giá của Nhà nước.
Điều 64. Kết quả thẩm định giá **1. Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Kết luận của Hội đồng thẩm định giá. Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
định giá. **2. Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật. Thời gian có hiệu lực của kết quả thẩm định giá được quy định tại tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng loại tài sản, số lượng tài sản tại văn bản giao nhiệm vụ thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá phải được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước.**	
Điều 65. Chi phí thẩm định giá **1. Chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được trang trải bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá.** **2. Riêng đối với trường hợp thẩm định giá khi mua sắm, bán, thanh lý, liên doanh, liên kết bằng tài sản công thì chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.**	
Điều 66. Hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước **1. Hồ sơ thẩm định giá gồm có các tài liệu sau đây:** **a) Văn bản giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc văn bản được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu;** **b) Thông tin, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá;** **c) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá;** **d) Các tài liệu do Hội đồng thẩm định giá thu thập, phân tích trong quá trình thẩm định giá; các báo cáo chuyên gia, chứng thư thẩm định**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
giá kèm báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); **đ) Biên bản họp và kết luận của Hội đồng thẩm định giá về kết quả thẩm định giá;** **e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc thẩm định giá.** **2. Cơ quan thành lập Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lưu trữ.**	
Điều 67. Mục tiêu, yêu cầu **1. Đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.** **2. Góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đem lại tác động tích cực trong công tác quản lý điều hành giá, thẩm định giá.** **3. Nắm bắt tồn tại, hạn chế để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá**	
Điều 68. Nguyên tắc kiểm tra **1. Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định.** **2. Không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị trong cùng thời kỳ kiểm tra; Không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.**	
Điều 69. Nội dung, trách nhiệm kiểm tra **1. Kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý, điều tiết giá; các quy định về hoạt động thẩm định giá, việc tuân thủ tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Nội dung kiểm tra phải được thể hiện tại kế hoạch kiểm tra do cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm.Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời.**	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Luật này; theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra, kiến nghị, quyết định xử lý về kiểm tra. **3. Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.**	
Điều 70. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan **1. Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 78 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14.** **2. Bãi bỏ nội dung thứ tựthứ 4, Phụ lục số 2 về danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13.** **3. Bãi bỏ điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.** **4. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14.** **5. Bãi bỏ khoản 2 Điều 67 của Luật Công chứng số 53/2014/QH13.** **6. Bãi bỏ, sửa đổi một số Điều của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 như sau:** **a) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 58;** **b) Sửa đổi Khoản 2 Điều 61 như sau:** **"2. Đối với nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư tự xác định giá thuê, giá thuê mua, giá bán."** **7. Bãi bỏ cụm từ thẩm định giá tại điểm b khoản 2 Điều 47; bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 48 tại Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.**	
Điều 71. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Luật giá số 11/2012/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.	

Luật giá (sửa đổi)	Luật giá 2012
Điều 72. Quy định chuyển tiếp **1. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp thẩm định giá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013 phải bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá quy định tại Luật này.** **2. Trước ngày 15 tháng 12 năm 2023, các trường hợp nộp đủ hồ sơ thì được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013.** **3. Thẻ thẩm định viên về giá được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì công nhận là thẻ thẩm định viên về giá trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp.** **4. Các văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có văn bản khác thay thế.**	

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30tháng 9 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
VỀ DỰ THẢO LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI) XIN Ý KIẾN RỘNG RÃI

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
I. CÁC Ý KIẾN THAM GIA VÀO CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ TẠI DỰ THẢO LUẬT			
1	**Luật giá (sửa đổi)**	Xem xét để chuẩn hóa tên gọi là sửa đổi hay ban hành mới *(UBND tỉnh Đăk Nông, Bình Phước, Phú Thọ, Hà Giang)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo; theo đó, Luật sửa đổi, thay thế Luật giá 2012 nên tên gọi sẽ là "Luật giá" theo đúng quy định về thể thức.
2	**Điều 3. Áp dụng Luật Giá và các Luật có liên quan** Các hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này. Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá; thẩm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này.	- Quy định này chưa phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó đã quy định về áp dụng pháp luật. *(Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Công thương, Bộ Xây dựng)* - Cần làm rõ thêm đối với áp dụng các Luật liên quan (Luật chuyên ngành) *(Bắc Giang)*	Tiếp thu ý kiến của các Bộ và các ý kiến trong quá trình tổ chức hội thảo, họp Ban soạn thảo và Tổ biên tập, đã chỉnh lý bỏ điều 3 về áp dụng pháp luật.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
3	**Điều 4. Giải thích từ ngữ** Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. *Hàng hóa* là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản. 2. *Dịch vụ* là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật. 3. *Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và quốc phòng, an ninh. 4. *Giá thị trường* là giá hàng hóa, dịch vụ trong giao dịch khách quan và độc lập được hình thành do các yếu tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định. 5. *Mặt bằng giá thị trường* là mức giá bình quân của hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong một thời kỳ tại một không gian nhất định và	Đề nghị sửa Khoản 1 Điều 4 như sau: "Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể trao đổi mua bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người". Do: nếu hiểu "hàng hóa" chỉ bao gồm động sản và bất động sản như Dự thảo Luật đã nêu thì chưa bao hàm hết nội hàm của "hàng hóa", vì "hàng hóa" ngoài các tài sản hữu hình còn bao gồm cả tài sản vô hình như: bằng sáng chế, phát minh, tác quyền sở hữu trí tuệ... *(Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	Khái niệm "Hàng hóa" tại dự thảo được kế thừa Luật hiện hành, đã bao gồm các tài sản vô hình và hiện nay không có vướng mắc về nội dung này.
		Đề nghị làm rõ nội hàm của hàng hóa thiết yếu và dịch vụ thiết yếu nhằm đảm bảo thống nhất cách hiểu giữa các địa phương. Việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần được quy định thống nhất áp dụng trên phạm vi cả nước. (*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*	Tại dự thảo Luật kế thừa hiện hành, trong đó nêu rõ các tiêu chí để xác định hàng hóa, dịch vụ thiết yếu để phục vụ cho các quy định về quản lý, điều tiết giá. Việc xác định danh mục phải tùy điều kiện hoàn cảnh, việc đưa ra danh mục cố định là không cần thiết và không khả thi.
		Luật giá chỉ có khái niệm hàng hóa, không có khái niệm tài sản nhưng trong nội dung dự thảo Luật giá quy định thẩm quyền định giá tài sản nhưng không có quy định thẩm định giá hàng hóa. *(Bộ Quốc phòng)*	Khái niệm tài sản đã được quy định tại Bộ Luật dân sự.
		Đề nghị bổ sung định nghĩa "giá cụ thể", "phương pháp định giá" *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Định nghĩa "phương pháp định giá" đã tiếp thu, chỉnh lý tại Điều quy định về phương pháp và tại Danh mục

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	được phản ánh bằng chỉ số giá tiêu dùng. 6. *Giá thành toàn bộ của hàng hoá, dịch vụ* là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: a) Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ; giá mua hàng hoá, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại; b) Chi phí lưu thông để đưa hàng hoá, dịch vụ bán ra thị trường. 7. *Giá tối thiểu* là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch thấp hơn. 8. *Giá tối đa* là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch cao hơn. 9. *Khung giá* là giới hạn các mức giá từ giá tối thiểu đến giá tối đa. 10. *Giá tham chiếu* là mức giá do cơ quan có thẩm quyền công bố làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tham khảo quyết định giá hàng hóa, dịch vụ. 11. *Yếu tố hình thành giá* gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý, hợp lệ tương ứng với chất lượng của hàng hóa, dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; giá trị vô hình của	Đề nghị làm rõ hơn khái niệm "Thẩm định giá" để làm rõ sự khác biệt với hoạt động định giá của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. *(Bộ Tài nguyên và môi trường, Bình Thuận)*	Khái niệm thẩm định giá đã rõ, định giá là việc quyết định, thẩm định giá là tư vấn
		Tại Khoản 3: Đề nghị làm rõ sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của quốc phòng, an ninh bao gồm những gì, có bao gồm vũ khí thiết bị kỹ thuật quân sự không. *(Bộ Quốc phòng)*	Khái niệm này tại dự thảo được kế thừa Luật hiện hành, đã bao gồm các tài sản vô hình và hiện nay không có vướng mắc về nội dung này.
		Đề nghị bổ sung cụm từ "giá cụ thể", "hàng hóa, dịch vụ đặc thù". Đồng thời quy định rõ thời gian có hiệu lực của giá cụ thể theo hướng phù hợp với từng loại dịch vụ công bảo đảm hiệu lực của giá đến khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công theo quy định.(Bộ LĐTBXH)	
		Khoản 5: Giải thích rõ định nghĩa "mặt bằng giá thị trường" *(UBND tỉnh Đà Nẵng)*	Cụm từ này mang ý nghĩa tổng hợp, hiện nay không có vướng mắc.
		Đề nghị sửa Khoản 16 Điều 4 như sau: "Niêm yết giá là hình thức công khai mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ được pháp luật cho phép đến người tiêu dùng". Do: Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối theo văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 và Điều 4 Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam theo Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-NHNN ngày 04/04/2019 có quy định một số trường hợp được niêm yết bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam.*(Bộ Quốc phòng)*	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	thương hiệu. 12. *Bình ổn giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp nhằm ổn định giá hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian. 13. *Định giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định giá cho hàng hóa, dịch vụ. 14. *Hiệp thương giá* là phương thức thỏa thuận giữa các doanh nghiệpvề giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm trung gian hỗ trợ các bên thỏa thuận theo quy định của Luật này. 15. *Kê khai giá* là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi định giá, điều chỉnh giá. 16. *Niêm yết giá* là hình thức công khai mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam đến người tiêu dùng. 17. *Thẩm định giá* là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ	Khoán 2 - thuật ngữ "Dịch vụ" được định nghĩa là hàng hóa có tính vô hình là chưa thống nhất với Bảng phân loại quốc tế hàng hóa/dịch vụ ni-xơ (phiên bản 11-2021) của WIPO công bố, theo đó "sản phẩm" bao gồm hàng hóa và dịch vụ. Do vậy, cần cân nhắc định nghĩa *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	Khái niệm này tại dự thảo được kế thừa Luật hiện hành, hiện nay không có vướng mắc về nội dung này và được đưa ra phù hợp với bối cảnh Việt Nam
		Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ: "hàng hóa đặc thù"; "Giá cụ thể" được quy định tại mục b khoản 1 Điều 6; "phương pháp định giá" được quy định tại Khoản 1 Điều 24. *(Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)*	Đã tiếp thu theo hướng tại dự thảo Luật bỏ quy định về hàng hóa đặc thù và giá cụ thể, phương pháp định giá đã được quy định tại cụ thể tại các quy định tại dự thảo Luật.
		Đề nghị xem xét điều chỉnh khoản 3: "*Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống,**kinh tế**, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, **nhu cầu phát triển kinh tế** và quốc phòng, an ninh." *(Bộ Công Thương)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		Không đưa khái niệm "Thông đồng về giá, thẩm định giá" do đưa khái niệm nhưng không có quy định chi tiết hành vi vi phạm và chế tài hành chính dẫn đến chưa phù hợp với thông lệ xây dựng Luật. *(Bộ Tài nguyên và môi trường, UBND tỉnh Quảng Bình, Quảng Ngãi, Hà Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Thái Nguyên; Công ty VAI)*	Không tiếp thu. Luật hiện hành có quy định cấm với hành vi thông đồng và tiếp tục được kế thừa tại Luật sửa đổi, nên việc giải thích rõ hành vi thông đồng để làm rõ và tạo thuận lợi cho việc thực hiện. Các quy định về xử lý vi phạm hành chính sẽ có tại Nghị định

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. 18. *Thông đồng về giá, thẩm định giá* là việc các tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, cấu kết nhằm làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá tài sản để trục lợi.	Đề nghị bổ sung khái niệm "giá trị phi thị trường" do Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá vẫn đang có Tiêu chuẩn về cơ sở này và hiện các hệ thống quy định về giá tính thuế đều đang sử dụng cơ sở hình thành giá trị phi thị trường nhưng chưa được thừa nhận. (*Bộ Tài nguyên và môi trường, UBND tỉnh Quảng Trị, Vĩnh Long)*	Thuộc phạm vi hoạt động của thẩm định giá, đã được quy định tại các tiêu chuẩn thẩm định giá – cơ sở giá trị phục vụ trong hoạt động thẩm định giá.
		Bổ sung giải thích "sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người". *(UBND tỉnh Bình Định)*	Đây là khái niệm đã được kế thừa hiện hành và thực tế ý nghĩa bổ nghĩa cho khái niệm tại khoản 3 Điều 4
		Bổ sung khái niệm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và Giá cụ thể *(UBND tỉnh Quảng Ngãi)*	Nội dung này đã có mục riêng để quy định rõ tại Điều 43 chương V
		- Tại khoản 3, Điều 4: đề nghị hướng dẫn cụ thể hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết hàng hóa, dịch vụ thiết yếu để thống nhất trong cách hiểu và áp dụng, khắc phục tình trạng không thống nhất trong cách hiểu về hàng hóa, dịch vụ thiết yếu giữa các cơ quan, địa phương như trong thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch Covid-19. *(UBND tỉnh Tiền Giang)*	Khái niệm này nhằm phục vụ cho công tác điều tiết giá; Tùy thuộc vào bối cảnh và đã quy định cụ thể danh mục tại các Chương về các hàng hóa dịch vụ thuộc diện định giá, bình ổn giá tại dự thảo Luật
		- Tại khoản 18 đề nghị sửa như sau: "*Thông đồng về giá, thẩm định giá* là việc **cơ quan,** tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, cấu kết nhằm làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá tài sản để trục lợi."	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
4	**Điều 5. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước** 1. Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường gắn với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật này thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. 2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước; có tính đến chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ. 3. Góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công, có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.	Khoản 1: Đề nghị bổ sung nội dung như sau "…Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật này thực hiện quản lý, chỉ đạo, kiểm tra việc định giá; tổ chức, đơn vị định giá, thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường" để bảo đảm quy định về nguyên tắc quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, điều tiết giá của Nhà nước; sự phù hợp theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ đối với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương cũng như nguyên tắc thực hiện của các tổ chức, doanh nghiệp, công ty tư vấn trong thực hiện định giá tài sản. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Tiếp thu một phần và chỉnh lý để làm rõ nội dung quy định
		Điều 5 Dự thảo đưa ra 3 nguyên tắc: Nguyên tắc 1: Đề nghị giữ như Luật Giá hiện hành "Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật". Vì: Quy định như Dự thảo: Nhà nước, tiếp đến cơ quan Nhà nước là thừa và không cần thiết phải quy định điều tiết giá gắn với phân tích, dự báo giá thị trường. Các nguyên tắc 2 và 3 của Dự thảo, đó không phải là nguyên tắc mà là mục tiêu của nguyên tắc điều tiết, *(Hội thẩm định giá Việt Nam)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý làm rõ thêm một số nội dung

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Khoản 3: quy định nguyên tắc *"... có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn"*. Bộ Tư pháp cho rằng, đối với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm ưu tiên phát triển kết hợp với các chính sách an sinh – xã hội khác. Do vậy, để bảo đảm nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự định hướng của nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đối với nguyên tắc trên.*(Bộ Tư pháp)*	Quy định này kế thừa Luật hiện hành, trong một số trường hợp vẫn có lộ trình có hỗ trợ
5	**Điều 6. Công khai thông tin về giá** 1. Nội dung công khai bao gồm: a) Các báo cáo, đề án, chương trình kế hoạch, chủ trương, biện pháp quản lý, điều hành giá, bình ổn giá, các văn bản về quyết định giá của hàng hóa, dịch vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Giá cụ thể các hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân quyết định trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu được nhà nước quy định, giá kê khai; c) Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá. 2. Việc công khai thông tin về giá quy định tại Điều này không áp dụng đối với các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước và các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật.	Khoản 3: Theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin thì có nhiều hình thức công khai thông tin trong đó có: "Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định". Do đó cân nhắc đến các hình thức công khai thông tin về giá phù hợp với các đối tượng là người tiêu dùng. *(UBND tỉnh Bình Định)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo tại khoản 3 Điều 6: *"3. Việc công khai được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang điện tử của cơ quan, đơn vị, phát hành ấn phẩm hoặc văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan hoặc các hình thức phù hợp khác theo khả năng. Đối với các nội dung công khai quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu về quốc gia về giá."*
		Đề nghị nêu rõ các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Việc liệt kê các trường hợp khó đầy đủ và thực tiễn là cần thực hiện theo nhiều pháp luật có liên quan đến vấn đề này ví dụ Luật bảo vệ bí mật nhà nước, Luật tiếp cận thông tin, Luật đất đai…

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	3. Việc công khai được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang điện tử của cơ quan, đơn vị, phát hành ấn phẩm hoặc văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Đối với các nội dung công khai quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu về quốc gia về giá. 4. Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp thẩm định giá. 5. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, đưa tin về chính sách pháp luật về giá, cơ chế quản lý, điều hành giá chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin theo quy định của pháp luật.	Xem xét bỏ công khai thông tin về thẩm định viên về giá. Do: Để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 tránh các doanh nghiệp thẩm định giá sử dụng thông tin công khai của "thẩm định viên về giá" vào mục đích kê khai năng lực doanh nghiệp. Mặt khác, thông tin về thẩm định viên về giá đã được cập nhật trên "cơ sở dữ liệu quốc gia về giá", cơ quan quản lý nhà nước khi cần thiết phải kiểm tra thông tin "thẩm định viên về giá" được yêu cầu cung cấp bản chính hoặc truy cập cơ sở dữ liệu để đối chứng theo phân quyền. *(UBND tỉnh Sơn La)*	Không tiếp thu do hiện nay nội dung này đã và đang được công khai để minh bạch năng lực doanh nghiệp
6	**Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm** 1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá; cán bộ, công chức thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá: a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá; b) Tiết lộ, sử dụng thông tin do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp không	Khoản 5: Liệu khách hàng có đủ khả năng và điều kiện để đánh giá về việc tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá hay không? Trong trường hợp có sự gian dối của bên cung cấp dịch vụ một cách chuyên nghiệp thì rất khó phát hiện. Hơn nữa, việc phát hiện và xử lý các chủ thể không đủ điều kiện/vi phạm quy định của pháp luật có lẽ không thuộc nghĩa vụ của khách hàng. Việc đã để cho hệ thống các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm định giá có nghĩa rằng đó là sự cho phép của Nhà nước (Điều 9 quy định thẩm quyền của Bộ Tài chính trong hoạt động thẩm định giá)	Quy định này được đưa ra để bảo vệ người tiêu dùng và Bộ Tài chính công khai danh sách tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Thông đồng về giá, thẩm định giá dưới mọi hình thức. 2. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ; b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết trong các giao dịch mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ; c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý; d) Các hành vi thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi. 3. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: a) Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, các hành vi hạ giá dịch vụ bất hợp lý và cạnh tranh không lành mạnh khác; thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm	và người dân/khách hàng có quyền tin tưởng vào sự cho phép đó. *(Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)*	
		Điểm c khoản 5: Đề nghị bổ sung tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về giá cho đầy đủ và bao quát được các đối tượng áp dụng của dự thảo Luật *(Bộ Công an)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		Điều 7 có quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm nhưng chưa có quy định hình thức xử lý khi có hành vi vi phạm một trong các điều cấm. Vì vậy, đề nghị bổ sung một điều để quy định hình thức (chế tài) xử lý các hành vi vi phạm tại Điều 7 làm căn cứ pháp lý để áp dụng trong tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời cũng là giải pháp để răn đe, phòng ngừa vi phạm. *(Bộ Nội vụ)*	Quy định này sẽ được quy định tại cụ thể tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính hướng dẫn Luật giá sửa đổi và hiện nay được quy định tại NĐ 109/2013/NĐ-CP
		- Đề nghị sửa cách quy định về người có liên quan theo Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020. *(Bộ Quốc phòng)*	Việc giới hạn các đối tượng như dự thảo đã đảm bảo cho việc thực hiện quy định trong hoạt động thẩm định giá và không cần thiết phải quy định hết các đối tượng như trong Luật doanh nghiệp
		Đề nghị sửa Điểm C Khoản 2 Điều 7 như sau: "lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, điều kiện bất thường khác và chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý" để tránh lặp tự "lợi dụng" và có quy định chi tiết về nội dung "bất hợp lý". *(Bộ Quốc phòng)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá; b) Thông đồng với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá; c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng; d) Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá và tài sản được thẩm định giá, trừ trường hợp được khách hàng thẩm định giá đồng ý hoặc pháp luật cho phép; đ) Gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá khi họ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. 4. Đối với thẩm định viên về giá, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này: a) Cho thuê, cho mượn; sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá trái với quy định của pháp luật về giá; b) Hành nghề thẩm định giá với tư cách cá nhân; c) Làm việc trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên; d) Ký Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá không đúng lĩnh vực	- Điểm a khoản 1: "a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của **tổ chức, cá nhân thẩm định giá và** tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá;" *(Bộ Công an)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		- Khoản 4: Đề nghị bổ sung một điểm quy định về việc nghiêm cấm đối với hành vi thông đồng về giá dưới mọi hình thức để bảo đảm tính chặt chẽ và bao quát được các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá. *(Bộ Công an)*	Nội dung này đã có tại khoản 3 điều này.
		- Điểm d khoản 3: Đề nghị sửa đổi như sau: "*Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng…pháp luật cho phép* ***hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền."*** - Khoản 5: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định đốivới khách hàng thẩm định giá: "*Giả mạo, chỉnh sửa kết quả thẩm định giá"* *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		-Khoản 2: (i) Sửa đổi điểm a, b như sau: a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật, **không chính xác** về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ; b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết trong các giao dịch mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, **phương thức vận**	- Khoản 2 (i) Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	hành nghề; đ) Thực hiện thẩm định giá cho đơn vị được thẩm định giá mà thẩm định viên về giá có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên trong ban lãnh đạo hoặc kế toán trưởng của đơn vị được thẩm định giá. 5. Đối với khách hàng thẩm định giá: a) Chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá để ký hợp đồng thẩm định giá; b) Cung cấp không chính xác, không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá; c) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá; d) Sử dụng kết quả thẩm định giá không trong thời gian hiệu lực, không theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá. 6. Tổ chức, cá nhân đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này.	**chuyển**, thanh toán chất lượng, **số lượng, tính năng, công dụng** hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ; (ii) Điểm c: Thời gian qua dịch bệnh Covid 19, các cơ sở sản xuất kinh doanh các loại thiết bị phục vụ phòng chống dịch và các hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục do nhà nước định giá, đã tăng giá cao hơn mức cần thiết nhưng để xác định trường hợp nào được coi là "bất hợp lý" thì không có công cụ hướng dẫn. có căn cứ áp dụng các chế độ xử lý (tăng giá bao nhiêu phần trăm so với thời điểm trước đó được coi là tăng giá hàng hóa dịch vụ bất hợp lý trong trường hợp lợi dụng thiên tai, địch họa, hoản hoạn, dịch bệnh) - Khoản 4: (i): Điểm a: Đề nghị bổ sung hành vi giả mạo, tự ý tẩy xóa, sửa chữa nội dung Thẻ thẩm định viên; thẩm định giá cho đơn vị có quan hệ góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu. (ii): Điểm c: Đề nghị bỏ nội dung này vì việc đăng ký hành nghề đã quy định phải đăng ký qua Bộ Tài chính, do đó một thẩm định viên về giá không thể đăng ký hành nghề tại 02 doanh nghiệp cùng một lúc. *(Bộ Công Thương, Lào Cai)*	(ii) Để xác định dấu hiệu tăng giá được coi là bất hợp lý hay không cần phải tiến hành các biện pháp nghiệp vụ (tương tự như Luật Cạnh tranh có điều chỉnh việc hạ giá để cạnh tranh). Do đó không thể lượng hóa cụ thể yếu tố này. - Khoản 4: Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo.
		Đề nghị sửa như sau: - Tại điểm c khoản 1 quy định: "Thông đồng về giá, thẩm định giá ~~**dưới**~~ **bằng** mọi hình thức"; tại điểm d khoản 2 quy định: " Các hành vi thông	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		đồng về giá ~~dưới~~ **bằng** mọi hình thức để trục lợi"; tại điểm a khoản 3 quy định: "Tranh giành khách hàng ~~dưới~~ **bằng** mọi hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, các hành vi hạ giá dịch vụ bất hợp lý và cạnh tranh không lành mạnh khác;...". *(UBND tỉnh Bình Phước)*	
		- Điểm c khoản 2: **Đề nghị làm rõ thế nào là "bất hợp lý"** để làm rõ cơ sở cho việc áp dụng luật do hiện nay không có quy định về lợi nhuận định mức ngành và nguyên tắc cung cầu, cơ hội đầu tư; do đó không thể áp dụng văn bản luật ngành để can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào quan hệ thị trường trong khi không thể cung cấp số liệu thống kê về lợi nhuận định mức ngành để khống chế việc tăng giá, nhất là việc tăng giá không phải là mặt hàng thiết yếu trong những thời điểm nhất định. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công An, Bộ Tài nguyên và môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương;Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND tỉnh Quảng Bình, Quảng Ngãi, Sơn La, Nghệ An, Tiền Giang, Hà Giang, Lạng Sơn, Ninh Bình, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Nam Định, Vĩnh Long; Công ty VAI)* - Điểm c khoản 2 đề nghị xem xét quy định: "c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ **trái quy định**";*(Điện Biên)*	Việc lượng hóa vấn đề "bất hợp lý" phải gắn với bối cảnh thực tế để xác định và thông qua công tác kiểm tra. Do đó không thể có khái niệm cụ thể.
		- Đề nghị bỏ cụm từ **"Tổ chức, cá nhân"** đồng thời ghép vào khoản 1 thành một điểm cho phù hợp với nội dung quy định cấm đối với cơ quan, cá	Đã tiếp thu một phần và chỉnh lý tại dự thảo Luật

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		nhân có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá. *(Bộ Công an)*	
		- Khoản 2: Đề nghị bổ sung nội dung "nghiêm cấm hành vi đầu cơ nâng giá để trục lợi" *(UBND tỉnh Đà Nẵng)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		- Tại Khoản 6 quy định: "Tổ chức, cá nhân đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này." Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa cụm từ "Tổ chức, cá nhân" thành "Bộ, ngành, địa phương" cho phù hợp vì tổ chức, cá nhân nào không nằm trong hệ thống hành chính Nhà nước có quyền lực để đưa ra điều kiện hạn chế hoạt động. *(Bộ Tài nguyên và môi trường, UBND tỉnh Hà Giang, Điện Biên, Tây Ninh)*	Việc can thiệp này không chỉ bao gồm các Bộ, ngành mà còn có cả các tổ chức, cá nhân khác (như ngân hàng…) nên vẫn giữ cụm từ chung là tổ chức, cá nhân để đảm bảo bao quát vấn đề
7	**Điều 8. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** 1. Thống nhất quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá. 2. Phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật này. 3. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá trong danh mục ban hành kèm theo Luật này. 4. Quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước bình ổn giá, kê khai giá.	Đề nghị quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ và thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ. *(Bộ Nông nghiệp, Bộ Nội vụ, Bộ Công an và UBND tỉnh Bình Định)*	Đã chỉnh lý tại dự thảo Luật chỉ quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ tại Điều 13.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
8	**Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính** 1. Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý về giá và thẩm định giá. 2. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá và thẩm định giá, Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. 3. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chiến lược về giá và thẩm định giá trong từng thời kỳ. 4. Trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá. Trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Chính phủ. 6. Định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo phân công của Chính phủ; quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn thực hiện phương pháp. 7. Tiếp nhận kê khai giá và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện kê khai giá.	a) Khoản 1: "Giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá", bảo đảm thống nhất với thẩm quyền của Chính phủ quy định tại Điều 8. b) Khoản 2: "Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá và thẩm định giá theo quy định của pháp luật", bảo đảm đầy đủ cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về quản lý giá (Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá). Đồng thời, đề nghị không đưa nội dung tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam vào dự thảo Luật, vì khoản này đã quy định chung về quản lý và thẩm định giá (trong đó đã bao gồm nội dung ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá). *(Bộ Nội vụ)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		Đề nghị xem xét, bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc "Xây dựng và cập nhật kịch bản điều hành giá hàng quý để báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các giải pháp, biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp" để đảm bảo phù hợp, thống nhất với nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 39 của dự thảo Luật.*(Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*	Xây dựng kịch bản là 1 nội dung của tổng hợp phân tích dự báo đã quy định tại dự thảo Luật
		+ Đề nghị bổ sung: "Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phương pháp lập phương án giá (giá tối đa, giá tối thiểu) của hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng";	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	8. Tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. 9. Quy định điều kiện dự thi và điều kiện để cấp Thẻ thẩm định viên về giá; tổ chức thi, cấp thẻ thẩm định viên về giá; quản lý, cấp, tước có thời hạn và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá; quy định về đăng ký và quản lý hành nghề thẩm định viên về giá. 10. Cấp, cấp lại, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;đình chỉ hoạt động kinh doanh thẩm định giá. 11. Quản lý hoạt động thẩm định giá đối với doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức nghề nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật. 12. Công khai danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá hành nghề. 13. Quy định chương trình đào tạo, điều kiện được tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và chứng chỉ thẩm định giá nhà nước; quy định về cập nhật kiến thức thẩm định giá cho thẩm định viên về giá. 14. Quy định về đánh giá hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và việc chấp hành các quy định của Nhà nước về thẩm định giá.	+ Rà soát một số quy định lặp lại trong dự thảo: khoản 6 Điều 9, khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 10 (Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá);	
		Tại khoản 17, quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc "Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá **trong phạm vi cả nước.**" bổ sung phần in đậm để phù hợp với điểm g khoản 12 Điều 11. *(UBND tỉnh Bình Định)*	Vấn đề thẩm quyền, trách nhiệm phải thực hiện theo pháp luật về xử lý khiếu nại, tố cáo, đây chỉ là quy định mang tính nguyên tắc chung
		Khoản1Bổ sung "Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý **nhà nước** về giá và thẩm định giá" *(UBND tỉnh Quảng Ngãi)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo tại khoản 1 Điều 14
		Khoản 17: Đề nghị xem xét bổ sung phạm vi Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá của Bộ Tài chính cho phù hợp vì Bộ Tài chính được thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với các nội dung thuộc phạm vi theo chức năng, quyền hạn quy định của Chính phủ; không thể kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với những nội dung thuộc phạm vi chức năng, quyền hạn của Bộ ngành khác. (Bộ Tài nguyên và môi trường)	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	15. Thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định. 16. Thực hiện hợp tác quốc tế về giá và thẩm định giá. 17. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá.		
9	**Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ** 1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chínhtrong công tác quản lý nhà nước về giá. 2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền. 3. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá. 4. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo phân công của Chính phủ; Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành phương pháp định giá đặc thù đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù theo phân công. 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực quản lý theo phân công của Chính phủ.	Đề nghị bổ sung trách nhiệm: *"Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá theo thẩm quyền"*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật, tuy nhiên các Bộ không có kiểm tra về thẩm định giá, chỉ có thẩm định giá của nhà nước
		Khoản 1: Đề nghị bổ sung nội dung như sau "Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về giá trong phạm vi, quyền hạn của mình và phối hợp với Bộ Tài chính trong công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định" để bảo đảm sự phân công rõ trách nhiệm và tránh chồng chéo trong việc tổ chức thực hiện. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
		Khoản 1: Đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền "Quy định chương trình đào tạo, điều kiện được tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ định giá, cấp chứng chỉ định giá theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ (nếu có); quy định về cập nhật kiến thức định giá cho cá nhân hành nghề định giá" và thẩm quyền Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ. + Đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền "Quy định	Theo quy định của Luật giá 2012 và Luật sửa đổi thì lĩnh vực quản lý nhà nước về thẩm định giá thì BTC là thống nhất quản lý; vấn đề quản lý đào tạo thẩm định giá chỉ theo … Riêng với định giá thì các Bộ, ngành theo chức năng, các Luật chuyên ngành cũng có quy định về định giá … vấn đề này các Bộ quy định theo hệ thống pháp luật chuyên ngành (ví dụ về đất đai) nhưng không được phát sinh thêm các điều kiện chồng chéo.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	6. Tiếp nhận kê khai giá theo phân công của Chính phủ, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 7. Cung cấp dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. 8. Tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định pháp luật.	chương trình đào tạo, điều kiện được tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ định giá, cấp chứng chỉ định giá theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ (nếu có); quy định về cập nhật kiến thức định giá cho cá nhân hành nghề định giá" và thẩm quyền Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ.*(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	
		Khoản 1, khoản 2 đề nghị sửa đổi theo hướng: "Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi, quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này và Luật chuyên ngành".*(Bộ Xây dựng)*	Ban soạn thảo không tiếp thu do việc quy định *"Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền"* là đã đủ đảm bảo tính bao quát
		Tại khoản 4: đề nghị bổ sung thêm nội dung ban hành tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý. *(UBND tỉnh Tiền Giang)*	Định mức kinh tế kỹ thuật được quy định tại các Luật chuyên ngành, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá, Luật thủy lợi, Luật xây dựng
10	**Điều 11. Thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau: a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trên địa bàn. Phân công việc	- Tại dự thảo Luật đã quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của UBND cấp tỉnh cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh là "*định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền"*.Do đó, đề nghị làm rõ có phải tất cả các trường hợp liên quan đến quyết định giá đều phải có ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh hay không vì thực tế hiện nay, một số loại giá mới phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh được quy định tại một số Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ; Thông tư của một số bộ, ngành… Đề nghị rà soát quy định lại theo hướng những nội	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo: sửa lại theo hướng linh hoạt, trường hợp cần thiết thì xin ý kiến của thường trực Hội đồng nhân dân; đưa vào quy trình định giá. Mặt khác tại Danh mục cũng đã quy định rõ những mặt hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; học phí)

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành giá, định giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật về giá; b) Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; c) Tổ chức phân công, phân cấp việc tiếp nhận kê khai giá trên địa bàn tỉnh; d) Quyết định chủ trương và biện pháp triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quy định; đ) Thực hiện nhiệm vụ thu thập, theo dõi, tổng hợp, phân tích diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn theo quy định; e) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định; g) Tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định pháp luật; h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giáthuộc phạm vi quản lý của địa phương.	dung cần xem xét, cho ý kiến thì quy định thẩm quyền thuộc Thường trực HĐND, còn những nội dung cần quyết định, thông qua HĐND cấp tỉnh quyết định nhằm tạo sự thống nhất, phù hợp, thuận lợi, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện. (*UBND tỉnh Hà Nam, Đăk Nông, Sơn La, Long An, Hà Giang, Ninh Bình, Đăk Lăk, Lâm Đồng)* - Qua rà soát thì không thấy có quy trình định giá hàng hóa, dịch vụ của UBND cấp tỉnh. Do đó đề nghị xem xét, chỉnh lý cho thống nhất tại dự thảo. (*Hải Phòng)*	
		Khoản 2: Về nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh đề nghị bỏ điểm g "*Tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định của pháp luật"*. Lý do tại dự thảo Luật đã quy định hoạt động thẩm định giá nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện. *(UBND tỉnh Hà Nam)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo, theo đó rà soát tương tự đối với các quy định của Bộ, ngành
		Đối với quy định liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Khoản 2 Điều 11 của dự thảo Luật Giá, đề nghị bổ sung thêm một điểm quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh "Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá; trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá" để thực hiện	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 16 dự thảo Luật Giá.*(Bộ Khoa học và công nghệ)*	
		Điều 10 và Điều 11 - Đề nghị phân công rõ việc tiếp nhận kê khai giá cho các cơ quan trong quy định, thống nhất từ trung ương đến địa phương. - Khoản 4 điều 10 và khoản 2 điều 11: Đề nghị phân công rõ thẩm quyền định giá hàng hóa, dịch vụ cho các cơ quan thống nhất từ trung ương đến địa phương*(UBND tỉnh Nghệ An)*	- Danh mục kê khai tại dự thảo Luật giao Chính phủ quy định - Danh mục định giá được quy định rõ trong danh mục kèm theo Luật
11	**Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh** 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có quyền: a) Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá; b) Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc nhà nước công bố giá tham chiếu; c) Cạnh tranh về giá theo quy định của pháp luật; d) Áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ; đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do	- Đề nghị sửa đổi Điểm b khoản 1 thành: "Quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc Nhà nước công bố giá tham chiếu"; - Điểm b khoản 1: Bộ Tư pháp cho rằng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có quyền quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh hoặc quyết định giá mua hàng hóa, dịch vụ bán trên thị trường trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định này để đảm bảo quyền định giá của tổ chức, cá nhân chỉ bị hạn chế đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. *(Bộ Tư pháp)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý cụ thể tại khoản 2 Điều 8 dự thảo *"2. Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc áp dụng giá tham chiếu."*
		Bổ sung Khoản : "Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, giá cụ thể của hàng hóa, dịch vụ do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định trên cơ sở khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu của Bộ Tài chính quy định";*(Bộ Tư pháp)*	Nội dung này không thuộc quy định tại điều 12 và phân công phân cấp sẽ được quy định rõ tại danh mục

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi yếu tố hình thành giá thay đổi; e) Tiếp cận thông tin về chính sách giá của Nhà nước; các biện pháp quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và các thông tin công khai khác; g) Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá; yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ: a) Lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định, kê khai giá lần đầu và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; b) Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Kê khai giá bán hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá theo quy định tại Luật này; d) Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết;	Đề nghị sửa điểm d, khoản 2 thành: "Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán không cao hơn giá niêm yết". Do Giá bán của một số hàng hóa phụ thuộc vào số lượng bán, dịch vụ lắp đặt, bảo hành,… *(UBND tỉnh Hà Nam, Đắk Lắk, Điện Biên)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo khoản 4 điều 9*: "4. Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Luật này."*
		Tại điểm d khoản 2: Do việc mua bán hàng hóa phụ thuộc nhiều yếu tố, như số lượng, yêu cầu kỹ thuật chọn thêm và điều kiện thanh toán, lắp đặt,… khác nhau thì giá thanh toán khác nhau, do đó chỉ nên quy định như Luật giá 2012: "Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán không cao hơn giá niêm yết." *(UBND tỉnh Quảng Bình)*	
		Điểm đ khoản 1 bổ sung như sau: "đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền…. yếu tố hình thành giá thay đổi dẫn đến không phù hợp với mặt bằng giá thị trường hoặc giá hàng hóa, dịch vụ đó không phù hợp với khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành." Do: Phù hợp với khoản 5, khoản 9 điều 4 dự thảo Luật. Đồng thời, thêm điều kiện để cơ quan có thẩm quyền khi xem xét đề nghị tăng giá hàng hóa, dịch vụ khi yếu tố cấu thành giá thay đổi nhưng vẫn phù hợp với mặt bằng giá thị trường và khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. *(UBND tỉnh Sơn La)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại khoản 5 Điều 8: "*5. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi yếu tố hình thành giá thay đổi."* (Để đảm bảo nguyên tắc tại khoản 1 Điều 22)
		Điểm g khoản 2: Bộ Tư pháp cho rằng, các số liệu, tài liệu có liên quan đến giá hàng hóa, dịch vụ là bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân, chỉ được	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Khoản 6 Điều 8: *"6. Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo*

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	e) Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật này; g) Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; h) Giải quyết kịp thời mọi khiếu nại về giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định	cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức, cá nhân lập phương án giá đối với giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá hoặc khi nhà nước áp dụng thực hiện bình ổn giá bằng hình thức định giá. Đối với yêu cầu cung cấp số liệu, tài liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá cần đưa ra khỏi quy định này để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.*(Bộ Tư pháp)*	*yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ của mình."*
12	**Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng** 1. Người tiêu dùng có quyền: a) Lựa chọn, thỏa thuận và góp ý về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ; b) Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ; c) Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn chất lượng, số lượng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết;d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng	Điểm c Khoản 1: Chỉ nên để yếu tố giá, vì những yếu tố còn lại như tiêu chuẩn chất lượng, số lượng... đã có Luật Dân sự và các văn bản khác điều chỉnh, tránh sự chồng chéo không cần thiết, và cũng không đảm bảo tính thống nhất giữa các điều luật trong 1 văn bản, khi mà phần quy định nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh chỉ quy định về nghĩa vụ niêm yết công khai giá. *(Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam)*	Quy định này để đảm bảo sự phù hợp giữa giá với chất lượng và số lượng, Đồng thời quy định tại Luật giá không điều chỉnh về tiêu chuẩn chất lượng và số lượng. Tuy nhiên vẫn tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật khoản 3 Điều 10: *"3. Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn chất lượng, số lượng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết."*
		Sửa điểm d khoản 1 như sau: "d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền….. Nhà nước định giá **khi chất lượng hàng hóa dịch vụ, mặt bằng giá thị trường, khung giá thay đổi**".	Mặt bằng giá thị trường thay đổi không phải căn cứ để điều chỉnh giá. Đồng thời, khi chất lượng hàng hóa dịch vụ thay đổi thì các yếu tố hình thành giá sẽ thay đổi

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi; đ) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Người tiêu dùng có nghĩa vụ: a) Thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ; b) Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá.	Do khoản 11 Điều 4 định nghĩa thì người tiêu dùng kiến nghị điều chỉnh giá khi lợi nhuận, giá trị vô hình của tổ chức, sản xuất kinh doanh thay đổi là không phù hợp. Người tiêu dùng có quyền lợi được hưởng chất lượng hàng hóa, dịch vụ tương xứng chi phí mua. *(UBND tỉnh Sơn La)*	Do đó không tiếp thu nội dung này.
		- Tại Khoản 1: (i) Tại điểm a, b, c đề nghị nghiên cứu, sửa lại như sau: *"a) Lựa chọn, thỏa thuận ~~và góp ý~~ về giá với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khi mua hàng hóa, dịch vụ;.* *b) Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nội dung giao dịch hàng hóa, dịch vụ; giá, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ; được cung cấp hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến giao dịch và thông tin cần thiết khác về hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng đã mua, sử dụng;* *c) Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã công bố, niêm yết, quảng cáo hoặc cam kết;".* (ii) Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung sau*: "Góp ý kiến với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh về giá, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, phong cách phục vụ, phương thức giao dịch và nội dung*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại tại Điều 9 và Điều 10 về Quyền và Nghĩa vụ của người tiêu dùng

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		khác liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh". *(Bộ Công Thương)*	
		Việc quy định niêm yết giá và phải bán đúng giá niêm yết cần được xem xét lại. Nếu niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và bán đúng giá niêm yết là đúng; Tuy nhiên đối với hàng hóa dịch vụ Nhà nước không định giá mà thuộc quyền định giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thì quy định này là không hợp lý, không phù hợp với tập quán thương mại, thậm chí ngăn cản cơ chế thỏa thuận về giá có thể gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Với những loại hàng hóa, dịch vụ này chỉ cần quy định như Luật Giá hiện hành: Không bán cao hơn giá niêm yết là được (họ có thể bán bằng hoặc thấp hơn giá niêm yết). *(Hội thẩm định giá Việt Nam)*	Tiếp thu và đã chỉnh lý lại nội dung này thống nhất với quy định tại Mục về niêm yết giá.
		Điểm b khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật quy định người tiêu dùng có nghĩa vụ: *"Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá".* Hành vi vi phạm pháp luật về giá có thể chưa đến mức bị xử lý hoặc bị xử lý vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự; việc phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc dự thảo Luật quy định người tiêu dùng có nghĩa vụ thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện có hành vi "có dấu hiệu" vi phạm pháp luật về giá có thể làm ảnh hưởng đến chính bản thân người tiêu dùng (trường hợp hành vi đó được chứng minh	Nội dung này đã được chuyển sang Quyền của người tiêu dùng tại điều 9.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		không phải là hành vi vi phạm pháp luật về giá thì người tiêu dùng có thể bị cho là "vu cáo", "bịa đặt"; trường hợp hành vi đó được chứng minh là hành vi vi phạm pháp luật về giá thì có thể xảy ra khả năng người tiêu dùng bị "trả thù"). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đối với quy định này, nếu quy định đây là nghĩa vụ của người tiêu dùng thì cần có cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong trường hợp này. *(Bộ Tư pháp)*	
13	**Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá** Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật này.	Đề nghị sửa lại như sau: "Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm giúp cho Thủ trưởng cơ quan, UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điều 9,10,11 Luật này". *(UBND tỉnh Hà Nam)*	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo
14	**Điều 15. Nguyên tắc bình ổn giá** 1. Việc bình ổn giá phải được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kịp thời, công khai, minh bạch. 2. Phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế và bối cảnh kinh tế xã hội, mục tiêu kiểm soát lạm phát chung. 3. Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây	Đề nghị bổ sung nguyên tắc " Tuân thủ pháp luật về giá*" (UBND tỉnh Bình Phước)*	Nội dung này đã được quy định tại Luật giá.
		Đề nghị bỏ quy định tại Điều 15 về nguyên tắc bình ổn giá, Bộ Tư pháp cho rằng, Luật Giá là văn bản quy phạm pháp luật quy định về bình ổn giá nên nội dung các quy định về bình ổn giá cần thể hiện đúng và đầy đủ nguyên tắc bình ổn giá quy định tại Điều 15 dự thảo Luật, còn nội dung nguyên tắc này nên đưa vào Tờ trình để giải trình nội dung quy định của Luật về bình ổn giá. *(Bộ Tư pháp)*	Đây là nguyên tắc để triển khai nên không bỏ tại dự thảo.
		Ngoài 03 nguyên tắc đề nghị nghiên cứu bổ sung	Nguyên tắc này đã được thể hiện tại Điều

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường.	nguyên tắc về đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người dân, nhà nước và doanh nghiệp khi thực hiện bình ổn giá*(Bộ Kế hoạch và đầu tư)*	4, Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước
		Tại Khoản 3: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung trường hợp "thiên tai", "dịch bệnh" gây ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân vào diện bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và áp dụng để bảo đảm bao quát hết những phát sinh trong thực tế.*(Bộ Khoa học và công nghệ)*	Đã tiếp thu góp ý của Bộ Khoa học và Công nghệ, điều chỉnh về việc bình ổn giá tại địa bàn linh hoạt hơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 dự thảo xin ý kiến thẩm định
		Khoản 3 xem xét sửa đổi nội dung như sau: " Nhà nước áp dụng biện pháp phù hợp có thời hạn để bình ổn giá theo quy định. Trường hợp cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai chương trình bình ổn giá đối với một/một số hàng hóa, dịch vụ nhằm bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định giá cả thị trường" vì thực tiễn triển khai cho thấy, chương trình bình ổn thị trường được triển khai xuất phát từ yếu tố mùa vụ và nhu cầu của mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng. Trong khi đó nhu cầu hàng hóa dịp cuối năm và Tết nguyên đán chủ yếu đối với các mặt hàng lương thực, thực phẩm. *(Bộ Công Thương)*	Tiếp thu và chỉnh lý nội dung này tại dự thảo
		Khoản 3 Đề nghị xem lại quy định này để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Thực tế tại địa phương trong những năm qua, UBND tỉnh Đắk Lắk đã xây dựng chương trình bình ổn giá thị 2	Tiếp thu các ý kiến và chỉnh lý lại theo hướng như sau: *"Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh*

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		trường trên địa bàn tỉnh trước, trong và sau Tết Nguyên đán nhằm ổn định giá thị trường theo hình thức Nhà nước ứng vốn cho doanh nghiệp để dự trữ lượng hàng hóa phục vụ và bán hàng theo giá bình ổn, nhưng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước không được ứng tiền ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp để mua hàng hóa dự trữ phục vụ chương trình bình ổn giá thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Mặt khác, quy định cụ thể là việc áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường được thực hiện trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán hay Tết Dương lịch vì trong thực tế việc áp dụng chương trình bình ổn giá chỉ thực hiện trước, trong và sau Tết. Để phân biệt rõ danh mục hàng hóa, dịch vụ để áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán với danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, đề nghị bổ sung (nội dung in đậm) như sau: "Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng danh mục hàng hóa, dịch vụ để áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán nhằm ổn định giá cả thị trường". (*UBND tỉnh Bình Định, Long An, Hà Nội, Lạng Sơn, Đăk Lăk, Điện Biên*)	*trong các giai đoạn nhằm ổn định giá cả thị trường."*

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
15	**Điều 16. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá** 1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc Danh mục do Chính phủ quy định. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét điều chỉnh Danh mục. 2. Trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục để áp dụng trong thời hạn nhất định.	Khoản 1 về hàng hóa dịch vụ thực hiện bình ổn giá: đề nghị bổ sung thêm danh mục để có cơ sở thực hiện. *(UBND tỉnh Đồng Nai)*	Nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định
		Dự kiến sửa đổi theo hướng bỏ quy định danh mục mặt hàng BOG cụ thể trong Luật mà giao Chính phủ xác định để quy định ở văn bản dưới Luật, kể cả việc điều chỉnh danh mục. Hội TĐGVN cho rằng quy định như vậy có linh hoạt hơn nhưng không minh bạch như quy định hiện hành và việc mở rộng diện mặt hàng BOG – tức mở rộng phạm vi can thiệp, điều tiết của Nhà nước hơn hiện hành là khó tránh khỏi. Vì vậy, Hội TĐGVN đề nghị giữ như quy định hiện hành, đồng thời cần bổ sung làm rõ hơn về tiêu chí và điều kiện để xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ BOG. (Hội thẩm định giá Việt Nam)	Việc giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục và điều chỉnh danh mục sẽ tăng cường tính linh hoạt đối với một biện pháp cần triển khai gấp, có tính thời điểm. Đây cũng là chính sách đã được Chính phủ phê duyệt
16	**Điều 17. Các trường hợp và biện pháp bình ổn giá** 1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định	Khoản 1: Đề nghị quy định cụ thể biên độ tăng, giảm đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội để bảo đảm thuận tiện khi áp dụng pháp luật. *(UBND tỉnh Hà Nội, Hải Phòng)*	Việc lượng hóa vấn đề phải gắn với bối cảnh thực tế để xác định và thông qua công tác kiểm tra. Do đó không thể có quy định cụ thể.
		Khoản 1 đưa ra các tiêu chí khi thực hiện bình ổn giá là "tăng quá cao" hoặc "giảm quá thấp" trong "một khoảng thời gian" là khó lượng hóa được, nhất là phải nhận diện yếu tố "một khoảng thời gian". Do đó, đề nghị ban soạn thảo cần làm rõ nội	Mức tăng quá cao hoặc giảm quá thấp gắn với thời gian là dấu hiệu, việc định lượng phải phụ thuộc vào loại hàng hóa và bối cảnh cụ thể.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp. 2. Các biện pháp bình ổn giá có thời hạn: a) Điều hòa, kiểm soát cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông; b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật; c) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá; việc định giá được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương này. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	hàm của các tiêu chí trên. Đề nghị bổ sung quy định về việc quản lý và sử dụng các "Quỹ bình ổn giá" để tăng tính minh bạch trong việc sử dụng quỹ bình ổn. *(Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*	Các quy định về quỹ BOG đã được bỏ tại dự thảo xin ý kiến rộng rãi.
		Khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật quy định về các biện pháp bình ổn giá và giao Chính phủ quy định chi tiết. Tại khoản 2 Điều 17 không quy định kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật) là một trong các biện pháp bình ổn giá nhưng lại được áp dụng các biện pháp này khi thực hiện bình ổn giá. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo tính thống nhất trong dự thảo Luật về các biện pháp bình ổn giá được áp dụng khi thực hiện bình ổn giá. Ngoài ra, điểm a khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật chỉ quy định về việc các cơ quan có thẩm quyền được áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có mà không quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn... điều này có thể làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện quy định trên đảm bảo việc thực hiện các biện pháp trên công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. *(Bộ Tư pháp)*	Nội dung này đã được rà soát và quy định thống nhất tại dự thảo.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Điểm c khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật quy định: *"Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền".* Bộ Tư pháp cho rằng, trường hợp cơ quan nhà nước định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá thì việc xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, cần quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, nguồn hỗ trợ, thời gian thực hiện hỗ trợ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.*(Bộ Tư pháp)* Quy định này được hiểu là sử dụng ngân sách để bù cho khoản chi phí không được tính đúng, tính đủ. Đây cũng có thể coi là bước lùi không hợp lý so với hiện hành và không phù hợp với cam kết WTO. Hội TĐGVN đề nghị cần kiên định theo chính sách hiện hành, để giá đi theo thị trường – kể cả giá do Nhà nước định; không lồng ghép thực hiện chính sách xã hội, chính sách an sinh trong giá, việc thực hiện các chính sách này phải được giải quyết bằng các giải pháp ngoài giá. *(Hội Thẩm định giá Việt Nam)* Điểm c khoản 2: Để tránh bị lạm dụng, gây thiệt hại cho nhà nước đề nghị quy định rõ điều kiện, trường hợp được áp dụng và trình tự thủ tục xem xét hỗ trợ ngân sách nhà nước theo quy định của	Nội dung hỗ trợ này được dự thảo trên cơ sở thiết kế chỉ áp dụng cho biện pháp bình ổn giá. Tuy nhiên qua đánh giá thì thực tiễn vẫn sẽ rất khó triển khai nên tại dự thảo gửi xin ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã bỏ nội dung này tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Luật Ngân sách nhà nước hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án đã được rà soát, đánh giá theo quy định. *(UBND tỉnh Long An)* Đề nghị xem xét lại nội dung này vì quy định này được hiểu là quay lại cơ chế bù giá, bù lỗ mà Luật Giá hiện hành đã bỏ. Bên cạnh đó quy định này không phù hợp với cơ chế thị trường, dễ bị lạm dụng trong thực tế. *(Bộ Công Thương)*	
		Điểm c khoản 2: bổ sung khái niệm định giá cụ thể để phù hợp với các biện pháp bình ổn giá. *(UBND tỉnh Bình Định)*	Đã có quy định cụ thể tại chương định giá
		Lạm phát cao của nền kinh tế xảy ra do rất nhiều nguyên nhân, trong đó có cả những nguyên nhân lạm phát từ tâm lý, từ đầu cơ, găm hàng gây bất ổn định cung cầu do tác động của những thông tin thất thiệt mà không được các cơ quan Nhà nước cung cấp đầy đủ và minh bạch từ thông tin thị trường. Hội TĐGVN kiến nghị các biện pháp BOG cần bổ sung giải pháp: Cung cấp đầy đủ, công khai, minh bạch thông tin thị trường, cung cầu và các giải pháp điều hành để định hướng thị trường mục tiêu. *(Hội Thẩm định giá Việt Nam)*	Về công khai, minh bạch thông tin đã được quy định tại Điều 5 về công khai thông tin do đó không cần thiết quy định tại nội dung chương này
		Nếu chúng ta sửa đổi chính sách theo hướng chỉ BOG đối với các mặt hàng thiết yếu cụ thể khi giá thị trường có biến động bất thường (tăng quá cao hoặc giảm quá thấp) mà xóa bỏ cơ chế bình ổn giá đối với mặt bằng giá (tức là chỉ số giá tiêu dùng) khi mặt bằng giá có biến động ảnh hưởng đến ổn	Biện pháp bình ổn giá trong nhiều trường hợp chủ yếu gắn với các vấn đề cụ thể liên quan đến mặt hàng; trường hợp bình ổn giá khi mặt bằng giá chung (CPI) biến động thường sẽ được sử dụng các biện pháp vĩ mô khác như chính sách tiền tệ

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		định, phát triển kinh tế - xã hội, đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, lạm phát… không chỉ là một khiếm khuyết mà còn là một bước lùi so với Luật Giá hiện hành. Bởi vì việc điều tiết giá đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể là quan trọng, nhưng quan trọng hơn phải là điều tiết mặt bằng giá, tức chỉ số giá tiêu dùng (CPI) một chỉ số về lượng đo mức độ lạm phát của nền kinh tế bởi lạm phát là sự gia tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa, dịch vụ theo thời gian. Khi mức giá chung tăng cao sẽ gây những bất lợi cho nền kinh tế. Do đó, nếu không có những quy định bình ổn mặt bằng giá thì các mục tiêu kinh tế vĩ mô sẽ bị đe dọa và việc điều hành nền kinh tế có thể dẫn đến thất bại nếu để nền kinh tế xảy ra lạm phát cao hoặc thiểu phát. *(Hội Thẩm định giá Việt Nam)*	(lãi suất…) hay tài khóa hoặc thương mại (cung cầu); việc áp dụng các biện pháp về giá thường khó có hiệu quả trong các trường hợp này. Do vậy tại phạm vi biện pháp bình ổn giá chỉ quy định việc bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể
		Đề nghị sửa: "1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp **hoặc trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường."** *(UBND tỉnh Long An)*	Đã chỉnh lý cụ thể tại dự thảo khoản 1 Điều 21: "*1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp."*
17	**Điều 18. Thẩm quyền và trách nhiệm**	(1) Quy định bổ sung đối với trường hợp thành lập	Đã có quy định cụ thể theo quy chế thành

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	bình ổn giá 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương bình ổn giá trên quy mô vùng hoặc cả nước. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương bình ổn giá; Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bình ổn giá và tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo chủ trương, biện pháp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương bình ổn giá trên địa bàn tỉnh. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương và biện pháp bình ổn giá. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá.	Ban chỉ đạo điều hành giá. *(UBND tỉnh Gia Lai)* (2) Khoản 1 quy định Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng trong việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá. Tuy nhiên theo quyết định số 690/QĐ-TTg ngày 11/05/2014, Ban chỉ đạo là tổ chức phối hợp liên ngành. Do đó đề nghị cân nhắc giao việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá cho cơ quan hành chính có bộ máy tổ chức (Bộ, cơ quan ngang Bộ), có thể là Bộ Tài chính. *(Bộ Công Thương)*	lập Ban chỉ đạo điều hành giá Đã tiếp thu và chỉnh lý bổ sung chỉ quy định trách nhệm là giúp trong việc xem xét, tham mưu
18	**Điều 19.Thực hiện bình ổn giá** 1. Trường hợp bình ổn giá trên quy mô vùng hoặc cả nước, căn cứ chủ trương bình ổn giá được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân	- Đề nghị sửa điểm b khoản 1 như sau: " b) Lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại **khoản 2** Điều 17 Luật này". Nhằm quy định rõ quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 2. Tương tự sửa điểm b khoản 2: "b) Lựa chọn,	Đã chỉnh lý một số nội dung tại dự thảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	dân cấp tỉnh triển khai bình ổn giá như sau: a) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả kịp thời về Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để tổng hợp; b) Lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Điều 17 Luật này; c) Tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá. 2. Trường hợp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh, căn cứ chủ trương bình ổn giá được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công tổ chức triển khai bình ổn giá như sau: a) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp; b) Lựa chọn một hoặc một số biện pháp bình ổn giá quy định tại Điều 17 Luật này trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; c) Tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá.	quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại **khoản 2** Điều 17 Luật này trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định". *(UBND tỉnh Đắk Lắk)*	

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
19	**Điều 20. Kiểm tra yếu tố hình thành giá** 1. Kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 19 Luật này là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, đánh giá về tính đúng đắn, đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ nhằm rà soát, nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ có cơ sở để xuất chủ trương bình ổn giá. 2. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá: a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền bình ổn giá xác định đối tượng cần kiểm tra; trên cơ sở đó có văn bản thông báo gửi đến tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra yếu tố hình thành giá có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến yếu tố hình thành giá; c) Thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa không quá 30 ngày làm việc, việc kiểm tra được tiến hành trực tiếp tại trụ sở của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian kiểm tra, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra, thời gian kéo dài không quá 15	Tại điểm a khoản 2 Điều 20 quy định: "Cơ quan nhà nước có thẩm quyền bình ổn giá xác định đối tượng cần kiểm tra…" Đề nghị quy định cụ thể **cơ quan nhà nước có thẩm quyền bình ổn giá** là cơ quan nào để phân định trách nhiệm rõ ràng theo hướng đồng bộ với quy định tại khoản 2 Điều 18 (UBND tỉnh, Sở Tài chính; Sở, ngành…).*(UBND tỉnh Đắk Lắk)*	Hiện tại dự thảo Luật xin ý kiến thẩm định đã cơ cấu lại biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá là một mục riêng thuộc chương quản lý, điều tiết giá, là một hoạt động nhằm phục vụ cho việc triển khai các biện pháp điều tiết về giá khác.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	ngày làm việc; d) Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá; đ) Việc kiểm tra không được ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân. 3. Báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá: a. Báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm các nội dung về mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra; kết quả kiểm tra; nguyên nhân và đề xuất các biện pháp và thời hạn thực hiện bình ổn giá; b. Báo cáo kết quả kiểm tra là căn cứ để quyết định biện pháp và thời hạn thực hiện bình ổn giá. 4. Trong quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.		
20	**Điều 21. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá** 1. Nhà nước định giá đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, ảnh hưởng toàn diện đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân và sản xuất kinh doanh, bao gồm: a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc	Bổ sung Danh mục: "Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh sản xuất, cung ứng" do các hàng hóa, dịch vụ này phù hợp nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều 21 Dự thảo. *(Bộ Quốc phòng)*	Đã bổ sung vào danh mục định giá
		Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau: "Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc	Không tiếp thu vì mặc dù dịch vụ đăng ký đất đai: lệ phí, cung cấp thông tin dữ

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật thương mại và các Luật khác; b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, có tính chất độc quyền trong mua bán và không thể thay thế; c) Tài nguyên quan trọng; d) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Báo cáo đánh giá tác động của việc điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. 3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.	quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh, cung cấp theo quy định tại Luật thương mại và pháp luật về chuyên ngành khác có liên quan". Đồng thời, đề nghị bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai không sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm: "Dịch vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai; Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ". Trong đó, ở địa phương thì thực hiện Dịch vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ; ở Trung ương thì thực hiện Dịch vụ Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	liệu đất đai: phí theo Luật phí, lệ phí; tuy nhiên Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quảlà dịch vụ ngoài gia tăng, không bắt buộc, theo nhu cầu.
		Điểm d khoản 1: Đề nghị rà soát quy định hàng dự trữ quốc gia là đối tượng Nhà nước định giá trong dự thảo, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Dự trữ quốc gia. Cụ thể: Theo Luật Dự trữ quốc gia (Mục 2 và Mục 3), việc mua hàng dự trữ quốc gia đươc thực hiện theo pháp luật về đấu thầu; việc mua hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức bán đấu giá, bán chỉ định và bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.*(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*	Hàng dự trữ quốc gia là hàng hóa đặc biệt, được mua chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, việc định giá nhằm mục đích kiểm soát chi ngân sách là rất quan trọng nên vẫn cần thiết phải thực hiện định giá

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Điểm d khoản 1: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đưa ra các nguyên tắc về tiêu chí, đối tượng các loại sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước định giá để các Bộ ngành, địa phương rà soát với Luật chuyên ngành và thực tế thực hiện (ví dụ, theo phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong dự thảo Luật giá (sửa đổi): bổ sung danh mục nhà nước định giá có dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật chung do nhà nước đầu tư, chưa có giá (chi phí) dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hoả táng; ngoài ra, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí 2 nhà nước còn có lĩnh vực duy trì chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, tuy nhiên, hai lĩnh vực này thực hiện theo hình thức quản lý chi phí…).*(Bộ Xây dựng)*	Việc quy định tiêu chí là nhằm làm cơ sở cho việc xác định các hàng hóa, dịch vụ nào sẽ được định giá; tuy nhiên không phải tất cả các hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tiêu chí thì sẽ thuộc danh mục nhà nước định giá. Do vậy, vẫn sẽ có một số mặt hàng được quản lý theo biện pháp gián tiếp khác (qua chi phí hay phương pháp xác định giá…)
		Đề nghị bổ sung điểm đ vào Khoản 1, Điều 21 dự thảo Luật nội dung sau: “đ) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác theo quy định của Pháp luật”. *(Ủy ban dân tộc)*	Không tiếp thu do quy định này quá rộng và liên quan nội dung này đã được nghiên cứu tại điểm b
		Khoản 2 Điều 21 quy định “Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phục lục kèm theo Luật này. Tuy nhiên, Ban Soạn thảo nên cân nhắc quy định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm và các hình thức định giá được áp dụng tại mục 2 Chương III Dự thảo Luật, Phụ lục kèm theo chỉ quy định về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hình thức định giá đối với từng hàng hóa, dịch vụ	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		cụ thể. *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	
		Khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật quy định: *"Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này"*. Tuy nhiên, trong hồ sơ gửi lấy ý kiến chỉ có Danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá (chỉ có tên hàng hóa, dịch vụ; quy định hiện hành và đề xuất), chưa có quy định về hình thức định giá, thẩm quyền, trách nhiệm định giá. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện nội dung này, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện. Mặt khác, thẩm quyền, trách nhiệm định giá là nội dung rất quan trọng của Luật Giá nên cần thể hiện trong nội dung của Luật chứ không nên đưa vào phụ lục ban hành kèm theo Luật.*(Bộ Tư pháp)*	Đã có đề xuất về hình thức tại Danh mục
		Khoản 2 quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đã nhận thấy một số dịch vụ như: dịch vụ sử dụng các dự án đầu tư xây dựng đường cho kinh doanh (BOT), dịch vụ dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (chợ do nhà nước đầu tư), thù lao đấu giá, công chứng đề xuất đưa ra khỏi danh mục; tuy nhiên để tránh việc lúng túng trong thực hiện các loại giá dịch vụ có vốn nhà nước, dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp đề xuất giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế nếu cần thiết quyết định hoặc phân cấp quyết định các loại giá nêu trên. *(UBND tỉnh Đồng Tháp)*	Việc phân công phân cấp sẽ được quy định cụ thể tại danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		- Để bảo đảm phân quyền quyết định giá hợp lý, minh bạch Hội TĐGVN đề nghị trước hết cũng phải xây dựng được các tiêu chí rõ ràng về thẩm quyền và lựa chọn danh mục phù hợp với thẩm quyền định giá. - Trong Dự thảo Hội TĐGVN nhận thấy việc phân cấp theo hướng giảm quyền quyết định giá của Bộ Tài chính cơ quan tổng hợp thực hiện chi ngân sách gắn với giá so với trước là không phù hợp. Đề nghị cần rà soát lại và phân quyền như ý kiến góp ý trên; Mặt khác, Dự thảo cũng đưa ra yêu cầu: Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của các Bộ… Sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính cũng không hợp lý về thủ tục hành chính mà cần lựa chọn có chọn lọc loại hàng nào gắn với tiêu chí rõ ràng.	Hiện nay tại dự thảo đã bổ sung quy định rõ hơn về nguyên tắc phân công, phân cấp: *"a) Bộ Tài chính định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hàng hóa dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quản lý và ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước;* *b) Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo quy định pháp luật;* *c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn theo phạm vi quản lý."*
		+ Nghiên cứu quy định tại khoản 2, khoản 3 theo hướng bỏ khoản 3 vì trong khoản 2 đã quy định. + Về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Khoản 2 quy định Phụ lục Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá. Tuy nhiên chưa có Phụ lục kèm theo dự thảo. Vì vậy, đề nghị bổ sung Phụ lục này tại dự thảo Luật. *(Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo
21	**Điều 22. Nguyên tắc định giá** 1. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường;	Tại Khoản 1 Điều 22: Đề nghị có giải thích rõ về "Có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường". *(Bộ Quốc phòng)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo tại khoản 1 Điều 25: *"1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường và chủ trương, chính sách phát*

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ. 2. Kịp thời xem xét điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi. 3. Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và của nhà nước.		*triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ."*
		Khoản 1 Điều 22: Đề nghị sửa nội dung "Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ." thành "Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá phổ biến trên thị trường;"; vì việc quy định phải tính lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ mà không quy định rõ khái niệm, cách tính toán thì sẽ gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo tại khoản 1 Điều 25: *"1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ."* Vì lợi nhuận phải phù hợp với mặt bằng thị trường.
		Khoản 1: Đề nghị quy định rõ cơ sở, phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp không có giá thị trường và quy định về việc tính lợi nhuận dự kiến đối với một số sản phẩm, dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước xây dựng để sản xuất, kinh doanh. *(UBND tỉnh Đà Nẵng)*	Việc quy định cụ thể này sẽ được xây dựng tại Thông tư về hướng dẫn phương pháp định giá.
		Khoản 1 quy định nguyên tắc định giá "bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ" Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định bổ sung về nguyên tắc,	Việc tính đến lộ trình thực hiện đã được thể hiện tại nguyên tắc định giá "Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý; lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu hàng hóa, dịch vụ và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		cơ chế tổ chức thực hiện đối với các loại hàng hóa, dịch vụ có tính đến lộ trình giá thị trường.*(Bộ Xây dựng)*	thời kỳ.”
		Tại Điều 22 dự thảo Luật giá (sửa đổi) quy định nguyên tắc định giá, đề nghị bổ sung thêm các nguyên tắc đảm bảo phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. *(Bộ Ngoại giao)*	Không tiếp thu vì vấn đề này đã được điều chỉnh tại Luật Điều ước quốc tế
		Đề nghị sửa khoản 3 như sau: “Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.” Lý do: Mặc dù đảm bảo hài hòa quyền và lợi ích của các bên nhưng phải ưu tiên lợi ích Nhà nước, lợi ích của người tiêu dùng và lợi ích của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh. Mặt khác, quy định như vậy sẽ đảm bảo đúng với cương lĩnh chính trị của Đảng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước *(UBND tỉnh Bình Phước)*	Đã chỉnh lý lại tại khoản 3 Điều 25: *“3. Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng.”*
		Khoản 1: “1. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ **tương xứng với chất lượng hàng hóa, dịch vụ** có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.” Do: Khi các bộ, ngành ban hành hướng dẫn phương pháp định giá, hướng dẫn phương pháp quy định giá cụ thể, thường đưa các chi phí khấu hao TSCĐ và CPSX, khi đó với quy mô, giá trị TSCĐ khác nhau nhưng chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đến người tiêu dùng giống nhau thì có	Trong khái niêm yếu tố hình thành giá đã có “1. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chủ trương chính sách phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.”

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		giá khác nhau. Việc bổ sung này sẽ đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng. Đồng thời, thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tự đổi mới phương pháp để giảm giá thành, nâng cao hiệu suất lao động. *(UBND tỉnh Sơn La)*	
22	**Điều 23. Căn cứ định giá** 1. Giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến. 2. Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng. 3. Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá.	Đề nghị chỉnh lý cụm từ "giá thành toàn bộ" thành "yếu tố hình thành giá" để bảo đảm nguyên tắc định giá quy định tại khoản 1 Điều 22 về tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá. *(Bộ Công an)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		Khoản 1: Căn cứ định giá là giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến. Như vậy, chưa bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá (yếu tố hình thành giá gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý, hợp lệ tương ứng với chất lượng của hàng hóa, dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; giá trị thương hiệu… *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Tiếp thu, chỉnh lý thành yếu tố hình thành giá
		Đề nghị bổ sung căn cứ định giá là định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có). *(Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)*	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Đề nghị bổ sung thêm căn cứ định giá đối với trường hợp hàng hóa dịch vụ có tính đặc thù để thống nhất với quy định tại Khoản 2 Điều 24. *(Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*	Các nội dung căn cứ đã đảm bảo bao quát các đối tượng.
23	**Điều 24. Phương pháp định giá** 1. Phương pháp định giá là các cách thức, quy trình kĩ thuật để xác định giá hàng hóa, dịch vụ theo các cách tiếp cận từ so sánh giá thị trường, từ các yếu tố hình thành giá và từ thu nhập. Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện. 2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng.	Tại Khoản 1 Điều 23: Đề nghị bổ sung định nghĩa về cách xác định "thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến". *(Bộ Quốc phòng)* Cần rà soát lại Khoản 1 và Khoản 2 để làm rõ sự khác nhau giữa "tính chuyên ngành" và "tính đặc thù" của hàng hóa, dịch vụ, từ đó xác định rõ thẩm quyền quy định phương pháp định giá (do Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định hay Bộ quản lý ngành chủ trì ban hành phương pháp định giá riêng?). *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, UBND tỉnh Lâm Đồng)* Về phương pháp định giá: - Đề nghị xác định thế nào là hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành (khoản 1 Điều 24) và hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù (khoản 2 Điều 24). Đồng thời làm rõ sự khác nhau giữa 02 loại hàng hóa này để đảm bảo thống nhất, rõ ràng trong quá trình các Bộ, ngành triển khai thực hiện, áp dụng. *(Bộ Nông nghiệp)* - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ trường hợp nào thì ban hành văn bản hướng dẫn, trường hợp nào ban hành phương pháp định giá riêng để đảm bảo tính khả thi và tính thống nhất trong quá trình triển khai thi hành. (*Bộ Tư pháp)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo tại khoản 2 Điều 26: "2. Phương pháp định giá: a) Phương pháp định giá là các cách thức, quy trình kĩ thuật để xác định giá hàng hóa, dịch vụ; b) Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá cần hướng dẫn chi tiết, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn; c) Trường hợp Luật khác có quy định về phương pháp định giá chuyên ngành, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp riêng."

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Tại khoản 1: Đề nghị đưa khái niệm Phương pháp định giá lên Điều 4. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Không cần thiết đưa vào định nghĩa do đây là vấn đề có tính tổ chức thực hiện
		Theo Điều 24 dự thảo Luật đang quy định Bộ Tài chính sẽ ban hành hướng dẫn phương pháp định giá chung; các Bộ, ngành sẽ chủ động ban hành phương pháp định giá đối với một số mặt hàng có tính chất đặc thù của các Bộ, ngành. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tiễn vướng mắc hiện nay (nhiều mặt hàng rất khó định giá hoặc nhạy cảm như trang thiết bị y tế, thuốc…). Trong đó có quy định các Bộ, ngành có phương pháp định giá đối với những mặt hàng riêng cho các hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù, đề nghị đánh giá tính khả thi của quy định này, có thực hiện được không. *(Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Hải Dương)* Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định giao Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quy định "danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù" làm căn cứ pháp lý cho các Bộ chuyên ngành và Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 10 và Khoản 2 Điều này (nếu còn quy định). *(Bộ Công Thương)* Đề nghị bỏ đoạn "trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện tại khoản 1 và sửa khoản 2 như sau: Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, không thể áp dụng phương pháp định giá chung	Đã chỉnh lý như sau: *"2. Phương pháp định giá:* *a) Phương pháp định giá là cách thức, quy trình để xác định giá hàng hóa, dịch vụ. Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá cần hướng dẫn chi tiết, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn;* *b) Đối với một số hàng hóa, dịch vụ mà Luật khác quy định về phương pháp định giá riêng, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp để thực hiện."* Việc Bộ Tài chính chủ trì ban hành phương pháp chung và hướng dẫn phương pháp trong trường hợp có các yếu tố hình thành giá cần hướng dẫn chi tiết là chủ trương chung về thống nhất đầu mối trong ban hành phương pháp đã được Chính phủ phê duyệt trong quá trình xây dựng Chính sách. Việc ban hành phương pháp định giá riêng liên quan trực tiếp đến tính đặc thù của hàng hóa, phải áp dụng các phương thức xác định giá riêng biệt nên do các

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng.*(Bộ Tài nguyên và môi trường)* Để thống nhất việc ban hành phương pháp định giá có tính đặc thù của một số bộ quản lý ngành, đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan ban hành phương pháp định giá riêng. Điều chỉnh nội dung quy định như sau "2. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành ban hành phương pháp định giá riêng". *(Bộ Khoa học và công nghệ)*	Bộ chuyên ngành triển khai.
24	**Điều 25. Ban hành Quyết định giá** 1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở phương án giá được lập theo quy định tại Luật này. Hình thức quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ là văn bản hành chính. Trừ trường hợp tại Quyết định giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì phải phải ban hành Quyết định văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm	Khoản 6: Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung thẩm định phương án giá của Sở Tài chính. *(UBND tỉnh Hà Nam)*	Sẽ được quy định chi tiết tại văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn dưới Luật
		- Khoản 6: Đất là tài sản đặc thù, hiện nay phương pháp định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, giá đất. Do đó, để phù hợp với quy định tại Điều 25, đề nghị không quy định nội dung này. *(UBND tỉnh Lâm Đồng)* - Khoản 6: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu việc quy định trách nhiệm lập phương án giá, thẩm định giá, quyết định giá theo quy định của Luật chuyên ngành và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. *(Bộ Xây dựng)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo theo hướng quy định chung các bước quy trình để hướng dẫn chi tiết tại Nghị định

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	tổ chức lập phương án giá trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính. 3. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ trưởng Bộ Tài chính, việc lập, thẩm định phương án giá và trình ban hành Quyết định giá được thực hiện như sau: a) Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá, có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định; b) Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính, đơn vị chuyên môn hoặc đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm lập phương án giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định; c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định và có văn bản gửi Bộ Tài	Khoản 1 không thống nhất với quy định Điều 10, Điều 11 dự thảo Luật và Điều 4 Luật ban hành văn bản QPPL. Do nếu các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành văn bản QPPL về giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì theo Luật ban hành văn bản QPPL phải ban hành dưới dạng Thông tư. Nếu UBND cấp tỉnh ban hành thì phải dưới dạng Quyết định. *(UBND tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật
		Tại Dự thảo Luật không có quy định về cơ quan có thẩm quyền định giá nên không xác định được mối liên hệ giữa cơ quan có thẩm quyền định giá với cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định giá. Vì vậy, cần cân nhắc bổ sung quy định về việc cơ quan có thẩm quyền định giá ban hành Quyết định giá. *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật
		Trình tự thủ tục ban hành Quyết định giá: nên cân nhắc quy định đến trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, còn trình tự, thủ tục cụ thể trong nội bộ Bộ, ngành UBND cấp tỉnh nên quy định tại văn bản quy định chi tiết (Khoản 8 Điều 25 có giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính quy định về phương án giá và hồ sơ trình ban hành Quyết định giá). *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	Quy định này nhằm thể hiện cụ thể phương án chính sách đã được Chính phủ phê duyệt
		Cần thống nhất trong sử dụng thuật ngữ "lập phương án giá" hay "xây dựng phương án giá". Điều 25 đang sử dụng cả hai cụm từ này. *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	Đã tiếp thu và thống nhất sử dụng thuật ngữ: “lập phương án giá”
		Tại Khoản 4 Điều 25 về ban hành Quyết định giá quy định: "Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ, …, đơn	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát hồ sơ phương án giá trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định. 4. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá Bộ, cơ quan ngang Bộ, đơn vị chuyên môn thuộc Bộ lập phương án giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính. 5. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ trưởng các bộ này quy định việc lập, thẩm định phương án giá và trình Quyết định giá. 6. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính. Trường hợp lập và thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. 7. Đơn vị được giao trách nhiệm xây dựng phương án giá tổ chức khảo sát thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh tại một số đơn	vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính". Ban Soạn thảo cân nhắc lại quy định này vì dịch vụ sự nghiệp công, sản phẩm dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng NSNN thuộc thẩm quyền định giá của các Bộ quản lý ngành (mục 41 Danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá) có khối lượng rất lớn (trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch hiện quy định 75 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo QĐ 156/QĐ-TTG ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Nếu việc định giá tất cả các hàng hóa, dịch vụ này đều phải xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính thì khối lượng công việc của Bộ Tài chính phải xử lý rất lớn và khó đảm bảo về tiến độ trả lời văn bản đối với các Bộ quản lý ngành để Bộ đặt hàng đơn vị cung ứng sản xuất sản phẩm, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. *(Bộ Văn hóa thể thao và du lịch)*	
		Đề nghị bỏ Điều 25 Ban hành Quyết định giá vì việc quyết định giá, thẩm định phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất của ngành, lĩnh vực. Nên Luật giá chỉ quy định nguyên tắc chung sẽ phù hợp hơn. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Các quy định về ban hành quyết định giá cần được quy định rõ để tạo sự thống nhất chung trong triển khai. Việc không thống nhất trong triển khai là một trong các tồn tại hạn chế đã nêu rõ tại Báo cáo tổng kết. tại nội dung Chính sách thì Chính phủ cũng đã quy định cần có quy trình chung gắn với đánh giá, giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện. Theo đó tại Điều 25 thì các quy định cũng chỉ là định

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	vị; diễn biến cung cầu; mặt bằng giá thị trường để xây dựng phương án giá và đánh giá tác động của mức giá đến kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở biến động yếu tố hình thành giá chủ động rà soát, đánh giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền định giá lập báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hàng hóa, dịch vụ. 8. Bộ Tài chính quy định về phương án giá và hồ sơ trình ban hành Quyết định giá.		hướng chung, việc định giá phải trên cơ sở phương án giá, được thẩm định để trình ban hành. Tuy nhiên có kế thừa hiện hành để loại trừ 2 lĩnh vực công an, quốc phòng đặc thù liên quan đến bí mật, an ninh quốc gia.
		- Điểm d Khoản 3 Điều 19 Luật giá 2012 quy định "Định giá tối đa hoặc tối thiểu đối với hàng hóa, dịch vụ được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sản phẩm…". Tuy nhiên, tại Điều 25 Dự Thảo Luật giá không quy định đối với các trường hợp định giá hàng hóa dịch vụ được Nhà nước giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh (giao nhiệm vụ). Đề nghị có thuyết minh lý do đề xuất bỏ nội dung này.	- Tại Nghị định 32, hiện nay không quy định hình thức giao kế hoạch phải định giá
		- Điểm c Khoản 3 Điều 25 dự thảo Luật giá quy định "Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định và có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát hồ sơ phương án giá trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định". Tuy nhiên, tại số thứ tự 41 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá về dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa do Nhà nước định giá về dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đề xuất các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc	- Tiếp thu và sửa tại quy trình

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa đảm bảo thống nhất. *(Ngân hàng nhà nước Việt Nam)*	
		Điểm a khoản 2 quy định: "Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định". Đề nghị sửa lại quy định về thẩm quyền của đơn vị chuyên môn thuộc Bộ, sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc địa phương và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại các khoản 4, 6, 7 Điều 25 cho phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 12. *(Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*	Tại dự thảo đã quy định rõ 2 trường hợp tổ chức kinh doanh thực hiện lập phương án giá nên không có mâu thuẫn tại 2 điều này.
		Khoản 1 Điều 25, đề nghị làm rõ hoặc tham chiếu đến nội dung ghi rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại quy định "Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định giá…". *(Bộ Khoa học và công nghệ)*	Đã bổ sung thêm 1 Điều quy định chi tiết về cơ chế giá tham chiếu
		Về ban hành Quyết định giá: Đề nghị xác định, làm rõ như thế nào là Quyết định giá "có các nội dung về cơ chế, chính sách giá" để đảm bảo thuận lợi cho các cơ quan áp dụng trong quá trình triển khai thực hiện Luật. *(Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*	Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Tư pháp có hướng dẫn về nội dung này gửi các Bộ, ngành và địa phương tại công văn số 12076/BTC-QLG ngày 02/10/2020 V/v hình thức văn bản về quản lý, điều hành giá. Tuy nhiên Nội dung này sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định
25	**Điều 26. Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương**	Khoản 1 Điều 26: Cân nhắc bỏ quy định này để	Quy định này kế thừa hiện hành, đảm bảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	giá Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá phải đảm bảo các điều kiện sau: 1. Không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. 2. Có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán mà bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được; hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất hoặc kinh doanh trong điều kiện đặc thù.	thực hiện theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách và đảm bảo sự phù hợp giữa các quy định của dự thảo Luật.	loại trừ các mặt hàng đã thực hiện định giá sẽ không thực hiện hiệp thương và đảm bảo chính sách đã được phê duyệt
26	**Điều 27. Nguyên tắc hiệp thương giá** 1. Các đối tượng đề nghị hiệp thương phải là doanh nghiệp mua, bán hàng hóa, dịch vụ đáp ứng quy định tại Điều 26 Luật này. 2. Việc tiếp nhận, tổ chức hiệp thương được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; cả 2 bên đều phải có văn bản đề nghị hiệp thương. 3. Quá trình hiệp thương phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.	Khoản 1 Điều 27: Đề nghị cân nhắc việc quy định đối tượng đề nghị hiệp thương phải là doanh nghiệp vì trong rất nhiều lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch), có hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp quy định tại Điều 26 mà đối tượng không phải là doanh nghiệp. Việc quy định đối tượng đề nghị hiệp thương phải là doanh nghiệp tạo nên sự không bình đẳng giữa các chủ thể trong thực hiện chính sách hiệp thương giá.	Chính sách này đã được đánh giá và được Chính phủ phê duyệt
		"Hiệp thương giá" không phải là một hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Do đó đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định: "*trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về Đấu thầu" (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Hiện theo dự thảo đã quy định việc hiệp thương giá chỉ thực hiện giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh nên sẽ không phát sinh việc thực hiện mua hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu.
		Dự thảo Luật đang quy định hiệp thương giá là biện pháp khi có đề xuất của các cơ quan, tổ chức về tổ chức hiệp thương thì cơ quan quản lý nhà nước về giá sẽ tổ chức hiệp thương. Trường hợp	Hiện nay, theo chính sách được phê duyệt sửa đổi Luật thì hiệp thương giá vẫn là một biện pháp về giá; đề xuất của Bộ Công Thương là hợp lý tuy nhiên cần

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		các bên không thống nhất với giá hiệp thương thì cơ quan quản lý nhà nước về giá sẽ quyết định giá cho các bên. Đây là trường hợp xảy ra đối với các hạ tầng dùng chung (ví dụ: cột điện dùng cho viễn thông) hoặc hàng hóa là đầu vào cho hàng hóa khác không thể sớm thay thế (ví dụ: than cho sản xuất điện…). Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng".* Việc cơ quan nhà nước ban hành Quyết định mức giá hiệp thương để hai bên thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều 29 tại dự thảo Luật hiện nay được thực hiện tương tự như ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đối với các trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá là không cần thiết và chưa phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, cũng xuất phát từ mục tiêu của Luật giá, để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, việc thương thảo, định giá mua, giá bán là quyền của doanh nghiệp, không cần có sự can dự trực tiếp của cơ quan nhà nước. Trên cơ sở các căn cứ trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định tại dự thảo liên quan tới Hiệp thương giá.	đánh giá chi tiết hơn nhằm tránh các lỗ hổng pháp lý. Do vậy, Bộ Tài chính kiến nghị vẫn giữ cơ chế này nhưng có nghiên cứu phương án để báo cáo Chính phủ trong trường hợp cần thiết.
27	**Điều 28. Thẩm quyền và trách nhiệm cơ**	Điều 28: Cân nhắc quy định thẩm quyền hiệp	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	quan hiệp thương giá 1. Bộ Tài chính hiệp thương đối với trường hợp đối tượng đề nghị hiệp thương là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước. 2. Sở Tài chính hiệp thương đối với các trường hợp khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp các đối tượng đề nghị hiệp thương có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau, hai bên thống nhất đề nghị một trong hai tỉnh hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính nơi bên bán đóng trụ sở hiệp thương.	thương giá giao cho Bộ Tài chính và Sở Tài chính vì thực tế sẽ phát sinh rất nhiều trường hợp đề nghị hiệp thương giá, chỉ cần đáp ứng quy định tại Điều 26. Hàng hóa, dịch vụ lại thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành khác nhau. Điều 9 Dự thảo Luật khi quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính lại không có quy định liên quan đến thực hiện chính sách hiệp thương giá.	
28	**Điều 29. Tổ chức hiệp thương giá** 1. Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua, bên bán hàng hóa, dịch vụ; cơ quan hiệp thương rà soát đánh giá để làm rõ hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương. Trường hợp cần thiết yêu cầu các bên có văn bản bổ sung các thông tin về hàng hóa dịch vụ. 2. Cơ quan hiệp thương tổ chức hội nghị hiệp thương để bên mua và bên bán thương lượng với nhau về mức giá trên cơ sở hợp tác, hài hòa lợi ích giữa các bên. Cơ quan	Khoản 4: Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về giá trị pháp lý của Quyết định mức giá hiệp thương để bảo đảm quyền tự do thỏa thuận hợp đồng của các bên tham gia hiệp thương. Bộ Tư pháp cho rằng, để bảo đảm quyền tự do thỏa thuận hợp đồng của các bên thì Quyết định mức giá hiệp thương là mức giá để các bên tham khảo, ký kết hợp đồng, nếu các bên không áp dụng mức giá hiệp thương thì không có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước tổ chức hiệp thương nữa. *(Bộ Tư pháp)*	Việc quy định mức giá tạm thời (tương tự việc định giá) là được kế thừa và có chỉnh lý làm rõ thêm. Tuy nhiên tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu để chỉnh lý quy định này trong trường hợp cần thiết.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	hiệp thương có vai trò trung gian, không được can thiệp vào mức giá thương lượng giữa các bên. 3. Khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì hội nghị hiệp thương kết thúc. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị hiệp thương; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Các bên chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương, việc tổ chức thực hiện mức giá hiệp thương. 4. Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá thì cơ quan hiệp thương lập biên bản để ghi nhận nội dung hội nghị và tiến hành ban hành Quyết định mức giá hiệp thương để 2 bên thực hiện. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện tương tự như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định. Quyết định giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. 5. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá.		

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
29	**Điều 30. Hàng hóa, dịch vụ kê khai giá** 1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu; một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; một số hàng hóa, dịch vụ tại địa phương. 2. Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ ban ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét điều chỉnh Danh mục.	Để tạo điều kiện cho Bộ TTTT thực hiện trách nhiệm quản lý giá cước viễn thông, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định tại khoản 1. Điều 30 của Dự thảo Luật Giá. Cụ thể như sau: "Điều 30. Hàng hoá, dịch vụ kê khai giá 1. Hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá bao gồm: hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu, **quy định phương pháp xác định giá;** một số hàng hoá, dịch vụ thiết yếu; một số hàng hoá, dịch vụ tại địa phương" *(Bộ Thông tin và Truyền thông)*	
30	**Điều 31. Nội dung và đối tượng kê khai giá** 1. Nội dung kê khai giá gồm mức giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự quyết định gắn với tên, chủng loại, nước sản xuất và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai. 2. Đối tượng kê khai gồm: a) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;	1. Tại Khoản 1: Đề nghị không áp dụng kê khai giá "nước sản xuất và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai" đối với lĩnh vực xăng dầu, do: - Xăng dầu được tạo nguồn từ nhập khẩu và các nhà máy lọc dầu trong nước, được chứa chung bồn tại các kho. Vì vậy, không thể bóc tách được nước sản xuất khi chưa chung hàng hóa sau đó lưu thông ra thị trường. - Xăng dầu ngoài các mặt hàng Nhà nước định giá, có mặt hàng doanh nghiệp tự định giá trên cơ sở căn cứ quy định của Nhà nước, chưa kể hiện nay	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	b) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ; c) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn; d) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ. 3. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực rà soát, ban hành Quyết định danh sách tổ chức kê khai giá tại Bộ Tài chính và các Bộ. Căn cứ danh sách của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương. 4. Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày định giá, điều chỉnh giá, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kê khai giá. 5. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về Điều	chu kỳ điều chỉnh giá dao động khoảng 10 ngày/lần và Nhà nước quy định công thức xác định giá xăng dầu minh bạch, công khai, do đó không cần thiết áp dụng kê khai nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai. *(Hiệp hội xăng dầu Việt Nam)*	
		Tại Điểm b, Khoản 2 Đề nghị không áp dụng "Kê khai cả giá bán buôn" đối với lĩnh vực xăng dầu. Lý do: - Xăng dầu do Nhà nước định giá và có thể hiểu là giá tối đa khi bán cho người tiêu dùng, các thương nhân kinh doanh xăng dầu không bán vượt giá cơ sở. - Thị trường xăng dầu Việt Nam hiện nay, ngoài các thương nhân đầu mối còn có các thương nhân phân phối có nhiều mức giá bán khác nhau phụ thuộc sản lượng, điểm giao hàng, phương thức thanh toán... và giá bán cho đối tượng này thường thấp hơn giá bán lẻ nhà nước quy định, vì vậy không cần thiết kê khai cả giá bán buôn. *(Hiệp hội xăng dầu Việt Nam)*	Đã tiếp thu và bổ sung quy định loại trừ với mặt hàng xăng dầu tại dự thảo
		(i) Khoản 1: Đề nghị bổ sung nội dung mức giá gắn với chỉ tiêu chất lượng hoặc ngưỡng chất lượng cụ thể vào nội dung kê khai giá. (ii) Điểm c Khoản 2: Dự thảo hiện nay đang quy định: *"Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn"*. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ bán buôn hoặc bán lẻ thì đối tượng	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	này.	kê khai như thế nào? Đề nghị làm rõ nội dung này. (iii) Điểm d Khoản 2: Đề nghị rà soát và cân nhắc làm rõ các hình thức đại lý theo hướng dẫn tại Luật Thương mại để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật khác. *(Bộ Công Thương)*	
		Khoản 4 Sửa như sau: ***4. Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày có quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá của cấp có thẩm quyền ban hành, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kê khai giá lần đầu.*** Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày định giá, điều chỉnh giá, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm ***thông báo mức giá,*** kê khai giá theo quy định. *(UBND tỉnh Long An)*	Thời hạn kê khai gắn với quyết định giá của đơn vị chứ không căn cứ vào danh sách.
		- Chậm nhất sau ~~02~~**03** ngày kể từ ngày định giá, điều chỉnh giá, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kê khai giá theo quy định. - Đề nghị giới hạn về đối tượng thực hiện kê khai giá được quy định tại khoản 2 đặc biệt là những cá nhân sản xuất, kinh doanh bán lẻ vì các đối tượng này rất nhiều tuy nhiên hoạt động kinh doanh chủ yếu một mình, không có máy móc để thực hiện kê khai giá. *(UBND tỉnh Nghệ An)*	- Không tiếp thu do thời gian có thể dài, mức giá có thể thay đổi - Tiếp thu giới hạn đối tượng
		Tại khoản 3: Đề nghị bổ sung tiêu chí để lựa chọn	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		các cá nhân, tổ chức đưa vào danh sách thuộc đối tượng kê khai giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (danh sách cá nhân, tổ chức kinh doanh các mặt hàng thuộc danh mục kê khai giá tại địa phương là rất nhiều, vì vậy cần có tiêu chí để lựa chọn các cá nhân, tổ chức tiêu biểu, mang tính đại diện). *(UBND tỉnh Hải Dương, Hưng Yên)*	
		Đề nghị nghiên cứu bỏ nội dung quy định UBND tỉnh ban hành Quyết định danh sách tổ chức, cá nhân do trong quá trình thực hiện tiếp nhận kê khai giá tại địa phương các hộ gia đình cá nhân chủ yếu là kinh doanh bán lẻ. *(UBND tỉnh Thái Bình)*	Đã được nghiên cứu và quy định tại dự thảo
31	**Điều 32. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá** 1. Hình thức kê khai giá và phương thức tiếp nhận kê khai giá: a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá có trách nhiệm gửi văn bản kê khai giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá; b) Các cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận kê khai giá bằng các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua cơ sở dữ liệu về giá quy định tại Luật này hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin (fax, email). 2. Trên cơ sở mức giá kê khai, cơ quan có	Khoản 2 và khoản 3 đều quy định nội dung cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổng hợp, rà soát,… do đó nên gộp lại làm 1 khoản tránh trùng lắp. *(UBND tỉnh Bình Định, Long An, Thái Bình)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		Về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân: điểm a khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật quy định: *"trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá, có thể yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá".* Bộ Tư pháp cho rằng, việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân báo cáo một số yếu tố hình thành giá nhưng không quy định cụ thể trường hợp nào được yêu cầu, các tài liệu nào phải cung cấp sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	Khi Nhà nước thực hiện biện pháp quản lý điều tiết giá (Bình ổn giá)

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	thẩm quyền tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này. 3. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai tổng hợp, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này. **Điều 33. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân** 1. Đối với cơ quan tiếp nhận kê khai: a) Được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định; trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá, có thể yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá; b) Tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị kê khai thực hiện theo các hình thức trực tuyến. 2. Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá: a) Được lựa chọn phương thức kê khai giá phù hợp; b) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về các trường hợp được yêu cầu các tổ chức, cá nhân báo cáo yếu tố hình thành giá. *(Bộ Tư pháp)*	
		Đề nghị quy định rõ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá là cơ quan nào? *(Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*	Tại Luật quy định nguyên tắc và giao Chính phủ ban hành danh mục kèm theo thẩm quyền
		Xem xét bổ sung tại khoản 2 Điều 33 như sau: "c) Kê khai giá kịp thời, trung thực, đúng giá bán niêm yết, giá bán thực tế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do: Tránh trường hợp không kê khai hoặc kê khai cao hơn so với mức giá bán thực tế, làm sai lệch kết quả khảo sát, tổng hợp công bố giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là giá vật liệu ảnh hưởng đến chi phí đầu tư xây dựng. *(UBND tỉnh Sơn La)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
		Khoản 1: b) Tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị kê khai thực hiện theo các hình thức ~~trực tuyến.~~ **kê khai giá phù hợp mà đơn vị lựa chọn.** *(UBND tỉnh Long An)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
32	**Điều 34. Nguyên tắc niêm yết giá** 1. Giá niêm yết là giá mua, giá bán hàng	- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về các hình thức niêm yết giá; ví dụ: Dán trên sản phẩm, treo	Nội dung này sẽ được quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn Luật.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quyết định bằng Đồng Việt Nam, đã bao gồm các loại thuế, phí và khuyến mại (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó. 2. Việc niêm yết được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; bảo đảm rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho khách hàng; khuyến khích in giá trực tiếp lên bao bì của sản phẩm. 3. Việc niêm yết giá phải đi kèm đơn vị định lượng cụ thể và không được thể hiện với kích thước nhỏ hơn giá niêm yết.	biển... tại các vị trí mà người tiêu dùng dễ nhận biết nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)* - Đề nghị bổ sung như sau: "2. Việc niêm yết được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với điện kiện thực tế tại **địa điểm** bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ **hoặc trên các trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ;** bảo đảm rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho khách hàng; khuyến khích in giá trực tiếp lên bao bì của sản phẩm." *(Bộ Thông tin và Truyền thông)*	
33	**Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng** 1. Các tổ chức, cá nhân phải thực hiện niêm yết giá gồm: a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quầy giao dịch và bán sản phẩm); b) Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật; c) Cửa hàng, cửa hiệu, ki-ốt, quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; d) Các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. 2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm	Khoản 2:Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại quy định này để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 4 dự thảo Luật. Theo đó, đối với hàng hóa, dịch do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá theo giá do mình quyết định, đảm bảo phù hợp với giá do Nhà nước định giá. *(Bộ Tư pháp)*	Đã chỉnh lý lại tại Điều 8 của Dự thảo Luật.
		Tại Khoản 1 Điều 35, đề nghị Quý Bộ cân nhắc không liệt kê các tổ chức, cá nhân kinh doanh như dự thảo do không thể bao quát hết các trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh trên thực tế như bán hàng trên thương mại điện tử, bán hàng không có địa chỉ cố định, bán hàng tận cửa theo pháp luật về thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Do vậy, Bộ Công Thương đề nghị cân nhắc sửa đổi	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	yết giá hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết; đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp có thỏa thuận với người tiêu dùng/khách hàng thì không được bán cao hơn giá đã niêm yết. 3. Người tiêu dùng có quyền khiếu nại, tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền về việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh niêm yết giá không đúng quy định. Có quyền thỏa thuận về giá với các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh (nếu có).	thành: *"Tổ chức, cá nhân kinh doanh có giao dịch mua bán trực tiếp, trực tuyến với khách hàng tại địa điểm kinh doanh hoặc tại địa điểm khác theo quy định của pháp luật".* *(Bộ Công Thương)*	
34	**Điều 36. Mục tiêu, yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường** 1. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường là việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về giá trong một thời kỳ/chu kỳ để phân tích, đánh giá và dự báo về xu hướng biến động của giá, xây dựng kịch bản điều hành giá và đề ra phương hướng, giải pháp, biện pháp công tác quản lý, điều hành giá. 2. Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo mặt bằng giá thị trường a) Tổ chức thu thập, phân tích giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ trên thị trường. b) Xây dựng Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong từng giai đoạn, thời kỳ gắn với mục tiêu kiểm soát lạm	Tên điều chưa phù hợp với nội dung quy định trong điều là về nội dung công tác tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường. Đề nghị tách ra thành 2 điều như sau: "***Điều 36. Mục tiêu, yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường*** 1. Thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về giá trong một thời kỳ hoặc chu kỳ để phân tích, đánh giá và dự báo về xu hướng biến động của giá. 2. Xây dựng kịch bản điều hành giá 3. Đề ra phương hướng, giải pháp, biện pháp công tác quản lý, điều hành giá." **Điều 37 (mới). Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (Quy định như khoản 2 Điều 36 trong dự thảo Luật)** *(UBND tỉnh Bình Phước)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	phát. c) Đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát hàng năm và đề xuất các giải pháp về quản lý, điều hành giá phù hợp nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá và tổ chức hoạt động cung cấp, công bố thông tin về giá.	Đề nghị cân nhắc đưa khái niệm "tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường" và "kịch bản điều chỉnh giá" vào nội dung tại Điều 4 về giải thích từ ngữ. *(Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*	Các vấn đề này là nội dung về tổ chức thực hiện, do đó không đưa vào phần định nghĩa.
		Trong chương này có một Điều quy định về "Kịch bản điều hành giá. Hội TĐGVN đề nghị thay tên của quy định này ví dụ như "Các phương án điều hành giá" bởi tên "Kịch bản" là không phù hợp với lĩnh vực kinh tế. Theo Đại từ điển tiếng Việt – Nhà XBVH-TT 1998 thì định nghĩa: "Kịch bản là vở kịch ở dạng văn bản". (*Hội thẩm định giá Việt Nam)*	Các vấn đề tương tự hiện nay về kinh tế đều sử dụng thuật ngữ kịch bản tăng trưởng, kịch bản điều hành, kịch bản kinh tế nên việc sử dụng thuật ngữ kịch bản điều hành giá cũng phù hợp với thực tiễn hiện nay.
35	**Điều 40.Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo** 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo diễn biến giá thị trường các hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực quản lý và đề xuất các biện pháp điều hành giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo diễn biến giá thị trường các hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn và đề xuất các biện	Khoản 2: Do phạm vi quản lý của Bộ chuyên ngành có rất nhiều lĩnh vực; đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung nguyên tắc lựa chọn hoặc phạm vi các loại hàng hoá, dịch vụ cần tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường phục vụ quản lý, điều hành giá của nhà nước đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả; đồng thời, tránh "trùng lặp" hoặc "mâu thuẫn" về số liệu quản lý giữa Bộ ngành và địa phương. *(Bộ Xây dựng)*	Phạm vi thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo của các Bộ, ngành, địa phương sẽ theo phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực và địa bàn để tạo sự thống nhất trong phân công, phân cấp

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	pháp điều hành giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp. Xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính		
36	**Điều 41. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá** 1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và các nhu cầu của xã hội do Bộ Tài chính thống nhất quản lý. 2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. 3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, khai thác và quản lý vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phối hợp với đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để kết nối; cập nhật thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. 4. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá phải ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo đầy đủ, nhanh chóng, chính xác theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cung cấp và thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.	- Khoản 3: Đề nghị nghiên cứu theo hướng chỉ xây dựng 01 cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, không xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá tại địa phương hoặc xây dựng theo hướng liên thông các cơ sở dữ liệu để thống nhất quản lý, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước và thuận tiện trong quá trình triển khai, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. - Khoản 5: Đề nghị bổ sung giải trình cơ sở đề xuất Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*	Hiện nay cơ sở dữ liệu về giá đã được triển khai đồng bộ cả tại Trung ương và địa phương. Do vậy việc tiếp tục kế thừa và quy định vấn đề này là cần thiết. Hiện đã chỉnh lý thành Chính phủ quy định chi tiết
		Khoản 1: Nên quy định rõ Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trên phạm vi cả nước, đảm bảo tính thống nhất giữa trung ương và địa phương, nhằm tránh mâu thuẫn, chồng chéo. *(Bắc Giang)*	Hiện đã chỉnh lý Chính phủ quy định chi tiết
		Để khai thác sử dụng có hiệu quả trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giá, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung: "Cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định" *(UBND tỉnh Đà Nẵng)*	Các quy định về cơ sở dữ liệu đã hướng đến việc phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	5. Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.		
37	**Điều 43. Hoạt động thẩm định giá** 1. Hoạt động thẩm định giá gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước. 2. Tài sản thẩm định giá là tài sản quy định tại Bộ luật dân sự, được cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá hoặc các trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá. 3. Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá nhà nước được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.	- Khoản 1 Điều 43 hoạt động thẩm định giá là hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá nhà nước. Bổ sung thêm từ "dịch vụ tư vấn" và khoản này nên chuyển về phần giải thích từ ngữ - Khoản 2 và 3 điều 43 nên xếp về các điều trong mục cụ thể là Mục Dịch vụ thẩm định giá quy định riêng về Tài sản thẩm định giá và điều khoản về Kết quả thẩm định giá (Cty Valuino)	Thẩm định giá đã được giải thích là việc tư vấn, do đó, không cần thiết phải ghi thêm là dịch vụ tư vấn. Về kết cấu của các điều khoản đã được giải trình.
		Đề nghị quy định rõ các trường hợp thẩm định giá để phân biệt được hoạt động định giá và hoạt động thẩm định giá. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Nội hàm của cụm từ "định giá" và "thẩm định giá đã được giải thích rõ tại Điều 4 của Luật. Theo đó, hoạt động "định giá" và "thẩm định giá" tại Luật đã được quy định rõ là hai hoạt động khác nhau.
		Chương V về thẩm định giá: Hiện nay, trong hoạt động đầu tư xây dựng có các vật tư, thiết bị đặc thù (như lĩnh vực y tế, công thương, giao thông vận tải, thể thao…) và cần thiết phải thẩm định giá; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nguyên tắc, cơ chế thẩm định giá đối với các trường hợp này làm cơ sở tổ chức thẩm định tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng.	"Thẩm định giá" tại Luật giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị của tài sản, kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để người có thẩm quyền quyết định giá tài sản. Dự thảo Luật đã quy định một trường hợp đặc biệt bắt buộc phải sử dụng thẩm định giá của Nhà nước là trường hợp mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước, các trường hợp khác bắt buộc phải sử dụng thẩm định giá làm một trong những căn cứ quyết định

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
			giá tài sản cần được cân nhắc, đánh giá tại pháp luật chuyên ngành.
38	**Điều 44. Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá** 1. Tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, chịu trách nhiệm về hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật. 2. Độc lập, khách quan, trung thực. 3. Dịch vụ thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện, được giao kết bằng hợp đồng dân sự; hoạt động thẩm định giá của nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	(1) Đề nghị xem xét bổ sung nguyên tắc về việc bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí khi thực hiện hoạt động thẩm định giá nhằm tăng cường tính hiệu quả của hoạt động thẩm định giá trong quá trình tổ chức thi hành. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)* (2) Đề nghị làm rõ nội dung, nguyên tắc thẩm định giá của doanh nghiệp và Hội đồng thẩm định giá Nhà nước*(Bộ Công Thương)*	Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo
39	**Điều 46. Hợp tác quốc tế về thẩm định giá** 1. Hợp tác quốc tế về thẩm định giá bao gồm hợp tác nghiên cứu khoa học, triển khai các dự án phát triển nghề thẩm định giá; tham gia là thành viên hiệp hội thẩm định giá trong khu vực, thành viên của tổ chức ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế. 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về thẩm định giá.	Đề nghị thêm vai trò của Hội TĐG VN*(công ty VVFC)*	Dự thảo Luật đã không quy định một điều riêng về hợp tác quốc tế về thẩm định giá
40	**Điều 47. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá**	(1). Sở TC Gia Lai: đề nghị xem xét để thống nhất quy định về "đào tạo, cập nhật kiến thức về thẩm định giá" tại Khoản 13 Điều 9, Khoản 2 Điều 47 và	Dự thảo Luật đã thay đổi cụm từ "tổ chức nghề nghiệp" thành "hội nghề nghiệp" để thống nhất với quy định của pháp luật về

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	1. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá. 2. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức về thẩm định giá và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.	điểm c khoản 2 Điều 51 về "bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá" (1) Hội TĐG VN - Đề nghị ghi như Luật hiện hành - Ghi định danh luôn tên Hội Thẩm định giá Việt Nam tại Luật (3) STC Thái Bình Đề nghị bổ sung thêm cụm từ *"và quy định của pháp luật về thẩm định giá"*	hội; đồng thời vai trò của hội nghề nghiệp cũng đã được rà soát và chỉnh lý tại dự thảo Luật. Việc định danh là Hội thẩm định giá Việt Nam tại Luật thì không phù hợp do không bảo đảm tính bao quát trong trường hợp có nhiều hội nghề nghiệp về thẩm định giá hoặc Hội thẩm định giá Việt Nam tự giải thể
41	**Điều 48. Thẻ thẩm định viên về giá** 1. Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp cấp cho người đạt yêu cầu tại kỳ sát hạch do Bộ Tài chính tổ chức. 2. Người tham dự kỳ sát hạch cấp Thẻ thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau: a) Có năng lực hành vi dân sự, có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực; b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành giá, thẩm định giá, kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, tài chính, kỹ thuật, luật; c) Có thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên; d) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá còn thời hạn do cơ quan , tổ chức có chức	*(1) Bộ QP:* Điểm c Khoản 2 sửa: *"c) Có thời gian thực tế làm việc theo đúng chuyên ngành tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên;"* *(2) Hội TĐG* - Không nên quy định điểm c Khoản 2 Điều 48, - Bỏ Quy định khống chế người tham dự kỳ thi Thẻ thẩm định viên về giá phải là người làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá, thay bằng tất cả các đối tượng có nhu cầu thi và có đủ điều kiện dự thi. - Bổ sung các quy định Tiêu chuẩn thẩm định viên về giá. *(3) Sở TC Bình Phước:* bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng và bỏ quy định chứng chỉ "còn thời hạn"	Sau khi nghiên cứu các ý kiến tham gia, dự thảo Luật đã được hoàn thiện theo hướng không quy định điều kiện có thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên đối với người tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá mà chuyển điều kiện này sang điều kiện của thẩm định viên về giá để phù hợp với bản chất của Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn; điều kiện về kinh nghiệm làm việc nên được chuyển thành điều kiện hành nghề sẽ phù hợp hơn. Đã bỏ quy định về thời hạn của chứng chỉ; giữ quy định có bằng cao đẳng về thẩm định giá thì không cần có chứng chỉ đào tạo do xét về thời gian đào tạo thì bằng cao đẳng thời gian đào tạo dài hơn thời gian đào tạo cấp chứng chỉ.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học trong nước hoặc nước ngoài về chuyên ngành giá, thẩm định giá. 3. Người đáp ứng yêu cầu tại điểm a và c Khoản 2 Điều này, có thẻ hoặc chứng nhận hành nghề thẩm định giá còn hiệu lực do cơ quan quản lý nhà nước của nước ngoài cấp hoặc công nhận, đạt yêu cầu tại kỳ sát hạch kiến thức pháp luật về giá và thẩm định giá bằng Tiếng Việt do Bộ Tài chính tổ chức thì được cấp Thẻ thẩm định viên về giá. 4. Bộ Tài chính quy định chi tiết về sát hạch, cấp, quản lý và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.	*(4) Cty Valuino* Về tiêu chuẩn thẩm định viên: Nghề thẩm định giá là nghề nghiệp đặc thù đòi hỏi kiến thức Kinh tế - kỹ thuật - pháp luật tổng hợp và kinh nghiệm thực tiễn kỹ năng nghề nghiệp cao, chính vì vậy tiêu chuẩn thẩm định viên cần nâng cao chất lương, chúng tôi kiến nghị để năng cao chất lượng thẩm định viên cần quy định rõ ràng các tiêu chí để trở thành thẩm định viên như: - Là công dân Việt nam có đầy đủ hanh vi dân sự - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế, tài chính, giá cả, Luật - Có chứng chỉ thẩm định viên về giá - Hành nghề trong một tổ chức thẩm định giá Về đào tạo nghề thẩm định giá chúng tôi đề nghị cần nâng cao chất lượng như: Thời gian đào tạo tối thiểu 12 tháng Sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo cần có thời gian tập sự tại tổ chức hành nghề 12 tháng. Khi đã tập sự xong thì đăng ký thi sát hạch do Bộ Tài chính tổ chức và đỗ kỳ thì sát hạch thì được Bộ tài chính cấp chứng chỉ hành nghề. Cũng cần quy định từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề mà không hành nghề thẩm đinh giá trong thời hạn 24 tháng thì sẽ thu hồi. *(5) STC Thái Bình* Đề nghị bỏ cụm từ “còn thời hạn” tại điểm d khoản 2. Vì theo khoản 3 Điều 12 Luật Giáo dục năm	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		2019 quy định: Chính chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học để xác nhận kết quả học tập sau khi được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp hoặc cấp cho người học dự thi lấy chứng chỉ theo quy định. Hơn nữa các chứng chỉ đào tạo được cấp theo các luật chuyên ngành khác như Chứng chỉ đào tạo nghề Luật sư, Công chứng viên,… có giá trị suốt đời của người tham gia đào tạo.	
42	**Điều 49. Đăng ký hành nghề thẩm định giá** 1. Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện đăng ký hành nghề cho người có thẻ thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp. Điều kiện đăng ký hành nghề là: a) Trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá được cấp trong vòng 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề thì phải có hợp đồng lao động toàn thời gian và chứng nhận về đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp; b) Trường hợp thẻ được cấp trên 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề, ngoài quy định tại điểm a thì phải có thêm giấy chứng nhận cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính. 2. Các trường hợp không được đăng ký hành nghề thẩm định giá: a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ	(*1) Hội TĐG VN* - điểm a Khoản 2 Điều 49 không cần thiết (nếu dự thảo vẫn giữ nội dung đối tượng thi thẻ) - Bổ sung thêm quy định người cho thuê, cho mượn thẻ không được đăng ký hành nghề *(2) Sở TC Hà Tĩnh:* Tại điểm c khoản 2 Điều 49 quy định trường hợp "Người có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định xử phạt" thì không được đăng ký hành nghề thẩm định giá. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 thì "Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính" sẽ được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung tại dự thảo theo hướng "bị xử phạt vi phạm	Sau khi nghiên cứu các ý kiến tham gia, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng không quy định trường hợp người có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định xử phạt thuộc trường hợp không được hành nghề thẩm định giá mà áp dụng thống nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Việc cho thuê, cho mượn Thẻ thẩm định viên về giá khi bị phát hiện sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, theo đó, cũng áp dụng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Dự thảo Luật đã quy định rõ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết. Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn được cấp khi đạt kỳ thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá, không

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; b) Người đang bị cấm hành nghề thẩm định giá theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; người đã bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, giá, thẩm định giá mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đang bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; c) Người có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định xử phạt; d) Người đang bị tước quyền sử dụng thẻ thẩm định viên về giá. 3. Bộ Tài chính quy định chi tiết về đăng ký hành nghề thẩm định giá.	hành chính mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định" để đảm bảo chặt chẽ, thống nhất cho dự thảo. *(3) Cty VVFC* - Bổ sung Các trường hợp không được đăng ký hành nghề thẩm định giá: là người cho mượn, cho thuê thẻ TĐV về giá *(4) Cty Valuino* Doanh nghiệp thẩm định giá nộp hồ sơ đăng ký hành nghề cho người có thẻ thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp: Hồ sơ gồm có: a/ Đối với thẩm định viên đăng ký hành nghề lần đầu tại doanh nghiệp: - Bản công chứng chứng chỉ thẩm định viên về giá - Hợp đồng lao động - Các quyết định bổ nhiệm chức danh nếu có - Chứng nhận cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính b/ Đối với thẩm định viên đăng ký hành nghề lần thứ hai trở đi tại doanh nghiệp: - Bản công chứng chứng chỉ thẩm định viên về giá - Hợp đồng lao động - Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội của năm liền kề - Các quyết định bổ nhiệm chức danh nếu có - Chứng nhận cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính	phải là chứng nhận hành nghề, do đó, cần thiết phải có quy định về đăng ký hành nghề đối với những người có Thẻ thẩm định viên về giá. Quy định hiện hành cũng đang quy định như vậy. Thẻ thẩm định viên về giá đã là chứng nhận chuyên môn về thẩm định giá tài sản bao gồm: tài sản và doanh nghiệp, do đó, việc yêu cầu thêm chứng nhận tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức đối với thẩm định giá chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành ví dụ như thẩm định giá công nghệ, tư vấn xác định giá đất là chồng chéo và lãng phí nguồn lực xã hội. Dự thảo Luật đã quy định thẩm định viên về giá được quyền ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá theo lĩnh vực tài sản được phép hành nghề mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ, điều kiện chuyên môn khác với quy định tại Luật này.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		c/ Thẻ thẩm định viên về giá của người đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp được cấp lần đầu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề được miễn nộp chứng nhận cập nhật kiến thức hàng nămtheo quy định của Bộ Tài chính Điểm c khoản 2 Điều 49 Đăng ký hành nghề thẩm định giá đề nghị sửa như sau "Người có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá đã bị xử phạt vi phạm hành chính chưa hết 12 tháng kể từ ngày ra quyết định xử phạt" *(5) Bộ Kế hoạch và Đầu tư* Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý khi đề xuất Bộ Tài chính quy định chi tiết về đăng ký hàng nghề thẩm định giá như trong Dự thảo; đồng thời cân nhắc sửa lại theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để bảo đảm phù hợp với thẩm quyền. *(6) Bộ Công Thương* Đề nghị cân nhắc quy định về đăng ký hành nghề thẩm định giá, đối với thẩm định viên đã có Thẻ thẩm định viên do Bộ Tài chính cấp, việc đăng ký hành nghề là không cần thiết. *(7) Bộ Khoa học và công nghệ* Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 49 như sau: "c) Có chứng nhận tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức đối với thẩm định giá chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có)".	

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
43	**Điều 50. Thẩm định viên về giá** 1. Thẩm định viên về giá là người có thẻ thẩm định viên về giá đang hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá. 2. Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá. 3. Định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát, cập nhật danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá kể từ ngày 01/01 của năm tiếp theo. Định kỳ hằng tháng, Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề khi có biến động. Trường hợp biến động thẩm định viên do cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì danh sách thẩm định viên được điều chỉnh tại ngày cấp, cấp lại.	- Tại khoản 2 Điều 50 quy định "Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá". Tuy nhiên, tại dự thảo Luật giá chưa thấy đề cập quy định rõ các trường hợp "đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá" vì vậy đề nghị xem xét bổ sung quy định này;*(UBND tỉnh Hà Tĩnh)*	Dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng quy định rõ về thẩm định viên về giá như sau: Thẩm định viên về giá là người đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật này, đang làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá, đã đăng ký hành nghề và được Bộ Tài chính thông báo là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp thẩm định giá. Trong thời gian không đáp ứng điều kiện của thẩm định viên về giá, người có Thẻ thẩm định viên về giá không được ký Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá.
		Khoản 1 Điều 49 và Điều 50: Đề nghị bỏ nội dung "Trường hợp thẻ được cấp trên 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề, ngoài quy định tại điểm a thì phải có thêm giấy chứng nhận cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính." "Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá.", do quy định này sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, tăng thêm các khoản chi phí cho xã hội không cần thiết. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Hoạt động thẩm định giá là hoạt động chuyên môn, người được cấp Thẻ thẩm định viên về giá trong quá trình hành nghề cần thiết phải cập nhật, bổ sung các kiến thức mới so với thời điểm được cấp Thẻ, do đó, dự thảo Luật quy định nếu sau khi cấp Thẻ 01 năm, người có Thẻ muốn đăng ký hành nghề phải học cập nhật kiến thức. Quy định này hiện nay cũng đang thực hiện, do đó, không làm phát sinh thêm chi phí so với hiện hành.
44	**Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá** 1. Quyền của thẩm định viên về giá: a) Hành nghề thẩm định giá theo quy định	(*1) Sở TC Quảng Bình:* Tại khoản 2 Điều 51, đề nghị bổ sung quy định về nghĩa vụ Thẩm định viên về giá như sau: "- Chịu trách nhiệm thực hiện đúng hướng dẫn của hệ thống	Dự thảo Luật quy định kết quả thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Chứng thư thẩm định giá kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định giá, trong đó Báo cáo kết quả thẩm định giá là văn bản do thẩm

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; c) Yêu cầu khách hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá; d) Từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ điều kiện thực hiện thẩm định giá; đ) Tham gia tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật; e) Được tham gia các hoạt động tư vấn xác định giá cho cơ quan nhà nước mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ chuyên môn khác; g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. Nghĩa vụ của thẩm định viên về giá: a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá và giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá hoặc bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá không phải là khách hàng thẩm định giá nhưng có ghi trong hợp đồng thẩm định giá khi có yêu cầu;	tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp đăng ký hành nghề - Đảm bảo độc lập, khách quan, trung thực và tính chính xác của kết quả thẩm định giá trước pháp luật và doanh nghiệp đăng ký hành nghề; phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện giả thiết, giả thiết đặc biệt, lưu ý hạn chế … vào báo cáo kết quả thẩm định giá để các bên liên quan có thể đánh giá được mức độ tin cậy của kết quả thẩm định giá." Nguyên nhân: Trong quá trình thực hiện, Thẩm định viên về giá hoạt động độc lập theo quy trình chuyên môn, không buộc phải báo cáo với doanh nghiệp trừ trường hợp thấy cần thiết, thông tin thị trường trực tiếp thu thập nên phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác của kết quả thẩm định giá do mình thực hiện. *(2) Hội TĐG* - Bổ sung Quy định: Thẩm định viên phải chịu trách nhiệm chính về kết quả thẩm định giá được ban hành tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá. *(3) Cty VVFC* - Bổ sung Nghĩa vụ TĐV: chịu trách nhiệm chính về kết quả thẩm định giá được ban hành tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá. *(4) Cty Valuino* Điểm c khoản 1 Điều 51 Quyền của thẩm định viên về giá " Yêu cầu khách hàng….và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá"	định viên về giá lập, trong đó nêu rõ quá trình thẩm định giá, ý kiến của thẩm định viên về giá trị của tài sản thẩm định giá và được người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá xem xét, phê duyệt. Theo đó, dự thảo Luật đã quy định nghĩa vụ tương ứng của thẩm định viên là: chịu trách nhiệm về chuyên môn trong quá trình thực hiện và đưa ra kết quả thẩm định giá; giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá hoặc bên thứ ba được sử dụng kết quả thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá khi có yêu cầu; giải trình kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Về phía doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá, phát hành Chứng thư thẩm định giá, chịu trách nhiệm đăng ký hành nghề cho các thẩm định viên, đánh giá dịch vụ, dự thảo Luật đã quy định nghĩa vụ: chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá trong giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá; thực hiện thẩm định giá theo đúng hợp đồng thẩm định giá; bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	c) Tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá do cơ quan, tổ chức được phép tổ chức; d) Lập hồ sơ về thẩm định giá theo quy định của pháp luật; đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	*(5) STC Quảng Trị* Điểm c khoản 2 Điều 51*: "Tham gia các lớp đào tạo, cập nhật kiến thức về thẩm định giá do cơ quan, tổ chức được phép tổ chức."*. Do: Để phù hợp với quy định tại Khoản 13 Điều 9, Khoản 2 Điều 47 tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).	luật do vi phạm những thoả thuận trong hợp đồng thẩm định giá và trong trường hợp kết quả thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá.
		Khoản 2 Điều 51: đề nghị bổ sung thêm nội dung: + Chịu trách nhiệm thực hiện đúng hướng dẫn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp đăng ký hành nghề. + Đảm bảo độc lập, khách quan, trung thực và tính chính xác của kết quả thẩm định giá trước pháp luật và doanh nghiệp đăng ký hành nghề; phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện giả thiết, giả thiết đặc biệt, lưu ý hạn chế … vào báo cáo kết quả thẩm định giá để các bên liên quan có thể đánh giá được mức độ tin cậy của kết quả thẩm định giá. Vì trong quá trình thực hiện, Thẩm định viên về giá hoạt động độc lập theo quy trình chuyên môn, không buộc phải báo cáo với doanh nghiệp trừ trường hợp thấy cần thiết, thông tin thị trường trực tiếp thu thập nên phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác của kết quả thẩm định giá do mình thực hiện. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Dự thảo Luật quy định thẩm định viên có nghĩa vụ tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đã bảo đảm tính bao quát, các quy định nội bộ của doanh nghiệp cũng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Về phân định trách nhiệm của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá liên quan đến kết quả thẩm định giá đã được giải trình bên trên.
45	**Điều 52. Doanh nghiệp thẩm định giá** 1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được Bộ Tài chính	*(1) Bộ NN&PTNT:* Đề nghị xem lại nội dung quy định Khoản 2, Mục 2, Dịch vụ Thẩm định giá có cần thiết quy định cứng doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi doanh nghiệp. Thay vào đó, hàng năm Bộ Tài	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật, theo đó, dự thảo Luật chỉ giữ quy định: Trường hợp doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này. 2. Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp.	chính công bố danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá *(2). Sở TC Tiền Giang:* - Tại khoản 2, Điều 52 về doanh nghiệp thẩm định giá: "Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp". Đề nghị chỉnh sửa như sau: "Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp". *(3) Cty VVFC* - Sửa khoản 2 thành: … nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được phát hành Chứng thư thẩm định giá theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt	được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp để tránh gây nhầm lẫn cho khách hàng. Về danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hiện cũng đang được công bố công khai. Về mô hình công ty cổ phần: đã được nghiên cứu đánh giá trong báo cáo chính sách theo đó vẫn tiếp tục giữ mô hình loại hình doanh nghiệp này nhưng để bảo đảm siết chặt hơn, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu của các thẩm định viên. Việc thành lập doanh nghiệp cần được thực hiện thống nhất theo Luật doanh nghiệp. Luật giá chỉ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Do đó, kiến nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp thẩm định giá là không phù hợp. Đối với trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nhưng vẫnphát hành Chứng thư thẩm định giá theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Nam". *(4) Cty Valuino* Kiến nghị để đảm bảo thống nhất quản lý doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp đặc thù, để quản lý chặt chẽ Bộ Tài chính nghiên cứu bỏ mô hình công ty cổ phần và việc đăng ký do Bộ Tài chính cấp giảm thủ tục cấp giấy phép con mà chỉ cần chứng nhận thành lập doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp vừa tiết kiệm chi phí xã hội, vừa đảm bảo quản lý tốt nghề thẩm định giá	
		Đề nghị bỏ nội dung khoản 2 "Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp." do không phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp. Mặt khác, theo quy định này sẽ gây tăng thêm các thủ tục hành chính và khoản chi phí không cần thiết. *(Bộ Tài nguyên và môi trường)*	Đã giải trình, tiếp thu ở trên
		Tại Khoản 2 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ quy định "Tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ phải đáp ứng điều kiện được quy định tại pháp luật về giá và quy định điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật" và tại	Tại Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật đã đánh giá việc doanh nghiệp thẩm định giá đáp ứng các điều kiện tại Luật giá thì sẽ đảm bảo điều kiện về thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ. Việc

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Khoản 3 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ giao Chính phủ quy định cụ thể điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ (được quy định tại Điều 32 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ). Do đó, để đồng bộ với quy định hiện hành của Luật Chuyển giao công nghệ, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung trong Luật Giá tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật được tiến hành thẩm định giá nếu đáp ứng điều kiện theo quy định. Đồng thời, đề nghị rà soát, sửa cụm từ "doanh nghiệp thẩm định giá" thành "doanh nghiệp, tổ chức thẩm định giá" tại các điều, khoản, điểm có liên quan trong dự thảo Luật Giá: điểm c khoản 2 Điều 48; khoản 1 Điều 49; khoản 1 Điều 50; tên điều và khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; tên điều và khoản 1, 2 Điều 55; tên điều và khoản 1, 2 Điều 57; tên điều và khoản 1, 2 Điều 58; khoản 2 Điều 60; khoản 1, 2 Điều 61; khoản 1, 2 Điều 62; khoản 1, 2 Điều 63. *(Bộ Khoa học và công nghệ)*	quy định tại Luật chuyển giao công nghệ sẽ gây ra chồng chéo. Do vậy, Bộ Tài chính không tiếp thu nội dung này. Luật giá hiện hành quy định tổ chức đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật này được hoạt động thẩm định giá, đồng thời quy định về doanh nghiệp thẩm định giá, điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Việc Nghị định hướng dẫn Luật Chuyển giao công nghệ quy định về tổ chức thẩm định giá công nghệ bao gồm cả tổ chức không hoạt động theo loại hình doanh nghiệp là không phù hợp với Luật giá hiện hành. Dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định về doanh nghiệp thẩm định giá tại Luật giá hiện hành, đồng thời, quy định rõ hoạt động thẩm định giá bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước của Hội đồng thẩm định giá để bảo đảm thống nhất các quy định về cung cấp dịch vụ thẩm định giá.
		Khoản 2: Đề nghị sửa "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh" thành "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp", bảo đảm phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*	Đã tiếp thu tại dự thảo
46	**Điều 53. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**	*(1) Bộ NN&PTNT:* Khoản b Mục 2 Thẩm định giá: Đối với Công ty cổ phần có ít nhất 02 cổ đông phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành	Việc quy định cổ đông sáng lập chỉ phù hợp với các công ty cổ phần thành lập mới, đối với các công ty cổ phần đã có

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	1. Doanh nghiệp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải có 5 người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Trong đó: a) Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp, Giám đốc đối với doanh nghiệp tư nhân, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 56 Luật này. Các thành viên hợp danh phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động; b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, 02 cổ đông đối với công ty cổ phần phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; trường hợp có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì người đại diện của thành viên là tổ chức phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, phần	nghề tại doanh nghiệp đề nghị sửa là 02 cổ đông sáng lập. *(2). Sở TC Gia Lai:* - Quy định 5 tỷ là chưa phù hợp; - Số lượng thẩm định viên không quyết định đến chất lượng dịch vụ - Tồn tại một số chi nhánh DN TĐG không có tên trong thông báo đủ điều kiện, *(3). Sở TC Hà Tĩnh:* - Tại khoản 1 Điều 53 quy định "Doanh nghiệp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải có 5 người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp". Tuy nhiên, đề nghị chỉnh sửa số lượng người từ "05 người" thành "tối thiểu 05 người" để đảm bảo chính xác *(4) Sở TC Quảng Bình, Nam Định:* Việc quy định vốn điều lệ để thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn là 5 tỷ đồng là không phù hợp với thực tế và bản chất của Doanh nghiệp thẩm định giá. Vì doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập dựa trên sự liên kết chặt chẽ bởi chế độ tin cậy về trình độ, năng lực cá nhân của các thành viên tham gia để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài. Hoạt động chủ yếu là cung cấp dịch vụ tư vấn, không thương mại hay sản xuất nên các doanh nghiệp này đều không có nhu cầu sử dụng	thời gian hoạt động lâu, đã diễn ra các hoạt động chuyển nhượng cổ phần, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp thì nhiều trường hợp không còn cổ đông sáng lập, do đó, đối với loại hình công ty cổ phần, dự thảo Luật chỉ yêu cầu thẩm định viên phải là cổ đông, đồng thời, dự thảo Luật cũng đã quy định về tỷ lệ sở hữu vốn của các thẩm định viên tối thiểu 50% vốn điều lệ. Quy định tăng số lượng thẩm định viên nhằm siết chặt hơn điều kiện hoạt động các doanh nghiệp thẩm định, tránh tình trạng thành lập số lượng lớn các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian vừa qua. Đã tiếp thu không quy định điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 5 tỷ. Về một số chi nhánh doanh nghiệp thẩm định không có tên trong thông báo đủ điều kiện, dự thảo Luật đã quy định rõ chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định, trong quá trình hoạt động, nếu không đủ điều kiện hoạt động trong 3 tháng liên tục sẽ bị xóa tên chi nhánh. Quy định về điều kiện tỷ lệ vốn góp của thành viên góp vốn là tổ chức là kế thừa quy định hiện hành, quy định như vậy

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định. Tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn, cổ đông là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp. Có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ty cổ phần phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 56 Luật này. 2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	vốn lớn. Do đó, việc quy định doanh nghiệp phải có 05 tỷ vốn điều lệ là không phù hợp với bản chất của nghề tư vấn, tạo nên nhiều khó khăn cho doanh nghiệp *(5). Sở TC Tiền Giang:* - Tại điểm b, khoản 1, Điều 53: "Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, 02 cổ đông đối với công ty cổ phần phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; trường hợp có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì người đại diện của thành viên là tổ chức phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định…..". Đề nghị điều chỉnh lại: "Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, có ít nhất 02 cổ đông đối với công ty cổ phần phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; trường hợp thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông công ty là tổ chức phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp…". Đồng thời, đề nghị bỏ nội dung "phần vốn góp của	phù hợp với loại hình kinh doanh mang tính chuyên môn cao như kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nhằm hạn chế chi phối của những thành viên là tổ chức lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định về điều kiện của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp thẩm định giá là kế thừa quy định hiện hành, quy định như vậy phù hợp với loại hình kinh doanh mang tính chuyên môn cao như kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, người điều hành doanh nghiệp cần có chuyên môn sâu. Quy định hàng tháng thông báo danh sách thẩm định viên là kế thừa quy định hiện hành. Qua xem xét, đánh giá thì việc ban hành thông báo hàng tháng là phù hợp, nếu để thời gian là quý hoặc 6 tháng thì quá dài đối với trường hợp người có thẻ bị xóa tên khỏi danh sách thẩm định viên về giá cần phải có thông báo để công bố thông tin. Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp sẽ được cân nhắc hướng dẫn chi tiết tại văn bản dưới Luật. Về bổ sung điều kiện với tổ chức: không tiếp thu và đã giải thích ở trên.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định", vì theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp không quy định mức vốn góp tối đa của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần do thành viên, cổ đông công ty là tổ chức nắm giữ *(6) Hội TĐG VN* - Đề nghị bỏ quy định về vốn điều lệ (7) Cty Valuino Về mô hình doanh nghiệp giá theo kiến nghị của chúng tôi không nên để mô hình công ty cổ phần vì những lý do sau: - Theo tìm hiểu của chúng tôi, đối với các dịch vụ như Kiểm toán, Luật sư, công chứng, đấu giá và thẩm định giá trên thế giới thì các dịch vụ này không phải là đối vốn mà là đối nhân, người sáng lập và điều hành hoạt động của công ty cần người có kiến thức chuyên môn chứ không cần vốn để hoạt động. - Mô hình công ty cổ phần không phù hợp bởi việc chuyển nhượng vốn quá dễ dàng và việc thay đổi nhân sự cấp cao chỉ cần nắm nhiều cổ phần và người nắm cổ mà không có chuyên môn dễ tác động làm sai lệch kết quả vì mục đích lợi nhuận, bởi khi họ góp nhiều vốn thì họ cần tạo ra lợi nhuận vì vậy ít nhiều vì mục tiêu lợi nhuận họ sẽ có tác động và định hướng bằng mọi giá tìm kiếm	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		lợi nhuận - Nếu vẫn để tồn tại Mô hình công ty cổ phần thì cần phải có hướng quản lý chặt chẽ hơn là quy định sáng lập viên phải là thẩm định viên về giá và sáng lập viên chỉ được chuyển nhượng cổ phần cho người có thẻ thẩm định viên về giá đang hành nghề hoặc và người nắm giữ cổ phần trên 20% bắt buộc phải là thẩm định viên về giá hành nghề. Về vấn đề vốn pháp định chúng tôi đề nghị không đưa vốn pháp định vào công ty thẩm định giá, bởi công ty thẩm định giá là công ty đối nhân không đối vốn và ngược lại để vốn pháp định trong công ty không phải đối vốn là lãng phí nguồn lực xã hội, tuy nhiên để kiểm soát rủi ro nghề nghiệp thì cần mua bảo hiểm trách nhiệm và có thể quy định mức bảo hiểm tối thiểu hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro và chúng tôi cho rằng doanh nghiệp ký nhiều hợp đồng thì rủi ro nhiều, do đó trích lập dự phòng rủi ro là hợp quy luật bởi tỷ lệ rủi ro sẽ tương ứng với việc thực hiện, tuy nhiên tỷ lệ trích cần nâng lên 5% và quỹ này luôn phải có và báo cáo thường xuyên với Cục Quản lý giá - Khoản 3 Điều 50 Thẩm định viên về giá đưa lên Điều 49 Đăng ký hành nghề sẽ phù hợp hơn bởi liên quan đến thông báo biến động thẩm định viên và đề nghị nên để 6 tháng hoặc hàng quý Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh biến động chứ để hàng tháng như Dự thảo cơ quan quản lý nhà nước sẽ mất nhiều thời gian cho công việc dịch vụ này và sẽ khiến các doanh nghiệp không ổn định thẩm định viên (nhảy việc thay đổi nhiều) dẫn tới chất	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		lượng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp có thẩm định viên thay đổi nhiều kém chất lượng - Điểm a, khoản 2 Điều 53 bỏ từ "Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc" chỉ cần để khái niệm người đại diện pháp luật, Tên gọi " Giám đốc hay Tổng giám đốc chỉ là khái niệm chức danh trong tổ chức doanh nghiệp" Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp là người được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận cung cấp dịch vụ thẩm định giá, còn chức danh là Chủ tịch hay TGĐ hay GĐ là do nội bộ tổ chức doanh nghiệp đề ra theo điều lệ *(8) Cty CP TĐG Nam Trung Bộ* - Bỏ quy định vốn điều lệ - Số thẻ TĐV không quyết định đến chất lượng dịch vụ nên đề nghị bỏ quy định 5 thẻ đối với DN, 3 thẻ đối với chi nhánh *(9) Bộ Tư pháp:* dự thảo Luật bổ sung quy định tăng số lượng người có thẻ thẩm định viên về giá từ 3 lên 5 người, bổ sung quy định về vốn điều lệ của doanh nghiệp (vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên). Bộ Tư pháp cho rằng, việc bổ sung quy định về vốn điều lệ tối thiểu chỉ nên áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh thì việc quy định vốn điều lệ tối thiểu là không cần thiết vì các doanh nghiệp này chịu trách nhiệm vô hạn đối với các quyền và nghĩa vụ của	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		doanh nghiệp. *(10) Bộ Tài nguyên và môi trường* Việc quy định tăng số thẻ thẩm định viên từ 3 lên 5 như hiện nay không làm tăng chất lượng dịch vụ. Nguyên nhân là theo quy định về thẩm định giá, 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ chỉ cần có 01 thẩm định viên về giá và người đại diện theo pháp luật ký (đồng thời là thẩm định viên về giá), như vậy số lượng thẩm định viên nhiều hay ít đều không tác động đến kết quả của dịch vụ tư vấn cung cấp cho khách hàng. Doanh nghiệp thẩm định giá phải tự có quy trình kiểm soát nội bộ phù hợp với Tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định của pháp luật có liên quan để đảm bảo chất lượng dịch vụ. Tương tự như vậy, việc chi nhánh được thành lập tương ứng với thị trường nên tăng thêm thẩm định viên sẽ tạo áp lực về chi phí không đáng có cho doanh nghiệp. *(11) Bộ Công Thương:* điểm b khoản 1: Đề nghị xem xét lại nội dung "…Có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động…" Do việc quy định doanh nghiệp phải có 5 tỷ vốn điều lệ là không phù hợp với bản chất của nghề tư vấn, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. *(12) Bộ Khoa học và công nghệ:* Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 53 như sau: "c) Đối với tổ chức: người đứng đầu tổ chức phải đáp ứng yêu cầu quy	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		định tại Điều 56 Luật này".	
47	**Điều 54. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá** 1. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mất, rách do khách quan hoặc các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá có thay đổi, doanh nghiệp thẩm định giá phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. 2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	*(1). UBND tỉnh Hà Tĩnh:* - Điều 54 quy định trong trường hợp các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thay đổi thì sẽ cấp lại giấy này. Tuy nhiên, đề nghị xem xét chỉnh sửa theo hướng trong trường hợp này sẽ thực hiện việc điều chỉnh mà không phải cấp lại để đảm bảo hợp lý. Đồng thời, tại dự thảo mới chỉ quy định các trường hợp cấp, cấp lại mà chưa xác định đầy đủ các trường hợp thu hồi. Do đó, đề nghị rà soát, bổ sung một Điều quy định về các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ	Quy định về cấp lại khi thông tin doanh nghiệp thay đổi là kế thừa quy định hiện hành, hiện nay thực hiện cơ bản không có vướng mắc. Dự thảo Luật đã có quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
48	**Điều 55. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá** 1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá. 2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp thẩm định giá và	*(1). UBND tỉnh Gia Lai:* - Tồn tại một số chi nhánh DN TĐG không có tên trong thông báo đủ điều kiện, - Bổ sung Văn phòng đại diện doanh nghiệp TĐG *(2). UBND tỉnh Tiền Giang:* - Tại khoản 2, Điều 55: "Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp thẩm định giá và các chi nhánh khác. Giám đốc chi nhánh phải là thẩm định viên về giá". Đề nghị điều chỉnh lại: "Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp thẩm định giá và các chi nhánh khác. Người đứng	Về một số chi nhánh doanh nghiệp thẩm định không có tên trong thông báo đủ điều kiện, dự thảo Luật đã quy định rõ chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định, trong quá trình hoạt động, nếu không đủ điều kiện hoạt động trong 3 tháng liên tục sẽ bị xóa tên chi nhánh. Luật giá điều chỉnh điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, qua rà soát thì văn phòng đại diện của doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh, do đó, dự thảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	các chi nhánh khác. Giám đốc chi nhánh phải là thẩm định viên về giá.	đầu chi nhánh phải là thẩm định viên về giá"; để phù hợp với cách gọi theo quy định của Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. *(3) Cty Valuino* Đề nghị sửa Khoản 2 Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại Chi nhánh, các thẩm định viên đăng ký hành nghề tại công ty thì không được đăng ký hành nghề tại chi nhánh và ngược lại. Người được ủy quyền đại diện chi nhánh phải là thẩm định viên về giá. *(4) Cty CP TĐG Nam Trung Bộ* - Bổ sung Văn phòng đại diện doanh nghiệp TĐG	Luật chỉ quy định điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp và chi nhánh của doanh nghiệp. Theo quy định của Luật doanh nghiệp thì chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm đối với hoạt động của chi nhánh do doanh nghiệp thành lập. Do đó, đối với hoạt động thẩm định giá cần quy định các thẩm định viên của chi nhánh (bao gồm cả người đứng đầu) phải là thẩm định viên tại doanh nghiệp đã thành lập chi nhánh để bảo đảm doanh nghiệp thống nhất quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá của chi nhánh. Về ý kiến sửa cụm từ giám đốc chi nhánh thành người đứng đầu chi nhánh: đã tiếp thu tại dự thảo Luật.
49	**Điều 56. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá** 1. Có thẻ thẩm định viên về giá về thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp; phải đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. 2. Có đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá. 3. Không là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong khoảng thời gian 01	*(1) Hội TĐG VN* - Không nên quy định cứng: "Có Thẻ thẩm định viên về giá về thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp" mà cần quy định theo hướng mở tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp, tức: "Có Thẻ thẩm định viên về giá về thẩm định giá tài sản và /hoặc thẩm định giá doanh nghiệp. *(2) Cty Valuino* - Khoản 1 điều 56 đề nghị xem xét người đại diện theo pháp luật hoặc Tổng giám đốc hoặc Giám đốc chỉ cần điều kiện là có thẻ thẩm định viên về giá	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật, theo đó, chỉ quy định "có Thẻ thẩm định viên về giá". Khoản 3 đang quy định theo hướng đây là một yêu cầu, do đó, cách diễn đạt như vậy đã phù hợp. Ý kiến của Bộ KHCN: không tiếp thu và đã giải thích ở trên

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	năm (12 tháng) tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	không cần phải đồng thời có 2 thẻ thẩm định viên về giá là thẩm định viên về thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định viên về giá doanh nghiệp, bởi để chuyên sâu người thẩm định viên hành nghề mới cần thiết và thẩm định viên là người chịu trách nhiệm chính về công việc tư vấn do mình thực hiện, người quản lý đại diện cho doanh nghiệp không nhất thiết phải có cả 2. Nếu quy định như thế này sẽ rất khó khăn cho doanh nghiệp đang hoạt động. - Khoản 3 điều 56 chỉnh sửa như sau: "Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong vòng 12 tháng kể từ ngày thu hồi giấy phép không được đăng ký là người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp khác" *(3) Bộ Khoa học và công nghệ* Sửa tên điều và nội dung khoản 3 Điều 56 như sau: "Điều 56. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu tổ chức thẩm định giá" ... "3. Không là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu tổ chức thẩm định giá đã bị thu 3 hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong khoảng thời gian 01 năm (12 tháng) tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá".	
50	**Điều 57. Điều kiện hoạt động của doanh**	*(1). UBND tỉnh Hà Tĩnh:*	- Đã tiếp thu tại dự thảo Luật.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1. Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đồng thời phải bảo đảm duy trì các điều kiện hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 53 và các nghĩa vụ quy định tại Điều 58 Luật này. 2. Trong quá trình hoạt động, trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 53, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 55 Luật này thì phải khắc phục kịp thời trong thời hạn tối đa 03 tháng; hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp được thực hiện như sau: a) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, giám đốc chi nhánh không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá; b) Trường hợp doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đủ số lượng thẩm định viên tối thiểu thì không được ký kết thêm hợp đồng dịch vụ thẩm định giá nhưng được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả	- Tại khoản 1 Điều 57, đề nghị bổ sung "Điều 55" và chỉnh sửa thành "Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đồng thời phải bảo đảm duy trì các điều kiện hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 53, Điều 55 và các nghĩa vụ quy định tại Điều 58 Luật này", vì nội dung Điều này còn quy định liên quan đến chi nhánh doanh nghiệp nên cần phải đáp ứng điều kiện tại Điều 55 về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá. Bên cạnh đó, việc bổ sung còn đảm bảo được thống nhất với nội dung tại khoản 2 Điều 57. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 57, đề nghị xác định rõ thời điểm để tính thời hạn "tối đa 03 tháng" để các doanh nghiệp thực hiện khắc phục nhằm đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong quá trình áp dụng. Tương tự, đề nghị rà soát, chỉnh sửa trong toàn bộ dự thảo. *(2) Cty Valuino* Điểm b khoản 2, điều 57 đề nghị bỏ, vì dễ bị lợi dụng ký lùi hợp đồng (đã không đủ không được phát hành, đợi đến khi đủ thì phát hành hoặc thỏa thuận hủy hđ đã ký theo quy định của Bộ Luật dân sự). Nếu chi nhánh không đủ điều kiện thì chuyển về Công ty phát hành nếu công ty vẫn đủ điều kiện	- Thời điểm "tối đa 03 tháng" được hiểu là từ thời điểm doanh nghiệp không bảo đảm điều kiện. - Quy định cho phép phát hành chứng thư đối với những hợp đồng đã ký kết trước thời điểm không đủ điều kiện là kế thừa quy định hiện hành nhằm có thời gian chuyển tiếp để các doanh nghiệp khắc phục. Quy định này có thể dẫn đến việc lợi dụng như ý kiến đã nêu, tuy nhiên, việc ghi thời điểm ký hợp đồng không đúng với thời điểm giao kết thực tế có thể không được pháp luật bảo vệ trong trường hợp tranh chấp.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	thẩm định giá với những hợp đồng thẩm định giá đã ký kết; c) Trường hợp sau 03 tháng, doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp không khắc phục đảm bảo các điều kiện hoạt động thẩm định giá thì bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, xóa tên chi nhánh tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.		
51	**Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá** 1. Quyền của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: a) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Luật này; b) Tham gia tổ chức nghề nghiệp trong nước và ngoài nước về thẩm định giá theo quy định của pháp luật; c) Yêu cầu khách hàng thẩm định giá cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu có liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá; d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm	*(1) UBND tỉnh Long An:* Điểm d Khoản 2 Điều 58 đề nghị thay đổi thành: "Chịu trách nhiệm về tính hợp lý, trung thực, khách quan của kết quả thẩm định giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy trình thẩm định giá theo quy định của pháp luật". *(2) UBND tỉnh Phú Thọ:* Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 58 dự thảo: "Cơ quan có thẩm quyền định giá tài sản hoặc cơ quan chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm gửi 01 bản sao Báo cáo kết quả thẩm định giá hoặc Kết luận thẩm định giá tài sản về Bộ Tài chính (đối với cơ quan Trung ương) hoặc Sở Tài chính (đối với cơ quan địa phương) để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cung cấp thông tin và quản lý Nhà nước về thẩm định giá". *(3) UBND tỉnh Quảng Bình:* Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 58	Đã nghiên cứu trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật, cụ thể dự thảo Luật đã quy định, doanh nghiệp thẩm định giá có nghĩa vụ phù hợp với bản chất của hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá là hoạt động tư vấn về chuyên môn và phân định trách nhiệm giữa thẩm định viên thực hiện và doanh nghiệp thẩm định giá: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá trong giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá; thực hiện thẩm định giá theo đúng hợp đồng thẩm định giá; Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm những thoả thuận trong hợp đồng thẩm định giá và trong trường hợp kết quả thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá;

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	định giá theo quy định của Luật này; b) Cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá; c) Thực hiện đúng và đầy đủ hợp đồng thẩm định giá; bồi thường thiệt hại cho khách hàng theo quy định của pháp luật về dân sự; d) Chịu trách nhiệm về tính hợp lý, trung thực, khách quan của kết quả thẩm định giá; đ) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động thẩm định giá hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp; e) Quản lý thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp; g) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; h) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá theo quy định; i) Tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá phục vụ định giá trong tố tụng hình sự theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	như sau: "Chịu trách nhiệm ban hành quy trình thẩm định giá nội bộ phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam và pháp luật có liên quan; kiểm tra kết quả thẩm định giá đúng, đủ quy trình trước khi ban hành". Nguyên nhân: Việc xác định kết quả thẩm định giá đảm bảo "trung thực" mang yếu tố định tính, khó thực hiện vì chỉ người thực hiện (thẩm định viên về giá) mới biết được mức độ "trung thực" của kết quả tư vấn do quá trình thực hiện thẩm định giá là độc lập theo quy trình, không chịu sự tác động của bất cứ ai; doanh nghiệp thẩm định giá chỉ có thể giám sát kết quả dịch vụ thông qua Báo cáo kết quả thẩm định giá phải phản ánh đầy đủ các bước thực hiện trước khi ban hành. *(4) Cty Valuino* - Khoản 1 Điều 58 đề nghị kế thừa toàn bộ khoản 1 điều 42 Luật giá 2012, bổ sung khoản e nội dung " Yêu cầu khách hàng thẩm định giá hoặc những người có liên quan cung cấp toàn bộ hồ sơ, tài liệu, số liệu về tài sản thẩm định giá và được tạo điều kiện thuận lợi để thẩm định giá" - Nghĩa vụ doanh nghiệp thẩm định giá đề nghị giữ như Khoản 2 Điều 42 Luật giá năm 2012 (2) STC Đồng Tháp Tại điểm d khoản 2 quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật đấu thầu), hoặc được sử dụng phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản; sau	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		khi tiến hành quy trình đấu thầu, giá trúng thầu có chênh lệch lớn so với giá kế hoạch hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác định kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá là chưa phù hợp thị trường… thì doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc kết quả thẩm định giá chưa phù hợp thị trường theo khoản d điều 2? Đề xuất quy định rõ trách nhiệm của đơn vị tư vấn thẩm định giá, các bên có liên quan.	
52	**Điều 59. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá** 1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong các trường hợp sau: a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 53 của Luật này trong 03 tháng liên tục; b) Vi phạm nghiêm trọng Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; c) Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật xử lý vi phạm hành chính. 2. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kê khai không đúng hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ	(*1) Bộ Khoa học và công nghệ* Sửa điểm c khoản 1, điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 59 như sau: "1. c) Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật chuyên ngành (nếu có)". "2. đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập". "3. Doanh nghiệp, tổ chức thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá, người đứng đầu tổ chức thẩm định giá tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá của doanh nghiệp, tổ chức thẩm định giá quy định tại điểm h khoản 2 Điều 58 Luật này".	Ý kiến của Bộ KHCN liên quan đến bổ sung tổ chức không phải là doanh nghiệp thẩm định giá được tham gia cung cấp dịch vụ vụ thẩm định giá đã được giải thích bên trên. Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết việc đình chỉ, việc khắc phục trong thời gian đình chỉ sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định. Luật xử lý vi phạm hành chính quy định đình chỉ hoạt động có thời hạn là một trong các hình thức xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, dự thảo Luật dẫn chiếu đến Luật xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; b) Không kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong 12 tháng liên tục; c) Không khắc phục được vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị đình chỉ; d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. 3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá quy định tại điểm h khoản 2 Điều 58 Luật này. 4. Chính phủ quy định chi tiết việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	*(2) Bộ NN&PTNT:* Mục 2, Dịch vụ Thẩm định giá quy định nội dung doanh nghiệp bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nhưng chưa thấy nội dung hướng dẫn thủ tục doanh nghiệp phục hồi (tiếp tục) thực hiện dịch vụ thẩm định giá. *(3). UBND tỉnh Hà Tĩnh:* - Tại điểm c khoản 1 Điều 59 quy định doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong trường hợp "đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Xử lý vi phạm hành chính". Tuy nhiên, ngoài Luật Xử lý vi phạm hành chính thì việc quy định trường hợp đình chỉ kinh doanh còn được quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị chỉnh sửa "Luật Xử lý vi phạm hành chính" thành "pháp luật về xử lý vi phạm hành chính".	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
53	**Điều 60. Kết quả thẩm định giá** 1. Kết quả thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá. Thẩm định viên về giá có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm định giá nhưng tối đa không quá 06 tháng. 2. Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá. 3. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá. 4. Bộ Tài chính quy định về mẫu Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá và việc thu hồi Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá.	*(1) UBND tỉnh Phú Thọ:* Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 60, nội dung "không quá 01 lần thu hồi/ 01 dự án", thành: "2. Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi (không quá 01 lần thu hồi/ 01 dự án). Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá". *(2) Cty Valuino* Điều 60 Kết quả thẩm định giá đề sửa như sau: Khoản 1 Điều 60 "Kết quả thâm định giá thể hiện bằng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá và có hiệu lực tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày phát hành" Bổ sung: "Kết quả thẩm định giá là một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo làm căn cứ xác định giá trị tài sản theo mục đích và thông số, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá" Khoản 2 sửa như sau: Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá thực hiện thẩm định phát hiện thông tin có sai sót thì thu hồi và phát hành lại Chứng thư thẩm định giá và Báo	Trường hợp thu hồi, dự thảo Luật đã giao Bộ Tài chính quy định cụ thể. Các ý kiến về kết quả thẩm định giá đã được xem xét, cân nhắc trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		cáo thẩm định giá”	
54	**Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá** 1. Quyền của khách hàng thẩm định giá: a) Lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật để giao kết hợp đồng thẩm định giá; b) Yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá và thông tin về thẩm định viên về giá; c) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến cuộc thẩm định giá; d) Đề nghị thay thế thẩm định viên tham gia cuộc thẩm định giá khi có căn cứ cho rằng thẩm định viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện thẩm định giá; đ) Yêu cầu bồi thường trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá gây thiệt hại; e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. Nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá: a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của thẩm định viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;	Tại Điều 61 dự thảo quy định trường hợp chứng thư thẩm định giá, Bảo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá. Tuy nhiên trong thời gian thực tế gần đây phát sinh trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đã phát hành Chứng thư thẩm định giá, Bảo cáo kết quả thẩm định giá, đã được sử dụng, đặc biệt sử dụng làm cơ sở lập giá kế hoạch mua sắm, đã lựa chọn được nhà thầu nhưng lại bị đình chỉ hoạt động với thời gian hồi tố về thời điểm đã sử dụng kết quả thẩm định giá trước đó; việc này gây lúng túng cho các đơn vị đã sử dụng kết quả trong khi các văn bản liên quan chưa có hướng dẫn xử lý chi tiết. Do đó, đề xuất bổ sung nội dung xử lý trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành và đã được sử dụng. (STC Đồng Tháp)	Dự thảo Luật đã quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá, đồng thời, tại phần nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá đã quy định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm những thoả thuận trong hợp đồng thẩm định giá và trong trường hợp kết quả thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	b) Phối hợp, tạo điều kiện cho thẩm định viên thực hiện thẩm định giá; c) Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng thẩm định giá trong hoạt động thẩm định giá của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Thanh toán thù lao dịch vụ thẩm định giá theo giá thỏa thuận trong hợp đồng; đ) Sử dụng kết quả thẩm định giá trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá; e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.		
55	**Điều 63. Giá dịch vụ thẩm định giá** 1. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm ban hành, niêm yết biểu giá dịch vụ thẩm định giá theo quy định. 2. Giá dịch vụ thẩm định giá thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá trên nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý và được ghi trong hợp đồng thẩm định giá; trường hợp việc lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	*(1). UBND tỉnh Tiền Giang:* - Tại khoản 2, Điều 63: kiến nghị thay đổi cụm cừ "nhà thầu tư vấn thẩm định giá" thành "nhà thầu tư vấn". Lý do: câu từ đã rõ nghĩa, không cần nhấn mạnh lại nội dung tư vấn thẩm định giá; ngoài ra, nếu đưa vào "tư vấn thẩm định giá" thì tại Điều 4 không có giải thích từ ngữ này, đồng thời tại khoản 17, Điều 4 cũng đã nêu rõ "Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam". *(2) Cty VVFC* - Bổ sung việc cấp cạnh tranh không lành mạnh, hạ	Đã nghiên cứu, cân nhắc trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		giá dịch vụ thẩm định giá thấp dưới mức chi phí hợp lý cần thiết, làm sai quy trình và giảm chất lượng kết quả thẩm định giá. *(3) Cty Valuino* Đề nghị bỏ khoản 1 do Giá dịch vụ thẩm định giá theo thỏa thuận dựa trên việc bù đắp chi phí và tính hiệu quả: khi xây dựng giá dịch vụ cần có thông tin về tài sản thẩm định giá như Mức độ khó dễ của thông tin, địa điểm thực hiện, mục đích thức hiện, thời điểm thực hiện,… nên khó có thể xây dựng được biểu giá dịch vụ cho loại hình thẩm định giá, thẩm định giá cũng như một số ngành nghề được thù là Kiểm toán, Luật sư … không thể có bảng giá niêm yết cụ thể Khoản 2 đề nghị sửa như sau: Giá dịch vụ thẩm định giá thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng bằng hợp đồng thẩm định giá trên nguyên tắc bù đắp chi phí thực tế (chi phí trực tiếp, chi phí chuyên gia, chi phí gián tiếp, lợi nhuận hợp lý). Trường hợp việc lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	
56	**Điều 64. Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá** 1. Thương lượng, hòa giải trên cơ sở những cam kết đã ghi trong hợp đồng thẩm định giá.	*(1) Hội TĐG VN* - Bổ sung: Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá khi có khác biệt lớn giữa các doanh nghiệp thẩm định giá cùng tham gia thẩm định giá một loại tài sản có thông số kỹ thuật và điều kiện tương đồng. *(2) Cty VVFC*	Ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các doanh nghiệp thẩm định giá khi đưa ra kết quả thẩm định giá khác nhau là không phù hợp với bản chất của hoạt động thẩm định giá là tư vấn của doanh nghiệp thẩm định giá đối với khách hàng, khách hàng có thể thuê nhiều doanh nghiệp thẩm định giá khác nhau để

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	2. Giải quyết bằng trọng tài thương mại. 3. Khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.	- Sửa cơ chế giải quyết tranh chấp gồm: + Giữa DN TĐG và khách hàng TĐG + Giữa kết quả TĐG khác biệt lớn của các DN TĐG trong cùng điều kiện tài sản có thông số kỹ thuật và điều kiện tương đồng.	tư vấn về giá trị của tài sản, quyền quyết định giá tài sản là của khách hàng, do đó, nếu có xảy ra tranh chấp thì là tranh chấp giữa khách hàng và doanh nghiệp thẩm định giá.
57	**Điều 66. Phạm vi thẩm định giá của Nhà nước** 1. Việc thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện nhằm giúp cho cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá tài sản. 2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau: a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước; b. Mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định phương thức xác định giá khác; c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.	*(1). UBND tỉnh Hải Dương, Hưng Yên: sửa thành* *"2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:* *...* *b. Mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước **có giá trị lớn, có tính chất phức tạp**, trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định phương thức xác định giá khác;".* Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định giao cho Chính phủ quy định chi tiết như thế nào là "tài sản có giá trị lớn, có tính chất phức tạp" để áp dụng chung cho toàn quốc, tránh trường hợp cùng 01 loại tài sản nhưng mỗi tỉnh, thành phố lại có quy định khác nhau về phạm vi thẩm định giá của nhà nước. *(2) UBND tỉnh Thái Bình* Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành (Điều 44 Luật), đồng thời đề nghị quy định cụ thể giá trị lớn của tài sản để có căn cứ tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương. *(3) UBND tỉnh Quảng Trị:*	Sau khi nghiên cứu các ý kiến tham gia, dự thảo Luật đã quy định rõ các trường hợp thẩm định giá của Nhà nước như sau: *"2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:* *a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước;* *b. Các trường hợp mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước mà người có thẩm quyền phê duyệt giá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước trong các phương thức được quy định làm căn cứ xác định giá.* *c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước. "*

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Các trường hợp thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện. Đề nghị bổ sung thêm nội dung: "Giao cho tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Chính phủ hoặc Bộ Tài chính) quy định cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước" để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn áp dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước.	
58	**Điều 67. Hội đồng thẩm định giá nhà nước** 1. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện thẩm định giá tài sản theo quy định của Luật này. 2. Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp. 3. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có quyền: a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc thẩm định giá tài sản; b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện	*(1) UBND tỉnh Hà Nội:* - Khoản 2: Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn quy định về chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do hiện nay chỉ có quy định về bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013, Thông tư số 204/2014/TT-BTC, Thông tư số 11/2019/TT-BTC *(2) UBND tỉnh Bình Phước:* - Khoản 2: quy định rõ thành viên bắt buộc phải có chứng chỉ TĐGNN như Thủ trưởng đơn vị, LĐ phòng TC- Quản trị, LĐ Phòng chuyên môn phụ trách mua sắm…. - Điểm b Khoản 3 sửa thành: "b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê thẩm định giá tài sản **để làm căn cứ** phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước;" *(3). UBND tỉnh Hà Tĩnh:*	Các ý kiến tham gia đã được nghiên cứu, cân nhắc trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật. Dự thảo Luật đã quy định rõ hơn về trường hợp thẩm định giá của Nhà nước. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về chứng chỉ thẩm định giá nhà nước, dự thảo Luật đã quy định rõ hơn như sau: Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có thành viên có một trong các chứng nhận chuyên môn sau: a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá; b) Thẻ thẩm định viên về giá; c) Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá; d) Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê thẩm định giá tài sản nhằm có thêm thông tin phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước; c) Được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước; d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. 4. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có nghĩa vụ như sau: a) Thực hiện thẩm định giá theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá tài sản; c) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 5. Trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, các cơ quan nhà nước phải mua sắm các loại hàng hóa, dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khắc phục hậu quả thiên	- Tại khoản 3 Điều 67, đề nghị xem xét bổ sung Hội đồng thẩm định giá nhà nước có quyền "Từ chối việc thẩm định giá tài sản trong trường hợp không có đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu quy định" để đảm bảo đầy đủ. - Tại điểm c khoản 3 Điều 67: “c) Được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước”. Đề nghị sửa đổi như sau: “c) Được sử dụng con dấu do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập quy định”. Quy định này sẽ tạo thuận lợi cho Hội đồng thẩm định giá nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là lãnh đạo của cơ quan tài chính cùng cấp mà không có chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước. - Tại khoản 3 Điều 67 quy định về quyền của Hội đồng thẩm định giá nhà nước đề nghị xem xét bổ sung thêm quyền “Từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ điều kiện thực hiện thẩm định giá”. *(4) UBND tỉnh Đắk Lắk:* - Tại khoản 1 Điều 67 quy định: “Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê … có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện thẩm định giá tài sản theo quy định của Luật này”. Theo quy định của pháp luật thì hàng hóa thực hiện mua sắm theo 02 hình thức (mua sắm	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	tai, ngăn chặn dịch bệnh phục vụ an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng thì Hội đồng thẩm định giá nhà nước có thể xác định giá tài sản thông qua đàm phán giá trực tiếp với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp trưng mua, trưng dụng theo Luật trưng mua, trưng dụng tài sản. 6. Chính phủ quy định chi tiết về Hội đồng thẩm định giá nhà nước.	trực tiếp và mua sắm tập trung): + Nếu hàng hóa không thuộc danh mục mua sắm tập trung thì đơn vị được giao nhiệm vụ mua, trực tiếp mua sắm. + Nếu hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung thì đơn vị mua sắm tập trung tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan. Theo quy định về mua sắm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo phương thức tập trung tại Chương VI Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (từ Điều 67 đến Điều 83) không có quy định việc mua sắm hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung phải thực hiện thẩm định giá của nhà nước hay thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện. Như vậy, nếu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ mua tài sản thuộc danh mục tài sản, hàng hóa mua sắm tập trung thì thực hiện thẩm định giá của nhà nước như thế nào, cơ 3 quan được dự toán NSNN để mua sắm thực hiện thẩm định hay đơn vị mua sắm tập trung thẩm định. - Khoản 2 Điều 67 quy định: “Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó có ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp”. Theo quy định trên, thì tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản phải có ít nhất 01	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		người có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp; để đạt được nội dung này, số lượng người phải tham gia đào tạo thẩm định giá là rất lớn; do đó, cần có quy định cụ thể thời gian để hoàn thành nội dung này, nếu không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động mua sắm tài sản phục vụ hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. *(6) UBND tỉnh Quảng Trị:* Đề nghị dự thảo cần làm rõ Hội đồng thẩm định giá Nhà nước tại Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu có bao gồm thành phần tham gia hội đồng là đại diện chuyên môn hoặc lãnh đạo của cơ quan tài chính cùng cấp hay không. (*7) Bộ Tư pháp* - Khoản 2: Đây là quy định mới so với quy định của Luật Giá năm 2012, nếu Luật có hiệu lực thi hành thì sẽ không thể thực hiện thẩm định giá nhà nước do không có thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định về thời hạn áp dụng quy định này kể từ khi Luật có hiệu lực. Đồng thời trong dự thảo Luật cần quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn để được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ thẩm định giá nhà	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		nước. - Khoản 5: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đối với quy định này vì Hội đồng thẩm định giá nhà nước có thể không có thẩm quyền đàm phán giá trực tiếp với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. (Bộ Tư pháp, Đà Nẵng) *(8) UBND tỉnh Đồng Tháp* Theo dự thảo thì tất cả hoạt động mua, bán,.. đều có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định giá Nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều đơn vị có kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê, mua tài sản có giá trị thấp, tài sản mua là các loại thông dụng, có giá phổ biến trên thị trường nếu yêu cầu thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước sẽ phát sinh nhiều thủ tục, mất nhiều thời gian và chưa thống nhất về cơ sở lấy giá lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản nhà nước quy định tại Luật Đấu thầu năm 2013, đặc biệt khi điều kiện ràng buộc của Hội đồng phải ít nhất 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước. Do đó đề xuất có thể giới hạn trong một số trường hợp hoặc giá trị cụ thể cần thiết thành lập Hộ đồng thẩm định giá nhà nước, đồng thời sửa đổi, bổ sung cho thống nhất về điều kiện lập, xác định kế hoạch tại Luật Đấu thầu năm 2013	
		(9) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Khoản 1: Dự thảo Luật đã quy định tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; Tuy nhiên, chưa có quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 67 (gồm tổ chức, cá nhân có	Quyền và nghĩa vụ về tài sản thì theo pháp luật chuyên ngành (Luật quản lý sử dụng tài sản công…) bao gồm quyền quyết định giá. Tại Chương này chủ yếu đề cập đến hoạt động thẩm định giá của nhà nước để phục vụ quyết định giá. Do

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu). Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của các đối tượng nêu trên.	vậy trong Luật chỉ nêu về quyền thành lập Hội đồng để xác định giá và việc sử dụng kết quả để làm 1 trong các cơ sở cơ sở quyết định giá. Do đó ko cần thiết có riêng 1 điều quy định về quyền và nghĩa vụ.
		(10) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Đề nghị bỏ nội dung khoản 6 do tại Điều 66 và Điều 70 đã quy định về Thẩm định giá nhà nước trong đó có Hội đồng thẩm định giá nhà nước.	Các quy định về thành phần Hội đồng thẩm định giá, quyền nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá cần được quy định để quy định về Hội đồng thẩm định giá có thể thực thiện, do đó, quy định Chính phủ quy định chi tiết là cần thiết.
59	**Điều 68. Kết quả thẩm định giá** 1. Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước được thể hiện bằng hình thức Kết luận của Hội đồng thẩm định giá nhà nước. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm định giá nhưng tối đa không quá 06 tháng. 2. Kết quả thẩm định giá của Nhà nước được sử dụng là một trong những căn cứ để tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 67 quyết định về giá tài sản để phục vụ việc quản lý, sử dụng tài sản; các hoạt động bán, cho thuê, liên doanh, liên kết,	*(1) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội* Đề nghị sửa lại kết quả thẩm định giá có giá trị tối thiểu là khoảng thời gian cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công, công ích theo quy định nhưng tối đa không quá 5 năm (do có sản phẩm, dịch vụ như dịch vụ đào tạo giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng thực hiện trong thời gian từ 02 đến 03 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo (quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp)	Dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng: Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm định giá.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	mua, đi thuê theo quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định giá phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước. 3. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại văn bản yêu cầu thẩm định giá.		
60	**Điều 70. Hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước** 1. Hồ sơ thẩm định giá gồm có các tài liệu sau đây: a) Văn bản giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc văn bản được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu; b) Thông tin, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá; c) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước; d) Các tài liệu do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thu thập, phân tích trong quá trình thẩm định giá; các báo cáo chuyên gia, chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); đ) Biên bản và kết luận của Hội đồng thẩm định giá nhà nước về kết quả thẩm định	*(1). UBND tỉnh Hải Dương, Hưng Yên:* Tại khoản 1 Điều 70 về hồ sơ thẩm định giá của nhà nước: Trong thành phần hồ sơ thẩm định, đề nghị bổ sung thêm "Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thẩm định giá nhà nước; trong văn bản cần nêu rõ danh mục, chủng loại, số lượng, đơn giá và lý do đề nghị thẩm định.".	Trong thành phần hồ sơ đã có "thông tin, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá".

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	giá; e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc thẩm định giá tài sản. 2. Cơ quan thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lưu trữ.		
61	**Điều 71. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá** 1. Mục đích kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá a. Kiểm tra việc thi hành luật giá và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành của các cơ quan, đơn vị nhằm đôn đốc, hướng dẫn, giám sát thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giá. b. Góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đem lại tác động tích cực trong công tác quản lý điều hành giá và thẩm định giá. b. Nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong thực hiện pháp luật về giá và thẩm định giá để kịp thời hướng dẫn triển khai và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật. 2. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá a) Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; Việc triển khai được thực hiện theo cơ chế xử lý rủi ro, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm	Tên điều đề nghị đổi thành: "**Mục đích,** nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá" cho phù hợp với nội dung quy định. *(Bộ Công an)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo tách làm 02 điều.
		Khoản 2: Trong dự thảo văn bản có rất nhiều điều khoản quy định về nghĩa vụ của các chủ thể nhưng chưa thấy có nội dung đề cập hoặc dẫn chiếu quy định việc xử lý các hành vi vi phạm nghĩa vụ nếu có. Trong nguyên tắc về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá cũng nêu quản điểm rằng kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời. Tuy vậy, biện pháp xử lý và khắc phục ở đây là gì thì chưa được đề cập đến. *(Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam)*	Các nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định xử phạt sau khi Luật giá được ban hành
		Đề nghị tách ra làm 2 điều: "***Điều 71. Mục đích kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá*** 1. Đôn đốc, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện văn bản QPPL về giá. 2. Nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra. b) Nội dung kiểm tra phải được thể hiện chi tiết tại kế hoạch kiểm tra do cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Bảo đảm phù hợp với định hướng xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giá; Không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị trong cùng thời kỳ kiểm tra. c. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời.	lý điều hành giá và thẩm định giá 3. Phát hiện khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, điều hành về giá và thẩm định giá để kịp thời hướng dẫn triển khai và hoàn thiện văn bản QPPL. ***Điều 72 (mới). Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá*** 1. Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; Việc triển khai được thực hiện theo cơ chế xử lý rủi ro, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra. 2. Nội dung kiểm tra phải được thể hiện chi tiết tại kế hoạch kiểm tra do cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Bảo đảm phù hợp với định hướng xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giá; Không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị trong cùng thời kỳ kiểm tra. 3. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời. *(UBND tỉnh Bình Phước)*	
62	**Điều 72. Nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động quản lý, điều hành giá** 1. Kiểm tra các quy định về quản lý, điều hành giá tại Luật giá và các văn bản quy	Tên điều đề nghị đổi thành: "**Đối tượng,** nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động điều hành giá" *(Bộ Công an)*	Tiếp thu và làm rõ ở Khoản 2 Điều 71

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bao gồm bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Nội dung kiểm tra phải được thể hiện chi tiết tại kế hoạch kiểm tra hàng năm nhằm đánh giá việc chấp hành các quy định pháp luật các biện pháp quản lý, điều hành giá; 2. Đối tượng kiểm tra là các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao về việc tổ chức thực hiện, chấp hành các quy định pháp luật về giá theo quy định tại Luật giá. 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với các biện pháp quản lý, điều hành giá trong phạm vi, thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao. 4. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về giá, tổ chức triển khai công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá; chủ trì kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá theo quy định tại Luật này. Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.		
63	**Điều 73. Nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động thẩm định giá** 1. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý hoạt động thẩm định giá, quản lý	- Tên điều đề nghị đổi thành: "**Đối tượng,** nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động thẩm định giá" *(Bộ Công an)*	Đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	thẩm định viên về giá hành nghề; Việc tuân thủ các tiêu chuẩn thẩm định giá (quy trình thẩm định giá, phương pháp thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá,...); Các nội dung khác theo quy định của pháp luật. 2. Đối tượng kiểm tra là các doanh nghiệp thẩm định giá và các cơ quan thực hiện thẩm định giá nhà nước. 3. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá, các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá.	- Sửa khoản 3 Điều 73 như sau: "3. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá tại các doanh nghiệp, tổ chức thẩm định giá, các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá". *(Bộ Khoa học và công nghệ)*	
64	**Điều 74. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến Luật giá** 1. Bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá tại các văn bản sau: a) Điểm a Khoản 2, Khoản 3, Khoản, 4 và Khoản 5 Điều 90; Điều 149 Bộ Luật Hàng hải; b) Điều 83 Luật giao thông đường Bộ năm 2008. c) Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Luật Hàng không dân dụng Việt	- Tên Điều 74 "sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến luật giá" nhưng trong nội dung của Điều 74 chỉ quy định về bãi bỏ các nội dung về hàng hóa do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá như vậy là chưa có sự thống nhất, đề nghị sửa lại tên điều từ "sửa đổi, bổ sung" thành "bãi bỏ". - Điểm b quy định về bãi bỏ "Điều 83 Luật Giao thông đường bộ năm 2008" là chưa chính xác vì Điều 83 quy định về tổ chức hoạt động của bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ. Chỉ có khoản 6 Điều 83 là quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo 1. "Sửa đổi khoản 2 Điều 90 của Bộ Luật Hàng hải số 95/2015/QH13 như sau: "2. Giá dịch vụ tại cảng biển bao gồm: a) Giá dịch vụ bốc dỡ container; giá dịch vụ hoa tiêu; giá sử dụng cầu, bến, phao neo; b) Giá dịch vụ lai dắt; Giá dịch vụ khác tại cảng biển." 2. Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 78 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; 3. Bãi bỏ, sửa đổi một số nội dung tại

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	Nam được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. d) Điểm đ Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009 đ) Khoản 4, 5 Điều 44 Luật Bưu chính năm 2010. e) Khoản 2 Điều 78 Luật đấu giá tài sản năm 2016. g) Khoản 4, Khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương. h) Khoản 5 Điều 31 Luật bảo hiểm y tế được bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Luạt sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế. i) Khoản 6 Điều 107 Luật Dược năm 2016. k) Điểm a Khoản 1 Điều 27 Luật Cạnh tranh năm 2018. l) Khoản 1 Điều 34, Điểm b Khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017. m) Khoản 3, Khoản 4 Điều 90 Luật Lâm Nghiệp. n) Điểm d Khoản 2 Điều 18 Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013. o) Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực. p) Điểm b Khoản 2 Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14. q) Khoản 5 Điều 106 Luật Nhà ở năm	tô, do đó, việc bãi bỏ toàn bộ Điều 83 là chưa phù hợp. - Điểm g dự thảo Luật Giá quy định bãi bỏ "khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương", tuy nhiên tại khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế, lao động và chính sách xã hội. Tại các khoản này không chỉ quy định riêng về giá mà còn quy định thêm các nội dung khác vì vậy bãi bỏ toàn 3 bộ 2 khoản này là chưa phù hợp. Đề nghị rà soát lại để bãi bỏ các điểm có liên quan hoặc các cụm từ cho chính xác. *(UBND tỉnh Hà Giang, Ninh Bình, Đắk Lắk)* Tại điểm p Khoản 1 Điều 74 quy định về bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017 có nội dung tổ chức đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ có nghĩa vụ "Hằng năm, gửi báo cáo kết quả hoạt động đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ tới cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ". Trong khi dự thảo Luật Giá chỉ điều chỉnh đối với hoạt động "thẩm định giá", còn hoạt động "đánh giá" và "giám định công nghệ" thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, không bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47	Phụ lục số 2 về danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 như sau: a) Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự thứ 4; b) Sửa đổi nội dung tên giá sản phẩm, dịch vụ tại số thứ tự thứ 5 như sau: "Dịch vụ sử dụng đường cao tốc do Nhà nước đầu tư"; c) Sửa đổi nội dung tên giá sản phẩm, dịch vụ tại số thứ tự thứ 6 như sau: "Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư hoàn toàn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước"; 4. Sửa đổi khoản 7, khoản 8 điều 11 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 như sau: "7. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định, thực hiện kê khai giá với Bộ Giao thông vận tải. 8. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều này và thực hiện niêm yết giá theo quy định."

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
	2014. r) Khoản 6 Điều 78 Luật bảo vệ môi trường năm 2020. s) Khoản 3 Điều 22 và Khoản 4 Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020. 2. Bãi bỏ quy định về điều kiện đối với Doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá tại các văn bản sau: a) Khoản 2 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ và Điều 32 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. b) Điều 116, 116 Luật Đất đai	Luật Chuyển giao công nghệ bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ của hệ thống pháp luật. *(Bộ Khoa học và công nghệ)* + Đề nghị làm rõ việc bãi bỏ Khoản 6 Điều 78 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 vì khoản này có nội dung không liên quan. + Khoản 6 Điều 79 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại. Vì vậy việc bãi bỏ toàn bộ khoản này cũng chưa phù hợp. *(Bộ Tài nguyên và môi trường, UBND tỉnh Hà Nội)*	5. Bãi bỏ điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14. 6. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14. 7. Bãi bỏ cụm từ thẩm định giá tại điểm b khoản 2 Điều 47; bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 48 tại Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; 8. Bãi bỏ khoản 2 Điều 67 của Luật Công chứng số 53/2014/QH13. 9. Bãi bỏ, sửa đổi một số Điều của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 như sau: a) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 58; b) Sửa đổi Khoản 2 Điều 61 như sau: "2. Đối với nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư tự xác định giá thuê, giá thuê mua, giá bán."
65	**Khác**	**1. Hà Nam** Đề nghị xem xét bổ sung quy định về "thời điểm định giá"	Nội dung tham gia không rõ ràng nên không có ý kiến giải trình
		2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về khái niệm "định giá" và "thẩm định giá": Khoản 13 và Khoản 17 Điều 4 dự thảo Luật; Tuy nhiên, dự thảo Luật (Điều 65), Bộ luật dân sự năm 2015 (Khoản 1 Điều 306), Luật đấu giá tài	Về nguyên lý của định giá và thẩm định giá đã quy định tại Luật hiện hành, Định giá là việc của cơ quan nhà nước, thẩm định giá là của cơ quan có chức năng (doanh nghiệp, hội đồng). Luật sẽ không

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		sản năm 2016 (Điều 9, Điều 65) đang sử dụng các khái niệm "tổ chức thẩm định giá", "tổ chức định giá" mà không làm rõ nội hàm của các khái niệm này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu đề xuất bổ sung các khái niệm "tổ chức thẩm định giá", "tổ chức định giá" hoặc sửa đổi, bổ sung các khái niệm "định giá" và "thẩm định giá" để đảm bảo đầy đủ và thống nhất với quy định tại các Luật khác.	cần thiết điều chỉnh các vấn đề về tổ chức định giá, tổ chức thẩm định giá. Thực tiễn trong một số Luật chuyên ngành sẽ có các quy định đặc thù riêng.
		3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về thẩm định giá khoản nợ: Tại Công văn số 8448/BTC-TCNH ngày 29/7/2021 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Báo cáo Chính phủ về đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14, Bộ Tài chính có ý kiến về việc Bộ "đang nghiên cứu về thẩm định giá các khoản nợ, thẩm định giá công cụ tài chính trên cơ sở thị trường mua, bán nợ của Việt Nam". Do đó, đề nghị cân nhắc bổ sung các quy định về thẩm định giá khoản nợ (bao gồm cả nợ xấu), tiêu chuẩn thẩm định giá khoản nợ (bao gồm cả nợ xấu) để các tổ chức mua bán nợ áp dụng trong quá trình mua bán nợ xấu và góp phần hình thành thị trường mua bán nợ tại Việt Nam.	Hiện Bộ Tài chính đã đưa vào kế hoạch, đang dự thảo. Ý kiến này thuộc về khâu triển khai thực hiện Luật, tại Luật đã có quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính ban hành các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.
II. CÁC Ý KIẾN THAM GIA VÀO NGUYÊN TẮC CHUNG			
1	**Các ý kiến chung**	**(1) Bộ Tư pháp** 1. Qua rà soát, nhận thấy: (i) một số chính sách nêu tại đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) chưa	**(1) Bộ Tư pháp:** Các nội dung này đã được nghiên cứu, rà soát và chỉnh lý tại dự thảo theo đúng các

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		được cụ thể hóa, quy định tại dự thảo Luật; (ii) một số nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới của dự thảo Luật chưa bám sát các chính sách nêu tại đề nghị xây dựng Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) để quy định phù hợp, đầy đủ. Ví dụ: - Chính sách 1 (Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá) đề ra giải pháp giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định danh mục chi tiết trên cơ sở tuân thủ đúng các nguyên tắc đã được đề ra tại luật nhưng dự thảo Luật (Điều 21) quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này. - Chính sách 2 (Phương pháp và hình thức định giá) đề ra giải pháp bổ sung phương pháp điều hành giá thông qua "giá tham chiếu". Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được quyền tự quyết định mức giá cụ thể để áp dụng trên nguyên tắc tôn trọng mức giá tham chiếu và có thể tăng giảm quanh mức giá này với một biên độ nhất định và đảm bảo đúng các nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên, khoản 10 Điều 4 dự thảo Luật quy định: *"Giá tham chiếu là mức giá do cơ quan có thẩm quyền công bố làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tham khảo quyết định giá hàng hóa, dịch vụ"* mà không quy định về biên độ tăng giảm giá theo giá	chính sách đã được Chính phủ phê duyệt.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		tham chiếu. - Chính sách 7 (Thẩm định viên về giá) đề ra giải pháp chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên để bảo đảm tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, tại thẻ thẩm định viên về giá sẽ thể hiện rõ lĩnh vực chuyên môn của thẩm định viên theo nhóm tài sản thẩm định. Việc phân định chi tiết các nhóm tàn sản này sẽ tiếp tục được đánh giá, phân định rõ ràng, cụ thể trong quá trình soạn thảo Luật. Tuy nhiên, mục 2 Chương V dự thảo Luật (dịch vụ thẩm định giá) chưa cụ thể hóa chính sách này. 2. Dự thảo Luật quy định nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung và có bổ sung một số quy định mới so với Luật Giá hiện hành. Tuy nhiên, kèm theo dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ căn cứ, cơ sở của việc đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung và quy định mới này. Hơn nữa, một số quy định còn mang tính chung chung, chưa cụ thể hóa; một số quy định được đưa ra mang tính cảm tính, chưa có cơ sở, căn cứ khoa học cũng như chưa có sự đánh giá, nghiên cứu, tổng kết để làm cơ sở cho việc đề xuất. Ví dụ: quy định về cấp thẻ thẩm định viên về giá cho thành viên Hội đồng thẩm định giá nhà nước (khoản 2 Điều 67); quy định về giá tham chiếu (khoản 10 Điều 4);... Do đó, để đảm bảo tính khả thi, thống nhất, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, làm rõ cơ sở, căn cứ của việc sửa đổi, bổ sung và quy định nội dung mới tại dự thảo Luật.	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		(2) Bộ Công thương **1.** Mục tiêu xây dựng dự thảo Luật Giá tại mục II dự thảo Tờ trình đã nêu: "Luật giá là một trong những công cụ pháp lý quan trọng để tham gia điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. ". Do đó, dự thảo Luật Giá cần phải thừa nhận các quyền đảm bảo quyền tự do kinh doanh, các quyền tự định đoạt giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên thị trường có sự kiểm soát của nhà nước. - Việc định giá sản phẩm, dịch vụ thấp hơn để cạnh tranh là quyền của chủ kinh doanh và có lợi cho người dùng. Đối với các trường hợp doanh nghiệp vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền bán dưới giá thành vi phạm pháp luật cạnh tranh đã có cơ chế xử lý theo quy trình tố tụng cạnh tranh được quy định trong Luật Cạnh tranh năm 2018). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc các quy định liên quan tới giá, giá tối thiểu trong dự thảo Luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác như pháp luật điện lực **2.** Dự thảo Luật hiện hành chỉ đưa ra các nội dung có thể hiện việc quản lý nhà nước về giá thông qua bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, niêm yết giá, thẩm định giá, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, kiểm tra việc chấp hành luật về giá mà chưa có có bất kỳ nội dung nào thể hiện nguyên tắc, quan điểm quản lý nhà nước về giá có	**(2) Bộ Công thương** **1.** Trong một số trường hợp, việc định giá tối thiểu là để định giá mua – bán có sử dụng ngân sách như nhà nước đặt hàng, mua hàng dự trữ quốc gia **2.** Khoản 4 Điều 4 đã chỉnh lý là: *"Điều 4. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước* *... 4. Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công; có chính*

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		thể thực hiện được thông qua các chính sách, công cụ, biện pháp điều hành khác,... của các cấp có thẩm quyềm trong công việc quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực chuyên ngành. Điều này có thể dẫn tới một số hạn chế, cản trở nhất định cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc chính sách cũng như thực thi quản lý nhà nước trong trường hợp có những ngành nghề, lĩnh vực chuyên môn đòi hỏi thực hiện phải phối hợp thực hiện công việc quản lý nhà nước về giá cả thông qua các phương pháp khác bên ngoài các công cụ nội dung đang được quy định tại dự thảo Luật. Do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu các kỹ các biện pháp quản lý nhà nước về giá cả. **3.** Đề nghị cơ quan quản lý chỉnh sửa quy định tại dự thảo Luật vai trò, phạm vi, mức độ, biện pháp điều tiết của nhà nước theo các tiêu chí rõ ràng. Sự điều tiết của nhà nước phải hoàn toàn do yêu cầu của khách hàng nhằm vào việc khắc phục các hạn chế, những tác động bất lợi của thị trưởng đến nền kinh tế **4.** Việc giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá, thực hiện bình ổn giá, tiếp nhận kê khai giá như quy định tại Điều 10 và các nội dung liên quan tại dự thảo Luật khó khả thi trong thực tế và không phù hợp với xu thể hiện nay (các doanh nghiệp	*sách về giá phù hợp với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các trường hợp theo quy định tại Luật khác có liên quan."* **3.** Khoản 1 Điều 4 đã quy định rõ là: *"Điều 4. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước* *1. Quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật."* **4.** Việc phân công phân cấp gắn với quản lý ngành, lĩnh vực để nâng cao hiệu quả, trách nhiệm quản lý của cơ quan, đơn vị.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau). Từ thực tiễn quản lý trên, đề nghị cơ quan quản lý điều chỉnh nghiên cứu theo hướng quy định một cơ quan quản lý nhà nước làm đầu mối ở Trung ương (Bộ Tài chính) hoặc địa phương để thực hiện. **5.** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thống nhất sử dụng thuật ngữ "tổ chức, cá nhân kinh doanh" thay cho thuật ngữ "tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doah hàng hóa, dịch vụ"; thuật ngữ "cơ quan quản lý nhà nước" thay cho thuật ngữ "cơ quan nhà nước" trong toàn bộ dự thảo để thống nhất với các văn bản pháp luật khác và thực tiễn. **6.** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định chi tiết tại dự thảo Luật hoặc giao Chính phủ quy định như hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện định giá, thẩm định giá, tiếp nhận kê khai giá; thời gian thực hiện khai báo công khai giá; cập nhật, tra cứu, sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu về quốc gia về giá; biện pháp nhà nước thực hiện quản lý, điều chỉnh giá theo cơ chế thị trường khi giá thị trường thường xuyên biến động, thay đổi, ...	**5.** Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo **6.** Tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật: Chỉ quy định nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết.
		(3) Bộ Giáo dục vả Đào tạo **1.**Tại dự thảo Tờ trình Luật Giá (sửa đổi) (trang 12); Bộ Tài chính đề xuất giao thẩm quyền quy định danh mục chi tiết hàng hóa, dịch vụ định giascho Chính phủ và gắn với đó là việc phân công, phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương	

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		thực hiện. *Bộ GDĐT đề nghị việc định giá trực tiếp các dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền định giá của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đảm bảo đồng bộ với các quy định hiện hành và thống nhất trong công tác quản lý giá.* ***2.*** Khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 30 của dự thảo Luật chưa thống nhất về cơ quan có thẩm quyền quy định và điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; danh mục hàng hóa dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá.	
		(3) Hội thẩm định giá Việt Nam Hội Thẩm định giá Việt Nam (TĐGVN) cho rằng Dự thảo sửa đổi cần phải nhất quán quán triệt nguyên tắc: Kế thừa những nội dung còn phù hợp của Luật Giá hiện hành, chỉ bổ sung những nội dung mới hợp lý mà Luật Giá hiện hành chưa đề cập. Từ nguyên tắc đó, đối chiếu với nội dung Luật Giá sửa đổi, Hội TĐGVN cho rằng chỉ nên xây dựng "Luật Giá sửa đổi, bổ sung Luật Giá số 11/2012/QH13", không cần thiết phải xóa bỏ hoàn toàn Luật Giá hiện hành để sửa đổi thành Luật hoàn toàn mới	Với khối lượng các vấn đề sửa đổi thì việc ban hành Luật giá thay thế là cần thiết.
2	**Về sự phù hợp, thống nhất của nội dung dự thảo Luật với quy định của các Bộ luật, Luật có liên quan**	Liên quan đến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa	Đã rà soát 2 dự thảo để thống nhất các nội dung

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		đổi) sẽ được trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2022) cùng thời điểm trình dự án Luật Giá (sửa đổi). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh (Điều 12 dự thảo Luật và quy định quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng (Điều 13 dự thảo Luật) để đảm bảo thống trong 02 dự án Luật khi trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua. *(Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*	
4	**Tờ trình Chính phủ**	Đề nghị làm rõ đánh giá tại trang 6 (Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá. Tại Luật giá quy định: "Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, Cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình") của Bộ, ngành nào? (Bộ Tài nguyên và môi trường)	Đã tiếp thu, chỉnh lý tại Điều quy định về phương pháp và tại Danh mục
		Đề nghị xem xét lại đánh giá đối với quy định về "quản lý thẩm định giá" (trang 6,7) (Bộ Tài nguyên và môi trường)	Bộ Tư pháp đã có báo cáo rà soát và Chính phủ đã có chỉ đạo xử lý vướng mắc.
5	**Bố cục Luật**	Luật Giá hiện hành đã bố cục làm nổi bật đầu tiên và trước hết là khẳng định quyền tự chủ về giá, tức tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên thị trường rồi mới đến vai trò điều tiết của Nhà nước đối với các hoạt động đó.	Bố cục Luật cũng đã được chỉnh lý thành 2 chương quyền người tiêu dùng, trách nhiệm của nhà nước

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Nay Dự thảo Luật không đi theo hướng tách riêng như trên mà lại chú trọng nhấn rất mạnh và có thể coi chủ yếu là vai trò của Nhà nước điều tiết giá cả dẫn đến chúng tôi có cảm nhận là vai trò của thị trường mà chủ thể của nó là các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh chiếm vị trí khá mờ (bố cục lẫn trong rất nhiều quyền của chính quyền Nhà nước các cấp). Chính vì vậy, bố cục của Dự thảo cần được cân nhắc, xem xét lại. **(Hội thẩm định giá Việt Nam)**	
STT	**Danh mục xin ý kiến rộng rãi**	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	**Giá bán lẻ điện**	(1) Ủy ban dân tộc Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Thủ tướng Chính phủ quy định khung giá và mức bán lẻ điện bình quân, Tập đoàn điện lực Việt Nam tự định giá cụ thể. (2) Bộ Công Thương - Về khung giá của mức bán lẻ điện bình quân: Dự thảo Luật đề xuất Bộ Công Thương quy định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, là mức giá cụ thể trong phạm vi khung giá áp dụng cho Tập đoàn điện lực Việt Nam. Việc này không phù hợp với vai trò quản lý nhà nước của Bộ khi Bộ Công Thương vừa là đơn vị xây dựng cơ chế, chính sách (khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân) vừa là đơn vị quyết định giá điều hành cụ thể của doanh nghiệp (mức giá bán lẻ điện bình quân).	Tiếp thu ý kiến các đơn vị và ý kiến thành viên Chính phủ, đã chỉnh lý lại dự thảo theo hướng kế thừa các quy định hiện hành; Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định giá đối với mặt hàng chiến lược, đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô và đời sống người dân; như vậy việc định giá đối với cơ cấu, biểu giá bán lẻ điện và khung giá của mức giá bán lẻ điện là phù hợp

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		- Về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân: Đề xuất bổ sung một khoản tại điều 8 dự thảo Luật quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân để làm căn cứ thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, phù hợp với thực tiễn khách quan và việc quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô của Việt Nam. - Về mức giá bán lẻ điện bình quân: Căn cứ quy định tại Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Bộ Công Thương đề xuất Tập đoàn Điện lực Việt Nam được quyết định mức giá bán lẻ điện bình quân đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành và không quy định nội dung Bộ Công Thương quy định mức giá bán lẻ bình quân trong dự thảo Luật. - Về mức giá bán lẻ điện cụ thể cho các nhóm khách hàng: Dự thảo đang đề xuất "Tập đoàn Điện lực Việt Nam tự định giá cụ thể", nội dung này không phù hợp với thực trạng bán lẻ điện hiện nay vì ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam còn có rất nhiều các đơn vị phân phối và bán lẻ điện khác. Vì vậy, Bộ Công Thương đề nghị sửa đổi quy định theo hướng "Đơn vị bán lẻ điện tự định giá cụ thể".	
2	**Vật liệu nổ công nghiệp**	Bộ Công Thương Đề nghị không đưa vào danh mục Định giá. Do	Tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương, không bổ sung mặt hàng này vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		hiện nay trong nước chủ yếu sản xuất được các loại thuốc nổ hầm lò thông thường, nhiều loại VLNCN dùng trong các lĩnh vực khác nhau vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài, do đó việc định giá, quy định giá tối đa rất khó thực hiện và không khả thi. Bên cạnh đó, VLNCN thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất kinh doanh theo Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ với tính chất ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội, không phải hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu, ảnh hưởng toàn diện đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân và sản xuất kinh doanh.	giá
3	**Dịch vụ cất cánh, hạ cánh;** **Dịch vụ điều hành bay đi, đến;** **Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay;** **Dịch vụ soi chiếu an ninh;** **Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.**	Bộ Giao thông vận tải - Bổ sung danh mục: "Dịch vụ phục vụ hành khách" - Đưa ra khỏi danh mục: + Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; + Dịch vụ soi chiếu an ninh.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Giao thông vận tải và đã chỉnh lý lại tại dự thảo
4	**Dịch vụ thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay;** **Dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không sân bay**	(1) Ủy ban dân tộc Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Bộ GTVT quy định khung giá, các đơn vị tự quy định giá cụ thể trong khung giá. Không đưa dịch vụ này ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. (2) Hiệp hội xăng dầu Đề xuất quy định như hiện hành để minh bạch giá thuê mặt bằng, theo đó Bộ GTVT quy định khung giá và các đơn vị tự quy định giá cụ thể trong	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo

STT	Nội dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		khung giá. (3) Bộ Giao thông vận tải - Đối với Dịch vụ thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay: Đề nghị bổ sung cơ sở đề xuất bỏ mặt hàng này ra khỏi danh mục - Đối với dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay: Làm rõ những dịch vụ thiết yếu là dịch vụ nào để quy định phù hợp với Điều 21 dự thảo Luật.	
5	**Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền**	Bộ Giao thông vận tải Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung cơ sở đề xuất và đánh giá ảnh hưởng đến giá Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa ngoài các tuyến độc quyền.	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo
6	**Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị**	Ủy ban dân tộc Đề nghị quy định Bộ GTVT quy định giá tối đa, UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể.	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo
7	**Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN**	Bộ Giao thông vận tải Đề nghị có đánh giá tác động khi điều chỉnh "Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư hoàn toàn từ nguồn vốn NSNN".	Đã bổ sung đánh giá cụ thể
8	**Dịch vụ cầu bến phao neo** **Dịch vụ hoa tiêu**	Bộ Giao thông vận tải Đề nghị điều chỉnh tên dịch vụ: “cầu bến phao neo” thành “sử dụng cầu, bến, phao neo”.	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo
9	**Dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển**	Bộ Giao thông vận tải Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung cơ sở và đánh giá tác động đến việc thay đổi giá dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển đối với đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		định giá.	
10	**Dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh (BOT)**	(1) Ủy ban dân tộc Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Bộ GTVT quy định giá tối đa đối với các dự án đường quốc lộ, cao tốc, UBND tỉnh quy định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do địa phương quản lý. Không đưa dịch vụ này ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. (2) Bộ Giao thông vận tải Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành (vẫn do nhà nước định giá) để đảm bảo tính ổn định trong cơ chế, chính sách đang áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng dự án đường bộ theo hình thức BOT. Trường hợp Bộ Tài chính giữ nguyên quan điểm đề xuất đưa ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đề nghị phải có đánh giá cụ thể tác động đối với các dự án BOT đang trong quá trình kinh doanh khai thác và cả các dự án BOT thực hiện sau này.	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý vẫn giữ việc định giá mặt hàng này tại dự thảo, chỉ chỉnh lý về mặt nguyên tắc đối với tên"Dịch vụ sử dụng đường bộ gồm đường quốc lộ, đường cao tốc; đầu tư để kinh doanh"
11	**Dịch vụ đường cao tốc do Nhà nước đầu tư và giao cho đơn vị khai thác**	Bộ Giao thông vận tải Bộ GTVT tiếp tục đề xuất tổ chức thu theo cơ chế phí đối với toàn bộ các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước sở hữu, quản lý. Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết, Chính phủ chỉ đạo triển khai xây dựng hoàn thiện các quy định pháp luật thì việc thu phí có thể triển khai sớm theo những hình thức khai thác tài sản đã được quy định tại Luật quản lý tài sản công, Nghị định 33/2019/NĐ-CP trong đó trường hợp Chính phủ có chỉ đạo chuyển nhượng	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo, hiện chưa quy định tại Danh mục. Trường hợp Chính phủ, Quốc hội quyết định phương án sẽ chỉnh lý lại cho phù hợp

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đối với tuyến đường cụ thể) để thu trước khoản phí thì Bộ GTVT sẽ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.	
12	**Dịch vụ kết nối viễn thông;** **Dịch vụ viễn thông, bưu chính công ích;** **Dịch vụ phát hành báo chí công ích.**	Bộ Thông tin và Truyền thông Đề nghị hiệu chỉnh "dịch vụ phát hành báo chí công ích" thành "dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí".	Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại tại dự thảo
13	**Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải**	Bộ Xây dựng Đối với khu công nghiệp thì giá dịch vụ thoát nước không phải do UBND tỉnh quy định giá cụ thể; do đó, việc quy định UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể cho dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải như Dự thảo chưa hoàn toàn phù hợp.	Tiếp thu và chỉnh lý lại phạm vi định giá mặt hàng này.
14	**Một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất**	Ủy ban dân tộc Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó UBND cấp tỉnh quy định giá. Không đưa dịch vụ này ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.	Không tiếp thu, đây là phần gia tăng của dịch vụ công của nhà nước, thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định tại Luật phí, lệ phí, không cần thiết quy định định giá nhà nước.
15	**Đất đai**	Bộ Tài nguyên và Môi trường Giá đất đai, mặt nước (số thứ tự 17 trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá) được đề xuất thực hiện theo quy định Luật Đất đai (đang thực hiện sửa đổi). Như vậy sẽ mâu thuẫn	Đã chinh lý quy định tại tại Danh mục (cập nhật theo quy định tại Luật đất đai).

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		với quy định tại Điều 3 của dự thảo.	
16	**Mặt nước**		
17	**Nước sạch sinh hoạt**	(1) Bộ Xây dựng Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện nay không còn hình thức Thông tư liên tịch. Nghị định quy định Bộ Tài chính ban hành khung giá nước sạch. Đề nghị rà soát về thẩm quyền hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch (2) Thừa Thiên Huế Việc đề xuất như hiện nay là chưa phù hợp với tình hình thực tế và linh hoạt trong phương án hoạt động hay cơ chế tự quyết định giá của đơn vị cấp nước đối với giá nước sạch cho các mục đích sử dụng khác hay giá bán buôn bảo đảm phù hợp với phương án giá nước đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt. Do vậy, đề nghị nghiên cứu quy định cho phù hợp.	Theo quy định tại Điều 24 dự thảo thì Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Xây dựng để ban hành phương pháp
18	**Dịch vụ quy hoạch**	(1) Bộ Xây dựng Định nghĩa "Dịch vụ quy hoạch" không có trong Luật Quy hoạch; đề nghị rà soát lại nội dung này	Đã chỉnh lý, đưa ra khỏi danh mục
19	**Học phí tại các Cơ sở đào tạo giáo dục công lập**	(1) Ủy ban dân tộc Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Chính phủ quy định khung giá, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa, mức giá cụ thể. (2) Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề nghị tiếp tục phân cấp theo quy định hiện hành - Chính phủ quy định trần học phí giáo dục đại học công lập; Khung học phí (mức sàn – mức	Qua rà soát, mặt hàng này mặc dù cũng có ảnh hưởng rộng nhưng thực tế có tính tương đồng với dịch vụ khám chữa bệnh (hiện đã chuyển thẩm quyền xuống Bộ Y tế); Việc giao thẩm quyền của cấp Bộ định giá với dịch vụ có tính chuyên môn rất cao cũng là phù hợp

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		trần) giáo dục mầm non và phổ thông công lập - UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt khung học phí, mức học phí mầm non, phổ thông công lập cụ thể tại địa phương.	
20	**Dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tại đơn vị công lập**	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Đề nghị đổi tên thành: Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng: Các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình. 2. Đề nghị bổ sung một số dịch vụ sau với hướng quy định: Các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình. Đồng thời bổ sung quy định cụ thể tên các nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (theo ý kiến tham gia cụ thể)	1. Không tiếp thu do các dịch vụ này thực tế đã được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp và thực tiễn áp dụng không có vướng mắc 2. Các dịch vụ này là sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng; không cần thiết quy định danh mục quá cụ thể tại Luật giá và thực hiện theo Quyết định ban hành danh mục của Bộ Lao động
21	**Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường**	Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cấp mầm non, phổ thông (trong đó gồm dịch vụ cấp phát các loại phôi bằng, chứng chỉ; dịch vụ tuyển sinh): Đưa vào Danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá. UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt mức giá cụ thể. - Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bậc cao đẳng sư phạm và bậc giáo dục đại học (trong đó gồm dịch vụ cấp phát các loại phôi bằng, chứng chỉ; dịch vụ tuyển sinh): Không đưa vào	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		danh mục định giá. Các cơ sở giáo dục xác định mức thu bù đắp chi phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật. Thực hiện công khai, niêm yết giá theo quy định.	
22	**Dịch vụ cấp phát các loại phôi bằng, chứng chỉ giáo dục phổ thông;**		
23	**Dịch vụ tuyển sinh các cấp tại các cơ sở giáo dục nhà nước**		
24	**Sách giáo khoa**	Bộ Giáo dục và đào tạo Đề nghị quy định: Chính phủ quy định giá sách giáo khoa trên cơ sở để xuất của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính Bộ Thông tin và Truyền thông Đề nghị nghiên cứu đối với dự thảo Luật Giá sửa đổi về đề xuất quy định Bộ Giáo dục và đào tạo quy định giá tối đa cho Sách giáo khoa; Nhà xuất bản tự quyết định giá cụ thể" nhằm tránh xung đột với quy định hiện hành tại điểm i, khoản 1. Điều 18 Luật Xuất bản năm 2012 (quy định Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn "Định giá, điều chỉnh giá bán lẻ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật"), đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện Luật Xuất bản và Luật Giá.	Trên cơ sở đánh giá chi tiết, đã chỉnh lý lại dự thảo theo hướng giao Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định giá cụ thể
25	**Giá mua nhà làm nhà ở công vụ;** **Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được chi từ nguồn NSNN, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.**	(1) Bộ Xây dựng Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được chi từ nguồn NSNN, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (STT 36): Đề nghị rà soát việc quy định khung giá, giá tối đa cho phù hợp với Luật Nhà ở	Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		và các văn bản hướng dẫn (2) Thừa Thiên Huế Để đảm bảo hiệu quả chi phí đầu tư và chi phí quản lý, vận hành nhà ở, đề nghị nghiên cứu phân cấp quản lý NSNN quy định giá tối thiểu.	
26	**Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư**	Bộ Xây dựng Đề nghị làm rõ thẩm quyền ban hành phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư (theo Luật ban hành VBQPPL không còn hình thức Thông tư liên tịch)	Việc xác định giá này phụ thuộc vào phạm vi quản lý của đơn vị được giao quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung
27	**Tác quyền sở hữu trí tuệ, bản ghi âm, ghi hình**	(1) Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch Đề nghị sửa thành: "Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ". Theo quy định tại điểm a, Khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ đã được QH thông qua ngày 16/6/2022, có hiệu lực từ 01/01/2023. Khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ cũng quy định giao Chính phủ quy định khung giá và mức giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ này. Do đó, đề xuất cân nhắc quy định thẩm quyền định giá tại danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước ban hành theo Luật giá (sửa đổi) là: Chính phủ quy định khung giá và mức giá tiền bản quyền khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo	Tiếp thu đối với tên hàng hóa; Riêng đối với thẩm quyền và hình thức định giá vẫn giữ hướng quy định giao Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch quy định theo định hướng chung của Chính phủ

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.	
28	**Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.**	Bộ Xây dựng Việc quy định các Bộ, ngành theo lĩnh vực quy định giá tối đa là chưa phù hợp với các lĩnh vực do Bộ Xây dựng quản lý (ví dụ giá dịch vụ thoát nước Bộ Xây dựng chỉ ban hành phương pháp định giá; việc quy định giá cụ thể theo lộ trình thu do UBND cấp tỉnh quyết định). Đề nghị nghiên cứu lại nội dung này cho phù hợp với Luật chuyên ngành	Việc định giá mặt hàng nào là căn cứ theo danh mục do các Bộ chuyên ngành quy định tại Quyết định về dịch vụ sự nghiệp công
29	**Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước**	(1) Bộ Thông tin và Truyền thông Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về mối quan hệ trong quản lý định giá của Bộ, Cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý (trong thực hiện điểm b khoản 3 Điều 22) với cơ quan có thẩm quyền đặt hàng. (2) Bộ Giao thông vận tải Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể danh mục đối với dịch vụ này tại Luật Giá sửa đổi (trong lĩnh vực GTVT gồm có: Sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải) và bổ sung hình thức giao nhiệm vụ và đấu thầu. (3) Thừa Thiên Huế Đề nghị nêu rõ địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình, cụ thể là UBND cấp tỉnh hay UBND các cấp và Sở Quản lý ngành, lĩnh vực.	Việc định giá mặt hàng nào là căn cứ theo danh mục do các Bộ chuyên ngành quy định tại Quyết định về dịch vụ sự nghiệp công; Đã chỉnh lý lại tên mặt hàng cho phù hợp là "Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng"

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
30	**Hàng dự trữ quốc gia**	Bộ Giao thông vận tải Đề nghị quy định cụ thể danh mục Hàng dự trữ quốc gia trong dự thảo Luật Giá	Danh mục cụ thể sẽ thực hiện theo Luật dự trữ quốc gia
31	**Xăng dầu**	(1) Ủy ban dân tộc Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Bộ Công thương phối hợp với Bộ Tài chính ban hành giá cơ sở, doanh nghiệp được bán không vượt quá mức giá do cơ quan quản lý công bố. (2) Bộ Công Thương Đề nghị bỏ mặt hàng xăng dầu ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và chỉ để mặt hàng xăng dầu vào danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá (nếu bỏ quỹ bình ổn giá xăng dầu).	Không đưa vào danh mục do Bỏ quỹ ở Luật và riêng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu thì tiếp tục thực hiện theo cơ chế đặc thù được củng cố nguyên tắc tại 1 Điều riêng
32	**Giá than**	Bộ Công Thương Theo quy định tại Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng; đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất hình thức quản lý chỉ với giá than nhập khẩu. Tại mục 49 chưa quy định cụ thể thẩm quyền quản lý nhà nước về giá. Do vậy, trường hợp quy định thẩm quyền quản lý nhà nước đề nghị bổ sung cụ thể thẩm quyền quản lý nhà nước về giá đối với mặt hàng than là Bộ Tài chính để phù hợp thực tiễn quản lý, các quy định hiện hành.	Tiếp thu các nội dung tuy nhiên nội dung này sẽ được quy định tại dự thảo Nghị định
33	**Một số dịch vụ cước viễn thông của doanh nghiệp (theo dự thảo Luật viễn thông sửa đổi)**	Bộ Thông tin và Truyền thông Đối với các dịch vụ liên quan đến viễn thông bao gồm: dịch vụ kết nối viễn thông, dịch vụ viễn	Việc quy định thẩm quyền và hình thức định giá cần phải có quy định cụ thể. Đối với một số dịch vụ cước viễn thông khác

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		thông công ích, một số dịch vụ cước viễn thông của doanh nghiệp viễn thông (theo dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi)), đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu quy định "Bộ Thông tin và Truyền thông quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu, giá cụ thể (tuỳ dịch vụ)". Mặt khác, do viễn thông là ngành có tính đặc thù và gắn liền với sự phát triển, thường xuyên thay đổi của công nghệ, dịch vụ viễn thông mới cũng ra đời. Do tính chất của từng dịch vụ viễn thông khác nhau nên định giá một dịch vụ viễn thông là hết sức phức tạp. Để tạo điều kiện cho Bộ TTTT thực hiện quản lý giá dịch vụ viễn thông kịp xu hướng quản lý viễn thông trên thế giới, đề nghị Bộ Tài chính xem xét và mở rộng công cụ định giá dịch vụ viễn thông.	có thể xem xét áp dụng phương thức giá tham chiếu.
34	**Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Danh mục nhà nước định giá chưa có giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, nếu thực hiện theo mục số 41 thì không đủ cơ sở để triển khai đối với thủy lợi. Do đó, đề nghị bổ sung giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thành mục riêng trong danh mục nhà nước định giá. Trường hợp giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi gắn với tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (như hiện nay) thì đề nghị quy định giá tối đa do Bộ Tài chính quyết định, giá cụ thể do Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (không cần thông qua Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để giảm quy trình thủ tục).	Tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, đã chỉnh lý lại dự thảo
35	**Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác**	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
		Đề nghị quy định rõ loại hình giá này thực hiện như thế nào nếu đề xuất bỏ ra khỏi danh mục	phát triển nông thôn, đã chỉnh lý lại dự thảo vẫn giữ mặt hàng này
Danh mục các Bộ, ngành đề xuất bổ sung			
1	Dịch vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai; Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ	**Bộ Tài nguyên và Môi trường** Ở địa phương thì thực hiện Dịch vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ; ở Trung ương thì thực hiện Dịch vụ Cung cấp thông tin, dữ liệu đất.	Không tiếp thu vì đây là phần gia tăng của dịch vụ công của nhà nước, thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định tại Luật phí, lệ phí, không cần thiết quy định định giá nhà nước.
2	Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh sản xuất, cung ứng	**Bộ Quốc phòng** Do các hàng hóa, dịch vụ này phù hợp nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 21	Tiếp thu và đã bổ sung mặt hàng này
3	- Khí thiên nhiên khai thác trong nước - Cước phí vận chuyển, phân phối khí	**Bộ Công Thương** - Khí thiên nhiên khai thác trong nước (phù hợp với quy định về định giá đối với nguồn tài nguyên quan trọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật giá) - Cước phí vận chuyển, phân phối khí (có tính chất độc quyền tự nhiên) gắn với giá điện do nhà nước định giá.	Không bổ sung do Bộ Công Thương sau đó đã có ý kiến khác tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ
4	Dịch vụ sân bay, dịch vụ sử dụng đường sắt chuyên dụng, dịch vụ sử dụng đường cao tốc	**Bộ Công Thương** - Đề nghị xem xét, bổ sung: Dịch vụ sân bay, dịch vụ sử dụng đường sắt chuyên dụng, dịch vụ sử dụng đường cao tốc.	Không bổ sung do không có đánh giá chi tiết, cụ thể.

STT	Nôi dung dự thảo xin ý kiến rộng rãi	Ý kiến tham gia	Tiếp thu, giải trình
5	Phổ tần số vô tuyến điện	**Bộ Thông tin và Truyền thông** Đề nghị bổ sung để phù hợp với nguyên tắc xác định danh mục của Luật Giá và quy định có liên quan về "Tài nguyên quan trọng" tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật Viễn thông hiện hành.	Việc xác định giá sẽ thực hiện theo phương thức thẩm định giá của nhà nước.
6	Dịch vụ chia sẻ dữ liệu phương tiện giao thông vận tải	**Bộ Giao thông vận tải** Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung "Dịch vụ chia sẻ dữ liệu phương tiện giao thông vận tải"	Không tiếp thu vì đây là phần gia tăng của dịch vụ công của nhà nước, thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định tại Luật phí, lệ phí, không cần thiết quy định định giá nhà nước.

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2645 /BTP-PLDSKT V/v góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 0052119
Ngày: 26-07-2022
Chuyển: Cục QLG
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi) (dưới đây gọi chung là dự án (dự thảo) Luật), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. VỀ Ý KIẾN CHUNG

1. Dự thảo Luật được xây dựng trên 09 chính sách nêu tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) được Bộ Tài chính trình Chính phủ tại Tờ trình số 158/TTr-BTC ngày 27/8/2021 và Tờ trình số 174/TTr-BTC ngày 01/10/2021 (thay thế Tờ trình số 158/TTr-BTC), Chính phủ đã thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn rà soát để bảo đảm thể hiện đúng và đầy đủ các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP; đã Quốc hội đưa dự án Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 của Quốc hội. Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy: (i) một số chính sách nêu tại đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) chưa được cụ thể hóa, quy định tại dự thảo Luật; (ii) một số nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới của dự thảo Luật chưa bám sát các chính sách nêu tại đề nghị xây dựng Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) để quy định phù hợp, đầy đủ. Ví dụ:

- Chính sách 1 (Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá) đề ra giải pháp giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định danh mục chi tiết trên cơ sở tuân thủ đúng các nguyên tắc đã được đề ra tại luật nhưng dự thảo Luật (Điều 21) quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này

- Chính sách 2 (Phương pháp và hình thức định giá) đề ra giải pháp bổ sung phương pháp điều hành giá thông qua "giá tham chiếu". Doanh nghiệp sản

xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được quyền tự quyết định mức giá cụ thể để áp dụng trên nguyên tắc tôn trọng mức giá tham chiếu và có thể tăng giảm quanh mức giá này với một biên độ nhất định và đảm bảo đúng các nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên, khoản 10 Điều 4 dự thảo Luật quy định: "*Giá tham chiếu là mức giá do cơ quan có thẩm quyền công bố làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tham khảo quyết định giá hàng hóa, dịch vụ*" mà không quy định về biên độ tăng giảm giá theo giá tham chiếu.

- Chính sách 7 (Thẩm định viên về giá) đề ra giải pháp chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên để bảo đảm tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, tại thẻ thẩm định viên về giá sẽ thể hiện rõ lĩnh vực chuyên môn của thẩm định viên theo nhóm tài sản thẩm định. Việc phân định chi tiết các nhóm tài sản này sẽ tiếp tục được đánh giá, phân định rõ ràng, cụ thể trong quá trình soạn thảo Luật. Tuy nhiên, mục 2 Chương V dự thảo Luật (dịch vụ thẩm định giá) chưa cụ thể hóa chính sách này.

2. Dự thảo Luật quy định nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung và có bổ sung một số quy định mới so với Luật Giá hiện hành. Tuy nhiên, kèm theo dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ căn cứ, cơ sở của việc đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung và quy định mới này. Hơn nữa, một số quy định còn mang tính chung chung, chưa cụ thể hóa; một số quy định được đưa ra mang tính cảm tính, chưa có cơ sở, căn cứ khoa học cũng như chưa có sự đánh giá, nghiên cứu, tổng kết để làm cơ sở cho việc đề xuất. Ví dụ: quy định về cấp thẻ thẩm định viên về giá cho thành viên Hội đồng thẩm định giá nhà nước (khoản 2 Điều 67); quy định về giá tham chiếu (khoản 10 Điều 4);... Do đó, để đảm bảo tính khả thi, thống nhất, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, làm rõ cơ sở, căn cứ của việc sửa đổi, bổ sung và quy định nội dung mới tại dự thảo Luật.

II. VỀ NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT

1. Về sự phù hợp, thống nhất của nội dung dự thảo Luật với quy định của các Bộ luật, Luật có liên quan

1.1. Liên quan đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Điều 3 dự thảo Luật quy định: "*Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm thẩm định giá thì thực hiện theo quy định của Luật này*". Bộ Tư pháp cho rằng, quy định này chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 156 Luật

Ban hành văn bản quy phạm năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa quy định này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Liên quan đến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2022) cùng thời điểm trình dự án Luật Giá (sửa đổi). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh (Điều 12 dự thảo Luật và quy định quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng (Điều 13 dự thảo Luật) để đảm bảo thống trong 02 dự án Luật khi trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua.

1.3. Liên quan đến các luật khác

Điều 74 dự thảo Luật có sửa đổi, bổ sung một số điều của 18 Luật có liên quan đến Luật Giá, theo đó, bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá tại 18 Luật và bãi bỏ quy định về điều kiện đối với doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá tại Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Đất đai. Bộ Tư pháp cho rằng, việc bãi bỏ các quy định của các luật liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền và hình thức định giá của các hàng hóa, dịch vụ để quy định trong danh mục ban hành kèm dự thảo Luật là cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc về tính khả thi của quy định này, đồng thời phải đảm bảo sự thống nhất của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ định giá đã được quy định tại 18 Luật. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát quy định của các luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá để đưa vào dự thảo Luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

2. Về một số vấn đề khác

2.1. Về nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước (Điều 5 dự thảo Luật), khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật quy định nguyên tắc "*... có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn*". Bộ Tư pháp cho rằng, đối với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm ưu tiên phát triển kết hợp với các chính sách an sinh – xã hội khác. Do vậy, để bảo đảm

nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự định hướng của nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đối với nguyên tắc trên.

2.2. Về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (Điều 12 dự thảo Luật)

- Điểm b khoản 1 Điều 12 dự thảo Luật quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có quyền: *"Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc nhà nước công bố giá tham chiếu"*. Bộ Tư pháp cho rằng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có quyền quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh hoặc quyết định giá mua hàng hóa, dịch vụ bán trên thị trường trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định này để đảm bảo quyền định giá của tổ chức, cá nhân chỉ bị hạn chế đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Điểm g khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ: *"Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu ... có phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá"*. Bộ Tư pháp cho rằng, các số liệu, tài liệu có liên quan đến giá hàng hóa, dịch vụ là bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân, chỉ được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức, cá nhân lập phương án giá đối với giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá hoặc khi nhà nước áp dụng thực hiện bình ổn giá bằng hình thức định giá. Đối với yêu cầu cung cấp số liệu, tài liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá cần đưa ra khỏi quy định này để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2.3. Về quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng (Điều 13 dự thảo Luật)

- Điểm b khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật quy định người tiêu dùng có nghĩa vụ: *"Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá"*. Hành vi vi phạm pháp luật về giá có thể chưa đến mức bị xử lý hoặc bị xử lý vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự; việc phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc dự thảo Luật quy định người tiêu dùng có nghĩa vụ thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện có hành vi "có dấu hiệu" vi phạm pháp luật về giá có thể làm ảnh hưởng đến chính bản thân người tiêu dùng (trường hợp hành vi đó được chứng

mình không phải là hành vi vi phạm pháp luật về giá thì người tiêu dùng có thể bị cho là "vu cáo", "bịa đặt"; trường hợp hành vi đó được chứng minh là hành vi vi phạm pháp luật về giá thì có thể xảy ra khả năng người tiêu dùng bị "trả thù") Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đối với quy định này, nếu quy định đây là nghĩa vụ của người tiêu dùng thì cần có cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong trường hợp này

2.4. Về bình ổn giá (mục 1 Chương III dự thảo Luật)

- Đề nghị bỏ quy định tại Điều 15 về nguyên tắc bình ổn giá, Bộ Tư pháp cho rằng, Luật Giá là văn bản quy phạm pháp luật quy định về bình ổn giá nên nội dung các quy định về bình ổn giá cần thể hiện đúng và đầy đủ nguyên tắc bình ổn giá quy định tại Điều 15 dự thảo Luật, còn nội dung nguyên tắc này nên đưa vào Tờ trình để giải trình nội dung quy định của Luật về bình ổn giá.

- Về các biện pháp bình ổn giá và thực hiện bình ổn giá: khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật quy định về các biện pháp bình ổn giá và giao Chính phủ quy định chi tiết. Tại khoản 2 Điều 17 không quy định kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật) là một trong các biện pháp bình ổn giá nhưng lại được áp dụng các biện pháp này khi thực hiện bình ổn giá. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo tính thống nhất trong dự thảo Luật về các biện pháp bình ổn giá được áp dụng khi thực hiện bình ổn giá. Ngoài ra, điểm a khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật chỉ quy định về việc các cơ quan có thẩm quyền được áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có mà không quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn... điều này có thể làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện quy định trên đảm bảo việc thực hiện các biện pháp trên công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Điểm c khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật quy định: "*Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền*" Bộ Tư pháp cho rằng, trường hợp cơ quan nhà nước định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá thì việc xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, cần quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự,

nguồn hỗ trợ, thời gian thực hiện hỗ trợ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

2.5. Về định giá (mục 2 Chương III dự thảo Luật)

- Về nguyên tắc định giá (Điều 22 dự thảo Luật): đề nghị bổ quy định này (tương tự nguyên tắc bình ổn giá đã nêu tại mục II.2.4 Công văn này).

- Khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật quy định: *"Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại pháp lệnh giá hoặc theo Luật này"*. Tuy nhiên, trong hồ sơ gửi lấy ý kiến chỉ có Danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá (chỉ có tên hàng hóa, dịch vụ; quy định hiện hành và đề xuất), chưa có quy định về hình thức định giá, thẩm quyền, trách nhiệm định giá. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện nội dung này, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện. Mặt khác, thẩm quyền, trách nhiệm định giá là nội dung rất quan trọng của Luật. Giá nên cần thể hiện trong nội dung của Luật chứ không nên đưa vào phụ lục ban hành kèm theo Luật.

- Về các hình thức định giá, mục 2 Chương III dự thảo Luật không quy định về các hình thức định giá mà đưa vào danh mục gắn với hình thức định giá với từng hàng hóa, dịch vụ cụ thể. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 30 dự thảo Luật lại quy định "hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu". Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định cụ thể về các hình thức định giá trong dự thảo Luật để làm cơ sở pháp lý cho việc phân công các bộ, ngành, địa phương áp dụng hình thức định giá cụ thể (khung giá, tối đa, tối thiểu hay tham chiếu).

- Về phương pháp định giá (Điều 24 dự thảo Luật): khoản 1 Điều 24 quy định *"trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yêu cầu hình thành giá mang tính chuyên ngành Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện"*; khoản 2 Điều 24 quy định *"Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại khoản 1 Điều này Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ trường hợp nào thì ban hành văn bản hướng dẫn, trường hợp nào ban hành phương pháp định giá riêng để đảm bảo tính khả thi và tính thống nhất trong quá trình triển khai thi hành.

2.6. Về hiệp thương giá: khoản 4 Điều 29 dự thảo Luật quy định. *"Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá thì cơ quan hiệp thương lập biên bản để ghi nhận nội dung hội nghị và tiến hành ban hành Quyết định mức giá hiệp thương để 2 bên thực hiện. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện tương tự như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá"*. Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về giá trị pháp lý của Quyết định mức giá hiệp thương để bảo đảm quyền tự do thỏa thuận hợp đồng của các bên tham gia hiệp thương. Bộ Tư pháp cho rằng, để bảo đảm quyền tự do thỏa thuận hợp đồng của các bên thì Quyết định mức giá hiệp thương là mức giá để các bên tham khảo, ký kết hợp đồng, nếu các bên không áp dụng mức giá hiệp thương thì không có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước tổ chức hiệp thương nữa.

2.7. Về kê khai giá (mục 2 Chương IV)

- Về hàng hóa, dịch vụ kê khai giá: khoản 1 Điều 30 dự thảo Luật quy định hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá kế thừa quy định của Luật Giá năm 2012 và mở rộng đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quy định giá tham chiếu, một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; một số hàng hóa dịch vụ tại địa phương. Khoản 10 Điều 4 dự thảo Luật quy định: *"Giá tham chiếu là mức giá do cơ quan có thẩm quyền công bố làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tham khảo quyết định giá hàng hóa, dịch vụ"*. Tuy nhiên, qua rà soát quy định của dự thảo Luật, chưa có quy định về thẩm quyền quy định giá tham chiếu, hiệu lực pháp lý của giá tham chiếu. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và giải trình về giá tham chiếu quy định trong dự thảo Luật.

- Về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân: điểm a khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật quy định: *"trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá, có thể yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá"*. Bộ Tư pháp cho rằng, việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân báo cáo một số yếu tố hình thành giá nhưng không quy định cụ thể trường hợp nào được yêu cầu, các tài liệu nào phải cung cấp sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về các trường hợp được yêu cầu các tổ chức, cá nhân báo cáo yếu tố hình thành giá.

2.8. Về niêm yết giá (Điều 34, Điều 35 dự thảo Luật): khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật quy định: *"đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại quy định

này để bao đảm phù hợp với quy định tại Khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 4 dự thảo Luật. Theo đó, đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá theo giá do mình quyết định, đảm bảo phù hợp với giá do Nhà nước định giá.

2.9. Về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Điều 53 dự thảo Luật): dự thảo Luật bổ sung quy định tăng số lượng người có thẻ thẩm định viên về giá từ 3 lên 5 người, bổ sung quy định về vốn điều lệ của doanh nghiệp (vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên). Bộ Tư pháp cho rằng, việc bổ sung quy định về vốn điều lệ tối thiểu chỉ nên áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh thì việc quy định vốn điều lệ tối thiểu là không cần thiết và các doanh nghiệp này chịu trách nhiệm vô hạn đối với các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

2.10. Về thẩm định giá của nhà nước (mục 3 Chương V)

- Khoản 2 Điều 67 dự thảo Luật quy định: *"Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp"*. Đây là quy định mới so với quy định của Luật Giá năm 2012, nếu Luật có hiệu lực thi hành thì sẽ không thể thực hiện thẩm định giá nhà nước vì không có thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định về thời hạn áp dụng quy định này kể từ khi Luật có hiệu lực. Đồng thời trong dự thảo Luật cần quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn để được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ thẩm định giá nhà nước.

- Khoản 8 Điều 67 dự thảo Luật quy định: *Trường hợp khẩn cấp thì Hội đồng thẩm định giá nhà nước có thể xác định giá tài sản thông qua thẩm định giá trực tiếp với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định này vì Hội đồng thẩm định giá nhà nước có thể không có thẩm quyền thẩm định giá trực tiếp với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

III. VỀ HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO LUẬT

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện lấy ý kiến dự thảo Luật theo quy định tại Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), trên cơ sở đó hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2. Về dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020). Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật, Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính và Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Luật để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH ngày 14/3/2017 về thể thức kỹ thuật trình bay văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi), xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo./.

Nơi nhận
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH,H5bng).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 2502 /BVHTTDL-KHTC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2022*
Góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ dự thảo Luật: dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở các chính sách đã được đánh giá tác động và được thông qua nhưng có một số vấn đề cần rà soát, giải trình để đảm bảo phù hợp nội dung giữa dự thảo Luật, Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, Báo cáo tổng kết thi hành Luật Giá, cụ thể:

- Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: nhất trí với dự thảo Luật quy định về trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Tuy nhiên, cần rà soát lại Báo cáo đánh giá tác động chính sách để đảm bảo quy định này phù hợp với chính sách về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã được thông qua.

- Vấn đề niêm yết giá được dự thảo Luật xác định là một trong những hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước (tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh) và được quy định thành một mục riêng với 02 Điều (mục 5 chương IV). Tại Luật Giá hiện hành, việc niêm yết giá mới chỉ quy định ở nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Việc thay đổi quy định này chưa được rà soát, giải trình tại Hồ sơ dự án Luật.

- Việc quy định về phương pháp định giá tại Điều 24 dự thảo chưa khắc phục được tình trạng ngoài phương pháp định giá chung còn rất nhiều các phương pháp định giá riêng do các bộ, ngành quy định theo Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Giá, Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Tờ trình dự thảo Luật, thậm chí còn luật hóa các phương pháp định giá riêng, (trong khi Luật Giá hiện hành chỉ ghi nhận phương pháp định giá chung do Bộ Tài chính quy định, còn các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá chung này đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình).

1. Về dự thảo Luật giá (sửa đổi):

- Tại Điều 4 đề nghị rà soát lại các khái niệm sau:

- Khái niệm "hàng hóa": tại dự thảo Luật được diễn giải là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản. Tuy nhiên, cần cân nhắc thêm về loại tài sản sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Khoản 2: thuật ngữ "dịch vụ" được định nghĩa là hàng hóa có tính vô hình là chưa thống nhất với Bảng phân loại quốc tế hàng hóa dịch vụ ni-xơ (phiên bản 11-2021) của WIPO công bố, theo đó "sản phẩm" bao gồm hàng hóa và dịch vụ. Do vậy, cần cân nhắc định nghĩa dịch vụ là một dạng hàng hoá là phù hợp hay chưa.

- Khoản 2 Điều 21 quy định "Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này". Tuy nhiên, Ban soạn thảo nên cân nhắc quy định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm và các hình thức định giá được áp dụng tại mục 2 chương III dự thảo Luật. Phụ lục kèm theo chỉ quy định về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hình thức định giá đối với từng hàng hóa, dịch vụ cụ thể.

- Điều 24: cần rà soát lại khoản 1 và khoản 2 để làm rõ sự khác nhau giữa "tính chuyên ngành" và "tính đặc thù" của hàng hóa, dịch vụ, từ đó xác định rõ thẩm quyền quy định phương pháp định giá (do Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định hay Bộ quản lý ngành chủ trì ban hành phương pháp định giá riêng").

- Điều 25 về ban hành Quyết định giá:

- Tại dự thảo Luật không có quy định về cơ quan có thẩm quyền định giá nên không xác định được mối liên hệ giữa cơ quan có thẩm quyền định giá với cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định giá. Vì vậy, cần cân nhắc bổ sung quy định về việc cơ quan có thẩm quyền định giá ban hành Quyết định giá.

- Khoản 1 Điều 25 đề nghị cân nhắc điều chỉnh như sau: "1. Cơ quan nhà nước.... là văn bản hành chính. Trường hợp Quyết định giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật"

- Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giá: nên cân nhắc quy định đến trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, còn trình tự, thủ tục cụ thể trong nội bộ Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên quy định tại văn bản quy định chi tiết (Khoản 8 Điều 25 có giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính quy định về phương án giá và hồ sơ trình ban hành Quyết định giá)

- Cần thống nhất trong sử dụng thuật ngữ "lập phương án giá" hay "xây dựng phương án giá". Điều 25 đang sử dụng cả hai cụm từ này.

- Tại khoản 4 Điều 25 về ban hành Quyết định giá quy định: "Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ,..., đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến thẩm gia bằng văn bản của Bộ Tài chính". Ban soạn thảo cần cân nhắc lại quy định này vì dịch vụ sự nghiệp công, sản phẩm dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng NSNN thuộc thẩm quyền định giá của các Bộ quản lý ngành (mục 41 Danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước

định giá) có khối lượng rất lớn (trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch hiện quy định 75 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Quyết định số 156/QĐ-TTG ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Nếu việc định giá tất cả các hàng hóa, dịch vụ này đều phải xin ý kiến thoả thuận của Bộ Tài chính thì khối lượng công việc của Bộ Tài chính phải xử lý rất lớn và khó đảm bảo về tiến độ trả lời văn bản của Bộ Tài chính đối với các Bộ quản lý ngành để các Bộ đặt hàng đơn vị công ứng sản xuất sản phẩm, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Về hiệp thương giá (mục I Chương IV):

+ Khoản 1 Điều 26: cân nhắc bỏ quy định này để thực hiện theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách và đảm bảo sự phù hợp giữa các quy định của dự thảo Luật.

+ Khoản 1 Điều 27: Đề nghị cân nhắc việc quy định đối tượng đề nghị hiệp thương phải là doanh nghiệp vì trong rất nhiều lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch), có hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp quy định tại Điều 26 mà đối tượng không phải là doanh nghiệp. Việc quy định đối tượng đề nghị hiệp thương phải là doanh nghiệp tạo nên sự không bình đẳng giữa các chủ thể trong thực hiện chính sách hiệp thương giá.

+ Điều 28: Cân nhắc việc quy định thẩm quyền hiệp thương giá giao cho Bộ Tài chính và Sở Tài chính vì thực tế sẽ phát sinh rất nhiều trường hợp đề nghị hiệp thương giá, chỉ cần đáp ứng quy định tại Điều 26. Hàng hóa, dịch vụ lại thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành khác nhau. Điều 9 dự thảo Luật khi quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính lại không có quy định liên quan đến thực hiện chính sách hiệp thương giá.

- Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

+ Đề nghị bổ sung quy định về hình thức định giá cho từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể để phù hợp với khoản 2 Điều 21 và theo góp ý tại phần trên.

+ Cần thống nhất cách thể hiện tại danh mục là tên hàng hóa, dịch vụ, không phải là giá kèm theo tên hàng hóa, dịch vụ (Ví dụ mục 37 quy định tên hàng hóa, dịch vụ là "Giá mua nhà làm nhà ở công vụ..." là chưa phù hợp).

+ Hàng hóa, dịch vụ số 38 đề nghị sửa đổi từ "tác quyền sở hữu trí tuệ, bản ghi âm, ghi hình" thành: "*Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ*" theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

Khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ cũng quy định giao Chính phủ quy định khung giá và mức giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ này. Do đó, đề xuất cân nhắc quy định thẩm quyền định giá tại danh mục

hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ban hành theo Luật giá (sửa đổi) là: Chính phủ quy định khung giá và mức giá tiền bản quyền khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến để Bộ Tài chính tổng hợp và triển khai các bước tiếp theo theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Doãn Văn Việt

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (*để báo cáo*);
- TT Doãn Văn Việt;
- Lưu: VT, KHTC, QH.6

Bộ Xây dựng
01-08-2022
17:47:20 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3956/ BXD-KTXD V/v ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Dự thảo). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Một số ý kiến về Dự thảo

- Điều 3 Dự thảo quy định "*Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá, thẩm quyền định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này*"

Hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá rất đa dạng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Đối với từng hàng hoá, dịch vụ có các Luật chuyên ngành quy định cụ thể, đầy đủ, chuyên sâu về nội dung chuyên môn và thường được rà soát, điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế. Do đó, việc quy định như tại Điều 3 Dự thảo nêu trên dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá tổ chức tổ chức thực hiện và chưa phù hợp với Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định tại Luật giá (sửa đổi) đảm bảo nguyên tắc chung, thống nhất, phù hợp với các quy định tại Luật chuyên ngành.

- Khoản 1, khoản 2 Điều 10 Dự thảo đề nghị sửa đổi theo hướng: "Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi, quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này và Luật chuyên ngành".

- Điểm d khoản 1 Điều 21 Dự thảo quy định hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá bao gồm "*sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công*"

Sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công có rất nhiều; trong đó, nhà nước quản lý đối với sản phẩm, dịch vụ này có thể theo hình thức giá dịch vụ hoặc xác định chi phí. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đưa ra các nguyên tắc về tiêu chí, đối tượng các loại sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước định giá để các Bộ ngành, địa phương rà soát với Luật chuyên ngành và thực tế thực hiện (ví dụ, theo phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong dự thảo Luật giá (sửa đổi): bổ sung danh mục nhà nước định giá có dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật chung do nhà nước đầu tư, chưa có giá (chi phí) dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hoả táng; ngoài ra, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí

nhà nước còn có lĩnh vực duy trì chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, tuy nhiên, hai lĩnh vực này thực hiện theo hình thức quản lý chi phí...).

- Khoản 1 Điều 22 Dự thảo quy định nguyên tắc định giá "*bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ*"

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định bổ sung về nguyên tắc, cơ chế tổ chức thực hiện đối với các loại hàng hóa, dịch vụ có tính đến lộ trình giá thị trường.

- Khoản 1 Điều 24 Dự thảo quy định phương pháp định giá "*Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện*"

Do hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá, chi phí mang tính chuyên ngành có nhiều nội dung chuyên môn kỹ thuật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc tổ chức thực hiện theo hướng Bộ chuyên ngành chủ trì hướng dẫn phương pháp định giá cho từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình trên cơ sở các quy định tại Luật giá và Luật chuyên ngành.

- Khoản 6 Điều 25 dự thảo quy định "*Đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính*"

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu việc quy định trách nhiệm lập phương án giá, thẩm định giá, quyết định giá theo quy định của Luật chuyên ngành và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Khoản 2 Điều 40 dự thảo quy định "*Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo diễn biến giá thị trường các hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực quản lý và đề xuất các biện pháp điều hành giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp*"

Do phạm vi quản lý của Bộ chuyên ngành có rất nhiều lĩnh vực; đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung nguyên tắc lựa chọn hoặc phạm vi các loại hàng hoá, dịch vụ cần tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường phục vụ quản lý, điều hành giá của nhà nước đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả; đồng thời, tránh "trùng lặp" hoặc "mâu thuẫn" về số liệu quản lý giữa Bộ ngành và địa phương.

- Chương V về thẩm định giá: Hiện nay, trong hoạt động đầu tư xây dựng có các vật tư, thiết bị đặc thù (như lĩnh vực y tế, công thương, giao thông vận tải, thể thao...) và cần thiết phải thẩm định giá; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nguyên tắc, cơ chế thẩm định giá đối với các trường hợp này làm cơ sở tổ chức thẩm định tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng.

2. Một số ý kiến cụ thể đối danh mục định giá thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Hiện nay, nhiều hàng hóa, dịch vụ tại Luật chuyên ngành chỉ quy định việc ban hành giá cụ thể (Bộ chuyên ngành hướng dẫn về phương pháp định giá) không quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu.... đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá đầy đủ các quy định tại Luật chuyên ngành để tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ý kiến đối với danh mục định giá thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

Bộ Xây dựng gửi ý kiến góp ý để Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTXD(H).

Bùi Hồng Minh

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

(Phụ lục kèm theo văn bản số 2956/BXD-KTXD ngày 03 /7/2022 của Bộ Xây dựng)

STT	Dự thảo Luật Giá		Ý kiến của Bộ Xây dựng		
	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất	Luật giá 2012	Pháp luật chuyên ngành	Vướng mắc và đề xuất
15	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 38 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể. - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.	Không có trong danh mục nhà nước định giá	**Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải** **Điều 41**. Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước 1. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. 2. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập và trình giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. 3. Đối với khu công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và cơ quan quản lý giá tại địa phương	Đối với khu công nghiệp thì giá dịch vụ thoát nước không phải do UBND tỉnh quy định giá cụ thể; do đó, việc quy định UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể cho dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải như Dự thảo chưa hoàn toàn phù hợp.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất	Luật giá 2012	Pháp luật chuyên ngành	Vướng mắc và đề xuất
22	Nước sạch sinh hoạt	- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Nghị định 117/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể. - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Điều chỉnh tên mặt hàng thành *"Nước sạch"*; Bộ Tài chính quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.	Định khung giá và mức giá cụ thể	Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch quy định: - Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch; - Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành khung giá nước sạch sinh hoạt trên phạm vi toàn quốc	Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện nay không còn hình thức Thông tư liên tịch. Nghị định quy định Bộ Tài chính ban hành khung giá nước sạch. Đề nghị rà soát về thẩm quyền hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch
23	Dịch vụ quy hoạch	- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật quy hoạch; theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể. - Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.	Không có trong danh mục nhà nước định giá	Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 55 của Luật Quy hoạch: Bộ Tài chính ban hành quy định về giá trong hoạt động quy hoạch (Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018)	Định nghĩa "Dịch vụ quy hoạch" không có trong Luật Quy hoạch; đề nghị rà soát lại nội dung này
36	Giá mua nhà làm nhà ở công vụ; Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được chi từ nguồn NSNN, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật Nhà ở; theo đó, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN quy định khung giá. - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN quy định giá tối đa.	Định khung giá và giá cụ thể: Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được xây dựng chỉ từ nguồn NSNN; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	Luật Nhà ở 2015, Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 22/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội chỉ quy định việc ban hành khung giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng; đối với các quỹ nhà khác thì Bộ Xây dựng ban hành phương pháp xác định giá bán, giá cho thuê, thuê mua; UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể	Đề nghị rà soát việc quy định khung giá, giá tối đa cho phù hợp với Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất	Luật giá 2012	Pháp luật chuyên ngành	Vướng mắc và đề xuất
37	Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư	- Quy định hiện hành: được quy định tại Nghị định 72/2012/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cho thuê. - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành.	Định giá tối đa hoặc giá tối thiểu đối với: Giá cho thuê đối với tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng	Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật): Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê; Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC- BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung	Đề nghị làm rõ thẩm quyền ban hành phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư (theo Luật ban hành VBQPPL không còn hình thức Thông tư liên tịch)
40	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.	- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật chuyên ngành, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình; theo đó, các Bộ quy định giá tối đa hoặc giá cụ thể. - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Các Bộ, ngành theo lĩnh vực quy định giá tối đa, đơn vị cung cấp dịch vụ quy định giá cụ thể.			Việc quy định các Bộ, ngành theo lĩnh vực quy định giá tối đa là chưa phù hợp với các lĩnh vực do Bộ Xây dựng quản lý (ví dụ giá dịch vụ thoát nước Bộ Xây dựng chỉ ban hành phương pháp định giá; việc quy định giá cụ thể theo lộ trình thu do UBND cấp tỉnh quyết định). Đề nghị nghiên cứu lại nội dung này cho phù hợp với Luật chuyên ngành

SAO Y
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Thời gian ký: 19/07/2022 15:53:15 +07:00

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 4998/NHNN-PC	*Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022*
V/v ý kiến đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính

(Cục Quản lý giá)

Phúc đáp Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/06/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại Luật giá (sửa đổi) (dự thảo Luật), sau khi nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Khoản 1 Điều 4

Đề nghị làm rõ nội hàm của hàng hóa thiết yếu và dịch vụ thiết yếu nhằm đảm bảo thống nhất cách hiểu giữa các địa phương. Việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần được quy định thống nhất áp dụng trên phạm vi cả nước

2. Điều 7 khoản 2 điểm c

Cụm từ "tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý" mang tính chất định tính. Do đó, đề nghị đưa ra quy định mang tính định lượng để có căn cứ xác định rõ được hành vi vi phạm pháp luật

3. Điều 9

Đề nghị xem xét, bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc "Xây dựng và cập nhật kịch bản điều hành giá hàng quý để báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các giải pháp, biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp" để đảm bảo phù hợp, thống nhất với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 39 (trang 21) của dự thảo Luật.

4. Khoản 1 Điều 17

Khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật đưa ra các tiêu chí khi thực hiện bình ổn giá là "tăng quá cao" hoặc "giảm quá thấp" trong "một khoảng thời gian" là khó lượng hóa được, nhất là phải nhận diện yếu tố "một khoảng thời gian". Do đó, đề nghị ban soạn thảo cần làm rõ nội hàm của các tiêu chí nêu trên. Ngoài ra, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định về việc quản lý và sử dụng các "Quỹ bình ổn giá" để tăng tính minh bạch trong việc sử dụng quỹ bình ổn.

5. Điều 23

Đề nghị bổ sung thêm căn cứ định giá đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù để thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 24.

6. Điều 25

- Điểm d khoản 3 Điều 19 Luật giá năm 2012 quy định "Định giá tối đa hoặc tối thiểu đối với hàng hoá, dịch vụ được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sản phẩm,...". Tuy nhiên tại Điều 25 Dự thảo Luật giá không quy định đối với các trường hợp định giá hàng hoá dịch vụ được Nhà nước giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh (giao nhiệm vụ). Đề nghị có có thuyết minh lý do đề xuất bỏ nội dung này.

- Điểm c khoản 3 Điều 25 dự thảo Luật giá quy định " Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định và có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát hồ sơ phương án giá trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định".

Tuy nhiên, tại số thứ tự 41 Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá về dịch vụ sự nghiệp công, hàng hoá, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đề xuất các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa đảm bảo thống nhất.

7. Điều 32

Đề nghị quy định rõ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá là cơ quan nào?

8. Điều 36, 39

Đề nghị cân nhắc đưa khái niệm "tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường" và "kịch bản điều chỉnh giá" vào nội dung tại Điều 4 về giải thích từ ngữ

9. Điều 67 khoản 1

Dự thảo luật đã quy định tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá, gồm: quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá (Điều 51), quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (Điều 58), quyền và nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá (Điều 61), quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá nhà nước (khoản 3, 4 Điều 67). Tuy nhiên, chưa có quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 67 dự thảo (gồm tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế

hoạch lựa chọn nhà thầu). Vì vậy, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của các đối tượng nêu trên.

10. Ý kiến khác

- Về khái niệm "định giá" và "thẩm định giá": Khoản 13 và khoản 17 Điều 4 dự thảo Luật quy định: "5. Định giá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cho hàng hóa, dịch vụ". "17. Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Tuy nhiên, dự thảo Luật (Điều 65), Bộ luật dân sự năm 2015 (khoản 1 Điều 3061), Luật đấu giá tài sản năm 2016 (Điều 9, Điều 65) đang sử dụng các khái niệm "tổ chức thẩm định giá", "tổ chức định giá" mà không làm rõ nội hàm của các khái niệm này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu đề xuất bổ sung các khái niệm "tổ chức thẩm định giá", "tổ chức định giá" hoặc sửa đổi, bổ sung các khái niệm "định giá" và "thẩm định giá" để đảm bảo đầy đủ và thống nhất với quy định tại các Luật khác.

- Về thẩm định giá khoản nợ: Tại Công văn số 8448/BTC-TCNH ngày 29/7/2021 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Báo cáo Chính phủ về đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14, Bộ Tài chính có ý kiến về việc Bộ "đang nghiên cứu về thẩm định giá các khoản nợ, thẩm định giá công cụ tài chính trên cơ sở thị trường mua, bán nợ của Việt Nam". Do đó, NHNN đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung các quy định về thẩm định giá khoản nợ (bao gồm cả nợ xấu), tiêu chuẩn thẩm định giá khoản nợ (bao gồm cả nợ xấu) để các tổ chức mua bán nợ áp dụng trong quá trình mua bán nợ xấu và góp phần hình thành thị trường mua bán nợ tại Việt Nam.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Quý Bộ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Các đơn vị: Vụ CSTT, TCKT, QLTGSNH (để biết);
- Lưu: VP, PC2.NTH.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1054 /TTCP-V.II	*Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ cơ bản thống nhất với hồ sơ dự thảo do Bộ Tài chính chuẩn bị và có một số ý kiến tham gia như sau:

- Tại Khoản 2 Điều 52 của dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định: *"Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp"*, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, cân nhắc đối với nội dung quy định này.

- Tại khoản 2 Điều 60 của dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định: "*Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện...có sai sót thì được thu hồi. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm bồi thường cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá"*, Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát, cân nhắc đối với nội dung quy định trách nhiệm bồi thường trong trường hợp chưa sử dụng Chứng thư thẩm định giá hoặc quy định trách nhiệm bồi thường theo hướng cụ thể hơn.

- Đối với quy định về đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá tại Điều 62 dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát, nghiên cứu để quy định cụ thể hoặc bổ sung nội dung quy định chi tiết về kiểm tra, đánh giá hoạt động thẩm định giá.

Những nội dung khác của dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện việc rà soát, hoàn thiện theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Bùi Ngọc Lam

ỦY BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1037/UBDT-PC	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, Ủy ban Dân tộc cơ bản nhất trí với dự thảo Luật giá (sửa đổi) và có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Về hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá

Để bao quát hết các loại hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, ảnh hưởng toàn diện đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân và sản xuất kinh doanh cần Nhà nước định giá, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung điểm đ vào khoản 1, Điều 21 dự thảo Luật nội dung như sau:

"đ) Hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác theo quy định của pháp luật."

2. Về danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá

Để cho phù hợp hơn đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh việc định giá một số loại hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, cụ thể như sau:

- Về giá bán lẻ điện: đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Thủ tướng Chính phủ quy định khung giá và mức bán lẻ điện bình quân, Tập đoàn điện lực Việt Nam tự định giá cụ thể.

- Về dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay: đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá, các đơn vị tự quy định giá cụ thể trong khung giá. Không đưa dịch vụ này ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Về dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị: đề nghị quy định Bộ giao thông vận tải quy định giá tối đa, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

- Về dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh (BOT): Đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa đối với các dự án đường quốc lộ, cao tốc, Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do địa phương quản lý. Không đưa dịch vụ này ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

- Về một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định giá. Không đưa dịch vụ này ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Về học phí tại các cơ sở đào tạo giáo dục công lập: đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Chính phủ quy định khung giá, Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa, mức giá cụ thể.

- Về xăng dầu: đề nghị giữ như quy định hiện hành, theo đó Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính ban hành giá cơ sở, doanh nghiệp được bán không vượt quá mức giá do cơ quan quản lý công bố.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc xin gửi quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Lưu: VT, PC (02 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Lê Sơn Hải

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1180 /KHXH-VP	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v góp ý kiến cho dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính
(Qua Cục Quản lý giá)

Phúc đáp Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có ý kiến đóng góp như sau:

STT	Nội dung trong Dự thảo	Nội dung góp ý
1	**Điều 6. Công khai thông tin về giá** 4. Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp thẩm định giá.	**Điều 6. Công khai thông tin về giá** **4. Chủ thể có nghĩa vụ thực hiện công khai** gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp thẩm định giá.
2	**Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm** ...5. Đối với khách hàng thẩm định giá: a) Chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá để ký hợp đồng thẩm định giá;	Liệu khách hàng có đủ khả năng và điều kiện để đánh giá về việc tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá hay không? Trong trường hợp có sự gian dối của bên cung cấp dịch vụ một cách chuyên nghiệp thì rất khó phát hiện. Hơn nữa, việc phát hiện và xử lý các chủ thể không đủ điều kiện vi phạm quy định của pháp luật có lẽ không thuộc nghĩa vụ của

		khách hàng. Việc đã để cho hệ thống các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm định giá có nghĩa rằng đó là sự cho phép của nhà nước (Điều 9 quy định thẩm quyền của Bộ Tài Chính trong hoạt động thẩm định giá) và người dân/khách hàng có quyền tin tưởng vào sự cho phép đó.
3	dịch vụ do "**nhà nước**"	Thống nhất viết hoa trong toàn bộ văn bản "Nhà nước".
4	**Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng** 1. Người tiêu dùng có quyền: c) Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hoá, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn chất lượng, số lượng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết;	Chỉ nên để yếu tố giá, vì những yếu tố còn lại như tiêu chuẩn chất lượng, số lượng... đã có Luật Dân sự và các văn bản khác điều chỉnh, tránh sự trùng chéo không cần thiết, và cũng không dám bảo tính thống nhất giữa các điều luật trong 1 văn bản, khi mà phần quy định nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh chỉ quy định về nghĩa vụ niêm yết công khai giá.
5	**Điều 71. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá** c) Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời.	Trong dự thảo văn bản có rất nhiều điều khoản quy định về nghĩa vụ của các chủ thể nhưng chưa thấy có nội dung đề cập hoặc dẫn chiếu quy định việc xử lý các hành vi vi phạm nghĩa vụ nếu có.

Trong nguyên tắc về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá cũng nêu quan điểm rằng kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời. Tuy vậy, biện pháp xử lý và khắc phục ở đây là gì thì chưa được đề cập đến.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đối với dự thảo Luật nói trên. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, sử dụng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, BCTH.

CHỦ TỊCH

Bùi Nhật Quang

Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 28.07.2022 16:2

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4414/BCT-PC Vv góp ý kiến dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

I. Ý kiến chung đối với dự thảo Luật

1. Mục đích xây dựng dự thảo Luật Giá tại mục II dự thảo Tờ trình đã nêu "*Luật Giá là một trong những công cụ pháp lý quan trọng để tham gia điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng*". Do đó, dự thảo Luật Giá cần thừa nhận, đảm bảo quyền tự do kinh doanh, quyền tự định đoạt giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên thị trường có sự kiểm soát của nhà nước.

Việc định giá sản phẩm, dịch vụ thấp để cạnh tranh là quyền của chủ thể kinh doanh và có lợi cho người tiêu dùng. Đối với trường hợp các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền bán dưới giá thành vi phạm pháp luật cạnh tranh đã có cơ chế xử lý theo quy định của pháp luật cạnh tranh thành vi vi phạm sẽ bị điều tra, xử lý theo quy trình tố tụng cạnh tranh được quy định trong Luật Cạnh tranh 2018). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc các quy định liên quan tới *khung giá, giá tối thiểu* trong dự thảo Luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác như pháp luật điện lực.

2. Dự thảo Luật hiện nay chỉ đưa ra các nội dung thể hiện việc quản lý nhà nước về giá thông qua bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá, thẩm định giá, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá mà chưa có bất kỳ nội dung nào thể hiện nguyên tắc, quan điểm quản lý nhà nước về giá có thể được thực hiện thông qua các chính sách, công cụ, biện pháp điều hành khác ... của các cấp có thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực chuyên ngành. Việc này có thể dẫn tới những hạn chế, cản trở nhất định cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc chính sách cũng như thực thi quản lý nhà nước trong trường hợp có những ngành nghề, lĩnh vực chuyên ngành đòi hỏi thực tiễn cần phải phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về giá thông qua các biện pháp khác ngoài các nội dung hiện đang quy định tại dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu kỹ các biện pháp quản lý nhà nước về giá.

3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ tại dự thảo Luật về trình phạm vi, mức độ, biện pháp điều tiết của nhà nước theo các tiêu chí rõ ràng. Sự điều tiết của nhà nước phải luôn tuân thủ yêu cầu khách quan nhằm vào việc khắc phục những hạn chế, những tác động bất lợi của thị trường dẫn đến khuyết tật.

4. Việc giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá, thực hiện xuất ấn giá, tiếp nhận kê khai giá như quy định tại Điều 10 và các nội dung liên quan tại dự thảo Luật khi khai thi trong thực tế và không phù hợp với xu thế hiện nay của doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau). Từ thực tiễn quản lý trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu theo hướng quy định một cơ quan quản lý nhà nước làm đầu mối ở Trung ương (Bộ Tài chính) hoặc địa phương để thực hiện.

5. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thống nhất sử dụng thuật ngữ *"tổ chức, cá nhân kinh doanh"* thay cho thuật ngữ *"tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ"*, thuật ngữ *"cơ quan quản lý nhà nước"* thay cho thuật ngữ *"cơ quan nhà nước"* trong toàn bộ dự thảo để thống nhất với các văn bản pháp luật khác và thực tiễn.

6. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định chi tiết tại dự thảo Luật hoặc giao Chính phủ quy định như bổ sung trình tự, thủ tục thực hiện định giá, thẩm định giá, tiếp nhận kê khai giá; thời gian thực hiện công khai cập nhật, tra cứu, sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu về quốc gia về giá; biện pháp nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường khi giá thị trường thường xuyên biến động, thay đổi...

7. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chuẩn lý lại thể thức của dự thảo Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

II. Ý kiến cụ thể đối với dự thảo Luật

1. Về việc áp dụng pháp luật

Tại Điều 3 dự thảo Luật quy định ưu tiên áp dụng Luật Giá so với pháp luật chuyên ngành, quy định này là chưa phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó đã quy định về áp dụng pháp luật, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.

2. Về giải thích từ ngữ

- Đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 3 Điều 4 dự thảo như sau: *"Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, an sinh, bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ, thành phẩm và sản xuất, kinh doanh trong nước phục vụ cho nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu"*.

- Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ cụm từ *"Hàng hóa, dịch vụ đặc thù"* để làm căn cứ pháp lý cho các Bộ chuyên ngành và Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 10 dự thảo Luật.

3. Về các hành vi bị cấm

- Về khoản 2

(i) Điểm a, điểm b, đề nghị nghiên cứu, sửa đổi như sau:

a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật, không chính xác về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ.

b) Gian lận về giá bằng cách có ý thay đổi các nội dung đã cam kết trong các giao dịch mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, phương thức vận chuyển, thanh toán, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng của hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ.

(ii) Điểm c: Thời gian qua do dịch bệnh Covid 19, các cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại trang thiết bị phục vụ phòng chống dịch và các hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục do nhà nước định giá, đã tăng giá hơn mức cần thiết nhưng để xác định trường hợp nào được coi là "bất hợp lý" thì chưa có hướng dẫn cụ thể. Đề nghị quy định chi tiết đối với trường hợp tăng giá hàng hóa bị coi là "bất hợp lý" để có căn cứ áp dụng các chế tài xử lý (tăng giá bao nhiêu phần trăm so với thời điểm trước đó thì được coi là tăng giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý trong trường hợp lợi dụng thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn, dịch bệnh...).

- Về khoản 4:

(i) Điểm a: Đề nghị bổ sung hành vi giả mạo, tự ý tẩy xóa, sửa chữa nội dung Thẻ thẩm định viên, thẩm định giá cho đơn vị có quan hệ góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu.

(ii) Điểm c: Đề nghị bổ nội dung này vì việc đăng ký hành nghề đã quy định phải đăng ký qua Bộ Tài chính, do đó một thẩm định viên về giá không thể đăng ký hành nghề tại 02 doanh nghiệp cùng một lúc.

4. Về chính sách bình ổn giá

- Về danh mục hàng hóa, dịch vụ và các biện pháp bình ổn giá: Dự thảo hiện hành quy định Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa bình ổn giá và có quy định 3 nhóm biện pháp thực hiện bình ổn giá.

- Về biện pháp bình ổn giá tại điểm c khoản 2 Điều 17

Đề nghị cân nhắc, xem xét lại nội dung: "... *Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền*". Quy định này được hiểu quay lại cơ chế bù giá, bù lỗ mà Luật Giá hiện hành đã bỏ. Bên

cạnh đó, quy định này không phù hợp với cơ chế thị trường, dễ bị lạm dụng trong thực tế.

- Về thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bình ổn giá: Dự thảo Luật đã thay đổi cách tiếp cận. Theo đó, thay vì 04 cấp áp dụng bình ổn giá (Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các địa phương) thì dự thảo chỉ quy định 02 cấp là các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh.

Đây là một thay đổi rất lớn so với Luật Giá cũ khi tăng trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong quyết định biện pháp bình ổn giá. Nội dung này hiện đang mâu thuẫn với nhiều pháp luật ngành công thương như trong lĩnh vực điện lực (thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ). Đề nghị cần xem xét tính đặc thù của lĩnh vực điện lực như trình bày tại mục 5 dưới đây.

- Về nguyên tắc bình ổn giá: Tại khoản 3 Điều 15 đề nghị cân nhắc, xem xét sửa nội dung như sau: "*Nhà nước áp dụng biện pháp phù hợp có thời hạn để bình ổn giá theo quy định. Trường hợp cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai chương trình bình ổn giá đối với một một số hàng hoá, dịch vụ nhằm bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định giá cả thị trường*" vì thực tiễn triển khai cho thấy, chương trình bình ổn thị trường được triển khai xuất phát từ yếu tố mùa vụ và nhu cầu của mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng. Trong khi đó, nhu cầu hàng hóa dịp cuối năm và Tết Nguyên đán chủ yếu đó, với các mặt hàng lương thực, thực phẩm.

- Về thẩm quyền và trách nhiệm bình ổn giá: Tại khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật quy định Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng trong việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá. Tuy nhiên, theo Quyết định số 690/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo điều hành giá, Ban chỉ đạo là tổ chức phối hợp liên ngành. Do đó, đề nghị cân nhắc giao việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá cho cơ quan hành chính có bộ máy tổ chức (Bộ, cơ quan ngang Bộ), có thể là Bộ Tài chính.

5. Về chính sách định giá

- Về thẩm quyền ban hành ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá.

Khoản 2 Điều 8 dự thảo hiện đang giao cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: "*Phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật này.*"

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 dự thảo: "*Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này.*"

Bên cạnh đó, trong quá trình phê duyệt đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi) tại Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ, Chính phủ đã quyết nghị: "*Hoàn thiện chính sách về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá,*

bình ổn giá theo hướng phân cấp cho Chính phủ, của bao đảm chặt chẽ, vừa linh hoạt, phù hợp với thực tế quản lý điều hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng thời kỳ.

Do đó, đề nghị Bộ Tài chính rà soát lại nội dung về phân công thẩm quyền, trách nhiệm định giá của các Bộ, ngành trên để thống nhất nội dung dự thảo.

Ngoài ra, đề nghị xem xét kỹ thẩm quyền ban hành danh mục này, việc quy định Danh mục này trong Luật sẽ cứng nhắc, không đảm bảo linh hoạt với dự thời gian qua có sách giáo khoa, xăng dầu. Trường hợp cần thiết quy định, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi ban hành Danh mục này. Bên cạnh đó, đề nghị rà soát tổng thể, kỹ những mặt hàng bổ sung hoặc loại bỏ khỏi danh mục này.

- Về việc đề xuất giữ và bổ sung một số mặt hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá tại dự thảo Luật, cụ thể như sau:

(1) Về điện:

- Về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân: Luật Giá hiện hành quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, dự thảo Luật đề xuất phân cấp cho Bộ Công Thương quy định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, Bộ Công Thương đề xuất một số nội dung sau đây:

Điện năng là mặt hàng thiết yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, giá điện thay đổi có thể tác động không nhỏ tới tình hình kinh tế vĩ mô, việc điều chỉnh giá điện các năm qua hầu hết đều được Chính phủ quyết định thông qua các cuộc họp Thường trực Chính phủ (với sự tham gia góp ý của các Bộ, ngành có liên quan) để đảm bảo các chỉ tiêu CPI, GDP không bị tác động nhiều. Mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh trong khung giá quy định, vì vậy cần thiết tiếp tục quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc ban hành khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân.

Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định "*Giá bán lẻ điện do đơn vị bán lẻ điện xây dựng căn cứ khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực, Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định*". Như vậy có 3 căn cứ để xây dựng giá bán lẻ điện là khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, đều do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Nếu phân cấp Bộ Công Thương quy định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân như đề xuất tại dự thảo Luật và Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quy định cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện sẽ không tương đồng về thẩm quyền quy định các căn cứ để xây dựng giá bán lẻ điện.

Dự thảo Luật đề xuất Bộ Công Thương quy định khung giá các mức giá bán lẻ điện bình quân dùng chung để xuất Bộ Công Thương quy định mức giá bán lẻ điện bình quân là mức giá cụ thể trong phạm vi khung giá theo đề xuất của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, giá bán lẻ điện bình quân đều có mức giá bán lẻ điện bình quân tăng so với hiện hành và trong khung giá quy định, chưa có trường hợp điều chỉnh giảm giá hoặc điều chỉnh tăng giá ngoài khung giá quy định áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc này không phù hợp với xu thế quản lý của Bộ Khu Bộ Công Thương vừa là đơn vị xây dựng cơ chế, chính sách khung giá các mức giá bán lẻ điện bình quân vừa là đơn vị quyết định giá cụ thể của doanh nghiệp mức giá bán lẻ điện bình quân.

- Về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, Luật Điện lực hiện hành quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quy định. Với các phân tích ở trên về giá điện và vai trò của Chính phủ trong việc quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, Bộ Công Thương đề xuất bổ sung một khoản tại Điều 8 dự thảo Luật quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân để làm căn cứ để điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, phù hợp với thực tiễn khách quan và tổng quan tỷ diễn hình kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

- Về mức giá bán lẻ điện bình quân: Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định "*Bảo đảm giá điện cạnh tranh, công khai, minh bạch trong khung giá, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong mối quan hệ hợp lý giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, miền núi*". Dự thảo Luật đề xuất Bộ Công Thương quy định mức giá bán lẻ điện bình quân. Căn cứ quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực nêu trên và tương tự với quy định về giá phát điện theo đó doanh nghiệp tự quyết định giá phát điện trên cơ sở khung giá phát điện đã được phê duyệt. Bộ Công Thương đề xuất Tập đoàn Điện lực Việt Nam được quyết định mức giá bán lẻ điện bình quân trên cơ sở khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành và không quy định nội dung Bộ Công Thương quy định mức giá bán lẻ điện bình quân trong dự thảo Luật.

- Về mức giá bán lẻ điện cụ thể cho các nhóm khách hàng: Dự thảo Luật đề xuất "*Tập đoàn Điện lực Việt Nam ưu tiên giá cho*", nội dung này không phù hợp với thực trạng hoạt động hiện nay vì ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam còn có rất nhiều các đơn vị phân phối và bán lẻ điện khác. Vì vậy, Bộ Công Thương đề nghị sửa đổi quy định theo hướng "*Ưu tiên giá cho*".

(iii) Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN)

Để ngăn chặn tình trạng sử dụng VLNCN không đúng mục đích gây nổ đã xảy ra. Lý do, hiện nay trong nước chỉ sản xuất được các loại thuốc nổ hầm lò thông thường, nhiều loại VLNCN dùng trong các lĩnh vực khác nhau đều phải nhập khẩu từ nước ngoài (ví dụ VLNCN trong lĩnh vực dầu khí phải nhập khẩu hoàn toàn, do đó việc định giá, quy định giá tối đa sẽ khó thực hiện và

không khả thi. Bên cạnh đó, VLNCN thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất kinh doanh theo Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ với tính chất ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội, không phải hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, ảnh hưởng toàn diện đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân và sản xuất kinh doanh.

(iii) Về thuốc lá điếu sản xuất trong nước: Nhất trí bỏ ra khỏi danh mục.

(iv) Về xăng dầu: Trong dự thảo Luật, biện pháp bình ổn giá bằng công cụ Quỹ bình ổn đã được bãi bỏ, trong đó có Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Mặt hàng xăng dầu được đề xuất mục hiện theo hình thức "*Bộ Công Thương quyết định giá tham chiếu và công bố giá tham chiếu trên cơ sở mức giá Platt's hàng ngày, các đơn vị kinh doanh được tự điều chỉnh trong biên độ cho phép quanh mức giá tham chiếu*". Bộ Công Thương nhấn mạnh quan điểm sau:

- Trường hợp, nếu giá mặt hàng xăng dầu vẫn thực hiện điều hành và công bố giá tham chiếu (cơ bản như hiện nay và thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá như dự thảo Luật giá), đề nghị tiếp tục duy trì Quỹ bình ổn giá xăng dầu để điều hành bình ổn giá xăng dầu;

- Trường hợp, nếu bỏ Quỹ bình ổn giá xăng dầu (công cụ duy nhất để bình ổn giá xăng dầu), bỏ công bố giá được hướng dẫn tại danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá và thực hiện quản lý giá như đối với các hàng hóa thiết yếu khác, khi đó mặt hàng xăng dầu chỉ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá vì đây là mặt hàng tiêu dùng phổ biến. Như vậy, doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng xăng dầu phải thực hiện kê khai, niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết và áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định.

Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính bỏ mặt hàng xăng dầu (số 48) ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và chỉ để mặt hàng xăng dầu vào danh mục mặt hàng bình ổn giá (nếu bỏ quỹ bình ổn giá xăng dầu).

(v) Về giá than: Theo quy định tại Quyết định số 2233/QĐ-Ttg ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045, *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp các bộ, ngành liên quan nghiên cứu thí điểm, triển khai áp dụng chỉ số giá giá than trong giao dịch than nhập khẩu*. Ngoài ra, trong thời gian qua phát sinh những vướng mắc chủ yếu ở cơ chế giá của mặt hàng than bán cho sản xuất điện (than nhập khẩu, than pha trộn sử dụng than nhập khẩu). Do đó, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất hình thức quản lý chi đối với giá than nhập khẩu.

Tại mục 49 Phụ lục danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá gửi kèm theo dự thảo chưa quy định cụ thể thẩm quyền quản lý nhà nước về giá đối với hàng hóa than. Do vậy, trường hợp quy định thẩm quyền quản lý nhà nước về giá tại dự thảo, đề nghị bổ sung cụ thể thẩm quyền quản lý nhà nước về giá đối với mặt hàng than là Bộ Tài chính để phù hợp thực tiễn quản lý, các quy định hiện hành (khoản 2 Điều 8 Luật Giá năm 2012, khoản 1 Điều 15, điểm a

khoản 2 Điều 10 Nghị định số 177/2013 ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện thì Chính là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với mặt hàng than, hàng năm chủ trì thực hiện việc kiểm tra chi phí sản xuất, kinh doanh, giá thành than của các đơn vị sản xuất, kinh doanh than trong nước)

(viii) Đề nghị xem xét bổ sung một số danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá như sau:

- Khí thiên nhiên khai thác trong nước (phù hợp với quy định về quyền của đối với người tài nguyên quan trọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Giá);

- Cước phí vận chuyển, phân phối khí có tính độc quyền tự nhiên có giá điện do nhà nước định giá.

Lý do đề xuất:

(+) Đối với khí thiên nhiên sản xuất trong nước, giá khí đang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở để các doanh nghiệp đàm phán hợp đồng mua bán khí cho sản xuất điện (gồm giá khí khai thác từ mỏ khí trong nước và cước phí vận chuyển, thu gom khí cho sản xuất điện). Mặc dù cước phí của các đường ống dẫn khí không thuộc danh mục hàng hóa do nhà nước định giá, tuy nhiên do cước phí vận chuyển khí là thành phần quan trọng cấu thành nên giá nhiên liệu cho sản xuất điện, liên quan một thực tế giá điện cũng do nhà nước định giá theo Luật Giá). Mặt khác, các đường ống dẫn khí ngoài khơi của Việt Nam do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGas) làm chủ đầu tư là hạng mục công trình được xây dựng để vận chuyển khí khai thác trên thềm lục địa Việt Nam về bờ phục vụ các hộ tiêu thụ điện, đạm, công nghiệp,... có tính "độc quyền tự nhiên". Do vậy, việc nhà nước kiểm soát cước phí của các đường ống dẫn khí này là cần thiết.

(+) Từ năm 2020, Việt Nam đã bắt đầu nhập khẩu khí thiên nhiên (bằng đường ống từ Malaysia) và dự kiến sẽ bắt đầu nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) phục vụ sản xuất điện và các hộ tiêu thụ từ năm 2022. Việc này sẽ được các doanh nghiệp đàm phán thống nhất dựa trên cạnh tranh, minh bạch, trong trường hợp các doanh nghiệp không đạt được thỏa thuận, cần xem xét áp dụng quy định về hiệp thương giá khi nhập khẩu cho sản xuất điện (tương tự mặt hàng than) nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi, tối ưu nguồn lực. Nhà nước cần thẩm định, phê duyệt cước phí thu gom, vận chuyển khí đối với các hệ thống phân phối độc quyền tự nhiên. Trong thời gian tới, việc thực hiện lộ trình thị trường năng lượng cạnh tranh theo Đề án Thị trường Năng lượng cạnh tranh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28

tháng 12 năm 2020 sẽ hình thành thị trường năng lượng (bao gồm thị trường khí, than cho sản xuất điện) cạnh tranh, minh bạch.

- Đề nghị xem xét bổ sung: dịch vụ tại sân bay; dịch vụ sử dụng đường sắt chuyên dụng; dịch vụ sử dụng đường cao tốc.

- Đối với giá mua toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, sách giáo khoa. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định mức giá tối đa hợp lý, đảm bảo lợi ích thiết yếu cho người tiêu dùng.

6. Về phương pháp định giá

Theo Điều 24 dự thảo Luật đang quy định Bộ Tài chính sẽ ban hành hướng dẫn phương pháp định giá chung; các Bộ, ngành sẽ chủ động ban hành phương pháp định giá đối với một số mặt hàng có tính chất đặc thù của các Bộ, ngành. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tiễn vướng mắc hiện nay (nhiều mặt hàng rất khó định giá hoặc nhạy cảm như trang thiết bị y tế, thuốc...). Trong đó có quy định các Bộ, ngành có phương pháp định giá đối với những mặt hàng riêng cho các hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù, đề nghị đánh giá tính khả thi của quy định này, có thực hiện được không.

Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định giao Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quy định "danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù" làm căn cứ pháp lý cho các Bộ chuyên ngành và Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 10 và khoản 2 Điều này (nên còn quy định).

7. Về quyền, nghĩa vụ của tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh

- Tại khoản 1 Điều 15

(i) Tại điểm a, b, c đề nghị nghiên cứu, sửa lại như sau:

"a) Lựa chọn, thỏa thuận và gặp ý về giá với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khi mua hàng hóa, dịch vụ.

b) Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nội dung giao dịch hàng hóa, dịch vụ, giá, chất lượng, nguồn gốc, xuất sử của hàng hóa, dịch vụ; được cung cấp hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến giao dịch và thông tin cần thiết khác về hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng đã mua, sử dụng.

c) Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã công bố, niêm yết, quảng cáo hoặc cam kết."

(ii) Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung sau: *"Gặp ý kiến với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh về giá, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, phong cách phục vụ, phương thức giao dịch và nội dung khác liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh"*

8. Về hiệp thương giá:

Dự thảo Luật đang quy định hiệp thương giá là biện pháp khi có đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hiệp thương thì cơ quan quản lý nhà nước về giá sẽ tổ chức hiệp thương. Trường hợp các bên không thống nhất với giá hiệp thương thì cơ quan quản lý nhà nước về giá sẽ quyết định giá cho các bên. Đây là trường hợp xảy ra đối với các hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến độc quyền hoặc hàng hóa là đầu vào cho hàng hóa khác. Chính phủ sẽ thay thế nội dung này bằng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Giá năm 2012 quy định: *"Các nhóm hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, niêm yết giá, kê khai giá, thẩm định giá, định giá tối đa, hiệp thương giá, thông báo giá"*.

Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Các nhân, pháp nhân, chủ thể khác tham gia quan hệ dân sự (sau đây gọi chung là cá nhân, pháp nhân) có quyền, nghĩa vụ dân sự theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan"*. Như vậy, quy định tại khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật hiện hành đang quy định các cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá đối với trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng được giá là không cần thiết và chưa phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đồng thời, cũng xuất phát từ mục tiêu của Luật Giá để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, việc thương thảo, định giá mua, giá bán là quyền của doanh nghiệp, không cần có sự can thiệp của cơ quan nhà nước.

Trên cơ sở các căn cứ trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định tại dự thảo liên quan tới Hiệp thương giá.

9. Về kê khai giá:

- Tại Điều 31

(i) Khoản 1: Đề nghị bổ sung nội dung mức giá gắn với chỉ tiêu chất lượng hoặc ngưỡng chất lượng cụ thể vào nội dung kê khai giá.

(ii) Điểm c khoản 2: Dự thảo hiện này đang quy định *"Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ thì phải kê khai giá hàng hóa, dịch vụ chủ yếu"*. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ bán buôn hoặc bán lẻ thì đối tượng kê khai như thế nào đề nghị làm rõ nội dung này.

(iii) Điểm d khoản 2: Đề nghị rà soát và cân nhắc làm rõ các hình thức đại lý theo hướng dẫn tại Luật Thương mại để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

- Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 32, nội dung này đề nghị xem xét chỉnh sửa cho thống nhất.

10. Về niêm yết giá

Tại khoản 1 Điều 33, đề nghị Quý Bộ cân nhắc không liệt kê các tổ chức, cá nhân kinh doanh như dự thảo do không thể bao quát hết các trường hợp tổ

chức, cá nhân kinh doanh trên thực tế như bán hàng trên thương mại điện tử, bán hàng không có địa chỉ cố định, bán hàng tận cửa theo pháp luật về thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Do vậy, Bộ Công Thương đề nghị cân nhắc sửa đổi thành: "*Tổ chức, cá nhân kinh doanh có giao dịch mua bán trực tiếp, trực tuyến với khách hàng tại địa điểm kinh doanh hoặc tại địa điểm khác theo quy định của pháp luật*"

11. Về kinh phí bảo đảm công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

Tại khoản 2 Điều 42, đề nghị bổ sung nội dung phân bổ hoặc phân cấp ngân sách cho các đơn vị thẩm giá cung cấp cơ sở dữ liệu về giá và cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để đảm bảo tính khả thi thực hiện quy định khoản 7 Điều 10 dự thảo Luật quy định thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ trong việc cung cấp dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

12. Về dịch vụ thẩm định giá:

- Dự thảo Luật đang quy định theo hướng siết chặt điều kiện các doanh nghiệp thẩm định giá. Đề nghị nghiên cứu doanh nghiệp thực hiện thẩm định giá không nên được tổ chức dưới mô hình công ty TNHH hoặc cổ phần (đối vốn) mà thay vào đó chỉ được tổ chức dưới mô hình doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh (đối nhân) do đây là lĩnh vực đặc thù mà chủ doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm lớn về nghiệp vụ của mình.

- Tại Điều 44, đề nghị làm rõ nội dung, nguyên tắc thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và Hội đồng thẩm định giá nhà nước.

- Tại Điều 49, đề nghị cân nhắc quy định về đăng ký hành nghề thẩm định giá, đối với thẩm định viên đã có Thẻ thẩm định viên do Bộ Tài chính cấp, việc đăng ký hành nghề là không cần thiết.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 53, Đề nghị xem xét lại nội dung "... *Có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động* ..." vì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá cung cấp dịch vụ tư vấn, không phải là doanh nghiệp thương mại hay sản xuất nên các doanh nghiệp này đều không có nhu cầu sử dụng vốn lớn. Do đó, việc quy định doanh nghiệp phải có 05 tỷ vốn điều lệ là không phù hợp với bản chất của nghề tư vấn, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

13. Điều khoản thi hành:

Tại khoản 1 Điều 74.

(1) Về điểm k: Đề nghị không bãi bỏ điểm a, khoản 1, Điều 27 Luật Cạnh tranh 2018 do không phù hợp về nội dung, phạm vi của pháp luật về giá. Hơn nữa, Luật Giá chỉ áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, trong khi đó điểm a, khoản 1, Điều 27 Luật Cạnh tranh 2018 được áp dụng với mọi hàng hóa, dịch vụ nên việc quy định bãi bỏ điểm này là không phù hợp.

(b) Về điểm ở Ngoài việc quy định danh mục các loại giá, khung giá điện, khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực còn quy định về trách nhiệm ban hành cơ chế điều chỉnh giá điện, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và quy định trách nhiệm của đơn vị điện lực có liên quan trong việc xây dựng các loại giá, khung giá trình cơ quan điều tiết điện lực thẩm định trình Bộ liên quan phê duyệt theo phân công của Chính phủ. Vì vậy, Bộ Công Thương đề xuất tại dự thảo Luật chỉ bãi bỏ một phần nội dung của khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực có liên quan đến danh mục các loại giá, khung giá điện và giữ lại các nội dung liên quan đến trách nhiệm ban hành cơ chế điều chỉnh giá điện (đề xuất Chính phủ ban hành), cơ cấu biểu giá bán lẻ điện (Thủ tướng Chính phủ ban hành) và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt các loại giá khung giá điện (do đơn vị điện lực xây dựng). Việc này cũng đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định về giá điện không bị mất hiệu lực khi Luật Giá (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.

Bộ Công Thương gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:
- Như trên
- Bộ trưởng (để báo cáo):
  Thủ trưởng Đỗ Thắng Hải
  Thủ trưởng Đặng Hoàng An
  Các Vụ: TTTN, ĐKT, PC, ...
  Các Cục: ĐTĐL, CTCN, TE, NTTM, ATMT (để biết)
  Tổng các QLTT (để biết)
- Lưu: VT, PC

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 3910/BGDĐT-KHTC V/v góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/06/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý về giá

Tại dự thảo Tờ trình Luật Giá sửa đổi (trang 12), Bộ Tài chính đề xuất giao thẩm quyền quy định danh mục chi tiết hàng hóa, dịch vụ định giá cho Chính phủ (tại Nghị định) và gắn với đó là việc phân công, phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện. Theo đó, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ quyết định giá đối với rất ít hàng hóa, dịch vụ đặc biệt quan trọng (như đất đai) và giao thẩm quyền định giá cụ thể cho các Bộ.

Bộ GDĐT đề nghị về việc định giá trực tiếp các dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền định giá của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành và thống nhất trong công tác quản lý giá.

2. Về phương pháp định giá

Bộ GDĐT thống nhất với đề xuất của Bộ Tài chính về phương pháp định giá (tại trang 14 dự thảo Tờ trình Chính phủ và Điều 24 dự thảo Luật Giá sửa đổi) quy định theo hướng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện.

3. Về nội dung dự thảo Luật Giá (sửa đổi)

Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) có nội dung bao quát, đề cập một cách đầy đủ và cụ thể hơn về hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước so với Luật Giá hiện hành (Luật Giá năm 2012). Tuy nhiên, một số điều, khoản trong dự thảo Luật Giá (sửa đổi) còn chưa thống nhất và chưa quy định đầy đủ nội dung liên quan. Cụ thể: Tại khoản 4 Điều 8 về thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: "*Quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước bình ổn giá, kê khai giá*"; tại khoản 3 Điều 10 quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ như sau: "*Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá*".

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 30 quy định: "*Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Trường hợp phát sinh yêu cầu điều chỉnh Danh mục, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét điều chỉnh Danh mục*". Như vậy, tại khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 30 của dự thảo Luật Giá (sửa đổi) chưa thống nhất về cơ quan có thẩm quyền quy định và điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá.

4. Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Bộ GDĐT có ý kiến đề xuất cụ thể đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

Trên đây là ý kiến của Bộ GDĐT. Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thường

Phụ lục

Ý KIẾN CỦA BỘ GDĐT VỀ ĐỀ XUẤT DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

Kèm theo Công văn số 3910 BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 8/2022 của Bộ GDĐT)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành	Đề xuất của Bộ Tài chính tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022	Ý kiến của Bộ GDĐT	
				Đề xuất của Bộ GDĐT	Căn cứ đề xuất
	Học phí tại các cơ sở đào tạo giáo dục công lập	- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật Giá, Luật Giáo dục. Theo đó: Chính phủ quy định mức trần giá dịch vụ giáo dục đại học công lập, khung giá giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá, mức giá cụ thể đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập	Điều chỉnh thẩm quyền định giá bán: Bộ GDĐT quy định khung giá, UBND quy định giá cụ thể	Bộ GDĐT đề xuất tiếp tục phân cấp theo quy định hiện hành - Chính phủ quy định trần học phí giáo dục đại học công lập, Khung học phí mức sàn - mức trần giáo dục mầm non và phổ thông công lập - UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt khung học phí, mức học phí mầm non, phổ thông công lập cụ thể tại địa phương	Bộ GDĐT đề xuất tiếp tục thực hiện phân cấp theo quy định hiện hành để bảo đảm đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau: + Tại Khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục 2019 đã quy định "Học phí là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần nhu cầu bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo do Chính phủ quy định" + Tại Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đã phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, phổ thông cho UBND cấp tỉnh, bao gồm cả việc trình HĐND cấp tỉnh Quyết định mức thu học phí hàng năm đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 1 Điều 6) + Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Theo đó thẩm quyền quy định học phí tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã thống nhất với Luật Giá 2012, Luật Giáo dục 2019, Nghị định 127/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành	Đề xuất của Bộ Tài chính tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022	Ý kiến của Bộ GDĐT	
				Đề xuất của Bộ GDĐT	Căn cứ đề xuất
2	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường (bao gồm dịch vụ cấp phát phôi bằng, chứng chỉ, dịch vụ tuyển sinh các cấp)	Quy định hiện hành: Dịch vụ đóng quy định tại Luật Giáo dục, theo đó, Hội đồng nhân dân quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về hình thức định giá	Điều chỉnh thẩm quyền định giá thành UBND quy định giá cụ thể		
2.1	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cấp mầm non, phổ thông (trong đó gồm dịch vụ cấp phát phôi bằng, chứng chỉ, dịch vụ tuyển sinh)			- Đưa vào Danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá - UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt mức giá cụ thể	- Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục 2019: **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định** các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đã quy định "UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết [illegible] quản lý thu chi đối với các [illegible] hỗ trợ hoạt động [illegible] đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để ban hành tại địa phương" Vì vậy, Bộ GDĐT đề xuất nước hiện theo quy định hiện hành (UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt mức giá cụ thể) để tạo đầy đồng bộ với Luật Giáo dục 2019, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành	Đề xuất của Bộ Tài chính tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022	Ý kiến của Bộ GDĐT	
				Đề xuất của Bộ GDĐT	Căn cứ đề xuất
2.2	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bậc cao đẳng sư phạm và bậc giáo dục đại học (trong đó gồm dịch vụ cấp phát phôi bằng, chứng chỉ, dịch vụ tuyển sinh)			Không đưa các định mức dịch vụ do Nhà nước định giá - Các cơ sở giáo dục xác định mức thu bù đắp chi phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công khai, niêm yết giá theo quy định	- Theo Luật Giá 2012, các dịch vụ này do cơ sở giáo dục tự xác định mức thu bù đắp chi phí và thực hiện công khai niêm yết giá theo quy định - Tại Khoản 4 Điều 65 Luật Giáo dục Đại học quy định "Mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc sinh đủ chi phí hợp lý thực tế phát sinh - Tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực GDĐT, trong đó đã quy định: *"Thu trường cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện công khai minh bạch, giải trình với xã hội về căn cứ, phương pháp xác định, tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đối với các dịch vụ do đơn vị xác định mức giá, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định"*. - Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 hướng dẫn xây dựng, thẩm định ban hành định mức KTKT và phương pháp xây dựng giá dịch vụ GDĐT áp dụng trong lĩnh vực GDĐT Như vậy, đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bậc cao đẳng sư phạm và bậc giáo dục đại học (trong đó gồm dịch vụ cấp phát phôi bằng, chứng chỉ, dịch vụ tuyển sinh) do Thủ trưởng cơ sở giáo dục xác định mức thu bù đắp chi phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật (theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT) và thực hiện công khai, niêm yết giá theo quy định

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành	Đề xuất của Bộ Tài chính tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022	Ý kiến của Bộ GDĐT	
				Đề xuất của Bộ GDĐT	Căn cứ đề xuất
1	Sách giáo khoa	- Quy định hiện hành Theo quy định tại Luật Giá 2012, mặt hàng này thuộc danh mục kê khai giá Trong thời gian vừa qua, Bộ GDĐT có văn bản đề nghị, bổ sung vào Danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá (Công văn số 115/BGDĐT-KHTC ngày 14/01/2020, Công văn số 774/BGDĐT-KHTC ngày 11/3/2020) về giá sách giáo khoa theo quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội	Bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Bộ GDĐT thống nhất đưa SGK vào danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá và đề xuất tổng hợp Chính phủ phê duyệt mức giá cụ thể trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính. Bộ GDĐT để bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất trong công tác quản lý giá	- Bộ GDĐT đã có Công văn số 115/BGDĐT-KHTC ngày 14/01/2020, số 774/BGDĐT-KHTC ngày 11/3/2020, số 4146/BGDĐT-KHTC ngày 22/9/2021 gửi Bộ Tài chính đề xuất đưa SGK vào danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá. - Theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 về kỳ họp thứ 1 Quốc hội khóa XV, dịch giáo khoa sẽ được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá lần của đội Luật Giá

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8430 /BGTVT-TC	*Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022*
V/v dự án dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá sửa đổi (dự thảo Luật Giá). Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

- Về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, đề nghị rà soát để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 21 dự thảo Luật Giá.

- Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý giá của dự thảo Luật Giá sửa đổi, hơn nữa do tính chất hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá là những hàng hóa dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước, quan trọng, thiết yếu, tài nguyên quan trọng, hàng dự trữ quốc gia (khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu giao Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định phương án giá cho các danh mục hàng hóa, dịch vụ ban hành kèm theo dự thảo Luật Giá sửa đổi.

2. Ý kiến cụ thể

- Điều 2 khoản 3: đề nghị rà soát lại để phù hợp với quy định về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 dự thảo Luật Giá.

- Điều 3: đề nghị làm rõ quy định "trường hợp Luật khác có... thì thực hiện theo quy định của Luật này" để tránh xung đột với quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Điều 4:

+ Bổ sung quy định về ***"tuyến độc quyền"*** do tại dự thảo Luật Giá có đề cập đến dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền.

+ Dự thảo Luật đã có các khái niệm "giá thị trường", "giá thanh toán bộ", "giá tối thiểu", "giá tối đa", tuy nhiên chưa có khái niệm "vé giá" trong lúc đó, thuật ngữ này được đề cập rất nhiều trong nội dung dự thảo. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định giải thích "vé giá" để có thể phân định được sự khác biệt về giá được nhà nước điều tiết (định giá) với giá thị trường, giá thành toàn bộ ...

- Khoản 6 quy định về *"Giá thành toàn bộ của hàng hoá, dịch vụ là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ ..."* tuy nhiên chưa rõ về đơn vị tính để xác định giá thành toàn bộ, khi áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể như với dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa thì chưa rõ "giá thành toàn bộ" tính theo ghế ngồi, toàn bộ chuyến bay hay theo thời gian (tuần, tháng, quý ...). do hiện nay giá vé dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa được bán theo nhiều mức giá khác nhau trên một chuyến bay và giá vé khác nhau theo mùa vụ trong năm.

- Khoản 7 quy định về giá tối thiểu, tuy nhiên cần quy định rõ giá tối thiểu có bao gồm mức giá 0 đồng hay không để áp dụng được thống nhất.

- Khoản 18 đề nghị rà soát lại cụm từ "thông đồng về giá, thẩm định giá" để tách biệt giữa hai khái niệm "thông đồng về giá" và "thông đồng về thẩm định giá" để đảm bảo tính rõ nghĩa.

- Điều 5 khoản 1 đề nghị rà soát lại làm rõ quy định *"Cơ quan nhà nước có thẩm quyền... theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường"* vì hoạt động quản lý, điều hành giá của nhà nước là hoạt động sử dụng các công cụ, biện pháp điều hành tác động, can thiệp vào quá trình điều tiết giá của thị trường, do đó, nguyên tắc "thực hiện định giá hàng hoá, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường" cần được cân nhắc cho phù hợp

- Điều 10 khoản 3 rà soát, điều chỉnh quy định *"Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá"* thành *"Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, trình Chính phủ điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá"*

Lý do: Khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật Giá quy định *"Trường hợp phải sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Báo cáo đánh giá tác động của việc điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định"*; khoản 1 Điều 16 dự thảo Luật Giá quy định: *"Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc Danh mục do Chính phủ quy định"*; khoản 2 Điều 30 dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định: *"Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá"*.

- Điều 24 khoản 2: *"Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng"* đề nghị sửa đổi, bổ sung thành *"Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành phương pháp định giá riêng"* để đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 22, 23 dự thảo Luật Giá.

- Điều 25:

– Khoản 4 đề nghị sửa đổi, bổ sung "*Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá Bộ, cơ quan ngang Bộ, đơn vị chuyên môn thuộc Bộ trực theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể của Bộ chuyên ngành sẽ giao cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan liên quan thẩm mưu theo lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành) lập phương án giá, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính*" thành "*Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá trừ Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước) Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lập phương án giá, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính. Đối với Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước), cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lập phương án giá, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định*".

Lý do: Điểm a khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật Giá quy định "*Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ: a) Lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định, kê khai giá lần đầu và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước*"; rà soát "đơn vị chuyên môn thuộc Bộ" và "đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ" để đảm bảo việc triển khai thực hiện theo đúng trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị liên quan. Theo quy định tại Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải, cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT gồm có: các Vụ tham mưu, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục: Hàng hải, Hàng không, Đường sắt, Đường thủy nội địa, Đăng kiểm Việt Nam và các cơ quan, đơn vị khác.

Đối với nội dung "*sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính*" liên quan đến Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước, một số cơ quan đơn vị có ý kiến đề nghị bỏ nội dung này cho phù hợp với quy định tại mục 41 Phụ lục danh mục hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá "*Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước*", trong đó Bộ Tài chính "đề xuất quy định tại danh mục 1 nội gia sửa đổi: Các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình", do đó đề nghị Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu bỏ quy định "*sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính*" đối với dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước.

- Điều 34 khoản 3 đề nghị rà soát lại quy định "... *và không được thỏa thuận vượt giới hạn giá*" do chưa rõ về nội dung.

- Điều 41 khoản 2 đề nghị làm rõ hơn quy định các Bộ, ngành có trách nhiệm cập nhật thông tin (thông tin giá) vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

- Điều 45 khoản 1 đề nghị bỏ quy định *"Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành thông nhất theo quy định tại Luật này"* để phù hợp với quy định tại khoản 2 *"Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn, tổ chức và giám sát thực hiện Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, có trách nhiệm rà soát, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Kiến nghị bãi bỏ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn với Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam"*

- Điều 50 khoản 2 đề nghị làm rõ quy định *"Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá"* Quy định này được hiểu rằng người có thẻ thẩm định viên theo quy định tại Điều 48 vẫn chưa đủ điều kiện để hành nghề thẩm định giá, vậy điều kiện nào để đảm bảo Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá?

- Điều 52 khoản 2 đề nghị làm rõ *"Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp"* thì doanh nghiệp có được kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hay không, hay chỉ dừng lại ở việc không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá".

- Điều 67 khoản 2. *"Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp "*, tuy nhiên, chưa rõ tiêu chuẩn, điều kiện được cấp *"chứng chỉ thẩm định giá <u>nhà nước</u> "*: dự thảo cũng nên cân nhắc bổ sung thêm quy định trong trường hợp không thỏa mãn quy định này thì việc thẩm định giá của nhà nước sẽ được thực hiện như thế nào, có thống kê, danh giá thẩm định viên được cấp *"chứng chỉ thẩm định giá nhà nước "* tại các cơ quan nhà nước để quy định cho phù hợp đảm bảo việc thẩm định giá của Nhà nước được liên tục

- Điều 74:

+ Khoản 1 điểm b dự thảo bãi bỏ *"Điều 83 Luật Giao thông đường bộ năm 2008"*, tuy nhiên Điều 83 quy định nội dung liên quan đến *tổ chức hoạt động của bến xe ô tô, bãi đỗ xe trên đường phố*, do vậy đề nghị chỉ bãi bỏ khoản 6 Điều 83 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: *"6. Việc bố trí nhà chờ của các tuyến xe buýt, bến xe ô tô để quy định giá dịch vụ sử dụng bến xe ô tô"*

+ Khoản 1 điểm c, sửa đổi, bổ sung như sau: *"Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều 11 Hãng không tham dụng Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam"* thành *"Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều 11 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, <u>Khoản 2, Điều 116 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 27 Điều 1 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam</u>*

và Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam"

- Khoản 2 điểm b quy định bãi bỏ "Điều 116 Luật Đất đai", tuy nhiên, tại Phụ lục danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đối với Đất đai đề xuất áp dụng theo quy định tại Luật Đất đai (đang tiến hành sửa đổi), do vậy, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát đảm bảo thống nhất giữa dự thảo Luật Giá (sửa đổi) và Luật Đất đai (đang sửa đổi).

3. Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá (xem Phụ lục kèm theo)

Về nội dung dự thảo quy định bổ sung Dịch vụ đường cao tốc do Nhà nước đầu tư và giao cho đơn vị khai thác: Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, của Thủ tướng Chính phủ, ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ GTVT đã chỉ đạo Tổng cục ĐBVN và các đơn vị liên quan triển khai, nghiên cứu các phương án để thu hồi vốn đầu tư của nhà nước đối với các đoạn đường bộ do nhà nước đầu tư trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông từ năm 2020 đến nay. Trong quá trình nghiên cứu, Bộ GTVT đã xây dựng các phương án báo cáo cấp thẩm quyền thu hoàn vốn đầu tư đường cao tốc Bắc - Nam thu phí sử dụng đường bộ cao tốc Bắc – Nam theo cơ chế phí, theo ý kiến của Bộ Tài chính Bộ GTVT tiếp tục xây dựng phương án theo cơ chế giá (thu hoàn vốn đầu tư xong sẽ dừng thu). Bộ GTVT đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến Bộ, ngành, có đánh giá, phân tích các thuận lợi khó khăn, tính khả thi trong đề xuất xây dựng quy định thu theo pháp luật phí, thu theo pháp luật giá…Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính đề nghị nghiên cứu xây dựng cơ chế thu giá áp dụng trên tất cả các tuyến cao tốc nhà nước đầu tư nói chung. Đặc biệt, sau khi nhận được văn bản 5014/BTC-QLG ngày 04/6/2022 của Bộ Tài chính gửi Bộ GTVT đề nghị tiếp thu giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp tại văn bản số 1630/BTP-PLDSKT ngày 23/5/2022. Bộ GTVT đã tiếp tục nghiên cứu và đã có văn bản số 6607/BGTVT-TC ngày 30/6/2022 đề nghị Bộ Tài chính xem xét *"Trường hợp cần thống nhất chung một cơ chế thu đối với toàn bộ các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước sở hữu, quản lý về giá: đường bộ cao tốc Bắc - Nam đầu tư công, các dự án đường bộ cao tốc đã và đang được Quốc hội cho phép đầu tư bằng nguồn ngân sách của trung ương và địa phương cùng đóng góp, các dự án đường cao tốc đầu tư theo hình thức BOT đã hoàn vốn và bàn giao tài sản cho nhà nước, các tuyến đường bộ cao tốc nhà nước đã đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (trái phiếu, ODA, BT,...) hiện đang khai thác không thu phí như ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị thực hiện theo cơ chế phí như Bộ GTVT đã đề xuất trước đây"*

Để đảm bảo đồng bộ phù hợp với các quy định pháp luật về đầu tư công, thống nhất cơ chế chung, có tính chất ổn định lâu dài, Bộ GTVT tiếp tục đề xuất tổ chức thu theo cơ chế phí đối với toàn bộ các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước sở hữu, quản lý.

Trên đây là ý kiến của Bộ GTVT, đề nghị Bộ Tài chính, nghiên cứu tham mưu theo thẩm quyền./.

(Gửi kèm theo các Công văn: số 2903/CHK-TC ngày 29/6/2022 của Cục Hàng không Việt Nam, số 2265/CHHVN-TC ngày 07/7/2022 của Cục Hàng hải Việt Nam, số 2266 /ĐKVN-TC-KHĐT ngày 30/6/2022 của Cục Đăng kiểm Việt Nam)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TC (Đức).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Công văn số [illegible]/BGTVT-TC ngày 16/08/2022 của Bộ Giao thông vận tải)

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
3	Dịch vụ hàng không	
	Dịch vụ cất cánh, hạ cánh; Dịch vụ điều hành bay đi, đến; Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; Dịch vụ soi chiếu an ninh; Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; Dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.	- Khoản 5 Điều 1 Luật HKDDVN sửa đổi: *"3. Giá dịch vụ hàng không bao gồm:* *a) Giá dịch vụ cất cánh, hạ cánh; giá dịch vụ điều hành bay đi, đến; giá dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; giá phục vụ hành khách; giá bảo đảm an ninh hàng không và giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;* *6. Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá dịch vụ tại điểm a khoản 3 Điều này trên cơ sở phương pháp định giá theo quy định của Bộ Tài chính".* - Nghị định 149: Bộ GTVT quy định *Giá cụ thể đối với các dịch vụ hàng không bao gồm: Giá dịch vụ cất cánh, hạ cánh; giá dịch vụ điều hành bay đi, đến; giá dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; giá phục vụ hành khách; giá bảo đảm an ninh hàng không và giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;* Đề xuất: - Bổ sung danh mục: "Dịch vụ phục vụ hành khách" - Đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: + "Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay" + "Dịch vụ soi chiếu an ninh hàng không"
	Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay; Dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách; Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; Dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay (đối với các cảng hàng không còn áp dụng phương thức trọn gói); Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp	- Khoản 5 Điều 1 Luật HKDDVN sửa đổi: *"3. Giá dịch vụ hàng không bao gồm:* *b) Giá dịch vụ hàng không khác.* *7. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định, thực hiện kê khai giá với Bộ Giao thông vận tải".* - Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT) quy định: Bộ GTVT quyết định khung giá một số dịch vụ hàng không do doanh nghiệp có vị trí độc quyền, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường khai thác tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm: a) Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay; b) Dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách; c) Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; d) Dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; đ) Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay (đối với các cảng hàng không còn áp dụng phương thức trọn gói); e) Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; g) Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; h) Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay.

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
	ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách, nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không, cung cấp xăng dầu hàng không	- Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung - Khoản 5 Điều 11 Luật HKDDVN sửa đổi: *"4. Giá dịch vụ phi hàng không bao gồm:* *b) Giá dịch vụ phi hàng không khác tại cảng hàng không, sân bay.* *7. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định, thực hiện kê khai giá với Bộ Giao thông vận tải.* - Khoản 5 Điều 11 Luật HKDDVN sửa đổi: *a) Dịch vụ hàng không là dịch vụ liên quan trực tiếp đến khai thác tàu bay, khai thác vận chuyển hàng không và hoạt động bay.* *b) Dịch vụ phi hàng không là dịch vụ cung ứng tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay nhưng không thuộc dịch vụ hàng không".* - Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT) quy định: Bộ GTVT quyết định khung giá một số dịch vụ hàng không do doanh nghiệp có vị trí độc quyền, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường khai thác tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm: *a) Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách, nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không.* Thông tư số 13/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không gồm: "nhà ga hành khách quốc tế; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không, kỹ thuật hàng không, cung cấp suất ăn hàng không, cung cấp xăng dầu hàng không" - Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
	Dịch vụ thác mặt bằng cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay.	Khoản 5 Điều 11 Luật HKDDVN sửa đổi: *"4. Giá dịch vụ phi hàng không bao gồm:* *a) Giá thực mặt bằng, giá dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay.* *7. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định, thực hiện kê khai giá với Bộ Giao thông vận tải.* - Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT) quy định: *"4. Bộ GTVT quyết định khung giá một số dịch vụ phi hàng không*

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
		a) Dịch vụ cho thuê mặt bằng tại nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, *b) Dịch vụ cất hạ cánh tại nhà ga hành khách".* Ý kiến Bộ GTVT - Đối với đề xuất đưa ra khỏi danh mục HH, DV do Nhà nước định giá dịch vụ thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay, bổ sung cơ sở đề xuất và đánh giá tác động đối với giá dịch vụ thuê mặt bằng cảng HK, SB - Dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay: làm rõ dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay là những dịch vụ nào để quy định phù hợp với Điều 21 dự thảo Luật Giá.
	Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền	- Khoản 27 Điều 11 sửa đổi HKDDVN sửa đổi: "2. *Hãng hàng không quyết định giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định với thực hiện kê khai giá với Bộ Giao thông vận tải.*" - Bộ GTVT đề nghị Bộ Tài chính bổ sung cơ sở đề xuất và đánh giá ảnh hưởng đến giá Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa ngoài các tuyến độc quyền.
4	Dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị	- Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
5	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt do nhà nước đầu tư	- Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
6	Dịch vụ rà vào bến xe ô tô	- Khoản 6 Điều 83 Luật giao thông đường Bộ năm 2008 quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào loại bến xe ô tô để quy định giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô - Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
7	Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN	- Quy định hiện hành: Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Bộ GTVT quy định Giá tối đa đối với: "*Dịch vụ sử dụng đường bộ gồm đường quốc lộ, đường cao tốc của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh, dịch vụ sử dụng đò, phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý*"; Đề nghị có đánh giá tác động khi điều chỉnh "Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư *hoàn toàn từ* nguồn vốn NSNN"

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
8	Dịch vụ bốc dỡ container	- Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 90 Bộ luật Hàng hải: "2. Giá dịch vụ tại cảng biển bao gồm: a) Giá ***dịch vụ bốc dỡ container***, giá dịch vụ hoa tiêu, giá sử dụng cầu, bến, phao neo, giá dịch vụ lai dắt. *3. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định"* - Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
9	Dịch vụ cầu bến phao neo Dịch vụ hoa tiêu	- Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 90 Bộ luật Hàng hải: *"2. Giá dịch vụ tại cảng biển bao gồm: a) Giá dịch vụ bốc dỡ container, **giá dịch vụ hoa tiêu; giá sử dụng cầu, bến, phao neo**, giá dịch vụ lai dắt. 3. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định".* - Đề nghị điều chỉnh tên dịch vụ: "cầu bến phao neo" thành *"sử dụng cầu, bến, phao neo"*.
10	Dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển	- Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 90 Bộ luật Hàng hải: *"2. Giá dịch vụ tại cảng biển bao gồm: a) Giá dịch vụ bốc dỡ container, giá dịch vụ hoa tiêu, giá sử dụng cầu, bến, phao neo, **<u>giá dịch vụ lai dắt</u>**. 3. Doanh nghiệp quyết định mức giá dịch vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định"* - Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung cơ sở và đánh giá tác động đến việc thay đổi giá dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển đối với đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.
11	Dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh (BOT)	- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Bộ GTVT quy định Giá tối đa đối với: *"Dịch vụ sử dụng đường bộ gồm đường quốc lộ, đường cao tốc các dự án phát triển xây dựng đường bộ để kinh doanh, dịch vụ sử dụng đất, phải thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý".* - Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành (vẫn do nhà nước định giá) để đảm bảo tính ổn định trong cơ chế, chính sách đang áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng dự án đường bộ theo hình thức BOT. Trường hợp Bộ Tài chính giữ nguyên quan điểm đề xuất đưa ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đề nghị phân tích đánh giá cụ thể tác động đối với các dự án BOT đang trong quá trình kinh doanh khai thác và các dự án BOT thực hiện sau này.

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
12	Dịch vụ đường cao tốc do Nhà nước đầu tư và giao cho đơn vị khai thác	- Hiện nay, Bộ GTVT đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế thu tiền sử dụng dịch vụ đường bộ qua trạm thu phí do nhà nước đầu tư đối với đường bộ cao tốc Bắc Nam theo các Nghị quyết của Quốc hội Trong quá trình nghiên cứu các quy định pháp luật, Bộ GTVT đã có văn bản số 1501/BGTVT-TC ngày 11/4/2020 gửi Thủ tướng Chính phủ trong đó có đánh giá, phân tích rõ 02 phương án thu phí sử dụng đường bộ qua trạm thu phí trên đường cao tốc do Nhà nước đầu tư theo cơ chế phí và cơ chế giá, trên cơ sở đánh giá ưu nhược điểm của cả 02 phương thức thu, Bộ GTVT kiến nghị Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp thuận phương án thu theo cơ chế phí Đồng thời, Bộ GTVT đã có văn bản số 7921/BGTVT-TC ngày 12/8/2020 gửi Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp đề xuất phương án thu phí sử dụng đường cao tốc thông qua trạm thu phí trên đường cao tốc do Nhà nước đầu tư theo pháp luật về phí, lệ phí, trong đó đã kiến nghị Bộ Tài chính, theo quy định tại Điều 20 Luật Phí và lệ phí, căn cứ vào đề xuất của Bộ GTVT để *"nghiên cứu báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung khoản thu phí sử dụng đường cao tốc thông qua trạm thu phí vào Danh mục phí, lệ phí tại Luật phí và lệ phí"* Tuy nhiên, theo ý kiến của Bộ Tài chính thì Nghị quyết số 82/2019/QH14 của Quốc hội cho phép nghiên cứu việc thu giá để thu hồi vốn đầu tư của nhà nước đối với các dự án thành phần sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công. Bộ GTVT đã có văn bản số 1774/BGTVT-TC ngày 24/02/2022 gửi Bộ Tài chính về phương án thu hồi vốn nhà nước đầu tư trên các đoạn đường bộ sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công trên tuyến cao tốc Bắc – Nam, phía Đông, trong đó đề xuất phương án thu hồi vốn theo cơ chế giá áp dụng cho các tuyến cao tốc đầu tư theo hình thức đầu tư công trên tuyến cao tốc Bắc – Nam, phía Đông, tại văn bản này Bộ GTVT cũng đã nêu rõ việc đã thu đủ hoàn vốn đầu tư xong thì sẽ dừng thu Bộ Tài chính đã có văn bản số 3957/BTC-QLG ngày 06/5/2022 gửi Bộ GTVT về dự thảo Hồ sơ báo cáo Chính phủ trình UBTVQH về việc quy định thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc qua trạm thu phí do nhà nước đầu tư theo cơ chế giá, trong đó Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ, Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Nghị quyết của UBTVQH, Báo cáo đánh giá tác động về việc quy định thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc qua trạm thu phí do nhà nước đầu tư theo cơ chế giá theo 02 phương án: (i) Phương án 1: áp dụng trên tất cả các tuyến cao tốc nhà nước đầu tư nói chung; (ii) Phương án 2: áp dụng trên các tuyến cao tốc nhà nước đầu tư trên tuyến cao tốc Bắc – Nam, phía Đông. Đồng thời, Bộ Tài chính đề nghị Bộ GTVT đề xuất cụ thể về việc lựa chọn phương án, và tiếp tục làm rõ, bổ sung một số nội dung trong dự thảo Hồ sơ báo cáo Chính phủ. Bộ GTVT đã có văn bản số 4568/BGTVT-TC ngày 31/5/2022 chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam (là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành lĩnh vực giao thông đường bộ) chủ trì, phối hợp với Viện Chiến lược và phát triển giao thông (Viện Chiến lược) nghiên cứu, thực hiện. Bộ Tài chính tiếp tục có văn bản số 5014/BTC-QLG ngày 04/6/2022 gửi Bộ GTVT yêu cầu Bộ GTVT tiếp thu, giải trình ý kiến

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT

của Bộ Tư pháp tại văn bản số 1630/BTP-PLDSKT ngày 23/5/2022. Tại văn bản số 1630/BTP-PLDSKT ngày 23/5/2022, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau: *"Bộ Tư pháp cho rằng để có cơ sở vững chắc cho việc thu dịch vụ sử dụng đường cao tốc do Nhà nước đầu tư thực hiện theo cơ chế giá thì ngoài việc bổ sung "dịch vụ sử dụng đường bộ" vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Quốc hội cần phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tuyên bố "Nhà nước đầu tư đường cao tốc để hoàn vốn, kinh doanh" đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư công và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí. Trên cơ sở đó, dịch vụ sử dụng đường cao tốc được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, được phép thu theo cơ chế giá nhằm mục đích hoàn vốn và khi đã thu đủ hoàn vốn thì không được phép thu tiếp, trường hợp nhằm mục đích kinh doanh thì sẽ không bị không chế thời gian thu. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị giải trình, làm rõ vấn đề này để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định"*

Bộ GTVT thống nhất quan điểm để có thể thực hiện thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc trên đường cao tốc do Nhà nước đầu tư nói chung, ngoài việc bổ sung ***"dịch vụ sử dụng đường cao tốc do nhà nước đầu tư"*** **vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, cần phải bổ sung quy định pháp luật quy định Nhà nước đầu tư đường cao tốc để hoàn vốn, kinh doanh như ý kiến của Bộ Tư pháp.**

Việc trình Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tuyên bố ***"Nhà nước đầu tư đường cao tốc để hoàn vốn, kinh doanh"*** áp dụng cho tất cả các đường cao tốc do nhà nước đầu tư có tính khả thi không cao. Đồng thời, quy định này khó giải trình để áp dụng đối với tài sản thuộc sở hữu nhà nước là các tuyến đường cao tốc đầu tư theo hình thức PPP do Nhà đầu tư Dự án bàn giao lại cho Nhà nước theo hợp đồng dự án, các dự án đường cao tốc đã được nhà nước đầu tư trước đây hiện đang khai thác (không thu phí).

Do đó, việc áp dụng thu theo cơ chế giá chung đối với toàn bộ các tuyến đường cao tốc do nhà nước sở hữu quản lý như PAT Bộ Tài chính đã nêu tại văn bản số 3957/BTC-QLG ngày 06/5/2022 sẽ bị vướng về quyền tổ chức thu như Bộ Tư pháp đã nêu. Việc đề xuất Quốc hội chấp thuận như ý kiến của Bộ Tư pháp, xây dựng và sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan sẽ kéo dài do cần nhiều thời gian, không đáp ứng được tiến độ thực hiện thu hoàn vốn nhà nước đầu tư trên tuyến cao tốc Bắc - Nam, phía Đông.

Riêng đối với các tuyến đường bộ cao tốc do Nhà nước đầu tư thuộc tuyến cao tốc Bắc - Nam, phía Đông, Quốc hội UBTVQH đã có chủ trương cho phép nghiên cứu phương án thu hồi vốn tại các Nghị quyết số 52/2017/QH14, Nghị quyết số 117/2020/QH14, Nghị quyết số 1213/NQ-UBTVQH14. Do đó, có thể tập trung hoàn thiện theo hướng đưa vào dự thảo Nghị quyết UBTVQH nội dung Nhà nước đầu tư đường cao tốc trên tuyến cao tốc Bắc - Nam, phía Đông để hoàn vốn và khi đã thu đủ hoàn vốn thì không thu tiếp.

Vì vậy, để có thể sớm triển khai thu hoàn vốn đầu tư của nhà nước tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phía Đông, Bộ GTVT đã

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
		kiến nghị Bộ Tài chính xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án triển khai theo một trong hai phương án như sau: (i) Trường hợp thực hiện thu theo cơ chế giá như đề xuất của Bộ tài chính trước đây, để thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội như kiến nghị của Bộ GTVT gần đây, Bộ GTVT đề nghị trước mắt chỉ áp dụng cho các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước đầu tư trên tuyến cao tốc Bắc - Nam. Theo đó, đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình UBTVQH ban hành Nghị quyết để chấp thuận thu theo cơ chế giá áp dụng cho các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước đầu tư trên tuyến cao tốc Bắc - Nam, phía Đông theo Nghị quyết số 52/2017/QH14, Nghị quyết số 117/2020/QH14, Nghị quyết số 1213/NQ-UBTVQH14. Trong dự thảo Nghị quyết của UBTVQH sẽ bổ sung thêm quy định để tuyên bố "Nhà nước đầu tư đường bộ cao tốc để hoàn vốn, kinh doanh". Trường hợp Nghị quyết Quốc hội ban hành chỉ tuyên bố "Nhà nước đầu tư đường bộ cao tốc để hoàn vốn" thì khi đã thu đủ hoàn vốn thì không được phép thu tiếp. (ii) Trường hợp cần thống nhất chung một cơ chế thu đối với toàn bộ các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước sở hữu, quản lý (*sẽ gồm: đường bộ cao tốc Bắc - Nam đầu tư công, các dự án đường bộ cao tốc đã và đang được Quốc hội cho phép đầu tư bằng nguồn ngân sách của trung ương và địa phương cùng đóng góp, các dự án đường cao tốc đầu tư theo hình thức BOT đã hoàn vốn và bàn giao tài sản cho nhà nước, các tuyến đường bộ cao tốc nhà nước đã đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (trái phiếu, ODA, BT...) hiện đang khai thác không thu phí*) như ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị nghiên cứu thực hiện theo cơ chế phí như Bộ GTVT đã đề xuất trước đây. Để thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo có thể triển khai nhanh, phù hợp với hình thức tài sản được đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước, phù hợp với Luật đầu tư công, Chính phủ và địa phương có thể chủ động điều chỉnh mức thu phí linh hoạt phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của vùng miền... để chủ động quyết định, xử lý trong trường hợp có biến động, tác động của giá cả mà nhà nước cần hỗ trợ điều chỉnh (*như dịch bệnh, tăng giá nhiên liệu...*), trong bối cảnh hiện tại Thủ tướng Chính phủ và Bộ GTVT đang chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thu phí tự động không dừng, không dùng tiền mặt, đặc biệt là thu liên thông trên các tuyến đường bộ cao tốc thì việc đề xuất triển khai thu theo cơ chế phí như Bộ GTVT đã đề xuất trước đây sẽ thuận lợi hơn, sớm đáp ứng được chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ, tiền phí thu được sẽ nộp trực tiếp vào NSNN, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước và người sử dụng đường bộ cao tốc. Từ các phân tích nêu trên, **Bộ GTVT tiếp tục đề xuất tổ chức thu theo cơ chế phí đối với toàn bộ các tuyến đường bộ cao tốc do nhà nước sở hữu, quản lý**. Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết, Chính phủ chỉ đạo triển khai xây dựng hoàn thiện các quy định pháp luật thì việc thu phí có thể triển khai sớm theo những hình thức khai thác tài sản đã được quy định tại Luật quản lý tài sản công, Nghị định 33/2019/NĐ-CP trong đó trường hợp Chính phủ có chỉ đạo chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đối với tuyến đường cụ thể) để thu trước khoản phí thì Bộ

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
		GTVT sẽ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Bộ GTVT đã có văn bản số 6607/BGTVT-TC ngày 30/6/2022 đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu quy định cho phù hợp với phương án trình Chính phủ.
13	Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các công trình khai thác, vận chuyển dầu khí biển)	- Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
40	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	- Bộ GTVT không có ý kiến bổ sung
41	Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước	- Nghị định 32/2019/NĐ-CP quy định: sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên có thể thực hiện theo các phương thức: Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu, do đó đề nghị nghiên cứu sửa thành "Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước" - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP quy định: + Bộ Tài chính quy định giá tối đa đối với *"Hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách trung ương có sản phẩm, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của các bộ, ngành khác và các Cơ quan nhận ủy thác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền **đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ**"* + Bộ GTVT quy định: *"Hàng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải) được thực hiện theo phương thức Nhà nước **đặt hàng** hoặc **giao kế hoạch** sử dụng nguồn ngân sách trung ương"*. - Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể danh mục đối với dịch vụ này tại Luật Giá sửa đổi (trong lĩnh vực GTVT gồm có: Sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải) và bổ sung hình thức ***giao nhiệm vụ*** và ***đấu thầu***.
45	Hàng dự trữ quốc gia	Đề nghị quy định cụ thể danh mục Hàng dự trữ quốc gia trong dự thảo Luật Giá

STT (*)	Tên hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Luật Giá	Ý kiến Bộ GTVT
		Lý do: Khoản 2 Điều 21 dự thảo dự án Luật Giá sửa đổi quy định: *"Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thông nhất tại phụ lục kèm theo Luật này."*
Bổ sung	"Dịch vụ chia sẻ dữ liệu phương tiện giao thông vận tải"	Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung *"Dịch vụ chia sẻ dữ liệu phương tiện giao thông vận tải"*

(*) STT theo Phụ lục danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính

SAO Y

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5083/BKHĐT-TCTT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022*
V/v tham gia ý kiến về các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc có xin ý kiến đối với các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình

(1) Tại Mục II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự án Luật (trang 9), Đề nghị cân bám sát Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021.

(2) Đề nghị bổ sung Bảng so sánh, đối chiếu về nội dung bỏ, nội dung sửa đổi và lý do bỏ, lý do sửa đổi của dự thảo Luật Giá (sửa đổi) so với Luật Giá hiện hành để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, tham gia ý kiến.

2. Về dự thảo Luật Giá (sửa đổi)

(1) Tại Điều 3 (trang 1): Đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung quy định *"Trường hợp Luật khác có quy định ...thì thực hiện theo quy định của Luật này"*, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

Khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *"3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau"*. Như vậy, nếu Quốc hội ban hành một luật khác, có hiệu lực sau ngày có hiệu lực của Luật Giá (sửa đổi), có quy định khác về một vấn đề đã được quy định trong Luật Giá (sửa đổi) thì phải áp dụng theo luật đó mà không phải Luật Giá (sửa đổi).

(2) Tại Điều 7 (trang 4):

+ Tại Khoản 2, điểm c: Đề nghị làm rõ nội hàm cụm từ *"bất hợp lý"*, đồng thời cân nhắc, sửa đổi quy định về *"tăng giá hàn hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý"* bảo đảm nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ triển khai thực hiện.

+ Tại Khoản 3, điểm d: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau *"Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng ... pháp luật cho phép hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền"*

+ Tại Khoản 5: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định đối với khách hàng thẩm định giá. *"Giải trình, chỉnh sửa kết quả thẩm định giá"*.

(3) Tại Điều 13 (trang 9): Đề nghị rà soát nội dung quy định tại Dự thảo với các quy định về quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm phù hợp, tránh trùng lặp và không quy định lại những nội dung đã được quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(4) Tại Điều 15 (trang 10): Ngoài 03 nguyên tắc đã nêu tại Dự thảo, đề nghị nghiên cứu bổ sung nguyên tắc về đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người dân, nhà nước và doanh nghiệp khi thực hiện bình ổn giá.

(5) Tại Điều 21, Khoản 1, điểm d (trang 13): Đề nghị rà soát quy định hàng dự trữ quốc gia là đối tượng Nhà nước định giá trong Dự thảo, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Dự trữ quốc gia. Cụ thể: Theo Luật Dự trữ quốc gia (Mục 2 và Mục 3), việc mua hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo pháp luật về đấu thầu; việc bán hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức bán đấu giá, bán chỉ định và bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.

(6) Tại Chương IV, Mục 1. Hiệp thương giá (trang 16): *"Hiệp thương giá"* không phải là một hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định *"trường hợp việc mua hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu"*.

(7) Tại Điều 34 (trang 19): Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về các hình thức niêm yết giá; ví dụ: Dán trên sản phẩm, treo biển,... tại các vị trí mà người tiêu dùng dễ nhận biết nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(8) Tại Điều 41 (trang 21-22):

+ Tại Khoản 3: Đề nghị nghiên cứu theo hướng chỉ xây dựng 01 cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, không xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương hoặc xây dựng theo hướng liên thông các cơ sở dữ liệu để thống nhất quản lý, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước và thuận tiện trong quá trình triển khai, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

+ Tại Khoản 5: Đề nghị bổ sung giải trình cơ sở đề xuất Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

(9) Tại Điều 44 (trang 23): Đề nghị xem xét bổ sung nguyên tắc về việc bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí khi

thực hiện hoạt động thẩm định giá nhằm tăng cường tính hiệu quả của hoạt động thẩm định giá trong quá trình tổ chức thi hành.

(10) Tại Điều 49, khoản 3 (trang 25): Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý khi đề xuất Bộ Tài chính quy định chi tiết về đăng ký hành nghề thẩm định giá như trong Dự thảo; đồng thời, cân nhắc sửa lại theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để bảo đảm phù hợp với thẩm quyền.

(11) Tại Điều 52, khoản 2 (trang 26): Đề nghị sửa *"Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh"* thành *"Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp"*, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

(12) Tại Điều 76 (trang 37): Đề nghị rà soát, chuẩn xác năm ban hành Luật Giá số 11/2012/QH13.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kính gửi Quý Bộ để nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các đơn vị: TCTK, QLĐT, ĐKKD, KTNN, KTCN, KTDV, PC, KHCĐ;
- Lưu VT, Vụ TCTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1964/BKHCN-KHTC	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v ý kiến về các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 5430/BTC-QLG của Bộ Tài chính ngày 9/6/2022 về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi) (gọi tắt là dự thảo Luật Giá), Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Tại Khoản 3 Điều 10 của dự thảo Luật Giá về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, Cơ quan ngang bộ, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh nội dung "Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá" thành "Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá; trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá" vì việc quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá thuộc thẩm quyền của Chính phủ (Điều 8 dự thảo Luật Giá).

2. Đối với quy định liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Khoản 2 Điều 11 của dự thảo Luật Giá, đề nghị bổ sung thêm một điểm quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh "Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá; trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá" để thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 16 dự thảo Luật Giá.

3. Tại Khoản 3 Điều 15, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung trường hợp "thiên tai", "dịch bệnh" gây ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân vào diện bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và áp dụng để bao đảm bao quát hết những phát sinh trong thực tế.

4. Khoản 1 Điều 25, đề nghị làm rõ hoặc tham chiếu đến nội dung ghi rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại quy định "Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định giá...".

5. Liên quan đến phương pháp định giá khi định giá tại khoản 2 Điều 24 của dự thảo Luật Giá, để thống nhất việc ban hành phương pháp định giá có tính đặc thù của một số bộ quản lý ngành, đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan ban hành phương pháp định giá riêng. Điều chỉnh nội dung quy định như sau "2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có

trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành ban hành phương pháp định giá riêng".

6. Nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (Khoản 1 Điều 48) đã bổ sung thêm đối tượng là tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện chức năng thẩm định giá công nghệ bên cạnh doanh nghiệp thẩm định giá như quy định của Luật Giá.

- Tại Khoản 2 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ quy định "Tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ phải đáp ứng điều kiện được quy định tại pháp luật về giá và quy định điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật" và tại Khoản 3 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ giao Chính phủ quy định cụ thể điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ (được quy định tại Điều 32 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ).

Do đó, để đồng bộ với quy định hiện hành của Luật Chuyển giao công nghệ, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung trong Luật Giá *tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật* được tiến hành thẩm định giá nếu đáp ứng điều kiện theo quy định. Đồng thời, đề nghị rà soát, sửa cụm từ "doanh nghiệp thẩm định giá" thành "doanh nghiệp, *tổ chức thẩm định giá*" tại các điều, khoản, điểm có liên quan trong dự thảo Luật Giá: điểm c khoản 2 Điều 48; khoản 1 Điều 49; khoản 1 Điều 50; tên điều và khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; tên điều và khoản 1, 2 Điều 55; tên điều và khoản 1, 2 Điều 57; tên điều và khoản 1, 2 Điều 58; khoản 2 Điều 60; khoản 1, 2 Điều 61; khoản 1, 2 Điều 62; khoản 1, 2 Điều 63.

- Ngoài ra, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều cụ thể để phù hợp với đối tượng là tổ chức thẩm định giá công nghệ, cụ thể như sau:

+ Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 49 như sau:

"*c) Có chứng nhận tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức đối với thẩm định giá chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành nếu có*".

+ Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 53 như sau:

"*c) Đối với tổ chức: người đứng đầu tổ chức phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 56 Luật này*".

+ Sửa tên điều và nội dung khoản 3 Điều 56 như sau:

"Điều 56. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, *người đứng đầu tổ chức thẩm định giá*"

...

"3. Không là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, *người đứng đầu tổ chức thẩm định giá* đã bị thu

bởi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong khoảng thời gian 01 năm (12 tháng) tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá".

- Sửa điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 59 như sau

"1. c) Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật xử lý vi phạm hành chính *và pháp luật chuyên ngành liên quan*".

"2. d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập*".

"3. Doanh nghiệp, *tổ chức* thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá, *người đứng đầu tổ chức thẩm định giá* tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá của doanh nghiệp, *tổ chức* thẩm định giá quy định tại điểm h khoản 2 Điều 58 Luật này".

- Sửa khoản 3 Điều 73 như sau: "3. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm *chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan liên quan* tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá tại các doanh nghiệp, *tổ chức* thẩm định giá, các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá".

7. Liên quan đến nội dung và trách nhiệm thẩm định giá, đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 73 như sau: "3. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm *chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan liên quan* tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá, các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá".

8. Tại điểm p Khoản 1 Điều 74 quy định về bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19-6-2017 có nội dung tổ chức đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ có nghĩa vụ "Hằng năm, gửi báo cáo kết quả hoạt động đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ tới cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ". Trong khi dự thảo Luật Giá chỉ điều chỉnh đối với hoạt động "thẩm định giá", còn hoạt động "đánh giá" và "giám định công nghệ" thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, không bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

9. Liên quan đến Danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá: Đối với hàng hóa, dịch vụ thứ 38 trong Danh mục (Các quyền sở hữu trí tuệ, bản ghi âm, ghi hình), tại phần thuyết minh "Quy định hiện hành và đề xuất" có nêu: "Đây

là mặt hàng hiện đang được đề xuất đưa vào danh mục nhà nước định giá theo dự thảo Luật sở hữu trí tuệ đang trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV". Đề nghị xem lại nội dung thuyết minh này vì Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV không có nội dung này.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu và tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3070/LĐTBXH-TCGDNN V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngày 09/6/2022, Bộ Tài chính có Công văn số 5430/BTC-QLG về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Tại Điều 4

Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với cụm từ "Giá cụ thể", "hàng hóa dịch vụ đặc thù". Do tại dự thảo Luật Giá sửa đổi có quy định về thẩm quyền ban hành giá cụ thể nhưng chưa nêu khái niệm thế nào là giá cụ thể, trên thực tế khi triển khai Luật Giá gặp nhiều khó khăn vướng mắc khi triển khai thực hiện quy định này. Đồng thời quy định rõ thời gian có hiệu lực của giá cụ thể theo hướng phù hợp với từng loại dịch vụ công bảo đảm hiệu lực của giá đến khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công theo quy định.

2. Tại khoản 2 Điều 21 về danh mục hàng hóa, dịch vụ; hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá đề nghị sửa lại như sau:

Tại số thứ tự 29 đề nghị thay cụm từ "dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tại đơn vị công lập" bằng cụm từ "Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp" kèm theo các dịch vụ cụ thể (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

3. Tại Điều 23 về căn cứ định giá: Đề nghị bổ sung thêm căn cứ định giá là định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có). Do định mức kinh tế - kỹ thuật là điều kiện tiên quyết để xác định giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp theo hướng tính đúng, tính đủ, đồng thời đảm bảo tính khả thi theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4. Tại Điều 66 đến Điều 70 đã quy định về Thẩm định giá nhà nước trong đó có Hội đồng thẩm định giá nhà nước. Do vậy đề nghị bỏ nội dung khoản 6 Điều 67 "Chính phủ quy định chi tiết về Hội đồng thẩm định giá nhà nước"

5. Tại khoản 1 Điều 68 Kết quả thẩm định giá nhà nước: Đề nghị sửa lại kết quả thẩm định giá có giá trị tối thiểu là khoảng thời gian cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công, công ích theo quy định nhưng tối đa không quá 5 năm (đối có sản phẩm, dịch vụ như dịch vụ đào tạo giáo dục nghề nghiệp trình độ cao

đẳng thực hiện trong thời gian từ 02 đến 03 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo (quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp).

Trên đây là ý kiến của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCGDNN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Lê Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Công văn số 3070 /TCGDNN-KHTC ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
29	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	
	Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng.	- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Nghị định 32/2019/NĐ-CP, theo đó Bộ Tài chính quy định giá tối đa đối với hàng hóa dịch vụ sử dụng NSTW, các Bộ quy định giá cụ thể trên cơ sở Giá tối đa mà Bộ Tài chính ban hành. - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình.
	Dịch vụ quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (chuẩn đầu ra).	- Quy định hiện hành: Chưa có. Tuy nhiên, năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đề xuất bổ sung danh mục này gửi Bộ Tài chính khi Bộ Tài chính lấy ý kiến sửa đổi Nghị định 32/2019/NĐ-CP.
	Dịch vụ xây dựng Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.	
	Dịch vụ biên soạn ngân hàng câu hỏi kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành đánh giá kỹ	

năng nghề quốc gia.	
Dịch vụ đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.	
Dịch vụ thi kỹ năng nghề quốc gia, tham dự thi kỹ năng nghề quốc tế (ASEAN, Châu Á và Thế giới).	- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi; Các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá hàng của mình.
Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.	
Dịch vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho các ngành, nghề theo các cấp độ và trình độ đào tạo.	
Dịch vụ xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu	
Dịch vụ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm.	
Dịch vụ xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	
Dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.	

BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 2906 /BNG-QTTV	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v tham gia ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 56372
Ngày: 18-07-2022
Chuyển: Cục QLG
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Quý Bộ về việc tham gia góp ý các chính sách tại Dự thảo Luật giá (sửa đổi), Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

I. Về hồ sơ và sự cần thiết ban hành Luật

1. Về hồ sơ:

- Căn cứ theo Điều 37 Luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Quý Bộ rà soát, bổ sung hồ sơ đề nghị xây dựng luật theo quy định.

- Tại dự thảo Tờ trình, để phù hợp với Điều 5, Luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020, đề nghị Quý Bộ bổ sung nội dung đánh giá về tính tương thích của Luật giá (sửa đổi) với các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó bao gồm các cam kết của Việt Nam tại Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

2. Về sự cần thiết ban hành Luật:

Việc ban hành Luật giá (sửa đổi) đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn và đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật, góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch

II. Về nội dung tại dự thảo Luật giá (sửa đổi):

- Tại Điều 22 dự thảo Luật giá (sửa đổi) quy định nguyên tắc định giá, đề nghị Quý Bộ bổ sung thêm các nguyên tắc đảm bảo phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tại điểm b, Khoản 2, Điều 48 dự thảo Luật giá (sửa đổi) đề nghị Quý Bộ bổ sung thêm chuyên ngành kế toán, kiểm toán vì lĩnh vực kế toán, kiểm toán cũng sát với chuyên ngành tài chính, thẩm định giá,...

Bộ Ngoại giao xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:
Như trên,
Lưu: HC, QTTV

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Quang Hiệu

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4399 /BNN-TC	*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2022*
V/v ý kiến dự thảo Luật giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 5490/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. **Ý kiến chung:** Thống nhất chủ trương nghiên cứu, xây dựng Luật mới thay thế cho Luật giá 2012, nhằm kịp thời phản ánh những biến động của kinh tế-xã hội và đưa ra biện pháp quản lý chặt chẽ trong lĩnh vực giá.

2. Ý kiến cụ thể tại các Điều của dự thảo:

- Điều 3: Giải thích thì, mặt nước có *thứ tự 17 trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá* được đề xuất thực hiện theo quy định Luật Đất đai *(đang được biên soạn thay thế)*. Như vậy sẽ mâu thuẫn với quy định tại Điều 3 của dự thảo

- Điều 4: Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ: "hàng hóa đặc thù", "Giá cụ thể" được quy định tại mục b khoản 1 Điều 6, "phương pháp định giá" được quy định tại Khoản 1 Điều 24.

- Điều 8: Về thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Đề nghị tách thành 02 Điều quy định về thẩm quyền của Chính phủ và thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tính rõ ràng, chính xác. Vì thẩm quyền của 02 cơ quan này khác nhau. Ví dụ: Tại khoản 4 Điều 8 dự thảo Luật giá: "Quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước bình ổn giá.....". Đối chiếu Điều 16 dự thảo Luật, Chính phủ có thẩm quyền quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước bình ổn giá. Tuy nhiên, nếu theo Điều 8 thì không rõ thuộc thẩm quyền của Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ, Đồng thời, đề nghị rà soát lại thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được quy định tại các Điều của dự thảo Luật để quy định đảm bảo chính xác, đầy đủ tại Điều này. Ví dụ: Theo Điều 18 dự thảo Luật, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định chủ trương bình ổn giá, tuy nhiên tại Điều 8 chưa quy định thẩm quyền này đối với Thủ tướng Chính phủ.

- Điều 9:

+ Đề nghị bổ sung: "Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phương pháp lập phương án giá (giá tối đa, giá tối thiểu của hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng)";

+ Rà soát một số quy định lặp lại trong dự thảo: khoản 6 Điều 9, khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 10 *(Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá)*;

- Điều 12

- Đề nghị sửa đổi Điểm b khoản 1 thành: "Quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc Nhà nước công bố giá thành chiếu";

- Bổ sung Khoản ... "Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ thì căn cứ hàng hóa, dịch vụ do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định trên cơ sở khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu của Bộ Tài chính quy định";

- Điểm a khoản 2 quy định: "Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định". Đề nghị sửa lại quy định về thẩm quyền của đơn vị chuyên môn thuộc Bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc địa phương và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại các khoản 4, 6, 7 Điều 25 cho phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 12.

- Điều 16: Về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: Đề nghị xem xét quy định trên cho xác định hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; xem xét bổ sung quy định trình tự, thủ tục để ngừng điều chỉnh danh mục bình ổn giá và giao thẩm quyền Chính phủ quy định nội dung này.

- Điều 21; Đề nghị:

+ Nghiên cứu quy định tại khoản 2, khoản 3 theo hướng bỏ khoản 3 vì trong khoản 2 đã quy định.

+ Về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Khoản 2 quy định Phụ lục Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà 2 nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá. Tuy nhiên chưa có Phụ lục kèm theo dự thảo. Vì vậy, đề nghị bổ sung Phụ lục này tại dự thảo Luật.

- Điều 24: Về phương pháp định giá: Đề nghị xác định thế nào là hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành (khoản 1 Điều 24) và hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù (khoản 2 Điều 24). Đồng thời làm rõ sự khác nhau giữa 02 loại hàng hóa này để đảm bảo thống nhất, rõ ràng trong quá trình các Bộ, ngành triển khai thực hiện, áp dụng.

- Điều 25: Về ban hành Quyết định giá: Đề nghị xác định, làm rõ như thế nào là Quyết định giá "có các nội dung về cơ chế, chính sách giá" để đảm bảo thuận lợi cho các cơ quan áp dụng trong quá trình triển khai thực hiện Luật.

- Điều 52: Đề nghị xem lại nội dung quy định Khoản 2, Mục 2, Dịch vụ Thẩm định giá có cần thiết quy định cứng doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi doanh nghiệp. Thay vào đó, hàng năm Bộ Tài chính công bố danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

- Điều 53: Khoản 6 Mục 2 Thẩm định giá: Đối với Công ty cổ phần có ít nhất 02 cổ đông phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp đề nghị sửa là 02 cổ đông sáng lập.

- Điều 59: Mục 2. Dịch vụ Thẩm định giá quy định nội dung doanh nghiệp bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nhưng chưa thấy nội dung hướng dẫn thủ tục doanh nghiệp phục hồi (tiếp tục) thực hiện dịch vụ thẩm định giá.

3. Ý kiến về bổ sung một số nội dung vào dự thảo:

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về giá hàng hoá nhập khẩu, thời gian xây dựng phương án giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, thời gian thẩm định phương án giá của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, thời gian phê duyệt, quyết định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu của Bộ Tài chính…

- Hoàn thiện các nguyên tắc xác định ***danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật***: Trên cơ sở đó, điều chỉnh thẩm quyền quy định danh mục cho Chính phủ và xây dựng các quy định, cơ chế giám sát để đảm bảo tính tuân thủ triệt để trong quy trình xem xét, điều chỉnh danh mục trong các trường hợp. Đồng thời rà soát, ***đẩy mạnh phân công, phân cấp*** và thống nhất về quy trình, thủ tục trong triển khai định giá nhà nước

- Củng cố, kiện toàn công tác xây dựng ***phương pháp định giá nhà nước***; thống nhất trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc quy định phương pháp định giá hàng hóa dịch vụ cũng như quy trình xây dựng phương pháp định giá trên cơ sở phương án, hồ sơ từ các Bộ, ngành để đảm bảo áp dụng đầy đủ các tình huống trong thực tiễn. Giản với đó là để ra các nguyên tắc trong xác định ***hình thức định giá*** cũng như nghiên cứu, xây dựng các hình thức định giá mới, phù hợp với cơ chế thị trường như giá tham chiếu, giá định hướng.

- Điều chỉnh thẩm quyền quy định ***danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá*** từ Quốc hội cho Chính phủ gắn với xây dựng các nguyên tắc, điều kiện thực hiện bình ổn chặt chẽ nhưng vẫn đảm bảo sự linh hoạt để nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của biện pháp bình ổn giá trong thực tiễn khi thị trường xảy ra bất ổn.

- Điều chỉnh các quy định liên quan về phạm vi áp dụng đối với ***biện pháp hiệp thương giá***, trong đó quy định rõ phạm vi hiệp thương tập trung vào các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế và giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phân công, phân cấp cho các Bộ chuyên ngành để tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện

- ***Kê khai giá*** để nâng cao hiệu lực thực hiện của biện pháp kê khai giá, đáp ứng yêu cầu quản lý giá trong thực tiễn cũng như giảm bớt các thủ tục hành chính đối với biện pháp đăng ký giá. Giản với đó là thu hẹp phạm vi danh mục thực hiện kê khai giá chỉ đối với một số hàng hóa thiết yếu, đặc biệt quan trọng, độc quyền thị trường…

- Củng cố cơ sở pháp lý để triển khai toàn diện công tác ***tổng hợp, phân tích, dự báo***. Bên cạnh đó, Luật hóa và đưa các quy định hiện nay tại Nghị định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá quy định tại Luật để tăng cường cơ sở pháp lý cho công tác tổ chức thực hiện.

- Hoàn thiện các quy định về ***điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá*** như nâng số lượng thẩm định viên tối thiểu của một doanh nghiệp thẩm định giá từ 3 thẩm định viên lên 5 thẩm định viên, với chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá phải bảo đảm có 3 thẩm định viên; bỏ hình thức công ty cổ phần có yêu cầu tất cả các thành viên góp vốn phải là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp..

- Tăng cường các giải ***pháp quản lý đối với hoạt động thẩm định viên về giá;*** xử lý các chồng chéo, vướng mắc trong quản lý thẩm định viên về giá: đồng thời phân loại thẩm định viên theo năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá để hướng đến tính chuyên nghiệp, chuyên sâu để phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn hiện nay.

- Quy định về ***thẩm định giá Nhà nước***: quy định rõ phạm vi trường hợp thẩm định giá của nhà nước cho phù hợp với luật khác có liên quan; đồng thời cũng có hoạt động này để đáp ứng nhu cầu đặt ra trong tình hình thực tiễn quản lý nhà nước về giá hiện nay; hoàn thiện các quy định về phương thức thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước: cũng có các quy định liên quan đến Hội đồng thẩm định giá của nhà nước. Đồng thời, tạo lập cơ sở pháp lý tại Luật cho các trường hợp thực hiện thẩm định giá nhà nước nhưng trong bối cảnh dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, khẩn cấp... những hàng hóa thuộc diện độc quyền, khan hiếm, nhất là phải nhập khẩu để đáp ứng ngay yêu cầu cấp bách.

- Đề nghị nêu cơ sở căn cứ yêu cầu về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với Công ty TNHH một thành viên; Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên trở lên phải có vốn điều lệ tối thiểu 5 tỷ đồng trở lên...

- Về Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

+ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá đã đề xuất thẩm quyền ban hành giá của các Bộ, ngành, địa phương. Nếu cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn giữ đề xuất như dự thảo thì cần xem xét quy định tại Khoản 2 Điều 8, khoản 4 Điều 10 cho phù hợp.

Danh mục hàng hóa do nhà nước định giá không quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, cũng cần xem xét quy định tại khoản 2 Điều 25.

+ Bộ Tài chính là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý về giá và để khắc phục được tồn tại trong thực hiện Luật Giá như dự thảo Tờ trình đã đánh giá *"bản thân giữa Luật giá với một số Luật chuyên ngành về quy trình thẩm định, thẩm quyền định giá, phương pháp định giá"*, đề nghị sửa đổi dự thảo theo hướng:

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn việc thực hiện chính sách về giá để các Bộ chuyên ngành, địa phương áp dụng.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành phương pháp định giá đặc thù đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù.

Bộ Tài chính chủ trì ban hành mức giá một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, liên quan lợi ích sống còn của số đông người dân, tới ngân sách nhà nước.

- Bỏ quy định Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá vì không đủ chuyên môn sâu về lĩnh vực giá. Các cơ quan này căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính để ban hành mức giá theo thẩm quyền.

- Việc quy định "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền" *(khoản 1 Điều 11)* cũng cần nghiên cứu, xem xét để giảm bớt quy trình thủ tục ban hành giá. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, lựa chọn một số loại giá quan trọng, ảnh hưởng tới số đông đối tượng... thì phải thông qua Hội đồng nhân dân, còn lại nên giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh.

4 Ý kiến liên quan đến lĩnh vực quản lý

a) Về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Dự thảo quy định:

- Điều 3: "Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá; thẩm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này"

- Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá không có mục riêng cho sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Điểm l khoản 1 Điều 74; Bãi bỏ khoản 1 Điều 34, Điểm b Khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017.

Như vậy, giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi không nằm trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, bãi bỏ thẩm quyền quyết định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, còn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì chưa quy định rõ, đề nghị bổ sung.

Theo quy định của Luật Thủy lợi có thực hiện

- Luật Thủy lợi quy định: Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi gồm giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác và đều do nhà nước định giá.

- Bộ Tài chính đã và đang tham mưu cho Chính phủ ban hành quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi gắn với việc Nhà nước cấp hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Nhà nước đã thực hiện chính sách miễn giảm thủy lợi phí *(trước khi Luật Phí và lệ phí có hiệu lực)* và hỗ trợ tiền sử dụng sản

phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi *thông hiểu hành* đã thể hiện sự quan tâm rất lớn với đối tượng yếu thế, dễ tổn thương trong xã hội.

Kiến nghị:

- Danh mục nhà nước định giá chưa có giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi, nếu thực hiện theo mục số 41 thì không đủ cơ sở để triển khai đối với thủy lợi. Do đó, đề nghị bổ sung giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thành mục riêng trong danh mục nhà nước định giá. Trường hợp giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi gắn với tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi *như hiện nay* thì đề nghị quy định giá tối đa do Bộ Tài chính quyết định, giá cụ thể do Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định *không cần thông qua Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để giảm quy trình thủ tục*

- Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác *với một số hàng hóa, dịch vụ khác* đang do nhà nước định giá, nhưng đề xuất bỏ ra khỏi danh mục: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ loại hình giá này thực hiện như nào *thẩm quyền ban hành giá của từ cước liên quan, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể hay nhà nước công bố giá tham chiếu ...)*

- Về Điều 74 của dự thảo: Đề nghị nghiên cứu để giữ nguyên hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp khoản 1 Điều 34 và Điều 35 Luật Thủy lợi.

– Bổ sung quy định: Giới sử dụng mặt đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đã giao cho đơn vị khai thác công trình thuỷ lợi quản lý thì thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi.

b) Mục 41 Phụ lục kèm theo dự thảo về giá sản phẩm dịch vụ công ích (giống gốc, kích thích cá đẻ...) Nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước: Các sản phẩm công ích này, Nhà nước chi trợ giá phần chênh lệch giữa giá tiêu thụ, giá sản phẩm dịch vụ theo quy định của Nhà nước hoặc phần chênh lệch giữa số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước với chi phí hợp lý của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng. Nên để có cơ sở xác định mức trợ giá của Nhà nước cho phần chênh lệch, đề nghị Bộ Tài chính (cơ quan có thẩm quyền về giá) **thẩm định và thông báo giá tiêu thụ tối đa, mức trợ giá tối đa** và Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định giá tiêu thụ cụ thể và mức trợ giá cụ thể.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục QL Giá (Bộ Tài chính);
- Lưu VT, TC

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thanh Nam

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3212/BNV-PC	*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2022*
V/v góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Trả lời công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Điều 7 có quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm nhưng chưa có quy định hình thức xử lý khi có hành vi vi phạm một trong các điều cấm. Vì vậy, đề nghị bổ sung một điều để quy định hình thức (chế tài) xử lý các hành vi vi phạm tại Điều 7 làm căn cứ pháp lý để áp dụng trong tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời cũng là giải pháp để răn đe, phòng ngừa vi phạm.

2. Điều 8: Đề nghị quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ và thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

3. Khoản 1 và khoản 2 Điều 9 đề nghị chỉnh sửa và biên tập lại như sau:

a) Khoản 1: "Giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá", bảo đảm thống nhất với thẩm quyền của Chính phủ quy định tại Điều 8.

b) Khoản 2: "Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá và thẩm định giá theo quy định của pháp luật", bảo đảm đầy đủ cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về quản lý giá (Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá). Đồng thời, đề nghị không đưa nội dung tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam vào dự thảo Luật, vì khoản này đã quy định chung về quản lý và thẩm định giá (trong đó đã bao gồm nội dung ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá).

4. Khoản 3 Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 20 và điểm a khoản 1 Điều 33: Đề nghị quy định rõ trường hợp cần thiết, để bảo đảm tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật.

5. Tại Điều 74: Đề nghị rà soát đầy đủ các luật chuyên ngành để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các điều khoản liên quan đến Luật Giá (sửa đổi) cho phù hợp, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

6. Về phụ lục ban hành kèm theo Luật Giá (sửa đổi)

Đề nghị rà soát lại danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, không bỏ sót hàng hóa, dịch vụ; đồng thời đề nghị rà soát lại việc phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý giá và quản lý giá phải được thực hiện nhất quán, đồng bộ, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ, trình Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Thăng

UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 875/TTr-STC	*An Giang, ngày 11 tháng 07 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc tham gia góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Căn cứ Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/06/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Thực hiện Công văn số 3301/VPUBND-KTTH ngày 17/06/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham gia góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi); trong đó *"Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính về nội dung góp ý"*

Sở Tài chính đã có Công văn số 1651/STC-GCS ngày 01/07/2022 gửi các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Đến nay, Sở Tài chính đã tiếp nhận ý kiến đóng góp của 15 cơ quan, đơn vị (12 cấp tỉnh và 03 đơn vị cấp huyện). Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, Sở Tài chính dự thảo Công văn góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi) gửi Bộ Tài chính.

(Đính kèm dự thảo Công văn đính kèm).

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký gửi Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, GCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Thị Kim Hai

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: UBND-TH V/v góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*An Giang, ngày tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/06/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Tuy nhiên, đề nghị Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh tại Điều 3 của dự thảo Luật giá (sửa đổi) nội dung "*Các hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này. Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá, thẩm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này*", đề nghị điều chỉnh thành "*Các hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này. Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá, thẩm định giá **khác với quy định tại Luật này thì thực hiện theo Luật này**".

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Sở Tài chính,
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2535/UBND-TH V/v góp ý các chính sách tại dự thảo Luật giá *(sửa đổi)*	*Bạc Liêu, ngày 11 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính *(Cục Quản lý giá)*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá *(sửa đổi)*.

Sau khi nghiên cứu nội dung các chính sách tại dự thảo Luật giá *(sửa đổi)*, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo; tuy nhiên, để đảm bảo tính hoàn thiện, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có ý kiến đóng góp, như sau:

- Tại khoản 3 Điều 6 dự thảo, đề nghị điều chỉnh cụm từ *"cơ sở dữ liệu về quốc gia về giá"* thành *"Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá"*.

- Tại điểm b, khoản 2 Điều 51 dự thảo, đề nghị bỏ đoạn: *"nhưng có ghi trong hợp đồng thẩm định giá"*. Lý do: Đây là nghĩa vụ của thẩm định viên về giá phải giải trình khi có yêu cầu.

- Tại khoản 1 Điều 53 dự thảo, đề nghị điều chỉnh cụm từ *"phải có 5 người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp"* thành *"phải có 5 (năm) thẩm định viên về giá"*. Vì theo khoản 1 Điều 50 của dự thảo Luật đã quy định *"Thẩm định viên về giá là người có thẻ thẩm định viên về giá đang hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá"*.

- Tại khoản 1 Điều 61. Quyền của khách hàng thẩm định giá đề nghị bổ sung thêm nội dung về quyền được đề nghị doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm giải trình kết quả thẩm định giá do mình thực hiện khi có yêu cầu. Nhằm đảm bảo phù hợp với quyền và nghĩa vụ của khách hàng và doanh nghiệp thẩm định giá.

- Tại khoản 2 Điều 66. Phạm vi thẩm định giá Nhà nước đề nghị điều chỉnh bổ sung quy định giá trị mua, bán tài sản ở mức nào mới thuộc phạm vi thẩm định giá Nhà nước nhằm để giảm bớt thủ tục hành chính trong việc mua, bán tài sản có giá trị thấp.

- Tại khoản 1 Điều 72 dự thảo đề nghị điều chỉnh cụm từ *"nhằm đánh giá việc chấp hành các quy định pháp luật các biện pháp quản lý, điều hành giá"* thành *"nhằm đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc thực hiện các biện pháp quản lý, điều hành giá"*

- Tại Điều 74 *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến luật giá"* nhưng trong nội dung chỉ quy định về bãi bỏ các nội dung về hàng hóa do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá như vậy là chưa có sự thống nhất, đề nghị sửa lại tên điều từ "Sửa đổi, bổ sung" thành *"bãi bỏ"*.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND (đ/c Vĩ);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, DT (CV130).

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Từ Minh Phúc

UBND TỈNH BẮC NINH **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 813 /STC - QLG V/v tham gia ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Bắc Ninh, ngày 08 tháng 8 năm 2022.*

Kính gửi: Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính.

Căn cứ công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi);

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 1682/UBND-KTTH ngày 13/6/2022 giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến dự thảo Luật Giá (sửa đổi) theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Sở Tài chính Bắc Ninh đóng góp một số ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi) như sau:

- Thống nhất về sự cần thiết sửa đổi Luật Giá để khắc phục những tồn tại, hạn chế sau hơn 9 năm thi hành Luật giá và bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật dân sự kinh tế liên quan nhằm củng cố hành lang pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện

- Về bình ổn giá: Thống nhất với giải pháp thứ 3 là bỏ các quy định về danh mục mặt hàng bình ổn giá. Luật chỉ quy định các nguyên tắc để xác định các trường hợp phải bình ổn giá, gắn với đó là các biện pháp bình ổn giá cụ thể, trong trường hợp cụ thể và căn cứ theo các nguyên tắc đã được quy định tại Luật, Chính phủ sẽ quyết định loại hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn và biện pháp bình ổn trong một khoảng thời gian cụ thể.

- Quy định phạm vi hiệp thương giá:

Chỉ quy định hiệp thương giá đối với hàng hoá, dịch vụ quan trọng, được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế, có tính chất độc quyền mua, độc quyền bán phụ thuộc lẫn nhau giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Việc mua sắm nhà nước thực hiện theo Luật đấu thầu và không thuộc phạm vi hiệp thương giá.

- Về thẻ thẩm định viên về giá: Nhất trí việc bổ sung quy định khi tham gia cấp thẻ thẩm định viên về giá, người dự thi phải đáp ứng tiêu chuẩn 36 tháng kinh nghiệm là thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá

- Về điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Nhất trí về việc bổ sung điều kiện các thẩm định viên về giá đăng ký

Địa chỉ: Số 04, đường Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
Email: stc@bacninh.gov.vn; Website: http://stc.bacninh.gov.vn; Điện thoại: 02223.822396

hành nghề tại doanh nghiệp phải có 05 người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Sở Tài chính Bắc Ninh báo cáo Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (Bác)
- Lưu VT, QLG (2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Huấn

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4202/UBND-TCĐT V/v góp ý các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).	*Bến Tre, ngày 05 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu và triển khai thực hiện lấy ý kiến đóng góp Dự thảo, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cơ bản thống nhất nội dung các chính sách tại Dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:
- Như trên (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, CT, TN&MT;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
  Phòng TCĐT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trúc Sơn

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1973/STC-QLGCS	*Bình Định, ngày 09 tháng 7 năm 2022*
Về việc tham gia góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3237/UBND-TH ngày 10/6/2022 về việc tham gia góp ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi) kèm theo Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính và dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Qua nghiên cứu nội dung dự thảo và tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ngành, cơ quan có liên quan. Sở Tài chính Bình Định cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và tham gia một số nội dung cụ thể như sau:

1. Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung đối tượng thực hiện hợp tác quốc tế về thẩm định giá để phù hợp với quy định tại Điều 46 dự thảo Luật.

2. Điều 4. Giải thích từ ngữ

Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định: "3. *Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và quốc phòng, an ninh", đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm cụm từ cần giải thích là: "*sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người*".

3. Điều 6. Công khai thông tin về giá

Tại khoản 3 Điều 6 dự thảo quy định: "3. *Việc công khai được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang điện tử của cơ quan, đơn vị, phát hành ấn phẩm hoặc văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Đối với các nội dung công khai quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này phải được cập nhật lên cơ sở thời liệu về quốc gia về giá*". Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin thì có nhiều hình thức công khai thông tin, trong đó có "*Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định*". Do đó, Ban soạn thảo nên cân nhắc đến các hình thức công khai thông tin về giá phù hợp với các đối tượng là người tiêu dùng.

4. Điều 8. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, tách Điều 8 thành 2 điều quy định về "*Thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ*" và "*Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ*" nhằm tránh sự chồng chéo về thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá.

5. Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính

Tại khoản 17 Điều 9 dự thảo, đề nghị Ban soạn thảo quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc "*Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá* ***trong phạm vi cả nước***" (bổ sung phần in đậm, gạch chân) cho phù hợp với quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 11 dự thảo Luật.

6. Điều 15. Nguyên tắc bình ổn giá

Tại khoản 3 Điều 15 dự thảo quy định: "*...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường*". Tuy nhiên, Ban soạn thảo nên quy định cụ thể là việc áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường được thực hiện trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên Đán hay Tết Dương Lịch vì trong thực tế, việc áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường chỉ thực hiện trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên Đán.

7. Điều 17. Các trường hợp và biện pháp bình ổn giá

Tại điểm c khoản 2 Điều 17 dự thảo quy định các biện pháp bình ổn giá có thời hạn là "*định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá*". Tuy nhiên, tại phần giải thích từ ngữ ở Điều 4, Dự thảo mới chỉ giải thích khái niệm "*giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá*", chưa giải thích khái niệm "*định giá cụ thể*". Do đó, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung phần giải thích khái niệm "*định giá cụ thể*" vào Điều 4 Dự thảo cho phù hợp.

8. Điều 25. Ban hành Quyết định giá

Tại Điều 10, Điều 11 dự thảo Luật quy định các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Tại khoản 1 Điều 25 Dự thảo quy định "*...trường hợp tại Quyết định giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì phải phải ban hành Quyết định văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*". Tuy nhiên, quy định này không thống nhất với quy định tại Điều 10, Điều 11 dự thảo Luật và Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Nếu các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải ban hành dưới hình thức Thông tư của Bộ trưởng. Nếu UBND cấp tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải ban hành dưới hình thức Quyết định. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát và chỉnh sửa lại quy định trên cho phù hợp.

9. Điều 32. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá

Khoản 2, khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật đều quy định nội dung "*cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật*

này". Do đó, đề nghị Ban soạn thảo gộp lại thành 01 khoản cho phù hợp, tránh sự trùng lặp.

10. Điều 48. Thẻ thẩm định viên về giá

Điểm c khoản 2 Điều 48 dự thảo quy định người tham dự kỳ sát hạch cấp Thẻ thẩm định viên về giá phải *"Có thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên"*. Tuy nhiên, để dễ áp dụng thực hiện, Ban soạn thảo nên quy định cụ thể là thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên liên tục hay cộng dồn.

11. Điều 67. Hội đồng thẩm định giá nhà nước

Tại khoản 2 Điều 67 dự thảo, đề nghị Ban soạn thảo điều chỉnh cụ thể như sau:

- Từ: *"2. Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp"*.

- Thành: "2. Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có *01 thành viên* có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước *theo quy định của Bộ Tài chính*".

12. Kỹ thuật trình bày

- Tại khoản 7, khoản 8 Điều 4 dự thảo: Đề nghị bổ sung từ "vụ" sau từ *"dịch"* cho chính xác.

- Tại khoản 1 Điều 20 dự thảo: Đề nghị chỉnh sửa cách trình bày nội dung *"... nhằm rà soát, nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ có cơ sở đề xuất chủ trương bình ổn giá"* thành *"...nhằm rà soát, nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ **để có cơ sở đề xuất chủ trương bình ổn giá**"*

- Tại khoản 1 Điều 25 dự thảo: Đề nghị trình bày chính xác tên của *"Luật **Ban** hành văn bản quy phạm pháp luật"*

- Tại Điều 74 dự thảo:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 74 dự thảo: Đề nghị điều chỉnh điều cần bãi bỏ trong Luật Đất đai cho phù hợp, từ *"Điều 116, 116 Luật Đất đai"* thành *"**Điều 115**, 116 Luật Đất đai"*.

- Đề nghị rà soát, viện dẫn chính xác tên các luật: Luật Dầu gia tư sản, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Lâm nghiệp; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Điện lực, Luật Bảo vệ môi trường.

- Đề nghị rà soát, viện dẫn thống nhất các luật vì hiện tại, Dự thảo có lúc viện dẫn luật có năm, có lúc viện dẫn luật không có năm, có lúc viện dẫn luật có số kí hiệu.

- Đề nghị viện dẫn đầy đủ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ nhằm đảm bảo theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Sở Tài chính Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, TTr, QLGCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Tuyết Mai

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1785/STC-GCS V/v góp ý dự thảo Luật giá (Sửa đổi).	*Bình Phước, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 0054939
Ngày: 13-07-2022
Chuyển: Lưu Hồ sơ (Hà)
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1399/UBND-TH ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh về việc góp ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Qua nghiên cứu, xem xét dự thảo Luật Giá (sửa đổi) và tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tỉnh Bình Phước cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo Luật Giá (sửa đổi), bên cạnh đó có một số ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh nội dung dự thảo Luật như sau:

1. Về tên gọi của Luật

Đề nghị Ban soạn thảo bỏ cụm từ "Sửa đổi" ở sau tên gọi "Luật giá" cho phù hợp, vì dự thảo Luật giá được xây dựng theo hướng ban hành Luật giá mới, thay thế Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013, không phải chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Luật giá năm 2013, do đó, việc lấy tên gọi "Luật giá (sửa đổi)" như dự thảo là không phù hợp.

2. Về Điều 7. Các hành vi bị cấm

- Tại điểm c khoản 1 quy định: "*Thông đồng về giá, thẩm định giá dưới mọi hình thức*", tại điểm d khoản 2 quy định: "*Các hành vi thông đồng về giá **dưới** mọi hình thức để trục lợi*", tại điểm a khoản 3 quy định: "*Tranh giành khách hàng **dưới** hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, các hành vi ha giá dịch vụ bất hợp lý và cạnh tranh không lành mạnh khác*".

Đề nghị thay từ "*dưới*" bằng từ "*bằng*" tại điểm c khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 7 để nội dung dự thảo Luật chặt chẽ và phù hợp hơn, nội dung điều chỉnh như sau:

- Tại điểm c khoản 1 quy định: "*Thông đồng về giá, thẩm định giá **bằng** mọi hình thức*", tại điểm d khoản 2 quy định: "*Các hành vi thông đồng về giá **bằng** mọi hình thức để trục lợi*"; tại điểm a khoản 3 quy định: "*Tranh giành khách hàng **bằng** hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, các hành vi ha giá dịch vụ bất hợp lý và cạnh tranh không lành mạnh khác*".

- Tại cuối điểm d, khoản 5, Điều 7 của dự thảo, đề nghị thay dấu chấm "." bằng dấu chấm phẩy ";" cho phù hợp.

3. Về Điều 15. Nguyên tắc bình ổn giá

Đề nghị bổ sung nguyên tắc: "Tuân thủ pháp luật về giá"

4. Về Điều 22. Nguyên tắc định giá

Lại khoản 3 quy định: "*Bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và của Nhà nước,*"

Đề nghị sửa khoản 3 như sau: "***Bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh***"

Lý do: Mặc dù đảm bảo hài hòa quyền và lợi ích của các bên nhưng phải ưu tiên lợi ích Nhà nước, lợi ích của người tiêu dùng và lợi ích của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh. Mặt khác, quy định như vậy sẽ đảm bảo đúng với cương lĩnh chính trị của Đảng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

5. Về Điều 36. Mục tiêu, yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

Tên điều chưa phù hợp với nội dung quy định trong Điều này. Tên Điều quy định về mục tiêu, yêu cầu nhưng trong dự thảo luật lại quy định về nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Đề nghị tách Điều 36 thành 2 điều, quy định như sau:

"***Điều 36. Mục tiêu, yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường***

1. Thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về giá trong một thời kỳ hoặc chu kỳ để phân tích, đánh giá và dự báo về xu hướng biến động của giá.

2. Xây dựng kịch bản điều hành giá

3. Đề và phương hướng, giải pháp, biện pháp công tác quản lý, điều hành giá"

"***Điều 37. (mới). Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (Quy định như khoản 2 Điều 36 trong dự thảo luật)***"

6. Về Điều 48. Thẩm định viên về giá

- Đề nghị sửa khoản 2 Điều 48 thành

"*2. Điều kiện cấp thẻ thẩm định viên về giá*

a)

b)

c) ... (như trong dự thảo luật)

d)

- Điểm d, khoản 2 đề nghị Ban soạn thảo xem xét, điều chỉnh như sau:

"*d. Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá* ***còn thời hạn*** *do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp người đã có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học trong nước hoặc nước ngoài về chuyên ngành giá, thẩm định giá*

Lý do: Để đảm bảo phù hợp với điểm b khoản 2 Điều này. Mặt khác, để

đảm bảo về trình độ chuyên môn giữa các ngành nghề trong xã hội, vì vậy, chỉ quy định những người ***tốt nghiệp đại học, sau đại học về chuyên ngành giá, thẩm định giá*** thì được miễn chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

Mặt khác, <u>việc quy định *thời hạn của chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá*</u> tại điểm d khoản 2 Điều 48 là chưa phù hợp với thực tiễn, gây tốn kém, lãng phí và khó khăn cho những người tham gia ngành nghề thẩm định giá.

Đề nghị Ban soạn thảo quy định theo hướng giá trị của chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá có giá trị lâu dài như các loại giấy tờ chứng chỉ khác (chỉ thay đổi khi có sự thay đổi về chính sách có liên quan hoặc có thay đổi về tiêu chuẩn thẩm định giá).

7. Về Điều 67. Hội đồng thẩm định giá Nhà nước

- Tại khoản 2 cần quy định rõ thành viên bắt buộc phải có chứng chỉ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp (Ví dụ: Thủ trưởng đơn vị, Lãnh đạo phòng Tài chính - Quản trị, Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách mua sắm tài sản...).

- Tại điểm b khoản 3 quy định *"b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản, <u>thuê thẩm định giá tài sản nhằm có thêm thông tin phục vụ cho việc thẩm định giá</u> của Hội đồng thẩm định giá nhà nước;"*

Đề nghị ban soạn thảo xem xét, điều chỉnh thành: *"b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản, **thuê thẩm định giá tài sản để làm căn cứ** phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước;"*

Lý do: Việc quy định *"**thuê thẩm định giá tài sản để làm căn cứ** phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước"* đúng với thực tiễn, nhằm nâng cao trách nhiệm của tổ chức thẩm định giá trong việc tư vấn giá, giúp Hội đồng thẩm định giá Nhà nước có căn cứ để quyết định. Vì tài sản công là thuê tổ chức thẩm định giá thường là tài sản không phổ biến trên thị trường, mang tính đặc thù đòi hỏi tính chuyên môn cao, không đối chiếu được giá trên các trang chính thống..., Hội đồng thẩm định giá Nhà nước không có cơ sở để thẩm định giá

8. Về Điều 71. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

Tên và nội dung của Điều 71 chưa có sự logic, thống nhất. Đề nghị tách Điều 71 thành 2 Điều, quy định cụ thể như sau:

"***Điều 71. Mục đích kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá***

1. Đôn đốc, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện văn bản QPPL về giá

2. Nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý điều hành giá và thẩm định giá

3. Phát hiện khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, điều hành về giá và thẩm định giá để kịp thời hướng dẫn tháo gỡ khó khăn và hoàn thiện văn bản QPPL."

"Điều 72. (mới). Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

1. Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Việc triển khai được thực hiện theo cơ chế xử lý rủi ro, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra phải được thể hiện chi tiết tại kế hoạch kiểm tra do cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Bảo đảm phù hợp với định hướng xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giá. Không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị trong cùng thời kỳ kiểm tra.

3. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nêu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời.

9. Về Điều 74. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến Luật giá

Tại điểm b, khoản 2, Điều 74, đề nghị Ban soạn thảo bỏ bớt cụm từ "116" ở trước cụm từ "Luật đất đai" vì đây là lỗi kỹ thuật (lặp từ).

Trên đây là một số nội dung đóng góp ý kiến cho dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Sở Tài chính tỉnh Bình Phước kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- [illegible];
- [illegible];
- [illegible];
- Lưu: VT, [illegible].

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Nguyễn Quốc Trâm

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1399/UBND-TH V/v góp ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).	*Bình Phước, ngày 10 tháng 6 năm 2022*

Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi);

Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi) theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 10/7/2022, đồng thời, gửi UBND tỉnh để theo dõi.

(Kèm theo Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, phòng TH;
- Lưu: VT, M.Anh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

SAO Y
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 12/07/2022 16:28:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3861/UBND-STC	*Đắk Nông, ngày 12 tháng 7 năm 2022*
V/v góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/06/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có ý kiến góp ý như sau:

1. Về tên gọi dự thảo cần xác định lại cho chính xác: sửa đổi hay thay thế?

Vì: Nội dung thể hiện trong dự thảo là dự thảo Luật Giá mới thay thế Luật Giá 2012 (không phải sửa đổi).

2. Tại Khoản 1, Điều 11 dự thảo về thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định:

"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền".

Đề nghị rà soát quy định lại theo hướng những nội dung cần xem xét, cho ý kiến thì quy định thẩm quyền thuộc Thường trực Hội đồng nhân dân, còn những nội dung cần quyết định, thông qua mới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhằm tạo sự thống nhất, phù hợp, thuận lợi, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện.

3. Tại Điều 51 dự thảo cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu bổ sung thêm một số quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá như:

+ Đối với quyền của thẩm định viên về giá: "Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc".

+ Đối với nghĩa vụ của thẩm định viên về giá: "Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của doanh nghiệp đăng ký hành nghề".

4. Các nội dung khác Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thống nhất như dự thảo Luật giá (sửa đổi) do Bộ tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
Nghiêm Hồng Quang

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2040/UBND-KT V/v tham gia góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi).	*Điện Biên, ngày 04 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi) gửi kèm theo văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Điện Biên cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo nêu trên của Bộ Tài chính và có ý kiến tham gia bổ sung như sau:

1. Tại điểm c, Khoản 2, Điều 7 của dự thảo Luật, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quy định lại như sau: "*Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ* ***trái quy định***".

2. Tại khoản 6, Điều 7 (trang 5) của dự thảo Luật, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, sửa cụm từ: "*Tổ chức, cá nhân đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này*" thành: "***Bộ, ngành, địa phương đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này***".

3. Tại điểm đ, khoản 2, Điều 12 dự thảo Luật quy định: "Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết", đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung như sau: "*Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và* ***không bán cao hơn giá niêm yết***".

4. Tại khoản 1, Điều 17 của dự thảo Luật quy định: "Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp", đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quy định cụ thể về "*thời gian*" và sửa lại như sau: "*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian (****15 ngày hoặc 20 ngày hay 30 ngày****) và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp*".

5. Tại Khoản 3, Điều 15 của dự thảo Luật quy định: "Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường", đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm nội dung: "*hoặc trong thời gian diễn ra các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội trọng điểm thu hút nhiều du khách; các ngày lễ lớn của tỉnh*" và quy định như sau: "***Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết hoặc trong thời gian diễn ra các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội trọng điểm thu hút nhiều du khách; các ngày lễ lớn của tỉnh nhằm ổn định giá cả thị trường***".

6. Tại Khoản 1, Điều 72, của dự thảo Luật quy định: "Nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động quản lý, điều hành giá", đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung thêm cụm từ "*việc thực hiện*" và quy định lại như sau: "***Nội dung và trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện trong hoạt động quản lý, điều hành giá***".

Trên đây là ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Luật giá (sửa đổi) của địa phương. UBND tỉnh Điện Biên tổng hợp, gửi Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thành Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7023/UBND-KTNS
V/v tham gia góp ý dự thảo sửa đổi Luật Giá số 11/2012/QH13.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2022

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 54958
Ngày: 13-07-2022
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

UBND tỉnh Đồng Nai nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại Luật Giá (sửa đổi); UBND tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

1. Tại khoản 1, Điều 16 của dự thảo - Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: đề nghị bổ sung danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá vào dự thảo của Luật sửa đổi để có cơ sở thực hiện.

2. Tại Khoản 2, Điều 66 của dự thảo - Phạm vi thẩm định giá Nhà nước, đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau:

"a. Mua, bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá.

c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của nhà nước.

d. Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

3. Đề nghị bổ sung tại khoản 3, Điều 67 của dự thảo như sau:

"c) Cơ quan nhà nước có quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá. Hội đồng thẩm định giá giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ".

Các nội dung còn lại, UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất với dự thảo.

UBND tỉnh Đồng Nai kính báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Soạn thảo: Nguyễn Văn [illegible] Chuyên viên Phòng KTNS
ĐT: 0251.3827.[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1666/UBND-KTTH V/v tham gia góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi).	*Gia Lai, ngày 11 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Triển khai thực hiện công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc đóng góp ý kiến đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cơ bản thống nhất nội dung, kết cấu, bố cục như dự thảo. Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung như sau:

1. Tại Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Điểm c, Khoản 4 đối với thẩm định viên về giá, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này:

"c) Làm việc trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên;"

Đề nghị xem xét không cần thiết có quy định này, vì việc đăng ký hành nghề đã quy định phải đăng ký qua Bộ Tài chính, do đó 1 (một) thẩm định viên về giá không thể đăng ký hành nghề tại 2 (hai) doanh nghiệp cùng một lúc.

- Khoản 6 *"Tổ chức, cá nhân đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này."*

Cần xem xét sửa cụm từ *"Tổ chức, cá nhân"* thành *"Bộ ngành, địa phương"* cho phù hợp, vì tổ chức, cá nhân không nằm trong hệ thống hành chính Nhà nước có quyền lực đưa ra điều kiện hạn chế hoạt động thẩm định giá được.

2. Tại Điều 18. Thẩm quyền và trình nhiệm bình ổn giá

- Tại khoản 1 Điều 18 quy định *"Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá."* Tuy nhiên, trong dự thảo Luật không quy định cụ thể *Ban chỉ đạo điều hành giá* được thành lập như thế nào, thẩm quyền thành lập, thành viên của Ban Chỉ đạo... Đề nghị xem xét quy định bổ sung đối với trường hợp thành lập Ban Chỉ đạo điều hành giá hoặc quy định giao thẩm quyền cho tổ chức để thành lập Ban Chỉ đạo này.

3. Tại Điều 47. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá và Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá

Đối với *"đào tạo, cập nhật kiến thức về thẩm định giá"*, đề nghị xem xét cần thống nhất hai quy định của dự thảo tại Khoản 13 Điều 9, Khoản 2 Điều 47 quy định về "đào tạo, cập nhật kiến thức về thẩm định giá" và tại điểm c Khoản 2 Điều 51 quy định về "bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá".

4. Tại khoản 1 Điều 53. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

- Về Quy định vốn điều lệ 5 tỷ đồng là chưa phù hợp:

+ Doanh nghiệp thẩm định giá chủ yếu cung cấp dịch vụ tư vấn, không sản xuất và kinh doanh thương mại nên không có nhu cầu sử dụng vốn lớn.

+ Nghề thẩm định giá là sự hợp tác các thẩm định viên với nhau dựa vào sự tin cậy về trình độ, năng lực, uy tín để cung cấp sản phẩm cho khách hàng bằng các văn bản theo tiêu chuẩn, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

+ Thẩm định viên về giá đa phần là công chức nhà nước chuyển đổi hay sinh viên ra trường ít nhất sau 3 năm có thẻ thẩm định viên về giá hoạt động lĩnh vực kinh doanh thẩm định giá, việc góp vốn 5 tỷ đồng là khó khả thi.

Theo đó, đối với các doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần *"phải có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động"*, trong khi đó doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh không phải bắt buộc đáp ứng điều kiện này. Quy định này dẫn đến việc thành lập doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh về thẩm định giá sẽ dễ dàng hơn các loại hình công ty khác. Đề nghị xem xét chỉnh sửa quy định trên theo hướng ràng buộc doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh về thẩm định giá tương tự như với các loại hình doanh nghiệp khác để đảm bảo tính công bằng trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp.

- Số lượng thẩm định viên không quyết định đến chất lượng dịch vụ:

+ Theo quy định của Luật Giá, chứng thư và báo cáo chỉ cần 1 (một) thẩm định viên về giá và người đại diện pháp luật (cũng là thẩm định viên về giá) việc quy định theo dự thảo tăng số thẻ từ 3 (ba) lên 5 (năm) thẻ thẩm định viên không làm tăng chất lượng dịch vụ, tương tự như chi nhánh từ 2 (hai) lên 3 (ba) thẻ thẩm định viên về giá. Việc này xảy ra mâu thuẫn về chức vụ, trách nhiệm và quyền lợi, nên tồn tại lâu dài của doanh nghiệp thẩm định giá có đủ 5 (năm) thẻ thẩm định viên về giá là rất khó và không phù hợp.

+ Việc tăng số thẻ cho doanh nghiệp thẩm định viên về giá là tăng chi phí, rất khó khăn cho doanh nghiệp thẩm định giá, vì số lượng thẩm định viên về giá đăng ký hoạt động trong doanh nghiệp có thể không cùng tại địa phương đó mà thẩm định viên ở nhiều nơi khác nhau hay nhiều tỉnh thành khác nhau.

+ Việc xác định giá đất tại địa phương, đòi hỏi doanh nghiệp thẩm định giá có từ 2 (hai) chứng chỉ định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Hiện nay vẫn tồn tại một số chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá ở các địa phương (là chi nhánh không phát hành chứng thư) chỉ đăng ký kinh doanh qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, không có tên theo thông báo danh sách đủ điều kiện hành nghề hàng năm của Bộ Tài chính vẫn tồn tại hoạt động là không đúng với Luật Giá, làm ảnh hưởng rất lớn đến sự cạnh tranh dịch vụ thẩm định giá.

5. Bổ sung tại Điều 55. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá và Văn phòng đại diện doanh nghiệp thẩm định giá

- Trưởng Văn phòng đại diện doanh nghiệp thẩm định giá ở các địa phương là thẩm định viên về giá độc lập có tên trong danh sách đủ điều kiện hoạt động hàng năm của Bộ Tài chính.

- Trường Văn phòng đại diện doanh nghiệp thẩm định giá ít nhất là thẩm định viên về giá, vì Văn phòng đại diện là nơi tiếp nhận hồ sơ, xác minh hiện trạng tài sản, xử lý toàn bộ công việc trước khi gửi về doanh nghiệp kiểm duyệt phát hành chứng thư.

Trên đây là nội dung góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Luật Giá (sửa đổi); kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Phước Thành

UBND TỈNH HÀ GIANG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ H[illegible]NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - [illegible]ạnh phúc**
Số: 1170 /STC-GCS V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Luật giá (sửa đổi), Tờ trình dự án Luật giá (sửa đổi).	*Hà Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 0053796
Ngày 11-07-2022
Chuyển: .....
Số và hồ sơ: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1701/UBND-KTTH ngày 13/6/2022; Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào các chính sách tại Dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Sau nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, UBND các huyện, thành phố, Sở Tài chính xin có ý kiến như sau:

I. Về bố cục dự thảo Luật Giá:

Sở Tài chính và các ngành nhất trí với bố cục của dự thảo Luật.

II. Về Nội dung dự thảo Luật Giá:

1. Đề nghị Ban soạn thảo bỏ cụm từ "*sửa đổi*" tại tên luật vì đây là dự thảo luật ban hành mới để thay thế Luật Giá số 11/2012/QH13.

2. Tại khoản 18 Điều 4 giải thích từ ngữ dự thảo đang quy định khái niệm *"Thông đồng về giá, thẩm định giá"*. Đề nghị cơ quan soạn thảo không nên đưa khái niệm trên vào Luật Giá vì đây là hành vi phạm pháp luật nhằm trục lợi cá nhân. Việc Luật Giá đưa ra khái niệm nhưng không có quy định chi tiết hành vi vi phạm và chế tài hành chính dẫn đến không phù hợp với thông lệ xây dựng luật, gây khó khăn cho đội ngũ hoạt động trong lĩnh vực giá nói chung và thẩm định giá nói riêng.

3. Điều 7 đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại điểm c khoản 2 dự thảo đang quy định nội dung: *"c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý;"*. Đề nghị làm rõ cụm từ "*bất hợp lý*" và quy định chi tiết những trường hợp như thế nào là bất hợp lý, không quy định chung chung để dễ dàng áp dụng trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tại Khoản 6 quy định: *"Tổ chức, cá nhân đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này."* Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa cụm từ "*Tổ chức, cá nhân*" thành "*Bộ, ngành, địa phương*" cho phù hợp vì tổ chức, cá nhân nào không nằm trong hệ thống hành chính Nhà nước có quyền lực để đưa ra điều kiện hạn chế hoạt động thẩm định giá được.

4. Điều 11 quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Ban soạn thảo:

- Khoản 1 quy định "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền*" là chưa rõ ràng. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ có phải tất cả các trường hợp liên quan đến quyết định giá đều phải có ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh hay không vì thực tế hiện nay, một số loại giá mới phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh được quy định tại một số Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ; Thông tư của một số bộ, ngành... (*Tại Luật Giá năm 2012 không quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh*). Như vậy, Ban Soạn thảo cần làm rõ hơn về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến để Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá, đồng thời làm rõ việc xem xét được thực hiện bằng hình thức nào, như: Nghị quyết thông qua, nghị quyết phê duyệt, cho ý kiến đồng ý bằng hình thức công văn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh,... vì nếu không quy định cụ thể sẽ rất khó khăn trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá của Ủy ban nhân dân tỉnh ở địa phương.

Đề nghị Ban soạn thảo nên xác định rõ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân như sau:

+ Trường hợp chỉ cần "*xem xét, cho ý kiến*" thì sửa lại thành thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân.

+ Trường hợp xác định là thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thì đề nghị sửa cụm từ "*xem xét, cho ý kiến*" thành "*xem xét, thông qua*" cho phù hợp.

5. Tại Điều 74 dự thảo Luật giá quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến luật giá đề nghị Ban soạn thảo xem xét:

- Tên Điều 74 "*sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến luật giá*" nhưng trong nội dung của Điều 74 chỉ quy định về bãi bỏ các nội dung về hàng hóa do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá như vậy là chưa có sự thống nhất, đề nghị sửa lại tên điều từ "*sửa đổi, bổ sung*" thành "*bãi bỏ*".

- Điểm b quy định về bãi bỏ "*Điều 83 Luật Giao thông đường bộ năm 2008*" là chưa chính xác vì Điều 83 quy định về tổ chức hoạt động của bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ. Chỉ có khoản 6 Điều 83 là quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô, do đó, việc bãi bỏ toàn bộ Điều 83 là chưa phù hợp.

- Điểm g dự thảo Luật Giá quy định bãi bỏ "*khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*", tuy nhiên tại khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế, lao động và chính sách xã hội. Tại các khoản này không chỉ quy định riêng về giá mà còn quy định thêm các nội dung khác vì vậy bãi bỏ toàn

bộ 2 khoản này là chưa phù hợp. Đề nghị Ban soạn thảo rà soát lại để bãi bỏ các điểm có liên quan hoặc các cụm từ cho chính xác.

- Các điểm còn lại tại Điều 74 dự thảo Luật Giá đề nghị Ban soạn thảo rà soát, đối chiếu lại với các Luật khác có liên quan về giá để quy định các nội dung bãi bỏ tại các điều, khoản, điểm hoặc các cụm từ có liên quan cho chính xác.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QCS

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Quốc Toản

UBND TỈNH HÀ NAM **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1519 /STC-QLG&CS V/v TGYK các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Hà Nam, ngày 14 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi),

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Nam tại Công văn số 1506/UBND-KT ngày 15/6/2022 về việc tham gia ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá,

Sau khi nghiên cứu dự thảo và trên cơ sở ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương của tỉnh, Sở Tài chính Hà Nam cơ bản nhất trí với các chính sách xây dựng dự thảo Luật giá (sửa đổi) của Bộ Tài chính và tham gia một số nội dung như sau:

- Tại điều 11 dự thảo Luật giá (sửa đổi) về thẩm quyền, trách nhiệm của HĐND tỉnh, UBND tỉnh:

+ Tại khoản 1 có nêu: "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền*"

Tại dự thảo Luật đã quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của UBND cấp tỉnh cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh là "*định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền*". Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính xem xét lại trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khoản 1 điều 11 dự thảo nêu trên.

+ Tại khoản 2 về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị bỏ điểm g "*Tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định của pháp luật*". Lý do: tại dự thảo Luật đã quy định hoạt động thẩm định giá nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện (Hội đồng thẩm định giá nhà nước do tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu có trách nhiệm thành lập)

- Tại điều 14 dự thảo Luật đề nghị điều chỉnh lại như sau: "*Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm giúp cho Thủ trưởng cơ quan, UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điều 9, 10, 11 Luật này*"

- Tại khoản 1 điều 25 dự thảo đề nghị sửa *"Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở phương án giá được lập theo quy định tại Luật này"* thành *"Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở phương án giá được lập theo quy định của Bộ Tài chính"*. Lý do: tại dự thảo Luật không có quy định cụ thể về lập phương án giá mà được nêu tại khoản 8 Điều 25 dự thảo là: *"Bộ Tài chính quy định về phương án giá và hồ sơ trình ban hành Quyết định giá."*

- Tại khoản 6 điều 25 dự thảo: đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung thẩm định phương án giá của Sở Tài chính.

- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung quy định về "thời điểm định giá" *(là thời điểm cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng phương án giá khảo sát, thu thập thông tin, lập phương án giá... hay thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định giá?)*

- Về danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá: Tại dự thảo có đề xuất đưa giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

Tuy nhiên, Chợ là loại hình mang tính truyền thống, được tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu tiêu dùng của người dân trong khu vực. Hầu hết các chợ truyền thống hiện nay đều do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ là dịch vụ mang tính chất công ích. Do đó, việc giá dịch vụ này được nhà nước quy định như hiện hành là phù hợp (tỉnh Hà Nam đang áp dụng mức thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)

Do vậy đề xuất nên kế thừa quy định hiện hành về giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ như hiện nay theo hướng "UBND cấp tỉnh quy định khung giá dịch vụ trên địa bàn quản lý"

- Đề nghị sửa điểm d, khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật giá (sửa đổi) thành: *"Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán không cao hơn giá niêm yết"*. Lý do: Giá bán của một số loại hàng hóa phụ thuộc vào số lượng bán, dịch vụ lắp đặt, bảo hành, điều kiện tạm ứng, thanh toán...

- Tại Khoản 2 Điều 51 dự thảo Luật quy định quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá đề nghị xem xét bổ sung thêm quy định về nghĩa vụ thẩm thẩm định viên về giá: *"Chịu trách nhiệm thực hiện đúng hướng dẫn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp đăng ký hành nghề; Đảm bảo độc lập, khách quan, trung thực và tính chính xác của kết quả thẩm định giá trước pháp luật và doanh nghiệp đăng ký hành nghề; phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện giả thiết, giả thiết đặc biệt, lưu ý hạn chế ... vào báo cáo kết quả thẩm định giá để các bên liên quan có thể đánh giá được mức độ tin cậy của kết quả thẩm định giá."*

Trong quá trình thực hiện, thẩm định viên về giá hoạt động độc lập theo quy trình chuyên môn, không buộc phải báo cáo với doanh nghiệp trừ trường hợp thấy cần thiết, thông tin thị trường trực tiếp thu thập nên phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác của kết quả thẩm định giá do mình thực hiện.

- Tại khoản 2 điều 67 dự thảo Luật có nêu: *"Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp"*. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét lại quy định "ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước..." được hiểu là có ít nhất 01 thành viên hay ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp?

- Tại khoản 1 điều 72 đề nghị bổ sung cụm từ "việc thực hiện" hoặc "việc chấp hành" vào sau từ "Kiểm tra"

- Tại điểm b khoản 2 điều 74 có ghi *"Điều 116, 116 Luật đất đai"* đề nghị điều chỉnh cho phù hợp.

Trên đây là ý kiến tham gia các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi). Sở Tài chính Hà Nam kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên,
- UBND tỉnh;
- Lưu VT, GCS

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Thư

UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2728 /STC-GCS	*Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 7 năm 2022*
V/v góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi).	

Kính gửi: Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3370/UBND-TH1 ngày 24/6/2022 về việc góp ý dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), theoVăn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính). Về nội dung này, sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản thống nhất nội dung Dự thảo các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi) do Bộ Tài chính soạn thảo.

2. Đề nghị bổ sung, sửa đổi một số nội dung sau:

- Điều 4. Giải thích từ ngữ cần sửa đổi như sau:.

"7. Giá tối thiểu là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch thấp hơn

8. Giá tối đa là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch cao hơn.

... Đề nghị sửa đổi bổ sung như sau:

7. Giá tối thiểu là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định
mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch **vụ** *thấp hơn*

8. Giá tối đa là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch **vụ** *cao hơn".*

- Tại điểm c khoản 2 Điều 7 quy định nội dung: *"c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý"*. Tuy nhiên, đề nghị quy định rõ những trường hợp như thế nào là bất hợp lý để tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện.

- Bổ sung thêm Điểm e, tại Khoản 2, Điều 7: Các hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh: *"Không tự ý tăng giá cao thiểu hợp*

lý so với thời điểm thực tế hiện tại trên thị trường trong bất kỳ trường hợp nào khi chưa có văn bản hoặc sự đồng ý của các cơ quan chức năng thẩm tra về giá".

- Tại khoản 1 Điều 11 quy định "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền*". Tuy nhiên, nội dung này chưa nêu rõ được phương thức cho ý kiến (tại cuộc họp hay cho ý kiến bằng văn bản). Trường hợp cho ý kiến bằng văn bản, đề nghị quy định rõ hình thức văn bản cho ý kiến.

Đồng thời, cần nêu rõ đối tượng, phạm vi cho ý kiến, ví dụ như cho ý kiến về mặt chủ trương hay cho ý kiến đối với toàn bộ nội dung dự thảo văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ nhằm tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện. Đối với việc quyết định giá cho các dịch vụ riêng lẻ (ví dụ giá thuê kì ốt của của từng chợ cụ thể), đề nghị chỉnh sửa theo hướng không phải lấy ý kiến HĐND tỉnh để tránh phát sinh thêm quy trình, ảnh hưởng đến thời gian quyết định giá.

- Tại khoản 1 Điều 11: "*1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để UBND cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền*". Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: "*bị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*" Do vậy, để thống nhất thẩm quyền quyết định giá của HĐND cấp tỉnh tại Luật Giá (sửa đổi) và các luật chuyên ngành khác đề nghị Cục Quản lý Giá rà soát và quy định thống nhất để triển khai thực hiện không bị chồng chéo giữa các Luật.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 11 giao UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn "*Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trên địa bàn*". Tuy nhiên, việc giao nội dung quy định chi tiết như trên có phạm vi rộng, gây khó khăn cho các địa phương trong việc xác định phạm vi điều chỉnh để quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ hơn nội dung giao quy định chi tiết, tạo thuận lợi trong thực tiễn triển khai.

- Tại điểm b, khoản 2 Điều 11 đề nghị đơn vị soạn thảo nên bổ sung nội dung UBND cấp tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện định giá và phòng chuyên môn cấp huyện thẩm định giá một số hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

- Tại điểm d, khoản 2 Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quy định về Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có nghĩa vụ: "*d) Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết*". Để phù hợp với tình hình thực tiễn trong quan hệ mua bán hiện nay, nên sửa đổi nội dung trên như sau: "*d) Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán hàng không cao hơn giá niêm yết*"

- Tại Khoản 2, Điều 21, mục 2: Dự thảo: Tại phần Phụ lục Danh mục hàng

hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá và thẩm quyền định giá

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế (*Tại tiết 1, số thứ tự 24, phụ lục*) thống nhất điều chỉnh tên gọi dịch vụ thành "*Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế*". Đề xuất giữ nguyên nội dung Bộ Y tế quy định giá cụ thể dịch vụ khám chữa bệnh thuộc phạm vi quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên cả nước.

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước không thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế (*Tại tiết 2, số thứ tự 24, phụ lục*): Đề xuất đối với các địa phương ban hành giá dịch vụ bằng giá trần do Bộ Y tế quy định thì không phải xây dựng định mức kinh tế- kỹ thuật dịch vụ.

- Đối với dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (*Tại số thứ tự 25, phụ lục*): Đề xuất giữ nguyên Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ Y tế quy định giá cụ thể để thống nhất mức giá thu dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng trên phạm vi toàn quốc

- Đề nghị cơ quan soạn thảo trao đổi, làm việc với Bộ Tư pháp đối với quy định tại khoản 1 Điều 25 "*hình thức quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ là văn bản hành chính*" để diễn đạt phù hợp quy định.

- Tại khoản 6 Điều 25: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm cơ quan thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh (như giá dịch vụ khám chữa bệnh; học phí, giá dịch vụ giáo dục...)

- Tại khoản 3 Điều 34 quy định nội dung "*việc niêm yết giá phải đi kèm theo về định lượng cụ thể và không được thể hiện với kích thước nhỏ hơn giá niêm yết*". Tuy nhiên, nội dung "*kích thước nhỏ hơn giá niêm yết*" là chưa rõ ràng, khó hiểu, vì trường hợp này khó xác định đây là kích thước của đối tượng nào, đề nghị chỉnh sửa

- Tại điểm c khoản 2 Điều 48 quy định người tham dự kỳ sát hạch cấp thẻ thẩm định viên về giá phải có một trong các điều kiện là "*có thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên*". Tuy nhiên, đề nghị xác định rõ hình thức văn bản để chứng minh cho việc đáp ứng điều kiện này, ví dụ như có "xác nhận bằng văn bản của doanh nghiệp nơi người tham dự kỳ sát hạch làm việc" để diễn đạt rõ ràng.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 49 quy định trường hợp "*Người có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 01 năm **kể từ ngày có quyết định xử phạt***" thì không được đăng ký hành nghề thẩm định giá. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 thì "*Là hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính*" sẽ được coi

là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung tại dự thảo theo hướng *"bị xử phạt vi phạm hành chính mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định"* để đảm bảo chặt chẽ, thống nhất cho dự thảo.

- Tại khoản 2 Điều 50 quy định *"Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi thỏa mãn đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá"*. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật giá chưa thấy đề cập quy định rõ các trường *hợp "đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá"* vì vậy đề nghị xem xét bổ sung quy định này;

- Tại khoản 1 Điều 53 quy định *"Doanh nghiệp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải có 5 người có thẻ thẩm định viên về giá đứng ký hành nghề tại doanh nghiệp"*. Tuy nhiên, đề nghị chỉnh sửa số lượng người từ "05 người" thành "tối thiểu 05 người" để đảm bảo chính xác.

- Điều 54 quy định trong trường hợp các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thay đổi thì sẽ cấp lại giấy này. Tuy nhiên, đề nghị xem xét chỉnh sửa theo hướng trong trường hợp này sẽ thực hiện việc điều chỉnh mà không phải cấp lại để đảm bảo hợp lý.

Đồng thời, tại dự thảo mới chỉ quy định các trường hợp cấp, cấp lại mà chưa xác định đầy đủ các trường hợp thu hồi. Do đó, đề nghị rà soát, bổ sung một Điều quy định về các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ.

- Tại khoản 1 Điều 57, đề nghị bổ sung "Điều 55" và chỉnh sửa thành *"Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đồng thời phải bảo đảm duy trì các điều kiện hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 53, **Điều 55** và các nghĩa vụ quy định tại Điều 58 Luật này"*, vì nội dung Điều này còn quy định liên quan đến chi nhánh doanh nghiệp nên cần phải đáp ứng điều kiện tại Điều 55 về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá. Bên cạnh đó, việc bổ sung còn đảm bảo được thống nhất với nội dung tại khoản 2 Điều 57.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 57, đề nghị xác định rõ thời điểm để tính thời hạn "tối đa 03 tháng" để các doanh nghiệp thực hiện khắc phục nhằm đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong quá trình áp dụng. Tương tự, đề nghị rà soát, chỉnh sửa trong toàn bộ dự thảo.

- Tại điểm c khoản 1 Điều 59 quy định doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong trường hợp *"đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Xử lý vi phạm hành chính"*. Tuy nhiên, ngoài Luật Xử lý vi phạm hành chính thì việc quy định trường hợp đình chỉ kinh doanh còn được quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị chỉnh sửa *"Luật Xử lý vi phạm hành chính"* thành *"pháp luật về xử lý vi phạm hành chính"*.

- Tại khoản 3 Điều 67, đề nghị xem xét bổ sung Hội đồng thẩm định giá nhà nước có quyền *"Từ chối việc thẩm định giá tài sản trong trường hợp không có đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu quy định"* để đảm bảo đầy đủ.

- Tại điểm c khoản 3 Điều 67: *"c) Được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước"*

Đề nghị sửa đổi như sau: *"c) Được sử dụng con dấu do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập quy định"* Quy định này sẽ tạo thuận lợi cho Hội đồng thẩm định giá nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là lãnh đạo của cơ quan tài chính cùng cấp mà không có chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước.

- Tại khoản 3 Điều 67 quy định về quyền của Hội đồng thẩm định giá nhà nước đề nghị xem xét bổ sung thêm quyền *"Từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ điều kiện thực hiện thẩm định giá"*

- Về tên Điều 74 quy định *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến Luật giá"* tuy nhiên sau khi xem xét các nội dung của Điều này chỉ quy định về bãi bỏ các quy định của Luật khác mà không đề cập việc sửa đổi, bổ sung theo đó đề nghị xem xét chỉnh sửa cho thống nhất.

Đề nghị kiểm tra lại nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 74 (đang đề cập bãi bỏ Điều 116 Luật Đất đai hay bãi bỏ Điều 115, Điều 116 Luật Đất đai?).

- Tại Điều 74, đề nghị rà soát, chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tên Điều 74 là *"sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến luật giá"* nhưng nội dung của Điều 74 chỉ quy định về bãi bỏ là chưa thống nhất, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.

- Điểm b khoản 1 quy định bãi bỏ Điều 83 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 là chưa chính xác, vì Điều 83 quy định về tổ chức hoạt động của bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, chỉ có khoản 6 Điều 83 là quy định thẩm quyền của UBND tỉnh quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

- Điểm g khoản 1 quy định bãi bỏ khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên tại khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế, lao động và chính sách xã hội. Do đó, việc bãi bỏ toàn bộ khoản 4, khoản 5 là chưa chính xác, đề nghị rà soát và bãi bỏ riêng các điểm quy định về giá.

- Tại khoản 1, khoản 2 điều 74, bãi bỏ một số nội dung tại Luật khác, đề nghị nêu rõ năm ban hành Luật, cụ thể như: Luật hàng hải, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật bảo hiểm y tế, Luật Lâm nghiệp, Luật điện lực, Luật đất đai

3. Một số nội dung khác:

- Đề xuất có quy định cụ thể Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam và các phương pháp thẩm định giá tại Luật Giá, không quy định thêm tại các pháp luật chuyên ngành. Việc quy định các phương pháp thẩm định giá tại Luật giá và cả pháp luật chuyên ngành dẫn đến việc gặp khó khăn, lúng túng trong quá trình địa phương thực hiện thẩm định giá (nhiều trường hợp không biết áp dụng quy định tại Luật nào).

- Việc quy định thống nhất về dịch vụ thẩm định giá và Doanh nghiệp thẩm định giá tại Luật giá là cần thiết, không quy định thêm ở pháp luật chuyên ngành. Hiện nay, dịch vụ tư vấn xác định giá đất ở địa phương đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP (Luật Đất đai) không phù hợp với quy định tại Luật giá.

- Đối với quy định về Thẩm định giá của Nhà nước: đề xuất bổ sung quy định về tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định giá Nhà nước để đảm bảo kết quả thẩm định giá của Hội đồng có tính luận cao (Hiện nay, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định "Hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá" không đảm bảo năng lực của Hội đồng trong một số nội dung thẩm định giá có tính chất phức tạp).

- Liên quan về nguyên tắc, điều kiện hoạt động, quyền và nghĩa vụ của tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất đã được quy định cụ thể tại các Điều 115, Điều 116 Luật Đất đai; Điều 20 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung một số khoản tại khoản 5, khoản 6 Điều 3 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 2 Nghị định 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ) tuy nhiên sau khi rà soát với các nội dung quy định tại Điều 50 (Thẩm định viên về giá), Điều 51 (Quyền và nghĩa vụ thẩm định viên về giá), Điều 52 (Doanh nghiệp thẩm định giá), Điều 53 (Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá), Điều 57 (Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá), Điều 58 (Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá) của dự thảo Luật giá (sửa đổi) thấy có một số nội dung chưa thống nhất[1]. Theo đó, đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Tài

---

[1] - Theo quy định khoản 2 Điều 115 Luật Đất đai: "*Điều kiện hoạt động của tổ chức tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất có ít nhất 05 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tư vấn xác định giá đất theo quy định của Chính phủ*", theo đó tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định một trong các điều kiện của tổ chức được hoạt động tư vấn xác định giá đất có ít nhất 05 thẩm định viên đủ điều kiện hành nghề tư vấn xác định giá đất tuy nhiên tại Điều 57 dự thảo Luật giá (sửa đổi) quy định điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (bao gồm thẩm định giá đất) phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, có 05 người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ quy định

nguyên và Môi trường để xem xét quy định đảm bảo bao thống nhất giữa dự thảo Luật giá (sửa đổi), Luật Đất đai và các văn bản quy định hiện hành và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

- Chương IV (trang 16) đề nghị sửa thành Chương III.

- Tiêu đề Luật Giá (sửa đổi) nhưng quy định tại Điều 75. Hiệu lực thi hành *"Luật giá số 11/2012/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực"*, do vậy đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bỏ (Sửa đổi) tại tiêu đề tên Luật Giá.

Đề nghị Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND tỉnh (B/c).
- GĐ, PGĐ Sở phụ trách.
- Lưu: VT, GCS.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Hương

---

2. Cá nhân chỉ được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất thuộc một trong các trường hợp vấn đề:

a) Có Chứng chỉ định giá đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Có Thẩm định viên về giá hoặc Chứng chỉ định giá bất động sản và Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành".

Tuy nhiên theo quy định tại Điều 48, Điều 53 quy định điều kiện được hành nghề thẩm định giá (trong đó có thẩm định giá đất) chỉ cần có Thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp.

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2163/STC-QLGCS	*Hải Dương, ngày 08 tháng 7 năm 2022*
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Luật Giá sửa đổi	

Kính gửi:
- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1700/UBND-VP ngày 14/6/2022 về góp ý vào dự thảo Luật Giá (sửa đổi);

Sau khi nghiên cứu các nội dung của dự thảo, Sở Tài chính Hải Dương có ý kiến tham gia như sau:

1. Cơ bản nhất trí với các bố cục và nội dung của Dự thảo;

2. Một số ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ vướng mắc, tạo thuận lợi cho các địa phương trong quá trình thực hiện:

2.1. Tại Điều 24 quy định về phương pháp định giá:

Theo quy định hiện hành, đối với giá các dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước ngoài việc xác định theo chi phí thì còn được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật; việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật là một việc rất phức tạp, yêu cầu trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm và cần có tính đồng bộ nên việc các địa phương tự xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật là rất khó khăn, không thực hiện được.

Để đảm bảo tính thống nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào Điều 24 của dự thảo Luật nội dung: "đối với các hàng hóa, dịch vụ phải xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở xác định giá thì giao các Bộ, ngành Trung ương xây dựng khung định mức kinh tế kỹ thuật; trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành ban hành, các tỉnh, thành phố sẽ ban hành giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp tình hình kinh tế xã hội tại địa phương".

2.2. Tại khoản 3 Điều 31: Đề nghị bổ sung tiêu chí để lựa chọn các cá nhân, tổ chức đưa vào danh sách thuộc đối tượng kê khai giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định *(danh sách cá nhân, tổ chức kinh doanh các mặt hàng thuộc danh mục kê khai giá tại địa phương là rất nhiều, vì vậy cần có tiêu chí để lựa chọn các cá nhân, tổ chức tiêu biểu, mang tính đại diện)*

2.3. Tại điểm b khoản 1 Điều 66 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 66. Phạm vi thẩm định giá của Nhà nước

2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:

b. Mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước có giá trị lớn, có tính chất phức tạp, trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định phương thức xác định giá khác;"

Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định giao cho Chính phủ quy định chi tiết như thế nào là "tài sản có giá trị lớn, có tính chất phức tạp" để áp dụng chung cho toàn quốc, tránh trường hợp cùng 01 loại tài sản nhưng mỗi tỉnh, thành phố lại có quy định khác nhau về phạm vi thẩm định giá của nhà nước.

2.4. Tại khoản 1 Điều 70 về hồ sơ thẩm định giá của nhà nước:

Trong thành phần hồ sơ thẩm định, đề nghị bổ sung thêm *"Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thẩm định giá nhà nước; trong văn bản cần nêu rõ danh mục, chủng loại, số lượng, đơn giá và lý do đề nghị thẩm định."*.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của Sở Tài chính Hải Dương đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi); kính gửi Bộ Tài chính, Cục Quản lý giá để tổng hợp, xây dựng dự thảo Luật theo quy định./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Nguyễn Đồng Kim

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- 5 BND tỉnh;
- Lưu: VT, QLG-CS (Cương)

HỘI THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
——oOo——	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84 /2022/CV-HTĐGVN	——oOo——
V/v: Góp ý Luật Giá sửa đổi	*Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 0052500
Ngày: 06-07-2022
Chuyển: Cục QLG
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Quý Bộ tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 9/6/2022 về việc góp ý kiến các chính sách tại Dự thảo Luật Giá sửa đổi do Quý Bộ soạn thảo để hoàn thiện trình Chính phủ và Chính phủ trình Quốc hội theo chương trình xây dựng Luật đã định;

Sau khi nghiên cứu kỹ Dự thảo, Hội Thẩm định giá Việt Nam trân trọng gửi đến Bộ Tài chính các ý kiến góp ý của Hội (Bản góp ý Luật Giá sửa đổi kèm theo).

Kính mong Bộ Tài chính xem xét, xử lý phù hợp.

Nơi nhận:
- *NT*
- *Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính: Cục Quản lý giá, Vụ Pháp chế*
- *Chủ tịch Hội (để báo cáo)*
- *Các thành viên BCH Hội*
- *Các doanh nghiệp TDG*
- *Tạp chí điện tử thuộc Hội: Marketimes*
- *Lưu: VT*
- *Đăng Website*

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thỏa

HỘI THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢN GÓP Ý LUẬT GIÁ SỬA ĐỔI

(Kèm theo Công văn số 84/2022/CV- HTĐGVN, ngày 5 tháng 7 năm 2022 của Hội Thẩm định giá Việt Nam)

Ngày 20/6/2022 với 476 đại biểu Quốc hội khóa XIII tham gia kỳ họp thứ 3 đã bỏ phiếu thông qua Luật Giá với 100% đại biểu tán thành.

Luật Giá được Quốc Hội ban hành khẳng định nguyên tắc xuyên suốt và cũng có thể coi là "linh hồn" của Luật đó là "Nhà nước quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước". Đó là một sự đổi mới mang tính đột phá tuân thủ cơ chế kinh tế tổng quát: Cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và có thể khái quát bằng 5 nội dung lớn như sau:

- **Thứ nhất**: Cơ chế giá, hệ thống giá (bao gồm cả những loại hàng hoa, dịch vụ Nhà nước còn định giá) phải tuân thủ nguyên tắc thị trường.
- **Thứ hai**: Quy định rõ vai trò, phạm vi, mức độ, biện pháp điều tiết của Nhà nước theo các tiêu chí rõ ràng để các thành tố tham gia thị trường có thể tiên liệu được sự can thiệp của Nhà nước để xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp. Sự điều tiết đó phải hoàn toàn do yêu cầu khách quan nhằm vào việc khắc phục những hạn chế, những khuyết tật, những tác động bất lợi của thị trường đến nền kinh tế.
- **Thứ ba**: Bãi bỏ các biện pháp can thiệp của Nhà nước về giá mang tính phi thị trường, các biện pháp về giá không phù hợp với cam kết quốc tế như: Trợ cấp qua giá, trợ giá, bù chéo qua giá…
- **Thứ tư**: Quy định cả cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đều phải có trách nhiệm công khai, minh bạch thông tin về giá.
- **Thứ năm**. Quy định rõ ràng, đầy đủ về hoạt động thẩm định giá cả hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp TĐG và hoạt động TĐG Nhà nước phù hợp với thông lệ quốc tế.

Về cơ bản, sau 10 năm thực hiện, tính đúng đắn của Luật Giá đã được thực tế chứng minh, tuy nhiên cũng có những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới và yêu cầu của thực tiễn. Vì vậy việc sửa đổi, bổ sung Luật Giá là cần thiết.

Để góp phần hoàn chỉnh Dự thảo Luật theo hướng tiếp tục đổi mới hơn cơ chế giá theo cơ chế kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước với thực tiễn Việt Nam và

hội nhập quốc tế, Hội Thẩm định giá Việt Nam kiến nghị Bộ Tài chính quan tâm những nội dung sau:

A. CÁC Ý KIẾN GÓP Ý TỔNG QUÁT

Hội Thẩm định giá Việt Nam (TDGVN) cho rằng Dự thảo sửa đổi cần phải nhất quán quán triệt nguyên tắc: Kế thừa những nội dung còn phù hợp của Luật Giá hiện hành, chỉ bổ sung những nội dung mới hợp lý mà Luật Giá hiện hành chưa đề cập. Từ nguyên tắc đó, đối chiếu với nội dung Luật Giá sửa đổi, Hội TDGVN cho rằng chỉ nên xây dựng "Luật Giá sửa đổi, bổ sung Luật Giá số 11/2012/QH13", không cần thiết phải xóa bỏ hoàn toàn Luật Giá hiện hành để sửa đổi thành Luật hoàn toàn mới; Sở dĩ như vậy, vì:

1) Những nội dung cơ bản của Luật Giá hiện hành đã tuân thủ nguyên tắc của cơ chế kinh tế thị trường, tôn trọng quyền tự định giá, thỏa thuận giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; Xóa bỏ cơ chế bao cấp về giá trong nền kinh tế... Các nội dung đó còn nguyên giá trị và toàn là những nội dung có tính cốt lõi của Luật được Luật Giá sửa đổi kế thừa như: Nguyên tắc quản lý giá, căn cứ định giá, công khai thông tin về giá, các hành vi bị cấm; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức sản xuất kinh doanh, của người tiêu dùng; điều tiết giá của Nhà nước (gồm bình ổn giá, định giá hiệp thương giá, kê khai giá, hiệp thương giá, niêm yết giá...); thẩm định giá. Trong khi Luật Giá sửa đổi chỉ bổ sung thêm những nội dung về dự báo giá cả thị trường, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và "nâng cấp" thành Luật một số nội dung từ một số văn bản hướng dẫn hiện hành của Luật Giá về TDG.

2) Một số nội dung lớn mà Dự thảo sửa đổi đặt ra đã xóa bỏ tính nhất quán của Luật Giá hiện hành xác định cơ chế giá ở nước ta là cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng là không hợp lý, thậm chí là một "bước lùi" so với Luật Giá hiện hành: Ví dụ như:

Quy định được phép xây dựng lộ trình từng bước tiến tới thị trường đối với một số loại hàng hóa, dịch vụ; Cho phép quay lại cơ chế bao cấp hỗ giá, bù lỗ đối với một số hàng hóa dịch vụ chưa được tính đúng, tính đủ theo cơ chế thị trường. Tăng thêm thủ tục hành chính khá cồng kềnh trong hoạt động định giá của Nhà nước như: Tất cả các loại hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của các Bộ, trước khi quyết định phải xin ý kiến của Bộ Tài chính. Tất cả hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trước khi quyết định phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân... Một số quy định rất dễ bị lợi dụng trong thực tiễn điều hành như xác định danh mục điều tiết giá, giá tham chiếu... xóa bỏ các quy định tiêu chuẩn thẩm định viên về giá, nhận lỗi làm nên và quyết định ... chất lượng hoạt động cung ứng dịch vụ thẩm định giá...

B. CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỤ THỂ VÀO DỰ THẢO LUẬT

I. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật Giá hiện hành được bố cục thành 5 chương:

Chương I: Những quy định chung

Chương II. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng trong lĩnh vực giá.

Chương III: Hoạt động điều tiết giá của Nhà nước

Chương IV: Thẩm định giá

Bố cục trên được xây dựng trên cơ sở tuân thủ "cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước" với quan điểm bao trùm là nhấn mạnh hoạt động của thị trường "thị trường nhiều nhất và Nhà nước ít nhất". Đó là quá trình tương tác lẫn nhau giữa các chủ thể kinh tế trong việc hình thành giá cả, phân phối tài nguyên, xác định khối lượng và cơ cấu sản xuất dưới sự điều tiết của các quy luật thị trường. Nhà nước khẳng định tôn trọng cơ chế ấy và chỉ thực hiện việc điều tiết của mình bằng các giải pháp kinh tế là chủ yếu nhằm khắc phục những khuyết tật, những tác động mang tính tự do, tự phát của thị trường để cơ chế ấy hoạt động có hiệu quả hơn.

Chính vì vậy, Luật Giá hiện hành đã bố cục làm nổi bật đầu tiên và trước hết là khẳng định quyền tự chủ về giá, tức tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên thị trường rồi mới đến vai trò điều tiết của Nhà nước đối với các hoạt động đó.

Đến nay, chúng tôi vẫn thấy rằng: Về cơ bản, bố cục đó là hợp lý, được các chủ thể tham gia thị trường là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đồng tình.

Nay Dự thảo Luật không đi theo hướng tách riêng như trên mà lại chú trọng nhấn rất mạnh và có thể coi chủ yếu là vai trò của Nhà nước điều tiết giá cả dẫn đến chúng tôi có cảm nhận là vai trò của thị trường mà chủ thể của nó là các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh chiếm vị trí khá mờ (bố cục lẫn trong rất nhiều quyền của chính quyền Nhà nước các cấp).

Chính vì vậy, bố cục của Dự thảo cần được cân nhắc, xem xét lại.

II. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 5 Dự thảo đưa ra 3 nguyên tắc:

• Nguyên tắc 1: Đề nghị giữ như Luật Giá hiện hành "Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật".

Vì: Quy định như Dự thảo: Nhà nước, tiếp đến cơ quan Nhà nước là thừa và không cần thiết phải quy định điều tiết giá gắn với phân tích, dự báo giá thị trường.

• Các nguyên tắc 2 và 3 của Dự thảo, đó không phải là nguyên tắc mà là mục tiêu của nguyên tắc điều tiết, Hội TĐGVN đề nghị cân nhắc 2 nguyên tắc sau:

2. Xử lý hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng.

3. Công khai, minh bạch các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước và hoạt động về giá của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh.

III. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT KINH DOANH

- Đề nghị nghiên cứu về cơ cấu, vị trí của nội dung này như đã kiến nghị tại phần "Bố cục" của Dự thảo Luật.

- Đề nghị giữ, kế thừa và sửa đổi, bổ sung các quyền sau đây của Luật Giá hiện hành.

3. Đấu thầu, đấu giá, thỏa thuận giá, hiệp thương giá và cạnh tranh về giá dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ

5. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá và cung cầu trên thị trường.

6. Hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu, đồng thời phải niêm yết...

- Đề nghị bỏ đoạn "hoặc Nhà nước công bố giá tham chiếu tại mục b, Khoản 1, Điều 12 Dự thảo (Giá tham chiếu – Hội TĐGVN sẽ phân tích sự bất cập ở phần sau).

- Đề nghị bổ sung thêm: "Được quyền thuê tư vấn thẩm định giá lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ để định giá, điều chỉnh giá theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định".

- Về nghĩa vụ: Việc quy định niêm yết giá và phải bán đúng giá niêm yết cần được xem xét lại. Nếu niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và bán đúng giá niêm yết là đúng; Tuy nhiên đối với hàng hóa dịch vụ Nhà nước không định giá mà thuộc quyền định giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thì quy định này là không hợp lý, không phù hợp với tập quán thương mại, thậm chí ngăn cản cơ chế thỏa thuận

về giá có thể gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Với những loại hàng hóa, dịch vụ này chỉ cần quy định như Luật Giá hiện hành: Không bán cao hơn giá niêm yết là được (họ có thể bán bằng hoặc thấp hơn giá niêm yết).

IV. ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Về nguyên tắc định giá

- Việc quy định định giá của Nhà nước "có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ", quy định này sẽ được hiểu có tính logic với quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 17: "Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước". Điều đó được hiểu: Quy định này mở đường cho việc quay lại cơ chế bù giá, bù lỗ mà Luật Giá hiện hành đã đoạn tuyệt. Hội TĐGVN cho rằng đưa ra nguyên tắc này là một bước lùi so với Luật Giá hiện hành và rất dễ bị lạm dụng trên thực tế; đồng thời mâu thuẫn ngay với quy định tại Khoản 1, Điều 5, Dự thảo: "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật này thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường".

Thực tế hiện nay có thể có những loại hàng hóa nào đó chưa được tính đúng, tính đủ. Nhưng chúng tôi cho rằng vẫn phải tuân thủ nguyên tắc thị trường là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt, phần chưa tính đúng, tính đủ đó cần được hỗ trợ bằng chính sách khác ngoài giá (ví dụ như trường hợp giá điện bán cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, chúng ta vẫn bán điện theo giá tính đúng, tính đủ, Nhà nước hỗ trợ tiền trực tiếp cho các hộ mua điện này).

Do vậy Hội TĐGVN đề nghị không đưa nguyên tắc này vào Luật.

- Cũng về nguyên tắc này, Hội TĐGVN đề nghị cần quy định mở rộng hơn so với Luật Giá hiện hành và Dự thảo mới về các yếu tố cấu thành nên giá thị trường, không bó hẹp yếu tố cấu thành giá chỉ là chi phí, bởi vì với cơ chế giá thị trường thì chi phí chỉ là điểm khởi đầu của giá, giá còn bao gồm yếu tố mang tính quyết định là cung - cầu. Ví dụ như chúng ta đều biết khi xảy ra dịch bệnh giá khẩu trang 50.000 đ/hộp tăng đột biến lên 350.000đ/hộp, dịch tai xanh của lợn xảy ra giá tăng đột biến từ 50.000đ - 60.000đ/kg lợn hơi lên 100.000đ/kg hoàn toàn không phải do chi phí tăng mà là do cung cầu. "Diệp khúc" đối với hàng nông sản: "được mùa mất giá", giá hạ thấp hơn cả chi phí sản xuất, người sản xuất đâu có ép được thị trường phải mua theo chi phí? Vẫn phải chấp nhận giá thị trường.

Nếu chỉ quy định cơ cấu giá là chi phí thì doanh nghiệp hay người làm giá rất khó lý giải với các cơ quan pháp luật khi định giá theo chi phí cộng với cung - cầu. Đã có

những thực tế là một số thẩm định viên, doanh nghiệp TDG, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gặp rất **ro** hình sự về vấn đề này.

2. Về căn cứ định giá:

Tại Khoản 1, Điều 23, Dự thảo cần sửa lại là "yếu tố hình thành giá" thay cho giá thành toàn bộ, vì giá thành toàn bộ nhỏ hơn yếu tố hình thành giá (xét về lượng) quy định tại Khoản 11, Điều 4 và không phù hợp với nguyên tắc định giá quy định tại Khoản 1, Điều 22.

3. Về phương pháp định giá

Dự thảo viết phương pháp định giá theo các cách tiếp cận từ so sánh giá thị trường, từ các yếu tố hình thành giá và từ thu nhập là khá giống với các phương pháp thẩm định giá cũng là ba cách tiếp cận này thì định giá và TDG có phải là một không. Đề nghị cần được làm rõ.

Theo Hội TĐGVN cách tiếp cận từ thu nhập chủ yếu là các phương pháp giả định quy đổi dòng thu nhập trong tương lai dự kiến về giá trị hiện tại nên không phù hợp với định giá Nhà nước và mâu thuẫn với các căn cứ định giá mà Dự thảo đưa ra: "Tính đúng, tính đủ chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ…".

4. Về danh mục định giá và hình thức định giá

- Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá mà Dự thảo đưa ra, Hội TĐGVN đề nghị cần được rà soát để giảm tiếp. Đối với tiêu chí lựa chọn hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá tại Điểm b, Khoản 1, Điều 21 cần được xem lại so với tiêu chí lựa chọn hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá tại Khoản 2, Điều 26.

- Đối với hình thức định giá:

Dự thảo đưa ra các hình thức định giá gồm giá cụ thể, giá tối thiểu, giá tối đa, khung giá và có thêm giá tham chiếu do Nhà nước công bố.

• Trước hết nói về giá tham chiếu: mặc dù Dự thảo nêu là do cơ quan có thẩm quyền công bố làm cơ sở cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tham khảo quyết định giá hàng hóa dịch vụ; Hội TĐGVN đề nghị không nên dùng hình thức giá tham chiếu vì các lý do sau:

+ Thuật ngữ giá tham chiếu Thế giới cũng như Việt Nam không dùng cho hàng hoá, dịch vụ mà thường dùng cho lĩnh vực chứng khoán – và nó là giá thị trường, không có ai tính toán để công bố - Giá đó được hiểu là mức giá đóng cửa của của phiên giao dịch cuối cùng và là cơ sở để tính ra được mức giá trần hoặc giá sàn của ngày giao dịch đó.

+ Dù là tham khảo thì vẫn mang tính định hướng quản lý của Nhà nước về mức giá theo một hình thức gián tiếp (kiểu giá cơ sở xăng dầu hiện nay cần được xoá bỏ)

trong khi giá này là quyền quyết định của thị trường theo hệ thống tín hiệu khách quan là giá thị trường.

– Giá tham chiếu sẽ lại rất dễ lạm dụng trong kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý và tạo thêm sự vất vả trong trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

+ Bằng cách công bố giá tham chiếu chính là Nhà nước lại mở rộng diện mặt hàng do mình quản lý - mặc dù là quản lý gián tiếp miễn khi quy định: Tổ chức cá nhân phải định giá theo giá tham chiếu do Nhà nước công bố (Điểm b, Khoản 1, Điều 12); Kê khai giá hàng hóa, dịch vụ định giá theo giá tham chiếu (Khoản 1, Điều 30).

Thiết nghĩ để giúp doanh nghiệp thực hiện quyền tự định giá của mình đúng pháp luật, Nhà nước hãy làm tốt việc ban hành các quy chế hướng dẫn doanh nghiệp định giá và cung cấp đầy đủ thông tin giá thị trường cho doanh nghiệp tham khảo là đủ.

▪ Đối với các hình thức định giá: Hội TĐGVN kiến nghị Luật cần đưa ra những nội dung mới hơn so với hiện hành để bao đảm khi thực thi dễ dàng lựa chọn được các hình thức định giá phù hợp cho từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể, đó là: Cần xây dựng được các tiêu chí lựa chọn, ví dụ:

Những loại hàng hóa, dịch vụ nào thì thuộc diện phải định giá tối thiểu để bảo vệ lợi ích của người cung ứng. Những loại hang hóa, dịch vụ nào thì thuộc diện phải định giá tối đa để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng…

5. Về thẩm quyền định giá

- Để bảo đảm phân quyền quyết định giá hợp lý, minh bạch Hội TĐGVN đề nghị trước hết cũng phải xây dựng được các tiêu chí rõ ràng về thẩm quyền và lựa chọn danh mục phù hợp với thẩm quyền định giá.

Ví dụ: + Chính phủ quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định giá hàng hóa dịch vụ quan trọng có tác động đến phát triển nhiều ngành

+ Bộ Tài chính quyết định giá hàng hóa, dịch vụ có tác động đến phát triển nhiều ngành và có gắn trực tiếp với thu chi NSNN (ví dụ: Hàng dự trữ quốc gia cho nhu cầu toàn quốc; hàng hóa, dịch vụ quan trọng Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch; sản phẩm, dịch vụ công ích…)

. .

- Trong Dự thảo Hội TĐGVN nhận thấy việc phân cấp theo hướng giảm quyền quyết định giá của Bộ Tài chính cơ quan tổng hợp thực hiện chi ngân sách gắn với giá so với trước là không phù hợp. Đề nghị cần rà soát lại và phân quyền như ý kiến góp ý

trên; Mặt khác, Dự thảo cũng đưa ra yêu cầu: Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của các Bộ... Sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính cũng không hợp lý về thủ tục hành chính mà cần lựa chọn có chọn lọc loại hàng nào gắn với tiêu chí rõ ràng.

V. BÌNH ỔN GIÁ

Bình ổn giá là một cơ chế điều tiết giá của Nhà nước chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế như: điều hòa cung – cầu hang hóa, dịch vụ, tai chính – tiền tệ và các biện pháp kinh tế, hành chính khác để tác động vào sự hình thành và vận động của giá cả thị trường nhằm hạn chế tác động tự phát của giá cả thị trường, không để giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý tác động bất lợi đến ổn định, phát triển kinh tế - xã hội.

Điều đó có nghĩa là: Nhà nước vẫn tôn trọng sự hình thành của giá thị trường vận động theo các quy luật thị trường như giá trị, cung cầu, cạnh tranh; tôn trọng quyền tự định giá của doanh nghiệp không sử dụng các biện pháp can thiệp trực tiếp để ổn định giá theo cách cố định giá một cách cứng nhắc, mà sử dụng chủ yếu các biện pháp kinh tế gián tiếp tác động vào sự hình thành mức giá tạo ra áp lực kéo giá thị trường xuống khi giá thị trường tăng cao không hợp lý và đẩy giá thị trường lên mức hợp lý khi giá thị trường giảm thấp không hợp lý.

Trong điều kiện nền kinh tế nhất quán thực hiện cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, Nhà nước đã giảm mạnh quyền định giá trực tiếp, chỉ còn định giá một số ít các loại hàng hóa, dịch vụ độc quyền, trả lại quyền định giá đại bộ phận hàng hóa, dịch vụ cho thị trường thì cơ chế điều tiết giá thông qua giải pháp bình ổn giá phải được coi là cơ chế điều tiết giá chủ đạo trong toàn bộ cơ chế điều tiết giá của Nhà nước nhằm các mục tiêu: Kiểm soát giá hàng hóa, dịch vụ và mặt bằng giá theo định hướng từ đó góp phần kiểm soát lạm phát (hoặc thiểu phát) chi phí đầy của nền kinh tế, ổn định và phát triển kinh tế – xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

Luật Giá hiện hành đã đi theo hướng đó, tuy nhiên trải qua 10 năm thực hiện điều tiết giá bằng cơ chế bình ổn giá, việc nghiên cứu hoàn thiện chính sách giúp cơ chế bình ổn giá đạt hiệu quả cao hơn là cần thiết. Tuy nhiên, Hội TĐGVN xin được kiến nghị khi hoàn thiện chính sách này cần phải lưu tâm một số vấn đề sau.

- **Thứ nhất**: Về đối tượng và điều kiện áp dụng bình ổn giá (BOG)

Nếu chúng ta sửa đổi chính sách theo hướng chỉ BOG đối với các mặt hàng thiết yếu cụ thể khi giá thị trường có biến động bất thường (tăng quá cao hoặc giảm quá thấp) mà xóa bỏ cơ chế bình ổn giá đối với mặt bằng giá (tức là chỉ số giá tiêu dùng) khi mặt hằng giá có biến động ảnh hưởng đến ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, đến các mục

tiêu kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, lạm phát... không chỉ là một khiếm khuyết mà còn là một bước lùi so với Luật Giá hiện hành. Bởi vì việc điều tiết giá đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể là quan trọng, nhưng quan trọng hơn phải là điều tiết mặt bằng giá, tức chỉ số giá tiêu dùng (CPI) một chỉ số về lượng đo mức độ lạm phát của nền kinh tế bởi lạm phát là sự gia tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa, dịch vụ theo thời gian. Khi mức giá chung tăng cao sẽ gây những bất lợi cho nền kinh tế. Do đó, nếu không có những quy định bình ổn mặt bằng giá thì các mục tiêu kinh tế vĩ mô sẽ bị đe dọa và việc điều hành nền kinh tế có thể dẫn đến thất bại nếu để nền kinh tế xảy ra lạm phát cao hoặc thiểu phát.

Chúng ta đã có một bài học kinh nghiệm rất quý báu: Vào những năm 80 của Thế kỷ 20, nền kinh tế nước ta lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn với nguy cơ khủng hoảng kinh tế hiện hữu khi lạm phát phi mã, CPI tăng 400-700%/năm, nguyên nhân có nhiều, nhưng nguyên nhân chính là bao cấp về vốn cho nền kinh tế, làm cho nhu cầu về vốn trong nền kinh tế tăng vô hạn độ: Cầu về vốn trong sản xuất, kinh doanh trở nên khát cháy như người khát nước trong sa mạc... Giá tăng, tiền cứ "bơm" ra lưu thông (kể cả phát hành thêm), tiền "bơm" ra lại đẩy mặt bằng giá tăng, mặt bằng giá tăng lại phải "bơm" tiền thêm... tạo thành vòng xoáy: giá lên tiền ra, tiền ra giá lên và mặt bằng giá càng tăng với mức độ phi mã. Tức là kinh tế bị lạm phát do cầu kéo.

Mục tiêu đặt ra là phải chặn lạm phát phi mã, kéo CPI giảm xuống. Để thực hiện mục tiêu đó, chúng ta đã áp dụng nhiều giải pháp, trong đó giải pháp mang tính bao trùm là khống chế tổng cầu của nền kinh tế, chống bao cấp qua vốn, không phát hành tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách... Những quyết sách đó đã tác động tích cực, hiệu quả đến thị trường, làm cho giá cả chung trên thị trường giảm mạnh. Năm 1986, CPI tăng 682%/năm, những năm sau đó giảm dần tốc độ tăng về hai con số... rồi một con số sau những năm 1990...

Năm 2007, 2008, lạm phát cao quay trở lại có nguyên nhân do tăng trưởng tín dụng quá cao, chúng ta cũng đã phải áp dụng nhiều biện pháp để bình ổn giá phù hợp với mục tiêu kiểm soát. Quá trình phát triển khó có thể khẳng định nền kinh tế sẽ không gặp phải lạm phát cao khi nền kinh tế có độ mở rộng trên 200%, tỷ lệ chi phí nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu chiếm tới 37% trong tổng chi phí nguyên, nhiên, vật liệu của nền kinh tế nếu thị trường thế giới xảy ra những cú sốc về giá cộng với những yếu kém, bất cập nội tại của nền kinh tế trỗi dậy...

Chính vì vậy, Hội TDCVN thấy quy định về bình ổn mặt bằng giá cần được giữ như quy định hiện hành.

- **Thứ hai**: Về danh mục BOG: Khi xây dựng Luật Giá hiện hành, Chính phủ đã trình Quốc hội để bảo đảm tính linh hoạt trong điều hành cho phép Chính phủ quy định danh mục BOG. Tuy nhiên, đề xuất này đã không được Quốc hội chấp nhận và

Quốc hội đã quyết định theo hướng: Để tránh việc lạm dụng mở rộng diện các mặt hàng BOG, Luật Giá hiện hành đã xác định và quy định minh bạch danh mục các mặt hàng thuộc diện BOG trong Luật và vẫn tạo một cơ chế mở. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện BOG quy định tại Luật này thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Nay dự kiến sửa đổi theo hướng bỏ quy định danh mục mặt hàng BOG cụ thể trong Luật mà giao Chính phủ xác định để quy định ở văn bản dưới Luật, kể cả việc điều chỉnh danh mục. Hội TDGVN cho rằng quy định như vậy có linh hoạt hơn nhưng không minh bạch như quy định hiện hành và việc mở rộng diện mặt hàng BOG - tức mở rộng phạm vi can thiệp, điều tiết của Nhà nước hơn hiện hành là khó tránh khỏi.

Vì vậy, Hội TDGVN đề nghị giữ như quy định hiện hành, đồng thời cần bổ sung làm rõ hơn về tiêu chí và điều kiện để xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ BOG.

Ví dụ: Tiêu chí là hàng hóa dịch vụ thiết yếu: Nếu là thiết yếu với sản xuất thì mức độ tác động lan tỏa thế nào, đến đâu? Chiếm bao nhiêu % trong cơ cấu giá thành sản phẩm khác... hoặc thiết yếu với đời sống thì tác động đến các giai tầng trong xã hội ở mức độ nào? Đến đâu? Tác động đến CPI ra sao?

Mặt khác, cần bổ sung rõ hơn về điều kiện áp dụng từng giải pháp BOG

- **Thứ ba**: Sự tiến bộ của Luật Giá ra đời cách đây 10 năm đã đoạn tuyệt với chính sách bù giá, bù lỗ để kiên định theo nguyên tắc thị trường, nhưng nay dự kiến sửa đổi chính sách lại loại bỏ và phá vỡ những nguyên tắc đó bằng quy định: "Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án đã được rà soát, định giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.. ". Quy định này được hiểu là sử dụng ngân sách để bù cho khoản chi phí không được tính đúng, tính đủ. Đây cũng có thể coi là bước lùi không hợp lý so với hiện hành và không phù hợp với cam kết WTO.

Hội TDGVN đề nghị cần kiên định theo chính sách hiện hành, để giá đi theo thị trường – kể cả giá do Nhà nước định; không lồng ghép thực hiện chính sách xã hội, chính sách an sinh trong giá, việc thực hiện các chính sách này phải được giải quyết bằng các giải pháp ngoài giá.

- **Thứ tư**: Lạm phát cao của nền kinh tế xảy ra do rất nhiều nguyên nhân, trong đó có cả những nguyên nhân lạm phát từ tâm lý, từ đầu cơ, găm hàng gây bất ổn định cung cầu do tác động của những thông tin thất thiệt mà không được các cơ quan Nhà nước cung cấp đầy đủ và minh bạch từ thông tin thị trường.

Như quý vị biết, tháng 4/2008, trong bối cảnh nhiều nước trên thế giới thiếu lương thực, nguy cơ nạn đói xảy ra ở nhiều nơi thì doanh nghiệp Việt Nam tham gia đấu thầu xuất khẩu gạo ở Indonesia vẫn từ trước tới lúc đó chưa khi nào đạt được giá cao đến mức

1.500 usd/tấn, chúng ta tuyên truyền rất mạnh về hiệu quả xuất khẩu gạo cùng với việc các phương tiện thông tin đại chúng liên tục đưa tin, phản ánh với tần suất dầy đặc hàng ngày về tình hình thiếu lương thực trên thế giới, nguy cơ nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, nhiều nước muốn mua gạo của Việt Nam… Tình hình trên đã gây ra tâm lý lo lắng Việt Nam sẽ thiếu gạo; để ứng phó, người người, nhà nhà ở TP Hồ Chí Minh đua nhau đi mua gạo tích trữ; người có lúa gạo ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long thì giữ thóc gạo lại chưa bán chờ giá tăng, tạo ra sự bất ổn lớn về cung cầu gạo trong nước, đẩy giá gạo lên cơn sốt: giá tăng từ 10.000đ/kg lên 20.000đ/kg… Để khắc phục tình trạng trên, ngoài việc các doanh nghiệp lương thực đẩy mạnh bán ra, thì Thủ tướng Chính phủ lên sóng truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khẳng tuyên bố công khai là Việt Nam chúng ta không thiếu gạo, hiện chúng ta đã sản xuất gạo đủ ăn, đáp ứng đủ các nhu cầu trong nước và còn thừa gạo đủ để xuất khẩu khoảng từ 5-7 triệu tấn. Việc công khai thông tin từ đó đã tác động mạnh đến tâm lý tiêu dùng, giảm hẳn "hiệu ứng tâm lý đám đông" đua nhau mua gom, tích trữ lúa gạo … làm cho thị trường giảm dần sự bất ổn và chỉ sau khoảng một tuần giá gạo trên thị trường giảm nhanh trở lại mức bình thường.

Nếu chúng ta quan sát thêm về thị trường xăng dầu tháng 3/2022, hay thị trường bất động sản thì chúng ta càng thấy thêm việc minh bạch thông tin sẽ có tác dụng tích cực như thế nào với việc bình ổn thị trường.

Chính vì những bài học kinh nghiệm đó, Hội TDGVN kiến nghị các biện pháp BOG cần bổ sung giải pháp: Cung cấp đầy đủ, công khai, minh bạch thông tin thị trường, cung cầu và các giải pháp điều hành để định hướng thị trường mục tiêu.

- **Thứ năm.** Về thẩm quyền và trách nhiệm BOG với một quy định mới là có "Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ". Khi giải nghĩa về Ban này thì như một tổ chức tư vấn của Thủ tướng, nhưng tên gọi của Ban thì như một tổ chức hành chính có thẩm quyền chỉ đạo điều hành về giá.

Hội TDGVN đề nghị cần thay đổi tên gọi của tổ chức này cho đúng bản chất là một tổ chức tư vấn của Thủ tướng Chính phủ và cân nhắc có cần thiết đưa vào Luật một tổ chức như tên gọi không.

VI. HIỆP THƯƠNG GIÁ

Hiệp thương giá là cần thiết và cần có một tổ chức Nhà nước làm trung gian cho hoạt động này và không can thiệp vào mức giá thương lượng giữa hai bên. Tuy nhiên, để hiệp thương có hiệu quả thì cơ quan hiệp thương phải có trách nhiệm phân tích cho các bên tham gia hiệp thương các nội dung giúp họ thỏa thuận mức giá về: tính hợp lý của hồ sơ hiệp thương, các phương án giá hiệp thương được xây dựng có đúng quy định

của pháp luật không và tính đúng đắn của việc tính toán các yếu tố hình thành giá... Nếu không làm như vậy thì hiệp thương, hòa giải ít có ý nghĩa.

VII. TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

- Đây là một chương mới được bổ sung với dung lượng khá dài, thiết nghĩ cần có dụng hơn và giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

- Trong chương này có một Điều quy định về "Kịch bản điều hành giá.

Hội TĐGVN đề nghị thay tên của quy định này ví dụ như "Các phương án điều hành giá" bởi tên "Kịch bản" là không phù hợp với lĩnh vực kinh tế.

Theo Đại từ điển tiếng Việt - Nhà XBVH-TT 1998 thì định nghĩa: "Kịch bản là vở kịch ở dạng văn bản".

VIII. THẨM ĐỊNH GIÁ (TĐG)

1. Trước hết là các góp ý đối với tổ chức nghề nghiệp về TĐG.

Dự thảo kế thừa hai khoản quy định về tổ chức nghề nghiệp của Luật Giá hiện hành nhưng không hiểu tại sao lại xóa bỏ quy định "Tổ chức nghề nghiệp về TĐG được tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về TĐG" trong khi thực tế những năm qua quy định này không chỉ phù hợp với thực tế Việt Nam (với nhu cầu của xã hội và Điều lệ hoạt động của tổ chức nghề nghiệp) mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế về TĐG mà Hội Thẩm định giá Việt Nam đang thực hiện đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Việc xóa bỏ quy định này là bất hợp lý, chúng tôi đề nghị giữ nguyên như Luật Giá hiện hành và bổ sung về cập nhật kiến thức TĐG thành nội dung "Tổ chức nghề nghiệp về TĐG được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về TĐG; tổ chức cập nhật kiến thức cho các thẩm định viên về giá và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động TĐG theo quy định của pháp luật"

Đối với "đào tạo, cập nhật kiến thức về TĐG" cần thống nhất lại quy định của Dự thảo tại Khoản 13, Điều 9, Khoản 2, Điều 47 quy định về "đào tạo, cập nhật kiến thức về TĐG và tại điểm C, Khoản 2, Điều 51 quy định về "bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về TĐG".

Liên quan đến một số nội dung khác: Khá nhiều nội dung hiện được quy định ở các văn bản dưới Luật đã nâng lên thành Luật thì những nội dung quy định dưới Luật về Hội cũng cần được xem xét xử lý tương tự nhằm nâng cao vai trò của tổ chức nghề nghiệp trong việc tham gia giúp quản lý Nhà nước quản lý hoạt động TĐG có hiệu quả hơn như hợp tác quốc tế về TĐG, kiểm soát chất lượng hoạt động TĐG. . Mặt khác Hội TĐGVN kiến nghị việc tổ chức thi, cấp thẻ thẩm định viên về giá và chứng chỉ hành nghề cần giao cho tổ chức nghề nghiệp thực hiện; Bộ Tài chính là cơ quan quản lý không cần thiết phải làm việc này mà tập trung vào việc xây dựng, ban hành cơ chế quản lý,

thực hiện kiểm tra, kiểm soát. Đề xuất này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và thông lệ của tổ chức quốc tế về TĐG mà Việt Nam là thành viên.

2. Đối với dịch vụ TĐG

- Thông đồng về giá, thẩm định giá: Việc thông đồng là phải có đối tác chứ không thể tự mình thông đồng với mình. Vì thế Khoản 18, Điều 4 cần viết hoàn chỉnh lại là "... là việc các tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, câu kết với nhau làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá để trục lợi".

Điểm b, Khoản 3, Điều 7 cũng hoàn chỉnh lại là "Thông đồng với khách hàng TĐG, người có liên quan khi thực hiện TĐG để trục lợi".

- Đề nghị bỏ điểm đ, Khoản 3, Điều 7: "Tiết lộ thông tin về hồ sơ khách hàng TĐG và tài sản được TĐG, trừ trường hợp được khách hàng TĐG đồng ý hoặc cho phép" nhằm giúp minh bạch thị trường.

- Đề nghị bổ sung vào Điều 64 về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa kết quả TĐG có khác biệt lớn của các doanh nghiệp TĐG cùng tham gia TĐG một tài sản có thông số kỹ thuật và điều kiện tương đồng.

- Đề nghị bỏ quy định về vốn điều lệ bởi quy mô doanh nghiệp không quyết định chất lượng TĐG

- Việc Dự thảo quy định khống chế người tham dự kỳ sát hạch cấp thẻ thẩm định viên về giá (tại điểm c, Khoản 2, Điều 48) theo điều kiện "Phải làm việc tại doanh nghiệp TĐG" là bước đi cơ hội của những đối tượng khác muốn thi lấy Thẻ. Điều này là bất hợp lý. Chúng tôi đề nghị cần mở rộng đối tượng dự thi cho tất cả những ai có nhu cầu, còn cho phép hành nghề thì mới nên quy định bắt buộc người có Thẻ phải làm việc ở doanh nghiệp TĐG.

Đối với quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 49 về các trường hợp không được đăng ký hành nghề: Chúng tôi nghĩ đây là quy định thừa, không cần thiết, nếu Dự thảo vẫn giữ: Quy định không cho phép những đối tượng này được thi Thẻ thẩm định viên về giá do họ không làm việc tại doanh nghiệp TĐG.

Đề nghị bổ sung: Người cho thuê, cho mượn Thẻ thẩm định viên về giá không được đăng ký hành nghề TĐG.

- Đối với thẩm định viên về giá:

+ Không nên bỏ các quy định Tiêu chuẩn thẩm định viên về giá như quy định tại Luật Giá hiện hành, cần phải có quy định này để đảm bảo chất lượng hoạt động TĐG.

+ Cần sửa lại và làm rõ điểm d, Khoản 4, Điều 7: "Ký Chứng thư TĐG và báo cáo kết quả TĐG không đúng lĩnh vực ngành nghề"? Lĩnh vực ngành nghề là như thế nào?

+ Đối với Khoản 1, Điều 56: Nên sửa lại theo hướng mở: "Có The thẩm định viên về giá về TĐG tài sản và / hoặc TĐG doanh nghiệp tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ TĐG của doanh nghiệp; Phải đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp".

- Để nâng cao trách nhiệm về chất lượng TĐG thì phải nâng cao vai trò của thẩm định viên về giá; Vì vậy điểm b, Khoản 2, Điều 51 phải xác định nghĩa vụ của thẩm định viên "Chịu trách nhiệm chính về kết quả TĐG được ban hành tại Chứng thư và báo cáo kết qua TĐG..."

Dự thao quy định cấm làm việc trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp TĐG trở lên cần được xem xét lại để tránh mâu thuẫn với Điều 19 – Bộ Luật Lao động

Theo tôi giữ như quy định hiện hành: Cấm hành nghề cho từ hai doanh nghiệp trở lên là hợp lý hơn; hoặc cũng có thể bỏ quy định này vì các quy định kiểm soát thẩm định viên hành nghề đã khá chặt chẽ.

- Đối với các thành viên Hội đồng TĐG Nhà nước cơ chứng chỉ TDGVN: Đây là quy định mang tính độc quyền của cơ quan quản lý Nhà nước, không bình đẳng đối với các thẩm định viên về giá hành nghề trong các doanh nghiệp TĐG về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về loại Thẻ.. Do đó về thực tế đã tạo nên một đội ngũ làm thẩm định giá với chất lượng không cao. Vì vậy chúng tôi kiến nghị: Phải đào tạo một đội ngũ này, cập nhật kiến thức cho đội ngũ này như thẩm định viên về gia trong các doanh nghiệp TĐG theo hình thức xã hội hóa, xóa bỏ độc quyền trong đào tạo.

Trên đây là các góp ý của Hội Thẩm định giá Việt Nam đối với Dự thảo Luật Giá sửa đổi.

Kính đề nghị Ban Soạn thao nghiên cứu, tổng hợp.

HỘI THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thảo

UBND TỈNH KHÁNH HÒA **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2519 /STC-QLG	*Khánh Hòa, ngày 15 tháng 7 năm 2022*
V/v góp ý các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 và UBND tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 5431/UBND-KT ngày 15/6/2022 về việc tham gia góp ý các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi); Sở Tài chính Khánh Hòa đã tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh về dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và sau khi nghiên cứu dự thảo Luật Giá (sửa đổi), dự thảo Tờ trình của Bộ Tài chính, Báo cáo đánh giá tác động các chính sách đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi); về cơ bản, Sở Tài chính Khánh Hòa thống nhất với dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Tuy nhiên có một số ý kiến góp ý như sau.

1. Đối với trường hợp bình ổn giá tại Điều 17

Tại Điều 17 Luật Giá năm 2012, Quốc hội quy định biện pháp bình ổn giá; theo đó có quy định về việc lập và sử dụng quỹ bình ổn giá. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi) không có quy định nội dung này.

Hiện nay, thực tế chỉ có quỹ bình ổn giá xăng dầu và quỹ này được lập tại doanh nghiệp khi được Bộ Công Thương cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18/11/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích, lập, chi sử dụng, quản lý quỹ bình ổn giá xăng dầu. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cách xử lý đối với Quỹ bình ổn giá xăng dầu khi Luật Giá (sửa đổi) không quy định việc lập và sử dụng quỹ bình ổn giá.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Điều 21.

2.1. Tại điểm c khoản 1 Điều 21, đề nghị quy định cụ thể danh mục tài nguyên quan trọng.

2.2. Đối với Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục danh kèm:

a) Tại số thứ tự 15 (trùng lặp 2 lần số thứ tự 15), đối với dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải: dự thảo Luật Giá kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

Tuy nhiên, tại Điều 41 Nghị định số 80/2014 NĐ-CP ngày 06/8/2014, Chính phủ quy định trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước như sau:

"1. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định

2. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập và trình giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt

3. Đối với khu công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và cơ quan quản lý giá tại địa phương".

Như vậy, đối với giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp và quyết định về mức giá. Do đó, để tránh chồng chéo giữa các quy định hiện hành, tại Phụ lục Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cần quy định rõ: *"Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể".*

b) Tại số thứ tự 24, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế.

Theo quy định hiện hành: dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật khám chữa bệnh, Luật bảo hiểm y tế và Nghị định số 149/2016 NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định giá cụ thể dịch vụ khám chữa bệnh thuộc phạm vi quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên cả nước. Bộ Tài chính đề xuất quy định tại danh mục Luật giá (sửa đổi) về điều chỉnh tên gọi dịch vụ thành *"Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế"* tập dụng với cơ sở tư nhân khi cung cấp dịch vụ thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế; Bộ Y tế quy định giá tối đa, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

Sở Tài chính Khánh Hòa thống nhất việc điều chỉnh tên gọi dịch vụ; tuy nhiên về thẩm quyền định giá đề nghị giữ nguyên theo quy định hiện hành là Bộ Y tế quy định giá cụ thể để áp dụng thống nhất trên cả nước.

c) Tại số thứ tự 25, dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:

Theo quy định hiện hành: được quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ Y tế quy định giá cụ thể. Bộ Tài

chính đề xuất quy định tại danh mục Luật giá (sửa đổi): Bộ Y tế quy định giá tối đa; UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

Sở Tài chính Khánh Hòa đề nghị giữ theo quy định hiện hành là Bộ Y tế quy định giá cụ thể để áp dụng thống nhất trên cả nước.

d) Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước:

Theo quy định hiện hành, dịch vụ được quy định tại Luật giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ quản lý ngành ban hành giá cụ thể, trừ các dịch vụ theo quy định khác tại pháp luật chuyên ngành. Bộ Tài chính đề xuất quy định tại danh mục Luật giá (sửa đổi): các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình.

Như vậy, theo Luật giá (sửa đổi) thì giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước và UBND cấp tỉnh quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình (không quy định thông qua HĐND cấp tỉnh). Tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017, Quốc hội quy định: *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định"*

Theo ý kiến của Sở Tư pháp Khánh Hòa, Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật liên quan không quy định cụ thể hình thức văn bản thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của HĐND tỉnh được quy định trong nội dung trên (*Nghị quyết hay Quyết định, văn bản quy phạm pháp luật hay văn bản hành chính thông thường?*); vì vậy cùng với quy định về thẩm quyền và trách nhiệm định giá ở trên, Sở Tư pháp Khánh Hòa cho rằng để thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh có thể thông qua bằng hình thức cho ý kiến thống nhất về chủ trương, nội dung cơ bản để trên cơ sở đó UBND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, theo ý kiến của HĐND tỉnh thì HĐND tỉnh chỉ thông qua bằng hình thức Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh và thông qua tại các kỳ họp của HĐND tỉnh.

Như vậy, hiện nay có vướng mắc về hình thức thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của HĐND tỉnh; mặt khác, sau khi Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Sở Tài chính thực hiện các thủ tục tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để thông qua tại kỳ họp HĐND tỉnh dẫn đến việc kéo dài thời gian ban hành mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của UBND tỉnh và khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong việc đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Do đó, Sở Tài chính Khánh Hòa kính đề xuất Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét việc bỏ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi

năm 2017 để áp dụng chung theo quy định tại Luật Giá sửa đổi *tương tự như bãi bỏ khoản 1 Điều 34, điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017 tại Điều 74 của Luật Giá sửa đổi*.

đ) Đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ trông giữ xe; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; các dịch vụ này thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật Luật phí và lệ phí và được quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. Tuy nhiên, dự thảo Luật Giá (sửa đổi) chưa đề cập đến danh mục các dịch vụ này; trường hợp Bộ Tài chính đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá thì bổ sung nội dung này vào Danh mục kèm theo dự thảo Tờ trình để các cơ quan liên quan được biết.

3. Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 32:

"2. Trên cơ sở mức giá kê khai, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai tổng hợp, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này"

Nội dung tại hai khoản trên gần giống nhau, đề nghị chỉnh sửa lại cho phù hợp.

4. Tại khoản 2 Điều 51 (nghĩa vụ thẩm định viên về giá): đề nghị bổ sung thêm nội dung sau: *"Chịu trách nhiệm bồi thường cho khách hàng trong trường hợp kết quả thẩm định giá của mình gây thiệt hại cho khách hàng"*.

5. Tại khoản 4 Điều 72:

Để thống nhất thực hiện việc tổ chức kiểm tra pháp luật về giá từ Trung ương đến địa phương, Sở Tài chính Khánh Hòa đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 72 dự thảo Luật Giá (sửa đổi) như sau: *"4. Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính quản lý; chủ trì kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá theo quy định tại Luật này"*

6. Tại khoản 1 Điều 74 bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá: tại điểm r bãi bỏ *"khoản 6 **Điều 78** Luật bảo vệ môi trường năm 2020"*, đề nghị sửa thành *"khoản 6 **Điều 79** Luật bảo vệ môi trường năm 2020"*.

7. Tại khoản 2 Điều 74 bãi bỏ quy định về điều kiện đối với Doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá: tại điểm b bãi bỏ "*Điều 116, 116 Luật Đất đai*", đề nghị sửa đổi như sau: "*Khoản 2 Điều 115, Điều 116 Luật Đất đai và Điều 20 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất*".

Trên đây là góp ý của Sở Tài chính Khánh Hòa gửi Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên (VBĐT);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT,QLG, Hằng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Thành

UBND TỈNH LONG AN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3028 /STC- QLGCS	*Long An, ngày 08 tháng 7 năm 2022*
V/v góp ý dự thảo góp ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Căn cứ Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi).

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5256/UBND-KTTC ngày 14/6/2022 về việc góp ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi). Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia góp ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi) theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại công văn nêu trên. Nội dung góp ý, UBND tỉnh ủy quyền Sở Tài chính ký gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) để tổng hợp; đồng gửi báo cáo UBND tỉnh.

Ngày 24/6/2022, Sở Tài chính tỉnh Long An có văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có ý kiến góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi) *(Công văn số 2794/STC-QLGCS)*

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị về dự thảo Luật giá (sửa đổi), tỉnh Long An cơ bản thống nhất với các nội dung trong dự thảo. Tuy nhiên, có các góp ý cụ thể như sau:

1. Khoản 1 Điều 11 đề nghị thay đổi thành: "*1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.*" Lý do, để làm rõ thẩm quyền của HĐND tỉnh đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền.

2. Khoản 3 Điều 15 đề nghị thay đổi thành: "*3. Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh.*" Đồng thời, Khoản 1 Điều 17 đề nghị thay đổi thành: "*1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp hoặc trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường.*"

3. Khoản 4 Điều 31 đề nghị thay đổi thành: "*4. Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày có Quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá của cấp có thẩm*

Số 57 Đường Trương Định, Phường 1, Thành phố Tân An, Long An
Điện thoại: (0272) 3824 730 - (0272) 3822 722, Email: pqlgcs@longan.gov.vn

quyền ban hành, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kê khai giá lần đầu

Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày định giá, điều chỉnh giá, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo mức giá, kê khai giá theo quy định."

4. Điểm b Khoản 1 Điều 32 đề nghị thay đổi thành: *"b) Các cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận kê khai giá bằng các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua cơ sở dữ liệu về giá quy định tại Luật này hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin (fax, email và các hình thức thích hợp khác)."*

5. Đề nghị bỏ Khoản 3 Điều 32 vì trùng nội dung Khoản 2 Điều 32.

6. Điểm b Khoản 1 Điều 33 đề nghị thay đổi thành: *"b) Tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị kê khai giá thực hiện theo các hình thức kê khai giá phù hợp mà đơn vị lựa chọn."*

7. Điểm d Khoản 2 Điều 58 đề nghị thay đổi thành: *"Chịu trách nhiệm về tính hợp lý, trung thực, khách quan của kết quả thẩm định giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy trình thẩm định giá theo quy định của pháp luật"*

8. Tại danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo Dự thảo Luật (sửa đổi) số thứ tự 15 về dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải: đề xuất kế thừa quy định hiện hành, UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể, tuy nhiên cần loại trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 41 của Nghị định 80/2014 NĐ-CP đối với giá dịch vụ thoát nước đối với khu công nghiệp: *"3. Đối với khu công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và cơ quan quản lý giá tại địa phương."*

Trên đây là ý kiến của tỉnh Long An, Sở Tài chính kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- BGĐ;
- Lưu: VT, QLGCS,...

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Lê Thị Hồng Gấm

UBND TỈNH PHÚ THỌ **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1232 /STC-QLG&CS V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật Giá	*Phú Thọ, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2140/UBND-KTTH ngày 10/6/2022 về việc tham gia ý kiến dự thảo Luật Giá (sửa đổi), theo nội dung Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính; theo đó, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến theo đề nghị của Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Luật Giá, các văn bản, tài liệu liên quan và tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ tham gia ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Luật Giá

Thời gian qua, công tác điều hành, quản lý giá theo Luật Giá số 11/2012/QH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013) đã góp phần kiểm soát lạm phát hàng năm theo mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; hệ thống giá điện, nước sạch cho sinh hoạt, xăng dầu, dịch vụ công ưng bước được điều hành theo cơ chế thị trường có lộ trình; thu hẹp danh mục hàng hóa do nhà nước định giá (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn sau 9 năm thi hành luật cũng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định, do đó việc ban hành Luật Giá thay thế Luật Giá năm 2012 là cần thiết.

2. Về tên gọi của dự thảo

Đề nghị Ban soạn thảo bỏ cụm từ "*sửa đổi*" tại tên dự thảo Luật và đây là dự thảo luật ban hành mới để thay thế Luật Giá số 11/2012/QH13.

3. Về nội dung dự thảo

a) Điều 4 về giải thích từ ngữ

Tại khoản 18 Điều 4 giải thích từ ngữ dự thảo quy định khái niệm *"Thông đồng về giá, thẩm định giá"*. Tuy nhiên, dự thảo không có quy định chi tiết hành vi vi phạm và chế tài hành chính dẫn đến khó khăn cho việc áp dụng trong công tác quản lý nhà nước về giá.

b) Điều 7 về các hành vi bị cấm

- Điểm c khoản 2 dự thảo quy định: *"c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá hàn hàng hóa, dịch vụ **bất hợp lý**;"* Đề nghị làm rõ cụm từ *"bất hợp lý"* và quy định chi tiết những trường hợp như thế nào là bất hợp lý. Không quy định chung chung để để dàng áp dụng trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá (Chương VI) đề nghị sửa tiêu đề là *"Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá"* để đảm bảo phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước theo quy định tại Chương II; đồng thời, tại Chương này đề nghị bổ sung nội dung thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng hóa và đề nghị sửa từ *"đối tượng"* được thanh tra, kiểm tra, thành: *"cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra"*

d) Điều 74 dự thảo về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến Luật Giá

- Tên Điều 74 ***"sửa đổi, bổ sung** một số điều của các Luật có liên quan đến luật giá"* nhưng trong nội dung của Điều 74 chỉ quy định về ***bãi bỏ*** các nội dung về hàng hóa do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá như vậy là chưa có sự thống nhất, đề nghị sửa lại tên điều là *"sửa đổi, bổ sung"* thành *"bãi bỏ"*.

- Điểm b khoản 1 dự thảo quy định: bãi bỏ *"Điều 83 Luật Giao thông đường bộ năm 2008"* là chưa chính xác vì Điều 83 quy định về tổ chức hoạt động của bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ. Chỉ có khoản 6 Điều 83 là quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô, do đó, việc bãi bỏ toàn bộ Điều 83 là chưa phù hợp.

- Điểm g khoản 1 dự thảo Luật cũng quy định bãi bỏ *"khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương"*, tuy nhiên tại khoản 4, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế, lao động và chính sách xã hội. Tại các khoản này không chỉ quy định riêng về giá mà còn quy định thêm các nội dung khác và vậy bãi bỏ toàn bộ 2 khoản này là chưa phù hợp. Đề nghị Ban soạn thảo rà soát lại để bãi bỏ các điểm có liên quan hoặc các cụm từ cho chính xác

- Trong lợi các điểm còn lại tại Điều 74 dự thảo Luật Giá đề nghị Ban soạn thảo rà soát, đối chiếu lại với các Luật khác có liên quan về giá để quy định các nội dung bãi bỏ tại các điều, khoản, điểm hoặc các cụm từ có liên quan cho chính xác

d) Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 58 dự thảo: *"Cơ quan có thẩm quyền định giá tài sản hoặc cơ quan chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm gửi 01 bản sao Báo cáo kết quả thẩm định giá hoặc Kết luận thẩm định giá tài sản về Bộ Tài chính (đối với cơ quan Trung ương) hoặc Sở Tài chính (đối với cơ quan địa phương) để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cung cấp thông tin và quản lý Nhà nước về thẩm định giá"*

e) Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 60, nội dung *"không quá 01 lần thu hồi 01 dự án"*, thành: *"2. Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi (không quá 01 lần thu hồi/ 01 dự án). Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá"*.

Trên đây là ý kiến tham gia dự thảo Luật Giá, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (B/C);
- GĐ, PGĐ Sở (Ô.Đức);
- Lưu: VT, QLG&CS (N.03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Nguyễn Tiến Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: -UBND-ĐT V/v tham gia ý kiến về các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi).	*Quảng Bình, ngày tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Về đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09-6-2022 về việc tham gia ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi); UBND tỉnh Quảng Bình cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) do Bộ Tài chính xây dựng, đồng thời có ý kiến góp ý như sau:

1. Tại Điều 4 Giải thích từ ngữ:

1.1. Đề nghị không đưa khái niệm *"Thông đồng về giá, thẩm định giá"* vào Luật Giá vì đây đương nhiên là hành vi phạm pháp nhằm trục lợi cá nhân, phải được cơ quan điều tra phát hiện, khởi tố theo Luật Hình sự. Việc Luật Giá đưa ra khái niệm nhưng không có quy định chi tiết hành vi vi phạm và chế tài hành chính dẫn đến chưa phù hợp với thông lệ xây dựng luật.

1.2. Đề nghị bổ sung khái niệm về *"giá trị phi thị trường"* vào nội dung của Luật vì trong Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá vẫn đang có Tiêu chuẩn về cơ sở giá trị này. Hiện nay, các hệ thống quy định về giá tính thuế đều đang sử dụng cơ sở hình thành giá trị phi thị trường nhưng chưa được thừa nhận như: xác định giá trị còn lại của ô tô đã qua sử dụng làm căn cứ tính thuế chuyển nhượng; giá trị nhà tính lệ phí trước bạ; bảng giá đất làm căn cứ xác định các nghĩa vụ tài chính về đất đai như tính thuế sử dụng đất; tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (chưa bao gồm thuế chuyển nhượng đất) ... không căn cứ vào giá trị cụ thể của tài sản mà áp dụng đồng loạt theo năm sản xuất với ô tô, theo diện tích (m²) với nhà đất.

2. Tại Điều 7 Các hành vi bị nghiêm cấm:

2.1. Điểm c, khoản 2, quy định đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: *"c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, địch họa, chiến tranh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý."*

Đề nghị cần làm rõ thế nào là *"bất hợp lý"* để làm cơ sở cho việc áp dụng luật do hiện nay không có quy định về lợi nhuận định mức ngành và nguyên tắc cung cầu, cơ hội đầu tư; do đó không thể áp dụng văn bản luật ngành để can

thiệp hàng mệnh lệnh hành chính vào quan hệ thị trường trong khi không thể cung cấp số liệu thống kê về lợi nhuận định mức ngành để khống chế việc tăng giá, nhất là việc tăng giá không phải là một hàng thiết yếu trong những thời điểm nhất định.

2.2. Điểm d, khoản 3, quy định đối với doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: *"d) Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá và tài sản được thẩm định giá, trừ trường hợp được khách hàng thẩm định giá đồng ý hoặc pháp luật cho phép;"*

Đề nghị xem xét lại quy định này vì các nguyên nhân sau:

- Việc sử dụng các thông tin của tài sản cần thẩm định giá với số lượng lớn và do thẩm định giá trong mua sắm tập trung của ngành, địa phương sẽ không thể không tiết lộ thông tin bên mua, vì với số lượng lớn như vậy sẽ khó có doanh nghiệp nào có sẵn hàng mà phải có sự chuẩn bị và doanh nghiệp cung cấp báo giá hầu như không báo giá số lượng, giá trị lớn mà không biết chủ đầu tư hay các điều khoản thương mại khác, do đó thẩm định viên phải xin báo giá theo đơn giá rồi tự nhân với số lượng cụ thể theo đề nghị dẫn đến chất lượng báo giá có mức độ tin cậy không cao và hoặc Chứng thư thẩm định giá phải nêu hạn chế làm giảm chất lượng dịch vụ.

- Việc tiết lộ thông tin tài sản được thẩm định giá ra thị trường chỉ có lợi cho hoạt động mua sắm, bán đấu giá do có càng nhiều doanh nghiệp biết đến nhu cầu mua sắm, bán tài sản và có thời gian chuẩn bị trước càng có giá tốt nhất. Quy định này không hạn chế việc thông đồng trong đấu thầu, đấu giá vì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu, đấu giá đều đã tính đủ để người quan tâm có thời gian chuẩn bị.

- Quy định này dẫn đến thông tin tài sản cần thẩm định giá do khách hàng cung cấp cho thẩm định viên thường sử dụng cấu hình thấp (thông số kỹ thuật cơ bản) mà không phải là cấu hình cụ thể của tài sản mong muốn, dẫn đến thẩm định viên phải thẩm tra các thông tin của tài sản nhận báo giá có đáp ứng được thông tin mới đấu hay không và phải tìm ra được tài sản chào bán có cấu hình sát nhất, giá thấp nhất là rất phức tạp, ngoài khả năng của thẩm định viên về giá và hoặc Kết quả thẩm định giá phải nêu hạn chế, giả thiết làm giảm chất lượng tư vấn.

2.3. Điểm c, khoản 4 quy định đối với thẩm định viên về giá, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này: *"c) Làm việc trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên."*

Không cần thiết có quy định này vì việc đăng ký hành nghề đã quy định phải đăng ký qua Bộ Tài chính, do đó 1 thẩm định viên về giá không thể đăng ký hành nghề tại 2 doanh nghiệp cùng một lúc.

3. Tại Điều 12 Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

Tại điểm d, khoản 2 Điều 12 quy định: *"d) Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết."*

Do việc mua bán hàng hóa phụ thuộc nhiều yếu tố, như số lượng, yêu cầu kỹ thuật chọn thêm và điều kiện thanh toán, lắp đặt, bảo hành,... khác nhau thì giá thành toàn sẽ khác nhau, do đó chỉ nên quy định như Luật Giá năm 2012: *"Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán không cao hơn giá niêm yết"*

4. Tại Điều 51 Quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá:

Tại khoản 2 Điều 51, đề nghị bổ sung quy định về nghĩa vụ Thẩm định viên về giá như sau:

"- Chịu trách nhiệm thực hiện đúng hướng dẫn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp đồng kể hành nghề

- Đảm bảo độc lập, khách quan, trung thực và tính chính xác của kết quả thẩm định giá trước pháp luật và doanh nghiệp đồng kể hành nghề, phạm vi đảm đủ quá trình thực hiện giá thiết, giả thiết đặc biệt, hạn chế... của báo cáo kết quả thẩm định giá để các bên liên quan có thể đánh giá được mức độ tin cậy của kết quả thẩm định giá."

Nguyên nhân: Trong quá trình thực hiện, Thẩm định viên về giá hoạt động độc lập theo quy trình chuyên môn, không buộc phải báo cáo với doanh nghiệp trừ trường hợp thấy cần thiết, thông tin thị trường trực tiếp thu thập nên phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác của kết quả thẩm định giá do mình thực hiện.

5. Tại Điều 53 Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Việc quy định vốn điều lệ để thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn là 5 tỷ đồng là không phù hợp với thực tế và bản chất của Doanh nghiệp thẩm định giá. Vì doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập dựa trên sự liên kết chặt chẽ bởi chế độ tín cậy về trình độ, năng lực cá nhân của các thành viên tham gia để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài. Hoạt động chủ yếu là cung cấp dịch vụ tư vấn, không thương mại hay sản xuất nên các doanh nghiệp này đều không có nhu cầu sử dụng vốn lớn. Do đó, việc quy định doanh nghiệp phải có 05 tỷ vốn điều lệ là không phù hợp với bản chất của nghề tư vấn, tạo nên nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

6. Tại Điều 58 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá

Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 58 như sau: *"Chịu trách nhiệm ban hành quy trình thẩm định giá nội bộ phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam và pháp luật có liên quan; kiểm tra kết quả thẩm định giá đúng, đủ quy trình trước khi ban hành"*

Nguyên nhân: Việc xác định kết quả thẩm định giá đảm bảo "trung thực" mang yếu tố định tính, khó thực hiện vì chỉ người thực hiện thẩm định viên về giá mới biết được mức độ "trung thực" của kết quả tư vấn do quá trình thực hiện thẩm định giá là độc lập theo quy trình, không chịu sự tác động của bất cứ ai; doanh nghiệp thẩm định giá chỉ có thể giám sát kết quả dịch vụ thông qua Báo cáo kết quả thẩm định giá phải phản ánh đầy đủ các bước thực hiện trước khi ban hành.

UBND tỉnh Quảng Bình báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Phan Mạnh Hùng;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

UBND TỈNH SƠN LA **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2483/STC-QLGCS Vỹ tham gia ý kiến vào dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Sơn La, ngày 8 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 9/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi):

Sau khi nghiên cứu dự thảo văn bản, tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, UBND huyện, thành phố, Sở Tài chính tham gia ý kiến đóng góp cho dự thảo Luật giá (sửa đổi) như sau:

1. Sở Tài chính tỉnh Sơn La cơ bản nhất trí với dự thảo Luật giá (sửa đổi) do Bộ Tài chính xây dựng.

2. Các ý kiến tham gia vào dự thảo.

2.1. Đề nghị xem xét điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân: *"Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý"*

Lý do: Việc sử dụng cụm từ "bất hợp lý" mang tính "định tính", chưa có quy định cụ thể sẽ gây khó khăn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân do không có quy định về lợi nhuận định mức ngành và nguyên tắc cung cầu và cơ hội đầu tư. Nội dung này, đề nghị quy định cụ thể, chi tiết thế nào là bất hợp lý.

2.2. Đề nghị xem xét khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật quy định: *"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền"*

Lý do: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định giá hàng hóa dịch vụ theo thẩm quyền, đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sẽ thực hiện thẩm quyền giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, vì để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến thì phải thông qua kỳ họp của Hội đồng nhân dân *(Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ, họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất)*. Như vậy, khi UBND cấp tỉnh ban hành văn bản về giá hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản về giá sẽ không đảm bảo tính kịp thời trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2.3. Tại điểm c khoản 1 Điều 6 Dự thảo Luật: Đề nghị xem xét lược bỏ công khai thông tin về *"thẩm định viên về giá"*

Lý do: Để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Dự thảo Luật: tránh các doanh nghiệp thẩm định giá sử dụng thông tin công khai của *"thẩm định viên về giá"* vào mục đích kê khai năng lực doanh nghiệp. Mặt khác, thông tin về *"thẩm định viên về giá"* đã được cập nhật trên *"cơ sở dữ liệu quốc gia về giá"* cơ quan quản lý nhà nước khi cần thiết phải kiểm tra thông tin *"thẩm định viên về giá"* được yêu cầu cung cấp ban chính hoặc truy cập *"cơ sở dữ liệu quốc gia về giá"* để đối chứng theo phân quyền.

2.4. Đề nghị xem xét bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 Dự thảo Luật, thành: *"d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi yếu tố hình thành giá thay đổi dẫn đến không phù hợp với mặt bằng giá thị trường hoặc giá hàng hóa, dịch vụ đó không phù hợp với khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành"*

Lý do: Để phù hợp với quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 4 Dự thảo Luật. Đồng thời, thêm điều kiện để cơ quan có thẩm quyền khi xem xét đề nghị tăng giá hàng hóa, dịch vụ khi có yếu tố cấu thành giá thay đổi nhưng vẫn phù hợp với mặt bằng giá thị trường và khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2.5. Đề nghị xem xét sửa điểm d khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật thành: *"d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi chất lượng hàng hóa dịch vụ, mặt bằng giá thị trường, khung giá thay đổi"*

Lý do: Theo khoản 11 Điều 4 Dự thảo Luật, định nghĩa: *"11. Yếu tố hình thành giá gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý, hợp lý tương ứng với chất lượng của hàng hóa, dịch vụ, lợi nhuận (nếu có), các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, giá trị vô hình của thương hiệu"*, theo đó người tiêu dùng kiến nghị điều chỉnh giá khi lợi nhuận, giá trị vô hình của tổ chức, sản xuất xuất kinh doanh thay đổi là không phù hợp. Người tiêu dùng có quyền lợi được hưởng chất lượng hàng hóa, dịch vụ tương xứng chi phí mua.

2.6. Đề nghị xem xét bổ sung khoản 1 Điều 22 Dự thảo Luật, như sau: *"1. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lý, tương xứng với chất lượng hàng hóa, dịch vụ có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường, có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế và hội trong từng thời kỳ"*

Lý do: Khi các bộ, ngành ban hành hướng dẫn phương pháp định giá, hướng dẫn phương pháp quy định giá cụ thể, thường đưa các chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí sản xuất, khi đó với quy mô, giá trị tài sản cố định khác nhau nhưng chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đến người tiêu dùng giống nhau thì có giá khác nhau. Ví dụ: Mặt hàng nước sạch được sản xuất bởi 92 cơ sở có quy mô nhà máy xử lý khác nhau, đều đảm bảo chất lượng nước

sách đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật địa phương như nhau, nhưng khác nhau về giá bán do chênh về chi phí của thành. Như vậy, người tiêu dùng không thể hiện trọn vẹn quyền hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật. Việc bổ sung nội dung "*tương xứng với chất lượng hàng hoá, dịch vụ*" vào nguyên tắc định giá sẽ đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng. Đồng thời, thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tự đổi mới phương pháp để giảm giá thành, nâng cao hiệu suất lao động.

2.7. Đề nghị xem xét bổ sung điểm c sau điểm b khoản 2 Điều 33 Dự thảo Luật, như sau: "c) *Kê khai giá kịp thời, trung thực, đúng giá bán thực tế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*"

Lý do: Tránh trường hợp không kê khai hoặc kê khai cao hơn so với mức giá bán thực tế, làm sai lệch kết quả khảo sát, tổng hợp công bố giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là giá vật liệu, ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu tư xây dựng.

2.8. Đề nghị xem xét khoản 1 Điều 53 dự thảo Luật quy định điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải có 05 người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp (*so với Luật giá năm 2012 tăng thêm 02 người*)

Lý do: Theo quy định về thẩm định giá, 1 hợp đồng cung cấp dịch vụ chỉ cần có 3 thẩm định viên về giá và người đại diện theo pháp luật là *chứng thư là thẩm định viên về giá*, như vậy số lượng thẩm định viên nhiều hay ít không tác động đến kết quả của dịch vụ tư vấn cung cấp cho khách hàng. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, xem xét việc nâng cao chất lượng dịch vụ của hoạt động thẩm định giá thông qua việc điều chỉnh chính sách về thẩm định viên về giá để đảm bảo năng lực của đội ngũ này.

2.9. Đề nghị xem xét điểm a, khoản 2, Điều 66 dự thảo Luật bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá Nhà nước.

Lý do: Theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, hiện nay chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về danh mục tài sản, giá trị tài sản khi thực hiện bán, cho thuê, liên doanh, liên kết phải yêu cầu thực hiện thẩm định giá Nhà nước. Do vậy gặp khó khăn trong quá trình thực hiện việc thẩm định bán, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị.

2.10. Đề nghị xem xét khoản 2, Điều 67 dự thảo Luật Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 05 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1-3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp.

Lý do: Theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ thì nội dung sử dụng tài sản công cho mục đích bán, cho thuê, liên doanh, liên kết chủ yếu do các đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước thực hiện và thực hiện không thường xuyên. Do vậy việc quy định 1-3 thành viên hội đồng của đơn vị có tài sản bán, cho thuê, liên

doanh, liên kết phải chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp là rất khó khăn trong quá trình thực hiện.

2.11. Tại số thứ tự thứ 6 biểu danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo dự thảo Luật Giá sửa đổi như sau: *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa, Ban Quản lý bến xe quy định giá cụ thể"*. Đề nghị sửa thành: *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa, các đơn vị Quản lý bến xe quy định giá cụ thể"*.

Lý do: Để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, hiện nay một số tỉnh không còn Ban Quản lý bến xe, do đã thực hiện cổ phần hóa chuyển đổi thành Công ty cổ phần quản lý bến xe *(trong đó có tỉnh Sơn La)*.

2.12. Tại số thứ tự 36 danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo dự thảo nội dung giá mua nhà làm nhà ở công vụ; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được chi từ nguồn NSNN, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: trong nội dung quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: *"Bộ Xây dựng, Bộ quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN* ***quy định giá tối đa***". Đề nghị xem xét giữ nguyên nội dung *"Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và UBND cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN* ***quy định khung giá***".

Lý do: Đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành về pháp luật nhà ở:

- Về thẩm quyền xác định giá thuê, giá thuê mua nhà ở công vụ, nhà ở xã hội được xác định tại Luật Nhà ở như sau:

+ Khoản 3 Điều 33 quy định: *"Giá thuê nhà ở công vụ do cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật này quyết định và được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với từng thời kỳ"*;

+ Khoản 4 Điều 60 quy định: *"Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật này quy định giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội"*.

- Khoản 3 Điều 30 Nghị định 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh *"...**ban hành khung giá** bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn theo thẩm quyền"*.

Sở Tài chính tỉnh Sơn La trân trọng đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở TC;
- Lưu VT, Tira, QLGCS (Bình 05).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phong

Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 19.07.2022 16:47:32 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2272 /UBND-KT V/v góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Tây Ninh, ngày 19 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh góp ý một số nội dung sau:

1. Tại Khoản 6 Điều 7: điều chỉnh *"**Tổ chức, cá nhân** đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này"* thành *"**Bộ, ngành, địa phương** đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này"* để phù hợp với thẩm quyền đưa ra các điều kiện theo quy định.

2. Tại Khoản 17 Điều 9 quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính: ý kiến bổ sung thêm thẩm quyền thanh tra của Bộ Tài chính. Cụ thể điều chỉnh: *"Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá"* thành *"Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá"*.

3. Về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đã được dự thảo Luật Giá (sửa đổi) quy định cụ thể tại Chương VI. Tuy nhiên, chưa có quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá và thẩm định giá. Do đó, tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, nghiên cứu bổ sung thêm quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá và thẩm định giá trong dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2451 /STC-QLGCDN V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi), Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo. Sau khi nghiên cứu các văn bản quy định và tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật giá (sửa đổi), Sở Tài chính Thái Nguyên có ý kiến như sau:

1. Về bố cục và nội dung: Nhất trí với bố cục và nội dung trong dự thảo Luật giá (sửa đổi) do Bộ Tài chính chủ trì thẩm mưu soạn thảo.

2. Một số ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Luật giá (sửa đổi) như sau.

- Tại Điều 4. Giải thích từ ngữ: Đề nghị bổ sung khái niệm *"Giá trị phi thị trường"* vào dự thảo nội dung Luật giá (sửa đổi) do trong Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá vẫn đang sử dụng tiêu chuẩn giá trị này.

- Tại Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá: Đề nghị bổ sung *"Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công giúp Thủ trưởng cơ quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật này"*.

- Tại khoản 1, Điều 53: Đề nghị xem xét quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá *" phải có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động"* do doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cung cấp dịch vụ tư vấn, không có nhu cầu sử dụng vốn lớn.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại cách trình bày, thể thức văn bản cho phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính Thái Nguyên tham gia góp ý kiến vào dự thảo Luật giá (sửa đổi) báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLGCDN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên

Nguyễn Ngọc Lâm

UBND TỈNH TIỀN GIANG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2062 /STC-QLGCS	*Tiền Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022*
V/v đóng góp ý kiến đối với các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi).	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá).

Thực hiện công văn số 3130/UBND-KT ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đóng góp ý kiến đối với các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi), trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan đóng góp ý kiến đối với các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Thống nhất cơ bản nội dung dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

2. Đề nghị xem xét một số nội dung tại dự thảo Luật Giá như sau:

- Tại khoản 3, Điều 4: đề nghị hướng dẫn cụ thể hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết hàng hóa, dịch vụ thiết yếu để thống nhất trong cách hiểu và áp dụng, khắc phục tình trạng không thống nhất trong cách hiểu về hàng hóa, dịch vụ thiết yếu giữa các cơ quan, địa phương như trong thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Tại điểm c, khoản 2, Điều 7 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: *"Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý"* đề nghị quy định chi tiết thế nào là bất hợp lý để các cơ quan có liên quan có cơ sở không chế việc tăng giá, nhất là việc tăng giá không phải là mặt hàng thiết yếu trong những thời điểm nhất định.

- Tại điểm d, khoản 3, Điều 7 quy định: Đối với doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được *"tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá và tài sản được thẩm định giá, trừ trường hợp được khách hàng thẩm định giá đồng ý hoặc pháp luật cho phép"*. Thống nhất nội dung không được tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá. Tuy nhiên, đối với tài sản được thẩm định giá và kết quả thẩm định giá đề nghị được thể hiện công khai và có thể cung cấp trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để các địa phương có thể tham khảo khi cần thiết.

- Tại khoản 4, Điều 10 đề nghị bổ sung thêm nội dung ban hành tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý.

- Mục 1, Chương III quy định về bình ổn giá thị trường; dự luật chưa quy định rõ ràng và cụ thể mức độ việc bình ổn giá như thế nào là chấp nhận, thế nào là tăng giá quá cao, thế nào là giảm giá quá thấp, việc tăng giảm này cần có quy

định và chuẩn mực cụ thể để làm căn cứ thực hiện; đồng thời quy định cụ thể trình tự, thủ tục trong việc thực hiện bình ổn giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá và báo cáo mức giá thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.

- Tại Mục 2, Chương III: đề nghị quy định cụ thể hoặc giao Chính phủ quy định việc xây dựng phương án giá, thẩm quyền quyết định giá và trình tự, thủ tục quyết định giá đối với giá dịch vụ thuộc các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Tại Mục 2, Chương III thẩm định giá của Nhà nước: Đề nghị có quy định cụ thể hoặc giao Chính phủ quy định đối với việc đào tạo, điều kiện dự thi và cấp chứng chỉ thẩm định giá nhà nước.

- Tại Điều 32 Tổ chức tiếp nhận kê khai giá: đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết về cơ quan tiếp nhận kê khai giá và trình tự, thủ tục tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá.

- Tại khoản 2, Điều 52 về doanh nghiệp thẩm định giá: "*Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp* ***Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*** *hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì* ***không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp***".

Đề nghị chỉnh sửa như sau:

"*Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp* ***Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*** *hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp,* ***doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp***".

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 53: "*Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, 02 cổ đông đối với công ty cổ phần phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; trường hợp có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì* ***người đại diện của thành viên là tổ chức*** *phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định ...*"

Đề nghị điều chỉnh lại: "*Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên,* ***có ít nhất*** *02 cổ đông đối với công ty cổ phần phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trường hợp thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì* ***người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông công ty là tổ chức*** *phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp...*".

Đồng thời, đề nghị bỏ nội dung "*phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định*", vì theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp không quy định mức vốn góp tối đa của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần do thành viên, cổ đông công ty là tổ chức nắm giữ.

- Tại khoản 2, Điều 55: "*Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp thẩm định giá và các chi nhánh khác. Giám đốc chi nhánh phải là thẩm định viên về giá*".

Đề nghị điều chỉnh lại: "*Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp thẩm định giá và các chi nhánh khác. **Người đứng đầu chi nhánh** phải là thẩm định viên về giá*"; để phù hợp với cách gọi theo quy định của Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

- Tại khoản 2, Điều 63: kiến nghị thay đổi cụm cụ "*nhà thẩm tư vấn thẩm định giá*" thành "*nhà thẩm tư vấn*". Lý do: câu từ đã rõ nghĩa. Không cần nhắc lại nội dung tư vấn thẩm định giá; ngoài ra, nếu đưa vào "*tư vấn thẩm định giá*" thì tại Điều 4 không có giải thích từ ngữ này, đồng thời tại khoản 17, Điều 4 cũng đã nêu rõ "*Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam*".

- Tại Điều 74:

- Dự luật chưa thống nhất cách viết hoa chữ cái thứ hai sau từ Luật và năm ban hành luật, bộ luật (có văn bản có năm, có văn bản không nêu năm). Chẳng hạn: dự thảo vẫn còn ghi nhận là "*Luật giao thông đường Bộ năm 2008*" thay vì "*Luật Giao thông đường bộ năm 2008*".

+ Điều chỉnh tại điểm b, khoản 2: "*Điều 116, 116 Luật Đất đai*" thay bằng "*Điều 115, 116 Luật Đất đai năm 2013*".

Trên đây là ý kiến đóng góp của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VT, QLGCS (Thảo).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Trần Văn Hùng

Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 11.07.2022
08:26:54 -07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 7435/BQP-TC	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Quốc phòng nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Về nội dung Điều 4:

- Đề nghị sửa khoản 1 Điều 4 như sau: "Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể trao đổi mua bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người", do: nếu hiểu "hàng hóa" chỉ bao gồm động sản và bất động sản như Dự thảo Luật đã nêu thì chưa bao hàm hết nội hàm của "hàng hóa" vì "hàng hóa" ngoài các tài sản hữu hình còn bao gồm cả tài sản vô hình như: bằng sáng chế, phát minh, tác quyền sở hữu trí tuệ ...

- Luật giá chỉ có khái niệm hàng hóa, không có khái niệm tài sản nhưng trong nội dung dự thảo Luật giá quy định thẩm quyền định giá tài sản nhưng không có quy định thẩm định giá hàng hóa.

- Tại khoản 3 Điều 4: Đề nghị làm rõ sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của quốc phòng, an ninh bao gồm những gì, có bao gồm vũ khí thiết bị kỹ thuật quân sự không.

- Đề nghị sửa khoản 16 Điều 4: "Niêm yết giá là hình thức công khai mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ được pháp luật cho phép đến người tiêu dùng." Do: Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối theo Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 và Điều 4 Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam theo Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-NHNN ngày 04/04/2019 có quy định một số trường hợp được niêm yết bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Về nội dung Điều 5:

Đề nghị sửa Điều 5 theo hướng bổ sung các nguyên tắc là cơ sở để các cơ quan nhà nước xây dựng, tổ chức định giá phù hợp với đặc thù sản phẩm, trong đó có hoạt động định giá của Bộ Quốc phòng với các sản phẩm công nghiệp quốc phòng có đặc thù riêng, có tác động đến công nghiệp quốc gia và an ninh quốc gia như sau:

"1. [...] Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật này thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường và đặc thù của ngành sản phẩm.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước; có tính đến chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, kinh tế, xã hội, trong từng thời kỳ.

3. Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công, có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn"

3. Về nội dung Điều 7:

- Đề nghị sửa cách quy định về người có liên quan theo khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020

- Đề nghị sửa điểm c khoản 2 Điều 7 như sau "lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, dịch bệnh, điều kiện bất thường khác và chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý" để tránh lạm dụng" và có quy định chi tiết về nội dung "bất hợp lý"

4. Về nội dung Điều 12:

Đề nghị bổ sung tiết d, khoản 2 Điều 12 như sau "Niêm yết giá bán ... và bán không cao hơn giá niêm yết" do trong thời điểm doanh nghiệp có thể có chính sách chiết khấu, giảm giá.

5. Về nội dung Điều 14:

Đề nghị nghiên cứu, tránh chồng chéo về chức năng thẩm định giá nhà nước giữa đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá với Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu quy định tại: Điều 14 và Khoản 8 Điều 10 với quy định tại Khoản 1 Điều 67

6. Về nội dung Điều 21:

Bổ sung danh mục: "Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh sản xuất, cung ứng" do các hàng hóa, dịch vụ này phù hợp nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 21 dự thảo

7. Về nội dung Điều 22:

Đề nghị có giải thích rõ về "có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường" tại khoản 3 Điều 22

8. Về nội dung Điều 23:

Đề nghị bổ sung định nghĩa về cách xác định "thời điểm định giá, mức lợi nhuận dự kiến"

9. Về nội dung Điều 48:

Đề nghị bổ sung điểm c khoản 2 Điều 48 như sau "Có thời gian thực tế làm việc theo đúng chuyên ngành tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên" để bảo đảm đủ thời gian làm đúng chuyên môn

10. Về nội dung Chương II:

Đề nghị bổ sung, làm rõ về thẩm quyền định giá các sản phẩm không thuộc danh mục sản phẩm do Nhà nước định giá, các sản phẩm do tổ chức trong nước sản xuất, có tính chất độc quyền mua bán (mua bằng ngân sách nhà nước)

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp

Nơi nhận:
Như trên
Các Tài chính,
Lưu: VT, [illegible]

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 4191 /BTNMT-KHTC	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v góp ý các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật giá (sửa đổi), Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

I. Đối với nội dung dự thảo Tờ trình:

- Dự thảo Tờ trình đã đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế. Tuy nhiên, việc đánh giá tồn tại, hạn chế còn chung chung, còn thiếu nội dung đánh giá và các số liệu dẫn chứng việc thực hiện quy định về giá trong các Luật quản lý chuyên ngành và lĩnh vực đặc thù khác. Đề nghị bổ sung thêm nội dung đánh giá và số liệu dẫn chứng nhận định đầy đủ hơn tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đưa ra giải pháp, nội dung sửa đổi cho phù hợp.

- Đề nghị làm rõ đánh giá tại trang 6 (Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá: Tại Luật giá quy định: "Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, Cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình"). của Bộ, ngành nào?

Các phương pháp định giá đất được quy định từ Luật Đất đai năm 2003, các Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất, Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất... các phương pháp định giá đất giai đoạn này còn ban hành trước khi có Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam đầu tiên năm 2005); tiếp đến, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất đã quy định kế thừa và hoàn thiện các phương pháp định giá đất và các phương pháp này đang được áp dụng thống nhất, đồng bộ tại các địa phương, không có sự chồng chéo với các quy định trong Luật Giá; được các tổ chức có uy tín như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB),... các nhà khoa học, chuyên gia trong, ngoài nước xác định là các phương pháp trên thế giới đang áp dụng, đánh giá là tốt nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế. Mặt khác, tại khoản 1 Điều 54 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật, việc quản lý sử dụng đất đai có những đặc thù riêng. Nên việc quy định các phương pháp định giá đất riêng là hết sức cần thiết và phù hợp với Việt Nam.

- Đề nghị xem xét lại đánh giá đối với quy định về "quản lý thẩm định giá" (trang 6-7) do:

- Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP thì Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thực hiện cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất và với mỗi nhóm, loại tài sản khác nhau, ngoài các điều kiện chung, các thẩm định viên về giá cần có những kiến thức, năng lực chuyên môn riêng để bảo đảm khả năng và thực hiện định giá đạt kết quả tốt nên Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường quy định: các cá nhân có The thẩm định giá phải học thêm lớp bồi dưỡng kiến thức về định giá đất để nâng cao chất lượng thẩm định giá là phù hợp và đây là điều kiện, thủ tục bổ sung cần thiết theo yêu cầu quản lý và nâng cao chất lượng kết quả định giá đất

- Đề nghị xem xét nhận định về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá và nhận định "...nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá" vì việc thẩm định giá của các doanh nghiệp, công ty tư vấn thẩm định giá phải tuân thủ quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm pháp lý về kết quả thẩm định giá, các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay không đủ điều kiện về phương tiện và công cụ để thực hiện việc thẩm định giá; vì vậy, mới sử dụng hoạt động tư vấn của các doanh nghiệp thẩm định giá.

2. Đối với nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi)

- Điều 4. Giải thích từ ngữ

- Đề nghị bổ sung định nghĩa "giá cụ thể", định nghĩa "Phương pháp định giá".

- Khoản 17: đề nghị làm rõ hơn khái niệm "Thẩm định giá" để làm rõ sự khác biệt với hoạt động định giá của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Khoản 18: đề nghị xem xét không đưa khái niệm "Thông đồng về giá, thẩm định giá" vào Luật giá (sửa đổi) vì đây đương nhiên là hành vi phạm pháp nhằm trục lợi cá nhân, phải được cơ quan điều tra phát hiện, khởi tố ra tòa theo luật Hình sự. Việc luật Giá đưa ra khái niệm nhưng không hề có quy định chi tiết hành vi vi phạm và chế tài hành chính dẫn đến không phù hợp với thông lệ xây dựng luật, gây tâm lý nặng nề cho đội ngũ hoạt động trong lĩnh vực giá nói chung và thẩm định giá nói riêng.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung khái niệm về "Giá trị phi thị trường" vào nội dung của Luật mặc dù trong hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá vẫn đang có tiêu chuẩn về cơ sở giá trị này. Hiện nay, các hệ thống quy định về giá tính thuế đều đang sử dụng cơ sở hình thành giá trị phi thị trường nhưng chưa được thừa nhận

như: xác định giá trị còn lại của ô tô đã qua sử dụng làm căn cứ tính thuế chuyển nhượng; Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ; Bảng giá đất làm căn cứ xác định các nghĩa vụ tài chính về đất đai như tính thuế sử dụng đất; Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (chưa bao gồm thuế chuyển nhượng đất) ... không căn cứ vào giá trị cụ thể của tài sản mà áp dụng đồng loạt theo năm sản xuất với ô tô, theo diện tích (m2) với nhà đất.

- Khoản 1 Điều 5 dự thảo: Đề nghị bổ sung nội dung như sau "... Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật này thực hiện quản lý, chỉ đạo, kiểm tra việc định giá, tổ chức, đơn vị định giá, thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường" để bảo đảm quy định về nguyên tắc quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, điều tiết giá của Nhà nước; sự phù hợp theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ đối với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương cũng như nguyên tắc thực hiện của các tổ chức, doanh nghiệp, công ty tư vấn trong thực hiện định giá tài sản.

- Điều 6: đề nghị nêu rõ các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật

- Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Đề nghị bổ sung điểm d khoản 2: Chính phủ quy định chi tiết thế nào là "bất hợp lý" được đề cập tại điểm c khoản 2 "Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý". Việc Luật quy định có tính "định tính" rất khó cho các đối tượng có liên quan do không có quy định về lợi nhuận định mức ngành và nguyên tắc cung cầu và cơ hội đầu tư, không thể áp dụng văn bản luật ngành để can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào quan hệ thị trường trong khi không thể cung cấp số liệu thống kê về lợi nhuận định mức ngành để khống chế việc tăng giá, nhất là việc tăng giá không phải là mặt hàng thiết yếu trong những thời điểm nhất định

- Khoản 6: đề đề nghị sửa lại cụm từ "Tổ chức, cá nhân" thành "Bộ, ngành, địa phương" cho phù hợp vì tổ chức, cá nhân nào không nằm trong hệ thống hành chính Nhà nước có quyền lực thì không thể đưa ra điều kiện hạn chế hoạt động thẩm định giá được

- Khoản 17 Điều 9: Đề nghị xem xét bổ sung phạm vi Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá của Bộ Tài chính cho phù hợp vì Bộ Tài chính được thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với các nội dung thuộc phạm vi theo chức năng, quyền hạn quy định của Chính phủ, không thể kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với những nội dung thuộc phạm vi chức năng, quyền hạn của Bộ ngành khác

- Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ

- Khoản 1 Đề nghị bổ sung nội dung như sau "Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về giá trong phạm vi, quyền hạn của mình và phối

hợp với Bộ Tài chính trong công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định" để bảo đảm sự phân công rõ trách nhiệm và tránh chồng chéo trong việc tổ chức thực hiện.

- Đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền "Quy định chương trình đào tạo, điều kiện được tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ định giá; cấp chứng chỉ định giá theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ (nếu có); quy định về cập nhật kiến thức định giá cho cá nhân hành nghề định giá" và thẩm quyền Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của dự thảo Luật giá thì Nhà nước định giá đối với sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Trong lĩnh vực đất đai, đặc biệt là lĩnh vực đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất do các đơn vị dịch vụ công là các Văn phòng đăng ký đất đai hiện nay thực hiện. Để bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho các ngành, với mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, đồng thời bảo đảm điều kiện thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 141/2016/NĐ-CP). Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 21 như sau: "Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh, cung cấp theo quy định tại Luật thương mại và pháp luật về chuyên ngành khác có liên quan". Đồng thời, đề nghị bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai không sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm: ***"Dịch vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai; Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ"***. Trong đó, ở địa phương thì thực hiện Dịch vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ; ở Trung ương thì thực hiện Dịch vụ Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đất đai năm 2013 được hướng dẫn cụ thể tại Điều 5 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai là tổ chức duy nhất có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn

liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Việc cung cấp dịch vụ nêu trên mang tính chất độc quyền do nhà nước giao thực hiện. Vì vậy, để thống nhất quản lý trong việc định giá dịch vụ này, tránh sự tùy tiện trong thu giá của toàn hệ thống, đồng thời để bảo đảm thu đúng, thu đủ thì thẩm quyền quyết định giá đối với các dịch vụ này do Nhà nước định giá, cụ thể ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, ở Trung ương do Bộ Tài chính quyết định trên cơ sở định mức kinh tế-kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai đã được quy định tại Điều 122 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, hiện nay ở Trung ương chưa có quy định thu. Hiện nay, theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin thì cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp theo các hình thức khác thuận lợi cho công dân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Đối với việc cung cấp các dịch vụ này (ngoài khoản thu mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm có bản hồ dập chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công nếu được bổ sung quy định tại Luật Phí và lệ phí thì còn bao gồm các công việc theo yêu cầu như (gửi tin nhắn SMS, in ấn tài liệu, chuyển phát qua dịch vụ bưu chính,...). Do đó, đề nghị bổ sung mục Giá cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai ở Trung ương trong dự thảo Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá để bảo đảm hoạt động của các đơn vị được giao thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

- Khoản 1 Điều 22: Đề nghị sửa nội dung "Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ." thành "Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá phổ biến trên thị trường;" vì việc quy định phải tính lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ mà không quy định rõ khái niệm, cách tính toán thì sẽ gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Khoản 1 Điều 23: Căn cứ định giá là giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá, mức lợi nhuận dự kiến. Như vậy, chưa bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá (yếu tố hình thành giá gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý, hợp lệ tương ứng với chất lượng của hàng hóa dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; giá trị thương hiệu...

- Điều 24: Phương pháp định giá

- Tại Khoản 1: Đề nghị đưa khái niệm Phương pháp định giá lên Điều 4.

- Đề nghị bổ sung "trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện tại khoản 1 và sửa khoản 2 như sau: Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng.

- Đề nghị bổ Điều 25 Ban hành Quyết định giá vì việc quyết định giá, thẩm định phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất của ngành, lĩnh vực. Nên Luật giá chỉ quy định nguyên tắc chung sẽ phù hợp hơn.

- Điều 43: Đề nghị quy định rõ các trường hợp thẩm định giá để phân biệt được hoạt động định giá và hoạt động thẩm định giá

- Khoản 1 Điều 49 và Điều 50: Đề nghị bổ nội dung "Trường hợp thẻ được cấp trên 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề, ngoài quy định tại điểm a thì phải có thêm giấy chứng nhận cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính" "Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá.", do quy định này sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, tăng thêm các khoản chi phí cho xã hội không cần thiết.

- Khoản 2 Điều 51: đề nghị bổ sung thêm nội dung:

- Chịu trách nhiệm thực hiện đúng hướng dẫn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp đăng ký hành nghề.

- Đảm bảo độc lập, khách quan, trung thực và tính chính xác của kết quả thẩm định giá trước pháp luật và doanh nghiệp đăng ký hành nghề; phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện giả thiết, giả thiết đặc biệt, lưu ý hạn chế ... vào báo cáo kết quả thẩm định giá để các bên liên quan có thể đánh giá được mức độ tin cậy của kết quả thẩm định giá.

Vì trong quá trình thực hiện Thẩm định viên về giá hoạt động độc lập theo quy trình chuyên môn, không buộc phải báo cáo với doanh nghiệp trừ trường hợp thấy cần thiết, thông tin thị trường thực tế thu thập nên phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác của kết quả thẩm định giá do mình thực hiện.

- Điều 52 Đề nghị bổ nội dung khoản 2 "Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ "thẩm định giá" trong tên gọi của doanh nghiệp." do không phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp. Mặt khác, theo quy định này sẽ gây tăng thêm các thủ tục hành chính và khoản chi phí không cần thiết

- Điều 53. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

- Việc quy định tăng số thẻ thẩm định viên từ 3 lên 5 như hiện nay không làm tăng chất lượng dịch vụ. Nguyên nhân là theo quy định về thẩm định giá, 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ chỉ cần có 01 thẩm định viên về giá và người đại diện theo pháp luật ký (đồng thời là thẩm định viên về giá), như vậy số lượng thẩm định viên nhiều hay ít đều không tác động đến kết quả của dịch vụ tư vấn cung cấp cho khách hàng. Doanh nghiệp thẩm định giá phải tự có quy trình kiểm soát nội bộ phù hợp với Tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định của pháp luật có liên quan để đảm bảo chất lượng dịch vụ. Tương tự như vậy, việc chi nhánh được thành lập tương ứng với thị trường nên tăng thêm thẩm định viên sẽ tạo áp lực về chi phí không đáng có cho doanh nghiệp.

- Điều 74: Bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá tại các văn bản sau

- Đề nghị làm rõ việc bãi bỏ Khoản 6 Điều 78 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 vì khoản này có nội dung không liên quan.

· Khoản 6 Điều 79 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 quy định:

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí bỏ giá đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại

Vì vậy việc bãi bỏ toàn bộ khoản này cũng chưa phù hợp.

- Ý kiến khác:

· Đề nghị xem xét quy định về thẩm quyền định giá tại khoản 6 Điều 9 và khoản 4 Điều 10 có phù hợp với thẩm quyền quy định tại phụ lục Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 2 Điều 21.

· Để đảm bảo quá trình thực hiện liên tục, đề nghị bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với các văn bản quy phạm pháp luật đã quy định phương pháp định giá riêng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trân trọng kính gửi Quý Bộ để nghiên cứu, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, KHTC.L.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quý Kiên

SAO Y Bo thong tin va Truyen thong 09/08/2022 15:56:54

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4299/BTTTT-KHTC V/v góp ý dự thảo Luật giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) nhận được Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính V/v xin ý kiến các chính sách sự dự thảo Luật giá (sửa đổi). Trên cơ sở Dự thảo Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật giá (sửa đổi) và Dự thảo Luật Giá sửa đổi kèm theo (được Bộ Tài chính báo cáo Hội đồng thẩm định do Bộ Tư pháp chủ trì), Bộ TTTT có một số ý kiến như sau:

I. ĐỐI VỚI DỰ THẢO CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Về hành vi bị cấm: Đề nghị bổ sung quy định hành vi *"hàng giả bất hợp lý"*, hành vi *"bán dưới giá thành"* để cạnh tranh không lành mạnh nhằm loại bỏ doanh nghiệp khác cùng lĩnh vực.

2. Đối với quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ (khoản 2 Điều 14), đề nghị sửa *"2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền"* thành *"Xây dựng trình các cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về giá"*.

II - ĐỐI VỚI CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ (SỬA ĐỔI)

1. Về chính sách định giá của Nhà nước:

1.1. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ trong Luật về nguyên tắc xác định phạm vi trách nhiệm ban hành pháp luật về quản lý giá, trách nhiệm định giá trong quản lý nhà nước đối với từng nhóm dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực giữa cơ quan có thẩm quyền của Trung ương và các địa phương để đảm bảo tính thống nhất về mặt chính sách.

1.2. Đề nghị điều chỉnh *"dịch vụ phát hành báo chí công ích"* thành *"dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí"* trong Danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá.

1.3. Đề nghị bổ sung "phổ tần số vô tuyến điện" vào Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá, để phù hợp với nguyên tắc xác định danh mục của Luật Giá và quy định có liên quan về "Tài nguyên quan trọng" tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật Viễn thông hiện hành.

2. Về nguyên tắc định giá:

Đề nghị bổ sung quy định về trường hợp định giá của nhà nước đối với hàng hoá, dịch vụ chỉ sử dụng một phần ngân sách nhà nước để sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, đảm bảo giá bù đắp một phần chi phí.

3. Về thẩm quyền định giá:

- Theo lĩnh vực quản lý ngành, hàng hoá, dịch vụ sử dụng NSNN có thể thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Tuy nhiên, theo phân cấp quản lý NSNN, trường hợp hàng hoá dịch vụ sử dụng NSĐP thì thuộc phạm vi, thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định các nguyên tắc cho nội dung này làm cơ sở hướng dẫn thực hiện Luật để tránh chồng chéo trong quản lý và mâu thuẫn trong thực tiễn định giá.

- Đối với các dịch vụ liên quan đến viễn thông trong Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá, bao gồm: dịch vụ kết nối viễn thông, dịch vụ viễn thông công ích, một số dịch vụ cước viễn thông của doanh nghiệp viễn thông (theo dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu quy định *"Bộ Thông tin và Truyền thông quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá thàm chiếu giá cụ thể cụ thể dịch vụ"*.

Do viễn thông là ngành có tính đặc thù và gắn liền với sự phát triển, thường xuyên thay đổi của công nghệ, dịch vụ viễn thông mới cũng ra đời. Do tính chất của từng dịch vụ viễn thông khác nhau nên định giá một dịch vụ viễn thông là hết sức phức tạp. Để tạo điều kiện cho Bộ TTTT thực hiện quản lý giá dịch vụ viễn thông kịp xu hướng quản lý viễn thông trên thế giới, *đề nghị Bộ Tài chính xem xét bỏ mục riêng công cụ định giá dịch vụ viễn thông*.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu đối với dự thảo Luật Giá sửa đổi về đề xuất quy định *Bộ Giáo dục và đào tạo quy định giá tối đa cho Sách giáo khoa, Vở xuất bản tư quyết định giá cụ thể*" tại Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá, mục 26.) nhằm tránh xung đột với quy định hiện hành tại điểm i, khoản 1, Điều 18 Luật Xuất bản năm 2012 (quy định Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn *"Định giá, chịu trách giá bán lẻ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật"*), đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện Luật Xuất bản và Luật Giá.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định trường hợp cho phép Bộ chuyên ngành có thẩm quyền chỉ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá đối với các hàng hoá, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá nhưng cần thiết phải quản lý giá.

- Đề nghị bổ sung quy định nguyên tắc lựa chọn và thẩm quyền quyết định hình thức định giá đối với giá hàng hoá, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 22 để các Bộ, Cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22.

- Đối với định giá dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng (tại danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá), dự thảo giao các Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định giá cụ thể đối hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền đặt hàng. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về mối quan hệ trong quản lý định giá của Bộ, Cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý (trong thực hiện điểm b khoản 3 Điều 22) với cơ quan có thẩm quyền đặt hàng.

4. Về chính sách hiệp thương, kê khai, niêm yết giá

4.1. Để tạo điều kiện cho Bộ TTTT thực hiện trách nhiệm quản lý giá cước viễn thông, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định tại khoản 1, Điều 30 của Dự thảo Luật Giá. Cụ thể như sau:

"Điều 30. Hàng hoá, dịch vụ kê khai giá

*1. Hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá bao gồm: hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu, **quy định phương pháp xác định giá**, một số hàng hoá, dịch vụ thiết yếu, một số hàng hoá, dịch vụ tại địa phương"*

4.2. Để phù hợp hơn với thực tế ngày nay, việc bán hàng hoá, dịch vụ trên các trang thông tin điện tử ngày càng phổ biến, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung quy định làm rõ nội hàm của *"nơi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ"*, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, Điều 31 (Niêm yết giá) của Dự thảo Luật Giá, cụ thể như sau:

*"2. Việc niêm yết được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại **địa điểm** bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ **hoặc trên các trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ**, bảo đảm rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho khách hàng, khuyến khích in giá trực tiếp lên bao bì của sản phẩm."*

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (b/c);
- Lưu: VT, KHTC (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Anh Tuấn

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng
Thời gian ký: 21.07.2022 16:33:08 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3932 /UBND-KT V/v tham gia góp ý dự thảo Luật Giá sửa đổi	*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 07/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Đà Nẵng tham gia một số nội dung như sau:

1. Tại Điều 4 - Giải thích từ ngữ, dự thảo Luật Giá sửa đổi đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các nội dung sau:

a) Giải thích rõ định nghĩa về mặt bằng giá thị trường, vì:

Tại Khoản 5 Điều 4 - Giải thích từ ngữ, dự thảo Luật Giá sửa đổi giải thích: "Mặt bằng giá thị trường là mức bình quân của hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong một thời kỳ tại một không gian nhất định và được phản ánh bằng chỉ số giá tiêu dùng". Tuy nhiên, theo thực tế thì mức giá được thể hiện bằng số tiền cụ thể để mua, bán hàng hóa, dịch vụ, trong khi đó chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được tính theo tỷ lệ %.

b) Định nghĩa về việc tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý, vì:

Tại điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức cá nhân, sản xuất, kinh doanh như sau: "Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa dịch vụ bất hợp lý".

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn thì hành vi vi phạm nêu trên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong thời gian qua, các cơ quan chức năng gặp nhiều lúng túng trong việc xử phạt vi phạm đối với hành vi vi phạm nêu trên. Lý do là không có cơ sở để xác định được như thế nào là tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý vì hiện nay không có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý; cụm từ "bất hợp lý" mang tính định tính, khó xác định.

2. Tại Khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tuy nhiên chưa quy định về nghiêm cấm đối với hành vi đầu cơ nâng giá để trục lợi. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung "nghiêm cấm hành vi đầu cơ nâng giá để trục lợi".

3. Khoản 1 Điều 22 dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định về nguyên tắc định giá: "Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ"

Tuy nhiên, theo giải quá, việc xây dựng, thẩm định giá đối với những sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gặp khó khăn, lúng túng như không có giá thị trường. Mặt khác, một số sản phẩm, dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước xây dựng để sản xuất, kinh doanh thì có được thu lợi nhuận dự kiến không.

Do đó, để khắc phục khó khăn nêu trên và phù hợp với Khoản 5 Điều 4 dự thảo Luật Giá sửa đổi, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ cơ sở, phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp không có giá thị trường và quy định về việc tính lợi nhuận dự kiến đối với một số giá sản phẩm, dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước xây dựng để sản xuất, kinh doanh.

4. Tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật Giá sửa đổi thể hiện "Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này". Nội dung tại Khoản 2, Khoản 3 này tương đương nhau. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung tại Khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật Giá sửa đổi.

5. Tại Điều 41 dự thảo Luật Giá sửa đổi: Theo quy định của Luật Quản lý thuế thì việc sử dụng cơ sở dữ liệu để ấn định giá tính thuế. Do vậy, để khai thác sử dụng có hiệu quả trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giá, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung "Cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định".

6. Tại Khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định "Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá nhà nước được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật".

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện sẽ gặp nhiều lúng túng trong trường hợp chỉ có một căn cứ là kết quả thẩm định giá, không có căn cứ nào khác thì có thể sử dụng kết quả thẩm định giá để quyết định giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật không. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ "làm một trong những căn cứ" và hoàn chỉnh như sau: "Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá nhà nước được sử dụng làm căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật".

7. Tại Khoản 2 Điều 58 dự thảo Luật Giá sửa đổi

Tại Điểm b Khoản 2 Điều 51 dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định "thẩm định viên về giá chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá và giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá hoặc bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá không phải là khách hàng thẩm định giá nhưng có ghi trong hợp đồng thẩm định giá khi có yêu cầu".

Tuy nhiên, tại Khoản 2 Điều 58 không quy định trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đối với kết quả thẩm định giá. Trong khi, khách hàng có nhu cầu định giá ký hợp đồng định giá với doanh nghiệp thẩm định giá: doanh nghiệp thẩm định giá hoặc chi nhánh doanh nghiệp

thẩm định giá có nghĩa vụ cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng mà không phải chịu trách nhiệm về sản phẩm do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu và bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá (hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá) như sau: "Doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm về Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá và giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá"

8. Tại Điều 67 - Hội đồng thẩm định giá nhà nước, dự thảo Luật Giá sửa đổi, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét đối với các nội dung sau:

a) Khoản 2 quy định "Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp"

Tuy nhiên, trong thực tế, Hội đồng thẩm định nhà nước thường có nhiều thành viên của cơ quan tài chính và các sở, ngành chuyên môn liên quan thẩm giá, mà các sở, ngành chuyên môn khác không có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước thì không thể thành lập Hội đồng thẩm định giá. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại quy định này.

b) Khoản 5 quy định: "Trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai, địch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, các cơ quan nhà nước phải mua sắm các loại hàng hóa, dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khắc phục hậu quả thiên tai, ngăn chặn dịch bệnh phục vụ an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng thì Hội đồng thẩm định giá nhà nước có thể xác định giá tài sản thông qua đàm phán giá trực tiếp với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp trung mua, trung dụng theo Luật trung mua, trung dụng tài sản". Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định giá nhà nước không phải cơ quan, đơn vị, tổ chức trực tiếp thực hiện việc mua, bán hàng hóa. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại quy định này.

9. Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo dự thảo Luật

a) Đối với dịch vụ khám bệnh chữa bệnh (STT 24) tại Danh mục hàng hoá dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo Luật Giá sửa đổi quy định thẩm quyền ban hành giá dịch vụ như sau: Bộ Y tế quy định giá tối đa, UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể

Tuy nhiên, tại Khoản 4 Điều 88 Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định: "HĐND cấp tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp".

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét điều chỉnh thẩm quyền ban hành giá cụ thể đối với dịch vụ khám, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi chi trả quỹ bảo hiểm y tế; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước không thuộc phạm vi chi trả quỹ bảo hiểm y tế cho phù hợp và thống nhất các Luật nêu trên.

b) Đối với các dịch vụ giáo dục công lập (STT 28) và dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường (STT 30) tại Danh mục hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo Luật Giá sửa đổi thì UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

Tại Điểm c Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục quy định: "HĐND cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của UBND cấp tỉnh"

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét điều chỉnh thẩm quyền quy định mức cụ thể học phí tại các cơ sở đào tạo giáo dục công lập (STT 28) và dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường (STT 30) để cho phù hợp với thông nhất giữa các Luật

c) Đối với dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tại đơn vị công lập (STT 29) tại Danh mục hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo Luật Giá sửa đổi thì thẩm quyền ban hành là UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

Tại Khoản 3 Điều 29 Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định: "Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện được chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khác xây dựng và quyết định mức thu học phí theo từng chuyên ngành hoặc từng nghề căn cứ vào nội dung, phương pháp xây dựng mức học phí và khung học phí do Chính phủ quy định"

Theo các quy định, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét điều chỉnh thẩm quyền quyết định giá cụ thể đối với dịch vụ nêu trên cụ thể như sau: "Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện được chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khác xây dựng và quyết định mức thu học phí theo từng chuyên ngành hoặc từng nghề căn cứ vào nội dung, phương pháp xây dựng mức học phí và khung học phí do Chính phủ quy định"

10. Điều 56, dự thảo Luật Giá sửa đổi quy định: "Việc thẩm định giá nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện nhằm giúp cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá tài sản Trường hợp mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc trường hợp phải thẩm định giá nhà nước, Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thêm vụ mua, bán hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước. Đề nghị bổ sung quy định rõ:

- Trường hợp mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thường xuyên của các cơ quan đơn vị, nhất là mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm, dịch vụ cung cấp suất ăn, dịch vụ vệ sinh tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập (có giá trị lớn hàng trăm đến hàng ngàn tỷ đồng) sử dụng nguồn ngân sách, nguồn quỹ bảo hiểm xã hội, nguồn thu viện phí có phải thực hiện thẩm định giá nhà nước không?

- Giá trị tài sản mua sắm bao nhiêu phải thực hiện thẩm định giá nhà nước hay tất cả tài sản mua sắm từ nguồn ngân sách, các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước đều phải thực hiện thẩm định giá nhà nước.

- Theo quy định pháp luật (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Thông tư số 58/2016/TT-BTC) về việc phê duyệt quyết định mua sắm, dự toán mua sắm phải có chủng loại, số lượng hàng hóa, đơn giá, tổng giá trị dự toán. Đề nghị bổ sung quy định, hướng dẫn về cơ chế thực hiện thẩm định giá của nước bản cơ sở xác định đơn giá, tổng giá trị dự toán mua sắm trong Quyết định phê duyệt mua sắm, quyết định phê duyệt dự toán hay không.

- Đề nghị Bộ Tài chính có quy định, hướng dẫn cụ thể về cách thức lập, thẩm định Quyết định phê duyệt mua sắm, quyết định phê duyệt dự toán mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách, các nguồn có tính chất ngân sách để các địa phương có cơ sở thực hiện.

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tp;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tp;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Kỳ Minh

SAO Y, Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố, 27/07/2022 17:40:20 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2418 / UBND-KTTH Vụ thảo gia ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật gia (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Văn bản số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến các chính sách tại dự thảo Luật gia (sửa đổi); Xét Văn bản số 3970/STC-QLG ngày 20/7/2022 của Sở Tài chính, UBND thành phố Hà Nội cơ bản thống nhất với nội dung, bố cục của dự thảo Luật gia (sửa đổi) và đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

1. Tại khoản 3 Điều 15 dự thảo có nêu:

"3. Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường."

Đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi như sau:

"Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh vào các thời điểm cần thiết do địa phương quyết định."

Lý do: Không chỉ riêng thời điểm trước, trong và sau Tết mà có nhiều thời điểm trong năm khi dịch bệnh, thời tiết, tình hình chính trị, kinh tế - xã hội có những diễn biến bất thường, ảnh hưởng tiêu cực, trực tiếp tới sản xuất, lưu thông hàng hóa, khi đó địa phương cần linh hoạt áp dụng những biện pháp bình ổn giá hàng hóa để bình ổn thị trường.

2. Tại khoản 1 Điều 17 dự thảo có nêu:

"1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, một bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp."

Đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể về nội dung *"trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mà*

bằng giá thị trường ' để có cơ sở áp dụng biện pháp bình ổn giá hiệu quả, chính xác, kịp thời.

3. Tại khoản 2 Điều 67 Dự thảo có nêu:

"2. Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp".

Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn quy định về chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do hiện nay chỉ có quy định về bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ và Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014, Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính.

4. Tại khoản 1 Điều 74 Dự thảo có nêu:

"1. "Bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá tại các văn bản sau.

r) Khoản 6 Điều 78 Luật bảo vệ môi trường năm 2020".

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét lại khoản 6 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Lý do:

- Khoản 6 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 không quy định về giá.

- Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là điều khoản quy định về thẩm quyền ban hành, hình thức và mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp bãi bỏ Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ làm rõ thẩm quyền quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Thẩm quyền ban hành giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt là nội dung vướng mắc mà Bộ Tư pháp đã chỉ ra tại Văn bản số 53/KL-KTrVB ngày 04/5/2021 và UBND thành phố Hà Nội gặp khó khăn khi triển khai trên địa bàn Thành phố.

UBND thành phố Hà Nội đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn...

Nơi nhận:
- Như trên,
- Chủ tịch UBND Thành phố,
- PCT TT UBND Thành phố,
- Sở Tài chính,
- VPUB: CVP, PCVP [illegible], TH, KTTH,
- Lưu: VT, KTTH [illegible]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Minh Hải

BỘ CÔNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2544/BCA-V03 V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật Giá (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 0415794
Ngày 22-07-2022
Chuyển: Cục QLG
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 5430/BTC-QLG ngày 09/6/2022 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Giá (sửa đổi), Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Về Chương I dự thảo Luật *(Những quy định chung)*

a) Tại khoản 18 Điều 4 dự thảo Luật, đề nghị chỉnh lý lại cho đầy đủ và phù hợp với đối tượng áp dụng của dự thảo Luật, cụ thể như sau: *"Thông đồng về giá, thẩm định giá là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, cấu kết nhằm làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá để trục lợi"*.

b) Tại Điều 7 dự thảo Luật quy định về các hành vi bị nghiêm cấm:

- Tại điểm a khoản 1, đề nghị chỉnh lý lại cho đầy đủ, chặt chẽ để hoạt động quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá được thực hiện theo đúng quy định, cụ thể như sau: *"a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thẩm định giá và tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá"*.

- Tại điểm c khoản 2, đề nghị quy định cụ thể mức độ tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mặt bằng giá thị trường bao nhiêu % thì được coi là ***"bất hợp lý"*** để có căn cứ áp dụng thống nhất khi xác định vi phạm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

- Tại khoản 4, đề nghị bổ sung một điểm quy định về việc nghiêm cấm đối với hành vi thông đồng về giá dưới mọi hình thức để bảo đảm tính chặt chẽ và bao quát được các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá.

- Tại điểm c khoản 5, đề nghị bổ sung tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về giá cho đầy đủ và bao quát được các đối tượng áp dụng của dự thảo Luật.

- Đề nghị bỏ cụm từ *"Tổ chức, cá nhân"* tại khoản 6; đồng thời, ghép vào khoản 1 thành một điểm cho phù hợp với nội dung quy định cấm đối với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá.

2. Về Chương II dự thảo Luật *(Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân)*

a) Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý Điều 8 dự thảo Luật theo hướng phân định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm giữa Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ để phù hợp với khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ.

b) Tại Điều 10 dự thảo Luật quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, đề nghị bổ sung trách nhiệm *"Kiểm tra, giải quyết kiến nghị, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá theo thẩm quyền"*

3. Về Chương III dự thảo Luật *(Bình ổn giá, định giá)*

a) Điều 17 dự thảo Luật quy định về các trường hợp và biện pháp bình ổn giá:

- Tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật, đề nghị quy định cụ thể biên độ tăng, giảm đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội để bảo đảm thuận tiện khi áp dụng pháp luật.

- Để tránh bị lợi dụng, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, tại điểm c khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật, đề nghị quy định rõ điều kiện, trường hợp được áp dụng và trình tự thủ tục xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án đã được rà soát, đánh giá theo quy định.

b) Tại khoản 1 Điều 21 dự thảo Luật quy định về căn cứ định giá, đề nghị chỉnh lý lại cụm từ ***"giá thành toàn bộ"*** thành ***"yếu tố hình thành giá"*** để bao đảm nguyên tắc định giá quy định tại khoản 1 Điều 22 về tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá

4. Về Chương VII dự thảo Luật *(Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá)*

a) Điều 71 dự thảo Luật về nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, quản lý điều hành giá, đề nghị chỉnh lý lại tên điều thành ***"Mục đích, nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá"*** cho phù hợp với nội dung quy định.

b) Điều 72 dự thảo Luật về nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động quản lý, đề nghị chỉnh lý lại tên điều thành "***Đối tượng, nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động điều hành giá***" cho phù hợp với nội dung quy định.

c) Điều 73 dự thảo Luật quy định về nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động thẩm định giá, đề nghị chỉnh lý lại tên điều thành "***Đối tượng, nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động thẩm định giá***" cho phù hợp với nội dung quy định.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Công an, xin gửi các đồng chí để nghiên cứu, tham khảo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Lê Quốc Hùng